**GIÁO ÁN DẠY THÊM NGỮ VĂN 7HK1-KNTT**

Ngày soạn:

Ngày dạy.

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**BUỔI 1 (TIẾT 1+2+3) ÔN TẬP VĂN BẢN**

**BẦY CHIM CHÌA VÔI (**Nguyễn Quang Thiều)

**ĐI LẤY MẬT (**Đoàn Giỏi)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập truyện, truyện ngắn, tiểu thuyết qua hai văn bản đã học

- ôn tập củng cố kiến thức về tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật của văn bản: *Bầy chim chìa vôi và Đi lấy mật*.

**2. Năng lực:**

* HS nhớ được đề tài và người kể chuyện ngôi thứ; phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật
* HS biết phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát tính cách nhân vật và cảm nhận về chủ đề của truyện.
* HS biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập củng cố
* HS biết kết nối VB với trải nghiệm cá nhân

**3. Phẩm chất:** HS được bổi đắp cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu thiên nhiên, lòng trân trọng sự sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV cho HS ôn tập về đặc điểm truyện.**  ?Khái niệm về truyện? truyện ngắn? tiểu thuyết?  ?Truyện có đặc trưng gì so với các thể loại em đã học?  ?Em đã học các kiểu truyện nào?  ?Yêu cầu khi đọc truyện ntn? | **A. Kiến thức cần nhớ**  **I. Đặc điểm thể loại truyện và tiểu thuyết:**  **1. Khái niệm:**Truyện là phần lớn các tác phẩm truyện đều sử dụng nhiều trí tưởng tượng, óc sáng tạo của tác giả trên cơ sở quan sát, tìm hiểu cuộc sống và thiên nhiên (nội dung trong truyện không hoàn toàn giống hệt như trong thực tế); có nhân vật, cốt truyện và lời kể.  **\***Truyện ngắn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, thường được viết bằng văn xuôi, để người đọc tiếp thu liền một mạch, đọc một hơi không nghỉ.  **2. Tiểu thuyết:** Là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.  3. **Đặc trưng của truyện**   -Truyện phản ánh hiện thực trong tính khách quan của nó  - Truyện có cốt truyện, nhân vật, tình huống, mâu thuẫn diễn ra trong hoàn cảnh không gian và thời gian  - Truyện sử dụng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ngôn ngữ người kể chuyện còn có ngôn ngữ nhân vật. Bên cạnh lời đối đáp còn có lời độc thoiaj nội tâm. Lời kể khi thì ở bên ngoài khi thì nhập tâm vào nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện gần với ngôn ngữ đời sống.  **4. Các kiểu loại truyện**  Thể loại: sáng tác dân gian (ngụ ngôn, truyện cười, truyền thuyết, cổ tích..), truyện trung đại, truyện hiện đại (truyện ngắn, tiểu thuyết và truyện thơ…)  **5.Yêu cầu về đọc truyện và tiểu thuyết**  **a. Đọc hiểu nội dung:**  - Hiểu cốt truyện, diễn biến của tình tiết chính  - Nhận biết được đề tài, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Nhận biết được tính cách của các nhân vật qua hành động, lời thoại,…của nhân vật và lời của người kể chuyện.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nắm được tính cách của nhân vật từ đó hiểu tư tưởng, đặc điểm nghệ thuật của truyện  **b. Đọc hiểu hình thức:**  - Nhận biết được các yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền…)  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học. |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  **Phiếu 1: Bầy chim chìa vôi**   1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm. 2. Nội dung và nghệ thuật. | **II. Bầy chim chìa vôi**  **1. Tác giả: Nguyễn Quang Thiều**  **a. Tiểu sử**  - Nguyễn Quang Thiều (1957)  - Quê quán: thôn Hoàng Dương (Làng Chùa), xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội)  **b. Sự nghiệp**  - Là một nhà thơ, nhà văn  - Làm việc tại báo Văn nghệ từ năm 1992 và rời khỏi năm 2007  - Ông sáng tác thơ, viết truyện, vẽ tranh,... và từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế  - Các tác phẩm chính: Ngôi nhà tuổi 17 (1990), Thơ Nguyễn Quang Thiều (1996), Mùa hoa cải bên sông (1989),  Người, chân dung văn học (2008)...  **c. Phong cách sáng tác**  - Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều rất chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường, thể hiện được vẻ đẹp của tâm hồng trẻ thơ nhạy cảm, trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật.  - Không chỉ là nhà thơ tiên phong với trào lưu hiện đại mà còn là cây viết văn xuôi giàu cảm xúc. Trong ông không chỉ có con người bay bổng, ưu tư với những phiền muộn thi ca, mà còn có một nhà báo linh hoạt và nhạy bén.  **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ**: trích “Mùa hoa cải bên sông”  **b. Thể loại**: truyện ngắn.  **c. Phương thức biểu đạt**: tự sự.  **d.Nhân vật:** Hai anh em Mên và Mon.  **e.Đề tài:** Tuổi thơ và thiên nhiên (Hai đứa trẻ và bầy chim chìa vôi)  g**.Tóm tắt:** Văn bản *Bầy chim chìa vôi* nói về cuộc phiêu lưu của hai anh em Mên và Mon, với tấm lòng nhân hậu, hai cậu bé quyết tâm đi cứu tổ chim chìa vôi vì mưa bão có thể bị nước sông nhấn chìm. Đến khi rạng sáng, khi nhìn thấy bầy chim non cất cánh bay lên từ bãi cát giữa sông, hai anh em Mên và Mon cảm thấy xúc động, vui vẻ khó tả.  **3. Giá trị nội dung, nghệ thuật**  **a. Nội dung:** Câu chuyện về hai cậu bé giàu lòng nhân hậu, tình yêu thương bầy chim nhỏ bé nhưng kiên cường, dũng cảm  **b. Nghệ thuật:**  - Cách kể chuyện hấp dẫn, tình tiết bất ngờ, xen lẫn miêu tả, biểu cảm  - Phép nhân hóa, so sánh |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  **Phiếu 1: Đi lấy mật**   1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm. 2. Nội dung và nghệ thuật. | **III. Đi lấy mật**  **1.Tác giả:**  - Đoàn Giỏi (1925 – 1989) quê ở Tiền Giang.  - Ông là nhà văn của miền đất phương Nam với những sáng tác về vẻ đẹp thiên nhiên trù phú, con người chất phác, thuần hậu, can đảm, trọng nghĩa tình và cuộc sống nơi đây.  - Ông có lối miêu tả vừa hiện thực vừa trữ tình và ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương.  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Đường về gia hương (1948), Cá bống mú (1956), Đất rừng phương Nam (1957)  **2. Tác phẩm Đi lấy mật**  **a.Thể loại:** Tiểu thuyết.  **b.Nhân vật:** Tía An, má nuôi An, An là con nuôi trong gia đình Cò và Cò. Họ sinh sống ở vùng rừng tràm U Minh  **c. Xuất xứ.**  - Đất rừng phương Nam là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi.  - Đoạn trích “Đi lấy mật” là tên chương 9, kể lại một lần An theo tia nuôi (cha nuôi) và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh.  **d. Phương thức biểu đạt:** tự sự.  **e.** Ngôi thứ nhất (là nhân vật “tôi” – An)  **g. Tóm tắt văn bản Đi lấy mật:**  Đoạn trích *“Đi lấy mật”* kể về một lần An cùng Cò và cha nuôi cùng nhau vào rừng U Minh đi lấy mật ong. Xuyên suốt đoạn trích là cảnh sắc đất rừng phương Nam được tác giả miêu tả hiện lên vô cùng sinh động, vừa bí ẩn, hùng vĩ, lại vừa thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân nơi đây qua những suy nghĩ của cậu bé An.  **h. Đề tài:**  - Tuổi thơ và thiên nhiên (Đi lấy mật trong rừng U Minh).  **3. Giá trị nội dung, nghệ thuật:**  **a. ND:** Đoạn trích “Đi lấy mật” kể về trải nghiệm đi lấy mật ong rừng của An cùng Cò và cha nuôi. Trong hành trình này, phong cảnh rừng núi phương Nam được tác giả tái hiện vô cùng sinh động, huyền bí, hùng vĩ nhưng cũng rất thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân vùng U Minh.  **b. Nghệ thuật:**   - Ngôi thứ nhất xưng “tôi” giúp cho lời kể tự nhiên, chân thực.  – Tác giả sử dụng mọi giác quan để cảm nhận vẻ đẹp của vùng sông nước Cà Mau.  – Vận dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp nghệ thuật như liệt kê, so sánh… nhằm làm tăng giá trị biểu đạt, biểu cảm.  - Vốn hiểu biết phong phú của tác giả  - Cảm nhận bằng nhiều giác quan… |
| **IV. Luyện tập.**  **ĐỀ ĐỌC HIỂU TRONG CHƯƠNG TRÌNH**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 1**  **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông. [...] Hai anh em thằng Mên tìm đến cái ổ chim chìa vôi. Thấy động, những con chim chìa vôi non kêu líu ríu. Hai đứa bé ý tứ quỳ xuống bên cạnh.*  *- Anh bảo bao giờ thì chúng nó bay được? - Thằng Mon hỏi.*  *- Mấy ngày nữa.*  *- Thế mẹ chúng đi kiếm ăn à?*  *- Ừ.*  *- Chim chìa vôi có ăn được hến không?*  *- Tao không biết, nhưng bố mẹ nó vẫn lội kiếm ăn ở ven sông.*  *- Mình bắt hến bỏ vào tổ cho chúng ăn anh nhé?*  *- Ừ thì đi.*  *Hai đứa bé đi ra mép nước. Chúng tìm những cái lỗ hang nhỏ. Trong những cái hang nhỏ ấy luôn luôn có một con hến hoặc một con trùng trục. Chỉ một loáng hai đứa đã bắt được một nắm hến. Chúng xếp những con hến dính đầy đất cát bên tổ chim. Trước khi rời dải cát, Mên nói với em nó:*  *- Mày không được nói cho đứa nào biết cái tổ chim này nhé. Mày mà nói tao* *không cho mày ra đây nữa.*  (Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi*, in trong *Mùa hoa cải bên sông*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012, tr. 138 - 139)  [Câu 1: Đoạn trích trên nằm ở vị trí trước hay sau đoạn kể về sự việc hai anh em Mên và Mon chèo đò ra bãi cát giữa sông để cứu bầy chim chìa vôi trong SGK? Nhờ đâu em nhận biết được vị trí của đoạn trích?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Trong đoạn trích trên, tính cách của hai nhân vật Mên và Mon chủ yếu được nhà văn khắc hoạ qua những chi tiết nào?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3 trang 5 SBT Ngữ Văn lớp 7 Tập 1: Tìm trong đoạn trích trên một câu có thành phần trạng ngữ là một cụm từ.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Xác định trạng ngữ trong các câu sau:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông.*  *b. Chỉ một loáng hai đứa đã bắt được một nắm hến.* |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 2**  **Đọc lại văn bản *Bầy chim chìa vôi*** *(*từ *Mùa mưa năm nay đến cứ lấy đò của ông Hảo mà đi)* trong SGK (tr. 13 - 14) và trả lời câu hỏi:  [Câu 1: Chỉ ra những câu văn không phải là lời của nhân vật. Em dựa vào đặc điểm nào để xác định như vậy?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2: Hai anh em Mên và Mon trò chuyện với nhau về những gì? Điều gì khiến hai bạn nhỏ đặc biệt quan tâm?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Qua những lời đối thoại của hai anh em Mên và Mon, em có cảm nhận như thế nào về từng nhân vật?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: Em có thích những lời đối thoại của hai nhân vật Mên và Mon không? Vì sao?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Tìm trong đoạn trích trên một câu có thành phần trạng ngữ và cho biết chức năng của trạng ngữ trong câu đó.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 6: Tìm từ láy và giải thích nghĩa của mỗi từ trong các câu sau:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-4-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.*  *b. Mày có nhìn thấy cái chấm đen to to ở vây nó không?*  Thử thay các từ láy em đã tìm được bằng những từ ngữ đồng nghĩa. |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 3:**  **Đọc lại văn bản *Đi lấy mật* (từ *Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng* đến *trông cái miệng thấy ghét quá*) trong SGK (tr. 21 - 22) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Nhân vật An có những cảm xúc gì khi quan sát cảnh rừng U Minh?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2: Điều gì khiến nhân vật An cảm thấy “bực mình” với người bạn đồng hành của mình?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Vì sao nhân vật Cò có thái độ “lơ là” không hưởng ứng những cảm xúc của nhân vật An?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: Nêu nhận xét về cách nhà văn miêu tả lời nói và cảm xúc, suy nghĩ của hai nhân vật An và Cò.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Chủ ngữ (in đậm) trong câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  *Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao*, ***một bầy chim hàng nghìn con****vọt cất cánh bay lên.*  [Câu 6: Vị ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn vị ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi vị ngữ được rút gọn.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng.*  *b. Tôi nhìn theo ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp.* |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 4.**  **Chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật trong đoạn văn sau:**  *Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:*  *- Anh Mên ơi, anh Mên!*  *- Gì đấy? Mày không ngủ à? - Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.* |   **ĐỀ ĐỌC HIỂU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 5: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:**  ***Quà của bà***  *Bà tôi bận lắm, cặm cụi công việc suốt ngày. Nhưng chả lần nào đi chợ mà bà không tạt vào thăm hai anh em tôi, cho chúng tôi khi thì tấm bánh đa, quả thị, khi thì củ sắn luộc hoặc mớ táo. Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngồi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều.*  *Gần đây, bà tôi không được khỏe như xưa nữa. Đã hai năm nay, bà bị đau chân. Bà không đi chợ được, cũng không đến chơi với các cháu được. Thế nhưng lần nào chúng tôi đến thăm bà, bà cũng vẫn có quà cho chúng tôi: khi thì mấy củ dong riềng, khi thì cây mía, quả na, hoặc mấy khúc sắn dây, toàn những thứ tự tay bà trồng ra. Chiều qua, đi học về, tôi chạy đến thăm bà. Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!*  *Bà ơi bà! Ô mai sấu bà cho, cháu sẽ chia cho bố cháu, mẹ cháu và anh cháu… Cháu biết rồi, bà ơi… Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió, bà lại lần ra sân, nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái. Rồi bà rửa, bà ngâm muối, bà phơi. Bà gói thành từng gói nhỏ, bà đợi các cháu đến bà cho…*  (Theo Vũ Tú Nam)  **Câu 1**: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?.  **Câu 2**:Xác định trạng ngữ trong câu sau: “*Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió, bà lại lần ra sân, nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái.”*  **Câu 3**:Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “*Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!”*  **Câu 4**: Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua văn bản trên?  **Câu 5**: Từ nội dung văn bản ở phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ), nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà và tình cảm của nhân vật “tôi” đối với bà. | | |
| |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Chắc tôi ngủ một giấc lâu lắm thì phải. Khi tôi mở mắt ra, thấy xuồng buộc lên một gốc cây tràm. Không biết tía nuôi tôi đi đâu. Nghe có tiếng người nói chuyện rì rầm bên bờ. “A! Thế thì đến nhà chú Võ Tòng rồi!”. Tôi ngồi dậy, dụi mắt trông lên. Ánh lửa bếp từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến. Tôi bước theo ra khỏi xuồng, lần theo bậc gỗ mò lên. Bỗng nghe con vượn bạc má kêu” Ché… ét, ché… ét” trong lều, và tiếng chú Võ Tòng nói “Thằng bé của anh nó lên đấy!”.*  *- Vào đây, An! - Tía nuôi tôi gọi.*  *Tôi bước qua mấy bậc gỗ trơn tuột và dừng lại chỗ cửa. Con vượn bạc má ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa tôi. Tía nuôi tôi và chú Võ Tòng ngồi trên hai gộc cây. Trước mặt hai người, chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít. Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*  *- Ngồi xuống đây chú em.*  *- Chú Võ Tòng đứng dậy, lôi một gộc cây trong tối đặt bên bếp lửa. Chú cởi trần, mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi). Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả. Lạu còn thắt cái xanh- tuya- rông nữa chứ!*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt và nội dung đoạn trích.  **Câu 2**. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện? Kể theo ngôi kể đó có tác dụng gì?  **Câu 3.** Tìm những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách của chú Võ Tòng. Qua đó gợi lên trong em ấn tượng gì về chú Võ Tòng?  **Câu 4.** Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh không gian như thế nào?  **Câu 5.** Chỉ ra đặc sắc về ngôn ngữ phong cách, lối sống sinh hoạt của người dân Nam Bộ thể hiện trong đoạn trích. |   **GỢI Ý PHIẾU SỐ 1:**  **C1:**- Đoạn trích trên nằm ở vị trí trước đoạn kể về sự việc hai anh em Mên và Mon chèo đò ra bãi cát giữa sông để cứu bầy chim chìa vôi trong SGK  - Dấu hiệu:  + Thời gian: *Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông...*  + Hình ảnh bầy chim chìa vôi: *những con chim chìa vôi non kêu líu ríu và nằm yên trong tổ đợi chim bố mẹ về mớm mồi...*  **C 2:**  - Em có thể chọn phân tích một vài chi tiết miêu tả lời nói hoặc cử chỉ, hành động để nhận biết đặc điểm tính cách của một trong hai nhân vật. Ví dụ:  + Các chi tiết miêu tả lời nói: Mon hỏi anh những con chim chìa vôi non bao giờ bay được và bố mẹ chúng đi đâu, chúng có ăn được hến không, rủ anh tìm thức ăn cho chúng; Mên giải thích cho em và đồng tình với em;...  + Các chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động: ý tứ quỳ xuống bên cạnh tổ chim để bầy chìa vôi non không sợ hãi; đi tìm những con hến và xếp cẩn thận bên tổ chim;...  - Căn cứ vào các chi tiết đã phân tích, em có thể khái quát đặc điểm tính cách của từng nhân vật.  + Nhân vật Mon: tò mò, ham hiểu biết, vô tư, hồn nhiên.  + Nhân vật Mên: giải thích cho em hiểu và đồng tình với em.  **C3:**  - Một câu có thành phần trạng ngữ là một cụm từ: *Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông.*  - Trang ngữ “Mươi ngày trước” có cấu tạo là 1 cụm danh từ.  [**Câu 4.**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp) Trạng ngữ trong các câu trên là:  *a. Mươi ngày trước.*  *b. Chỉ một loáng.*  **GỢI Ý PHIẾU SỐ 2:**  **Câu 1:**  - Những câu văn không phải là lời của nhân vật là:  + Mùa mưa năm nay như về sớm hơn. Mấy ngày mưa lên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.  + Thằng Mên nằm im lặng không trả lời em nó. Lâu sau nó hỏi:  + Hai đứa bé lại nằm im lặng. Mưa vẫn đổ xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phiên cửa liếp cành cạch.  + Thằng Mên quay sang phía em nó hỏi.  + Thằng Mên bật cười khoái chí.  + Thằng Mên hỏi sau một phút im lặng.  → Đây là những câu văn thể hiện lời của người kể chuyện.  Dấu hiệu nhận biết: dựa vào nội dung câu văn và các câu này không có dấu gạch ngang đánh dấu lời thoại trực tiếp của nhân vật.  [Câu 2](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)**:**  - Mon nói với Mên về những con chim chìa vôi; về chuyện bố đi kéo chũm hôm qua; việc Mon cứu con cá bống; về ý định cứu những con chim chìa non ở ngoài dải cát giữa sông.  - Qua nội dung cuộc trò chuyện, em cảm nhận Mon là cậu bé hồn nhiên, sống tình cảm, yêu thương và giúp đỡ các con vật bé nhỏ.  **Câu 3**  - Nhân vật Mon: lễ phép, khẩn khoản, tính trẻ con, hồn nhiên, …  - Nhân vật Mên: tỏ vẻ người lớn, chững chạc, …  **Câu 4**  - Em thích những lời đối thoại của hai nhân vật Mên và Mon không.  - Vì những lời đối thoại đó chân thực, sinh động, phù hợp với đặc điểm từng nhân vật.  **Câu 5**  - Câu có thành phần trạng ngữ: *Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được.*  - Trong câu này*, bây giờ* là thành phần trạng ngữ chỉ thời gian.  **Câu 6**  Từ láy và nghĩa của từ láy trong câu:  a. *Liên miên*: mưa kéo dài, không ngừng, không dứt. Có thể thay bằng từ ngữ đồng nghĩa: liên tục, không ngừng,...  b*. To to*: có kích thước lớn hơn một chút so với bình thường. Có thể thay bằng từ ngữ đồng nghĩa: khá to, to,...  **GỢI Ý PHIẾU SỐ 3:**  **Câu 1:** Nhân vật An được nhà văn miêu tả qua những chi tiết:  - Hành động:  + Chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuồng đi mượn. + Đảo mắt khắp nơi để tìm bầy ong mật.  + Reo lên khi nhìn thấy bầy chim đẹp.  + Ngước nhìn tổ ong như cái thúng.  - Suy nghĩ:  + Về những lời má nuôi đã dạy mà không có trong sách giáo khoa.  + Về thằng Cò: An nghĩ Cò chưa thấm mệt vì cặp chân như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chẳng thấy mùi.  + Lặng im vì nghĩ rằng nếu hỏi gì thì bị khinh vì cái gì cũng không biết.  + Nghĩ lại những lời má kể  - Trạng thái, cảm xúc:  + Mệt mỏi sau một quãng đường đi.  + Vui vẻ reo lên và đúc kết ra những điều quý giá để có thể nhìn thấy được bầy ong mật.  - An có những quan sát và miêu tả rất tinh tế về khu rừng U Minh.  - An có mối quan hệ rất tốt với bá nuôi và tía nuôi, cậu bé luôn lăng nghe những lời chỉ bảo của mọi người. Tuy An với Cò rất hay cãi nhau, nghịch ngợm nhưng cũng đều là những người thân thiết, gắn bó.  An là một cậu bé nghịch ngợm nhưng lại ham học hỏi và khám phá. Cậu bé có những suy nghĩ, quan sát và rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc.  [**Câu 2:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Điều khiến nhân vật An cảm thấy “bực mình” với người bạn đồng hành của mình là những lời đáp và thái độ “lơ là” của Cò, cảm giác “tự ái” của nhân vật An.  [**Câu 3:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Nhân vật Cò có thái độ “lơ là” không hưởng ứng những cảm xúc của nhân vật An vì Cò sinh ra và lớn lên ở vùng rừng U Minh nên rất am hiểu nơi đây. Những điều khiến An ngạc nhiên, thích thú đều không hề mới lạ đối với Cò.  [**Câu 4:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)- Ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật chân thực, sinh động.  - Các chi tiết miêu tả cảm xúc, suy nghĩ của hai nhân vật phù hợp với đặc điểm của từng nhân vật. Ví dụ: Chi tiết miêu tả cảm giác “bực mình” và tự ái của An; thái độ “lơ là” và sự hồn nhiên, vô tư của Cò.  [**Câu 5:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành ***một bầy chim***. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn có thông tin về số lượng (hàng nghìn con) của bầy chìm mà chỉ có thông tin “một bầy chim” chung chung.  [**Câu 6:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Vị ngữ: *tiếp tục đi tới một cái trảng rộng*. Có thể rút gọn vị ngữ thành *tiếp tục đi*. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ điểm đến của hoạt động đi (*tới một cái trảng rộng*).  b. Vị ngữ: *nhìn theo ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp*. Có thể rút gọn vị ngữ thành *nhìn theo*. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ điểm nhìn của nhân vật tôi (*ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp)*  **GỢI Ý PHIẾU 4.**   |  |  | | --- | --- | | Lời người kể chuyện | - "Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:".  - "Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.". | | Lời nhân vật | - "Anh Mên ơi, anh Mên!"  - "Gì đấy? Mày không ngủ à?" |   **GỢI Ý PHIẾU SỐ 5:**   |  |  | | --- | --- | | 1 | Thể loại: Truyện | | 2 | Trạng ngữ: *Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió* | | 3 | Biện pháp tu từ: Liệt kê.  Liệt kê cử chỉ, hoạt động của bà: ngồi dậy, cười cười, mở, đưa | | Tác dụng: Thể hiện hình ảnh người bà hiền hậu với tình thương yêu trìu mến của bà dành cho người cháu; luôn quan tâm và dành cho cháu những món quà “đặc biệt” mà cháu thích. | | 4 | Đây là câu hỏi mở, tùy học sinh lựa chọn bức thông điệp miễn là lí giải hợp lí. Dưới đây là một số nội dung gợi ý:  - Tình cảm của bà cháu là tình cảm gia đình thiêng liêng quý giá vì đây là tình cảm làm cơ sở cội nguồn cho tình yêu quê hương đất nước.  - Chúng ta cần yêu thương và có hiếu với bà vì tình yêu thương của bà dành cho cháu là sâu nặng vô bờ bến.  - Cần kính yêu, tự hào và giữ gìn trân trọng tình cảm bà cháu. Vì đó là tình cảm thiêng liêng, là điểm tựa cho cuộc đời của mỗi chúng ta...  - Người cháu thấu hiểu và cảm nhận được tình cảm của bà dành cho mình và rất mực yêu thương, kính trọng bà nên đã viết về bà với thái độ trân trọng ngợi ca bà…  (HS cần nêu ít nhất 2 nội dung) | | 5 | a. Đảm bảo thể thức đoạn văn, số chữ qui định. | | b. Xác định đúng nội dung đoạn văn: Hình ảnh người bà | | c. Nội dung:  - Hình ảnh người bà: nhân hậu, yêu thương các cháu hết lòng, dù tuổi cao sức yếu nhưng vẫn đến thăm cháu và khi chân đau không thể tiếp tục đến thăm cháu được, bà vẫn luôn có quà cho cháu, làm ô mai sấu cho cháu…  - Tình cảm của nhân vật “tôi”: gần gũi, thấu hiểu những tình cảm bà dành cho mình, từ đó rất mực yêu thương, kính trọng, tự hào ngợi ca bà. | | |
| **PHIẾU SỐ 6:**  **Câu 1.** Phương thức: Tự sự**.** Nội dung: bối cảnh gặp gỡ của cha con tía nuôi An với chú Võ Tòng.  **Câu 2**. Ngôi kể: thứ nhất. Người kể chuyện: Cậu bé An. Tác dụng: Truyện kể trở nên chân thực.  **Câu 3.**  **- Nhà cửa:** *ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến.*  **- Cách ăn mặc:**  *+ Chú cởi trần mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi).*  *+ Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả.*  *+ Thắt cái xanh- tuya- rông.*  **- Tiếp khách:**  *+ Chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít.*  *+ Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*  **- Ý nghĩa:** Những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách,... gợi lên ấn tượng về chú Võ Tòng là một người có lối sống dân dã, phóng khoáng, gần gũi với thiên nhiên.  **Câu 4.** Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh, không gian hoang sơ.  **Câu 5.** Một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt...) trong văn bản cho thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ:  + Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (tía, má, khô nai, xuồng...)  + Phong cảnh: sông nước, rừng hoang sơ.  + Tính cách con người: thẳng thắn, bộc trực, tình cảm.  + Nếp sinh hoạt: đi xuồng, ăn ở phóng khoáng.  **BÀI TẬP VẬN DỤNG:** [**Viết đoạn văn (khoảng 5 -7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích ‘Đi lấy mật’.**](https://vietjack.com/soan-van-lop-7-kn/trinh-bay-cam-nhan-cua-em-ve-mot-chi-tiet-thu-vi-trong-doan-trich.jsp)  **Đoạn văn tham khảo:**  Đoạn trích***Đi lấy mật*** kể về câu chuyện 3 cha con Cò An đi vào rừng lấy mật, qua đó tác giả bật mí cho chúng ta về cách làm tổ cho loài ong mật. Trong đoạn trích em ấn tượng nhất với “sân chim” trong khu rừng U Minh. Giữa rừng U Minh rậm rạp, những tia nắng len lỏi vào các tán lá để soi xuống mặt đất còn hơi sương; ánh nắng xen lẫn hương tràm ngây ngất phang phảng khắp rừng khiến con người cảm thấy dễ chịu. Trong không gian đó, một đàn chim hàng ngàn con cất cánh như vỡ trận, không gian im ắng bỗng ồn ào và náo nhiệt như nhà có hội với đủ sắc màu: chim già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ, chim nhỏ bay vù vù… Tất cả làm nên một không gian U Minh tuyệt vời khiến ai đọc cũng khao khát một lần được ghé thăm. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 2 (Tiết 4+5+6):**

**- THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**- Ôn tập văn bản: *Ngàn sao làm việc*** *(Võ Quảng)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức về: Trạng ngữ, mở rộng thành phần trạng ngữ của cầu bằng cụm từ. Mở rộng thành phần chính của cầu bằng cụm từ.

- Ôn tập văn bản: *Ngàn sao làm việc.*

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được trạng ngữ, hiểu được tác dụng của việc mờ rộng thành phẩn trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

- Năng lực nhận diện mở rộng thành phần chính bằng cụm từ

- Năng lực biết mở rộng thành phần chính cúa cầu bằng cụm từ.

- biết vân dụng kiến thức vào làm bài tập

**3. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**?Nhắc lại nội dung bài học phần THTV trong chủ đề 1?**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV cho HS nhắc lại kiến thức đã học:**  ?Thế nào là trạng ngữ?  ?Tác dụng của việcmở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ ?  ?Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ nào? | **A. Kiến thức cần nhớ**  **I. MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**  **1. Khái niệm:** Trạng ngữ là thành phần phụ của câu để chỉ thời gian, nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc và hành động…  **2. Cấu tạo**  - Trạng ngữ có thể là một từ hoặc cụm từ.  + Trạng ngữ có cấu tạo là một từ.  VD: ***Bây giờ****, mưa to lắm.*  + Trạng ngữ có cấu tạo là một cụm từ.  VD: ***Khoảng hai giờ sáng*** *Mon tỉnh giấc.*  **3.** Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.  4. Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ chính phụ như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. |
| ?Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng cách nào? Hiệu quả của việc mở rộng ấy là gì?  ?Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ? | **II. MỞ RỘNG THÀNH PHẨN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**  - Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng các cụm từ. Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ giúp cho nghĩa của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.  **\*Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  + Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.  VD: Gà/ gáy -> Con gà trống của nhà tôi/ gáy rất to.  + Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể chi tiết hơn.  VD: Chim sơn ca/ đang hót  -> Những chú chim sơn ca xinh xắn/ đang hót véo von trên cành.  + Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả nhủ ngữ lẫn vị ngữ của câu. |
| Phiếu học tập:  1.Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  2.Nội dung và nghệ thuật. | **III. Ôn tập Văn bản: Ngàn sao làm việc**  **1. Tác giả:** Võ Quảng  **2.Thể loại:** thơ năm chữ  **3. Xuất xứ:** trích trong *Tuyển tập Võ Quảng*, tập II, xuất bản năm 1998.  **4. Phương thức biểu đạt:**biểu cảm  **5. Nội dung:**  ***Ngàn sao làm việc*** vẽ nên bầu trời đẹp lộng lẫy về đêm là do sông Ngân Hà biết cháy giữa trời lồng lộng, sao thần nông biết tỏa rộng chiếc vó lọng vàng, sao hôm như một ngọn đuốc soi cá, nhóm đại hùng tinh biết buông gầu tát nước. Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên vẻ đẹp huyền diệu của trời đêm. Lao động và biết đoàn kết, yêu thương đã làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu.  **6.Nghệ thuật:**  - Thơ 5 chữ  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ so sánh, liệt kê, nhân hóa,…  - Ngôn ngữ thơ gần gũi, sinh động |
| Bài 1: Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ. Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu  **Bài 2: Ghép các trạng ngữ với những câu phù hợp:**  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0531/screenshot-2022-05-31-100326.png  Bài 3: **Gạch chân dưới trạng ngữ trong câu và cho biết trạng ngữ đó chỉ gì?**  a. Dưới dòng sông, đàn cá đang tung tăng bơi lội  b. Những ngày đẹp trời, buổi sáng, bồ câu bay ra từng đàn.  c. Để đạt được thành tích cao trong kì thi sắp tới, Lâm đã không ngừng cố gắng.  d. Vì bị ốm, Mai đã phải nghỉ buổi học thêm Toán.  Bài 4: **Thêm trạng ngữ thích hợp để hoàn thành các câu sau:**  a. …….., đàn trâu đang ung dung gặm cỏ.  b. ………, những chú chim đang thi nhau cất tiếng hót líu lo.  c. ……, chúng tôi được nghỉ học.  d. …….., Nam đã luyện viết mỗi ngày. | **IV. Luyện tập.**  **1. Bài tập về Trạng ngữ**  Bài 1: Đặt câu: Sáng, bà ngoại đưa em đi chợ huyện.  => Mở rộng trạng ngữ thành cụm từ: Sáng hôm nay trời trong và xanh, bà ngoại đưa em đi chợ huyện.  - Tác dụng: bổ sung, nhấn mạnh và làm rõ thời gian cho cụm chủ vị trong câu đồng thời làm rõ đặc điểm của sự việc được nhắc đến.  Bài 2:  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0531/1.png  Bài 3:  a. **Dưới dòng sông**, đàn cá đang tung tăng bơi lội  Trạng ngữ chỉ nơi chốn.  b. **Những ngày đẹp trời, buổi sáng**, bồ câu bay ra từng đàn.  Trạng ngữ chỉ thời gian.  c. **Để đạt được thành tích cao trong kì thi sắp tới**, Lâm đã không ngừng cố gắng.  Trạng ngữ chỉ mục đích  d. **Vì bị ốm**, Mai đã phải nghỉ buổi học thêm Toán.  Trạng ngữ chỉ nguyên nhân  Bài 4: **Thêm trạng ngữ thích hợp để hoàn thành các câu sau:**  a. …….., đàn trâu đang ung dung gặm cỏ.  b. ………, những chú chim đang thi nhau cất tiếng hót líu lo.  c. ……, chúng tôi được nghỉ học.  d. …….., Nam đã luyện viết mỗi ngày. |
| Bài 1: Mở rộng các câu sau và cho biết cách thức mở rộng:  a. Trời mưa  b. Gió thổi  c. Nó đang đọc sách | **2. Bài tập mở rộng câu**  a. Trời mưa tầm tã (mở rộng vị ngữ bằng cụm động từ)  b. Những đợt gió mùa đông bắc thổi rất mạnh. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ)  c. Nó đang đọc sách viết về thế giới loài chim (biến vị ngữ có cụm từ thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn)  d. Mùa xuân ấm áp về. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ) |
| **Bài tập đọc hiểu:**  **Bài số 1: Đọc đoạn thơ sau rồi trả lời câu hỏi.**  Bóng chiều toả ra nhanh Trên các bờ bụi rậm Đồng quê đang xanh thẫm Bỗng chốc trở tối mò  Trâu tôi đã ăn no Bước giữa trời yên tĩnh Trâu tôi đi đủng đỉnh Như bước giữa ngàn sao (Ngữ văn 7, tập 1)  Câu hỏi:  Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  Câu 2: Bài thơ viết theo thể thơ nào?  Câu 3: Cảnh vật ở hai khổ thơ đầu được miêu tả trong khoảng thời gian, không gian nào?  Câu 4: Theo em, nhân vật “tôi" trong bài thơ là ai?  Câu 5: Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật “tôi” trong hai khổ thơ đầu?  **GỢI Ý:**  Câu 1: Bài thơ: *Ngàn sao làm việc, Tác giả: Võ Quảng*  câu 2: Thể thơ 5 chữ  Câu 3:  - Thời gian: buổi chiều thanh bình và yên tĩnh  - Không gian: đồng quê xanh thẫm nơi có những bụi rậm  Câu 4: Nhà thơ đã mượn góc nhìn của cậu bé chăn trâu để thể hiện cái nhìn bao quát của mình.  Câu 5: Tâm trạng của nhân vật "tôi" trong hai khổ thơ đầu được thể hiện qua các từ như "bỗng chốc", "đủng đỉnh", "giữa ngàn sao". Ở khổ thơ đầu, nhân vật "tôi" như phát hiện ra sự thay đổi của thời gian: "bỗng chốc". Nhưng sự phát hiện này không làm cho nhân vật "tôi" hối hả, vội vã, mà trái lại là rất thư thái. Hình ảnh "trâu tôi đi đủng đỉnh/ Như bước giữa ngàn sao" cũng là hình ảnh nhân vật "tôi" ngồi trên lưng trâu đủng đỉnh, thong dong nhìn ngắm sao trời. Cảnh tượng đó thật thanh bình, cho thấy con người không lo nghĩ, ưu phiền mà nhàn nhã, tự tại.  **Bài số 2:** **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi :**  *“Hạt gạo làng ta Có vị phù sa Của sông Kinh Thầy Có hương sen thơm Trong hồ nước đầy Có lời mẹ hát Ngọt bùi đắng cay...*  *Hạt gạo làng ta Có bão tháng bảy Có mưa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cờ Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy..”.*  (*Góc sân và khoảng trời –* Trần Đăng Khoa)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ ?  **Câu 2**. Đoạn thơ trên sử dụng biện pháp tu từ nào? Chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ trong đoạn thơ? Phân tích tác dụng nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  **Câu 3.**Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?  **Câu 4**.Đoạn thơ trên cóý nghĩa gì ?  **Câu 5.** Đoạn thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ, tình cảm gì đối với những người làm ra hạt gạo?  **GỢI Ý:**   |  | | --- | | **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: *Biểu cảm* | | **Câu 2:** So sánh *Nước như ai nấu*:  - biện pháp điệp ngữ: *hạt gạo làng ta; có*  - Phân tích tác dụng nghệ thuật của biện pháp so sánh, điệp ngữ :  *Tác dụng:*  *-* Phép so sánh: Tăng sức gợi hình gợi cảm cho đonaj thơ, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước – mức độ khắc nghiệt của thời tiết; đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân trong quá trình tạo ra hạt gạo.  - Phép điệp ngữ, so sánh làm nổi bật hình ảnh hạt gạo làng quê và nguồn gốc của hạt gạo,  + Nhấn mạnh cảm xúc trân trọng giá trị hạt gạo, biết ơn công sức của người làm ra hạt gạo,  + Đoạn thơ thêm sinh động, giàu chất nhạc. | | **Câu 3:** thể thơ 4 chữ | | Câu 4: Ý nghĩa đoạn thơ:  Nhắc nhở người đọc, những người hưởng thành quả "hạt gạo", trân trọng và biết ơn những người lao động | | **Câu 5:** Đoạn thơ trên đã sư dụng những hình ảnh rất đặc sắc để chỉ nỗi vất vả của những người làm ra hạt gạo. Họ đã phải đới mặt với rất nhiều những thiên tai, khó khăn về thời tiết để làm ra những hạt lúa vàng và những hạt gạo trắng gần. Từ việc hiểu được nỗi vất vả của những người nông dân ta càng thêm trân trọng sản phẩm lao động của họ đã tạo nên. | | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:** Viết đoạn văn từ 5-7 câu về mùa xuân trong đó có sử dụng trạng ngữ (gạch chân trạng ngữ mà em sử dụng**).** | |
| **Đoạn văn tham khảo:**  Xuân đến thật rồi! **Trong vườn,** cây cối bỏ đi cái áo khoác mà đã mang suốt mùa đông lạnh lẽo để thay vào đó là bộ quần áo mới mang màu xanh, màu êm dịu. Hoa khoe sắc, lộng lẫy.**Trong các vòm cây, kẽ lá,** những chú chim sơn ca cất vang lên bản nhạc chào xuân,rộn rã. Xuân nhẹ nhàng gói mưa vào trong nắng, chập chờn những cơn mưa vội vã ban chiều, không mỏng manh. Xuân ôm từng hạt nắng trong từng bông cúc vàng, nhuộm sắc những cơn mưa phùn nhỏ còn đọng sương. Cơn mưa phùn vô tình đã làm mùa xuân rét ngọt, một cái rét tượng trưng. Những luồng gió nồm cứ thổi, thổi mãi thành cái đẹp của mùa xuân. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 3:**

**(Tiết 7+8+9): VIẾT**

**Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài**

**NÓI VÀ NGHE:**

**Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Ôn tập củng cố kiến thức về tóm tắt một VB theo những yêu cấu khác nhau về độ dài, đảm bảo được nội dung chính của VB.
* HS trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.

**2.Năng lực**: Năng lực tóm tắt một VB theo những yêu cấu khác nhau về độ dài

**3. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**GV cho HS xem video:** [**https://youtu.be/19\_vMJ-SvHk**](https://youtu.be/19_vMJ-SvHk)

- Đưa ra các câu hỏi;

1. Em có nhận xét gì về vấn đề trong video đề cập đến?

2. Theo em vấn đề này được phản ánh trong phạm vi rộng hay hẹp? làm cách nào để truyền tải hết vấn đề đó?

2. Ngoài vấn đề trên em có quan tâm đến vấn đề tương tự nào khác không?

3. Em có sẵn sàng kể cho các bạn nghe về mối quan tâm của mình không?

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về: Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài  ?Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài là gì?  ?Muốn tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài, cần chú ý những gì? | **I. Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.**  1) Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài là chuyển nội dung văn bản gốc thành các bản tóm tắt có độ dài khác nhau.  2) Muốn tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài, cần chú ý:  - Đọc kĩ văn bản gốc cần tóm tắt  - Ghi lại các ý chính theo hệ thống: ý lớn (thường nêu khái quát ở phần mở đầu hoặc tên các tiểu mục), ý nhỏ (triển khai làm cho rõ ý hơn), các bằng chứng, ví dụ minh họa…  - Tùy theo yêu cầu tóm tắt (dài, ngắn bao nhiêu) để lựa chọn, sắp xếp các ý và lời văn của văn bản tóm tắt.  3. Các bước tóm tắt  *a. Trước khi tóm tắt*  - Đọc kĩ văn bản gốc  - Xác định nội dung chính cần tóm tắt.  + Xác định nội dung khái quát, cốt lõi của toàn văn bản.  + Tìm ý chính của từng phần hoặc đoạn và xác đinh quan hệ giữa các phần hoặc các đoạn.  + Tìm các từ ngữ quan trọng.  + Xác định ý chính của văn bản.  + Xác định đúng nội dung khái quát, cốt lõi.  + Xác định các phần trong văn bản.  - Tìm ý chính của từng phần.  - Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.  + Xác định ý lớn và ý nhỏ của văn bản gốc.  + Tùy theo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt mà lựa chọn ý lớn hay ý nhỏ từ văn bản gốc.  *b. Viết văn bản tóm tắt*  - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí.  - Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.  - Chú ý bảo đảm yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.  *c. Chỉnh sửa*  Rà soát, tự chỉnh sửa văn bản tóm tắt của em. |
| GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về: Trình bày được ý kiến về mộtvấn đề đời sống mà mình quan tâm  ?Bài văn Trình bày được ý kiến về mộtvấn đề đời sống mà mình quan tâm cần thực hiện những bước nào? | **II. Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.**  **1. Lựa chọn đề tài**  Đề tài có thể được ấn định (đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết lựa chọn. Nếu được tự chọn đề tài, em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hàng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn trình bày ý kiến.  Tham khảo một số đề tài sau:  - Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.  - Thái độ đối với người khuyết tật.  - Noi gương những người thành công.  - Đánh giá khả năng của bản thân.  Ngoài những đề tài nêu trên, em cũng có thể tự tìm một đề tài mà mình am hiểu và cảm thấy thú vị để thực hiện bài viết.  **2) Tìm ý**  - Cần hiểu như thế nào về hiện tượng (vấn đề) này?  - Những khía cạnh cần bàn bạc.  - Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.  **3) Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý  - Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Thân bài: Đưa ra ý kiến bàn luận.  + Nêu ý 1 (lí lẽ, bằng chứng).  + Nêu ý 2 (lí lẽ, bằng chứng).  + Nêu ý 3 (lí lẽ, bằng chứng).  +...  - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân. |
| **GV yêu cầu HS làm bài tập sau:**  **Bài 1:** Viết đoạn văn tóm tắt văn bản “Bầy chim chìa vôi”  Bài 2: Tóm tắt văn bản: Đi lấy mật  Bài 3: Từ vấn đề phần mở đầu em đã xem video hãy trình bày vấn đề được nhiều người quan tâm đó là hiện tượng vứt rác bừa bãi ra nơi công cộng. | **III. Luyện tập.** |
| **Bài 1:**  - Mở đoạn: Giới thiệu chung về bối cảnh mở đầu văn bản.  - Thân đoạn: Tóm tắt dựa trên nội dung khái quát, cốt lõi của văn bản.  + Hai anh em Mon và Mên trằn trọc giữa đêm mưa vì lo cho tổ chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông.  + Quyết định đi cứu bầy chim chìa vôi của Mon và Mên.  + Cảm xúc của hai anh em khi chứng  kiến cảnh bầy chim chìa vôi đập cánh bay lên.  - Kết đoạn: Chi tiết kết thúc văn bản.  **Đoạn văn mẫu:** 2 giờ sáng, trong một đêm mưa to, hai anh em Mon và Mên trò chuyện cùng nhau mà không ngủ được. Mon và Mên lo lắng nước sông sẽ dâng cao khiến tổ chim chìa vôi ở dải cát giữa sông sẽ bị nhấn chìm. Hai anh em quyết định sẽ đến tận nơi để giúp bầy chim chìa vôi, đưa chúng vào bờ trước con nước mạnh mẽ. Khi trời vừa sáng, cũng là lúc dải cát giữa sông bị nhấn chìm, những con chim chìa vôi nhỏ đã kịp cất cánh bay lên trong khoảnh khắc cuối cùng trước mắt hai đứa trẻ. Khung cảnh bình minh cùng bầy chim chìa vôi đẹp đẽ khiến hai anh em Mon và Mên vừa vui mừng, vừa cảm động.  **Bài 2:** Truyện kể về một lần An cùng với Cò theo tía nuôi đi lấy mật. Trên đường đi, An cảm thấy núi rừng thật đẹp. Tía nuôi đi trước dẫn đường, An và Cò theo sau. Khi An thấm mệt, tía nuôi đề nghị sẽ nghỉ ngơi, chờ An hết mệt rồi mới đi tiếp. Cò đã chỉ cho An cách xem đàn ong mật. Sau đó, họ tiếp tục đi lấy mật và thu hoạch được rất nhiều. Họ đi tới một cái trảng rộng, nhìn thấy biết bao là chim. An vô cùng thích thú, nhưng khi nghe Cò nói đến “sân chim”, cậu lại im lặng vì từ ái nghĩ nếu cái gì cũng hỏi thì Cò sẽ khinh mình dốt. Khi bắt gặp một kèo ong, An nhớ lại lời má dạy về cách xây kèo. Người dân vùng đất U Minh có một cách “thuần hóa” ong rất đặc biệt.  **Bài 3:**  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Hiện tượng vứt rác thải ra nơi công cộng.  Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình.  **2. Thân bài**  *a. Thực trạng*  Ở những nơi công cộng: bệnh viện, nhà trường, các danh lam thắng cảnh không khó để bắt gặp những rác thải được vứt ngổn ngang bao gồm các loại rác thải từ mềm đến cứng bốc mùi hôi thối và gây ảnh hưởng đến cảnh quan của nơi công cộng đó.  *b. Nguyên nhân*  Chủ quan: do ý thức của người dân chưa tốt, tiện tay là vứt rác vì nghĩ nơi công cộng không phải là trách nhiệm của bản thân mình.  Khách quan: do lượng thùng rác ở nơi công cộng Việt Nam chưa đủ để đáp ứng được nhu cầu xả rác vô cùng lớn của người dân khiến cho rác thải vứt bừa bãi.  *c. Hậu quả*  Lượng rác thải xả ra nhiều gây ảnh hưởng đến môi trường khi ngày nay ô nhiễm môi trường ngày càng tăng.  Gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người; gây mất mĩ quan.  Việc rác thải xả bừa bãi ở nơi công cộng gây khó khăn cho nhân viên vệ sinh trong việc thu gom và xử lí.  *d. Giải pháp*  Mỗi con người cần tự giác ý thức phân loại rác thải, bỏ rác vào đúng nơi quy định ở những nơi công cộng.  Mỗi nơi công cộng cần có những biển báo đổ rác thải, bố trí thùng rác hợp lí cũng như có những hình phạt thích đáng với những trường hợp xả rác bừa bãi.  Nhà nước, các cấp quản lí cần tuyên truyền mạnh mẽ hơn nữa những tác hại của rác thải đồng thời có hình thức xử lí nghiêm khắc đối với những trường hợp vi phạm.  **3. Kết bài**  Khái quát lại vấn đề nghị luận: hiện tượng vứt rác thải bừa bãi ra nơi công cộng đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân. | |
| **Gv yêu cầu HS viết bài văn hoàn chỉnh theo dàn ý trên** | |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BÀI 2**

**KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**Buổi 4 (Tiết 10+11+12)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐỒNG GIAO MÙA XUÂN (Nguyễn Khoa Điềm)**

**GẶP LÁ CƠM NẾP (Thanh Thảo)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn tập củng cố đặc điểm thể thơ 4 chứ, 5 chữ

- Ôn tập củng cố văn bản: *Đồng dao mùa xuân, Gặp lá cơm nếp.*

**2. Năng lực:**

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản thơ bốn chữ và năm chữ.

- Mở rộng kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ cùng thể loại ngoài sách giáo khoa.

**- Tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất**

**-** Biết trân trọng tình cảm, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương đất nước; hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

- GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Viết theo trí nhớ những nội dung bài học 02. Thời gian: 04 phút.

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | Văn bản 1:……………………………………………………… |
| Văn bản 2: ……………………………………………………… |
| Văn bản 3: ……………………………………………………… |
| Thực hành tiếng Việt:……………………………………………………….. |
| Viết | ………………………………………………………………….. |
| Nói và nghe | ………………………………………………………………………………. |

- HS làm việc cá nhân, hoàn thành Phiếu học tập 01.

**-** GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

- GV nhận xét, biểu dương HS phát biểu tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 2:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \*GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết:  *1) Một số yếu tố về hình thức thể thơ bốn chữ và năm chữ.*  *2) Cách đọc hiểu một bài thơ bốn chữ và năm chữ.*  \*HS ôn lại kiến thức, lên bảng thực hiện các yêu cầu. GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm. | **A. THỂ THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ** |
| 1. **Một số yếu tố hình thức của thể thơ 4 chữ**  |  |  | | --- | --- | | 1. Số chữ | Mỗi dòng bốn chữ. | | 2. Cách gieo vần: | - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: Đặt cách quãng.  *\*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..* | | 3. Cách ngắt nhịp: | - 2/2 hoặc 3/1.  (nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ). | | 4. Hình ảnh thơ: | - Dung dị, gần gũi *(Gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).* |   **2.Một số yếu tố hình thức của thể thơ năm chữ**   |  |  | | --- | --- | | 1. Số chữ | Mỗi dòng năm chữ. | | 2. Cách gieo vần: | - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: đặt cách quãng.  *\*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..* | | 3. Cách ngắt nhịp: | - 2/3 hoặc 3/2. *(nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ).* | | 4. Hình ảnh thơ: | - Dung dị, gần gũi *(gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).* |   **3. Cách đọc hiểu văn bản thơ bốn chữ và năm chữ.**  - Xác định và nhận diện các đặc điểm của thể thơ như: *số chữ, cách gieo vần, ngắt nhịp;*  - Đánh giá tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả;  - Tìm hiểu ý nghĩa của các chi tiết, hình ảnh có trong bài thơ;  - Tìm hiểu tâm trạng cảm xúc của tác giả. Qua đó, lí giải đánh giá và liên hệ với những kinh nghiệm sống thực tiễn của bản thân. | |
| **B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: *ĐỒNG DAO MÙA XUÂN***  **(Nguyễn Khoa Điềm)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Tác giả: Nguyễn Khoa Điềm**  - Sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên-Huế.  - Ông là nhà thơ chiến sĩ, một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Mĩ.  - Thơ ông tập trung thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc.  **2. Văn bản “*Đồng dao mùa xuân”***  **\*Thể loại:** Thơ bốn chữ.  **\*Giọng điệu:** nhẹ nhàng, xúc động, sâu lắng.  **\*Bố cục:** 3 phần - Khổ 1,2: Giới thiệu khái quát về người lính;  - Khổ 3,4,5,6: Hình ảnh người lính nằm lại nơi chiến trường;  - Khổ 7,8,9: Tình cảm, cảm xúc đối với người lính.  **\*Đề tài:** Người lính.  **3. Đặc điểm về vần, nhịp, khổ của bài thơ**  **a. Cách chia khổ và ý nghĩa:**  - Bài thơ được chia thènh chín khổ. Hầu hết các khổ đều có bốn dòng. Tuy nhiên có hai khổ đầu khác biệt với các khổ còn lại.  + Khổ một kể lại sự kiện người lính lên đường ra chiến trường, gồm ba dòng thơ, tạo nên một sự lửng lơ, khiến người đọc có tâm trạng chờ đợi được đọc câu chuyện tiếp theo về anh...  + Khổ hai kể về sự ra đi của người lính chỉ vỏn vẹn trong hai dòng, diễn tả sự hi sinh bất ngờ, đột ngột giữa lúc tuổi xanh, thể hiện tâm trạng đau thương của nhà thơ, đồng thời gợi lên trong người đọc niềm tiếc thương sâu sắc.  **b. Đặc điểm hình thức thể thơ bốn chữ:**  **Số tiếng trong mỗi dòng:**  - Mỗi dòng có bốn tiếng.  - Ngắn gọn, dứt khoát, sắc nét; ghi vào kí ức người đọc hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh giữa lúc tuổi đời còn rất trẻ.  **Cách gieo vần:**  - Sử dụng vần chân ở dầu hết các dòng thơ. VD: lính-bình; lửa-nữa;…  - Nhẹ nhàng, âm vang.  **Ngắt nhịp:**  - Nhịp chẵn (2/2);  - Nhịp 1/3.  - Biến tấu tự nhiên, linh hoạt, nhịp nhàng, mang âm hưởng đồng dao;  - Tách riêng động từ “có”, chỉ sự tồn tại, nhấn mạnh, khắc sâu ấn tượng về sự hiện diện của người lính; đối lập với dòng thơ thứ năm cũng có nhịp 1/3 nhấn mạnh sự không về của anh. Thế tương phản có - không nói lên sự mất mát, gợi cám xúc tiếc thương, bùi ngùi.  **4. Hình ảnh người lính**  **a. Câu chuyện về cuộc đời người lính**  - Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều, như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận.  - Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rừng đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đỗi khiêm nhường, dung dị của anh còn mãi trong tâm trí của “nhân gian”.  **b. Vẻ đẹp hình ảnh người lính:** Tuổi đời còn rất trẻ; dũng cảm kiên cường; yêu nước; giản dị, khiêm nhường, hiền hậu.  **\*Biểu hiện:**  - Tư thế: *Anh ngồi lặng lẽ/ Dưới cội mai vàng; Anh ngồi rực rỡ/ màu hoa đại ngàn;*  - Trang phục: *Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh.*  - Diện mạo, dáng vẻ: *Làn da sốt rét; Mắt như suối biếc/Vai đầy núi non…; Cái cười hiền lành.*  **5. Tình cảm, cảm xúc đối với người lính:** *niềm thương xót, tự hào, cảm phục, biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xanh, hi sinh cuộc đời cho độc lập dân tộc.*  *+ Bạn bè mang theo:* Dòng thơ này nói lên tình cảm của đồng đội dành cho người lính trẻ đã hi sinh. Hình ảnh *anh* sẽ được bạn bè thương nhớ, lưu giữ, mang theo suốt cuộc đời. Sự hi sinh của *anh* đã tiếp thêm cho đồng đội sức mạnh, niềm tin trong những trận chiến đấu tiếp theo.  *+ Dài bao thương nhớ/ Mùa xuân nhân gian:* Hai dòng thơ này có thể hiểu theo nhiều cách. Thứ nhất, có thể hiểu là nỗi thương nhớ những mùa xuân nhân gian tươi đẹp của người lính đã hi sinh. Thứ hai, cũng có thể hiểu là nỗi nhớ thương những người con anh dũng dài theo năm tháng của nhân gian.  **6. Khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ bốn chữ, gần gũi với đồng dao;  - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt;  - Giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, sâu lắng;  - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, xúc động.  **b. Nội dung – Ý nghĩa**  - Ca ngợi sự hi sinh anh dũng của những người lính trẻ và tình cảm tự hào, nhớ thương sâu nặng của đồng đội, đồng bào.  - Thể hiện lòng biết ơn những người lính đã dâng hiến tuổi trẻ của mình để cho những mùa xuân đất nước mãi trường tồn. |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: GẶP LÁ CƠM NẾP (Thanh Thảo)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Tác giả**  - Thanh Thảo sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi.  - Ông là nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và các vấn đề của cuộc sống thời hậu chiến.  ***2. Tác phẩm:***  **\*Nhân vật trữ tình và đối tượng cảm xúc:**  *- Người bày tỏ cảm xúc là một người con, cũng là một anh bộ đội.*  *- Đối tượng để anh thể hiện cảm xúc là người mẹ nơi quê nhà.*  **\*Thể loại:** Thơ năm chữ  **\*Giọng điệu:** tâmtình, trong trẻo, tha thiết.  **\*Bố cục:** - Khổ 1: Hoàn cảnh xa nhà khơi nguồn cảm xúc;  - Khổ 2: Hình ảnh mẹ trong kí ức của con;  - Khổ 3,4: Tình cảm, cảm xúc người con khi gặp lá cơm nếp.  **\*Đề tài:** Người lính và quê hương.  **1. Đặc điểm về cách gieo vần, ngắt nhịp, khổ, thể thơ**   |  |  | | --- | --- | | *Đặc điểm hình thức* | *Gặp lá cơm nếp* | | **Số tiếng trong mỗi dòng thơ** | *5 tiếng/dòng* | | **Cách gieo vần** | *chân* | | **Ngắt nhịp** | *linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2* | | **Chia khổ** | *4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt* |   **2. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính**  **a. Hoàn cảnh gợi nhắc người lính nhớ về mẹ**  - Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá cơm nếp. Chính hương vị của lá cơm nếp đã gợi cho anh nhớ đến hình ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa đang nấu xôi.  **b. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính**  - Mẹ tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình.  - Mẹ yêu thương các con.  - Mẹ giản dị, mộc mạc, chất phác.  **3. Hình ảnh người lính: Yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước, có tâm hồn nhạy cảm.**  - Khổ ba: Tình yêu thương gia đình hoà với tình yêu quê hương, đất nước trào dâng trong lòng người lính vì anh đang trên đường hành quân, xa quê hương, gia đình, hương vị lá cơm nếp khiến người con nhớ đến món cơm nếp mà người mẹ đã nấu. Hương vị của món ăn dân dã, bình dị đó được anh xem như là biểu tượng của quê hương - *mùi vị quê hương..*  **4. Khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ năm chữ, gần gũi với đồng dao;  - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt;  - Giọng điệu tâm tình, trong trẻo, tha thiết;  - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, mang nhiều ý nghĩa.  **b. Nội dung - Ý nghĩa**  - Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ thương mẹ da diết và tình yêu quê hương đất nước của người lính xa nhà đi chiến đấu.  - Những hình ảnh thân thiết, gắn bó của quê hương là nguồn sức mạnh nâng |
| **PHIẾU SỐ 1:**  **Đọc lại bài thơ Đồng dao mùa xuân (từ Ba lô con cóc đến hết) trong SGK (tr. 40 - 41) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1 : Nhận xét về đặc điểm hình thức của đoạn thơ trên các phương diện như số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Qua miêu tả của nhà thơ, hình ảnh người lính hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm như thế nào?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Em cảm nhận như thế nào về tình cảm nhà thơ dành cho người lính?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Trong hai dòng thơ sau, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Mắt như suối biếc  Vai đầy núi non...  **GỢI Ý:**  [Câu 1 :](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nhận xét về đặc điểm hình thức của đoạn thơ xét trên các phương diện như số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp:  - Về số tiếng trong mỗi dòng thơ: mỗi dòng thơ có bốn tiếng, ngắn gọn như một nhát chạm khắc sắc nét, góp phần tạc vào kí ức độc giả hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh vì Tổ quốc giữa lúc tuổi đời còn rất trẻ.  - Về cách gieo vần: vần chân được gieo ở hầu hết các dòng thơ. Ví dụ: xanh - lành,  vàng - gian, ngàn - non, lành - xanh,...  - Về cách ngắt nhịp: nhịp chẵn (2/2) đan xen các biến tấu linh hoạt. Ví dụ:  Ba lô /con cóc  Tấm áo /màu xanh  Làn da / sốt rét  Cái cười /hiền lành  Anh ngồi / lặng lẽ  Dưới cội / mai vàng  Dài /bao thương nhớ  Mùa xuân “nhân gian  Anh ngồi / rực rỡ  Màu hoa / đại ngàn  Mắt / như suối biếc  Vai / đầy núi non...  Nhịp nền 2/2 được hình thành một cách tự nhiên (do tính bình ổn của cảm xúc và thói quen ưa sự nhịp nhàng khi làm thơ của người Việt chi phối) khiến bài thơ có một tiết tấu uyển chuyển. Đồng thời, những biến tấu rất tự nhiên ghi lại chân thực cảm xúc riêng của nhà thơ và truyền được đến độc giả cảm xúc đó. Tính từ dài được ngắt nhịp riêng tạo thành nhịp 1/3 ở dòng thơ Dài/ bao thương nhớ làm nổi bật tình cảm, nỗi nhớ thương da diết, khôn nguôi.  Hai dòng thơ:  Mắt / như suối biếc  Vai / đầy núi non  cũng được ngắt nhịp 1/3. Biến tấu ở hai dòng này tạo cho người đọc ấn tượng về hình ảnh người lính với vẻ đẹp của tâm hồn trong sáng và sự hi sinh cao cả. Hình ảnh người lính đã vĩnh viễn hoà vào núi non, sông suối, làm nên hồn thiêng đất nước.  [Câu 2:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Qua miêu tả của nhà thơ, hình ảnh người lính hiện lên trong đoạn thơ giản dị, khiêm nhường nhưng cũng rất đỗi cao đẹp, thiêng liêng:  - Hành trang của anh chẳng có gì ngoài một chiếc ba lô con cóc, một tấm áo mang màu xanh tươi dung dị của cỏ cây.  - Ngoại hình: Làn da sốt rét gợi về cuộc sống gian nan, cực nhọc trên chiến trường và trong những chặng đường hành quân. Đây cũng là đặc điểm chung của hình ảnh người lính trong thơ ca kháng chiến:  Giọt giọt mồ hôi rơi  Trên má anh vàng nghệ.  (Tố Hữu, Cá nước)  Quân xanh màu lá, dữ oai hùm.  (Quang Dũng, Tây Tiến)  Nhưng trên môi người lính luôn nở nụ cười lạc quan và rất đỗi hiền hoà. Dường như mọi gian khổ, hi sinh đối với anh chỉ nhẹ tựa lông hồng.  Dáng ngồi lặng lẽ của anh thể hiện đức khiêm nhường, âm thầm cống hiến, âm thầm hi sinh. Anh ra đi để lại mùa hoa rực rỡ. Dáng hình anh hoà với dáng hình xứ sở, làm nên mùa xuân cho đất nước.  - Tình cảm của người lính: Hai dòng thơ Dài bao thương nhớ / Mùa xuân nhân gian có thể hiểu là nỗi thương nhớ những mùa xuân nhân gian tươi đẹp của người lính đã hi sinh, cũng có thể hiểu là nỗi nhớ thương những người con anh dũng dài theo năm tháng của nhân gian.  [Câu 3:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Cảm nhận về tình cảm nhà thơ dành cho người lính:  - Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong toàn bộ bài thơ. Đó là niềm thương xót, tự hào, cảm phục, biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xanh, hi sinh cuộc đời cho độc lập dân tộc.  - Riêng trong đoạn thơ này, tình cảm của nhà thơ thể hiện ở nỗi nhớ thương tha thiết, thái độ ngợi ca vẻ đẹp bình dị mà cao cả, thiêng liêng, lòng biết ơn những hi sinh thầm lặng của người lính.  [Câu 4:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Trong hai dòng thơ, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh và ẩn dụ:  - Mắt như suối biếc: so sánh mắt với suối biếc.  - Vai đầy núi non: ẩn dụ (dùng hình ảnh núi non để chỉ trọng trách bảo vệ, giữ gìn núi sông đang đặt trên vai người lính).  Những so sánh, ẩn dụ sử dụng hình ảnh thiên nhiên vĩnh cửu làm sự vật đối chiếu có tác dụng nhấn mạnh niềm tin của nhà thơ rằng dáng hình người lính đã vĩnh viễn hoà vào núi non, sông suối. Mỗi ngọn núi, dòng sông, con suối đều thấp thoáng hình bóng của anh. Anh đã “hoá thân cho dáng hình xứ sở/ Làm nên Đất Nước muôn đời” (Nguyễn Khoa Điềm).  **PHIẾU 2: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  Ba lô con cóc Tấm áo màu xanh Làn da sốt rét Cái cười hiền lành  Anh ngồi lặng lẽ Dưới cội mai vàng Dài bao thương nhớ Mùa xuân nhân gian  Anh ngồi rực rỡ Màu hoa đại ngàn Mắt như suối biếc Vai đầy núi non...  Tuổi xuân đang độ Ngày xuân ngọt lành Theo chân người lính Về từ núi xanh...  (Ngữ văn 7, tập 1)  Câu 1: Xác định thể thơ trong đoạn thơ trên?  Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng :  Tuổi xuân đang độ Ngày xuân ngọt lành Theo chân người lính Về từ núi xanh...  Câu 3: Những đặc sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  [Câu 4: Tìm các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của chúng.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 5: Giải thích nghĩa của từ *ngọt lành* trong dòng thơ *Ngày xuân ngọt lành*.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  GỢI Ý:  Câu 1: Thể thơ: thơ bốn chữ  Câu 2: - Từ đồng âm: ***xuân***  + Tuổi ***xuân***: Tuổi trẻ, thanh xuân  + Ngày ***xuân***: Những ngày đầu năm, mùa xuân.   * NT: ẩn dụ   → Tuổi xuân của người lính trẻ như đang hòa cùng mùa xuân của đất nước  Câu 3:  \***nội dung**  Bài thơ viết về người lính, dưới góc nhìn chiêm nghiệm của một con người thời bình. Đó là những người lính hồn nhiên, tinh nghịch, chưa một lần yêu, còn mê thả diền nhưng chính họ đã hi sinh tuổi xuân, máu xương của mình cho đất nước.  **\* nghệ thuật**  - Ngôn ngữ thơ giàu tính tạo hình  - Gieo vần cách đặc sắc (chữ cuối của dòng chẵn vần với nhau).  - Nhịp thơ 2/2; 1/3 linh hoạt tùy theo từng câu  - Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trữ tình và chính luận  [Câu 4:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và tác dụng của chúng:  - *Lặng l*ẽ: nghĩa trong từ điển là “không lên tiếng, không có tiếng động, tiếng ồn” Trong dòng thơ này, từ lặng lẽ thể hiện sự khiêm nhường và những cống hiến, hi sinh âm thầm của người lính.  *- Rực rỡ:* nghĩa trong từ điển là “có màu sắc tươi sáng, đẹp đẽ và nổi bật hẳn lên, làm cho ai cũng phải chú ý“. Trong dòng thơ *Anh ngồi rực rỡ*, từ *rực rỡ* còn có nghĩa là vẻ đẹp của người lính toả chiếu vào thiên nhiên.  [Câu 5:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nghĩa của từ ngọt lành trong dòng thơ *Ngày xuân ngọt lành*:  - Từ ngọt có một số nghĩa cơ bản như sau:  1) có vị như đường, mật;  2) dịu dàng, êm ái.  - Từ lành có một số nghĩa:  1) hiền từ;  2) tốt;  3) không độc;  4) không rách;  5) hết bệnh.  - Nghĩa chung của từ ngọt lành trong dòng thơ *Ngày xuân ngọt lành* là tốt đẹp, ngọt ngào, hạnh phúc.  **PHIẾU SỐ 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  Xa nhà đã mấy năm Thèm bát xôi mùa gặt Khói bay ngang tầm mắt Mùi xôi sao lạ lùng.  Mẹ ở đâu chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phải mẹ thổi cơm nếp Mà thơm suốt đường con.  (Ngữ văn 7, tập 1) Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản? Em đã học bài thơ nào cùng thể loại với văn bản em vừa xác định?  Câu 2: Món ăn mà người con khi xa nhà nhớ nhất đó là món ăn gì? Chia sẻ cảm nhận của em về hương vị của món ăn đó.  Câu 3: Viết đoạn văn (khoảng 5 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ *Gặp là cơm nếp.*  **GỢI Ý:**  **Câu 1:** Thể thơ: thơ 5 chữ   * BT cùng thể loại: *Ngàn sao làm việc, Đồng dao mùa xuân*   Câu 2: Món ăn người con nhớ nhất khi xa nhà là món xôi (cơm nếp)  – Người Việt mình khá quen thuộc với món xôi. Xôi được nấu từ gạo nếp, mềm dẻo và có hương thơm rất đặc trưng. Món xôi thường dùng trong các buổi lễ chạp, cúng theo truyền thống của người Việt. Xôi còn được biến tấu thêm nhiều gia vị kèm như dừa, lá nếp, đậu, bắp, gấc… tăng thêm vị ngon hấp dẫn, khó quên.  Câu 3:  – HS viết đoạn văn dựa trên các ý:  + Hoàn cảnh người con thổ lộ tâm tư về mẹ (xa quê, trên đường hành quân).  + Hình ảnh mẹ trong kí ức của người con.  + Tình yêu thương người con dành cho mẹ.  Đi hết cuộc đời dài rộng này, chúng ta cũng không thể hiểu được hết công lao của mẹ cha. Bởi vậy, đã có biết bao sáng tác ra đời để ca ngợi công ơn trời bể ấy. Tác giả Thanh Thảo cũng viết về đề tài ấy, ngắn gọn nhưng đầy cảm xúc trong bài thơ Gặp lá cơm nếp. Bài thơ đã ghi lại cảm xúc của người con tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Tác giả đã xa nhà nhiều năm, thèm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê. Trong tâm hồn các anh, người mẹ là hình ảnh lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất của quê hương. Với người lính, mẹ là suối nguồn của yêu thương, là ánh sáng diệu kì dõi theo con suốt cuộc đời. Câu thơ "Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương" như cảm xúc òa khóc trong lòng nhân vật khi nghĩ về người mẹ tảo tần và đất nước bình dị. Mẹ đã chịu một đời lam lũ, hi sinh để dành cho con những điều đẹp đẽ nhất. Những câu thơ giản dị, ngắn gọn mà vời vợi nỗi nhớ thương. Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả | |
| **PHIẾU SỐ 4: NGỮ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH**  **Bài 1: ÔNG ĐỒ (Vũ Đình Liên)**   |  |  | | --- | --- | | Mỗi năm hoa đào nở Lại thấy ông đồ già Bày mực Tàu, giấy đỏ Bên phố đông người qua  Bao nhiêu người thuê viết Tấm tắc ngợi khen tài: “Hoa tay thảo những nét Như phượng múa, rồng bay”  Nhưng mỗi năm mỗi vắng Người thuê viết nay đâu? Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sầu...  Ông đồ vẫn ngồi đấy Qua đường không ai hay Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay | Năm nay đào lại nở Không thấy ông đồ xưa Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ?  1936   (Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, 2007) |   **Đọc bài thơ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên) và trả lời câu hỏi**  **Câu 1.** Xác định thể thơ (chỉ ra các dấu hiệu nhận biết thể thơ), đề tài và chủ đề của bài thơ.  **Câu 2.** Điền các thông tin vào ***Phiếu học tập*** sau để tìm hiểu hình ảnh ông đồ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu những từ ngữ, chi tiết miêu tả:** | **Khổ 1,2** | **Khổ 3,4** | | *1. Khung cảnh, thời gian:* | ...... | ...... | | *2. Hình ảnh ông đồ* |  |  | | *3. Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để miêu tả ông đồ:* | ...... | ...... | | *4. Thái độ, tình cảm của mọi người dành cho ông đồ.* | ...... | ...... | | *5. Tâm trạng của ông đồ trước thái độ tình cảm của mọi người* | ...... | ...... | | *6. Tình cảm của tác giả dành cho ông đồ* | ...... | ...... | | *7. Nhận xét tình cảm của tác giả với ông đồ ở khổ cuối.* | ...... | ...... |   **Câu 3.** Bài thơ gợi trong em tình cảm, cảm xúc gì?  **\*GỢI Ý**  **Câu 1.**  - **Thể thơ:** năm chữ. Dấu hiệu nhận biết: Có 5 chữ mỗi dòng, gồm 5 khổ, mỗi khổ 4 câu. Vần chân (gieo ở tiếng cuối câu, vần cách, vần liền, bằng trắc xen kẽ hoặc nối tiếp). Ngắt nhịp: 2/3 hoặc 3/2.  **- Đề tài:** Viết về ông đồ.  - **Chủ đề:** Thể hiện niềm thương cảm của nhà thơ với ông đồ và lớp người như ông, niềm nhớ tiếc quá khứ với những phong tục văn hóa đẹp đẽ.  **Câu 2.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu những từ ngữ, chi tiết miêu tả:** | **Khổ 1,2** | **Khổ 3,4** | | **1. Khung cảnh, thời gian:** | + Thời gian: “Mỗi năm”, thời điểm “hoa đào nở”;  + Không gian: “phố đông người ”;  + Công việc: “Bày mực tàu giấy đỏ”;  + Hình ảnh “hoa đào”- loài hoa mang tín hiệu của mùa xuân gợi ta nhớ đến không khí ngày Tết cổ truyền của dân tộc. | + Thời gian: “Mỗi năm mỗi vắng”;  + Không gian: “người thuê viết này đâu? không ai hay”; “giấy đỏ buồn, mực đọng, lá vàng rơi, mưa bụi bay…”  + Công việc: “ngồi đấy” | | **2. Hình ảnh ông đồ:** | + Cùng mực tàu, giấy đỏ góp phần vào sự đông vui náo nhiệt của phố phường.  + Ông trở thành trung tâm của bức tranh xuân, là đối tượng để mọi người ngưỡng mộ, ngợi ca.  + Trong niềm vui đông khách, ông như người nghệ sĩ được trổ tài trước công chúng - đưa tay viết những nét chữ thanh cao, bay bổng, phóng khoáng: “*Hoa tay thảo những nét/Như phượng múa rồng bay*” | + Ông đồ trở thành người nghệ sĩ mất công chúng, niềm vui viết chữ giúp ích cho mọi người không còn nên ngồi buồn trong nỗi sầu tủi.  + Nỗi buồn sầu của ông như thấm sâu vào cảnh vật phản chiếu lên giấy, nghiên mực: “*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*”  + Dù mọi người không còn mến mộ đến tìm mua chữ “*ông đồ vẫn ngồi đấy*”- bên hè phố đông người, vẫn bám trụ cuộc sống, vẫn muốn góp phần vào sự đông vui của phố phường, vẫn muốn giúp ích cho mọi người thế nhưng người đời quên hẳn ông, không ai chú ý đến sự có mặt của ông trên hè phố: “*Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài giời mưa bụi bay*” | | **3. Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để miêu tả ông đồ:** | - Phụ từ *lại* cụm từ *mỗi năm* gợi sự lặp lại thời gian, lặp lại hình ảnh ông đồ xuất hiện bên phố vào mỗi dịp Tết đến, xuân về.  - Biện pháp nghệ thuật so sánh đã gợi tài năng viết chữ, niềm vui đông khách của ông đồ khi được giúp ích cho mọi người, cho cuộc đời. | + Từ ngữ: “nhưng” gợi sự ngạc nhiên bất thường đổi khác trong thái độ của mọi người với ông đồ, “mỗi năm” gợi sự lặp lại của thời gian.  + Câu hỏi tu từ “*Người thuê viết nay đâu?****”***thể hiện thái độ ngạc nhiên, ngậm ngùi chua xót về sự thay đổi thái độ của người đời với ông đồ.  + Nghệ thuật đối lập: Thể hiện sự cô đơn, lạc lõng của ông đồ, gợi niềm xót xa cho ông đồ lớp trí thức lỗi thời, niềm xót xa khi nét đẹp văn hóa cổ truyền, nét đẹp tâm hồn không còn nữa.  + Nhân hóa: “*Giấy đỏ buồn, nghiên sầu“* -> giúp lời thơ giàu sức gợi, gợi nỗi buồn sầu trĩu nặng trong lòng ông đồ thấm sâu, lan tỏa vào cảnh vật.  - Tả cảnh ngụ tình: gợi hình ảnh lá vàng rơi rụng, cùng mưa bụi đang phủ lên vai ông đồ, rơi trên giấy đỏ…  -> Gợi hình ảnh đáng thương của ông đồ đang chìm vào quên lãng, chìm vào không gian đầy mưa gió. | | **4. Thái độ, tình cảm của mọi người dành cho ông đồ.** | + Nô nức tìm đến ông đồ để mua chữ;  + Tấm tắc, ngợi ca tài viết chữ đẹp của ông.  -> Thể hiên thái độ mến mộ, quý trọng ông đồ - yêu mến chữ nho, mến mộ chữ nho- nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. | + Theo thời gian mọi người tìm đến ông đồ mua chữ ít dần, “*Mỗi năm, mỗi vắng*”, rồi vắng bóng “*Người thuê viết nay đâu?*”  + Không ai chú ý đến sự có mặt của ông đồ “*Qua đường không ai hay*”  -> Sự thay đổi thái độ của mọi người với ông đồ là biểu hiện của nền văn hóa bị lụi tàn, bị đổi thay giá trị, nét đẹp văn hóa một thời nay không còn nữa. | | **5. Tâm trạng của ông đồ trước thái độ tình cảm của mọi người** | Vui, phấn khởi, đắc ý,... | Buồn, cô lẻ, bơ vơ,… | | **6. Tình cảm của tác giả dành cho ông đồ:** | Yêu mến, kính trọng ông đồ - tấm lòng mến mộ nhà nho, chữ Nho nét đẹp văn hóa cổ truyền đáng trân trọng. | + Buồn, xót thương cho ông đồ, cho một nét đẹp văn hóa lụi tàn.  + Buồn thương cho ông đồ và lớp người như ông đã bị người đời lãng quên. | | **7. Niềm hoài cổ của tác giả với ông đồ ở khổ cuối** | - Hình ảnh: “Hoa đào”, “ông đồ” được lặp lại tạo nên kết cấu đầu - cuối tương ứng, tương phản “*Cảnh cũ người đâu?*”  + Hoa đào nở, cái đẹp bất biến >< Người biến mất, vắng bóng.  - Tác giả gọi “ông đồ xưa” thể hiện một cách tinh tế ông đồ không còn nữa “Đã chết theo một thời tàn”. Qua đó bộc lộ tâm trạng hẫng hụt, nuối tiếc của tác giả.  - Khi không thấy ông đồ tác giả thảng thốt: “*Những người muôn năm cũ/Hồn ở đâu bây giờ?*”  + “*Người muôn năm cũ*”: những người có tâm hồn cao đẹp. Đó là những nhà nho *vang bóng một thời*, là những người từng yêu mến nhà nho, chữ nho. Đó là cách gọi tôn vinh thể hiện tấm lòng quý trọng của tác giả.  + Lời thơ như tiếng gọi hồn, thể hiện niềm hoài cổ, nhớ tiếc của tác giả với ông đồ, với lớp trí thức lỗi thời, với những gì từng là giá trị nay rơi vào quên lãng. | | | **Câu 3.** | Bài thơ gợi trong em tình cảm, cảm xúc:  - Yêu mến, ngưỡng mộ, ngợi ca ông đồ;  - Ngậm ngùi, thương cảm khi ông đồ phải ra lề phố bán chữ. | | | **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  **Đề bài**. Viết đoạn văn cảm nhận cái hay của hai câu thơ:  a.  *Giấy đỏ buồn không thắm*  *Mực đọng trong nghiên sầu*  b.  *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài trời mưa bụi bay*  **Đoạn văn tham khảo**  **a. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ**  *Giấy đỏ buồn không thắm*  *Mực đọng trong nghiên sầu*  Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn sầu tủi của ông đồ khi vắng bóng những người thuê viết. Trong hoàn cảnh Tết đến xuân về khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố mong giúp ích cho đời với niềm vui thảo chữ đầu năm, nhưng người đời đã thay đổi thái độ với ông. Phố vẫn đông nhưng khách đến mua chữ vắng dần, mỗi năm mỗi vắng. Bên phố đông người, ông ngồi buồn nhìn dòng đời qua lại như có ý đợi chờ khách tìm đến. Nhưng phố vẫn đông mà chẳng ai chú ý đến ông đến sự có mặt của ông bên lề phố để nỗi buồn của ông như thấm vào cánh vật “*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*”. Với nghệ thuật nhân hóa đặc sắc (các từ *buồn*, *sầu* vốn chỉ tâm trạng của con người được sử dụng trong lời thơ năm chữ Vũ Đình Liên đã tạo nên lời thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút, khiến cho các sự vật vô tri như giấy và nghiên mực như có linh hồn, cũng cảm thấy như con người bơ vơ lạc lõng. Hình ảnh thơ gợi cho ta thấy từng tờ giấy đỏ cứ phơi ra mà chẳng được bút lông chạm đến trở nên bẽ bàng, màu đỏ của nó cũng không thắm lên được, không thể tươi màu son đỏ. Nghiên mực không được bút lông chấm vào nên không còn sóng sánh đen đặc mà như đọng nỗi sầu buồn tủi. Hình ảnh thơ phản chiếu tâm hồn ông đồ - một nỗi buồn u ám, trĩu nặng lên nghiên mực. Nỗi sầu tủi kết đọng hòa cùng mực, màu nước mắt, tạo thành nỗi sầu tủi của giấy mực, của nghiên, của chính ông đồ. Từ “đọng” như kéo nỗi buồn trĩu xuống, sầu kéo dài nỗi buồn thêm cùng đó. Dấu ba chấm lan tỏa trong không gian làm người đọc thêm nặng trĩu thương ông đồ và lớp người như ông. Và càng buồn hơn trước sự vô tình của người đời, khi nét đẹp văn hóa một thời không còn nữa.  **b. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ:**  *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài trời mưa bụi bay*  Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn trĩu nặng của ông đồ trước sự thờ ơ vô tình của người đời. Mỗi năm mỗi vắng, Tết đến xuân về, khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố vẫn mong được góp ích cho cuộc đời nhưng người đời đã quên hẳn ông, thờ ơ đến vô tình. Ông ngồi bên phố đông người với ánh mắt buồn nhìn dòng đời qua lại. Và nỗi buồn sầu của ông như thấm vào cảnh vật “Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài trời mưa bụi bay”. “Lá vàng” là lá cuối đông thả mình rơi trên giấy, đó là biểu hiện sự rơi rụng, tàn lụi. “Mưa bụi” là mưa nhỏ, nhè nhẹ. Hai câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc cho thấy trời đất cũng ảm đạm như chính lòng ông đồ. Tờ giấy đỏ lúc trước không thắm lên được, giờ lại được phủ lá vàng: gió mưa lá rụng phủ lên mặt giấy, lên vai ông đồ, mưa trên phố nhè nhẹ mà thấm đẫm nỗi buồn. Hình ảnh ông đồ như chìm dần, nhòe dần vào không gian đầy mưa gió. Mưa trên phố chính là mưa trong lòng người, để rồi từ đó vĩnh viễn không còn nhìn thấy ông đồ. Hình ảnh “lá vàng”, “mưa bụi” đã dệt nên tấm khăn liệm đưa ông đồ về cõi vĩnh hằng. Hai câu thơ gợi trong lòng ta niềm xót thương cho ông đồ, cho lớp người trở thành lỗi thời - thương cho những gì từng là giá trị, nay trở thành tàn tạ, rơi vào quên lãng. | | |   **Bài 2: Đọc bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh và trả lời các câu hỏi:**   |  |  | | --- | --- | | *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  *Tiếng gà trưa*  *Ổ rơm hồng những trứng*  *Này con gà mái mơ*  *Khắp mình hoa đốm trắng*  *Này con gà mái vàng*  *Lông óng như màu nắng*  *[...] Tiếng gà trưa*  *Tay bà khum soi trứng*  *Dành từng quả chắt chịu*  ad  *Cho con gà mái ấp* | *Cứ hàng năm hàng năm,*  *Khi gió mùa đông tới*  *Bà lo đàn gà toi*  *Mong trời đừng sương muối*  *Để cuối năm bán gà*  *Cháu được quần áo mới.*  *Ôi cái quần chéo go*  *Ống rộng dài quét đất*  *Cái áo cánh chúc bâu*  *Đi qua nghe sột soạt.*  *Tiếng gà trưa*  *Mang bao nhiêu hạnh phúc*  *Đêm cháu về nằm mơ*  *Giấc ngủ hồng sắc trứng*  *Cháu chiến đấu hôm nay*  *Vì lòng yêu Tổ quốc*  *Vì xóm làng thân thuộc*  *Bà ơi, cũng vì bà*  *Vì tiếng gà cục tác*  *Ổ trứng hồng tuổi thơ.*  2-7-1965 (Xuân Quỳnh, *Hoa dọc chiến hào*, NXB Văn học, Hà Nội, 1968, tr. 5 — 7) |   *Câu hỏi:*  [**Câu 1:**Nêu một số đặc điểm hình thức của bài thơ *Tiếng gà trưa* trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ, cách gieo vần, ngắt nhịp.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Một số đặc điểm hình thức của bài thơ:  - Bài thơ *Tiếng gà trưa* viết theo thể thơ năm chữ. Tuy nhiên, có ba khổ mà dòng đầu mỗi khổ chỉ có ba tiếng: *Tiếng gà trưa.* Việc lặp lại những dòng thơ ba tiếng đó nhấn mạnh ấn tượng của người cháu về âm thanh tiếng gà mỗi buổi trưa hè. Tiếng gà vang lên trong thực tại gợi nhớ về tiếng gà tuổi thơ - khi cháu được sống bên bà, được bà yêu thương, chăm sóc.  - Số dòng trong mỗi khổ không đều nhau: Khổ 1 dài nhất với 7 dòng. Các khổ còn lại chỉ gồm 4 hoặc 6 dòng.  - Cách gieo vần của bài thơ cũng khá linh hoạt:  *Tiếng gà trưa*  *Ổ rơm hồng những****trứng***  *Này con gà mái mơ*  *Khắp mình hoa đốm****trắng***  *Này con gà mái vàng*  *Lông óng như màu****nắng***  - Ngắt nhịp: đa phần các dòng trong bài thơ ngắt nhịp 3/2 và 2/3, luân phiên khá nhịp nhàng.  *Trên đường /hành quân xa*  *Dừng chân / bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai/ nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác / cục ta”*  *Nghe xao động / nắng trưa*  *Nghe bàn chân / đỡ mỏi*  *Nghe gọi về / tuổi thơ*  [**Câu 2 :**Tiếng gà trưa là một bài thơ có yếu tố tự sự. Em hãy cho biết ai là người kể chuyện và nội dung câu chuyện được kể là gì.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Vẽ sơ đồ theo mẫu sau vào vở và điền vào sơ đồ những sự việc chính trong câu chuyện:  SBT Ngữ văn 7 Bài tập 6 trang 15, 16, 17 Kết nối tri thức  **Trả lời:**  Tiếng gà trưa là một bài thơ có yếu tố tự sự. Người kể chuyện là người cháu đang trên đường hành quân đi chiến đấu.  Sơ đồ những sự việc chính trong câu chuyện:  SBT Ngữ văn 7 Bài tập 6 trang 15, 16, 17 Kết nối tri thức  [**Câu 3:**Hình ảnh đàn gà của bà trong kí ức của cháu được miêu tả như thế nào?](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Hình ảnh đàn gà của bà trong kí ức của cháu được miêu tả rất sinh động:  - Đó là một đàn gà mái nhiều màu sắc, con nào cũng đẹp và rất khoẻ mạnh. Có con gà mái mơ mình vàng với những đốm lông màu trắng như hoa mơ, có con gà lông màu vàng óng như màu nắng. Có ổ rơm hồng những trứng.  - Biện pháp tu từ điệp ngữ này con gà khiến hình ảnh những con gà mái trong kí ức tuổi thơ của người cháu lần lượt hiện lên rõ nét.  - Biện pháp tu từ so sánh lông óng như màu nắng làm nổi bật vẻ đẹp óng ả, mượt mà, đầy sức sống của những con gà.  Vẻ đẹp, sự khoẻ mạnh, đông đúc của đàn gà cho thấy bà chăm chút đàn gà rất cẩn thận, chu đáo; thể hiện tình yêu, sự quan tâm và mong ước của người bà rằng cháu sẽ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.  [**Câu 4:**Tiếng gà trưa gợi người cháu nhớ về tuổi thơ được bà yêu thương. Nêu cảm nhận của em về tình cảm của bà dành cho người cháu.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Tiếng gà trưa gợi người cháu nhớ về tuổi thơ được bà yêu thương. Tình cảm của bà dành cho người cháu thể hiện một cách hết sức giản dị: dành dụm, chắt chiu từng quả trứng để gà ấp nở ra gà con, lo lắng đàn gà toi, mong trời đừng sương muối để cuối năm bán gà sắm sửa quần áo mới cho cháu.  [**Câu 5:**Xác định biện pháp tu từ điệp ngữ trong khổ thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó:](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *Cháu chiến đấu hôm nay*  *Vì lòng yêu Tổ quốc*  *Vì xóm làng thân thuộc*  *Bà ơi, cũng vì bà*  ad  *Vì tiếng gà cục tác*  *Ổ trứng hồng tuổi thơ.*  **Trả lời:**  Trong khổ thơ cuối, từ được lặp lại là từ vì. Biện pháp tu từ điệp ngữ có tác dụng nhấn mạnh những ý nghĩa của hành động ra đi chiến đấu của người cháu. Người cháu xa bà, xa gia đình vì mục đích cao cả là giành độc lập cho đất nước, cũng là vì những điều bình dị, gần gũi, thân thương như bình yên cho xóm làng, gia đình và người bà đáng kính.  [**Câu 6:**Chỉ ra những nét tương đồng giữa hình ảnh người cháu trong bài thơ *Tiếng gà trưa* và hình ảnh người con trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Những nét tương đồng giữa hình ảnh người cháu trong bài thơ *Tiếng gà trưa* và hình ảnh người con trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*:  - Đều là những người lính xa nhà đi chiến đấu để bảo vệ quê hương, đất nước.  - Tình cảm với gia đình, người thân rất sâu sắc. Một tiếng gà trưa bên xóm nhỏ, một mùi hương lá cây cơm nếp trên rừng Trường Sơn cũng gợi cho những người lính nhớ về bà, về mẹ, về những kỉ niệm tuổi thơ êm đềm bên bà, bên mẹ, được yêu thương, chăm sóc, che chở.  - Tình cảm yêu kính bà, yêu kính mẹ gắn liền với tình yêu làng xóm, yêu quê hương, đất nước. | |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Buổi 5 (Tiết 13, 14, 15)**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP BIỆN PHÁP TU TỪ: NÓI GIẢM NÓI TRÁNH, ĐIỆP NGỮ**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: TRỞ GIÓ**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**Giúp HS củng cố kiến thức:

- Nhận biết phép tu từ nói giảm nói tránh và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.

- Ôn tập củng cố kiến thức về tác giả, tác phẩm văn bản: Trở gió

2. **Năng lực:**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, biện pháp tu từ điệp ngữ.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

**Phẩm chất:** cảm nhận được tình yêu, sự gắn bó của người viết đối với quê hương.

**-** Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị :** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Cách thức:** GV cho HS trả lời các ví dụ để từ đó nhớ lại khái niệm và tác dụng của phép nói giảm nói tránh; mở rộng thêm cách nói giảm nói tránh.  **Ví dụ 1:** Những từ ngữ in đậm trong các đoạn trích sau đây có nghĩa là gì? Tại sao người viết, người nói lại dùng cách diễn đạt đó?  - *Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ* ***đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác,*** *thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.* (Hồ Chí Minh, *Di chúc*)  - *Bác đã* ***đi*** *rồi sao, Bác ơi!*  *Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.* (Tố Hữu, *Bác ơi!)*  - *Lượng con ông Độ đây mà….Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ* ***chẳng còn****.* (Hồ Phương, *Thư nhà*)  \*GỢI Ý:  + "***đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê- nin và các vị cách mạng đàn anh khác***", "***đi***", "***chẳng còn***" : đều mang ý nghĩa chỉ cái chết, mất.  + Người viết, người nói muốn giảm nhẹ mức độ đau thương, nặng nề, ghê sợ của cái chết, sự mất mát.  **Ví dụ 2:** Vì sao trong câu văn sau đây, tác giả dùng từ ngữ ***bầu sữa*** mà không dùng một từ ngữ khác cùng nghĩa?  *Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào* ***bầu sữa*** *nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng*. (Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)  \*GỢI Ý:  Tác giả trong đoạn văn sử dụng từ " bầu sữa" mà không dùng từ khác bởi từ bầu sữa là cách nói tế nhị, tránh thô tục mà vẫn gợi được sự ấm áp, thân thương của tình mẫu tử.  **Ví dụ 3:** So sánh hai cách nói sau đây, cho biết cách nói nào nhẹ nhàng, tế nhị hơn đối với người nghe.  *- Con dạo này* ***lười lắm****.*  *- Con dạo này* ***không được chăm chỉ lắm.***  **\*GỢI Ý:**  Trong hai cách nói thì câu "*Con dạo này không được chăm chỉ lắm*" là cách nói nhẹ nhàng, tế nhị đối với người nghe. | 1. **Hệ thống kiến thức**   **1. Nói giảm nói tránh**  **a. Khái niệm:**  - Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển trong giao tiếp.  **- Ví dụ:** Chúng ta thường dùng từ tử thi thay cho từ xác chết hoặc muốn nói lịch sự chúng ta không dùng từ già mà dùng từ có tuổi,…  **b. Tác dụng:**  - Tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề;  - Tránh thô tục, thiếu lịch sự.  - Tôn trọng người đối thoại với mình.  - Giúp người nghe dễ tiếp thu ý kiến, góp ý.  **c. Những cách nói giảm nói tránh:**  – Có 4 cách mà chúng ta có thể áp dụng biện pháp tu từ này khi làm văn gồm:  + Dùng các từ đồng nghĩa đặc biệt là từ Hán – Việt: **Ví dụ:** *Bà cụ đã chết rồi => Bà cụ đã quy tiên rồi.*  + Dùng cách nói vòng: **Ví dụ:** *Anh còn kém lắm => Anh cần phải cố gắng hơn nữa.*  + Dùng cách nói phủ định bằng từ trái nghĩa: **Ví dụ:** *Bức tranh này anh vẽ xấu lắm => Bức tranh này anh vẽ chưa được đẹp lắm.*  + Dùng cách nói trống (tỉnh lược): **Ví dụ:** *Anh ấy bị thương nặng thế thì không còn sống được lâu nữa đâu chị à => Anh ấy (…) thế thì không ( …) được lâu nữa đâu chị à.*  **2. Điệp ngữ**  **1, Khái niệm:** là 1 từ, 1 ngữ đ­ược nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhằm mục đích nhấn mạnh ý, mở rộng ý, gây ấn tư­ợng mạnh hoặc gợi ra những cảm xúc trong lòng ngư­ời đọc, ngư­ời nghe.  Điệp ngữ là lặp có nghệ thuật.  **2 -Các loại điệp ngữ**  Có 3 loại  \*Điệp nối tiếp: là những từ đư­ợc lặp lại trực tiếp đứng bên nhau nhằm tạo nên ấn tư­ợng mới mẻ có tính chất tăng tiến.  Ví dụ  *Mai sau*  *Mai sau*  *Mai sau...*  *Đất xanh tre vẫn xanh màu tre xanh*  \*Điệp cách quãng: Những từ đư­ợc lặp lại đứng cách xa nhau nhằm gây ấn tư­ợng nổi bật và có tác dụng âm nhạc rất cao.  Ví dụ  *Anh đi anh nhớ quê nhà*  *Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm t­ương..*  \*Điệp vòng tròn  Là dạng điệp ngữ chữ cuối câu trư­ớc đư­ợc láy lại thành chữ đầu câu sau và cứ thế làm cho câu văn, câu thơ liền nhau như­ những đợt sóng.  Ví dụ:  *Thả mìn Mĩ đã thua to*  *Thua to mĩ lại không cho vớt mìn*  *Vớt mìn lại bảo không quen*  *Không quen nên Mĩ càng thêm cù nhầy*  *Cù nhầy định giở bài bây*  *Bài bây không sợ mặt mày Uy da*  *Uy da quen giết ng­ười ta*  *Ngư­ời ta quen đến giải hoà thật tâm*  *Thật tâm đi chớ lần khân*  *Lần khân lại bị xa gần ch­ửi thêm.*  **3. Các hình thức điệp ngữ**  **a) Lặp từ, cụm từ, câu nhằm tạo ra sự nhấn mạnh**  VD: Trong bài *Sắc màu em yêu* , cụm từ “**Em yêu”** được lặp đi lặp lại ở tất cả các dòng đầu của các khổ thơ. Việc lặp đi lặp lại đó có tác dụng nhấn mạnh tình yêu của bạn nhỏ đối với quê hương đất nước. Đó là những sự vật hiện tượng thân thiết xunh quanh bạn nhỏ  **b) Lặp từ, cụm từ, câu nhằm tạo ra sự liệt kê**  VD: Hạt gạo làng ta  **Có** vị phù sa  Của sông Kinh Thầy  **Có** hương sen thơm  Trong hồ nước đầy  **Có** lời mẹ hát....  Có bão tháng bẩy  Có mưa tháng ba  Việc lặp lại nhiều lần từ *có* trong bài là sự liệt kê những chất làm nên hạt gạo và giúp người đọc thấy được: Để làm ra hạt gạo trong thời chiến tranh thật là khó. Cây mạ được cấy xuống không chỉ có phù sa màu mỡ, có hương được chắt lợ cái tinh túy của đất trời, có sự tảo tần sớm hôm của người nông dân mà còn có cả những thiên tai lẫn đạn bom  **c) Lặp từ, cụm từ,cả câu nhằm tạo sự khẳng định**  VD: Phượng **không phải** là một đóa, **không phải** vài cành, phượng đây là **cả** một loạt, **cả** một vùng, **cả** một góc trời đỏ rực... |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: TRỞ GIÓ** | |
|  | **III. Kiến thức cơ bản**  **1.Tác giả:** Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, sáng tác thành công ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết,  **2.Tác phẩm**  **a. Thể loại:** Tạp văn  **b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  Bài thơ được in trong tập Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư năm 2015.  **c. Phương thức biểu đạt :**  Văn bản Trở gió có phương thức biểu đạt là tự sự  **d. Tóm tắt văn bản Trở gió:**  Đoạn trích là những tâm tư, cảm nhận của tác giả khi mùa gió về. Những tâm trạng lộn xộn, ngổn ngang vừa bực vừa mừng, ngóng chờ, vội vã. Nhưng cũng chính những cơn gió chướng lại là một phần của cuộc sống của nhân vật “tôi”, nhắc đến nó sẽ khiến tác giả da diết nỗi nhớ cùng những hình ảnh về quê nhà.  **e. Bố cục bài Trở gió:**  Trở gió có bố cục gồm 2 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến *“bắt đầu rụng xuống”*: Tâm trạng ngổn ngang của tác giả khi mùa gió chướng về.  + Phần 2: Còn lại: Sự mong chờ và tình cảm của tác giả với những cơn gió chướng.  **3. Giá trị nội dung:**  Qua đoạn trích ***Trở gió***, tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã tạo nên một hình dung trọn vẹn về những cơn gió chướng. Mùa gió chướng về không chỉ là sự thay đổi thời tiết, báo hiệu một năm cũ sắp qua, mà còn gợi trong tâm trạng của con người những cảm xúc ngóng chờ, vội vã ngổn ngang. Dẫu vậy, hai từ “gió chướng” vẫn gắn liền với nỗi nhớ và những kỉ niệm về gia đình và quê hương vô cùng đẹp đẽ, không thể nào quên.  **4. Giá trị nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm  - Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hoá  - Nhiều từ ngữ địa phương, mang đậm phong cách Nam Bộ. |
|  | **LUYỆN TẬP**  **\*Cách thức chung:**  - GV cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi theo bàn, đọc và xác định các yêu cầu của đề, sau đó lần lượt thực hiện từng yêu cầu của bài tập.  - HS tiếp nhận và thực hiện yêu cầu, suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi, trình bày kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.   1. - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương, rút kinh nghiệm. |
| **BÀI TẬP VỀ NÓI GIẢM, NÓI TRÁNH**  **PHIẾU SỐ 1:**  **Bài tập 1:** Điền các từ ngữ nói giảm nói tránh sau đây vào chỗ trống /…/ : *đi nghỉ, khiếm thị, chia tay nhau, có tuổi, đi bước nữa.*  *a) Khuya rồi, mời bà /…/*  *b) Cha mẹ em /…/ từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*  *c) Đây là lớp học cho trẻ em /…/*  *d) Mẹ đã /…/ rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*  *e) Cha nó mất, mẹ nó /…./, nên chú nó rất thương nó.*  *GỢI Ý:a) Khuya rồi, mời bà* ***đi nghỉ****.*  *b) Cha mẹ em* ***chia tay nhau*** *từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*  *c) Đây là lớp học cho trẻ em* ***khiếm thị****.*  *d) Mẹ đã* ***có tuổi*** *rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*  *e) Cha nó mất, mẹ nó* ***đi bước nữa****, nên chú nó rất thương nó.*  **Bài tập 2:** Trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có sử dụng cách nói giảm nói tránh?  *a1) Anh phải hoà nhã với bạn bè!*  *a2) Anh nên hoà nhã với bạn bè!*  *b1) Anh ra khỏi phòng tôi ngay!*  *b2) Anh không nên ở đây nữa!*  *c1) Xin đừng hút thuốc trong phòng!*  *c2) Cấm hút thuốc trong phòng!*  *d1) Nó nói như thế là thiếu thiện chí.*  *d2) Nó nói như thế là ác ý.*  *e1) Hôm qua em hỗn với anh, em xin anh thứ lỗi.*  *e2) Hôm qua em có lỗi với anh, em xin anh thứ lỗi.*  *GỢI Ý:* **Câu có sử dụng nói giảm nói tránh**  *a2) Anh* ***nên*** *hoà nhã với bạn bè!*  *b2) Anh* ***không nên*** *ở đây nữa!*  *c1)* ***Xin đừng*** *hút thuốc trong phòng!*  *d1) Nó nói như thế là* ***thiếu thiện chí.***  *e2) Hôm qua em* ***có lỗi*** *với anh, em xin anh thứ lỗi.*  **Bài tập 3.** Xác định biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu sau. Cách nói giảm - nói tránh trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.  a) *Có người thợ dựng thành đồng*  *Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!*                                      (Thu Bồn)  b) *Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà "về" năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...*                                        (Tố Hữu)  c) *Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi*.                                                       (Tô Hoài)  **Gợi ý:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Biện pháp nói giảm nói tránh** | **Biểu thị** | **Tác dụng** | | a. Người thợ dựng thành đồng | Biểu thị cái chết | Làm giảm sự đau thương mất mát đối với người nghe | | b. Ông mất | Biểu thị cái chết | | c. Khuất núi | Biểu thị cái chết |   **Câu 4:** Hãy sử dụng biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh để chuyển các câu sau đây thành những câu cùng nghĩa (hoặc gần nghĩa):   |  |  | | --- | --- | | a. Bạn ấy chậm lắm | Mẫu: Bạn ấy không được nhanh nhẹn. | | b. Cô ấy nấu ăn rất vụng |  | | c. Dạo này trông bác yếu quá |  | | d. Ông bà em đã già rồi |  |   **Gợi ý:**   |  |  | | --- | --- | | a. Bạn ấy chậm lắm | Mẫu: Bạn ấy không được nhanh nhẹn. | | b. Cô ấy nấu ăn rất vụng | Cô ấy nấu ăn không được ngon lắm. | | c. Dạo này trông bác yếu quá | Dạo này trông bác không được khỏe như trước. | | d. Ông bà em đã già rồi | Ông bà em đã có tuổi rồi. | | |
| **BÀI TẬP VỀ ĐIỆP NGỮ**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Bài 1: Cho câu thơ sau:**  “Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ  Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”  Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật điệp ngữ trong 2 câu thơ trên?  **Bài 2:** Hãy chỉ ra những điệp ngữ trong đoạn thơ, đoạn văn sau và nêu tác dụng của những điệp ngữ đó. ( Nhằm nhấn mạnh ý gì, hoặc gợi cảm xúc gì cho người đọc?)  *a) Mình về với Bác đường xuôi*  *Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.*  *Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời*  *Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường.*  *Nhớ Người những sáng tinh sương*  *Ung dung yên ngựa trên đường suối reo*  *Nhớ chân Người bước lên đèo*  *Người đi, rừng núi trông theo bóng Người.....*  (Nhớ Việt Bắc – Tố Hữu)  *b) Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bôn hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.*  (Đường đi Sa Pa – Nguyễn Phan Hách)  *c) Người ta đi cấy lấy công*  *Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.*  *Trông trời, trông đất, trông mây*  *Trông mưa, rông nắng, trông ngày, trông đêm.*  *Trông cho chân cứng đá mềm*  *Trời êm bể lặng mới yên tầm lòng*  (Đi cấy – Ca dao)  **GỢI Ý:**  **Bài 1:** Điệp ngữ “chưa ngủ”: như 1 bản lề mở ra 2 cung bậc tâm trạng của nhân vật chữ tình: niềm say mê cảnh sắc thiên nhiên và nỗi lo nước nhà. Hai tâm trạng đó thống nhất trong con người Bác thể hiện sự hòa hợp giữa nhà thơ và người chiến sĩ trong vị lãnh tụ.  **Bài 2:** a) Trong đoạn thơ đó, tác giả đã sử dụng điệp ngữ: *Nhớ, Người*. Những điệp ngữ đó có tác dụng gây ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc về Bác Hồ kính yêu đồng thời gợi cảm xúc nhớ thương gắn bó da diết với Việt Bắc – Nơi căn cứ địa của Cách mạng, nơi có những người dân sống rất chân tình và hết lòng chở che cho Cách mạng  b) Tả cảnh đẹp của Sa Pa, nhà văn Nguyễn Phan Hách có viết: “Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu........hiếm quí.” “ Thoắt cái” là từ chỉ thời gian. Việc lặp lại từ này tới ba lần trong đoạn văn có tác dụng gợi cảm xúc đột ngột, ngỡ ngàng và nhấn mạnh sự thay đổi rất nhanh của thời gian. Du khách đến Sa Pa không những được tận hưởng cảnh đẹp nên thơ mà còn được chứng kiến sự biến đổi huyền ảo của thời tiết ở đó.  c) Trong bài ca dao đó, điệp ngữ *trông* có tác dụng nhấn mạnh được ý nghĩa sâu sắc: người đi cấy phải luôn tính toán, lo lắng, mong mỏi rất nhiều điều để công việc đạt kết quả tốt và bản thân được yên lòng.  **PHIẾU SỐ 3:**  **Bài 1:** Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nêu tác dụng?  “Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai sấm được trai đừng thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân”( Minh Hương)  **Bài 2: Theo em, đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm hay không?**  Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trông rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày quốc tế phụ nữ, em hái hoa sau vừn nhà tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị.  **Bài 3: *Viết lại những câu văn sau có dùng điệp ngữ nhằm nhấn mạnh và gợi cảm xúc cho người đọc:***  a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.  b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!  c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.  **GỢI Ý:**  **Bài 1:** “ai bảo được, ai cấm được”, chữ “thương” được lặp lại 4 lần liên kết với chữ “yêu”, chữ “nhớ” đã tạo nên trường thương nhớ mênh mang tràn ngập khắp các câu văn, làm cho lời văn mềm mại, tha thiết theo dòng cảm xúc đọc lên ta cứ ngỡ như lời thơ, lời hát.  => Thể hiện rõ tình cảm, tấm lòng của tác giả đối với mùa xuân, với quê hương, đất nước.  **Bài 2:** Việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ trong đoạn văn không có tác dụng biểu cảm, bởi vì sự lặp lại đó không phải do dụng ý nghệ thuật, mà do sự vụng về của người viết.  Sửa lại:  Mảnh vườn phía sau nhà em trông rất nhiều loài hoa: Cúc, thược dược, đồng tiền, hoa hồng và cả lay ơn nữa. Ngày Quốc tế phụ nữ em hái hoa tặng mẹ và t  ặng chị..  **Bài 3:**  a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.  *- >* Tôi *yêu* căn nhà đơn sơ, *yêu* khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và *yêu* cả lũy tre thân mật làng tôi.  b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!  - > Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi *đẹp* quá, *đẹp* đến mê hồn!  c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.  - > Tôi lớn lên bằng *tình thương* của bố, *tình thương* của mẹ, *tình thương* của bà con xóm giềng nơi tôi ở.  **PHIẾU SỐ 3:**  **Bài 1:** Chỉ ra điệp ngữ và phân tích tác dụng?  Trên đường hành quân xa  Dừng chân bên xóm nhỏ  Tiếng gà ai nhảy ổ:  " Cục... cục tác cục ta"  Nghe xao động nắng trưa  Nghe bàn chân đỡ mỏi  Nghe gọi về tuổi thơ( Xuân Quỳnh)  **Bài 2: Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nói rõ đây là những dạng điệp ngữ gì.**  Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải *xa nhau*. Có thể *xa nhau* mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một *giấc mơ*. Một *giấc mơ* thôi.  (Khánh Hòai)  **Bài 3: Hãy viết đoạn văn ngắn có sử dụng điệp ngữ.**  **GỢI Ý:**  **GỢI Ý:**  **Bài 1:** Điệp từ “nghe” lặp lại 3 lần -> để nhấn mạnh nỗi xúc động của người chiến sĩ khi nghe tiếng gà trưa. tiếng gà trưa làm xao động không gian và xao động lòng người.  **Bài 2:**  - Xa nhau... xa nhau... => điệp ngữ cách quãng.  - Một giấc mơ. Một giấc mơ => điệp ngữ vòng tròn  **Bài 3**. *Ngày mai*, ngày khai giảng năm học mới, em bồn chồn thao thức, nghĩ đến giây phút đứng ở sân trường nhìn lá cờ đỏ bay phấp phới và nghe tiếng trống giòn giã tưng bừng chào mừng năm học mới.. mà thấy háo hức vô cùng... *Ngày mai*... *Ngày mai* sẽ đến. | |
| **BÀI TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**  **PHIẾU SỐ 5: Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**  Gió chướng với tôi, một đứa bấp bỏm văn chương, nó "gợi" khủng khiếp. Tôi vẫn thường hình dung, một mai mình đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc, hoặc ai đó nhắc chỉ gọn lỏn hai từ "gió chướng", ngay lập tức tôi sẽ chết giấc trong nỗi nhớ quê nhà. Và những hình ảnh quen thuộc hàng hàng lũ lượt hiện ra, những nùi rơm vướng oằn nhánh me, giồng bạc hà cháy lá, con nước rong linh đinh lém bờ sông, má đứng giê lúa, trấu bay xà quần về cuối gió, vài buồng cau quá lứa thắp lửa trên cao, tiếng chày quết bánh phồng thâm u trong rặng dừa nước... Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trễ, tầm tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái lơi lơi, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.              Ở đó, siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu dưa hành bánh chưng, bánh tét, liệu ở đó, có ai bán một mùa gió cho tôi?   (Ngữ văn 7, tập 1)  Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  Câu 2: Câu văn cuối cùng của văn bản gọi cho em suy nghĩ gì?  Câu 3: Nêu cảm nhận của em về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản.  Câu 4: Trong hình dung của tác giả, nếu một mai đi xa, nhắc đến “gió chướng", những hình ảnh quen thuộc nào hiện ra trong tâm trí? Còn với bản thân em, nếu phải xa nhà, xa quê, em nhớ nhất diéu gi?  **GỢI Ý:**  Câu 1: Văn bản ***Trở gió***, tác giả Nguyễn Ngọc Tư.  C2. Gợi cho em suy nghĩ về tình yêu quê hương của tác giả. Mặc dù Sài Gòn phồn hoa đô hội nhưng trong lòng của tác giả cũng vẫn luôn nhớ về quê hương bình dị của mình. C3: Đó là tình yêu, sự gắn bó tha thiết với con người, cảnh sắc quê hương và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, có khả năng cảm nhận được những thay đổi rất nhỏ, rất khẽ khàng của tạo vật cũng như của tâm trạng con người mỗi khi gió chướng về C4.  Nếu một mai đi xa, nhắc đến “gió chướng, những hình ảnh quen thuộc nào hiện ra trong tâm trí” của tác giả là:  + những nùi rơm vướng oằn nhánh me  + giồng bạc hà cháy lá  + con nước rong linh đinh  + má đứng rê lúa, trấu bay xà quần  + vài buồng cau quá lứa thắp lửa trên cao  + tiếng chày quết bánh phồng thâm u trong rặng dừa nước  + trời mát riu riu, nắng thức trễ nắng không ra vàng không ra trắng.  - Bản thân em, nếu phải xa nhà, xa quê, em nhớ nhất: bản thân mỗi người sẽ có những ấn tượng và thứ | |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Buổi 6 (Tiết 116, 17, 18)**

**ÔN TẬP VIẾT**

**TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**I. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố:

1. **Kiến thức:**

* Ôn tập và củng cố về dạng bài tập làm thơ bốn chữ, năm chữ
* HS vận dụng những kiến thức về thể thơ để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
* Đúng đặc trưng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
* Nội dung phù hợp với lứa tuổi, thể hiện được những tình cảm hồn nhiên, chân thành.

**2.Năng lực:**- Nhận diện được thể thơ bốn chữ khi đọc và học thơ ca.

- Xác định được cách gieo vần trong bài thơ thuộc thể thơ bốn chữ.

- Vận dụng những kiến thức về thể thơ bốn chữ vào việc tập làm thơ bốn chữ, năm chữ.

**3.Phẩm chất:**Yêu thích và tập sáng tác thơ ca.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**TRÒ CHƠI “HỎI NHANH ĐÁP GỌN”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung câu hỏi** | **Yêu cầu trả lời** |
| **Câu 1** | Mỗi bài thơ bốn chữ, năm chữ có mấy dòng? | Bài thơ bốn chữ, năm chữ có nhiều dòng |
| **Câu 2** | Mỗi bài thơ bốn chữ thường ngắt nhịp như thế nào? | Bài thơ bốn chữ ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3 |
| **Câu 3** | Có thể ngắt nhịp dòng thơ năm chữ như thế nào? | Chủ yếu nhịp 2/3 hoặc 3/2, có khi ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1. |
| **Câu 4** | Các dòng trong khổ thơ bốn chữ, năm chữ phải ngắt nhịp giống nhau. Điều đó đúng hay sai? | - Sai  - Các dòng cùng một khổ trong bài thơ không nhất thiết phải ngắt nhịp giống nhau. |
| **Câu 5** | Vần gieo trong thơ bốn chữ, năm chữ gồm những loại nào? | Gieo vần linh hoạt, đa dạng: Vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách, vần hỗn hợp. |
| **Câu 6** | Chỉ ra điểm khác biệt của vần chân và vần lưng. | - Vần chân: vần được gieo ở cuối dòng thơ  - Vần lưng: vần gieo ở giữa dòng thơ |
| **Câu 7** | Phân biệt vần liền, vần cách, vần hỗn hợp trong thơ. | - Vần liền: vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ.  - Vần cách: không gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ.  - Vần hỗn hợp: vần được gieo không theo trật tự nào. |
| **Câu 8** | Nêu quan điểm của bạn về ý kiến “*Cùng đọc một bài thơ mọi người phải có những cảm nhận như nhau*”. | - Không đồng ý  - Cùng đọc một bài thơ nhưng mỗi người đọc có những cách hiểu và cảm nhận khác nhau. |
| **Câu 9** | Việc hiểu tác phẩm thơ phụ thuộc vào các yếu tố nào? | Việc hiểu tác phẩm phụ thuộc vào trình độ, hoàn cảnh, trải nghiệm cuộc sống. |
| **Câu 10** | Bạn hiểu thế nào là trải nghiệm cuộc sống? | Trải nghiệm là những gì mình đã trực tiếp chứng kiến, đã làm, đã trải qua. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ** | |
| \*GV cho HS ôn tập lại các kiến thức về thơ bốn chữ và thơ năm chữ bằng cách tổ chức trò chơi **“Hỏi xoáy đáp xoay”.**  \*HS tham gia trò chơi với gói mười câu hỏi khơi gợi kiến thức ngữ văn về thơ bốn chữ, năm chữ.  \*HS suy nghĩ, lần lượt bôc thăm trả lời.  \*GV nhận xét, khích lệ, tuyên dương, chốt kiến thức. | **a. Đặc điểm thơ bốn chữ và thơ năm chữ** |
| - Hướng dẫn cách chơi.  Luật chơi: Mỗi đội cử 5 hs đại diện tham gia trò chơi. Mỗi bạn cầm 1 tờ giấy, ghi 1 từ có thể điền vào chỗ trống. Đội nào hoàn thành trước, đúng và lý giải hợp lý sẽ giành chiến thắng.  1. Lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống?  1. *(Ngay, trong, đây)*  Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào …..  Mát ơi là mát!  2. *(băm, cày, lao)*  *(mịt, sương, mờ)*  Ngựa phăm phăm bốn vó  Như … xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù ….  Mặc đêm đông giá buốt.  3. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt …  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn chưa!  4. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt sương  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn … !  5. Bé em ơi hãy ngủ  Ba mẹ đi làm rồi  Ngủ ngoan nhé …  Trong lời ru của chị  Gió hiu hiu thổi …  Thơm hương bưởi nồng nàn  Hoa cúc thắm nắng …  Nghiêng vào trong giấc ngủ.  *2) Từ VD trên, hãy rút ra đặc điểm về cách ngắt nhịp, gieo vần của thơ bốn chữ, năm chữ.* | **b. Thực hành làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ**  **1.Thi thả thơ (Điền từ thích hợp vào chỗ trống)**  1. Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào *trong*  Mát ơi là mát!  2. Ngựa phăm phăm bốn vó  Như *băm* xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù *sương*  Mặc đêm đông giá buốt.  3. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt *mưa*  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn chưa!  4. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt sương  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn *thương*!  5. Bé em ơi hãy ngủ  Ba mẹ đi làm rồi  Ngủ ngoan nhé *bé ời*  Trong lời ru của chị  Gió hiu hiu thổi *nhẹ*  Thơm hương bưởi nồng nàn  Hoa cúc thắm nắng *vàng*  Nghiêng vào trong giấc ngủ  **- Nhận xét:**  **+** Thơ bốn chữ mỗi dòng có bốn chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3.  **+** Thơ năm chữ mỗi dòng có năm chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1.  **+** Thường gieo vần lưng hoặc vần chân.  **\*Định hướng chung:**  + Đọc lại đoạn thơ bốn chữ, năm chữ  + Nắm chắc kiến thức ngữ văn về cách gieo vần trong thơ bốn chữ, năm chữ. |
| - Chia lớp ra làm 4-6 nhóm (Mỗi dãy gồm 2-3 nhóm):  Viết tiếp để tạo thành bài thơ 4 chữ, 5 chữ (từ 4 đến 8 câu)  **Dãy A: Mùa xuân xinh tươi**  **Dãy B: Ngày đầu em đến lớp** | **2. Viết tiếp một số câu thơ theo dòng thơ mở đầu cho sẵn** |
| Hs tự làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ theo các chủ đề: Người thân, kỷ niệm, loài cây, con vật,…  *? Để có thể làm thơ bốn chữ, năm chữ đúng yêu cầu em cần làm gì?*  *? Em hãy báo cáo kết quả sản phẩm thơ đã làm:*  *+ Thơ bốn chữ về người thân trong gia đình.*  *+ Thơ bốn chữ về kỉ niệm với người thân, bạn bè.*  *+ Thơ năm chữ về một loài cây.*  *+ Thơ năm chữ về một loài vật.*  - HS lắng nghe yêu cầu, tập trung thực hiện nhiệm vụ học tập.  - GV yêu cầu 2-3 HS trình bày, HS khác nghe, bày tỏ quan điểm và và bổ sung cho bạn (nếu cần).  - GV hướng dẫn HS đánh giá các bài thơ đoạn thơ hoàn chỉnh HS trình bày và kết luận.  - GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức cho HS tham khảo một số đoạn thơ, bài thơ. | **3.Tập làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ.**  **\*Chuẩn bị:**  - Xác định đối tượng (*Về ai, kỉ niệm, loài vật, loài cây...*)  - Định hướng tình cảm, cảm xúc:  + Về người thân, bạn bè: Yêu mến, kính trọng, nhớ thương.  + Kỉ niệm: Nhớ, xúc động.  **\*Viết bài:**  - Kể hoặc miêu tả đối tượng để thể hiện tình cảm, cảm xúc dành cho đối tượng.  - Lựa chọn từ ngữ thích hợp để kể, tả đối tượng: Biện pháp tu từ so sánh, tương phản, điệp cấu trúc.  - Sắp xếp từ ngữ trong dòng, trong khổ thơ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thể thơ bốn chữ, năm chữ.  **- Kiểm tra và chỉnh sửa**:  + Đọc lại bài thơ  + Kiểm tra số tiếng, vần, nhịp.  + Sự thống nhất chủ đề: Thể hiện tập trung về đối tượng và tình cảm dành cho đối tượng.  + Có cần thay thế từ ngữ để bài thơ hay hơn không.  **\*Báo cáo sản phẩm hoàn chỉnh:** |
|  | |
| **2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ** | |
| **\*Bước 1:** GV chiếu cho HS đọc lại ba bài thơ bốn chữ, năm chữ yêu thích đã được học ở buổi ôn luyện đọc hiểu:  - Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh)  - “Ông đồ” (Vũ Đình Liên)  **\*Bước 2:** GV cho HS chia sẻ cặp đôi  *1) Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ là gì? (đặc điểm kiểu bài)*  *2) Để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ, em cần chú ý thực hiện những gì?*  **\*Bước 3:** HS căn cứ phần định hướng SGK trả lời câu hỏi:  - Từng cặp đôi trả lời câu hỏi theo hình thức chia sẻ kết quả thảo luận của mình:  + Một học sinh hỏi.  + Một học sinh trả lời.  + Cuối cùng người hỏi cùng thống nhất với người trả lời về nội dung.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi.  **\*Bước 4:** GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những lưu ý. | **1. Định hướng**  **a. Yêu cầu kiểu bài:**  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ là trả lời các câu hỏi:  *+ Bài thơ gợi cho em những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao?*  *+ Cảm xúc về nội dung, nghệ thuật của câu thơ (khổ thơ, đoạn thơ) mà em có ấn tượng và yêu thích.*  **b. Nhiệm vụ cần thực hiện:**  - Đọc kĩ để hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Xác định yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc gây ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ.  - Viết đoạn văn:  + Có cảm xúc về vấn đề gì (nội dung hay hình thức nghệ thuật, một câu, khổ, đoạn hay cả bài thơ)?  + Cảm xúc như thế nào (Xúc động, vui thích, buồn, hân hoan...?  + Điều gì đã mang lại cảm xúc đó? Vì sao? |
| \*GV chiếu đề bài:  **Đề bài :** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh).  *1) Để thực hiện yêu cầu của bài tập em sẽ thực hiện những nhiệm vụ nào?*  *2) Nêu kết quả thực hiện các nhiệm vụ đó?*  **Gợi ý:**  *(1) Từ phần đọc hiểu bài thơ* “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) *em hãy chỉ ra những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ?*  *(2) Em làm gì để tìm ý cho bài viết? Nêu kết quả việc tìm ý đó của em.*  *(3) Với các ý đã tìm được em sẽ lập dàn ý cho bài viết như thế nào?*  *(4) Trên cơ sở dàn ý đã lập, em sẽ viết đoạn văn như thế nào?*  *(5) Sau khi viết, em đã chỉnh sửa như thế nào?*  *\**HS đọc lại bài thơ và hoàn thiện yêu cầu các bước; sau đó báo cáo thảo luận trên cơ sở phiếu học tập đã cho ở buổi học trước và thực hiện với bài thơ “Mẹ” (Đỗ Trung Lai)  **\***GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những việc cần thực hiện cho các khâu chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài và kiểm tra, chỉnh sửa.  - Cho HS đánh giá bài viết của bạn và bản thân theo tiêu chí bảng kiểm.  - HS trên cơ sở góp ý đánh giá tự kiểm tra và chỉnh sửa lại bài viết.  \*GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **2. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ**  **Đề bài 1:** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh).  **a. Tìm ý và lập dàn ý**  **\*Tìm ý:**  **-** Chỉ ra các câu thơ, đoạn thơ mà mình yêu thích**;**  - Chi tiết nội dung, hay yếu tố nghệ thuật đặc sắc mình yêu thích trong bài.  - Cảm xúc mà câu thơ, khổ, đoạn thơ hoặc chi tiết nghệ thuật đó đã mang lại.  **\*Lập dàn ý:**  **- Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ, dẫn ra yếu tố nội dung nghệ thuật đặc sắc mà mình yêu thích.  **- Thân đoạn:**  Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  **- Kết đoạn:** Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mạng lại cảm xúc ấy.  **b. Viết:** Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý sử dụng từ ngữ ghi lại một cách sinh động và chính xác cảm xúc của bản thân.  **c. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **-** Đọc lại bài viết  - Kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu)  + Lỗi chính tả.  - Về hình thức: Đảm bảo trình bày đúng quy cách đoạn văn như lùi đầu dòng, chữ đầu tiên viết hoa, chấm câu khi kết thúc đoạn. Số lượng câu phù hợp với yêu cầu của để.  Về nội dung: Nêu được cảm xúc về một số nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài *Tiếng gà trưa* (thể thơ năm chữ, đặc điểm về cách gieo vần, ngắt nhịp; yếu tố tự sự và miêu tả; hình ảnh nổi bật; biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ,.. .; cách sử dụng từ láy; tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước;...).  **\* Đoạn văn mẫu tham khảo:**  Xuân Quỳnh là cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam, thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Bài thơ "Tiếng gà trưa" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của bà. Bài thơ viết về tình bà cháu thiêng liêng và cảm động. Trong một buổi hành quân, người cháu đã nghe được tiếng gà trưa và những kỉ niệm về bà ùa về trong kí ức. Cả một tuổi thơ gắn bó bên bà, được bà yêu thương chăm sóc. Bà dành dụm, chắt chiu từng quả trứng, chăm đàn gà từng con một kể cả khi trời gió rét mưa dầm. Những gì thu được từ đàn gà, bà đều dành cho cháu: nào là cái quần chéo go, ống rộng dài quét đất, nào là cái áo cánh trúc bâu... Tình yêu của bà thể hiện qua những điều giản dị, bình thường. Chính tình yêu thương của bà đã trở thành động lực để người cháu chiến đấu. Qua bài thơ, người đọc cảm nhận tình bà cháu thắm thiết, đồng thời đó cũng là tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc. Đúng như một nhà văn nước ngoài đã nói: Tình yêu Tổ quốc bắt đầu từ những tình cảm nhỏ bé, thiêng liêng, đó là yêu những gì gần gũi nhất với mình. |
|  | **Đề bài 2:** *Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học (Ông đồ - Vũ Đình Liên).*   1. Chuẩn bị. 2. Tìm ý và lập dàn ý   c) Lập dàn ý  - *Mở đoạn* giới thiệu tác giả, nêu ấn tượng cảm xúc chung về bài thơ .  - *Thân đoạn*: Trình bày cảm xúc về bài thơ.  + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ.  + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ.  + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, thông điệp của tác giả…..  - *Kết đoạn*: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ. |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Tiết**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**I. Mục tiêu: Giúp HS củng cố một số kĩ năng nói và nghe:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.

- Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

- Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Ôn tập kiến thức** | |
| \*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức về kiểu bài nói và nghe: trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm như: Các bước chuẩn bị trước, trong và sau khi nói.  \*HS suy nghĩ, trả lời.  \*GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Trước khi nói**  **Chuẩn bị nội dung nói**  **- Bước 1:** Xác định đề tài/vấn đề, người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.30).  **- Bước 2:** Thu thập tư liệu. (SGK, tr.31)  **- Bước 3:** Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng. (SGK, tr.31)  *+Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề;*  *+ Nguyên nhân;*  *+Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu;*  *+ Bài học: Nhận thức và hành động.*  **- Bước 4:** Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi.  **2. Trình bày bài nói**  - Tập trình bày, lắng nghe nhận xét góp ý và hoàn thiện bài nói  **3. Sau khi nói**  **- Người nghe:** Trao đổi về bài nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng;  **- Người nói:** lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị. |
| **2. Thực hành nói và nghe** | |
| \*GV yêu cầu HS thực hiện theo gợi ý các đề bài đã cho, chuẩn bị bài nói và trình bày theo nhóm (nhóm đôi hoặc 3-4 em, mỗi HS trình bày trong 5 phút).  - HS suy nghĩ, lần lượt thực hiện các bước theo yêu cầu của GV. Tự kiểm tra bài nói bằng BẢNG KIỂM.  - HS khác nghe, góp ý, nhận xét hoạt động nói vào Phiếu.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  \*GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **Gợi ý đề tài trao đổi:**  **Đề 1. Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh hiện nay**  **Đề 2. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**  **ĐỀ 3. Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích** |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 3: CỘI NGUỔN YÊU THƯƠNG**

**BUỔI 7 (tiết 19+20+21)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ**

**NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

1. **MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- HS củng cố cách đọc hiểu một văn bản truyện:

+ Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể truyện trong một truyện kể.

+ Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

**2. Năng lực:** Giúp HS tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất:**

**-** Biết bổi đắp, trần trọng tình yêu thương

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ** | |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  **?**Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  ?Nội dung và nghệ thuật | 1. **Hệ thống kiến thức**   **1. Tác giả:** Nguyễn Ngọc Thuần  - Sinh năm 1972, quê ở Tân Thiện- Hàm Tân – Bình Thuận.  - Là một nhà văn trẻ đầy triển vọng ở thể loại văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.  *-*Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần được sáng tác bằng cái nhìn hồn nhiên và ngạc nhiên của trẻ thơ, bằng những nắm bắt tinh tế, những phát hiện ngộ nghĩnh nhưng có sức gợi lớn. Những trang viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần trong trẻo, thân thương, tươi sáng, ấm áp và đầy chất thơ. Qua ngòi bút của Nguyễn Ngọc Thuần, thế giới quen thuộc bỗng hiện lên mới mẻ, tinh khôi như mới sinh thành.  **2. Văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”**  **a. Xuất xứ**  **-** Được trích từ một truyện dài cùng tên dành cho thiếu nhi, xuất bản năm 2004.  - Tác phẩm được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới.  **b. Hình thức văn bản**  **\* Nhan đề** “*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*”: gợi ra cách nhìn nhận vạn vật xung quanh không chỉ bằng đôi mắt mà bằng cả tâm hồn. Khi đó, ta sẽ khám phá ra vô vàn những điều thú vị.  **\*Thể loại:** truyện vừa  **\*Nhân vật:** nhân vật “tôi” – người con; người bố; thằng Tí  **\*Tóm tắt văn bản:**  Hàng ngày, người cha dẫn con ra vườn hoa với nhiều loại hoa và hai cha con cùng nhau tưới hoa. Người cha đố con về tên các loài hoa, nhắm mắt ngửi hoa mà nói đúng tên hoa và cùng nhau chơi các trò trốn tìm. Người con dần quen và hiểu rõ từng loài hoa trong vườn đến mức nhắm mắt, đóng cửa sổ mà vẫn cảm nhận hương hoa đang lan tỏa như thế nào.  \***Ngôi kể:** ngôi thứ nhất  **\* Bố cục: 2 phần** Phần 1: Từ đầu… “*Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới*”: Những trò chơi và bài học mà người bố dạy con.  Phần 2: Còn lại: Trải nghiệm vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ - điều bí mật của nhân vật “tôi” .  **c. Giá trị nội dung**  - Thông qua những trải nghiệm của một cậu bé với người bố của mình, văn bản đã mở ra cho người đọc, đặc biệt là trẻ thơ một thế giới trong trẻo với những khám phá đầy bất ngờ.  - Qua đó, nhà văn gửi gắm những thông điệp có ý nghĩa chung với mọi người:  + Cần trân trọng, biết ơn những món quà người khác tặng cho mình, dù là món quà lớn hay nhỏ. Đó là tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình.  + Hãy cảm nhận thế giới xung quanh ta bằng cả tâm hồn và tình yêu thương, ta sẽ phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.  **d. Giá trị nghệ thuật**  Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn.  - Ngôi kể:ngôi thứ nhất.  - Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành. 🡪 Dễ đi vào chiều sâu tâm hồn con người, đặc biệt là trẻ thơ.  - Xây dựng nhân vật qua hành động, cử chỉ, lời nói, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật khác,.. |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN** | |
| HS Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  ?Nội dung và nghệ thuật? | **1. Tác giả:** Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp (1928-2008)  - Là nhà văn Cư-rơ-gư-dơ-xtan, một nước cộng hòa ở vùng trung Á, thuộc Liên Xô trước đây.  - Ông bắt đầu hoạt động sáng tác văn học từ năm 1952, khi ông còn là sinh viên.  - Đề tài chủ yếu trong tác phẩm của ông: cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-dơ-xtan.  - Lỗi viết của Ai-tơ-ma-tốp cô đọng, hàm súc, có nhiều cách tân độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện.  **2. Văn bản “Người thầy đầu tiền”**  \* **Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm cùng tên kể về bức thư bà viện sĩ An-tư-nai gửi cho người hoạ sĩ đồng hương kể thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.  \***PTBĐ chính**: Tự sự ( kết hợp miêu tả, biểu cảm)  ***\** Cốt truyện:**  **- Nhân vật:** người hoạ sĩ, bà viện sĩ An-tư-nai, thầy giáo Đuy-sen.  *-***Những sự việc chính:**  + Người hoạ sĩ kể về hoàn cảnh bà viện sĩ An-tư-nai gửi bức thư đặc biệt cho anh.  + Trong bức thư, bà viện sĩ An-tư-nai kể lại những kỉ niệm trong quá khứ về người thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.  + Đọc xong bức thư, người hoạ sĩ bày tỏ nhhững băn khoăn, trăn trở về bức tranh dang dở dành tặng người thầy đầu tiên của làng.  ***\** Bố cục đoạn trích**: 4 phần   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phần** | **Người kể chuyện – ngôi kể** | **Ý chính** | | Phần 1 | Người hoạ sĩ  (ngôi thứ nhất) | Giới thiệu hoàn cảnh bà An-tư-nai viết thư cho người hoạ sĩ | | Phần 2 | Bà viện sĩ An-tư-nai  (ngôi thứ nhất) | Nội dung bức thư: Kể về người thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học sinh và tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:  + P2: Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa thầy giáo Đuy-sen và An-tư-nai cùng đám trẻ con.  + P2: Tình cảm thầy trò cảm động | | Phần 3 | Bà viện sĩ An-tư-nai  (ngôi thứ nhất) | | Phần 4 | Người hoạ sĩ  (ngôi thứ nhất) | Băn khoăn, trăn trở của người hoạ sĩ về bức tranh dành cho Người thầy đầu tiên của làng. |   🡺**Tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện ở các phần của đoạn trích**: khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn |
| 1. **LUYỆN TẬP** | |
| **PHIẾU SỐ 1: Đọc lại văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (từ *Bạn hãy tưởng tượng* đến *lối đi an toàn và thơm ngát*) trong SGK (tr. 62 - 63) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Theo nhân vật “tôi” điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2 : Bí mật mà nhân vật “tôi” muốn chia sẻ là gì?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Khi nào chúng ta có thể “nhìn” thấy bông hồng ngay trong đêm tối và không bao giờ lạc lối trong những khu vườn?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: Những cảm xúc, suy nghĩ về khu vườn và các loài hoa thể hiện nét tính cách nào ở nhân vật “tôi”?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: So sánh cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng vị ngữ của câu bằng cụm từ.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Đó chính là một điều bí mật.*  *b. Đó chính là một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn*.  **GỢI Ý:**  [Câu 1:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)- Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” đã phát hiện được:  + Hiểu khu vườn nói gì  + Hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì  + Cảm nhận được tiếng bước chân trong vườn cách bạn bao xa, biết tiếng bước chân đó là của ai.  [Câu 2 :](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)- Bí mật mà nhân vật “tôi” muốn chia sẻ đó là “con mắt thần” nằm ở mũi.  → “bí mật” ấy mang lại rất nhiều điều cho cuộc sống của nhân vật: cách cảm nhận tinh tế, có thể cảm nhận mọi thứ khi nhắm mắt và không bao giờ lạc lối trong khu vườn.  [Câu 3:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Đó là khi chúng ta biết “nhìn” thế giới thiên nhiên không chỉ bằng mắt mà bằng cả những giác quan khác (ví dụ:“nhìn“ hoa hồng qua mùi hương). Từ đó, chúng ta sẽ nhận ra những “người đưa đường” giúp ta không bao giờ lạc lối trong mọi khu vườn.  [Câu 4:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Những cảm xúc, suy nghĩ về khu vườn và các loài hoa đã thể hiện tính cách của một bạn nhỏ có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, yêu thiên nhiên, ...  [Câu 5:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Vị ngữ *một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn* ở câu b nêu thông tin cụ thể hơn so với một điêu bí mật ở câu a. Đó là một điều bí mật mà người nói muốn người nghe được biết, chứ không phải là một điều bí mật chung chung. | |
| **PHIẾU SỐ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Tôi có một cái răng khểnh. Khi đến trường, tụi bạn bảo đó là cái răng bừa cào.*  *Mỗi lần tôi cười chúng cứ chỉ vào đó:*  *- Ha ha, bừa cào kìa! Mày cho tao mượn về chải chí đi!*  *Từ đó, tôi không đám cười nữa. Tôi rất đau khổ. Tôi ghét những đứa có hàm răng đều. Chúng còn chỉ vào mặt tôi nói: “Đó là vì mày không chịu đánh răng. Những người đánh răng, răng mòn đều”*  *Một hôm, bố tôi hỏi:*  *- Sao dạo này bố không thấy con cười?*  *Tôi nói:*  *- Tại sao con phải cười hả bố?*  *- Đơn giản thôi. Khi cười, khuôn mặt con sẽ rạng rỡ. Khuôn mặt đẹp nhất*  *là nụ cười.*  *- Nhưng khi con cười sẽ rất xấu xí.*  *- Tại sao vậy? Bố ngạc nhiên. Ai nói với con?*  *- Không ai cả, nhưng con biết nó rất xấu, xấu lắm bố ơi!*  *- Bố thấy nó đẹp. Bố nói nhỏ con nghe nhé! Nụ cười của con đẹp nhất!*  *- Nhưng làm sao đẹp được khi nó có cái răng khểnh?*  *- Ái chà! Bố bật cười. Thì ra là vậy. Bố thấy đẹp lắm! Nó làm nụ cười của con*  *khác với những đứa bạn. Đáng lí con phải tự hào vì nó. Mỗi đứa trẻ có một điều kì lạ riêng. Có người có một đôi mắt rất kì lạ. Có người có một cái mũi kì lạ. Có người lại là một ngón tay. Con hãy quan sát đi rồi con sẽ thấy. Con sẽ biết rất nhiều điều bí mật về những người xung quanh mình.*  *Tôi biết một điều bí mật về cô giáo: cô có cái mũi hồng hơn những người khác. Và tôi đã nói điều đó cho cô hay. Cô ngạc nhiên lắm.*  *- Thật không? Cô trợn mắt.*  *- Em nói thật! Mũi cô rất hồng. Em còn phát hiện một điều nữa, khi trợn mắt,*  *mắt cô thật to. Những người có con mắt nhỏ không làm được như vậy đâu. Bố em nói đó là một điều bí mật. Cô đừng nói cho ai biết nhé. Khi cô nói điều bí mật ra, cô sẽ quên cái mũi cô ngay.*  *- Vậy à! Em có nhiều điều bí mật không?*  *- Dạ có. Nhưng em sẽ không kể cho cô nghe đâu. Em sợ em sẽ quên nó.*  *- Không sao đâu. Khi em kể điều bí mật cho một người biết giữ bí mật thì bí*  *mật vẫn còn. Khi gặp cô, em sẽ nhớ là có hai người cùng giữ chung một bí mật*.  (Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2014, tr. 18 - 20)  [Câu 1: Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Tại sao nhân vật “tôi” rất đau khổ và không dám cười nữa?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Người bố đã giải thích cho nhân vật “tôi” như thế nào về nụ cười của em và nhiều điều bí mật ở những người xung quanh mình?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Câu 4: Nhân vật “tôi” đã nói với cô giáo điều bí mật gì?  [Câu 5: Hãy nêu cảm nhận của em về nhân vật người bố trong đoạn trích.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 6: Nêu một bài học em rút ra được từ đoạn trích.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 7: Tìm số từ trong các câu sau và giải thích ý nghĩa của chúng:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. *Tôi có một cái răng khểnh*.  b. *Khi gặp cô, em sẽ nhớ là có hai người cùng giữ chung một bí mật*.  [Câu 8: Tìm các phó từ bổ nghĩa cho danh từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. *Tôi ghét những đứa có hàm răng đều*.  b. *Mỗi đứa trẻ có một điều kì lạ riêng.*  [Câu 9: Tìm các phó từ bổ nghĩa cho động từ, tính từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-9-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Từ đó, tôi không dám cười nữa.*  *b. Tôi rất đau khổ.*  *c. Khi cười, khuôn mặt con sẽ rạng rỡ*.  *d. Con hãy quan sát đi rồi con sẽ thấy*.  **GỢI Ý:**  [Câu 1:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”.  [Câu 2:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nhân vật “tôi” có một cái răng khểnh và đến trường bị các bạn trêu đùa.  [Câu 3:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Lời giải thích của người bố về chiếc răng khểnh của nhân vật “tôi” và nhiều điều bí mật ở những người xung quanh mình: *Bố thấy đẹp lắm! Nó làm nụ cười của con khác với những đứa bạn. Đáng lí con phải tự hào vì nó. Mỗi đứa trẻ có một điều kì lạ riêng... Con sẽ biết rất nhiều điều bí mật về những người xung quanh mình.*  Câu 4: Nhân vật “tôi” đã nói với cô giáo điều bí mật là cái mũi của cô hồng hơn những người khác.  [Câu 5:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Từ lời nói của người bố với con, em nêu cảm nhận về nhân vật người bố. Ví dụ: Người bố hết sức tinh tế, quan tâm đến con, giúp con có được sự tự tin và hồn nhiên (nhận thấy dạo này con không cười, giải thích cho con về điều khác biệt rất đáng tự hào của mỗi người,...).  [Câu 6:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Bài học về việc tôn trọng nét riêng về ngoại hình của người khác, không nên chế giễu hình thức của người khác, mỗi người đều có “điều kì lạ riêng” rất đáng tự hào,...  [Câu 7:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. *Tôi có một cái răng khểnh*. → Số từ “một” chỉ số lượng xác định (một cái răng khểnh.)  b. *Khi gặp cô, em sẽ nhớ là có hai người cùng giữ chung một bí mật*. → Số từ “hai” chỉ số lượng người, số từ “một” chỉ số lượng bí mật. (số lượng xác định)  [Câu 8:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. những →*bổ sung ý nghĩa chỉ số lượng nhiều (*những đứa có hàm răng đều)*  *b. mỗi →*bổ sung ý nghĩa chỉ số lượng ít, cá thể. (*Mỗi đứa trẻ)*  [Câu 9:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-9-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Phó từ *không* bổ sung ý nghĩa phủ định.  b. Phó từ *rất* bổ sung ý nghĩa mức độ.  c. Phó từ *sẽ*bổ sung ý nghĩa thời gian.  d. Phó từ *hãy* bổ sung ý nghĩa cầu khiến, phó từ sẽ bổ sung ý nghĩa thời gian. | |
| **ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH** | |
| **PHIẾU 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**  ***Người ăn xin***  *Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lọm khọm đứng ngay trước mặt tôi. Đôi mắt ông lão đỏ đọc và giàn giụa nước. Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại... Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào! Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông rên rỉ cầu xin cứu giúp.*  *Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì.*  *Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra, run lẩy bẩy. Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:*  *- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.*  *Người ăn xin nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:*  *- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. - Ông lão nói bằng giọng khàn đặc.*  *Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.*  (Theo Tuốc-ghê-nhép)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.  **Câu 2.** Cậu bé không có gì cho ông lão, nhưng ông lão lại nói: "Như vậy là cháu đã cho lão rồi". Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì? Theo em, cậu bé đã nhận được gì ở ông lão ăn xin?  **Câu 3.** Xét về cấu tạo, câu: “Chao ôi!” trong văn bản trên thuộc kiểu câu nào? Có tác dụng gì?  **Câu 4.** Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện trên?  **GỢI Ý:**   |  |  | | --- | --- | | **Câu 1** | - Phương thức biểu đạt chính : Tự sự. | | **Câu 2** | - Cậu bé đã cho ông lão tình yêu thương, sự cảm thông và tôn trọng bằng tất cả tấm lòng.  - Cậu bé nhận được từ ông ông lão lòng biết ơn, sự đồng cảm. | | **Câu 3** | - Chao ôi! -> Là câu đặc biệt.  - Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc. | | **Câu 4** | - Tình yêu thương, lòng nhân ái của con người sẽ giúp chúng ta vượt qua những đau khổ trong cuộc đời. Chính tình yêu thương sẽ làm cho xã hội này trở nên tốt đẹp hơn, nhân văn hơn. Hãy sống, hãy cho đi, hãy nhân rộng tình yêu thương để thế giới này ngập tràn sự ấm áp trong mối quan hệ giữa người với người… | | |
| **PHIẾU 4: Câu chuyện về bốn ngọn nến**  *Trong phòng tối, có bốn ngọn nến đang cháy. Xung quanh thật yên tĩnh, đến mức người ta có thể nghe thấy tiếng thì thầm của chúng.*  *Ngọn nến thứ nhất nói : Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người.*  *Ngọn nến thứ hai lên tiếng : Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi.*  *Đến lượt mình, ngọn nến thứ ba nói : Tôi là hiện thân của tình yêu. Tôi mới thực sự quan trọng. Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu?*  *Đột nhiên, cánh cửa chợt mở tung, một cậu bé chạy vào phòng. Một cơn gió ùa theo làm tắt cả ba ngọn nến. "Tại sao cả ba ngọn nến lại tắt ?" - cậu bé sửng sốt nói. Rồi cậu bé òa lên khóc.*  *Lúc này, ngọn nến thứ tư mới lên tiếng: Đừng lo lắng, cậu bé. Khi tôi vẫn còn cháy thì vẫn có thể thắp sáng lại cả ba ngọn nến kia. Bởi vì, tôi chính là niềm hy vọng.*  *Lau những giọt nước mắt còn đọng lại, cậu bé lần lượt thắp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của niềm hy vọng****.***  (*Trích “Những bài học về cuộc sống”,* NXB Thanh Niên, 2005)  **a.** Chỉ ra 2 biện pháp tu từ trong văn bản trên?  **b.** Anh/chị hiểu thế nào về lời thầm thì của ngọn nến thứ nhất: *Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi ? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người?*  **c.** Anh chị hiểu như thế nào về lời thì thầm của ngọn nến thứ hai: *Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi ?*  **d.** Thông điệp sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra được từ văn bản trên. Vì sao?  **e.** Anh/Chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời cho câu hỏi trong phần đọc hiểu: *Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu ?*  **Trả lời:**  **a.** HS chỉ ra 2 trong các biện pháp tu từ sau: Liệt kê, điệp cấu trúc, hoặc nhân hóa…  **b.** *Ngọn nến thứ nhất cho rằng mình quan trọng bởi nó là hiện thân của hòa bình*.  – Hòa bình là một nơi không có chiến tranh và chết chóc, nơi mọi người gắn bó với nhau cùng giúp đỡ nhau phát triển vì sự phồn vinh và hạnh phúc của nhân loại.  – Hòa bình sẽ mang lại cuộc sống và hạnh phúc cho mỗi người, mỗi gia đình và xã hội. Khi con người được sống trong cảm giác yêu thương, hòa ái, an lạc, vô ưu sẽ tạo nên động lực mạnh mẽ cho con người sống, học tập và lao động cống hiến hết mình cho sự phát triển chung của nhân loại.  – Nếu không có hòa bình con người phải sống trong đau thương, đói nghèo, bệnh tật, chia li chết chóc…  **c.** *Ngọn nến thứ hai cho rằng mình quan trọng bởi nó là hiện thân của lòng trung thành*.  – Trung thành là phẩm chất tốt đẹp cần có ở tất cả mọi người bởi đó là lối sống trước sau như một, một lòng một dạ, giữ trọn niềm tin và tình cảm gắn bó không thay đổi trước bất kì hoàn cảnh nào trong quan hệ giữa người với người.  – Trung thành sẽ tạo dựng được niềm tin, sự tín nhiệm của mọi người và vun đắp các mối quan hệ ngày càng bền chặt, trở nên tốt đẹp hơn.  **d.** Thông điệp*về hòa bình, về lòng trung thành, về tình yêu, về niềm hy vọng*trong cuộc sống.  **e. Viết 01 đoạn văn** **(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm**  –  Tình yêu là tình cảm cao đẹp của con người; biết yêu thương quan tâm, chia sẻ … những niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống.  *–  Nếu thiếu đi tình yêu cuộc sống sẽ:*  *+*trở nên nhàm tẻ và không đáng sống  + con người sẽ trở nên lạnh lùng và vô cảm với nhau  + sẽ không thấu hiểu và cảm nhận được niềm hạnh phúc khi *cho* và *nhận*  + thay vì yêu thương quan tâm sẻ chia sẽ là chiến tranh chết chóc, hận thù…  *– Vì vậy con người cần yêu thương để:*  + xoa dịu và chữa lành những vết thương  + cảm hóa những con người lầm đường lạc lối  + xóa bỏ hận thù, chiến thắng cái ác và bóng tối  + cảm nhận được hạnh phúc khi mang đến hạnh phúc cho người khác . | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 8 (22+23+24)**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Số từ, chức năng của số từ, Phó từ, chức năng của phó từ)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: QUÊ HƯƠNG**

**(Tế Hanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn tập vềsố từ, chức năng của số từ, phó từ

- Ôn tập củng cố về tác giả, tác phẩm văn bản: Quê hương

**2. Năng lực:**

- Năng lực nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của số từ, phó từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Luyện tập một số kĩ năng đọc hiểu VB thơ, nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ và nhận biết được tình cam, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**3. Phẩm chất**:

- Yêu tiếng việt, thích và sử dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

- Tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  | 1. **Hệ thống kiến thức**   1. Số từ  1. Định nghĩa:  Số từ là từ loại chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.  Chức năng chủ yếu của số từ làm thành tố phụ cho một cụm từ có danh từ làm trung tâm.  Ví dụ: Một, hai, ba, bốn…  2. Phân loại:  Để biểu thị ý nghĩa số lượng trong tiếng Việt có thể có nhiều phương thức.  + Còn sự đối lập dưới dạng “những, các …”  Ví dụ: Những (các) đồng chí này: Biểu thị số nhiều.  Đồng chí này: Biểu thị số ít  + Cũng có thể dùng các từ *mọi, mỗi* trong những ngữ cảnh cụ thể.  + Để biểu thị ý nghĩa số nhiều còn có thế dùng phương thức lặp từ:  Ví dụ : Người người, ngày ngày  Ở đây chúng ta nói đến số từ với ý nghĩa số lượng nhưng là số lượng cụ thể. Với quan niệm trên có thể chia số từ trong tiếng Việt ra các loại sau:  – *Số từ chính xác*: Một, ba, năm  Số từ chính xác có những đặc điểm sau đây:  + Làm yếu tố phụ đứng trước danh từ.  Ví dụ: Ba con gà, hai anh sinh viên  + Nói chung số từ chính xác không trực tiếp làm vị ngữ trừ trường hợp nói về tuổi tác (Cụ Nam năm nay đã 80 rồi). Số từ chính xác muốn làm vị ngữ nhất thiết phải có từ “là”.  Ví dụ: Bắc Nam là một; Hai với hai là bốn.  + Những từ: cặp, đôi, tá, chục.. tuy chỉ số lượng cụ thể nhưng lại không thuộc loại số từ vì chúng có hoạt động ngữ pháp giống như danh từ, cụ thể là chúng có thể đứng ở vị trí trung tâm của một cụm danh từ.  Ví dụ: Tất cả những *đôi* giày này đều bằng da thật.  Cả hai *chục*trứng gà mà tôi mới mua ấy…  *– Số từ thứ tự*  + Số từ thứ tự cũng thường làm thành tố phụ trong danh ngữ nhưng khác với số từ chính xác là khi làm thành tố phụ trong cụm danh từ thì số thứ tự đứng sau danh từ trung tâm.  + Ý nghĩa thứ tự có thể biểu hiện bằng 2 cách:  Dùng số từ chính xác đặt sau danh từ trung tâm. Phòng năm, gác ba.  Dùng tổ hợp “thứ + số từ”: Phòng thứ năm, gác thứ ba.  Ghi chú: Số từ thứ tự có thể dùng yếu tố Hán Việt, trong khi đó số từ chính xác không có khả năng này.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ví dụ: | Số từ chính xác | Số từ thứ tự | |  | ba ngày | Lớp đệ tam | |  | một người | Người thứ nhất | |  | hai người | Người thứ nhì |   + Số từ thứ tự có thể trực tiếp làm vị ngữ.  Ví dụ: Tôi thứ nhất nó thứ nhì. Hoặc: Tôi nhất nó nhì.  *– Số từ ước lượng (không chính xác)*.  Số từ ước lượng là loại số từ chỉ một số lượng sự vật ước chừng chứ không chính xác. Những số từ ước lượng thường thấy: Vài, vài ba, dăm bảy, dăm ba, đôi ba, mươi mười lăm, mười hai .  + Đặc điểm của số từ ước lượng là không thể làm định tố sau của danh từ của số từ chính xác và số từ thứ tự.  So sánh: Có thể nói: Tháng hai, phòng năm,..  Không thể nói: Tháng vài, phòng dăm..  + Do ý thức không chính xác mà số từ ước lượng không thể độc lập trả lời câu hỏi *mấy, bao nhiêu*như số từ chính xác hay số từ thứ tự.  Trường hợp này nếu muốn dùng số từ ước lượng thì phải có danh từ đứng sau.  Ví dụ: Hôm qua anh mua mấy quyển sách ?  + Khi số từ ước lượng làm định tố trước danh từ trung tâm thì hầu như số từ ước lượng không có thành tố phụ chỉ toàn bộ.  + Số từ ước lượng không có khả năng làm vị ngữ trong câu.  3. Chức năng ngữ pháp chủ yếu của số từ  – Có khả năng kết hợp với danh từ với tư cách là phần phụ trước chỉ số lượng.  – Có khả năng thực hiện các chức năng:  + Làm chủ ngữ:  Một là học tập, hai là rèn luyện thân thể.  + Làm vị ngữ:  Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một.  + Làm bổ ngữ: Mất một đền mười Ông đồng ăn một bà cốt ăn hai.  + Làm định ngữ: Giường một, mâm sáu. |
|  | **1. Phó từ:** Phó từ là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.  *Ví dụ về phó từ:*  – Mẹ em đi làm đã về (quan hệ thời gian).  – Công viên hòa bình rất to (phó từ chỉ mức độ).  – Ông nội em vẫn đang đọc báo (sự tiếp diễn tương tự).  – Hôm nay mẹ em không đi làm (sự phủ định).  – Em đi vào lớp với vẻ hốt hoảng (khả năng).  – Xin hãy im lặng để tôi nghe cô giáo giảng bài.  **2. Phân loại phó từ:**  **Thứ nhất,** Phó từ đứng trước động từ, tính từ. Có tác dụng làm rõ nghĩa liên quan đến đặc điểm, hành động, trạng thái,…được nêu ở động – tính từ như thời gian, sự tiếp diễn, mức độ, phủ định, sự cầu khiến.  **Phó từ quan hệ thời gian như: Đã, sắp, từng,…**  **Phó từ  chỉ mức độ như: Rất, khá…**  *Ví dụ: Cô ấy rất thích chiếc ô tô đằng kia.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng là từ “rất” được đặt ở vị trí trước động từ thích để nhấn mạnh mức độ của hành động thích của một cô gái đối với một chiếc ô tô.  **Phó từ  chỉ sự tiếp diễn như: Vẫn, cũng…**  *Ví dụ: Trời vẫn đang mưa rất to.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “vẫn” dùng để thể hiện một trạng thái liên tục của thời tiết là trời mưa và chưa có dấu hiệu dừng lại.  **Phó từ  chỉ sự phủ định như: Không, chẳng, chưa…**  *Ví dụ: Tôi không đi mua đồ chơi vào trời mưa.*Trong câu này phó từ được sử dụng ở dây là từ “Không” thể hiện hành động phủ định của người sử dụng rằng họ sẽ không đi mua đồ chơi khi trời mưa.  **Phó từ cầu khiến như: Hãy, thôi, đừng, chớ…**  *Ví dụ: Xin anh hãy giúp em vượt qua kì thi này.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “Hãy” thể hiện sự hành động yêu cầu nhờ giúp đỡ của người nói với một người anh trong mối quan hệ của người nói hướng đến mục đích có thể vượt qua được kỳ thi sắp tới của người nói.  **Thứ hai,** Phó từ đứng sau động từ, tính từ. Thông thường nhiệm vụ phó từ sẽ bổ sung nghĩa như mức độ, khả năng, kết quả và hướng. Nếu như ở loại thứ nhất các từ chỉ phó từ thường đứng ở vị trí trước động từ và tính từ thì ở dụng này phó từ lại đứng sau để bổ trợ cho động từ và tính từ, để làm rõ hơn ta sẽ đi vào phân tích một số ví dụ sau đây  **Đối với Phó từ bổ nghĩa về mức độ như: Rất, lắm, quá.**  *Ví dụ:* *Chiếc xe ô tô đó chạy rất nhanh khi trên đường cao tốc.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng trong câu là từ “rất” để hỗ trợ cho động từ chạy của một chiếc ô tô có mức độ vận tốc rất nhanh khi di chuyển.  **Đối với phó từ về khả năng như: Có thể, có lẽ, được.**  *Ví dụ:* *Nếu tôi đi đúng giờ có lẽ tôi đã không bị phạt.* Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “có lẽ” việc sử dụng cụm từ này sẽ giúp hỗ trợ thể hiện khả năng phán đoán của người nói rằng mình sẽ không bị phạt nếu đi làm đúng giờ.  **Đối với phó từ về kết quả như: Ra, đi, mất.**  *Ví dụ:Nếu tôi bộc hàng kỹ càng thì đã không bị mất hàng.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “mất” nhiệm vụ của nó là để hỗ trợ nhấn mạnh cho kết quả mất hàng từ hành động không bộc hàng kỹ càng của người nói.  **3. Ý nghĩa của phó từ:**  Phó từ đi kèm với động từ và tính từ bổ sung ý nghĩa cho các từ loại này về các mặt:  – Bổ sung ý nghĩa về mặt thời gian: Đang, sẽ, sắp, đương…  *Ví dụ: Cụ ấy đang kể câu chuyện về người anh hùng Tnú. => “Đang” là phó từ chỉ ý nghĩa câu chuyện xảy ra ở hiện tại.*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt tiếp diễn, tương tự: vẫn, cũng…  *Ví dụ: Ngoài vẽ tranh, tôi cũng viết truyện => “Cũng” là phó từ chỉ sự tiếp diễn hai nghề của nhân vật “tôi”*  – Bổ sung ý nghĩa về mức độ cho câu nói và văn viết của người sử dụng : rất, lắm, quá,…  *Ví dụ: Bộ váy này rất đẹp => “rất” là phó từ chỉ mức độ đẹp trên mức bình thường của bộ váy*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt phủ định cho câu nói và văn viết của người sử dụng: chẳng, chưa, không…  *Ví dụ: Đứng trước hàng ngàn khán giả khiến tôi căng thẳng không nói nên lời. => “Không” thể hiện sự phủ định.*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt cầu khiến trong câu nói và văn viết của người sử dụng: đừng, thôi, chớ…  *Ví dụ: Đừng làm gì có lỗi với bạn ấy => “Đừng” là phó từ chỉ sự cầu khiến không nên làm điều có lỗi.*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt khả năng về câu nói và văn viết của người sử dụng: có thể, có lẽ, không thể…  *Ví dụ: Trong những năm tháng chiến đấu gian khổ, chúng ta có thể làm được những điều kì diệu.*  – Bổ sung ý nghĩa về kết quả cho câu nói và văn viết của người sử dụng : mất, được…  *Ví dụ: Con chuột nhân lúc mèo ta không để ý, chạy mất khỏi hang.*  – Bổ sung ý nghĩa về tần số trong câu nói và văn viết của người sử dụng: thường,luôn…  *Ví dụ: Chúng tôi thường*[*thuyết trình*](https://luatduonggia.vn/phan-tich-ki-nang-thuyet-trinh/)*về chủ đề về tài sản thừa kế trong các buổi học luật dân sự.*  – Bổ sung ý nghĩa về tình thái cho câu nói và trong văn viết của người sử dụng: đột nhiên, bỗng nhiên…  *Ví dụ: Ngôi sao băng đột nhiên lướt qua bầu trời.* |
|  | **II. Ôn tập văn bản: Quê hương**  **1. Tác giả Tế Hanh (1921-2009)**  - Sinh ra và lớn lên ở một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi.  - Là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào “Thơ mới”.  - Thơ ông thấm đượm tình yêu quê hương và niềm khao khát thống nhất Tổ quốc.  - Quê hương là nguồn cảm hứng lớn trong suốt cuộc đời thơ Tế Hanh.  - Thơ Tế Hanh dễ đi vào lòng người bởi cảm xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha; lời thơ giản dị, giàu hình ảnh; giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng.  - Tác phẩm chính: *Hoa niên* (1945), *Gửi Miền Bắc* (1955), *Tiếng sóng* (1960*), Hai nửa yêu thương* (1963), *Khúc ca mới* (1966)...  **2. Bài thơ “Quê hương”**  **a. Xuất xứ - Hoàn cảnh sáng tác**   * “*Quê hương*” được rút trong tập “*Nghẹn ngào*”, sau này in ở tập *Hoa niên* (1945) * Bài thơ sáng tác năm 1939, là bài thơ mở đầu cho nguồn cảm hứng viết về quê hương của nhà thơ Tế Hanh.   **b. Hình thức của văn bản**   * Thể thơ: thơ tám chữ (8 tiếng) * Phương thức biểu đạt: biểu đạt (kết hợp với miêu tả, tự sự) * Đề tài: Quê hương * Bố cục: Bài thơ có thể chia làm 4 đoạn.   + 2 câu đầu: Giới thiệu chung về làng quê  + 6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá  + 8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về bến  + 4 câu còn lại: Tấm lòng của nhà thơ khi xa quê  **c. Giá trị nội dung**  - Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống lao động, sinh hoạt của một làng chài miền Trung đẹp đẽ, nên thơ, vừa chân thực, vừa lãng mạn.  - Qua đó, nhà thơ bày tỏ tấm lòng của mình với quê hương: yêu thương, gắn bó, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống nơi làng chài; nỗi nhớ nhung da diết khi phải xa cách quê hương.  - Bài thơ đem đến thông điệp về tình yêu quê hương- cội nguồn yêu thương trong lòng mỗi người.  **d. Giá trị nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ sáng tạo với những liên tưởng, so sánh độc đáo.  - Ngôn ngữ trong sáng, bay bổng, đầy cảm xúc.  - Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. |
| 1. LUYỆN TẬP | |
| **BÀI TẬP VỀ SỐ TỪ VÀ PHÓ TỪ** | |
| **BÀI TẬP ĐỌC HIỂU:**  **PHIẾU SỐ 1: Đọc đoạn thơ sau và trả lời từ câu 1 đến câu 5**  *“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*  *Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*  *Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,*  *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”*  (Ngữ văn 7*,* Tập 1, NXB Giáo dục*)*  **Câu 1**. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ là gì?  **Câu 2.** Trong khoảng thời gian xa cách, lòng tác giả nhớ tới những điều gì nơi quê nhà?  **Câu 3**. Trong tác phẩm có đoạn thơ trên, nhiều lần tác giả viết về hình ảnh “chiếc thuyền”, em hãy ghi lại những câu thơ đó?  **Câu 4**. Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên, trong đoạn văn có sử dụng một câu cầu khiến (gạch chân dưới câu cầu khiến đó).  **GỢI Ý:**   |  |  | | --- | --- | | **1** | - Đoạn thơ trích trong văn bản: *“ Quê hương”*, tác giả: Tế Hanh  - Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: Biểu cảm | | **2** | Trong khoảng thời gian xa cách lòng tác giả nhớ tới quê nhà với những hình ảnh gần gũi, quen thuộc: màu nước (xanh), cá (bạc), chiếc buồm (vôi), con thuyền, mùi nồng mặn. | | **3** | Câu thơ miêu tả về hình ảnh “chiếc thuyền” trong văn bản” Quê hương”:  *- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*  *Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*  *- Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.* | | **4** | Học sinh viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:  - **Hình thức:**  +Trình bày đúng hình thức một đoạn văn, đảm bảo số câu (5-7 câu).  +Trong đó sử dụng câu cầu khiến, gạch chân (ghi chú)  **- Nội dung:**  + Mở đoạn: Giới thiệu khái quát bài thơ, tác giả, dẫn dắt đến khổ thơ: Tình cảm của nhà thơ đối với quê hương.  + Thân đoạn nêu được các nội dung sau:  . Lời thơ giản dị, tự nhiên; liệt kê một loạt hình ảnh tiêu biểu của quê hương*( nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*…) nhằm cụ thể hóa những đối tượng trong nỗi nhớ; điệp từ *“ nhớ”*- > diễn tả được tình cảm chân thành, tha thiết của người con xa quê khi nhớ về quê hương.  . Nỗi nhớ của nhà thơ kết đọng ở mùi vị “ nồng mặn”-> cho thấy tình cảm yêu thương, gắn bó thủy chung với quê hương dù phải trong xa cách.  + Kết đoạn: Khái quát lại tâm trạng của tác giả và liên hệ bản thân. |   **PHIẾU SỐ 2: Trong bài thơ “Quê hương”, nhà thơ Tế Hanh có viết:**  *“Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ*  *Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*  *“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*  *Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*  *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*  *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*  *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”*  **Câu 1**: Em hãy tóm tắt nội dung đoạn thơ trên bằng một câu văn.  **Câu 2**: Xác định đề tài và chủ đề của bài thơ “Quê hương”  **Câu 3**: Trong bài thơ, hình ảnh cánh buồm được nhắc đến mấy lần? Chép lại các câu thơ chứa hình ảnh đó?  **Câu 4**: Câu thơ “*Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe,*” là lời của ai? Câu thơ gợi cho em suy nghĩ gì?  **Câu 5**: Câu thơ: “*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm / Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”* sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?  **Câu 6**: Bài thơ mang đến cho ta những cảm nhận sâu sắc về hình ảnh con thuyền. Bằng đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu, em hãy làm rõ ý trên. Trong đoạn có sử dụng một câu nghi vấn. (Gạch chân và chỉ rõ).  GỢI Ý:  **Câu 1:** Đoạn văn trong văn bản “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh miêu tả cảnh thuyền đánh cá trở về bến.  **Câu 2**:  - Đề tài: Quê hương  - Chủ đề: Tình yêu và nỗi nhớ dành cho quê hương.  **Câu 3**:  -Hình ảnh cánh buồm được nhắc đến 2 lần trong bài thơ.  - Câu thơ:  *+ Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã / Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*  *+ “Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng / Rướn thân tráng bao la thâu góp gió”*  *+ “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm / Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”*  **Câu 4**:  -Câu thơ là lời của người dân chài.  - Suy nghĩ: Niềm vui đón thuyền cá thắng lợi trở về, đó cũng là sự mong muốn của người dân về những người trực tiếp chèo thuyền ra khơi họ được an toàn.  **Câu 5**:  -Dùng phép nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác  - Tác dụng: Cảm nhận con thuyền như một cơ thế sống, như một phần sự sống lao động ở làng chài gắn bó mật thiết với con người nơi đây.  **Câu 6**:   |  |  | | --- | --- | | Chủ đề | Hình ảnh con thuyền -> là biểu tượng của người dân làng chài. |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Con thuyền khi ra khơi | Con thuyền khi trở về | Con thuyền trên bãi cát | | *“Chiếc thuyền nhẹ hăng...”*  *“Cánh buồm giương to...”* | *“biển lặng cá đầy ghe”* | *“im bến mỏi trở về nằm”*  *“Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”* | | -Nghệ thuật: So sánh:  + Chiếc thuyền – con tuấn mã mạnh mẽ, dũng cảm.  + Cánh buồm – mảnh hồn làng (gần gũi, có linh hồn) | Con thuyền mang cho người dân cuộc sống ấm no, đầy đủ. Những chiếc ghe đầy những con cá tươi ngon, là lời cảm tạ chân thành trời đất giúp cho sóng yên biển lặng để người dân chài trở về an toàn. | Nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:  *Im, mỏi, nằm, nghe* | | Khí thế dũng mãnh, sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng cũng là vẻ đẹp của con người. Con thuyền trở nên có hồn... | Có hồn. Con thuyền nghỉ ngơi sau chuỗi ngày làm việc vất vả | | Tình cảm của tác giả: Gắn bó sâu nặng, tình yêu thương đằm thắm, tha thiết. | | |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  […]  *Quê hương là cầu tre nhỏ Mẹ về nón lá nghiêng che Là hương hoa đồng cỏ nội Bay trong giấc ngủ đêm hè*  *Quê hương là vòng tay ấm Con nằm ngủ giữa mưa đêm Quê hương là đêm trăng tỏ Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*  *Quê hương là vàng hoa bí Là hồng tím giậu mồng tơi Là đỏ đôi bờ dâm bụt Màu hoa sen trắng tinh khôi*  *Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi Quê hương có ai không nhớ...*  (Trích *Quê hương* - Đỗ Trung Quân)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ. **Câu 2.** Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.  **Câu 3.** Nhận xét về tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương.  **Câu 4**. Từ đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) bày tỏ tình cảm của em với quê hương đất nước.  **GỢI Ý:**  **Câu 1**: PTBĐ chính: Biểu cảm.  **Câu 2**:  \* HS có thể chỉ ra một trong các biện pháp tu từ sau:  - Phép so sánh: Quê hương – là cầu tre nhỏ, là hương hoa đồng nội, là vòng tay ấm, là đêm trăng tỏ, là vàng hoa bí, là hồng tím giậu mồng tơi, là màu trắng tinh khôi hoa sen; quê hương chỉ một như là chỉ một mẹ thôi.  - Phép liệt kê: Quê hương là cầu tre nhỏ, hương hoa đồng nội, vòng tay ấm, đêm trăng tỏ,…  - Phép điệp cấu trúc câu: *Quê hương là…; là…*  \*Tác dụng:  - Phép so sánh/ liệt kê:  + Nhấn mạnh vẻ đẹp của quê hương gắn với những hình ảnh gần gũi, bình dị trong tâm hồn mỗi người.  + Cho thấy tình yêu, sự gắn bó với quê hương của nhà thơ;  + Nhắn nhủ với người đọc cần biết trân trọng, yêu quý và gắn bó với quê hương.  + Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.   * Hoặc phép điệp cấu trúc câu:   + Nhấn mạnh vẻ đẹp của quê hương gắn với những hình ảnh gần gũi, bình dị trong tâm hồn mỗi người.  + Cho thấy tình yêu, sự gắn bó với quê hương của nhà thơ;  + Nhắn nhủ với người đọc cần biết trân trọn, yêu quý và gắn bó với quê hương.  + Tạo giọng điệu uyển chuyển, tha thiết; tăng liên kết giữa các câu thơ, các khổ thơ.  **Câu 3.** Tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương: Yêu mến, tự hào, gắn bó với vẻ đẹp của quê hương.  **Câu 4**: Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:  \*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp. \*Về nội dung: Tình cảm với quê hương, đất nước:  - Quê hương, đất nước hiện thân trong những thứ bình dị, thân thương nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa cao cả.  - Tình cảm với quê hương, đất nước: Yêu quê hương, gắn bó với quê hương; đóng góp sức lực tài năng để góp phần xây dựng quê hương đất nước. | | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  Bài 1: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) trình bày cảm nhận của em về một người thân trong gia đình, trong đó có sử dụng ít nhất 3 phó từ. Gạch chân dưới các phó từ đó.  Đoạn văn đúng chủ đề: Cảm nhận cảu em về một người thân trong gia đình:   * Người thân đó là ai? (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,…) * Đặc điểm nổi bật của người thân. * Cảm nhận, suy nghĩ của em về người thân.   **Đoạn văn mẫu:** Mẹ là người quan tâm **đến** tôi nhất và **cũng** là người mà tôi yêu thương và mang ơn nhất trên đời này. Tôi **vẫn** thường nghĩ rằng mẹ tôi không đẹp. Không đẹp vì mẹ chẳng có cái nước da trắng, khuôn mặt tròn phúc hậu hay đôi mắt long lanh như mẹ người ta... mà mẹ **chỉ** có khuôn mặt gầy gò, rám nắng, vầng trán cao, những nếp nhăn của tuổi 40, của bao âu lo trong đời in hằn trên khóe mắt. Nhưng bố tôi bảo mẹ đẹp hơn những phụ nữ khác ở vẻ đẹp trí tuệ. Đúng vậy, mẹ tôi thông minh, nhanh nhẹn, tháo vát **lắm**. Trên cương vị của một người lãnh đạo, ai **cũng** nghĩ mẹ là người lạnh lùng, nghiêm khắc. Có **những** lúc tôi **cũng** nghĩ **vậy** nhưng khi ngồi bên mẹ, bàn tay mẹ âu yếm vuốt tóc tôi, **mọi** ý nghĩ đó tan biến hết. Dường như một dòng yêu thương mãnh liệt qua bàn tay mẹ truyền vào sâu trái tim tôi, qua ánh mắt yêu thương, nụ cười trìu mến, qua **tất cả** **những** gì của mẹ. Tôi **chỉ** muốn nói với mẹ rằng: "*Con yêu mẹ. Cảm ơn mẹ vì* ***đã*** *cho con* ***được*** *làm con của mẹ!*'. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 9 (25+26+27)**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT  
TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỂ MỘT VẤN ĐỂ ĐỜI SỐNG  
(ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

**2. Năng lực:**

- Xây dựng được dàn ý về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

- Viết được bài văn bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

- Bài văn có bố cục rõ ràng, chặt chẽ, văn phong trong sáng.

**3. Phẩm chất:** - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  | 1. **Hệ thống kiến thức**   **1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.  **2. Dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  **\* Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:  Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:   * Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. * Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn * Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.   **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.. |
|  | 1. **LUYỆN TẬP**   **Lập dàn ý rồi viết thành bài văn hoàn chỉnh cho đề sau:**  **Đề bài:** Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”(Ai-tơ-mai-tốp) |
| **Dàn ý**  **1. Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình tượng thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.  **2. Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:  Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:  \*Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:  **N**hân vật thầy Đuy-sen hiện lên hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác, vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.  **\*Ngoại hình:** Hình ảnh thầy Đuy-sen trong kí ức của An-tư-nai: đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…  \***Ngôn ngữ:**   * Thầy Đuy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học:   **+** *“Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? … Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?”*  **+ *“****Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.”*   * Động viên, khích lệ An-tư-nai:   *“Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em*  *ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.*  => Lời nói của thầy Đuy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương**.**  **\*Hành động:**   * Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. * Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá; * Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. * Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. * Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. * Kiên trì day chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc; * Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.   => Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.  **\*Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:**   * Đám học trò đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai học trò. * Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, leo đồi lội suối , bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài. * Nhân vật “tôi” mong ước: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi.*”   **\*Mối quan hệ với các nhân vật khác:**   * Với bọn nhà giàu: thầy phớt lờ lời nói, hành động và thái độ coi thường, chế giễu của chúng. * Với học trò: Thầy coi học trò như người thân trong gia đình. * Với An-tư-nai: Thầy Đuy-sen hiểu và để tâm cả những hành động nhỏ bé của An-tư-nai (trút lại ki-giắc ở trường); An-tư-nai vô cùng yêu quý và kính trọng thầy Đuy-sen, mong muốn thầy là anh trai của mình.   \*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:  - Nhân vật thầy giáo Đuy-sen hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai).  - Kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ.  **\***Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật:  - ThầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.  - Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.  **3. Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.  **Bài viết tham khảo:**  Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình ảnh thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.         Hình ảnh một người thầy tuyệt đẹp và đáng kính là cảm nhận sâu sắc nhất của mỗi chúng ta khi tìm hiểu về thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”. Thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác một cách chân thực, khách quan, vừa thể hiện được tình cảm của cô bé An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.  Nhà văn Ai-tơ-ma-tốp đã xây dựng nhân vật thầy Đuy-sen chủ yếu qua các chi tiết về ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và mối quan hệ với các nhân vật khác. Khi đến vùng núi quê hương của cô bé An-tư-nai, thầy Đuy-sen còn trẻ lắm. Học vấn của thầy lúc đó tuy không cao, nhưng trái tim thầy dạt dào tình nhân ái và sôi sục nhiệt tình cách mạng. Một mình thầy lao động hàng tháng trời, phạt cỏ, trát lại vách, sửa cánh cửa, quét dọn cái sân..., biến cái chuồng ngựa của phú nông hoang phế đã lâu ngày thành một cái trường khiêm tốn nằm bên hẻm núi, cạnh con đường vào cái làng nhỏ nghèo nàn lạc hậu. Thầy tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. Tất cả những việc làm đó nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất cho lớp học của các em trong hoàn cảnh nghèo khó của địa phương.         Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến thăm trường với bao tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì, ở đấy cũng hay” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bê bết đất”. Thầy Đuy-sen “mỉm cười, niềm nở” quệt mồ hôi trên mặt, rồi ôn tồn hỏi: *“Đi đâu về thế, các em gái”.* Trước các “vị khách” nhỏ tuổi, thầy hiền hậu nói: “*Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi..*.?”. Đuy-sen đúng là một người thầy vĩ đại, cử chỉ của thầy rất hồn nhiên. Thầy hiền hậu nói lên những lời ấm áp lay động tâm hồn tuổi thơ. Mới gặp các em nhỏ xa lạ lần đầu mà thầy đã nhìn thấy, đã thấu rõ cái khao khát muốn được học hành của các em: “Các em chả sẽ học tập ở đây là gì?” Thầy “khoe” với các em về chuyện đắp lò sưởi trong mùa đông..., thầy báo tin vui trường học đã làm xong “có thể bắt đầu học được rồi”. Thầy mời chào hay khích lệ? Thầy nói với các em nhỏ người dân tộc miền núi chưa từng biết mái trường là gì bằng tất cả tình thương mênh mông: “*Thế nào, các em có thích học không? Các em sẽ đi học chứ*?”. Thầy Đuy-sen quả là có tài, giàu kinh nghiệm sư phạm. Chỉ sau một vài phút gặp gỡ, vài câu nói nhẹ nhàng, thầy đã chiếm lĩnh tâm hồn tuổi thơ. Thầy đã khơi dậy trong lòng các em nhỏ người miền núi niềm khao khát được đi học. Với An-tư-nai, thầy nhìn thấu tâm can em, cảm thông cảnh ngộ mồ côi của em, thầy an ủi và khen em một cách chân tình: “*An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không*?”. Câu nói ấy cùng với nụ cười hiền hậu của Đuy-sen đã khiến cho cô gái dân tộc thiểu số bé nhỏ, bất hạnh “thấy lòng ấm hẳn lại”. Những buổi đến trường, thầy Đuy-sen gắn bó với những đám trẻ bằng thứ tình cảm nhân hậu, yêu thương. Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá. Bị bọn nhà giàu chế giễu, coi thường, thầy không để ý, thầy còn kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. Thầy vô cùng lo lắng và chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. Lũ trẻ hiểu hết những cử chỉ và hành động yêu thương của người thầy đáng kính nên vì yêu quý thầy, chúng đã tự nguyện đến trường mặc cho đường xa, phải leo đèo, lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết. Tấm lòng nhân hậu và những ý nghĩ tốt lành của thầy đã cảm hoá được lũ trẻ, thổi bùng lên khát khao học tập của chúng. Thật đẹp đẽ biết bao hình ảnh thầy trò cùng nhau chia sẻ chiếc lò sưởi giữa cảnh trời buốt giá. Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình. Với riêng An-tư-nai, thầy động viên, khích lệ: “*Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.* Thầy Đuy-sen luôn sống mãi trong kí ức của An-tư-nai với hình ảnh đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…  Thầy Đuy-sen còn hiện lên qua lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:“*Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.* Cô bé An-tư-nai mong muốn thầy Đuy-sen là anh trai của mình: *“Lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Đuy-sen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi. Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột tôi!”.*  Như vậy, bằng nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc qua qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai); kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ, văn bản truyện “Người thầy đầu tiên” đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật thầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò. Thầy hiền hậu, thầy yêu thương tuổi thơ. Thầy đã đốt cháy lên trong lòng các em nhỏ vùng quê nghèo ngọn lửa của khát khao tri thức. Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.  Ai-tơ-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy-sen – người thầy đầu tiên được tác giả nói đến với tất cả sự ca ngợi, với niềm thương mến bao la. Người thầy trong truyện ngắn là người thầy của tình thương đến với tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời. Ngọn lửa tình thương như toả sáng trang văn Ai-ma-tốp, mãi mãi làm ấm áp lòng người. Những trang viết của nhà văn Ai-tơ-ma-tốp cùng hình ảnh thầy Đuy-sen sẽ có sức sống lâu bền, neo đậu lâu dài trong lòng mỗi chúng ta. | |
| **Đề bài 2:** Trình bày ý kiến của em về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học)  Gợi ý: Vấn đề gợi ra từ nhân vật Mên, Mon (Bầy chim chìa vôi)”, An, Cò ( Đi lấy mật), nhân vật “tôi”, người cha ( Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ), tình yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống, tình yêu thương loài vật,...  **Bài tham khảo:**  Sau khi đọc xong tác phẩm “Bầy chim chia vôi” của Nguyễn Quang Thiều, qua tình yêu thương loài vật của hai nhân vật Mên và Mon, em đã suy nghĩ rất nhiều về tình yêu thương các loài vật hoang dã quý hiếm trong cuộc sống ngày nay.  Hai anh em Mên và Mon trong tác phẩm đều có tình yêu thương loài vật sâu sắc, nhất là sự quan tâm, lo lắng cho chú chim non chia vôi. Vào ngày mưa lớn, Mon lo cho những chú chim sẽ bị chết úng vì chúng không thể bay được vào bờ. Hai anh em đã rủ nhau đi giải cứu những chú chim đó. Chứng kiến cảnh một chú chim non cố gắng hết sức bay lên bầu trời thực hiện chuyến bay đầu tiên trong đời khiến cho hai anh em cảm động nghẹn ngào. Từ tình yêu thương loài chim của hai anh em trong tác phẩm đã gợi nên trong mỗi người đọc nhiều suy nghĩ về những loài vật hoang dã quý hiếm cũng cần chúng ta dành tình yêu thương.  Hiện nay trên thế giới còn tồn tại rất nhiều những loài động vật hoang dã, quý hiếm, nhưng sự sống của chúng đang bị đe dọa ở mức báo động và có nguy cơ bị tuyệt chủng. Thật không khó để tìm thấy những thông tin về các vụ việc săn bắn, giết hại động vật hoang dã trên khắp cả nước. Tình trạng săn bắn và buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật đã đẩy nhiều loài vật dến bờ vực tuyệt chủng. Nhiều cánh đồng quê hiện nay, các đối tượng săn bắn đã rải hàng trăm con có giả làm bằng xốp để thu hút chim đến để bẫy. Đó quả là những hành vi đáng báo động, gây thiệt hại và dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng rất nghiêm trọng.  Vậy nguyên nhân các loài vật quý hiếm đang dần bị tuyệt chủng xuất phát từ đâu? Trước hết là bắt đầu từ sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế - xã hội, cùng với tốc độ đô thị hóa ở các quốc gia đã thu hẹp dần môi trường sống tự nhiên của các loài sinh vật. Bên cạnh đó, nguyên nhân lớn hơn vẫn là do ý thức, lòng tham của con người. Do nhu cầu săn bắn, giết thịt hoặc nuôi nhốt các loài vật để làm thú cưng của họ. Những con vật càng quý hiếm thì người ta càng ra sức săn bắn và tận diệt. Ngoài ra còn do bị buôn bán và tiêu thụ bất hợp pháp vì nhiều mục đích khác nhau như là làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ trang sức… phục vụ cho con người.  Đứng trước mối nguy cơ đó, chúng ta cần phải đề ra biện pháp như thế nào? Đối với những hành vi săn bắn, giết án động vật quý hiếm trái phép thì cần phải lên án mạnh mẽ và đưa ra mức phạt và kỉ luật thật nặng. Tổ chức nhiều chương trình hợp tác quốc tế giữa các nước về chăm sóc, chữa trị, bảo vệ, cứu hộ động vật hoang dã hiệu quả. Tích cực tham gia công tác tình nguyện cứu hộ động vật, tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ động vật hoang dã đến cộng đồng. Hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã cần phải vận hành có hiệu quả hơn. Có như vậy, chúng ta mới cứu sống được những giống loài động vật quý hiếm đó.  Mỗi loài động vật hay thực vật đều có giá trị riêng, giúp cân bằng hệ sinh thái và bảo đảm môi trường sống trong lành cho con người. Thiên nhiên đang kêu cứu, vì vậy, chúng ta cần chung tay, nỗ lực để cùng bảo tồn động vật hoang dã. | |
|  | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 10 (tiết 28+29+30): ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**(GV cho HS luyện đề)**

**ĐỀ BÀI 1**

**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

**GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ**

Có một học trò hỏi thầy mình rằng:

- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?

Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:

- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.

Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy. Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:

- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có người hỏi mua với giá một đồng thầy ạ.  
Người thầy mỉm cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.  
Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:

- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.

Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:

- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Nghị luận

**Câu 2**. Chủ đề của văn bản trên là:

A. Giá trị cuộc sống

B. Lòng biết ơn

C. Đức tính trung thực

D. Lòng hiếu thảo

**Câu 3.** Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

A. Người học trò

B. Người kể chuyện

C. Hòn đá

D. Người thầy

**Câu 4**. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.

B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.

C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.

D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

**Câu 5**. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí

B. Than thở, xem xét, háo hức

C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận

D. Xấu xí, than thở, háo hức

**Câu 6**. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

A. Hòn đá

B. Người học trò

C. Người thầy

D. Chủ tiệm đồ cổ

**Câu 7**. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng* là thành phần mở rộng câu bởi?

A. Trạng ngữ

B. Cụm danh từ

C. Cụm động từ

D.Cụm tính từ

**Câu 8**. Tác dụng của điệp từ *bán*, *mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.

B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.

C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

**Câu 9**. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp.  HS có thể lựa chọn những thông điệp sau:  - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết đinh được cuộc sống của bạn.  - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận. | 2,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
| **a. Hình thức:** Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát. | 0,5 |
| **b. Nội dung:**  **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  **\* Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí.  HS có thể trình bày những ý kiến sau:  - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân.  + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp  Dẫn chứng: (….)  + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân: Giải thích 5K là gì.  Dẫn chứng (…)  - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh.  + Dẫn chứng:  Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân:  Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh:  - Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,…  + Dẫn chứng:  - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế.  + Dẫn chứng:  => Bày tỏ suy nghĩ của bản thân.  **\* Kết bài:**  - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  - Liên hệ bản thân. | 0,5  2,5  0,5 |

ĐỀ 2: **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Ông đồ**  
Mỗi năm hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực Tàu, giấy đỏ  
Bên phố đông người qua  
  
Bao nhiêu người thuê viết  
Tấm tắc ngợi khen tài:  
“Hoa tay thảo những nét  
Như phượng múa, rồng bay”  
  
Nhưng mỗi năm mỗi vắng  
Người thuê viết nay đâu?  
Giấy đỏ buồn không thắm  
Mực đọng trong nghiên sầu...  
  
Ông đồ vẫn ngồi đấy  
Qua đường không ai hay  
Lá vàng rơi trên giấy  
Ngoài trời mưa bụi bay  
  
Năm nay đào lại nở  
Không thấy ông đồ xưa  
Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ?  
  
(Vũ Đình Liên, trong Thi nhân Việt Nam. Nguyễn Đức Phiên xb, Hà Nội, 1943).

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1:**Bài thơ “Ông đồ” viết theo thể thơ gì?

A. Thơ lục bát

B. Thơ bốn chữ

C. Thơ năm chữ

D. Thơ tự do

**Câu 2:** Trong bài thơ, hình ảnh ông đồ già thường xuất hiện trên phố vào thời điểm nào?

A. Khi hoa mai nở, báo hiệu mùa xuân đã đến.

B. Khi kì nghỉ hè đã đến và học sinh nghỉ học.

C. Khi phố phường tấp nập, đông đúc.

D. Khi mùa xuân về, hoa đào nở rộ.

**Câu 3:** Hai câu thơ: “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay” nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

**Câu 4:** Hai câu thơ "Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu" trong bài thơ sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Hoán dụ.

B. Ẩn dụ.

C. Nhân hóa.

D. So sánh.

**Câu 5:**Hình ảnh nào lặp lại trong khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ "ông Đồ"?

A. Lá vàng.

B. Hoa đào.

C. Mực tàu.

D. Giấy đỏ.

**Câu 6:** Nghĩa của từ "ông Đồ" trong bài thơ ông "ông Đồ" của Vũ Đình Liên là:

A. Người dạy học nói chung.

B. Người dạy học chữ nho xưa.

C. Người chuyên viết câu đối bằng chữ nho.

D. Người viết chữ nho đẹp, chuẩn mực.

**Câu 7:**  Hai câu thơ nào dưới đây thể hiện tình cảnh đáng thương của ông đồ?

A. Ông đồ vẫn ngồi đấy – Qua đường không ai hay.

B. Năm nay đào lại nở - không thấy ông đồ xưa.

C. Bao nhiêu người thuê viết – tấm tắc ngợi khen tài.

D. Nhưng mỗi năm mỗi vắng – người thuê viết nay đâu.

**Câu 8:** Hai câu thơ: ***Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay*** nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** [Nhà thơ đã thể hiện những nỗi niềm, tâm tư gì qua khổ thơ cuối?](https://baivan.net/content/nha-tho-da-hien-nhung-noi-niem-tam-tu-gi-qua-kho-tho-cuoi.html)

**Câu 10:**Từ nội dung bài thơ "Ông đồ", em rút ra được những bài học gì trong cuộc sống? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | - Qua khổ thơ cuối bài, nhà thơ đã thể hiện những nổi niềm, tâm tư riêng. Khổ thơ cuối như một sự khắc khoải và dai dẳng. Nhịp tuần hoàn của thời gian vẫn tiếp nối, mỗi mùa xuân lại đến lại đi, để rồi năm nay, ta không còn thấy bóng dáng ông Đồ. Câu thơ cất lên như một nỗi niềm xót xa khôn nguôi. | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy.  - Bài thơ " Ông đồ" đã gợi cho em bài học sâu sắc về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong cuộc sống ngày nay. Trong bài thơ, hiện lên là hình ảnh ông đồ ở hai thời kì khác nhau, giữa quá khứ và hiện tại. Nếu như trước đây, ông được quý trọng, những nét chữ của ông được "tấm tắc ngợi khen tài" bao nhiêu thì ngày nay, ông lại bị người đời quay lưng, bị quên lãng. Ông đồ chính là hình ảnh về một nếp văn hóa mang bản sắc của dân tộc, đó là tục xin chữ ngày Tết. Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn nên được duy trì, phát huy. Để khi nhìn vào đó, ta thấy cả quá khứ một thời hiện về với những kí ức đẹp nhất. | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn*  Mở đoạn nêu được vấn đề, Thân đoạn triển khai được vấn đề, Kết đoạn khái quát được vấn đề. | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề đảm bảo các yêu cầu sau:* | | 2.5 |
| * Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng và cảm xúc chung về bài thơ đó. * Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ. * Khái quát được cảm xúc của bài thơ. | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |

ĐỀ 3: Đọc bài thơ *Thơ tặng dòng sông* của Nguyễn Trọng Hoàn và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

*Gió đã thổi giêng hai*

*Triền sông ngô xanh mướt*

*Nghe dạt dào lá hát*

*Chiều mỡ màng xanh trong*

*Mây bạc giữa tầng không*

*In dòng sông lấp loáng*

*Chiều dập dênh sóng nắng*

*Ngực phù sa bồi hồi*

*Bao thương nhớ đầy vơi*

*Sóng gối đầu lên bãi*

*Đất đồng tươi trẻ lại*

*Mùa gọi mùa sây bông*

*Thơ viết tặng dòng sông*

*Vọng mái chèo man mác...*

(Nguyễn Trọng Hoàn, *Nguyễn Trọng Hoàn để lại*..., NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2021, tr. 401)

**1. Chọn phương án đúng**

**Câu 1 :**Xác định thể thơ và những yếu tố giúp em nhận diện thể thơ của văn bản *Thơ tặng dòng sông.*

A. Thể bốn chữ, năm chữ, số tiếng trong các dòng thơ

B. Thể bốn chữ, năm chữ, nhịp và vần của các dòng thơ

C. Thể bốn chữ, từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ

D. Thể năm chữ, số tiếng trong mỗi dòng thơ

**Trả lời:**

Yêu cầu nhận diện thể thơ thông qua đặc điểm hình thức quan trọng nhất: số tiếng trong mỗi dòng thơ. Phương án đúng: D.

**Câu 2 :**Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong dòng thơ: *Nghe dạt dào lá hát*?

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nhân hoá

D. So sánh

**Trả lời:**

Để trả lời câu hỏi này, HS cần chú ý mối quan hệ giữa từ “lá” (từ chỉ bộ phận của cây cối) và từ “hát” (từ chỉ hoạt động của con người). Từ đó HS xác định được biện pháp tu từ được sử dụng là biện pháp tu từ nhân hoá. Phương án đúng: C.

**2. Trả lời các câu hỏi**

[**Câu 1:Nhan đề *Thơ tặng dòng sông* gợi cho em cảm nhận gì về tình cảm của nhà thơ với dòng sông quê?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-50-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Nhà thơ làm thơ để tặng dòng sông quê hương như tặng một con người (người bạn, người thân yêu). So sánh “tặng” với từ đồng nghĩa, gần nghĩa như “cho” có thể thấy sắc thái ý nghĩa của từ “tặng” thể hiện sự yêu thương, trân trọng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của nhà thơ dành cho dòng sông quê hương: coi dòng sông như một người thân thiết, rất đỗi trân quý, thiêng liêng.

[**Câu 2: Tìm những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của dòng sông quê. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp đó.**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-50-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của dòng sông liên quan đến vẻ đẹp của thiên nhiên bên dòng sông (bãi ngô, đồng lúa ven sông); vẻ đẹp của chính những gì thuộc về dòng sông (phù sa, sóng, bờ sông...); sự hoà quyện của dòng sông vào không gian và thời gian (nắng, chiều... ).

Từ những hình ảnh đó, có thể cảm nhận được vẻ đẹp đầy sức sống của thiên nhiên bên dòng sông (*Triền sông ngô xanh mướt/ Nghe dạt dào lá hát*), vẻ đẹp tươi sáng của nước và mây trời như hoà vào nhau (*Mây bạc giữa tầng không/ In dòng sông lấp loáng*) và vẻ đẹp đặc trưng của sóng nước "dập dềnh”, phù sa "bồi hồi" - như sự sống luôn dạt dào, sôi nổi cựa mình bên dòng sông.

[**Câu 3: Theo em, từ “bồi hồi” trong dòng thơ *Ngực phù sa bồi hồi* gợi liên tưởng đến tình cảm, nỗi niềm của ai? Vì sao em có thể liên tưởng như vậy?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-50-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Trong dòng thơ, từ “bồi hồi” được dùng để biểu hiện cảm xúc của “ngực phù sa” - phù sa bên sông. Nhưng hình ảnh đó cũng có thể gợi liên tưởng đến con người: tình cảm “bồi hồi” của con người dành cho dòng sông, cho quê hương, là nỗi niềm “bồi hồi” của chính nhà thơ, hoà vào nhịp sống, nhịp thở của dòng sông quê hương.

Câu 4: Viết đoạn văn (khoảng 7 - 10 câu) nêu cảm xúc của em về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em yêu thích.

**Trả lời:**

**\* Đoạn văn mẫu tham khảo:**

Bài thơ “Gặp lá cơm nếp” của Thanh Thảo đã ghi lại cảm xúc của người con tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Tác giả đã xa nhà nhiều năm, thèm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê. Trong tâm hồn các anh, người mẹ là hình ảnh lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất của quê hương. Mẹ đã chịu một đời lam lũ, hi sinh để dành cho con những điều đẹp đẽ nhất. Những câu thơ giản dị, ngắn gọn mà vời vợi nỗi nhớ thương. Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**BUỔI 11 (Tiết 31+32+33)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: MÙA XUÂN NHO NHỎ (Thanh Hải)**

**GÒ ME (**Hoàng Tố Nguyên**)**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, Biện pháp tu từ)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập, củng cố về tác giả (tên tuổi, quê quán, sự nghiệp sáng tác) và tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục, mạch cảm xúc).

- Cảm nhận được về nội dung, nghệ thuật của văn bản:

+ Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân của đất nước.

+ Tình yêu thiên nhiên, tình yêu đất nước, yêu cuộc sống và khát vọng được cống hiến của tác giả.

- Khắc sâu kiến thức về: Ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, Biện pháp tu từ

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc hiểu, phân tích văn bản, viết đoạn.

- Rèn kĩ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình.

***3. Phẩm chất:***

- Có ý thức ôn tập, hệ thống kiến thức.

- Hs biết suy nghĩ trước tình yêu thiên nhiên, đất nước và khát vọng dâng hiến của nhà thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ?Văn bản “Mùa xuân nho nhỏ và Gò me” có điểm gì chung về thể loại?  ?Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của thơ trữ tình là gì?   * Là sự bộc lộ cảm xúc hoặc suy nghĩ cá nhân   ?Vậy Thơ trữ tình có đặc điểm gì? | ***A. Hệ thống lại kiến thức***  **I. Thơ trữ tình**  **1. Đặc điểm của thơ trữ tình.**   |  |  | | --- | --- | | **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** | | **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** | - Tình cảm chính là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.  - Cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời thuộc thế giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người. Chính vì thế, người đọc đến với thơ để tìm sự đồng cảm, chia sẻ. Người đọc có thể cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình. | | **2. Hình ảnh trong thơ** | - Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống (con người, thiên nhiên,...) nhưng luôn mang dấu ấn của sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ. | | **3. Nhịp thơ** | - Nhịp thơ là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ. Người đọc có thể nhận biết nhịp thơ qua hệ thống những điểm ngắt, ngừng được phân cha trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ. | | **4. Ngữ cảnh** | - Ngữ cảnh là chai cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là chai cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là chai cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. |   ***2.* Yêu cầu và phương pháp đọc hiểu tác phẩm thơ** - Cần biết rõ tên bài thơ, tên tác giả, thời gian và hoàn cảnh sáng tác, đó là cơ sở ban đầu để tiếp cận tác phẩm.  - Đọc và quan sát bước đầu để nắm chắc bài thơ. Qua việc đọc, phải xác định được chủ đề, chủ thể trữ tình (chủ thể trữ tình thường xuất hiện ở hai dạng: cái tôi trữ tình và chủ thể trữ tình ẩn), đối tượng trữ tình, hình tượng trữ tình và giọng điệu chủ đạo của bài thơ.  - Cảm nhận nội dung, ý nghĩa bài thơ qua câu chữ, hình ảnh, nhịp điệu, kết cấu, các biện pháp tu từ,…  - Lí giải, đánh giá toàn bộ bài thơ cả về hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Đặc biệt là phải chỉ ra những đóng góp của tác giả (thể hiện qua tác phẩm) cho thơ và cho cuộc sống con người. |
| ***ÔN TẬP VĂN BẢN: MÙA XUÂN NHO NHỎ (THANH HẢI)*** | |
| GV đưa ra các câu hỏi, hs trả lời.  ?Nêu những hiểu biết về tác giả Thanh Hải (dưới dạng từ khóa ngắn gọn).  ?Nhắc lại kiến thức cơ bản về hoàn cảnh sáng tác, nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | *I****. Tác giả:***Thanh Hải (1930 – 1980) tên thật là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế.  - Tham gia hoạt động văn nghệ từ cuối năm kháng chiến chống Pháp. Là cây bút có công xây dựng nền văn học giải phóng miền Nam từ những ngày đầu.Thanh Hải từng là một người lính trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với tư cách là một nhà văn.  - Thơ TH chân chất và bình dị, đôn hậu và chân thành.  - Các tác phẩm chính: Các tập thơ “những đồng chí trung kiên” (1962), Huế mùa xuân (hai tập 1970 và 1975), Dấu võng Trường Sơn (1977)  - Năm 1965, được tặng giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu.  - Sau ngày giải phóng, Thanh Hải vẫn gắn bó với quê hương xứ Huế, sống và sáng tác ở đó cho đến lúc qua đời.  ***II. Tác phẩm***:  **1. Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt: (tháng 11- 1980, chỉ ít ngày sau, nhà thơ qua đời. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách **2.. Mạch cảm xúc**  Bài thơ bắt đầu bằng những xúc cảm trực tiếp, hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất trời. Từ đó, mở rộng ra thành hình ảnh mùa xuân của đất nước hôm nay và cả đất nước bốn ngàn năm. Từ đó mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được góp “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. Mạch thơ phát triển tự nhiên để rồi khép lại cũng tự nhiên, đằm thắm trong một điệu dân ca xứ Huế.  **3. Nội dung**  Bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.  **4. Nghệ thuật*:***  + Bài thơ theo thể 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc. nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo.  + Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị đi từ thiên nhiên với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân).  + Cấu tứ của bài chặt chẽ, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ mùa xuân của đất trời sang mùa xuân của đất nước và mùa xuân của mỗi người góp vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.  + Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Giọng điệu có sự biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn: vui, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, hơi trang nghiêm mà thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết. |
| **HS ôn tập văn bản Gò me**  ?Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm?  ?Nội dung và nghệ thuật của văn bản? | **III. Ôn tập Văn bản: Gò me**   1. **Tác giả:** Hoàng Tố Nguyên quê tỉnh  tỉnh Tiền Giang 2. **Tác phẩm**   **- Thể loại:** Gò Me thuộc thể thơ tự do  **-Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  - Trong các tập thơ của Hoàng Tố Nguyên, tập thơ Gò Me của ông gồm 13 bài thơ được xuất bản năm 1957 đã gây được tiếng vang lớn.  - Nội dung tập thơ chủ yếu thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương của tác giả.  - Trong tập thơ này, bài thơ Gò Me viết về quê hương của ông là đặc sắc nhất  **- Phương thức biểu đạt :** Văn bản Gò Me có phương thức biểu đạt là biểu cảm  **3. Giá trị nội dung:**  Bài thơ **Gò Me**thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương miền Nam thân thương và anh dũng của tác giả. Hình ảnh quê hương Gò Me xuất hiện như làn gió mát trong khung cảnh oi bức. Người đọc miền Bắc lần đầu biết đến một nhà thơ Nam Bộ, với người, với tình, với cảnh và giọng thơ Nam Bộ thứ thiệt hồn hậu, chất phác.  **4. Giá trị nghệ thuật:**  - Bài thơ Gò Me có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi.  - Lời thơ như ngân lên thành lời ca. |
| GV yêu cầu HS chỉ ra sự khác biệt của từ “áo nâu” trong ví dụ sau đây. Dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ “áo nâu” trong từng ví dụ đó?  (1)**Áo nâu** liền với áo xanh  Nông thôn cùng với thị thành đứng lên  (2) Tôi mua biếu bà một chiếc **áo nâu.**  Trong ví dụ (1), áo nâu để chỉ những người nông dân nói chung, là trang phục gắn liền với người nông dân, trở thành biểu tượng của người nông dân. Với ví dụ (2), áo nâu chỉ một loại áo.  ?Ngữ cảnh là gì? Nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh? | **III. Thực hành Tiếng Việt**  **Ngữ cảnh,** nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh,  +Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ, mà ở đó người nói (người viết) sản sinh lời nói thích ứng. Còn người nghe (người đọc) căn cứ vào đó để lĩnh hội đúng và đầy đủ lời nói.  +Bối cảnh trong văn bản. gồm những đơn vị ngôn ngữ (tử, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh).  + Bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. |
| **GV yêu cầu HS làm bài tập theo yêu cầu:** | **B. LUYỆN TẬP.**  **PHẦN ĐỌC HIỂU** |
| **VĂN BẢN: MÙA XUÂN NHO NHỎ**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 1:** Cho câu thơ sau:  *Mọc giữa dòng sông xanh*  **Câu 1:** Hãy chép chính xác những dòng thơ còn lại để hoàn thiện khổ thơ? Đoạn thơ trên trích trong bài thơ nào của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **Câu 2:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của khổ thơ em vừa chép?  **Câu 3:**  Chỉ ra thành phần biệt lập được sử dụng trong khổ thơ vừa chép?  **Câu 4:**  Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ?  **Câu 5:** Viết đoạn văn(7-10 câu) trình bày cảm nhận về bức tranh thiên nhiên được thể hiện trong đoạn thơ. |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 2:** Hình ảnh đất nước là cảm hứng bất tận trong thơ ca. Viết về đất nước nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã có những câu thơ giàu cảm xúc, gợi suy ngẫm sâu xa:  *“Em ơi Đất Nước là máu xương của mình Phải biết gắn bó san sẻ*  *Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*  *Làm nên đất nước muôn đời"*  (Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm)  Trong một bài thơ em vừa học của chương trình học kì 2 có những khổ thơ cũng gợi những cảm xúc về mùa xuân đất nước. Em hãy:  **Câu 1**. Chép thuộc những câu thơ trong những khổ thơ có nội dung nêu trên. Nêu hoàn cảnh sáng tác.  **Câu 2**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của hình ảnh vừa có nghĩa thực vừa có nghĩa ẩn dụ giàu sức gợi trong những khổ thơ em vừa chép thể hiện sự cảm nhận tinh tế của tác giả về hình ảnh của sức xuân đất nước  **Câu 3**. Em hãy viết một đoạn văn theo cách lập luận diễn dịch (khoảng 12 câu) phân tích cảm xúc của nhà thơ được gợi ra từ những khổ thơ vừa chép. |   **VĂN BẢN: GÒ ME**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 3: Đọc lại bài thơ Gò Me trong SGK (tr. 93 - 95) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Tìm những hình ảnh miêu tả ánh sáng, âm thanh và không gian miền quê Gò Me trong khổ thơ đầu.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Chỉ ra các tiếng cùng vần với nhau trong đoạn thơ sau:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [...] Tôi nằm trên võng mẹ đưa  Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng  Tiếng ai vút đầu bông lúa chín  Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.  [Câu 3: Hai dòng thơ Những chị, những em má núng đồng tiền /Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên gợi cho em cảm nhận gì về những người phụ nữ Gò Me?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ: Hò... ơ... Trai Biên Hoà luỵ gái Gò Me/ Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  Tiếng ai vút đầu bông lúa chín  Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.  [Câu 6: Giải thích nghĩa của từ tắm trong dòng thơ: Ao làng trăng tắm, máy bơi. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ tắm trong ngữ cảnh này với từ tắm trong câu: "Mẹ đang tắm cho bé.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 4: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Giặc Mĩ mày đến đây*  *Thì ta tiêu diệt ngay!*  *Trời xanh ta nổi lửa*  *Bể xanh ta giết mày !*  *Ôi Tổ quốc! ta yêu như máu thịt*  *Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*  *Ôi Tổ quốc! Nếu cần ta sẽ chết*  *Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông…*  ( Trích, *Sao chiến thắng,* Chế Lan Viên)  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của hai khổ thơ trên?  **Câu 2**: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong 4 câu thơ sau:  *Ôi Tổ quốc! ta yêu như máu thịt*  *Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*  *Ôi Tổ quốc! Nếu cần ta sẽ chết*  *Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông…*  **Câu 3**: Đoạn trích trên đã thể hiện cảm xúc, thái độ gì của tác giả? |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 5:** Đọc đoạn thơ sau trong bài thơ *Nhớ mưa quê hương* của Lê Anh Xuân và trả lời các câu hỏi:  *Quê nội ơi*  *Mấy năm trời xa cách*  *Đêm nay, ta nằm nghe mưa rơi*  *Nghe tiếng trời gầm xa lắc...*  *Cớ sao lòng thấy nhớ thương.*  *Ôi cơn mưa quê hương*  *Đã ru hát hồn ta thuở bé,*  *Đã thấm nặng lòng ta những tình yêu chớm hé:*  *Nghe tiếng mưa rơi trên tàu chuối bẹ dừa,*  *Thấy mặt trời lên khi tạnh những cơn mưa*  *Ta yêu quá như lần đầu mới biết*  *Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết*  *Như tre, dừa, như làng xóm quê hương*  *Như những con người - biết mấy yêu thương.*  (Lê Anh Xuân, *Nhớ mưa quê hương*, in trong Thơ Việt Nam 1945 - 1975,  NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1976, tr. 379)  [Câu 1: Những dòng thơ mở đầu:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*[Quê nội ơi / Mấy năm trời xa cách / Đêm nay, ta nằm nghe mưa rơi / Nghe tiếng trời gầm xa lắc.../ Cớ sao lòng thấy nhớ thương](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*[đã giúp em hình dung như thế nào về không gian, thời gian, tâm trạng của nhà thơ khi nghe tiếng mưa?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Trình bày cảm nhận của em về những dòng thơ:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*[Ôi cơn mưa quê hương / Đã ru hát hồn ta thuở bé, / Đã thấm nặng lòng ta những tình yêu chớm hé](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*  [Câu 3: Đoạn thơ đã khơi gợi trong em tình cảm với quê hương, đất nước như thế nào?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Chỉ ra các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  *Ta yêu quá như lần đầu mới biết*  *Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết*  *Như tre, dừa, như làng xóm quê hương*  *Như những con người - biết mấy yêu thương.*  [Câu 5: Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng rất nhiều từ ngữ chỉ mức độ cao của đặc điểm, trạng thái nhằm nhấn mạnh tình cảm sâu nặng, da diết với quê hương. Em hãy liệt kê những từ ngữ đó.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-38-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp) |   **PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 6:** Chỉ ra hiệu quả của một số biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả hình ảnh con thuyền lúc ra khơi trong bài thơ “Quê hương” và bài Mùa xuân nho nhỏ? |   **GỢI Ý BÀI TẬP**   |  | | --- | | **PHIẾU 1:**  **Câu 1:** Đoạn thơ được trích trong bài “ Mùa xuân nho nhỏ” của tác giả Thanh Hải  Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ ra đời tháng 11/ 1980 trong hoàn cảnh đặc biệt:  - Đất nước vừa trải qua cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, nên kinh tế còn trì trệ, kém phát triển.  - Thanh Hải lúc đó đang nằm trên giường bệnh, sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời.  **Câu 2:** – Thể thơ: 5 chữ  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  **Câu 3:** Từ “ơi” trong câu thơ “ Ơi con chim chiền chiện” thuộc thành phần biệt lập dùng để gọi đáp.  **Câu 4:**  – Biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua câu thơ “ Từng giọt long lanh rơi; Tôi đưa tay tôi hứng”  - Tác dụng: Thể hiện cảm xúc say sưa ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế vào xuân. Đồng thời tác giả còn muốn hòa nhập vào thiên nhiên, đất trời. Từ đó cho thấy được tình yêu thiên nhiên của tác giả.  - Nghệ thuật đảo ngữ qua hai câu thơ “ Mọc giữa dòng sông xanh; Một bông hoa tím biếc”  Tác dụng: Tác giả đặt từ “ mọc” lên đầu câu cho thấy được sức sống mãnh liệt, sự vươn lên trỗi dậy của bông hoa. Từ đó, cho ta thấy được sức sống mãnh liệt của mùa xuân thiên nhiên.  - Nghệ thuật nhân hóa lời gọi “ơi” và lời hỏi “ chi”  Tác dụng : Câu thơ đã trở thành lời trò truyện trực tiếp với thiên nhiên, bộc lộ sự ngạc nhiên, xúc động trước vẻ đẹp của mùa xuân.  **Câu 5**: Cần trình bày một cách tự nhiên, chân thành những cảm nhận của bản thân về đoạn thơ được trích.   * Vẻ đẹp trong sáng, đầy sức sống của xứ Huế mùa xuân. Bức tranh được nhà thơ vẽ với màu sắc hài hoà, điểm vào đó là âm thanh cao vút, vui tươi, rộn ràng... * Động từ *mọc* đảo lên đầu câu nhấn mạnh sự sống của bông hoa.   + Tình cảm của nhà thơ.  + Tình yêu mùa xuân thể hiện qua bức tranh xuân, qua câu hỏi con chim chiền chiên.  + Hành động "hứng" giọt long lanh rơi là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Sự níu giữ, yêu tha thiết mùa xuân, cuộc đời, dồn vào hành động ấy. |  |  | | --- | | **PHIẾU 2:**  **Câu 1:** Những khổ thơ gợi cảm xúc về mùa xuân đất nước:  *Mùa xuân người cầm súng*  *…*  *Cứ đi lên phía trước.*  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" được Thanh Hải sáng tác vào tháng 11 năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh. Bài thơ là những dòng chữ cuối cùng mà ông để lại. Nó như một sự tổng kết về cuộc đời của ông và gửi gắm về lẽ sống cao cả, cao đẹp.  **Câu 2:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của hình ảnh vừa có nghĩa thực vừa có nghĩa ẩn dụ giàu sức gợi trong những khổ thơ em vừa chép thể hiện sự cảm nhận tinh tế của tác giả về hình ảnh của sức xuân đất nước  - Nhà thơ cảm nhận mùa xuân đất nước qua hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng"  + Biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của đất nước ta lúc bấy giờ là chiến đấu ở tiền tuyến và lao động xây dựng hậu phương vững chắc.  + Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh "lộc giắt đầy trên lưng" gợi liên tưởng đến vòng lá ngụy trang của người chiến sĩ đang nảy những chồi non, lộc biếc theo chân các anh ra trận để bảo vệ tổ quốc.  **+** Hình ảnh người ra đồng đi liền với hình ảnh lộc trải dài nương mạ gợi liên tưởng đến những cánh đồng xanh màu mỡ, xanh tươi do những bàn tay khéo léo của những người ở hậu phương gieo trồng.  **- Hình ảnh "mùa xuân", "lộc"**  + Gợi quang cảnh mùa xuân tươi đẹp đang vươn những chồi non, lộc non  + Gợi thành quả trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.  **- Hình ảnh "Đất nước như vì sao"**  + Gợi liên tưởng đến nguồn sáng lấp lánh tồn tại vĩnh hằng trong không gian và thời gian.  + Gợi ý nghĩa về dân tộc VN trong suốt chiều dài lịch sử, từ trong đêm tối nô lệ đã phá tan xiềng xích, thoát khỏi PK, Thực dân để tỏa sáng.  + Gợi niềm tin của tác giả về một tương lai tươi sáng, rộng mở với khí thế đi lên mạnh mẽ không gì cản nổi.  **Câu 3**. Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:  **-** Từ cảm hứng say sưa yêu mến mùa xuân thiên nhiên đất trời, **nhà thơ hướng lòng mình về với mùa xuân của đất nước, của dân tộc:**  *"Mùa xuân người cầm súng*  *......*  *Tất cả như xôn xao"*  **Không gian của bài thơ mở rộng hơn và mang tính biểu tượng sâu đậm:**  + Hình ảnh mùa xuân đất nước hiện lên qua hình ảnh người cầm súng và người ra đồng. Đây là hai hình ảnh tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và sán xuất, bảo vệ và xây dựng đất nước của nhân dân ta khi đó.  + Kết nối giữa tiền tuyến với hậu phương là hình ảnh mùa xuân và lộc biếc. Nghệ thuật điệp từ, điệp cấu trúc câu trong khổ thơ làm cho nhịp thơ nhanh, mạnh thể hiện sức sống mãnh liệt của mùa xuân như đang lan tỏa trong từng nhiệm vụ của người chiến sĩ, người nông dân. Hình ảnh lộc xanh trên vành lá ngụy trang như theo chân người lính ra mặt trận đem theo sức mạnh vào từng trận đánh. Lộc xuân còn trải dài xanh mướt dưới bàn tay lao động của người nông dân.  **=> Những câu thơ trên đã cho ta thấy giá trị của những công việc và của những con người thầm lặng, bằng đôi tay và sức lực của mình họ đã đem mùa xuân về cho đất nước, cho dân tộc ta.**  - Trong dòng chảy của mùa xuân dân tộc, **nhà thơ đã cảm nhận được nhịp điệu của sự sống đang lan tỏa trong từng công việc:**  *Tất cả như hối hả / Tất cả như xôn xao.*  + Điệp từ, điệp cấu trúc câu kết hợp với hai từ láy hối hả, xôn xao khiến cho câu thơ có âm điệu mạnh mẽ, khắc họa được không khí lao động, chiến đấu hăng say, náo nức, khẩn trương của cả dân tộc.  -Cảm xúc lắng vào suy tư khi tác giả nghĩ về chiều dài lịch sử của dân tộc:  *Đất nước bốn ngàn năm*  *.....*  *Cứ đi lên phía trước.*  + Nghệ thuật nhân hóa kết hợp với các từ "vất vả" và "gian lao" đã khái quát lại chiều dài lịch sử của dân tộc. Đó là một lịch sử đau thương, vất vả, gian lao nhưng cũng thật anh dũng, kiên cường với biết bao mùa xuân đại thắng.  + Câu thơ như một thoáng chiêm nghiệm khi tác giả nhìn về quá khứ của dân tộc để rồi sau đó chứa bao niềm tin yêu, tự hào khi ông ví "Đất nước như vì sao/Cứ đi lên phía trước". Nhà thơ so sánh tầm vóc, vị thế của đất nước với nguồn sáng lấp lánh của vì sao để bày tỏ niềm tự hào, niềm tin vào một tương lai tươi sáng, về sức sống trường tồn, vĩnh cửu của dân tộc, không kẻ thù nào có thể ngăn cản nổi.  =>Đặt bài thơ vào những năm 80 khi nước ta còn đang phải đương đầu với bao khó khăn, nền kinh tế còn rất thấp kém thì ta càng trân trọng lòng yêu đời, yêu cuộc sống và niềm tin của nhà thơ Thanh Hải vào quê hương, đất nước. |  |  | | --- | | **PHIẾU 3:**  [Câu 1: Tìm những hình ảnh miêu tả ánh sáng, âm thanh và không gian miền quê Gò Me trong khổ thơ đầu.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Chỉ ra các tiếng cùng vần với nhau trong đoạn thơ sau:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *[...] Tôi nằm trên võng mẹ đưa*  *Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng*  *Tiếng ai vút đầu bông lúa chín*  *Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.*  [Câu 3: Hai dòng thơ *Những chị, những em má núng đồng tiền /Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên*gợi cho em cảm nhận gì về những người phụ nữ Gò Me?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ: *Hò... ơ... Trai Biên Hoà luỵ gái Gò Me/ Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...?*](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  *Tiếng ai vút đầu bông lúa chín*  *Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.*  [Câu 6: Giải thích nghĩa của từ tắm trong dòng thơ: *Ao làng trăng tắm, máy bơi*. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ tắm trong ngữ cảnh này với từ tắm trong câu: "*Mẹ đang tắm cho bé.*](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) |  |  | | --- | | **PHIẾU 4:**  Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  Câu 2: Biện pháp tu từ: Điệp ngữ “ Ôi tổ quốc”: Nhấn mạnh, khẳng định cảm xúc yêu mến, tự hào.  - Biện pháp so sánh: Như máu thịt, như mẹ cha, như vợ, như chồng…  Tác dụng: Đất nước hiện lên cụ thể, sinh động. Đất nước như một phần sự sống của bản thân, như một thành viên trong gia đình và “ta” quyết tâm dù hi sinh cũng phải bảo vệ, giữ gìn.  Câu 3: Cảm xúc, thái độ: yêu mến, tự hào, quyết tâm tiêu diệt kẻ thù để bảo vệ Tổ quốc. |  |  | | --- | | **PHIẾU 5:** Những dòng thơ mở đầu *Quê nội ơi / Mấy năm trời xa cách / Đêm nay, ta nằm nghe mưa rơi / Nghe tiếng trời gầm xa lắc... / Cớ sao lòng thấy nhớ thương* đã giúp chúng ta hình dung về không gian, thời gian và tâm trạng của nhà thơ: vào một đêm mưa, nằm nghe tiếng mưa rơi, nhà thơ nhớ thương da diết quê nội thân yêu của mình.  [**Câu 2:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Những dòng thơ *Ôi cơn mưa quê hương / Đã ru hát hồn ta thuở bé, / Đã thấm nặng lòng ta* những tình yêu chớm hé đã diễn tả rất sâu sắc, cảm động tình yêu mãnh liệt, tha thiết của nhà thơ với cơn mưa quê hương nói riêng và với quê hương nói chung. Chính những cơn mưa đó đã nuôi dưỡng, ấp iu tâm hồn nhà thơ, đã gắn bó với những vui buồn, những kỉ niệm yêu thương của thuở ấu thơ và những năm tháng tuổi trẻ.  [**Câu 3:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Đoạn thơ đã khơi gợi nên trong ta tình yêu với quê hương, đất nước – tình yêu đó được biểu hiện qua sự gắn bó sâu sắc với những điều bình dị, mộc mạc của quê hương.  [**Câu 4:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Trong đoạn thơ *Ta yêu quá như lần đầu mới biết / Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết / Như tre, dừa, như làng xóm quê hương / Như những con người - biết mấy yêu thương*, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh và điệp ngữ. Với việc sử dụng những biện pháp tu từ đó, tác giả đã làm nổi bật, tô đậm tình yêu của mình đối với cơn mưa quê hương, với những sự vật và con người hết sức gần gũi của quê hương.  [**Câu 5**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-38-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp): Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng rất nhiều từ ngữ chỉ mức độ cao của đặc điểm, trạng thái nhằm nhấn mạnh tình cảm sâu nặng, da diết với quê hương. Đó là những từ ngữ: mấy năm trời, xa lắc, thấm nặng lòng ta, yêu quá, biết mấy yêu thương,... |  |  | | --- | | **PHIẾU 6:**  **Quê hương:**  – Hình ảnh so sánh “Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã/ Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường gian => Tác dụng: tái hiện vẻ đẹp của con thuyền lúc ra khơi như một sinh thể sống động, tràn đầy sức mạnh, đồng thời gợi lên vẻ đẹp của con người lao động – hiên ngang, hào hùng  – Hình ảnh so sánh kết hợp nhân hóa “Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/ Rướn thân trắng bao la thâu góp gió” => Tác dụng:  + Giúp hình dung rõ hơn cái chất riêng của làng chài và những con người nơi đây.  + Gợi được vẻ đẹp của người dân làng chài với tình yêu lao động, tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn, tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương.  **Mùa xuân nho nhỏ:**  - Biện pháp tu từ ***ẩn dụ***: *mùa xuân nho nhỏ*, *một cành hoa*, *một nốt trầm*, ...  🡪 Tác dụng: Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời.  - Biện pháp tu từ **so sánh**: *Đât nước* ***như*** *vì sao/ Cứ đi lên phía trước.*  🡪 Tác dụng: *Vì sao* gợi lên nguồn sáng lấp lánh, vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ. Việc so sánh *đất nước* với *vì sao* gợi lên hình ảnh rạng ngời của lá cờ Tổ quốc và niềm tự hào của tác giả về đất nước, về tương lai tươi sáng của dân tộc.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Dù là*** *tuổi hai mươi/****Dù là*** *khi tóc bạc.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh sự quyết tâm, khát khao được cống hiến của tác giả.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Nước non ngàn dặm*** *mình/****Nước non ngàn dặm*** *tình.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh, làm nổi bật niềm tin yêu, tự hào của tác giả với đất nước, với quê hương. | | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  **Viết đoạn văn ngắn có sử dụng biện pháp tu từ đã học?**  **Đoạn văn mẫu:**  Càng xa bến cảng, cảnh dòng sông càng thanh bình và êm đềm. Mặt sông uốn lượn như một tấm vải lụa trải dài đến xa tít chân trời, vắng bóng tầu thuyền nên sông cũng ít sóng đi, chỉ nghe soàn soạt vài tiếng sóng vỗ bờ. Những cùm lục bình đâu rồi nhỉ? Có lẽ chúng thấy mình quá nhỏ bé trước cảnh sông nước bao la nên đã trốn đi. Mặt trời đã chiếu những tia nắng gay gắt, mặt sông lấp lánh như được dát muôn vàn ánh pha lê. Ô kìa, những chiếc thuyền đánh cá chở hàng buôn bán lặng lẽ đậu giữa dòng sông như đang ngẫm nghĩ điều gì đó. Bến cảng đã thưa dần, thấp thoáng đây đó những ngôi nhà cao tầng trong làn sương mờ ảo ảo. Bên kia, nhà cũng ít lại, những vườn trái cây xanh um chạy dài ven bờ sông. Đứng trước sông nước mênh mông, em thấy lòng mình nhẹ nhàng lâng lâng. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 12 (Tiết 34+35+36)**

**VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI VÀ SỰ VIỆC**

**TRÌNH BÀY ĐƯỢC Ý KIẾN CỦA MÌNH VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN VÌ CỘNG ĐỒNG**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc; trình bày được *cảm* xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc.

- Ôn tập kiến thức bài văn trình bày được ý kiến của mình về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đổng sao cho hấp dẫn, lan toả được tới người nghe, đổng thời biết tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe với tinh thần cầu thị.

**2. Năng lực:** Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về  1.Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc  ?Thế nào là bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc?  ? **Yêu cầu đối với kiểu bài?**  **?Dàn ý của bài văn?**  **2.Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng cần trình bày những gì?** | 1. **Hệ thống kiến thức**  **I. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc** **1. Bài văn biểu cảm**về con người, sự việc là kiểu văn bản có mục đích trình bày cảm xúc của người viết về một đối tượng (có thể là con người, sự việc ...)  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**  **-**Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  - Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.  - Bố cục bài viết gồm ba phần:  **a.Mở bài:**giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng.  **b.Thân bài:**Biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc.  **c.Kết bài:**khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.  II. **Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng**  + Giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về bản chất và vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.  + Chỉ ra được những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu: đóng góp tiền của, tham gia hoạt động cứu trợ, … Đối tượng được giúp đỡ có thể là người gặp nạn vì thiên tai hay dịch bệnh, người già không nơi nương tựa, người khuyết tật, trẻ mồ côi, …  + Nhấn mạnh một số ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện: giúp cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn có cuộc sống tốt đẹp hơn; lan toả nghĩa cử cao đẹp tới cộng đồng, góp phần làm cho xã hội ngày càng trở nên nhân văn thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta; …  - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, những từ ngữ then chốt, những câu quan trọng mà khi trình bày không thể bỏ qua, như:  + Câu giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.  + Những từ ngữ thể hiện suy nghĩ của em trước những hành động, việc làm cụ thể của các cá nhân, tổ chức, cộng đồng, …  + Những câu nhấn mạnh ý nghĩa nhân văn của các hoạt động thiện nguyện.  - Chuẩn bị tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài hát, … liên quan đến các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng (nếu có). |
| **GV yêu cầu HS lập dàn ý bài tập 1**  **Đề bài 1:** Viết đoạn văn (khoảng 7 - 10 câu) trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về một sự việc diễn ra trong cộng đồng khiến em không hài lòng.  ?Nêu yêu cầu bài tập 1?  ?Em dự định viết đoạn (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn) ntn?  **Đề bài 2:** Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.  ?Trước khi viết em cần thực hiện yêu cầu gì?  ?Có mấy bước thực hiện. Đó là những bước nào?  ?Để có ý tưởng cho bài viết, em cần làm gì?  **?Lập dàn ý cho đề bài trên?** **Đề bài 3: Suy nghĩ về hoạt động từ thiện trong cuộc sống** ?Đọc yêu cầu bài tập 2.  ?Lập dàn ý cho đề bài 2. | 1. **LUYỆN TẬP**   Bài tập 1:  - Yêu cầu: Bài tập yêu cầu em viết một đoạn văn khoảng 7 - 10 câu.  + Về hình thức, lưu ý trình bày theo đúng quy cách: mở đầu bằng chữ viết hoa, lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm câu.  + Về nội dung: nêu được cảm xúc, suy nghĩ của em về một sự việc xảy ra trong cộng đồng khiến em không hài lòng để qua đó khơi gợi sự đồng cảm của người đọc.  **\* Dàn ý:**  - Mở đoạn: Giới thiệu đối tượng biểu cảm: sự việc diễn ra trong cộng đồng khiến em không hài lòng (Sự việc đó là gì? Xảy ra ở đâu? Vào thời gian nào?...).  - Thân đoạn: Trình bày cụ thể cảm xúc, suy nghĩ của em về sự việc đó (buồn, xót xa, đau lòng, bức xúc,...): sự việc đó là mặt trái của xã hội, không phù hợp với thuần phong mĩ tục của dân tộc, làm băng hoại đạo đức xã hội, cản trở sự phát triển của đất nước,...  - Kết đoạn: Khái quát lại cảm nghĩ chung về những ảnh hưởng tiêu cực mà sự việc đó gây ra, đồng thời liên hệ để rút ra bài học cho bản thân (tự rèn luyện bản thân, xây dựng cho mình một lối sống lành mạnh, có ý thức sống và cống hiến cho đất nước, cho xã hội,...).  Lưu ý: Khi viết đoạn văn biểu cảm về sự việc, ngôn ngữ bài viết phải sinh động, giàu cảm xúc; tập vận dụng các biện pháp tu từ giàu sắc thái biểu cảm như so sánh, điệp ngữ,... để tăng sự hấp dẫn cho đoạn văn.  **Đoạn văn mẫu tham khảo:**  Cuộc sống luôn có muôn hình vạn trạng. Chính con người làm nên những màu sắc khác nhau cho cuộc sống thêm tươi đẹp. Tuy nhiên, ngày nay, hiện tượng vô cảm đang ngày càng xuất hiện nhiều và đẩy khoảng cách của con người với con người ra xa. Vô cảm là thái độ thờ ơ, lãnh đạm, không quan tâm đến ai, không quan tâm đến nỗi đau khổ, bất hạnh của người khác mà chỉ biết đến bản thân mình. Đây là một “căn bệnh”, tính cách xấu mà chúng ta cần phải thay đổi, tẩy chay để cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn. Xã hội ngày càng phát triển, con người bận rộn với cuộc sống, với những dự định riêng của mình nên đôi lúc vô hình chung tạo nên khoảng cách giữa người với người, chúng ta và mọi người ít có thời gian quan tâm đến người khác hơn Vô cảm là một hiện tượng xấu đang ngày càng xuất hiện nhiều ở trong cộng đồng. Chúng ta hãy cùng nhau chung tay xây dựng một cuộc sống tràn ngập yêu thương và đẩy lùi căn bệnh vô cảm.  **Bài tập 2**  **Bước 1: Xác định đề tài**  Trước tiên, em hãy trả lời câu hỏi: “yêu cầu của đề bài là gì?”  Với đề bài nêu trên, em có thể chọn một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc, chẳng hạn như:  - Ngày khai giảng  - Lễ đón giao thừa quê em  - Mỗi lầm lỗi của bản thân  - Một kỉ niệm đáng nhớ với người thân yêu  - Lần bản thân đạt được một thành tích đáng nhớ  …  Thu thập tư liệu  Tư liệu liên quan đến sự việc có thể được thu thập từ những nguồn như: quan sát thực tế của em về sự việc, nghe người khác kể về sự việc. Em có thể đọc thêm tư liệu về sự việc trong các sách, báo, trang mạng uy tín. Khi đọc tư liệu, ghi lại thông tin gợi cho em cảm xúc, ấn tượng sâu sắc về sự việc.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Để có ý tưởng cho bài viết, em cần:  - Ghi những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm của mình về sự việc em muốn viết và phác thảo một vài chi tiết lí giải vì sao mình có tình cảm, cảm xúc đó. Khi viết, em hãy hình dung lại sự việc.  - Xác định một số yếu tố miêu tả, tự sự để làm rõ các tình cảm, cảm xúc bằng cách đặt câu hỏi: Những kỉ niệm nào khiến em ấn tượng sâu sắc? Khung cảnh diễn ra sự việc có gì đặc biệt? Chú ý các yếu tố gợi ra những cảm nhận về các giác quan.  **Lập dàn ý**  Từ những ý đã tìm, dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.  **- Mở bài:**giới thiệu sự việc và biểu lộ cảm xúc sâu sắc của người viết về sự việc.  **- Thân bài:**+ lần lượt thể hiện những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thực của người viết thông qua việc miêu tả, kể lại các ấn tượng  + biểu lộ cảm xúc, lí giải vì sao có cảm xúc đó  **- Kết bài:**khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.  **Bước 3: Viết bài**  - Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Đối với thân bài, em cần đảm bảo kết hợp các yếu tố miêu tả và tự sự để việc bộc lộ cảm xúc được tự nhiên, giúp người đọc hiểu vì sao em có cảm xúc đó.  - Để cảm xúc được bộc lộ một cách chân thật, sâu sắc em có thể sử dụng các từ ngữ miêu tả các trạng thái cảm xúc như hạnh phúc, bâng khuâng, gắn bó, biết ơn,…; các từ ngữ cảm xúc trực tiếp như ôi chao, trời ơi, xiếc bao,…; sử dụng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, liên tưởng để giúp cho bài văn thêm gợi cảm, dễ dàng truyền tải được cảm xúc.  - Để đảm bảo các yếu tố miêu tả, tự sự gắn với mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc không bị lạc sang văn miêu tả hay kể chuyện, khi viết, em hãy tự trả lời các câu hỏi: Yếu tố miêu tả, tự sự này nhằm thể hiện cảm xúc nào? Cảm xúc muốn bày tỏ đã được thể hiện trọn vẹn qua các yếu tố miêu tả, tự sự hay chưa?  **Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**  **Bài tập 3**  **1. Mở bài:**  Giới thiệu, dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận.  Ví dụ mở bài: Dân tộc ta, một dân tộc với bề dày lịch sử. Trải qua biết bao gian khổ để giành lại được độc lập tự do. Những truyền thống văn hóa, đạo đức vẫn luôn được bảo tồn và phát huy một cách tốt đẹp cho tới ngày nay. Sự đùm bọc, yêu thương đồng bào cũng thế. Bằng việc giúp đỡ, chia sẻ một phần của mình với những người có hoàn cảnh khó khăn. Những việc từ thiện vẫn luôn được diễn ra trong cuộc sống.  **2. Thân bài:**  + Hiện nay có nhiều người làm từ thiện đem lại cuộc sống tốt hơn cho những người nghèo khổ.  + Từ thiện là một hành động đẹp cần ca ngợi và lan tỏa đến mọi nơi, mọi người.  + Tuy nhiên, bên cạnh đó có những người lợi dụng hoạt động từ thiện nhằm đánh bóng tên tuổi của bản thân.  + Bài học: Cần phải chung tay giúp đỡ người nghèo. Kêu gọi những lòng hảo tâm từ mọi nơi,...  + Triết lý tình thương luôn mang lại cho đời sống con người những gì tốt đẹp nhất.  **3. Kết bài:**  Khẳng định, nhấn mạnh lại vấn đề nghị luận.  Ví dụ kết bài: Cho đi có nghĩa là sẽ được nhận lại nhiều hơn. Mỗi người trong chúng ta cần có tấm lòng thương người giúp đỡ người chung dân tộc. Bạn có thể quyên góp những vật phẩm tuy nhỏ không cần phải là số tiền lớn chỉ cần xuất phát từ tấm lòng là đủ. Có cho đi chắc chắn sẽ nhận lại hãy cho đi giúp đỡ để đời có thêm nhiều ý nghĩa. |
| **GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý trên**  **Bài viết mẫu đề 2:**  Những ngày tết, khắp mọi nơi trên đất nước Việt Nam xinh tươi như được khoác lên mình một chiếc áo mới. Tết đến đem theo những hy vọng về một năm mới may mắn, tốt đẹp hơn.  Mùa xuân đến, Tết đã gõ của mọi nhà, niềm vui nhân đôi, hạnh phúc bội phần. Trẻ em háo hức mong chờ Tết đến. Người lớn lại bận rộn chuẩn bị cho Tết. Thời tiết ngày xuân trở nên ấm áp hơn, những cành đào đang chớm nở. Những lá cờ Tổ quốc được treo cao trên mái ngói đỏ tươi, bay phấp phới giữa bầu trời tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi. Ngoài đường người đi mua sắm tấp nập. Tiếng cười nói, bán mua cho một cái tết đủ đầy vang lên đầy ắp những đường ngõ. Mấy đứa trẻ con nô đùa quanh những hàng bán pháo bông. Em cảm thấy không khí ngày tết thật tuyệt vời biết bao.  Chiều ba mươi Tết, cả nhà quây quần bên bữa cơm tất niên. Vào khoảnh khắc giao thừa, mọi người đều hân hoan trong niềm vui, hạnh phúc cho một khởi đầu “An khang thịnh phượng” hay “Vạn sự như ý”. Những ngày tết thật hạnh phúc khi cả gia đình được quây quần bên nha. Sáng mùng một, em theo bố mẹ sang chúc Tết ông bà nội ngoại. Em được ông bà mừng tuổi cho những phong bao lì xì đỏ thắm với lời chúc học giỏi. Ngày Tết là dịp để mọi người trong gia đình được gần gũi nhau hơn.  Không khí ấm áp của ngày tết cổ truyền khiến em cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Em tin chắc rằng sau này dù đất nước có phát triển đến đâu thì người dân Việt Nam vẫn sẽ giữ gìn được những nét đẹp của dịp Tết cổ truyền dân tộc. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 5. MẦU SẮC TRĂM MIỀN**

**Buổi 13 (Tiết 34+35+36) ÔN TẬP VĂN BẢN**

**THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

**CHUYỆN CƠM HẾN**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút.

- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp yêu mến vẻ đẹp của quê hương đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* - Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học
* - Máy chiếu, máy tính.
* - Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
* - Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ?Theo em văn bản: Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt và chuyện cơm hến có điểm chung gì về thể loại?  ?Ở lớp 6 em đã tìm hiểu văn bản nào cũng viết theo thể loại này?   * - Cô Tô (Nguyễn Tuân)   GV cho HS thảo luận nhóm  *+ Nhóm 1: Trình bày hiểu biết về thể kí và tùy bút?*  *+ Nhóm 2: Trình bày hiểu biết của em về tản văn?* | 1. **Hệ thống kiến thức**   **I. Thể loại tùy bút, tản văn**  **1. Tùy bút:** là một thể thuộc loại hình kí, gần với bút kí, kí sự mà đôi khi trong tiếng Việt vẫn thường gọi là tạp văn. Thể loại này ghi chép những gì mà người khác quan sát và suy ngẫm về cuộc sống và con người xung quanh.  \* Kí: là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thật; Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;  **\*Đặc điểm của thể loại tùy bút**  ***- Đề tài*:** phong phú, đó có thể là tất cả các phương diện trong đời sống xã hội, từ văn hóa, lịch sử đến cái vấn đề nóng, vấn đề mang tính thế sự, đời tư… Các đề tài luôn được tác giả hướng tới đưa chất liệu vào trong tùy bút thể hiện cái tôi suy ngẫm, suy tư của nhân vật trữ tình.   * ***-Kết cấu:*** tùy bút lại chú trọng làm nổi bật hình ảnh con người trong một khoảnh khắc, đôi khi chỉ là một lát cắt trong chuỗi hành trình cuộc sống của con người. Bên cạnh đó, đan xen những suy tư, bình phẩm hay ca ngợi con người, làm nổi bật con người (chủ nghĩa anh hùng lớn lao). * ***Lời văn, giọng điệu:*** mang lối văn uyển chuyển, linh động, đầy phát minh sáng tạo của tác giả. Lời văn có sự tích hợp thuần thục giữa chất thơ và trần thuật, tạo cảm xúc mềm mại trong cách kể chuyện.   **\*Nghệ thuật trong tùy bút:** mang phong cách nghệ thuật hết sức tự do, phóng khoáng và giàu chất trữ tình. Chính vì vậy, tùy bút thể hiện rõ cái tôi của người nghệ sĩ hết sức sinh động và rõ nét, là lối chơi độc tấu của cái tôi trữ tình.  **2. Tản văn**  - Là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc. Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá vé đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình. Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự kết hợp tự sự. trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu...  - Ngôn từ:gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự |
| **ÔN TẬP ĐỌC HIỂU** | |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  Phiếu 1: **Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt**  1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  2. Nội dung và nghệ thuật.  Phiếu 2: **Chuyện cơm hến**  1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  2. Nội dung và nghệ thuật. | **II.Văn bản: Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt**  **1. Tác giả:**  - Vũ Bằng (1913-1984), sinh ra tại Hà Nội  - Ông là nhà văn và nhà báo đã sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí  - Sau năm 1954, ông vào Sài Gòn vừa viết văn, vừa làm báo vừa hoạt động cách mạng  - Năm 2007, Vũ Bằng được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:**tùy bút.  **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  - Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả sống ở vùng kiểm soát của Mĩ – Ngụy, xa cách quê hương đất Bắc. Nhà văn đã gửi gắm vào trong trang sách nỗi niềm thương nhớ da diết quê hương, gia đình và lòng mong mỏi đất nước hòa bình, thống nhất  - Bài văn được trích từ thiên tùy bút “Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt” trong tập tùy bút “Thương nhớ mười hai”  **- Phương thức biểu đạt:**miêu tả, kết hợp biểu cảm  **3. Nội dung:**  Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê. Bài tùy bút đã biểu lộ chân thực và cụ thể tình quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả  **4. Nghệ thuật:**  - Trình bày nội dung văn bản theo dòng cảm xúc lôi cuốn, say mê  - Lựa chọn từ ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh  - Có nhiều so sánh, liên tưởng độc đáo, giàu chất thơ  **III. Văn bản: Chuyện cơm hến**  1. Tác giả:  - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937, quê ở Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế.  - Những sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế. Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hoá sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội.  **2. Tác phẩm**  **-Thể loại:**tùy bút  **- Xuất xứ:** trích trong *“Huế - Di tích và con người”*của Hoàng Phủ Ngọc Tường, xuất bản năm 2001.  **- Phương thức biểu đạt:**tự sự  3. **Giá trị nội dung:**  Bài văn giới thiệu về món cơm Hến đặc sản của Huế cùng tình cảm mà tác giả dành cho món ăn quê hương mình.  **4. Giá trị nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ đậm chất vùng miền  - Thuyết minh chi tiết, không chỉ để giới thiệu về một món ăn mà như đang bày tỏ lòng mình, kể cho người đọc nghe về món cơm hến đậm đà bản sắc dân tộc. |
| 1. **LUYỆN TẬP: BÀI TẬP ĐỌC HIỂU** | |
| **PHIẾU SỐ 1: Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**  *(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*  *(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*  (Ngữ văn 7, tập một)  a) Phần trích trên thuộc văn bản nào đã học? Tác giả là ai?  b) Phần trích được viết theo phương thức biểu đạt chính nào? Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?  c) Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích (chỉ rõ các từ, ngữ)? Cách sử dụng biện pháp tu từ đó có tác dụng gì?  d) Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản chứa đoạn văn trên.  e. Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội trong đoạn văn?  g. Trong câu văn: "Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong [...]" trong đoạn văn, từ "phong" có nghĩa là gì?  **PHIẾU SÔ 2: Đọc hai đoạn văn dưới đây trong văn bản *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* và trả lời các câu hỏi:**  Đoạn 1: *Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.*  Đoạn 2: *Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều treo ở trước bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm “hoá vàng” và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật*.  [Câu 1: Hai đoạn văn miêu tả không gian nào?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Bước đi của thời gian biểu hiện như thế nào qua cách miêu tả không gian?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Nét đẹp của đời sống gia đình được tác giả cảm nhận ra sao?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* là bài đầu tiên trong tập tuỳ bút *Thương nhớ Mười Hai* của Vũ Bằng. Từ hai đoạn văn trên, em hiểu gì về nỗi niềm của tác giả gắn với tháng Giêng? Dựa vào phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm (SGK, tr. 109), hãy giải thích nhan đề của tập tuỳ bút.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5 : Hai đoạn văn gợi cho em những liên tưởng gì về gia đình mình?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 6: Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh trong hai đoạn văn trên và nêu tác dụng.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **PHIẾU SỐ 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi ...”.*  (Trích: “***Một thứ quà của lúa non: Cốm”*** - Thạch Lam)  a. Xác định thể loại của văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”?*  b. Nêu nội dung của đoạn văn trên?  c. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: *“Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam.”?* Nêucảm nhận của em bằng đoạn văn ngắn?  **PHIẾU SỐ 4: Đọc văn bản *Chuyện cơm hến* (từ *Xin tiếp tục chuyện cơm hến* đến *bán cho những người làm cơm hến*) trong SGK (tr. 113) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Nội dung của đoạn văn là gì?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-43-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2: Việc người dân gọi tên cái cồn nổi là *Cồn Hến* cho thấy cách cấu tạo địa danh của cư dân bản địa. Em biết những địa danh nào cũng được cấu tạo theo cách như vậy?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-43-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Trong các lễ hội, người ta thường tổ chức cúng tế và các trò chơi. Lễ cúng hến được miêu tả trong văn bản có gì khác biệt?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-44-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Theo em, thông tin về lễ cúng hến có vai trò như thế nào trong văn bản *Chuyện cơm hến?*](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-44-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **PHIẾU SỐ 5:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đằng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nây1. Mưa Nam hay mưa Chướng2, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp3. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà tất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch4 nầy làm sao đâu, vì khi nước ròng5 rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất nầy làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoảng khoát6, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.  Người ấp7 Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng8, khỏi9 chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài nầy thì thích không chịu được.  Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng toả ra từ mẻ un?, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi10 kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai11, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.  [...] Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đẫm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  (Nguyễn Ngọc Tư, *Ngủ ở Mũi*, in trong Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư,  NXB Trẻ và Thời báo Kinh tế Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 159 - 161)  [Câu 1: Những nét sinh hoạt nào của cư dân vùng đất Mũi Cà Mau được nói tới trong đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Những ngôi nhà vùng đất Mũi có gì đặc biệt? Tại sao tác giả lại nói bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Ở trong một căn nhà đơn sơ, vì sao con người lại có cảm giác về sự thái bình, no ấm?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Theo em, vì sao người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà? Sở thích này thể hiện điều gì ở con người đất Mũi?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 5: Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối của cư dân đất Mũi gợi cho em những suy nghĩ gì?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 6: Nêu những cụm từ thể hiện tính chất khẩu ngữ của đoạn trích.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 7: Chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng.  b. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  **GỢI Ý BÀI TẬP:**  **PHIẾU 1:**  a.- Phần trích thuộc văn bản “Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt”  - Tác giả Vũ Bằng  b.- Phần trích được viết theo phương thức biểu cảm  - Câu thể hiện rõ nhất tình cảm của tác giả: Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.  c.- Biện pháp tu từ được sử dụng nổi bật: điệp ngữ; các từ, ngữ: mùa xuân, có, mùa xuân của Hà Nội, Bắc Việt  - Tác dụng: điệp ngữ vừa để nhấn mạnh ý, vừa tạo cho câu văn, đoạn văn giàu âm  điệu, giọng văn trở nên tha thiết, gợi cảm, thể hiện rõ tình cảm yêu mến mùa xuân  Hà Nội của tác giả.  d. *- Nghệ thuật:*  + Mạch cảm xúc lôi cuốn, say mê.  + Từ ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh.  + Hình ảnh so sánh, liên tưởng phong phú, giàu chất thơ.  *- Nội dung:*  + Vẻ đẹp của mùa xuân miền Bắc và Hà Nội.  + Nỗi nhớ thương da diết của tác giả với cảnh sắc quê hương.  + Sự gắn bó máu thịt với quê hương, xứ sở - tình yêu đất nước.  e. "Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến".  g. từ “phong” còn có nghĩa: Bọc kín.  **Phiếu 2:** [Câu 1.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Hai đoạn văn đều miêu tả không gian gia đình trong ngày xuân.  [Câu 2.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Em hãy quan sát: đoạn thứ nhất là không gian của buổi đầu năm, vẫn còn đượm không khí của ngày Tết cổ truyền với nhang trầm, đèn nến, bàn thờ; đoạn thứ hai là không gian sinh hoạt đời thường khi không khí Tết đã nhạt dần và nhường chỗ cho sự êm đềm thường nhật. Chỉ cần miêu tả sự chuyển đổi của không gian gia đình (đặc biệt là bàn thờ), nhà văn đã cho thấy bước đi của thời gian từ thời điểm Tết đến cho đến sau Tết.  [Câu 3.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) Tháng Giêng là dịp cả nhà đoàn tụ, thuận hoà. Đoạn văn thứ nhất miêu tả nét đẹp ngày Tết cổ truyền của gia đình Việt. Nhang khói, bàn thờ thể hiện lòng hiếu nghĩa, sự hướng thiện, tu thân của con người, cũng là sự nhắc nhở, gợi nhớ về ông bà, tổ tiên, dòng họ. Trong không khí đó của gia đình, tác giả cảm nhận sự ấm áp của tình thân và lòng vui phơi phới như *hoa mới nở, bướm ra ràng* mở hội liên hoan. Đoạn văn thứ hai miêu tả vẻ đẹp đời thường với những món ăn giản dị nhưng cũng không kém phần cầu kì trong chế biến. Người Hà Nội có cách ăn uống vừa tinh tế vừa phong lưu. Cảnh sinh hoạt thường ngày đó khiến cho tác giả có cảm giác êm đềm, thư thái, dễ chịu (*mát như quạt vào lòng*).  [Câu 4.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) Trong bài tuỳ bút đầu tiên này của tập *Thương nhớ Mười Hai*, tác giả đã hồi nhớ không gian mùa xuân, nếp sinh hoạt gia đình. Gắn với tháng Giêng là nỗi niềm của tác giả về cảnh sắc đầu xuân đẹp đẽ, tươi mới, hứa hẹn sự sinh sôi của vạn vật và những nét sinh hoạt gia đình đầm ấm buổi đầu năm. Đây là nỗi nhớ gắn với tháng thứ nhất trong hồi tưởng của người con xa quê. Từng tháng trong năm sẽ lần lượt được nói đến, gắn với đó là cảnh sắc miền Bắc qua các tháng và các phong tục cộng đồng hoặc gia phong. Vì thế, tập tuỳ bút có tên là *Thương nhớ Mười Hai*.  [Câu 5.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) Sau khi đọc hai đoạn văn trên, em hãy hồi tưởng không gian gia đình mình vào thời điểm tháng Giêng, Tết và sau Tết. Hãy miêu tả không gian đó, lắng nghe lòng mình khi sống lại không khí Tết cũng như khi những ngày Tết đã qua.  [Câu 6.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp) Hai đoạn văn dùng biện pháp tu từ so sánh có sử dụng từ so sánh *như*. Tác dụng của biện pháp tu từ này là giúp người viết diễn tả những cảm giác vô hình bằng những hình ảnh cụ thể, dễ hình dung, dễ cảm nhận. Mặt khác, dùng biện pháp tu từ so sánh, câu văn giàu hình ảnh hơn, gợi cảm hơn.  **PHIẾU 3: a.**+ Xác định đúng thể loại của văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm*”: Tùy bút.  **b.** + Nội dung của đoạn văn: Bày tỏ cảm nghĩ của tác giả về những giá trị chứa trong hạt cốm bình dị, khiêm nhường.  **c.** Viết đoạn văn hoàn chỉnh (có câu mở đoạn, các câu phát triến và câu kết đoạn); không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu; lời văn trong sáng.  Học sinh có nhiều cách viết nhưng phải lí giải được:  + Cốm là thức quà thần tiên, kết tinh bởi hương trời, sữa lúa và bàn tay khéo léo của con người.  + Mang trong mình hương vị của đồng quê nội cỏ, cốm không chỉ là thức  quà mà cốm còn thích hợp với việc lễ nghi, góp phần tạo nên hạnh phúc lâu bền của lứa đôi.  + Tác giả đã phát hiện và cảm nhận sâu sắc về cốm với tất cả tấm lòng trân trọng cốm. Trân trọng cốm cũng là trân trọng văn hóa truyền thống của dân tộc.  **PHIẾU SỐ 4**:  **Câu 1:**Đoạn văn cung cấp thông tin về vị trí địa lí của Cồn Hến, nơi có hến sông ngon nổi tiếng, và thông tin về lễ cúng hến của cư dân. Tản văn có đặc điểm là có thể sử dụng những thông tin xác thực mang tính chất nghiên cứu. Những thông tin trong đoạn văn cho người đọc hiểu rõ về địa danh và phong tục văn hoá liên quan đến nguyên liệu làm cơm hến. Em có thể đối chiếu với ảnh tư liệu về Cồn Hến được in trong SGK (tr. 112).  [**Câu 2:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-43-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Cái tên *Cồn Hến* liên quan đến hiện tượng nơi đây có nhiều hến được khai thác. Cách đặt tên dân dã này có thể thấy ở nhiều địa phương (ví dụ: Gò Quao ở Kiên Giang là nơi có nhiều cây quao; Ô Môn ở Cần Thơ là nơi có nhiều cây môn nước,...). Em hãy kể những địa danh ở quê em hoặc những nơi em biết được cấu tạo theo cách này. Em sẽ nhận ra những điều thú vị từ những cách cấu tạo địa danh như thế.  **Câu 3:**Trong văn bản *Chuyện cơm hến*, tác giả miêu tả lễ cúng hến với không khí nhộn nhịp. Tuy nhiên, trong lễ hội, vẫn thấy có hoạt động lao động, đó là luộc hến, đãi hến và bán hến. Đây là hoạt động tái hiện quy trình làm ra sản phẩm của cư dân cào hến. Điều này khác với những lễ hội mà hoạt động chính là tế lễ và tổ chức các trò chơi (cũng có khi có hoạt động lao động nhưng thường chỉ là mô phỏng, không phải làm thật).  [**Câu 4:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-44-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nói về món cơm hến của Huế, người viết đã cung cấp thông tin về lễ cúng hến. Điều này cho thấy khai thác hến đã trở thành một nghề truyền thống, tạo nên một nét bản sắc của văn hoá Huế. Như vậy, món cơm hến có liên quan đến phong tục cổ truyền ở Huế, màu sắc văn hoá của các món ăn này được tô đậm. Mặt khác, việc đưa các thông tin văn hoá vào văn bản đã gắn kết một món ăn với hồn cốt, nếp sống lâu đời của cả cộng đồng.  **PHIẾU 5:**  [**Câu 1:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Đoạn trích nói về lối sinh hoạt của người dân đất Mũi như cách dựng nhà cửa, cách bài trí nhà cửa, thói quen ăn uống, sở thích ngủ đằng trước nhà,...  [**Câu 2:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Em thử so sánh ngôi nhà của mình với ngôi nhà của người dân đất Mũi để thấy những nét khác biệt của nhà nơi đất Mũi: không bao giờ khép cửa, không có vách che đằng trước, chỉ treo cái rèm sơ sài chắn mưa, đặc biệt nhiều gió. Ngôi nhà thể hiện con người đất Mũi: sống hào sảng, rộng rãi, cởi mở, thật thà, hoà cùng thiên nhiên,... Có lẽ chính từ những điều này mà tác giả nhận thấy *bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy.*  [**Câu 3:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Ở trong một căn nhà đơn sơ, không có đồ đạc gì đáng giá nhưng con người vẫn thấy *thái bình, no ấm* là vì cuộc sống nơi đây thuận hoà, không có gì phải lo sợ, đề phòng. Con người hoà mình với biển trời, như thể của cải của con người chính là biển trời.  [**Câu 4:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Thông thường, chỗ ngủ là nơi kín đáo, là phòng riêng hoặc góc khuất được che chắn, tránh gió. Tuy nhiên, trong đoạn trích này, người xứ biển lại thích ngủ đằng trước nhà, trên sàn gỗ đước, bốn bề là gió, là biển. Những âm thanh của biển ru người ta vào giấc ngủ. Điều này thể hiện thể chất khoẻ mạnh, quen với sóng gió của người dân vùng biển. Điều kiện sinh tồn tôi luyện họ, cho họ sự thích ứng và sức mạnh, tạo cho họ những sở thích đặc biệt. Mặt khác, sở thích đó cũng thể hiện sự khoáng đạt, mạnh mẽ, cởi mở trong tính cách người đất Mũi.  [**Câu 5:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Chiều tối là thời điểm mọi người quây quần bên mâm cơm hoặc tụ họp vui vẻ. Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối được miêu tả trong đoạn trích gợi cho người đọc cảm giác về sự ấm cúng, no đủ. Cảnh này chủ yếu được miêu tả qua mùi vị - những mùi vị rất đặc trưng của đất Mũi: mùi giàn lưới phơi, mùi khói hun muỗi, mùi cá thòi lòi kho, mùi mực khô nướng,... Sử dụng tối ưu khả năng cảm nhận của khứu giác, tác giả làm toát lên vẻ dân dã, thân thương, gần gũi, ấm áp của cảnh sống thường nhật ở miền đất Mũi.  [**Câu 6:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Ngôn ngữ trong tản văn thường có tính khẩu ngữ do người viết có tâm thế chuyện trò. Trong đoạn trích này, người viết sử dụng một số cách nói theo thói quen của người Nam Bộ (ví dụ: *khỏi chiếu, lai rai, thích không chịu được, thấy nhà nó hợp với con rạch nầy làm sao đâu*,...).  **Câu 7:**Biện pháp tu từ được dùng trong các câu: câu a: biện pháp tu từ nhân hoá, điệp ngữ; câu b: biện pháp tu từ nhân hoá. Với từng câu, em hãy chỉ ra tác dụng của mỗi biện pháp tu từ. | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  **Đề bài:**Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nơi em sống.  **Dàn ý:**  - Mở đoạn: Giới thiệu về quê hương và truyền thống văn hóa của quê hương em  - Thân đoạn:  + Những nét đặc biệt trong văn hóa đó giúp quê hương em trở nên đặc biệt so với các địa phương khác  + Nét sinh hoạt đó làm nên vẻ đẹp truyền thống gì ở địa phương em  + Thu hút khách du lịch, đem lại nguồn kinh tế cho quê hương  + Cần được duy trì, giữ gìn  + Niềm tự hào, làm nên nét đẹp văn hóa quê hương  - Kết đoạn: Cảm nghĩ của em về nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nơi em sống. | |
| **Đoạn văn mẫu**: Em sinh ra ở một vùng quê thanh bình. Nơi đây có không khí trong lành. Những cánh đồng thẳng cánh có bay. Con đê đầu làng luôn xanh mướt cỏ non. Cứ chiều về, chúng em lại rủ nhau ra đê chơi thả diều, bắn bi. Ngày hôm nay, quê hương ngày càng phát triển hơn. Những con đường đất đã được đổ bê tông phẳng lì. Nhiều ngôi nhà cao tầng mọc lên san sát. Nhưng những cánh đồng vẫn còn đó. Em yêu quê hương của mình biết bao nhiêu. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 14 (Tiết 40+41+42) ÔN TẬP VĂN BẢN: HỘI LỒNG TỒNG**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Dấu câu, biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ và tác dụng của các biện pháp tu từ. Từ ngữ địa phương)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức về nội dung và nghệ thuật văn bản: Hội lồng tồng

- Ôn tập: Dấu câu, biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ và tác dụng của các biện pháp tu từ. Từ ngữ địa phương

**2.Năng lực:**

- Năng lực nhận biết về cách dùng dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ và tác dụng của các biện pháp tu từ đó trong VB *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt.*

**3.Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV yêu cầu HS hệ thống kiến thức đã học:**  ? Nhăc lại kiến thức cơ bản về (thể loại, xuất xứ, PTBĐ, nội dung và nghệ thuật của văn bản?  GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học về (dấu gạch ngang, các biện pháp tu từ) | **A. Hệ thống kiến thức**  **I. ÔN TẬP VĂN BẢN: HỘI LỒNG TỒNG**  **1. Thể loại:** văn thuyết minh  **2. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  Mùa xuân là mùa khởi đầu cho một năm, mùa sinh sôi nảy nở của vạn vật, cỏ cây. Giữa tiết trời ấm áp ấy, người dân rủ nhau đi hội, hành hương về cội nguồn, vui chơi và cầu mong cho mùa màng tốt tươi, cuộc sống hạnh phúc. Mùa xuân, với những phong tục lâu đời gắn liền trong nhân dân ta rất bền chặt. Mùa xuân chính là mùa hội tụ nhiều phong tục và lễ hội nhất.  Quyển sách “**Mùa xuân và phong tục Việt Nam**” do Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo và Dương Tất Từ biên soạn sẽ đưa người đọc khám phá những khía cạnh khác nhau của phong tục và lễ hội vào mùa xuân ở nước ta. Sách do Nhà xuất bản Văn hóa thông tin Phát hành năm 2006.  **3. Phương thức biểu đạt:** thuyết minh.  **4. Giá trị nội dung:**  Bài văn thuyết minh về hội lồng tồng ở vùng Việt Bắc, hội được mở từ sau tết Nguyên Đán đến tết Thanh minh.  **5. Giá trị nghệ thuật:**  - Miêu tả chi tiết hội lồng tồng  - Kiến thức xã hội sâu sắc thể hiện qua ngôn ngữ thuyết minh của tác giả  **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  1.Công dụng của dấu gạnh ngang  -Dấu gạnh ngang được dùng trong các đầu mục liệt kê,cụm liên danh,đánh dấu phần chú thích,đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.  2.Các biện pháp tu từ  a.So sánh  b.Nhân hoá  c.Điệp ngữ |
|  | **B.LUYỆN TẬP**  **1. BÀI TẬP ĐỌC HIỂU** |
| **Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**  *Trò chơi ném còn có dụng cụ chính là một chiếc còn. Đó là một túi vải màu hình vuông, mỗi cạnh khoảng 10 cm, trong đổ cát, đuôi dài hơn 1 m bằng vải ngũ sắc. Giữa đồng người ta dựng một cây mai cao vút, đóng giá như kiểu cột cờ để có thể dựng lên hạ xuống được. Trên đỉnh chót người ta uốn ngọn cây mai thành một vòng tròn, dán giấy trắng, trong có điểm hồng tàm. Thanh niên gái trai chia làm hai bên thi nhau nhằm chiếc vòng giấy ấy mà tung còn. Người nào nhanh tay bắt được còn của đối phương tung đến mới được ném. Người ném trúng tính vòng giây thì được thưởng, nếu ném thung hồng tâm thì được giải thưởng to hơn ném tin rồi. Người ta hạ cột vá lại vòng giấy và cuộc vui tiếp tục.*  Câu 1: Văn bản có chứa đoạn trích trên viết theo thể loại nào?  Câu 2: Trong đoạn văn người viết đã nói về trò chơi dân gian nào? Trò chơi này thường tổ chức ở đâu vào thời gian nào?  Câu 3: Văn bản miêu tả những hoạt động nào của cư dân trong phần hội? Những hoạt động đó biểu thị những phẩm chất và khả năng nào của con người?  **GỢI Ý:**  Câu 1: thể loại: văn thuyết minh  Câu 2: Trò chơi ném còn. Thường tổ chức trong các lễ hội ở vùng Việt Bắc, hội được mở từ sau tết Nguyên Đán đến tết Thanh minh.  Câu 3: Những hoạt động nào cư dân trong phần hội miêu tả trong phần hội là: thi ném còn, thi múa sư tử, lượn lồng tồng…Những hoạt động đó biểu thị con người có phẩm chất và khả năng: sáng tạo, đoàn kết để trở thành một cộng đồng vững mạnh. | |
| 1. **BÀI TẬP TIẾNG VIỆT**   **BÀI TẬP 1:** Nêu rõ công dụng của dấu gạch ngang trong các ví dụ dưới đây:  a. Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng:  - Hức, thông ngách sang nhà ta? Nghe dễ nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  b. Rồi cả nhà- trừ tôi- vui như Tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế.  c. Đi suốt chiều dài hơn hai ngàn mét ở phần ngoài của Động Phong Nha, du khách có cảm giác như lạc vào thế giới khác lạ- thế giới của tiên cảnh.  d. Đẹp quá đi, mùa xuân ơi- mùa xuân của Hà Nội thân yêu.  **Gợi ý trả lời:**  a. Dấu gạch ngang dùng đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật Dế Mèn  b. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  c. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  d. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  **BÀI TẬP 2: *Tìm biện pháp tu từ trong những câu sau:***  a) Con sông thức tỉnh  Uốn mình vươn vai  Giấc ngủ còn dính  Trên mi sương dài  *( Huy cận )*  b. Những ngôi sao thức ngoài kia  Chẳng bằng mẹ đã thức gì chúng con  Đêm nay con ngủ giấc tròn  Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.  *(Trần Minh Quốc)*  *c. Trời xanh đây là của chúng ta*  *Núi rừng đây là của chúng ta*  *Những cách đồng thơm mát*  *Những ngả đường bát ngát*  *Những dòng sông đỏ nặng phù sa.*  *( Đất nước – Nguyễn Đình Thi)*  ***GỢI Ý****:*  a) Nhân hóa b) So sánh. C. Điệp ngữ  ***Bài tập 3:*** Đất nước bốn nghìn năm  Vất vả và gian lao  Đất nước như vì sao  Cứ đi lên phía trước. *(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh hải)*  ***Em hãy trình bày ấn tượng về đất nước qua việc phân tích các biện pháp tu từ được sd trong khổ thơ trên.***  ***GỢI Ý***- Trong khổ thơ, tác giả nhân hóa đất nước vất vả và gian lao. Hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, mang dáng vóc người mẹ, người chị tần tảo, cần cù.  - Khi so sánh đất nước với “Vì sao cứ đi lên phía trước”, nhà thơ đã sáng tạo nên hình ảnh đất nước rất khiêm nhường (là vì sao chứ không dùng hình ảnh mặt trời) nhưng cũng rất tráng lệ, là một vì sao nhưng ở vị trí đi lên phía trước dẫn đầu. Đó là hình ảnh của cách mạng Việt Nam, của đất nước trong lịch sử thế giới  - Hình ảnh thơ đặc sắc và hàm súc đã ca ngợi sự trường tồn, hướng về tương lai của đất nước. Đó chính là lòng tự hào dân tộc sâu sắc.  **Bài tập 4:** *Chị tre chải tóc bên ao*  *Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương*  *Bác nồi đồng hát bùng boong*  *Bà chổi loẹt quẹt lom khom trong nhà.*  (***Buổi sáng nhà em*** - Trần Đăng Khoa)  ***Em có nhận xét gì về nghệ thuật trong những câu thơ trên ?***  **GỢI Ý:** Cần xác định nghệ thuật cơ bản ở đây là ***nghệ thuật nhân hóa***: Tre *chải tóc*, mây *soi gương*, nồi đồng *hát*, chổi *lom khom*,...Tất cả cảnh vật được miêu tả qua nghệ thuật nhân hóa đều trở nên mới mẻ, sống động và có hồn thể hiện ngay trong cách gọi tên: *chị, nàng, bác, bà*; cách miêu tả cảnh làm duyên nơi đồng chiêm với cái ao thân thuộc, cảnh trong một góc bếp,...  **Bài tập 5:** [**Liệt kê những từ ngữ địa phương trong đoạn trích sau. Cho biết tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ địa phương đó.**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đằng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nây1. Mưa Nam hay mưa Chướng2, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp3. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà tất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch4 nầy làm sao đâu, vì khi nước ròng5 rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất nầy làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoảng khoát6, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.  Người ấp7 Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng8, khỏi9 chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài nầy thì thích không chịu được.  Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng toả ra từ mẻ un?, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi10 kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai11, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.  [...] Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đẫm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  (Nguyễn Ngọc Tư, *Ngủ ở Mũi*, in trong Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư,  NXB Trẻ và Thời báo Kinh tế Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 159 - 161)  Gợi ý   |  |  | | --- | --- | | **Từ nghĩa địa phương** | **Nghĩa** | | Nầy | này | | Mưa Nam, mưa Chướng | Tương ứng mùa mưa, mùa khô ở Cà Mau | | Chằm đóp | Tấm rèm kết bằng lá dừa | | Con rạch | Đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. | | Nước ròng | Vị trí thấp nhất của mực nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. | | Khoảng khoát | Rộng và thoáng | | Ấp | Làng, xóm nhỏ | | Mùng | Màn | | Khỏi | Không cần | | Mẻ un | Củi, xơ dừa, vỏ quýt, vỏ bưởi, … được đốt cho khói bốc lên để đuổi muỗi | | Cá thòi lòi | Cá leo cây, loài cá sống ở các bãi lầy cửa sông, có khả năng di chuyển trên bùn. | | Lai rai | Uống rượu từ từ từng chút một, thường kèm đồ nhắm. |   Tác dụng: Từ ngữ địa phương trong đoạn trích làm tăng sắc thái địa phương cho văn bản và tác động tới cảm quan của người đọc, khơi gợi những ấn tượng riêng về vùng đất đặc biệt này. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Buổi 15 (Tiết 43+44+45)

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VÊ VẤN ĐỂ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG  
TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố về viết VB tường trình. Nắm những đặc điểm cơ bản của VB tường trình. Biết làm một VB tường trình đúng qui cách.

* HS biết trình bày ý kiến (dưới hình thức thuyết trình), bảo vệ ý kiến vể vấn để văn hoá truyến thống trong xã hội hiện đại trên cơ sở hiểu biết, trải nghiệm của bản thần và kết quả của hoạt động đọc trước đó.
* HS biết lắng nghe, trao đổi, phản biện, đối thoại với những ý kiến khác biệt trên tinh thần học hỏi, xây dựng, tôn trọng.

1. **Năng lực:**

- HS có kĩ năng tạo lập VB hành chính

- Năng lực nhận biết, phân tích một số đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận; chỉ ra được mối liên hệ giữa các yếu tố nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ?Tường trình nghĩa là gì? Đã bao giờ em phải viết bản tường trình chưa? Nếu từng viêt, hãy cho biết em đã thực hiện nó như thế nào*.*  ?Thể thức một văn bản tường trình gồm mấy mục? Đó là những mục nào? Nội dung của từng mục.  ***Mục nào không thể thiếu? Phần ND tường trình cần ntn?***  \* Phần ND: Cần trình bày cụ thể khách quan, chính xác diễn biến và kết quả sự việc, mức độ trách nhiệm người chịu trách nhiệm, những đề nghị.  ?Em hãy nêu một số tình hương viết bản tường trình?  - Tường trình với cô giáo chủ nhiệm về buổi nghỉ học không có lý do...  - Tường trình với cô chủ nhiệm về việc không chuẩn bị bài ở nhà.  - Tường trình với chú công an về vụ va chạm xe máy mà em chứng kiến. | 1. **Hệ thống kiến thức** 2. **Văn bản tường trình**   Gồm 3 mục.  a) Thể thức mở đầu.  - Phía trên cùng văn bản ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).  - Tiếp đó, ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).  - Tên văn bản tường trình ghi chính giũa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: *về việc…*  - Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ *Kính gửi.*  b) Nội dung  - Nêu thông tin về người viết tường trình (họ và tên: chức danh: chức vụ: đơn vị học tập, công tác;...), có thể bắt đầu bằng cụm từ *Tôi tên là…,* hoặc *Tôi là…*  - Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đây dù thông tin vé thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm.  c) thể thức kết thúc.  - Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lời hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lí vụ việc.  - Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đầy đủ họ, tên. |
| ?Theo em vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại có phải là vấn đề được nhiều người quan tâm không? Em hãy lấy một vài ví dụ.  - Hiện nay, trong bối cảnh đất nước đang hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, văn hóa truyền thống có nhiều cơ hội cũng như thách thức, nên văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại đang là vấn đề được nhiều người quan tâm. | **II. Nói và nghe: trình bày ý kiến vể vấn để văn hoá truyến thống trong xã hội hiện đại**  **1**. **Định nghĩa**: Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại là nêu lên những suy nghĩ, đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể về vấn đề ấy để làm sáng tỏ cho ý kiến của người viết.  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề, cần:  - Xác định vấn đề định trình bày ý kiến.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói: Xác định hệ thống lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người.  - Thực hành trình bày ý kiến trước lớp.  - Chuẩn bị thêm tranh ảnh, video, thiết bị hỗ trợ nếu cần |
|  | 1. **Luyện tập** |
| ***Bài tập 1: Hãy phát hiện lỗi của bản tường trình dưới đây rồi sửa lại cho chính xác:***  CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do- Hạnh phúc  **Bản tường trình**  **(Về việc hỏng thiết bị điện ở phòng học lớp 8A)**  Kính gửi: Ban phụ huynh lớp 8A .  Con là Nguyễn Duy Anh, lớp trưởng lớp 8A, xin phép được tường trình một việc như sau:  Ngày 10-4-2013, chúng con đến lớp như mọi ngày. Vì trời nóng, chúng con đã bật công tắc đèn và quạt để ngồi học dễ chịu hơn. Mới được chừng 15 phút, chúng con ngửi thấy mùi khét và có tiếng nổ lách tách. Chúng con sợ quá chạy ra ngoài. Sau đó bạn Nam đã nghĩ ra nên hạ cầu dao xuống. Nhưng sau đó, khi chúng con bật công tắc trở lại thì không thấy quạt chạy nữa. Chúng con xin cam đoan là chúng con không nghịch phá gì cả. Bây giờ chúng con nóng lắm. Mong các cô, bác sửa điện cho lớp con.  Người làm tường trình  Nguyễn Duy Anh  \***Bản tường trình đã mắc một số lỗi sau**  - Thiếu địa điểm, ngày tháng. Tên văn bản không viết chữ in hoa.  - Không gửi đúng người có thẩm quyền.  - Câu văn rườm rà, thừa.  - Xưng hô trong văn bản chưa chính xác.  \* **Có thể sửa lại như sau:**  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ViỆT NAM**  **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**  Hà Nội, ngày 10-4-2013  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  (Về việc hỏng thiết bị điện ở phòng học lớp 8A)  Kính gửi: Ban giám hiệu Trường THCS Đông Ngạc.  Tên em là Nguyễn Duy Anh, lớp trưởng lớp 8A, xin phép được trình bày với cô một việc như sau:  Sáng ngày 10-4-2013, học sinh lớp 8A vào lớp học như bình thường. Vì trời nóng nên chúng em bật tất cả các quạt điện trong phòng học cho mát. Mới dược khoảng 15 phút,chúng em phát hiện có mùi khét và có tiếng nổ lách tách. Chúng em đã tắt quạt ngay. Nhưng sau đó, các quạt không chạy được nữa. Vậy em làm bản tường trình này để nhà trường biết và cho sửa chữa quạt điện ở lớp 8A.  Người làm tường trình  Nguyễn Duy Anh  Bài tập 2: Giả sử em là người đứng ra tổ chức một cuộc chơi thả diều cho nhóm bạn trong lớp vào một buổi chiều có giờ học phụ đạo ở trường. Nhóm của em bỏ học mà không xin phép thầy cô. Em hãy viết bản tường trình về việc này để trình bày với giáo viên chủ nhiệm và thầy cô dạy phụ đạo.  **Gợi ý**  Bài tập yêu cầu viết bản tường trình về việc em tổ chức chơi thả diều cho một nhóm bạn, vi phạm quy định của nhà trường. Trong bài tập này, em cần xác định sự việc để ghi tên văn bản tường trình, trình bày sự việc đầy đủ, rõ ràng. Cần tuân thủ quy định về thể thức của văn bản tường trình.  Em có thể tham khảo mẫu bản tường trình dưới đây:  CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ...„ngày... tháng... năm...  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  **Về việc tự ý tổ chức cuộc chơi thả diều**  Kính gửi: .......................... .  Em là ..., học sinh lớp ..., trường ..., xin phép tường trình một việc như sau:  ………………………………………………………………………………………  Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được thầy cô và nhà trường tha lỗi. Em xin hứa sẽ không bao giờ tái phạm.  Người viết tường trình  (Kí tên) | |
| **lập dàn ý đề bài sau:**  Trình bày ý kiến về việc mọi người thực hiện văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại | **Bài số 3:**  **I. Mở bài**  - Đất nước đang trong quá trình hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là vấn đề quan trọng. Và ý thức của thanh thiếu niên Việt Nam trong vấn đề này là điều rất đáng quan tâm suy nghĩ.  **II. Thân bài**  - Ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam được biểu hiện ở nhiều phương diện: cách sống, lối sống, quan niệm, suy nghĩ, hoạt động, nói năng, ăn mặc, ứng xử….  - Qua những biểu hiện trên, có thể thấy rõ ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam là như thế nào?  - Xem xét nguyên nhân của vấn đề này phải nhìn ở cả 2 mặt: khách quan và chủ quan. Khách quan là sự tác động của môi trường sống, của bối cảnh thời đại. Chủ quan là bản thân sự vận động trong tư duy của đối tượng: các thanh niên, thiếu niên đã quan tâm, suy nghĩ ở mức độ nào về vấn đề này.  - Với một ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc như vậy, thanh thiếu niên Việt Nam đang tác động như thế nào đến bộ mặt văn hoá dân tộc, đang để lại một kết quả ra sao cho tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra sôi động.  - Xã hội, gia đình, bản thân mỗi thanh niên, thiếu niên nên làm gì để góp phần khẳng định bản sắc văn hoá Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.  **III. Kết bài**  - Bản sắc văn hoá là cái riêng của mỗi dân tộc. Giữ gìn cái riêng đó là trách nhiệm của mỗi công dân, trong đó có phần quan trọng của thế hệ trẻ. |
| Bài số 3: Nghị luận về giữ gìn bản sắc văn hóa | Bài số 4  I. Mở bài  Đất nước đang trong quá trình hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là vấn đề quan trọng. Và ý thức của thanh thiếu niên Việt Nam trong vấn đề này là điều rất đáng quan tâm suy nghĩ.  II. Thân bài  - Ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam được biểu hiện ở nhiều phương diện: cách sống, lối sống, quan niệm, suy nghĩ, hoạt động, nói năng, ăn mặc, ứng xử….  - Qua những biểu hiện trên, có thể thấy rõ ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam là như thế nào?  - Xem xét nguyên nhân của vấn đề này phải nhìn ở cả 2 mặt: khách quan và chủ quan. Khách quan là sự tác động của môi trường sống, của bối cảnh thời đại. Chủ quan là bản thân sự vận động trong tư duy của đối tượng: các thanh niên, thiếu niên đã quan tâm, suy nghĩ ở mức độ nào về vấn đề này.  - Với một ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc như vậy, thanh thiếu niên Việt Nam đang tác động như thế nào đến bộ mặt văn hoá dân tộc, đang để lại một kết quả ra sao cho tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra sôi động.  - Xã hội, gia đình, bản thân mỗi thanh niên, thiếu niên nên làm gì để góp phần khẳng định bản sắc văn hoá Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.  III. Kết bài  Bản sắc văn hoá là cái riêng của mỗi dân tộc. Giữ gìn cái riêng đó là trách nhiệm của mỗi công dân, trong đó có phần quan trọng của thế hệ trẻ. |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 16 (tiét 46+47+48) ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**(Gv cho hs luyện đề)**

ĐỀ SỐ 1:

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**

*(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*

(Trích “Mùa xuân của tôi” – Vũ Bằng)

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

**Câu 2.** Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Miền Bắc.

B. Miền Trung.

C. Miền Nam.

D. Tây Nguyên.

**Câu 3.** Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

A. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.

B. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.

C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [...]”.

D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...]”.

**Câu 4.** Trong câu văn: *“Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong”* từ *“phong”* có nghĩa là gì?

A. Bọc kín.

B. Oai phong.

C. Cơn gió.

D. Đẹp đẽ.

**Câu 5.** Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

A. Sau rằm tháng giêng.

B. Vào ngày mùng một đầu năm.

C. Trong khoảng vài ba ngày Tết.

D. Trước rằm tháng giêng.

**Câu 6.** Câu nào **không** nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

A. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.

B. Ra giêng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.

C. Trời có mưa riêu riêu và gió lành lạnh.

D. Cỏ tháng giêng nức một mùi hương man mác.

**Câu 7.** Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích trên?

A. Điệp ngữ.

B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ.

D. So sánh.

**Câu 8.** Dấu gạch ngang trong câu: “*Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...”* dùng để làm gì?

A. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.

B. Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

C. Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.

D. Nối các từ nằm trong một liên danh.

**Câu 9.** Vào mùa xuân, đặc biệt dịp lễ, Tết, nhân dân thường có tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên. Em hãy kể tên một văn bản cũng gợi nhắc đến truyền thống này của dân tộc.

**Câu 10.** Nói về mùa xuân, Vũ Bằng đã viết *"Tự nhiên là thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân".* Nêu quan điểm riêng của em về mùa xuân và lí giải điều đó?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Truyền thuyết ”Bánh chưng, bánh giầy”. | 0,5 |
|  | **10** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  Lí giải phù hợp. | 0,5  1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*  HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu vé dối tượng đó.  • Nêu được những đậc điểm nổi bật khiến người, sự việc dó dể lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em,  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**ĐỀ 2: ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ, lại rộng nữa.

Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: “Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao?”. Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

“Cháu hát hay quá!” – Một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi. Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ, mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Cụ vỗ tay nói lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!”. Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

Cứ  như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.

“Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn hai mươi năm nay” – một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: Đôi tai của tâm hồn.

(Theo Hoàng Phương – Sống đẹp)

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1:**Văn bản trên được viết theo thể loại gì?

A. Truyện

B. Kí

C. Tuỳ bút

D. Tản văn

**Câu 2.** Vì sao cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên?

A. Vì cô bé không có bạn chơi cùng.

B. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.

C. Vì cô không có quần áo đẹp.

D. Vì cô bé luôn mặc bộ quần áo rộng cũ và bẩn.

**Câu 3.** **Dấu gạch ngang sau có tác dụng gì?**

“Cụ già đó qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay.” - Một người trong công viên nói với cô.

a. Chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.

b. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu

c. Các ý trong một đoạn liệt kê.

d. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật

**Câu 4.** Cụ già đã làm gì cho cô bé?

A. Cụ nói: "Cháu hát hay quá! Cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”.

B. Cụ khuyên cô bé cố gắng tập luyện để hát tốt hơn.

C. Cụ trở thành người người thân của cô bé, dạy cô bé hát.

D. Cụ khuyên cô bé rồi một ngày nào con sẽ trở thành ca sĩ.

**Câu 5.** Tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện là gì?

A. Cô bé không hề biết cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô bé hát.

B. Cụ già tốt bụng.

C. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng.

D. Một người nói với cô “Cụ già đó qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay”.

**Câu 6.**Cuối cùng, trong công viên, cô bé đã làm gì?

A. Suy nghĩ và khóc một mình.

B. Gặp gỡ và trò chuyện với một cụ già.

C. Cất giọng hát khe khẽ hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả.

D. Một mình ngồi khóc xong rồi tiếp tục chơi.

**Câu 7. Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện?**

a. Là một người kiên nhẫn.

b. Là một con người hiền hậu.

c. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác.

d. Là một người biết lắng nghe.

**Câu 8. Nguyên nhân nào trong các nguyên nhân sau khiến cô bé trở thành một ca sĩ?**

a. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.

b. Vì có lời khen, động viên của ông cụ tóc bạc trắng.

c. Vì cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

d. Vì cô bé rất thích hát.

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** Nêu ý nghĩa của tình huống bất ngờ trong văn bản trên?

**Câu 10:**Bài học mà em tâm đắc nhất khi đọc xong văn bản? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về người thân.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | - Tình huống bất ngờ trong câu chuyện trên là: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc.  -Ý nghĩa của tình huống: Ông cụ đã nghe giọng hát của cô gái không phải bằng đôi tai thông thường mà bằng tâm hồn và trái tim của mình – tâm hồn và trái tim giàu tình yêu thương | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy.  + Trước khó khăn, thử thách con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.  + Tình yêu thương sẽ làm nên những điều kì diệu đối với con người.  + Phải luôn nỗ lực, rèn luyện chăm chỉ, tin vào bản thân thì mới có thể đạt được thành công .......  -    …… | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc của bài văn*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Đảm bảo đúng yêu cầu một bài văn biểu cảm: biểu cảm về người thân. | | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề đảm bảo các yêu cầu sau:* | | 2.5 |
| **a. Mở bài**:  - Giới thiệu chung về người em yêu quý  - Giới thiệu khái quát những tình cảm mà em dành cho người thân đó: yêu quý, kính trọng, ngưỡng mộ, cảm phục,...  **b. Thân bài**:  - Biểu cảm những nét ấn tượng về ngoại hình của người đó: mái tóc, dáng vẻ,...  - Biểu cảm về tính cách của người thân: nêu những tình cảm, cảm xúc đối với những đặc điểm tính cách của người thân.  - Nhắc kỉ niệm sâu sắc giữa bản thân với người đó thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về kỉ niệm đó.  **c. Kết bài**: Khẳng định tình cảm của mình với người | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |

**ĐỀ 3: Đọc văn bản *Suối* của Giả Bình Ao và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

*Trước cửa nhà tôi ở quê có một cây hoè già. Trong một đêm mưa bão bị sét đánh gẫy. Nhà gửi thư lên bảo: nó chết thảm lắm, gãy ngang lưng, lại bị xé thành bốn mảnh, đành phải cưa, chẳng làm được gì, bổ làm củi đun. Tôi đọc thư mà thương cảm, nghĩ bụng: gió bão đêm ấy là độc ác, là tàn bạo, hay mất phương hướng đã đem theo sấm chớp như vậy? Cây hoè già đáng thương yếu ớt không chống đỡ nổi sự tấn công ở bên ngoài hay sao [...]?*

*Sau đó, tôi về quê, không thể không gặp lại cây hoè. Từ lúc tôi biết nhớ, cây*

*hoè già đã đứng ở trước cửa, hình như nó không lớn, cứ to như vậy, cao như vậy. Bọn trẻ chúng tôi ngày đêm yêu mến cây hoè, cứ quanh quần ở đấy đánh đu, đá cầu [...], vui muốn chết, cùng vui đùa với chúng tôi là bầy chim. Mỗi khi trời tối, những chấm đen đầy trời, chợt sà xuống hết chẳng còn thấy con nào. Chúng tôi vui sướng vô cùng, cứ tưởng cây hoè là nhà của chim, chim sợ bóng đêm, bay về nhà cho an toàn và để được ấm cúng? Hoặc cây hoè là một hòn đá nam châm đứng giữa đất trời, hút tất cả những sinh linh trong không gian, chỉ để lại bầu trời rộng mông mênh đen ngòm? Mùa đông, mọi vật đều trơ trụi, cây hoè cũng rụng không còn chiếc lá; để đền đáp lại, chim chóc bay về đậu kín cành cây, ngọn cây. Ngay tức khắc, mỗi con chim là một chiếc lá, mỗi chiếc lá là một nốt nhạc ngân vang. Trong đêm đông tĩnh mịch, cây hoè già là một bài ca vút lên [...].*

*Hôm nay tôi đã về, đứa con lang thang xa cây hoè già hơn mười năm đã trở* *về. Vừa đặt chân lên đầu làng, đã nôn nóng nhìn cây hoè, quả nhiên không thấy đâu. Bước vào cổng, người trong nhà ai cũng ngạc nhiên, song mặt ai cũng ỉu xìu, gượng gạo. [...] Bây giờ, tuổi thơ của tôi đã qua đi, lấy cây hoè già để ôn lại nỗi nhớ, để an ủi, cũng không bao giờ có nữa, giữ lại cho tôi chỉ là một gốc cây đau lòng nhức mắt này ư? [...] Gốc cây to bằng cái nia, tròn như cối xay, sáng lờ mờ dưới ánh trăng. Thương thay nó chưa bị đánh gốc, trong lớp vỏ chung quanh gốc cây, những cành non nhỏ xíu mọc võng lên, cành cao cũng đầy một thước, cành nhỏ cũng nửa tấc. Tôi nhớ đêm hè năm xưa, bóng hoè che kín sân, chúng tôi cầm tay nhau vây quanh cây hoè, tự dưng không cầm được nước mắt. Thế giới sao tàn nhẫn, chẳng chịu tha cho cây hoè già? Tại nó mọc cao quá, mục tiêu hướng lên trời? Hay tại nó mọc to quá, đã ngăn cản sự lộng hành của bão gió?*

*Cậu con trai từ trong nhà lệch kệch bước ra, rồi gục người trên chân tôi, nhìn*

*mắt tôi, bảo:*

*- Bố ơi, cây mất rồi!*

*- Ừ, mất rồi!*

*- Bố cũng nhớ cây hoè già ư?*

*Tôi chợt cảm thấy đáng thương cho thằng bé. Tôi thương cây hoè, nó đã cho tôi hạnh phúc, cho tôi niềm vui. Con trai tôi càng buồn, sau khi chào đời, nó luôn ở quê nhà, bò dưới gốc hoè mà lớn, nhưng hạnh phúc và niềm vui của nó không được hưởng trọn vẹn, đã tiêu tan trong chốc lát. Tôi không còn lòng dạ nào nhìn con, giục nó đi ngủ, song nó bảo con thích đêm nào cũng ngồi ở đây và đã thành thói quen.*

*- Bố ơi - đứa con tôi bảo - hình như con vẫn nghe thấy lá cây đang reo, như*

*tiếng nước bố ạl*

*Ôi con tôi, sao con lại nói được như vậy? Như tiếng nước, tôi đã từng nghe nói thế. Nhưng hiện giờ, nước đang ở đâu? [...]*

*- Bố ơi, nước vẫn còn mà - con tôi lại thốt lên ngạc nhiên. - Bố xem, chiếc gốc*

*cây này chẳng phải là một dòng suối?*

*Tôi quay người, nhìn xuống gốc cây, bỗng dưng khiến tôi kinh ngạc: Ô, đúng là một dòng suối! Chất gỗ trăng trắng kia, rõ ràng là bóng nước dưới trăng, những vòng đời xoắn xuýt kia chẳng phải là những gợn sóng lăn tăn của nước suối toả ra? Thằng con trai tôi, đứa trẻ bé bỏng đáng yêu biết mấy, lại phát hiện ra dòng suối. Tôi phải cảm ơn con. Thế giới phải cảm ơn con, nó quả thật vĩ đại như Cô-lôm-bô (Colombo) phát hiện ra lục địa mới!*

*- Suối! Dòng suối của mạng sống! - Tôi xúc động, ôm châm đứa con trai và nghĩ, trong thế giới bao la này lại có nhiều chuyện lạ đến thế, thì ra, mỗi cây xanh đều là một dòng sông dựng đứng. Sấm chớp có thể phạt gẫy thân sống, song không huỷ được nguồn nước của nó, nó vẫn ngày đêm tuôn trào, vĩnh viễn không khô cạn. Từng chiếc rễ cây vươn ra dọc ngang dưới đất đều là từng nguồn, từng nguồn nước! Tôi không ghìm được mình nữa. Dưới ánh trăng, tôi chăm chú nhìn cành non mọc ra từ lớp vỏ gốc cây, trông chúng hớn hở làm sao, từng chiếc lá nhỏ xíu xoè ra, xanh non mượt mà, thăm thẳm. [...)*

*- Bố ơi, cành non này có mọc to được không?*

*- Được chứ - Tôi trả lời một cách chắc chắn.*

*- Chim sẽ đến chứ bố?*

*- Đến chứ*

*- Vậy vẫn có sấm sét chứ bố?*

*Thằng bé hỏi câu ấy đột ngột, khiến tôi phát hoảng. Trả lời sao đây?*

(Giả Bình Ao, *Suối*, in trong Tản văn và truyện ngắn Giả Bình Ao, Vũ Công Hoan địch, NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr. 206 —- 210)

**1. Chọn phương án đúng**

**Câu 1:**Theo em, văn bản *Suối* thuộc thể loại gì?

A. Truyện đồng thoại

B. Du kí

C. Tản văn

D. Truyện ngụ ngôn

**Trả lời:**

Yêu cầu nhận diện thể loại. Có thể thấy văn bản *Suối*tuy có những yếu tố của truyện (sự việc, nhân vật) nhưng chủ yếu vẫn tập trung bộc lộ cảm xúc của người viết và những suy ngẫm về đời sống thông qua một sự việc chính. Do đó có thể xác định thể loại của *Suố*i là tản văn. Phương án đúng: C.

**Câu 2:**Trong Suối, những cảm xúc dâng trào của nhà văn được khơi nguồn từ điều gì?

A. Cuộc đời của nhân vật “tôi” đứa con lang thang xa quê hương

B. Cuộc đời của đứa con trai bé bỏng ở quê nhà, lớn lên dưới gốc cây hoè già

C. Cây hoè già trước cửa ngôi nhà ở quê - nơi bọn trẻ quanh quẩn đánh đu, đá cầu

D. Cây hoè già trước cửa ngôi nhà ở quê bị sét đánh gẫy trong đêm mưa bão

**Trả lời:**

Trong văn bản có nhân vật “tôi” và những chi tiết liên quan đến cuộc đời của nhân vật, tuy nhiên, sự việc chính khơi nguồn cho cảm xúc của nhân vật và thông qua đó thể hiện những suy ngẫm về đời sống của người viết chính là: cây hoè già trước cửa ngôi nhà ở quê đã bị sét đánh gãy trong đêm mưa bão. Có thể nhận ra chi tiết này ngay trong phần mở đầu văn bản. Toàn bộ cảm xúc của nhà văn được khơi nguồn từ đó. Phương án đúng: D.

**2. Trả lời các câu hỏi**

[**Câu 1: Nhan đề của văn bản là Suối. Nhan đề này có mối quan hệ như thế nào với hình tượng cây hoè già bị sét đánh gẫy và cảm xúc của tác giả?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-53-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Để trả lời được câu hỏi này, cần chú ý mối quan hệ giữa nhan đề và đoạn đối thoại giữa người cha và đứa con trai:

*- Bố ơi - đứa con tôi bảo - hình như con vẫn nghe thấy lá cây đang reo, như tiếng nước bố ạ!*

*Ôi con tôi, sao con lại nói được như vậy? Như tiếng nước, tôi đã từng nghe nói thế. Nhưng hiện giờ, nước đang ở đâu? |[...]*

*- Bố ơi, nước vẫn còn mà - con tôi lại thốt lên ngạc nhiên. - Bố xem, chiếc gốc cây này chẳng phải là một dòng suối?*

*Tôi quay người, nhìn xuống gốc cây, bỗng dưng khiến tôi kinh ngạc: Ô, đúng là một dòng suối!*

Cây hoè già đã bị sét đánh gãy nhưng hình ảnh gốc cây như sáng lên dưới trăng và tiếng nước tuôn trào đã khiến người cha cảm nhận rằng có sự sống như dòng suối vẫn đang tiếp diễn*: “Ồ, đúng là một dòng suối! Chất gỗ trăng trắng kia, rõ ràng là bóng nước dưới trăng, những vòng đời xoắn xuýt kia chẳng phải là những gợn sóng lăn tăn của nước suối toả ra?”*

[**Câu 2: Cuộc đối thoại của người cha và con trai ở phần cuối văn bản gợi cho em suy nghĩ gì về cây hoè và cuộc hồi sinh của sự sống sau những biến cố, tai hoạ khốc liệt?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-53-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

- Qua đoạn đối thoại, có thể thấy: Đứa con trai đã phát hiện ra điều đó và những câu nói của cậu bé làm người cha kinh ngạc, xúc động.

- Ý nghĩa mà văn bản thể hiện: Cái chết của cây hoè già và những mất mát của đời sống là có thực nhưng nó không có nghĩa là hoàn toàn chấm hết và dường như sự sống, niềm hi vọng và niềm tin luôn tổn tại.

[**Câu 3: Theo em, khi nghe con trai hỏi: “Vậy vẫn có sấm sét chứ bố?” người cha sẽ trả lời ra sao? Hãy viết lại câu trả lời của người cha theo sự tưởng tượng, suy luận của em.**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-53-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

- Sự việc mở đầu của Suối: *Trước cửa nhà tôi ở quê có một cây hoè già. Trong một đêm mưa bão bị sét đánh gảy. Nhà gửi thư lên bảo: nó chết thảm lắm, gãy ngang lưng, lại bị xé thành bốn mảnh, đành phải cưa, chẳng làm được gì, bổ làm củi đun*.

- Mối liên hệ giữa câu hỏi của cậu bé với đoạn đối thoại trước đó của hai cha con về sự hổi sinh của cây hoè: *Dưới ánh trăng, tôi chăm chú nhìn cành non mọc ra từ lớp vỏ gốc cây, trông chúng hớn hở làm sao, từng chiếc lá nhỏ xíu xoè ra, xanh non mượt mà, thăm thẳm. [...]*

*- Bố ơi, cành non này có mọc to được không?*

*- Được chứ! - Tôi trả lời một cách chắc chắn.*

*- Chim sẽ đến chứ bố?*

*- Đến chứ!*

*- Vậy vẫn có sấm sét chứ bố?*

**Câu 4: Lập dàn ý cho đề văn sau:** Trong bối cảnh phải đối mặt với những hiểm hoạ như thiên tai, dịch bệnh,... chúng ta thường được nghe, được chứng kiến những câu chuyện cảm động. Viết bài văn trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về một trong những câu chuyện như thế.

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu, dẫn dắt về câu chuyện cảm động trong mùa dịch: *Đó là câu chuyện gì? Diễn ra ở đâu? Trong thời gian nào? Những người liên quan là ai?*

Tinh thần đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của người Việt Nam, trải qua bao thế hệ, lịch sử. Tinh thần ấy cho đến nay vẫn luôn được kế thừa và phát huy trong xã hội. Và, trong trận đại dịch COVID-19 vừa qua, tinh thần ấy lại được thắp sáng, trở thành phong trào vô cùng rộng lớn, mạnh mẽ.

**2. Thân bài**

*- Em tận mắt chứng kiến, được nghe kể lại hay được biết qua báo đài và các phương tiện truyền thông?*

*- Vì sao câu chuyện đó lại khiến em cảm động, muốn chia sẻ?*

*- Từ câu chuyện đó, em rút ra được điều gì?*

Cụ thể:

- Dịch bệnh COVID-19 đã càn quét, gây ảnh hưởng về Sức Khỏe, kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới. Là một nước nằm trong vùng ảnh hưởng của dịch bệnh, Việt Nam đã có những cách xử lý tuyệt vời, làm thế giới thán phục. Có thể nói, chính nhờ sức mạnh của tinh thần đoàn kết đã giúp đất nước ta bước đầu chiến thắng trên mặt trận chống virus SARS-CoV2.

+ Ngay từ lúc dịch bệnh bùng phát, giữa bối cảnh nhiều quốc gia hoang mang lo lắng, chính phủ nước ta đã có động thái quyết tâm, thể hiện trách nhiệm bảo vệ, giúp đỡ công dân, tạo điều kiện đón họ trở về từ vùng dịch. Phương ngôn của Thủ tướng chính phủ lúc đó chính là “Việt Nam quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía sau, trong cuộc chiến chống dịch bệnh COVID-19”.

+ Các hoạt động thiện nguyện, “lá lành đùm lá rách”, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

+ Cây ATM phát gạo miễn phí. Các thành phố lớn, quy tụ đông đảo những người lao động nhập cư tổng đại dịch bị thất nghiệp đã được các bạn trẻ, mạnh thường quân quan tâm, hỗ trợ. Trong thời gian cách lý, nhiều nhóm thiện nguyện đã tổ chức địa điểm phát đồ ăn, nước uống. Hay ở Sài Gòn, những tiệm kinh doanh ăn uống tự nguyện đóng cửa, tập trung phục vụ nấu cơm chay ngày 2 bữa, phát cho dân nghèo…

+ Sự hi sinh của các bác sĩ tuyến đầu chống dịch COVID-19.

+ Học sinh, sinh viên các trường đại học phát khẩu trang, nước rửa tay cho người dân.

+ Phong trào giải cứu dưa hấu, giải cứu tôm hùm,... khắp các tỉnh thành.

- Qua những hành động tốt đẹp, ý nghĩa đó giúp ta thêm yêu, tự hào về dân tộc hơn. Là người con của Việt Nam, chúng ta cần nhắc nhở bản thân phải giữ gìn và nhân rộng tinh thần ấy.

**3. Kết bài**

- Cảm nghĩ của em về câu chuyện: xúc động, tự hào, …

**BÀI 5:**

**ÔN TẬP:**

**MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**(Tản văn, tuỳ bút)**

**A. MỤC TIÊU ÔN TẬP CHỦ ĐỀ**

**I. Năng lực: Phát triển năng lực ngữ văn và năng lực ngôn ngữ**

- Học sinh được củng cố, khắc sâu kiến thức và nâng cao hiểu biết chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của VB.

- Học sinh được rèn luyện, nâng cao kĩ năng đọc hiểu văn bản tản văn, tuỳ bút.

- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

- Làm thành thạo bài tập về ngôn ngữ vùng miền, hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

- Biết cách năng trao đổi về một vấn đề với bạn trong tổ nhóm học tập một cách hiểu quả.

- Viết được VB tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

- Học sinh linh hoạt chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng (Tivi).

**2. Học liệu:**

- SGK; tài liệu tham khảo về thơ bốn chữ, năm chữ.

- Câu chuyện lịch sử liên quan đến sự kiện và nhân vật lịch sử.

- Bài nghị luận xã hội.

- Phiếu học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**BUỔI 1**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS hoàn thành PHT

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*(1) Viết theo trí nhớ những nội dung bài học bài 5 theo phiếu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc – hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1****:*................................................................... |
| ***+ Văn bản 2:*** ................................................................... |
| ***+ Văn bản 3:*** ................................................................... |
| - VB thực hành đọc:........................................................ |
| **Thực hành Tiếng Việt:**.................................................. |
| **Viết** | **Viết:** ................................................................................ |
| **Nói và nghe** | **Nói và nghe:** ................................................................... |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS làm việc cá nhân

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, biểu dương HS phát biểu tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 5:

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc – hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1****: Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* (Vũ Bằng) |
| ***+ Văn bản 2:*** *Chuyện cơm Hến (*Hoàng Phủ Ngọc Tường) |
| ***+ Văn bản 3:*** *Hội lồng tồng* (Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ) |
| - ***Đọc mở rộng***: *Những khuôn cửa dấu yêu* (Trương Anh Ngọc) |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Từ ngữ địa phương. |
| **Viết** | **Viết:** Viết văn bản tường trình |
| **Nói và nghe** | **Nói và nghe:** Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại. |

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu:**

***\* Kiến thức:***

- Ôn tập tản văn, tuỳ bút: đặc điểm thể loại, chiến lược đọc hiểu.

- Ôn tập, củng cố về tác giả (tên tuổi, quê quán, sự nghiệp sáng tác) và tác phẩm VB *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt*.

***\* Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc hiểu, phân tích văn bản, viết đoạn.

- Rèn kĩ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình.

***\* Phẩm chất:***

- Có ý thức ôn tập, hệ thống kiến thức.

- Hs biết suy nghĩ, cảm nhận và yêu vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền

**2. Nội dung hoạt động:** Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi vấn đáp khắc sâu kiến thức về tản văn, tuỳ bút

**3. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| 1. **ÔN TẬP KIẾN THỨC NGỮ VĂN** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **Trả lời cá nhân yêu cầu:**   * 1.Phân biệt khái niệm tản văn và tuỳ bút * 2.Nêu đặc điểm của tản văn và tuỳ bút về:   + Thể loại  + Điểm tựa  + Nội dung  + Phương thức biểu đạt  + Bố cục  + Ngôn ngữ  3. Khi đọc hiểu văn bản tản văn, tuỳ bút thì cần chú ý những yêú tố nào?  **Bước 2**: GV và HS cùng thảo luận thống nhất ý kiến.  **Bước 3**: GV kết luận kiến thức cơ bản về thơ bốn chữ, năm chữ.  **Bước 4**: GV đánh giá, kết luận vấn đề. | **1.Khái niệm:**  - Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả…) nhưng nhìn chung đều mang tính chất chấm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội.  - Tùy bút là một thể trong kí, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến,… một cách tự do theo cảm hứng của người viết, qua đó trình bày những suy tưởng, nhận xét, đánh giá. Trong tuỳ bút, người nghệ sĩ tài hoa luôn có lối diễn đạt riêng, độc đáo, không thể lẫn.  - Chất trữ tình trong tản văn, tùy bút là yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc.  - Cái tôi trong tùy bút, tản văn là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. Thông thường, có thể nhận biết cái tôi ấy qua các từ nhân xưng ngôi thứ nhất.  - Ngôn ngữ tản văn, tùy bút thường tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình. |
| **2. Đặc điểm của tản văn và tuỳ bút:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Tuỳ bút** | **Tản văn** | | 1.Thể loại | Văn xuôi trữ tình – phi hư cấu | Văn xuôi trữ tình, tự sự, nghị luận, phi hư cấu | | 2.Điểm tựa | Cái tôi tác giả | | | 3.Nội dung | Thông qua ghi chép về con người, sự việc, sự kiện có thực thế để bày tỏ tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của tác giả | Thông qua một vài nét chấm phá về đời sống tác giả thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình, không nhất thiết đòi hỏi có cốt truyện , nhân vật hoàn chỉnh. | | 4.Phương thức biểu đạt | Thiên về trữ tình (biểu cảm, miêu tả) | Tự do trong cách biểu hiện: tự sự, trữ tình, nghị luận, khảo cứu,… | | 5.Bố cục | Tự do | | | 6.Ngôn ngữ | Giàu hình ảnh, giàu chất thơ | Gần gũi đời thường | | 7.Khái quát đặc điểm về nội dung | 🡪giàu tính trữ tình, **những chi tiết về con người, sự việc có thực trong tác phẩm chỉ là cái cớ để bộc lộ những tình cảm, cảm xúc, suy tư của người viết về cuộc sống**. Do đó tuỳ bút cho phép ngọn bút của nhà văn tự do, phóng túng,… | 🡪Không bó hẹp trong một tư tưởng chủ đề nào. Điều cốt yếu mà tản văn hướng tới là nhằm khái quát được một vấn đề hay một hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội. bộc lộ trực tiếp tình cảm, suy ngẫm của tác giả về nhân sinh, xã hội. | | 8.Khái quát đặc điểm về hình thức | 🡪Khá tự do, linh hoạt, ít bị ràng buộc bởi sự diễn biến của sự việc hay quan hệ của những con người ngoài đời thực | 🡪Là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.  ***-*Cấu tứ tác phẩm thường được triển khai từ một vài tín hiệu thẩm mĩ đóng vai trò trung tâm trong thế giới nghệ thuật. Đó có thể là những hình ảnh, chi tiết hoặc một hiện tượng đời sống cụ thể.**  -Thường không có cốt truyện, nên vấn đề quan tâm của nó là chi tiết, hình ảnh gợi cảm xúc. Ngôn ngữ, giọng điệu được cho là nhằm bộc lộ chủ thể lời nói |   **3. Chiến lược đọc hiểu tuỳ bút, tản văn**:  - Đọc, cảm nhận, vận dụng tri thức đọc hiểu để nhận diện thể loại;  - Tìm hiểu chất trữ tình, cái tôi tác giả thể hiện qua văn bản, những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.  + Nếu là tuỳ bút: -chú ý đến những chi tiết về con người và sự kiện cụ thể, có thực trong tác phẩm, nhất là những chi tiết trở thành cái cớ để bộc lộ những tình cảm, cảm xúc, suy tư và nhận thực của người viết.  -đồng thời cần phát hiện xem tác giả có cái nhìn thế nào khi nhìn nhận, lí giải các sự việc, hiện tượng  + Nếu là tản văn: -tìm ra những tín hiệu thẩm mĩ trở thành cấu tứ tác phẩm  -khi khai thác tác phẩm nên quan tâm đến cảm xúc, những chi tiết khơi gợi cảm xúc cũng như dấu ấn cá nhân của nhà văn, không cần chú ý tới cốt truyện.  - Xác định chủ đề mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chú ý các chi tiết , sự kiện, chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tuỳ bút, tản văn  - Rút ra thông điệp, bài học.  - Suy nghĩ để cảm nhận tư tưởng, quan niệm, luận bàn của tác giả.  - Liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại để thấy ý nghĩa của tuỳ bút, tản văn với cuộc sống con người. | |
| **2. ÔN TẬP VĂN BẢN: THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT (Vũ Bằng)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **1. Tác giả**  - Vũ Bằng (3 - 6 - 1913) sinh ra tại Hà Nội  - Sở trường viết truyện ngắn, tùy bút, bút kí  - Phong cách sáng tác: trữ tình, giàu chất thơ, hướng vào biểu hiện nội tâm, hướng về phong cảnh thiên nhiên bốn mùa xứ sở; văn phong tràn đầy cảm xúc, cảm giác tinh tế.  - Các tác phẩm chính: Miếng ngon Hà Nội (bút ký, 1960), Miếng lạ miền Nam (bút ký, 1969),  **2. Tác phẩm:**  - Xuất xứ: Trích Thương nhớ mười hai (bút kí, 1972),  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1 (từ đầu đến “mê luyến tâm hồn"): Khẳng định cảm xúc trước thiên nhiên bốn mùa  + Phần 2 (tiếp theo đến “mở hội liên hoan”): Sắc xuân, cảnh xuân, tình xuân đan xen, hòa quyện cùng nhau, gắn bó, tha thiết.  + Phần 3 (còn lại): Nét đẹp của mùa xuân Hà Nội sau rằm tháng Giêng  - Thể loại: tùy bút  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **3. Khái quát**  **a. Nội dung**  - Khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên , cảm xúc của lòng người hòa cùng nỗi nhớ quê hương  **b. Nghệ thuật**  - Lối viết trữ tình, giàu chất thơ, hướng vào nội tâm, hướng về phong cảnh thiên nhiên bốn mùa xứ sở…  - Ngôn từ tinh tế, đầy cảm hứng |
| **II. Khám phá văn bản**  **1. Chất trữ tình trong tùy bút**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Những chi tiết miêu tả không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng đầu tháng Giêng** | **Những chi tiết miêu tả không gian Hà Nội vào mùa xuân sau rằm tháng Giêng:** | **Chi tiết miêu tả không gian gia đình** | | mưa riêu riêu; gió lành lạnh; tiếng nhan kêu trong đêm xanh; tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa; câu hát huê tình, đất trời mang mang; đường sá không còn lầy lội nữa; cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa;... | đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác; mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ; bầu trời đã có những vệt xanh tươi; đã có hoa thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa; nền trời trong có những làn sáng hồng;… Đặc biệt, khung cảnh đêm trăng tháng giêng trong rét ngọt đầu năm được miêu tả giàu sức gợi: đêm xanh biêng biếc, có mưa dây, nhìn rõ từng cánh sếu aby, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc… | nhang trầm, đèn nến, bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên. Không gian ấy chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau Tết: bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh… | | **Nhận xét về tâm hồn tác giả:** Qua việc hồi tưởng về những điều có thực trong không gian Hà Nội vào mùa xuân mà mình đã từng trải nghiệm, tác giả đã bộc lộ những cảm nhận tinh tế, tình cảm gắn bó, mến yêu tha thiết với quê hương, gia đình | | |   **2. Ngôn ngữ tùy bút**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Sức sống thiên nhiên** | | **Sức sống con người** | | **Nhận xét** | | | **Chi tiết diễn tả** | **Nhận xét** | **Chi tiết diễn tả** | **Nhận xét** | **về cách diễn tả cảm giác của tác giả** | **Ngôn ngữ tùy bút** | | rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn; đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động; sông xanh, núi tím; máu cũng căng lên trong lộc của loài nai; mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ; | Thiên nhiên căng tràn sức sống | nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống; nhựa sống ở trong người căng lên; tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, đập mạnh hơn; “sống” lại và thèm khát yêu thương, thấy ai cũng muốn yêu thương; trong lòng như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan; cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa | Con người cũng tràn đầy sự tươi mới, tràn đầy sức sống | Tác giả diễn tả cảm giác thông qua các hình ảnh sinh động, hấp dẫn giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách diễn đạt trực tiếp tình cảm | Giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều biện pháp tu từ |   **3. Chủ đề tùy bút**  - Chủ để của văn bản được nêu từ câu mở đầu: “ai cũng chuộng mùa xuân”  - Tác giả lấy chính những trải nghiệm của mình về mùa xuân – “mùa xuân của tôi” để chứng minh lời khẳng định trên. Những cảm nhận về mùa xuân được soi chiếu qua tình yêu sâu nặng với quê nhà. Ai cũng chuộng mùa xuân, nhất là mùa xuân lại gắn với những kỉ niệm, hồi ức gần gũi, chan chứa yêu thương  **4. Cái tôi của người viết**  - Cách viết *mùa xuân của tôi, mùa xuân thần thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu.*  *+* Tác phẩm được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bắc. Cách viết đã thể hiện tình cảm thương nhớ quê hương, gia đình của tác giả- một người con xa quê  + Cách Vũ Bằng viết “mùa xuân của tôi” cho thấy những kỉ niệm của ông với quê nhà;  + Cách viết “mùa xuân thần thánh của tôi” cho thấy mùa xuân quê hương có ý nghĩa vô cùng quan trọng với riêng người viết;  + Cách viết “mùa xuân của Hà Nội thân yêu” cho thấy sự gắn bó sâu nặng của tác giả với quê nhà.  **5. Lời văn của tùy bút**  - Một số câu văn giống như lời trò chuyện tâm tình  + Ơi ơi người em gái xõa tóc bên cửa sổ!.  + “Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy”  + Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thân mến  …  - Tác dụng: Tạo ra sự uyển chuyển, mềm mại cho lời kể. Giúp cho người đọc như được chứng kiến, trải nghiệm, đồng cảm, đồng điệu, hòa vào với mạch cảm xúc (nỗi nhớ quê hương) của người viết…  => Lời văn của tùy bút có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất thơ và chất trần thuật, tạo cảm giác mềm mại trong cách kể chuyện, như lời thủ thỉ, tâm tình, dễ khơi gợi cảm xúc đối với người đọc.  **III.Phân tích văn bản:**   1. **Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người với mùa xuân**   - Ai cũng chuộng mùa xuân  - Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió  - Ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng  - Nghệ thuật: điệp ngữ  - Giọng văn: nhẹ nhàng, say đắm  ⇒ Tình yêu mùa xuân là điều hiển nhiên, luôn tồn tại trong sâu thẳm trái tim mỗi người, đấy là một quy luật.   1. **Cảnh sắc và không khí mùa xuân Hà Nội:**   - Thời tiết: mưa riêu riêu, gió lành lạnh  - Âm thanh:     + Tiếng nhạn kêu trong đêm     + Tiếng trống vọng chèo từ xa     + Câu hát ân tình của cô gái đẹp  - Khung cảnh gia đình: bàn thờ, đèn nên, nhang trầm và tình cảm gia đình yêu thương, gắn bó  - Nghệ thuật: sử dụng hình ảnh so sánh mới mẻ, sinh động, hấp dẫn diến tá ức sống của mùa xuân     + Mùa xuân khơi dậy sức sống trong thiên nhiên và con người   + Mùa xuân thần thánh  ⇒ Mùa xuân đã khơi dậy sức sống cho muôn vật, muôn loài và cho cả con người. Mùa xuân đất Bắc có những nét đặc trưng riêng mà không nơi nào có được. Tất cả được thể hiện trong tình yêu và nỗi niềm thương nhớ mùa xuân đất Bắc của tác giả   1. **Cảnh sắc và không khí màu xuân đất Bắc sau ngày rằm tháng Giêng:**   - Tết hết mà chưa hết hẳn, đào phai mà nhụy vẫn còn phong  - Có không mướt xanh nhưng nức một mùi hương man mác  - Trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn  - Con người trở về với bữa cơm gia đình giản dị  - Các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc. | |
| \***\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu tác phẩm tuỳ bút.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **B. LUYỆN TẬP.**  **PHẦN ĐỌC HIỂU** |

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**PHIẾU SỐ 1:**

**Câu 1: Từ nào trong phát biểu dưới đây là sai khi nói về tuỳ bút:**

*Tuỳ bút là thể loại thơ trữ tình ghi chép lại một cách tự do những suy nghĩ, cảm xúc mang đậm màu sắc cá nhân của tác giả về con người và sự việc. Ngôn ngữ của tuỳ bút rất giàu chất thơ.*

1. Thơ
2. Cảm xúc
3. Cá nhân
4. Chất thơ

**Câu 2: Điền vào chố trống để hoàn thành khái niệm tản văn:**

*Tản văn – một dạng bài gắn với tuỳ bút, là thể văn xuôi sử dụng cả tự sự, trữ tình, nghị luận,…nêu lên các hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội và bộc lộ một cách ….. tình cảm, ý nghĩ mang đậm cá tính của tác giả.*

1. Gián tiếp
2. Chân thực, trực tiếp
3. Vừa trực tiếp, vừa gián tiếp
4. Hư cấu hoặc gián tiếp

**Câu 3: Dòng nào dưới đây nói không đúng về đặc điểm của tuỳ bút, tản văn?**

1. Là tác phẩm thuộc thể loại văn xuôi.
2. Dễ dàng bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết qua tác phẩm.
3. Lối viết tự do, linh hoạt.
4. Phải có cốt truyện và diễn biến được sắp xếp theo trình tự thời gian.

**Câu 4: Phát biểu sau đây đúng hay sai?**

*Cái “tôi”, tức con người tác giả, là sự thể hiện trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết trước con người và sự việc được nói tới.*

1. Đúng
2. Sai

**Câu 5: Ngôn ngữ của thể loại tuỳ bút, tản văn có đặc điểm gì?**

1. Giàu chất thơ, do chú trọng tái hiện nội tâm, cảm xúc.
2. Là sự kết hợp giữa văn vần và văn xuôi.
3. Thường được viết bằng văn biền ngẫu.
4. Thường chú trọng vào miêu tả sự vật, sự việc.

**Câu 6: Tuỳ bút chú trọng thể hiện điều gì?**

1. Các vấn đề có tình thời sự
2. Cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống.
3. Cảm xúc, tình cảm của tác giả trước một cảnh đẹp thiên nhiên.
4. Cảm xúc, tình cảm của tác giả trước một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử nổi tiếng.

**Câu 7: *Chất trữ tình* trong tản văn và tuỳ bút là yếu tố được tạo ra từ đâu?**

1. Được tạo ra từ cảm xúc của tác giả về vẻ đẹp của nhân vật trong tác phẩm.
2. Được tạo ra từ cảnh đẹp của thiên nhiên được tác giả yêu thích.
3. Được tạo ra từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ và vẻ đẹp của thiên nhiên, của tạo vật để tạo nên những rung động thẩm mĩ cho người đọc.
4. Được tạo ra từ vẻ đẹp của cuộc sống đã tạo nên những rung động sâu sắc trong lòng tác giả.

**Câu 8: *Cái tôi trong tản văn và tuỳ bút* thể hiện điều gì?**

1. Cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả được thể hiện qua văn bản.
2. Cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả được thể hiện qua nhân vật chính trong tác phẩm.
3. Cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả được thể hiện qua chủ đề của tác phẩm.
4. Cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả được thể hiện qua đề tài của tác phẩm.

**Câu 9: Muốn nhận biết *cái tôi* của tác giả trong tản văn, tuỳ bút thì cần dựa vào đâu?**

1. Qua nhan đề tác phẩm
2. Qua các tình tiết của tác phẩm.
3. Qua nhân vật chính.
4. Qua các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất.

**Câu 10: Chủ đề của văn bản *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* là gì?**

1. Mùa xuân
2. Thiên nhiên
3. Quê hương
4. Tuổi thơ

**Câu 11: Trong văn bản Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt, Vũ Bằng có viết:**

*Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mền, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.*

Nội dung của đoạn văn trên là gì?

1. Khẳng định tình yêu mùa xuân là tình cảm tha thiết và hết sức tự nhiên.
2. Khẳng định tình yêu mùa xuân tha thiết của tác giả.
3. Khẳng định tình thương của non với nước, bướm với hoa, trăng với gió là tình cảm tự nhiên.
4. Khẳng định vẻ đẹp thiêng liêng, chân thành của tình mẫu tử, tình cảm vợ chồng.

**Câu 12: Câu nào dưới đây nêu lên những nét đặc trưng của mùa xuân miền Bắc:**

1. Rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn.
2. Đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động.
3. Sông xanh, núi tím, trăng mới in ngần.
4. Có mưa liêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng…

**Câu 13: Khung cảnh đêm trăng tháng Giêng như thế nào?**

1. Heo hút
2. Buồn man mác
3. Sôi động
4. Nên thơ

**Câu 14: Không gian gia đình vào mùa xuân được miêu tả như thế nào?**

1. Không khí nhộn nhịp mua sắm, tất bật dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa.
2. Không khí trầm ngâm, tĩnh lặng chuẩn bị đón giao thừa.
3. Không khí đoàn tụ, êm đềm, ấm áp, thiêng liêng, tràn đầy tình yêu thương.
4. Không khí rộn rã, tươi vui cùng những lời chúc mừng năm mới.

**Câu 15: Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất, xưng “tôi” trong văn bản có tác dụng gì?**

1. Vừa kể vừa tự giấu mình để không bộc lộ cảm xúc.
2. Vừa kể vừa gọi tên nhân vật theo tên của chúng.
3. Vừa kể vừa thể hiện tình cảm, tâm trạng.
4. Vừa kể vùa thể hiện tính khách quan.

**PHIẾU SỐ 2:**

**Câu 1:** Đối tượng lựa chọn của bài tuỳ bút là gì? Mục đích của tác giả khi chọn đối tượng là gì? Em hãy lí giải nhan đề bài tuỳ bút.

**Câu 2**: Tìm hiểu về đặc trưng tuỳ bút.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Chi tiết (dẫn chứng/tóm tắt)** |
| 1.Chất trữ tình |  |
| 2.Cái tôi trữ tình |  |
| 3.Ngôn ngữ:  - Từ ngữ  - Hình ảnh  - Lời văn, giọng điệu |  |
| 4.Chủ đề |  |

**Câu 3**: Em cảm nhận được điều gì về không gian mùa xuân miền Bắc qua các chi tiết mưa riêu riêu, gió lành lạnh, tiếng trống chèo, cái rét ngọt ngào, mùi hương man mác? Hãy chia sẻ về không gian mùa xuân ở quê em.

**Câu 4**: Nhận xét cách tác giả thể hiện tình cảm, tâm trạng của lòng mình khi mùa xuân đến (qua từ ngữ, hình ảnh, liên tưởng,…)

**Câu 5**: Chỉ ra những biện pháp tu từ được sử dụng ở những cụm từ in đậm trong câu văn dưới đây và nêu tác dụng của chúng:

**Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió**; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

**Câu 6**: Từ văn bản Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt, em hãy viết 5-7 câu về điều em ấn tượng nhất trong mùa xuân quê em.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:**

* Đối tượng: mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân Hà Nội
* Mục đích: thể hiện nỗi nhớ, tình yêu, sự gắn bó với mùa xuân, con người Bắc Việt.
* Ý nghĩa nhan đề: khơi gợi nỗi nhớ, dòng hồi tưởng về mùa xuân Bắc Bộ.

**Câu 2**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Chi tiết (dẫn chứng/tóm tắt)** |
| 1.Chất trữ tình | Rạo rực, say sưa |
| 2.Cái tôi trữ tình | Lòng mình say sưa  Ngồi yên không được |
| 3.Ngôn ngữ:  - Từ ngữ  - Hình ảnh  - Lời văn, giọng điệu | Từ ngữ phong phú, gợi tả  Hình ảnh ấn tượng  Giọng điệu thủ thỉ, trò chuyện |
| 4.Chủ đề | Nỗi nhớ da diết và tình yêu với mùa xuân Bắc Việt. |

**Câu 3**: Các chi tiết đó cho thấy không gian mùa xuân rất đặc trưng của miền Bắc. Nếu em sống ở miền Bắc, em sẽ nhận thấy chỉ cần vài nét chấm phá, tác giả đã miêu tả những đặc điểm khí hậu, văn hoá ở vùng này vào mùa xuân. Mùa xuân trời vẫn lạnh, có mưa phùn, có những loài hoa xuân. Đặc biệt, mùa xuân miền Bắc còn là mùa của các lễ hội. Sân khấu chèo truyền thống thường được tổ chức trong các lễ hội đó. Nếu em sống ở các vùng miền khác, không gian mùa xuân quê em có thể không hoàn toàn giống như những gì tác giả miêu tả. Em hãy miêu tả ngắn gọn một vài nét về không gian mùa xuân ở quê mình (thời tiết, hoa trái, bầu trời, cảnh sinh hoạt,...).

**Câu 4:** Em hãy nhận xét về cách tác giả diễn tả những thay đổi trong tâm trạng và cảm giác của mình khi mùa xuân đến.

* Từ ngữ, hình ảnh độc đáo, đậm cảm xúc chủ quan: non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa,…
* Hình ảnh liên tưởng phóng khoáng, hấp dẫn, mới lạ: hình ảnh đôi lứa mùa xuân, nhựa sống trong người bước ra đường mùa xuân, hình ảnh đêm trăng tháng Giêng.
* Lời văn thủ thỉ, giọng điệu tâm tình trò chuyện: ơi, ai bảo, mùa xuân ơi,…

**Câu 5:** Những cụm từ in đậm trong câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ. Lưu ý: trong câu này, biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng nhiều lần, tạo nên sự trùng điệp khiến cho câu văn có nhịp điệu, thể hiện cảm xúc tha thiết, dạt dào. Ngoài ra, những cụm từ đó còn sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá, làm cho các sự vật như non, nước, bướm, hoa, trăng, gió trở nên sinh động, có hồn.

**Câu 6**: Yêu cầu:

\*Nội dung đoạn văn: trình bày điều em ấn tượng nhất trong mùa xuân quê em

\*Đoạn văn phải sử dụng 7-10 câu.

**A. Mở đoạn:** Giới thiệu chung về mùa xuân: Mùa xuân khởi đầu của một năm, mùa con người đoàn tụ. Mùa xuân cũng là mùa cây cối sinh sôi, vạn vật phát triển.

**B. Thân đoạn:** Triển khai theo các ý sau:

- Sự thay đổi của đất trời ra sao?

- Sự thay đổi của cây cối, muôn loài?

- Hoạt động của con người: Đoàn tụ (trở về quê hương sau học tập, làm việc); mua sắm Tết như quần áo, trang trí nhà cửa, cây cảnh…

- Sự biến chuyển trong tình cảm: Người lớn vui vẻ, phấn khởi khi xuân về; trẻ em có lì xì, quần áo mới hân hoan; người già: thêm tuổi mới và được con cháu mừng thọ.

**C. Kết đoạn:** Cảm nghĩ về mùa xuân: Mùa xuân khởi đầu với nhiều điều tốt đẹp, vạn sự như ý. Mùa xuân mọi người sức khỏe, bình an, mong đất nước luôn phát triển phồn thịnh.

**PHIẾU SỐ 3:**

**Câu 1**: Trong hai đoạn văn đầu của văn bản, tác giả muốn khẳng định điều gì? Em có đồng ý với quan điểm của tác giả không?

**Câu 2**: Bầu trời đêm tháng Giêng hiện lên như thế nào? Theo em, vì sao tác giả gọi trăng tháng Giêng là trăng non?

**Câu 3:** Chỉ ra tác dụng của dấu gạch ngang trong câu sau và cho biết nếu không có cụm từ được tách ra từ dấu gạch ngang thì nôi dung câu sẽ thay đổi như thế nào?

Người yêu cảnh, vào những lúc đất trời mang mang như vậy, khoác một cái áo lông,… *mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống!*

**Câu 4**: Xác định và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu sau:

1. *Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.*

*b, Về khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ mặc dầu vẫn phải đắp chăn bông nhưng ba ngày không cần phải mặc áo ấm như hồi cuối tháng Chạp.*

**Câu 5**: Từ văn bản Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt, em hãy viết một đoạn văn 5-7 trình bày suy nghĩ của em về những nét văn hoá truyền thống mà em ấn tượng trong văn bản.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**:

Trong hai đoạn văn đầu của văn bản Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt, tác giả muốn khẳng định ai cũng chuộng mùa xuân. Đây là ý kiến riêng của tác giả. Có thể có nhiều người đồng tình với ông, nhưng cũng có người có ý kiến khác do những trải nghiệm riêng của họ. Nếu khí hậu nơi em sống không chia thành bốn mùa rõ rệt xuân, hạ, thu, đông thì ấn tượng về mùa xuân có thể không đậm nét. Cũng có người không thích mùa xuân mà thích mùa khác trong năm. Em có thể nêu ý kiến riêng của mình. Từ đây, ta có thể thấy, tuỳ bút thể hiện những cảm xúc, suy nghĩ rất riêng của người viết.

**Câu 2:**

Em hãy nêu những từ ngữ miêu tả bầu trời đêm tháng Giêng (ví dụ như đêm xanh biêng biếc, trời sáng lung linh như ngọc,...). Bầu trời trong đêm trăng sáng nhẹ, rất nên thơ. Trong văn bản có chi tiết “Cuối tháng Giêng.. :. Thường thì trăng cuối tháng không còn được gọi là trăng non. Trăng non là trăng đầu tháng (âm lịch). Tuy nhiên, đối với tác giả, tháng Giêng là tháng mở đầu một năm, do vậy trăng tháng Giêng được coi là trăng non do ý nghĩa khởi đầu của nó (tìm đọc trọn vẹn bài tuỳ bút Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt để hiểu điều này).

**Câu 3**: Dấu gạch ngang trong câu trên bổ sung, giải thích ý nghĩa cho cụm từ “một cái gì đó”.

* Nếu không có dấu gạch ngang thì sẽ có thành phần thay đổi vì câu sẽ mang hàm ý liệt kê, tất cả các sự vật này có vai trò, chức năng như nhau.

**Câu 4**:

1. So sánh: *Nhựa sống trong người – máu căng lên trong lộc của loài nai, mầm non của cây cối,…* Tác dụng: nhấn mạnh mức độ căng tràn, mãnh liệt của nhựa sống trong con người.
2. Nhân hoá*: trời rét – một cách tình tứ.* Tác dụng: đặc tả thời tiết se lạnh, khiến sự vật có hành động như con người.

**Câu 5**: Yêu cầu:

\*Nội dung đoạn văn: trình bày điều em ấn tượng nhất trong mùa xuân quê em

\*Đoạn văn phải sử dụng 7-10 câu.

- Mở đoạn: Giới thiệu những nét văn hoá truyền thống mà em ấn tượng trong văn bản.

- Thân bài:

+ Nét văn hoá đó thể hiện qua hình ảnh, chi tiết nào?

+ Tại sao em lại ấn tượng với nét văn hoá đó?

+ Em đã từng được trải nghiệm nét văn hoá đó chưa?

-Kết bài: Cảm nhận về những nét văn hoá truyền thống.

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**PHIẾU SỐ 4:**

**MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**

**Thạch Lam**

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng1 sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới xác định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm truyền từ đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, cái cô gái Vòng1’ làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được hạt cốm dẻo, thơm và ngon được bằng ở làng Vòng, gần Hà Nội.

Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kì, và đến mùa cốm, các người của Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng...

Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam2. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu Tết3. Không gì còn hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng4, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hoà hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đó thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước người ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu mà thưởng thức được những vẻ cao quy kín đáo và nhũn nhặn?)

Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ây, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen. Khi các cô gái làng Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ, và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chíu6 mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần Lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn, và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

**\*Chú thích:**

1. Vừng (cũng viết “vầng”): từ chỉ đơn vị, dùng để gọi một cách trang trọng hay văn vẻ một vật thể có bề mặt được coi là rộng, hình tròn hoặc gần với hình tròn. Ví dụ: vầng dương, vầng trán.

1’ Vòng: làng Vòng thuộc xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, nay thuộc quận Cầu Giấy. Làng Vòng từ lâu đã nổi tiếng về nghề làm cốm.

2An Nam: tên gọi cũ của nước Việt Nam, dưới thời Bắc thuộc được dùng chính thức từ đời Đường và cũng còn dùng dưới thời thuộc Pháp.

3. Sêu Tết: chỉ việc nhà trai đưa lễ vật (thường là thức ăn) đến nhà gái trong dịp lễ, Tết, khi chưa cưới, trong xã hội cũ.

4 Tơ hồng: sợi chỉ đỏ biểu trưng cho tình duyên do trời định. Theo truyền thuyết Trung Quốc, ông Nguyệt Lão dùng sợi chỉ này buộc vào chân đôi nam nữ nào thì họ sẽ thành vợ chồng.

5 Hào nháng (cũng viết là “hào nhoáng”): có vẻ đẹp phô trương bề ngoài.

6Chút chiu ( từ ít dùng): nâng niu, nhẹ nhàng

(In trong Hà Nội băm sáu phố phường, NXB Đời nay, 1943)

**Đọc kỹ văn bản *Một thứ quà của lúa non : Cốm* và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết Một thứ quà của lúa non: cốm là một văn bản tuỳ bút?

**Câu 2**: Tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc thể nào đối với cốm? Tìm một số từ ngữ, hình ảnh đã góp phần thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy của tác giả trong đoạn văn sau:

Khi các cô gái làng Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ, và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thân Lúa.

**Câu 3**: Trong tuỳ bút, chất trữ tình thường được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, và vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật nhằm mang lại những rung động và sự thích thú cho người đọc. Tìm một số chi tiết thể hiện đặc điểm này trong văn bản Một thức quà của lúa non: cốm.

**Câu 4:** Xác định chủ đề của văn bản. Dựa vào đâu em xác định như vậy?

**Câu 5**: Gần cuối văn bản, tác giả viết: “Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần...”. Theo em, vì sao điều đó lại xảy ra trong cuộc sống của chúng ta? Làm thế nào để những nét đẹp văn hoá của dân tộc không bị mất đi?

**Câu 6**: Từ văn bản *Một thứ quà của lúa non: Cốm* (Thạch Lam) hãy nêu cảm nhận của em về Cốm bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 8-10 câu)

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Một thứ quà của lúa non: cốm là một tuỳ bút vì:

- Ghi lại những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến về hương sắc, mùi vị của cốm làng Vòng, cách thưởng thức cốm một cách văn hoa.

- Thể hiện tình cảm trân trọng yêu quý của tác giả đối với cốm.

- Chất trữ tình: thấm đẫm trong từng đoạn văn, ví dụ trong đoạn đầu tiên tác giả vừa tả vẻ đẹp của đầm sen, của cánh đồng lúa, bông lúa non (màu sắc, mùi hương), vừa thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận của tác giả về vẻ đẹp đó, ví dụ như đoạn sau:

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh động xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trữu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

- Cái tôi của Thạch Lam thể hiện trong văn bản là cái tôi tinh tế, trân trọng món quà của thiên nhiên và văn hoá ẩm thực của dân tộc, cách nhìn, cách nghĩ, cách xưng gọi mang nét riêng của tác giả, chẳng hạn như: “Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không”, “Hỡi các bà mua hàng!”; “Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen.”

Văn bản giúp HS cảm nhận được tâm hồn phong phú, sâu sắc, tinh tế của tác giả.

- Ngôn ngữ trong tuỳ bút này thể hiện đặc điểm thể loại: cách dùng từ ngữ giản dị nhưng sống động, giàu hình ảnh, đồng thời thấm đẫm cảm xúc của tác giả.

**Câu 2**: Văn bản thể hiện sự yêu quý, trân trọng của tác giả đối với cốm. Các từ ngữ, hình ảnh được gạch chân trong đoạn văn sau thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy của tác giả:

Khi các cô gái làng Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ, và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thân Lúa.

**Câu 3**: Một trong những đoạn miêu tả đậm chất trữ tình của văn bản là đoạn tác giả miêu tả quá trình hình thành bông lúa non: “Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời”. Đoạn này sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu là miêu tả và biểu cảm, thể hiện cảm xúc chân thực của tác giả trước vẻ đẹp của tự nhiên. Cảm xúc của tác giả về cách thưởng thức cốm còn được bộc lộ trong đoạn sau: “Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ây, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ”. Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả như đã hoà quyện với sự thanh khiết của tự nhiên, với nét đẹp mộc mạc mà nên thơ của đất trời, tạo cho người đọc ấn tượng khó quên.

**Câu 4:** Để xác định chủ đề, trước tiên, em cần đọc kĩ từng phần của văn bản và tóm tắt nội dung chính của từng phần.

Văn bản có thể chia làm 3 phần, nội dung chính của từng phần là:

- Phần 1 (tử đầu đến “hai đầu cong vút lên nhĩ chiếc thuyền rồng... `):

Hương thơm lúa non gợi nhớ đến cốm và nguồn gốc của cốm.

- Phần 2 (tiếp theo đến “vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn”): Ngợi ca giá trị văn hoá của cốm.

- Phần 3 (còn lại): Bàn về cách thưởng thức cốm.

Chủ đề của văn bản: Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và văn hoá dân tộc qua hình ảnh cốm.

**Câu 5:** Do con người dần trở nên sính ngoại, xa rời truyền thống (“những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước người ngoài”), hoặc tự suy luận do tốc độ phát triển ngày càng nhanh, con người ngày càng sống vội nên những phong tục tinh tế, tốt đẹp bị mất dần v.v.

**Câu 6:** **Đoạn văn tham khảo:**

Mảnh đất Việt với hơn bốn ngàn năm gắn bó với nền nông nghiệp lúa nước, hạt lúa đã đi vào tâm hồn mỗi người dân như hạt ngọc trời ban tặng. Từ hạt lúa ấy đã chế biến nên Cốm – một thứ quà, một sản vật đậm đà truyền thống dân tộc. Bằng khả năng quan sát tinh tế và sự chắt lọc ngôn từ, tác giả đã miêu tả những hạt lúa non là “Một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ” như những gì tinh túy nhất của đất trời ban tặng. Và cách làm cốm không đâu ngon bằng bàn tay của những cô gái làng Vòng. Điều đó vừa gợi lên sự hấp dẫn của cốm vừa cho thấy bàn tay khéo léo, độ tinh tế trong ẩm thực của người Hà thành. Thạch Lam còn tập trung miêu tả những vẻ đẹp của cốm, đó là “quà riêng biệt” hay “Thức dân của những cánh đồng lúa bát ngát”. Cốm trở thành món quà sêu tết, cốm còn duyên hơn khi bén hương của trái hồng chín đỏ, chúng hòa quyện vào nhau, “cùng nâng đỡ nhau để được hạnh phúc lâu bền”. Như vậy, đó không chỉ là một thức quà đó còn là biểu tượng cho hạnh phúc lứa đôi, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống. Ngòi bút của Thạch Lam còn tinh tế hơn khi tiếp tục ngợi ca về cốm qua cách thưởng thức, cách ăn cốm, phải “thong thả và ngẫm nghĩ”. Bởi cốm chưa trong nó sự tinh túy của hương sen, hoa sen của đầm nước và của đôi tây mềm mại, tinh khiết của cô gái làng cốm. Đó là món quà được kết tinh từ bao báu vật của cuộc sống. Thạch Lam đã khiến cho thức quà của dân tộc được giới thiệu để nhiều người biết đến, để hồn Việt mãi mãi được lưu truyền và gìn giữ đến thế hệ mai sau.

**PHIẾU SỐ 5**: **Đọc kỹ văn bản *Một thứ quà của lúa non : Cốm* và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:** Văn bản này đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

**Câu 2:** Đọc đoạn văn đầu tiên và cho biết:

* Tác giả đã mở đầu bài viết về cốm bằng những hình ảnh và chi tiết nào?
* Những cảm giác, ấn tượng nào của tác giả đã tạo nên tính biểu cảm của đoạn văn?

**Câu 3**: Tác giả đã nhận xét như thế nào về tục lệ dùng hồng, cốm làm đồ sêu tết của nhân dân ta? Sự hoà hợp, tương xứng của hai thứ ấy đã được phân tích trên những phương diện nào?

**Câu 4:** “Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quâ nội cỏ An Nam”. Em cảm nhận như thế nào về nhận xét ấy của tác giả?

**Câu 5**: Đoạn sau của bài văn ( từ “cốm không phải thức quà của người vội” đến hết) bàn về sự thưởng thức cốm. Sự tinh tế và thái độ trân trọng của tác giả đối với việc thưởng thức một món quà bình dị đã được thể hiện như thế nào?

# Câu 6: Câu văn: "Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như màu thạch quí, màu đỏ thắm của hồn như màu ngọc lựu già." sử dụng phép tu từ gì? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ấy.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:** Tác giả sử dụng các phương thức miêu tả, thuyết minh, biểu cảm, nghị luận. Phương thức chủ yếu là biểu cảm, bộc lộ cảm xúc của tác giả.

**Câu 2**: Tác giả mở đầu bài viết về Cốm bằng những hình ảnh đẹp, cụ thể:

   + Hương thơm của lá sen, gợi nhắc mùi của thức quà thanh khiết

   + Miêu tả những bông lúa non, chứa đựng chất quý sạch của trời, nguyên liệu làm cốm

   + Cảm giác về hương thơm lá sen, màu xanh của cánh đồng, về mùi thơm mát của lúa non, giọt sữa trắng thơm trong hạt lúa phảng phất hương vị hoa cỏ

- Yếu tố tạo nên tính biểu cảm:

   + Hình ảnh đẹp, giàu sức gợi: hồ sen, đồng lúa, bông lúa, giọt sữa, ngào ngạt hương thơm

   + Tạo ra trường liên tưởng đẹp, nên thơ với tấm lòng trân quý

   + Giọng văn nhẹ nhàng, sâu lắng

**Câu 3:** Tác giả nhận xét tục lệ sêu tết của dân ta dùng hồng và cốm là rất phù hợp

   + Cốm là thức quý dâng lên cánh đồng

   + Đem cốm với hồng làm thành vật dùng trong lễ nghi thật có ý nghĩa

   + Sự hòa hợp và tương xứng ấy được phân tích trên phương diện màu sắc, hương vị

+ Màu sắc quý giá, hài hòa, hương vị hòa hợp, nâng đỡ

**Câu 4:** Nhận xét của tác giả trong đoạn “ Cốm là thức quà riêng biệt… nội cỏ An Nam” tinh tế và chính xác

   + Cốm là thứ quà rất độc đáo, gần gũi, gắn bó với cuộc đời làm nông của người dân

   + Nó là lễ phẩm cánh đồng dâng tặng con người với vị lúa, mọt thứ hương mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng nội

   + Cốm không còn là món quà vặt mà đã trở thành lễ phẩm dâng lên tổ tiên

→ Đoạn văn ngắn có tính khái quát cao

**Câu 5:** Sự tinh tế khi thưởng thức món quà bình dị thể hiện:

   + Ăn cốm là sự thưởng thức, ngẫm nghĩ thì mới cảm nhận hết hương thơm, vị ngọt, sự tươi mát của lá non

 + Ăn thong thả, từng chút ít để cảm nhận hết vị ngon của cốm: vị thanh đạm của loài thảo mộc, mùi thơm ngát của sen

- Sự trân trọng của tác giả:

   + Thể hiện tấm lòng nâng niu, trân trọng của tác giả trước thức quà quý của trời đất

   + Tác giả tôn vinh, tự hào khi cốm là sự tiềm tàng nhẫn nại của thần lúa, và là lộc trời của sự khéo léo của con người.

→ Điều này thể hiện thái độ văn hóa khi thưởng thức cốm như nét đẹp văn hóa ẩm thực.

⇒ Niềm tự hào, hạnh phúc của tác giả về con người, hương vị đất trời Hà Nội

**Câu 6** : Câu văn: "Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như màu thạch quí, màu đỏ thắm của hồn như màu ngọc lựu già." sử dụng phép tu từ đối lập. Qua đó làm nổi bật sự hài hòa màu sắc tượng trưng giữa màu xanh của cốm và màu đỏ của hồng, còn gì đẹp đẽ và ý nghĩa hơn trong những ngày lễ cưới.

**PHIẾU SỐ 6: Đọc kỹ văn bản “*Một thứ quà của lúa non : Cốm”* và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:** Sự tinh tế và thái độ trân trọng của tác giả đối với việc thưởng thức một món quà bình dị đã được thể hiện như thế nào trong văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”*?

**Câu 2:** Giá trị nội dung của văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”*

**Câu 3:** Văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”* có những nét đặc sắc gì về nghệ thuật? (phương thức biểu đạt, giọng điệu, hình ảnh, ngôn ngữ...)

**Câu 4:**Theo em, văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”* muốn gửi đến người đọc những thông điệp gì ?

**Câu 5:** Điều gì làm nên sức hấp dẫn của cốm Vòng theo tác giả trong *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”*?

**Câu 6**: Em hãy viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) nêu cảm nghĩ về văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Để thưởng thức những vị ngon của cốm, tác giả đã cho rằng đó là sự cảm nhận tinh tế bằng các giác quan:

- Vị giác: chất ngọt cốm - cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc.

- Thính giác: mùi thơm phức của lúa mới, mùi thơm ngát của lá sen.

- Thị giác: màu xanh của cốm, màu xanh của lá sen.

**Câu 2:** - "Cốm là thứ quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ". Bằng ngòi bút tinh tế nhạy cảm và tấm lòng trân trọng, tác giả đã phát hiện được nét đẹp văn hóa dân tộc trong thứ sản vật giản dị mà đặc sắc ấy.

**Câu 3:** - Phương thức biểu đạt là biểu cảm kết hợp với miêu tả, tự sự và nghị luận. Lời văn trang trọng, tinh tế, giàu cảm xúc và đầy chất thơ.

- Hình ảnh: Chọn lọc những chi tiết gợi nhiều liên tưởng sáng tạo trong lời văn xen kẽ và chậm rãi mang nặng tính chất tâm tình, nhắc nhở nhẹ nhàng khắc họa được hình ảnh của cốm thật bình dị và tinh khiết

- Giọng điệu: nhẹ nhàng, sâu lắng

- Ngôn ngữ: tinh tế

**Câu 4**: - Nhà văn muốn gửi đến người đọc một thông điệp: nên giữ gìn những nét đẹp văn hóa của dân tộc.

**Câu 5**: - Điều làm nên sức hấp dẫn của cốm Vòng là những hạt cốm dẻo, thơm và ngon, các cô hàng cốm làng Vòng xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là chiếc đòn gánh cong vút hai đầu như chiếc thuyền rồng.

**Câu 6:** \*Yêu cầu về hình thức: đoạn văn (tính từ chữ cái viết hoa lùi vào một ô đến dấu chấm kết thúc xuống dòng để sang đoạn khác)

\*Yêu cầu về nội dung:

**- Mở đoạn:**

* Giới thiệu khái quát và nêu cảm nghĩ chung về tác giả, tác phẩm.

**- Thân đoạn:**

Cái hay về nội dung tác phẩm: Thạch Lam xem Cốm như là một món ăn mang đậm nét văn hóa của người Hà thành nói riêng và người Việt nói chung.

* Sinh ra từ sự nuôi dưỡng của trời đất nhưng nhờ bàn tay chế biến của con người, Cốm mới trở thành thức quà đặc biệt thơm ngon.
* Cốm lay động tâm hồn người thưởng thức không chỉ bởi màu sắc bắt mắt mà còn bởi hương thơm dìu dịu, mùi vị đặc trưng không thể trộn lẫn.
* Phải thưởng thức Cốm bằng tất cả sự say mê, từ từ, từng chút một mới có thể cảm nhận được hết cái ngon của nó.

Cái hay về nghệ thuật của tác phẩm:

* Ngôn từ nhẹ nhàng tinh tế, câu văn như có chất thơ
* Sử dụng các thủ pháp nghệ thuật hài hòa, nhuần nhuyễn.
* Bố cục, kết cấu rõ ràng, hợp lý.

**- Kết đoạn:**

* Nhấn mạnh cái hay cái đẹp của tác phẩm

**PHIẾU SÔ 7: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*…Những lời chúc tết rộn ràng ngoài đường trong ngõ. Ôi, những lời chúc tết muôn đời vẫn thế, chỉ người chúc là khác. Có lời chúc hờ hững từ môi người lạ chẳng quen, có những lời chúc chúc ngắn gọn một hai từ mà nồng ấm mến thương. Có những lời không bao giờ nói mà đọc được trong mắt nhau. Hãy đặt anh vào sự lãng quên/Bởi anh xứng đáng được quên lãng… Làm sao mà em quên được hở anh? Buổi sáng mồng hai năm ấy, anh đứng dưới gốc đào phải, em ngước mắt nhìn màng trời tháng Giêng qua những cánh hoa ánh hồng trong veo lẫn vào lộc nõn mây trời, thấy lòng mình êm như lụa.*

(Trích *Nhìn nhau trong nắng* – Lê Thuý Hà, NXB Kim ĐỒng, 2016, tr66)

**Câu 1**: Nội dung đoạn trích trên là gì?

**Câu 2**: Theo cảm nhận của tác giả, những lời chúc tết có “màu sắc” khác nhau như thế nào?

**Câu 3**: Nêu công dụng của dấu chấm hỏi trong đoạn văn sau:

“*Làm sao mà em quên được hở anh? Buổi sáng mồng hai năm ấy, anh đứng dưới gốc đào phải, em ngước mắt nhìn màng trời tháng Giêng qua những cánh hoa ánh hồng trong veo lẫn vào lộc nõn mây trời, thấy lòng mình êm như lụa.”*

**Câu 4**: Chỉ ra biện pháp tu từ nổi bật từ đầu đoạn văn đến “*…đọc được trong mắt nhau”*

**Câu 5**: Giải thích nghĩa của câu “*Có những lời không bao giờ nói mà đọc được trong mắt nhau”.*

**Câu 6**: Từ đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 7-10 câu) trình bày về một nét phong tục trong ngày Tết cổ truyền ở nơi em.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Nội dung đoạn trích: Cảm nhận những lời chúc tết với nhiều sắc thái khác nhau, đặc biệt là lời chúc không nói nhưng đọc được trong mắt nhau.

**Câu 2**: Theo cảm nhận của tác giả, những lời chúc tết có “màu sắc” khác nhau như sau:

* Có lời chúc hờ hững từ môi người lạ chẳng quen.
* Có lời chúc chúc ngắn gọn một hai từ mà nồng ấm mến thương.
* Có những lời không bao giờ nói mà đọc được trong mắt nhau.

**Câu 3**: Công dụng dấu chấm hỏi:

* Nhấn mạnh nỗi nhớ da diết về kỉ niệm ngày xuân cùng nhìn ngắm cảnh sắc mùa tươi sáng, trong trẻo, thấy lòng êm dịu, man mác.
* Tăng sức biểu cảm, tăng chất thơ cho lời văn.

**Câu 4**: Biện pháp tu từ nổi bật: điệp ngữ.

**Câu 5**: Câu văn trên muốn nói tới những lời chúc không cần được nói ra bằng lời mà chỉ cần nhìn vào ánh mắt nhau cũng có thể hiểu, đó là sự thấu hiểu bằng cả tâm hồn, trái tim.

**Câu 6**: HS có thể viết về phong tục ngày tết khác nhau ở quê hương mình: phong tục gói bánh chưng, bánh giày; phong tục đi lễ chùa xin lộc đầu năm; trò chơi dân gian;… kèm theo bày tỏ cảm xúc trước những phong tục mang đậm bản sắc văn hoá vùng miền của quê hương.

**PHIẾU SỐ 8**: **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Đêm xuân rạo rực, trở mình nghe mưa lây phây vuốt ve kính cửa. Trên bàn thờ cây hương trầm thơm ngát ướp bầu không gian ấm đầy trong ngôi nhà nhỏ. Ngoài song kia, mưa xuân hình như cũng được ướp hương thơm. Các thế hệ trong nhà đều đã say xưa ngủ, những tiếng thở đều đều. Mọi người mơ gì trong đêm đầu xuân ấm áp? Cha già nhớ về bờ đê xanh mướt ngày hoa niên, mưa tơ rơi trên sông vắng… Em bé ơi, em mơ gì mà cười trong giấc ngủ? Nụ cười như nụ hoa, bàn tay xiu xíu ôm má phính hồng hồng. Một ngày xuân, mẹ sẽ đưa em về trên chuyến đồ ngang, bàn tay bé của em sẽ khoả nước trên dòng Lương Giang. Giọt nước sông trong lòng bàn tay em phải chăng cũng là giọt nước gần ba chục năm trước mẹ em đã vớt khi lần đầu ông ngoại dẫn mẹ qua sông? Bước chân em sẽ chập chững trên triền đê có những con bò gặm cỏ từ thời này qua thời khác. Bóng em sẽ in trên nền trời thẳm biếc, đằng sau lưng em xa xa bên kia sông, sau bãi ngô là ngọn núi, nơi từ thời tiền sử tổ tiên ông em, bố mẹ em, tổ tiên em đã trú ngụ ở đấy đó, em biết không? Mẹ sẽ kể em nghe nghe, dù có thể em chưa hiểu. Mẹ kể, và nhìn vào đôi mắt em, đôi mắt ngây thơ đầy nắng, in bóng con đò lá tre trên dòng sông lụa biết.*

(Trích *Nhìn nhau trong nắng* – Lê Thuý Hà, NXB Kim ĐỒng, 2016, tr66)

**Câu 1**: Chỉ ra những câu hỏi tu từ bộc lộ cảm xúc của người viết.

**Câu 2**: Nội dung đoạn trích trên là gì?

**Câu 3**: Hai câu văn : “*Trên bàn thờ cây hương trầm thơm ngát ướp bầu không gian ấm đầy trong ngôi nhà nhỏ. Ngoài song kia, mưa xuân hình như cũng được ướp hương thơm.”* thể hiện điều gì?

**Câu 4**: Đoạn văn sau có tác dụng gợi tả và gợi cảm gì?

*Đêm xuân rạo rực, trở mình nghe mưa lây phây vuốt ve kính cửa. Trên bàn thờ cây hương trầm thơm ngát ướp bầu không gian ấm đầy trong ngôi nhà nhỏ. Ngoài song kia, mưa xuân hình như cũng được ướp hương thơm.*

**Câu 5**: Qua đoạn trích, em hiểu thêm gì về nét đặc trưng của mùa xuân xứ Bắc?

**Câu 6**: Từ đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) miêu tả vẻ đẹp đất trời mùa xuân mà em ấn tượng.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**:

**Câu 1**: Những câu hỏi tu từ bộc lộ cảm xúc của người viết:

* *Mọi người mơ gì trong đêm đầu xuân ấm áp?*
* *Em bé ơi, em mơ gì mà cười trong giấc ngủ?*
* *Giọt nước sông trong lòng bàn tay em phải chăng cũng là giọt nước gần ba chục năm trước mẹ em đã vớt khi lần đầu ông ngoại dẫn mẹ qua sông?*
* *Bóng em sẽ in trên nền trời thẳm biếc, đằng sau lưng em xa xa bên kia sông, sau bãi ngô là ngọn núi, nơi từ thời tiền sử tổ tiên ông em, bố mẹ em, tổ tiên em đã trú ngụ ở đấy đó, em biết không?*

**Câu 2**: Nội dung đoạn trích: Cảm nhận mùa xuân về tràn ngập trong không gian ấm áp trong mỗi ngôi nhà.

**Câu 3**: Hai câu văn gợi hình dung mùi hương trầm – mùi của hương vị tết thơm nồng nàn như đang ướp ngọt cả không gian, làm cho không gian như lắng đọng lại trong cảm xúc bồi hồi, xao xuyến của lòng người trong khoảnh khắc mùa xuân về.

**Câu 4**: Đoạn văn có tác dụng gợi tả và gợi cảm:

* Gợi tả không gian đêm xuân với những hạt mưa xuân nhẹ nhẹ lắc rắc như bụi. Không gian mùa xuân được ướp hương thơm lừng – mùi hương trầm ấm áp, ngọt thơm. Đó là không gian rất riêng của mùa xuân xứ Bắc.
* Gợi cảm xúc hân hoan, rạo rực, lòng như dịu lại, lắng nghe hơi thở, mùi hương của đất trời vào xuân.

**Câu 5**: Qua đoạn trích, em hiểu thêm về nét đặc trưng của mùa xuân xứ Bắc: không gian riêng của mùa xuân xứ Bắc: cái lành lạnh của không gian với những hạt mưa bụi, cái ấm áp nồng nàn của hương trầm…

**Câu 6:**

\*Yêu cầu về hình thức: đoạn văn (tính từ chữ cái viết hoa lùi vào một ô đến dấu chấm kết thúc xuống dòng để sang đoạn khác): biết kết hợp miêu tả với các phương thức biểu đạt khác, đảm bảo tính liên kết chặt chẽ giữa các câu, diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc.

\*Yêu cầu về nội dung:

- Người viết có thể lựa chọn những nét cảnh sắc tiêu biểu: bầu trời, tia nắng, hạt mưa, ngọn gió, cây cối, chim chóc,…

- Khi viết văn miêu tả, chú ý lựa chọn những từ ngữ giàu sức gợi, sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh phù hợp để cho đoạn văn thêm sinh động. Ví dụ:

+ Trên nền trời xanh nhạt, từng đàn chim én bay lượn vòng, cánh chao nghiêng những chồi non bừng tỉnh giấc sau giấc ngủ đông dài.

+ Mùa xuân, những tia nắng dịu nhẹ làm ấm cả không gian se se lạnh, đánh thức những chồi non bừng tỉnh giấc sau giấc ngủ đông dài.

+ Trên những cành bàng khẳng khiu, những chồi non hé con mắt ngỡ ngàng nhìn vạn vật xung quanh. Hàng trăm chồi non như hàng trăm ngọn nến xanh thắp sáng cả thân cây.

**PHIẾU SỐ 9: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đằng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nây1. Mưa Nam hay mưa Chướng2, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp3. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà tất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch4 nầy làm sao đâu, vì khi nước ròng5 rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất nầy làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoảng khoát6, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.

Người ấp7 Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng8, khỏi9 chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài nầy thì thích không chịu được.

Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng toả ra từ mẻ un?, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi10 kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai11, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.

[...] Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đẫm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.

(Nguyễn Ngọc Tư, Ngủ ở Mũi, in trong Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư,

NXB Trẻ và Thời báo Kinh tế Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 159 - 161)

**\*Chú thích**:

1. Nầy: này.
2. Mưa Nam, mưa Chướng: tương ứng mùa mưa, mùa khô ở Cà Mau.
3. Chằm đóp: tấm rèm kết bằng lá dừa (người Khơ-me gọi là chằm đốn).
4. Con rạch: đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại.
5. Nước ròng: vị trí thấp nhất của mực nước trong chu kì thuỷ triều.
6. Khoảng khoát: rộng và thoáng.
7. Ấp: làng, xóm nhỏ.
8. Mùng: màn.
9. Khỏi: không cần.
10. Mẻ un: củi, xơ dừa, vỏ quýt, vỏ bưởi,... được đốt cho khói bốc lên để đuổi muỗi.
11. Cá thòi lòi: còn gọi là cá leo cây, loài cá sống ở các bãi lầy cửa sông, có khả năng di chuyển trên bùn.
12. Lai rai: uống rượu từ từ từng chút một, thường kèm theo đồ nhắm (nghĩa trong văn bản).

**Câu 1**: Những nét sinh hoạt nào của cư dân vùng đất Mũi Cà Mau được nói tới trong đoạn trích?

**Câu 2**: Những ngôi nhà vùng đất Mũi có gì đặc biệt? Tại sao tác giả lại nói bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy?

**Câu 3**: Ở trong một căn nhà đơn sơ, vì sao con người lại có cảm giác về sự thái bình, no ấm?

**Câu 4**: Theo em, vì sao người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà? Sở thích này thể hiện điều gì ở con người đất Mũi?

**Câu 5**: Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối của cư dân đất Mũi gợi cho em những suy nghĩ gì?

**Câu 6**: Nêu những cụm từ thể hiện tính chất khẩu ngữ của đoạn trích.

**Câu 7**: Liệt kê những từ ngữ địa phương trong đoạn trích. Cho biết tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ địa phương đó.

**Câu 8**: Chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng:

a. Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng.

b. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Đoạn trích nói về lối sinh hoạt của người dân đất Mũi như cách dựng nhà cửa, cách bài trí nhà cửa, thói quen ăn uống, sở thích ngủ đằng trước nhà,...

**Câu 2**: Em thử so sánh ngôi nhà của mình với ngôi nhà của người dân đất Mũi để thấy những nét khác biệt của nhà nơi đất Mũi: không bao giờ khép cửa, không có vách che đằng trước, chỉ treo cái rèm sơ sài chắn mưa, đặc biệt nhiều gió. Ngôi nhà thể hiện con người đất Mũi: sống hào sảng, rộng rãi, cởi mở, thật thà, hoà cùng thiên nhiên,... Có lẽ chính từ những điều này mà tác giả nhận thấy bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy.

**Câu 3**: Ở trong một căn nhà đơn sơ, không có đồ đạc gì đáng giá nhưng con người vẫn thấy thái bình, no ấm là vì cuộc sống nơi đây thuận hoà, không có gì phải lo sợ, đề phòng. Con người hoà mình với biển trời, như thể của cải của con người chính là biển trời.

**Câu 4**: Thông thường, chỗ ngủ là nơi kín đáo, là phòng riêng hoặc góc khuất được che chắn, tránh gió. Tuy nhiên, trong đoạn trích này, người xứ biển lại thích ngủ đằng trước nhà, trên sàn gỗ đước, bốn bề là gió, là biển. Những âm thanh của biển ru người ta vào giấc ngủ. Điều này thể hiện thể chất khoẻ mạnh, quen với sóng gió của người dân vùng biển. Điều kiện sinh tồn tôi luyện họ, cho họ sự thích ứng và sức mạnh, tạo cho họ những sở thích đặc biệt. Mặt khác, sở thích đó cũng thể hiện sự khoáng đạt, mạnh mẽ, cởi mở trong tính cách người đất Mũi.

**Câu 5**: Chiều tối là thời điểm mọi người quây quần bên mâm cơm hoặc tụ họp vui vẻ. Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối được miêu tả trong đoạn trích gợi cho người đọc cảm giác về sự ấm cúng, no đủ. Cảnh này chủ yếu được miêu tả qua mùi vị - những mùi vị rất đặc trưng của đất Mũi: mùi giàn lưới phơi, mùi khói hun muỗi, mùi cá thòi lòi kho, mùi mực khô nướng,... Sử dụng tối ưu khả năng cảm nhận của khứu giác, tác giả làm toát lên vẻ dân dã, thân thương, gần gũi, ấm áp của cảnh sống thường nhật ở miền đất Mũi.

**Câu 6**: Ngôn ngữ trong tản văn thường có tính khẩu ngữ do người viết có tâm thế chuyện trò. Trong đoạn trích này, người viết sử dụng một số cách nói theo thói quen của người Nam Bộ (ví dụ: khỏi chiếu, lai rai, thích không chịu được, thấy nhà nó hợp với con rạch nầy làm sao đâu,...).

**Câu 7**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ nghĩa địa phương** | **Nghĩa** |
| Nầy | này |
| Mưa Nam, mưa Chướng | Tương ứng mùa mưa, mùa khô ở Cà Mau |
| Chằm đóp | Tấm rèm kết bằng lá dừa |
| Con rạch | Đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. |
| Nước ròng | Vị trí thấp nhất của mực nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. |
| Khoảng khoát | Rộng và thoáng |
| Ấp | Làng, xóm nhỏ |
| Mùng | Màn |
| Khỏi | Không cần |
| Mẻ un | Củi, xơ dừa, vỏ quýt, vỏ bưởi, … được đốt cho khói bốc lên để đuổi muỗi |
| Cá thòi lòi | Cá leo cây, loài cá sống ở các bãi lầy cửa sông, có khả năng di chuyển trên bùn. |
| Lai rai | Uống rượu từ từ từng chút một, thường kèm đồ nhắm. |

Từ ngữ địa phương trong đoạn trích làm tăng sắc thái địa phương cho văn bản và tác động tới cảm quan của người đọc, khơi gợi những ấn tượng riêng về vùng đất đặc biệt này.

**Câu 8**: Biện pháp tu từ được dùng trong các câu:

câu a: biện pháp tu từ nhân hoá, điệp ngữ;

câu b: biện pháp tu từ nhân hoá. Với từng câu, em hãy chỉ ra tác dụng của mỗi biện pháp tu từ.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Văn bản: *Chuyện cơm hến.* Mở rộng đọc hiểu các văn bản tản văn ngoài SGK.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**VĂN BẢN *CHUYỆN CƠM HẾN***

**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **I. Kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm**  **1. Giới thiệu tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường:**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937, quê ở Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế.  - Những sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế. Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hoá sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội.  **2. Giới thiệu tác phẩm *Chuyện cơm hến:***  **-Thể loại:**tùy bút  **- Xuất xứ:** trích trong *“Huế - Di tích và con người”*của Hoàng Phủ Ngọc Tường, xuất bản năm 2001.  **- Phương thức biểu đạt:**tự sự, biểu cảm, miêu tả, nghị luận.  - **Bố cục**: 2 phần  + Phần 1 (từ đầu đến “những “đồ giả””): Món cơm hến, đặc sản xứ Huế  + Phần 2 (còn lại): Món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa của Huế.  **3. Món cơm hến, đặc sản xứ Huế**  - Một món ăn bình dân:  + Nguyên liệu cơm hến bình dân: hến, bún tàu, rau sống   + Gia vị: ớt, ruốc, bánh tráng, muối rang, đậu phụng, …  - Món cơm hến cho thấy đặc điểm trong phong cách ăn uống của người Huế:  + Ăn cơm hến phải nguội vì: trên đời chẳng có một vật gì đáng phải bỏ đi   + Tính bảo thủ để bảo toàn di sản: món ăn đặc sản  - Chuyện cơm hến không phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn  - Tác giả còn bàn tới những điều xung quanh món cơm hến:  + Trong vấn đề khẩu vị, tính bảo thủ là một yếu tố văn hóa quan trọng để bảo toàn di sản  + Món ăn đặc sản cũng giống như di tích văn hóa, mọi ý đồ cải tiến đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả”  **4. Món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa của Huế**  - Mọi ý đồ cải tiến như cải tiến di tích văn hóa đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả”  → Cơm hến cũng giống như một di tích văn hóa.  - Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ về ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa của cư dân bản địa:  + Tác giả thắc mắc khi thấy chị làm cơm hến rất tỉ mẩn, công phu mà chỉ bán có “năm trăm đồng bạc”, tác giả kêu chị làm kĩ như vậy làm gì cho mất công  + Chị bán hàng giận dỗi: “Nói như cậu thì … còn chi là Huế”  → Đây chính là ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của cư dân bản địa, dù bán suất cơm hến lời lãi không nhiều nhưng họ không bỏ qua bước nào, vẫn cẩn thận, tỉ mẩn làm đủ các bước cho món ăn đặc sản này.  - Lời tác giả như đang trò chuyện với bạn đọc, thể hiện qua những từ ngữ:  + Tôi xin giới thiệu  + Vậy thì cơm hến là gì?  + Tôi nghĩ rằng  + Xin tiếp tục chuyện cơm hến  - Cái tôi của tác giả được thể hiện trong Chuyện cơm hến: Một con người yêu quê hương, hiểu rõ và muốn bày tỏ lòng mình, kể cho người đọc nghe về món cơm hến đậm đà bản sắc dân tộc  **5. Khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ bình dị, đậm chất địa phương  - Lối viết lôi cuốn, hấp dẫn  **b. Nội dung - Ý nghĩa**  - Bài văn giới thiệu về món cơm Hến đặc sản của Huế cùng tình cảm mà tác giả dành cho món ăn quê hương mình. |
| \***\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu tác phẩm tản văn.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**DẠNG 1 : TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1: Cơm hến ở Huế ngon nhất là loại nào?**

* + 1. Cơm hến cay
    2. Cơm hến cồn
    3. Cơm hến đắng
    4. Cơm hến mặn

**Câu 2: Vì sao cơm hến được coi là món ăn bình dân?**

1. Vì cơm hến chỉ bán cho người bình dân và không bán cho những đối tượng khác.
2. Vì cơm hến được làm từ những nguyên liệu bình dân và phù hợp với nhiều người
3. Vì tên của món ăn này được người bình dân đặt và họ hiểu nguồn gốc tên gọi.
4. Vì món ăn này là phát minh của người bình dân và họ đăng kí bản quyền.

**Câu 3: Cơm hến được làm ra bởi những thành phần nào?**

1. Cơm nóng, hến, quả và
2. Cơm nếp, hến, quả sung
3. Cơm gạo lứt, hến, rau sống.
4. Cơm nguội, hến, rau sống.

**Câu 4: Qua văn bản Cơm hến, tác giả muốn thể hiện cảm xúc gì?**

1. Tình yêu, sự biết ơn đối với những người làm ra món cơm hến ở Huế.
2. Tình yêu, sự biết ơn đối với những người bán món cơm hến ở Huế.
3. Tình yêu quê hương, đất nước qua tình yêu văn hoá ẩm thực của dân tộc.
4. Tiếc nuối vì đã từng được ăn món cơm hết và giờ không được ăn nữa.

**Câu 5: Nhận định nào nói đúng về nhân vật người kể chuyện trong văn bản Chuyện cơm hến?**

1. Chỉ là người quan sát và kể chuyện, không tham gia vào câu chuyện.
2. Vừa quan sát, vừa chứng kiến và có tham gia vào một vài sự việc.
3. Vừa trải nghiệm, vừa kể lại chính những trải nghiệm và suy nghĩ của mình.
4. Chỉ là người kể chuyện theo điểm nhìn, trải nghiệm của người khác.

**Câu 6: Cảm nhận nào KHÔNG đúng về cái tôi tác giả được thể hiện trong văn bản Chuyện cơm hến?**

1. Là người rất mê món cơm hến, am hiểu về món cơm hến.
2. Là người Huế, rất am hiểu về ẩm thực Huế và con người Huế.
3. Là người rât yêu Huế, trân trọng và muốn bảo tồn những đặc sản của Huế.
4. Là một du khách đã từng đến Huế, được ăn món cơm Hến.

**Câu 7: Theo tác giả, nét riêng trong khẩu vị của người Huế là “nếm đủ vị” và “tỏ ra thích thú với hai vị mà thiên hạ đều sợ”. Đó là hai vị nào?**

1. Chua và ngọt
2. Mặn và cay
3. Cay và đắng
4. Đắng và bùi

**Câu 8: “Người Việt mình ăn cơm kiểu nào cũng phải nóng, duy chỉ có cơm hến nhất thiết phải là cơm nguội”. Em hãy cho biết, ẩn sâu trong món “cơm nguội” là quan niệm gì của người Huế về cuộc sống?**

1. Trân trọng mọi thứ có trong đời, không một vật gì đáng phải bỏ đi.
2. Ăn cơm nguội thì ngon hơn cơm nóng, phù hợp với thời tiết ở Huế.
3. Thể hiện “lập trường ăn uống” khác biệt, không nơi nào có được.
4. Thể hiện sự tinh tế và sáng tạo trong khâu chế biến món ăn.

**Câu 9: Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu văn: “Hương vị bát ngát suốt đời người của tô cơm hến là mùi ruốc thơm dậy tận óc, và vị cay đến trào nước mắt”?**

1. So sánh
2. Nhân hoá
3. Hoán dụ
4. Ẩn dụ

**Câu 10**: Nhận xét về nước hến, Hoàng Phủ Ngọc Tường có viết: “Nước hến có giã thêm gừng màu trắng đùng đục. **Vâng, mê nhất cái màu đùng đục ấy, ăn cơm hến mà chê nước đục là… dại!”**

Câu văn in đậm nhằm khẳng định:

1. Tác giả rất yêu thích món cơm hến.
2. Nước hến rất ngon và có sức hấp dẫn đặc biệt.
3. Khi ăn cơm hến, người ta chỉ thích dùng nước hến.
4. Cách làm nước hến không cầu kì, phức tạp nhưng vẫn có hương vị riêng.

**PHIẾU SỐ 2:**

**Câu 1**: Đối tượng lựa chọn của bài tản văn là gì? Mục đích của tác giả khi chọn đối tượng là gì?

**Câu 2**: Tìm hiểu về đặc trưng tản văn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Chi tiết (dẫn chứng/tóm tắt)** |
| 1.Chất trữ tình (cảm xúc, tình cảm) |  |
| 2.Cái tôi trữ tình (thái độ, quan điểm, chính kiến, cá nhân) |  |
| 3.Ngôn ngữ:  - Từ ngữ  - Hình ảnh  - Lời văn, giọng điệu |  |
| 4.Chủ đề (tính tương tác, đối thoại) |  |

**Câu 3**: Nói về phong cách ẩm thực của người Huế, tác giả cho rằng Người Huế ăn giống như học bài học cuộc đời. Em hiểu thế nào về cách nói đó?

**Câu 4**: Em có nhận xét gì về nguyên liệu và cách chế biến món cơm hến của người Huế? Cách chế biến cơm hến thể hiện điều gì trong cách sống của người dân nơi đây?

**Câu 5**: Em hiểu gì về vị thứ mười lăm của cơm hến “một bếp lửa chắt chiu…theo bước chân người.”? Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hoá bản địa?

**Câu 6**: Cho biết công dụng của dấu ngoặc kép ở từng trường hợp trong đoạn văn sau:

Nhưng lạ nhất là thói ăn cay, đến nỗi chính tôi cũng không hiểu sao mình lại ăn cay “tài” đến như vậy. Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sướng miệng”: cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,... [...] Có thể nói rằng người Huế bắt đầu thực đơn hằng ngày bằng một tô bún bò “cay dễ sợ; tiếp theo là một ngày cay “túi mắt túi mũi” để kết thúc với tiếng rao “Ai ăn chè?; một chén ngọt lịm trước khi ngủ.

**Câu 7**: Từ văn bản Chuyện cơm hến, em hãy viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) giới thiệu về một món ăn đặc sản quê em.

**Câu 8**: Em hãy viết một đoạn văn khoảng 7-10 câu trình bày ý kiến của em về một phong tục, tập quán của Việt Nam mà em thấy ấn tượng.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**:

**Câu 1**: - Đối tượng: món cơm hến.

* Mục đích: Suy ngẫm về bản sắc văn hoá vùng miền (xứ Huế)

**Câu 2**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Chi tiết (dẫn chứng/tóm tắt)** |
| 1.Chất trữ tình (cảm xúc, tình cảm) | Cảm xúc tự nhiên  Tình cảm gắn bó với người dân, món ăn Huế. |
| 2.Cái tôi trữ tình (thái độ, quan điểm, chính kiến, cá nhân) | Thái độ rõ ràng, thể hiện chính kiến sắc sảo.  Quan điểm cá nhân dựa trên lập luận, thực tế giàu sức thuyết phục: món ăn đặc sản phải là một di tích văn hoá, không được thay đổi/ du nhập/ lai căng. |
| 3.Ngôn ngữ:  - Từ ngữ  - Hình ảnh  - Lời văn, giọng điệu | - Từ ngữ phong phú, chặt chẽ.  - Hình ảnh chân thực, giàu suy nghiệm.  - Lời văn, giọng điệu tâm tình, trò chuyện. |
| 4.Chủ đề (tính tương tác, đối thoại) | Giữ gìn món ăn truyền thống chính là cách bảo vệ bản sắc văn hoá vùng miền (thể hiện vẻ đẹp vùng đất, con người, sinh hoạt truyền thống) |

**Câu 3**: Tác giả nói một cách hóm hỉnh rằng Người Huế ăn giống như học bài học cuộc đời. Tác giả dùng cách chơi chữ: mặn, nhạt, chua, cay là các vị đồng thời cũng là các cung bậc khác nhau của cuộc sống con người. Người Huế thích ăn đồ ăn có vị cay hoặc đắng là hai vị mà mọi người hay sợ, cũng có nghĩa là người Huế có tố chất sẵn sàng chấp nhận những thứ người khác thấy khó khăn. Đây cũng là cách suy luận tạo sự thú vị thường thấy trong những cuộc chuyện trò thân mật.

**Câu 4**: Nguyên liệu làm món cơm hến rất dễ kiếm, hầu như toàn là những thứ lẽ ra bỏ đi hoặc mua được với giá rẻ. Nhưng cách làm cơm hến thì lại khá công phu, phải đủ vị mới ngon, mà lại rất nhiều vị. Làm cơm hến đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên nhẫn. Nhìn vào nguyên liệu và cách chế biến cơm hến có thể nhận thấy đức tính tiết kiệm, sự chịu khó, tinh tế, khéo léo, sự trân trọng những giá trị cổ truyền,... của người Huế.

**Câu 5**:

* Vị mười lăm chính là vẻ đẹp con người Huế trong việc gìn giữ món ăn, bảo tồn bản sắc văn hoá địa phương.
* Đó chính là sự bền bỉ, âm thầm mà kiên trì của những người con xứ Huế trong việc giữ gìn nét đẹp sinh hoạt truyền thống, phong cách bản địa.

**Câu 6**: Em cần phân biệt hai trường hợp dùng dấu ngoặc kép trong đoạn văn: một là đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại; hai là đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt (thể hiện sự hài hước hoặc một hàm ý nào đó). Trong đoạn văn này, tác giả dùng dấu ngoặc kép chủ yếu ở trường hợp thứ hai, chỉ có cụm “Ai ăn chè?” là trường hợp thứ nhất. Đối với những trường hợp dùng dấu ngoặc kép để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, em cần chỉ ra những sắc thái nghĩa của các từ trong ngoặc kép. Ví dụ: tôi cũng không hiểu sao mình lại ăn cay “tài” đến như vậy - thể hiện sự hài hước, tự ca ngợi khả năng ăn cay của mình đến mức độ trở thành một cái tài.

**Câu 7:** \*Yêu cầu về hình thức: đoạn văn (có đầy đủ ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn); biết kết hợp các phương thức biểu đạt hoặc thao tác lập luận trong bài văn; đảm bảo liên kết câu, liên kết đoạn; diễn đạt mạch lạc, sáng rõ.

\*Yêu cầu về nội dung:

**- Mở đoạn (1 câu)**

* Giới thiệu chung: Mỗi vùng quê trên đất nước ta đều có đặc sản của quê mình. Ví dụ: Huế có mè xửng, cơm hến, Quảng Nam có mì Quảng, Hà Nội có phở.
* Giới thiệu về đặc sản của quê hương.
* **Thân đoạn: (7-8 câu)**
* Nguồn gốc của món ăn: Món ăn xuất hiện khi nào, công thức đầu tiên do ai nghĩ ra…
* Cách làm món ăn: Nguyên liệu, cách chế biến, cách nấu…
* Giá trị của món ăn đối với nền ẩm thực Việt Nam: nét văn hóa độc đáo, phong phú cho ẩm thực Việt...
* **Kết đoạn: (1 câu)**
* Cảm nhận nói chung về đặc sản của quê hương.

**Câu 8:** \*Yêu cầu về hình thức: đoạn văn (có đầy đủ ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn); biết kết hợp các phương thức biểu đạt hoặc thao tác lập luận trong bài văn; đảm bảo liên kết câu, liên kết đoạn; diễn đạt mạch lạc, sáng rõ.

\*Yêu cầu về nội dung:

* **Mở đoạn**: Giới thiệu về truyền thống văn hoá của quê hương.
* **Thân đoạn**:
* +Nguồn gốc của truyền thống văn hoá quê hương .
* + Đặc điểm, ý nghĩa của truyền thông văn hoá của quê hương.
* + Trải nghiệm/ kỉ niệm đáng nhớ của em với truyền thống văn hoá quê hương.
* **Kết đoạn**: Cảm nhận của em về truyền thống văn hoá của quê hương.

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**PHIẾU SỐ 3**: **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Lâu lắm rồi tôi không về lại miền Trung, chiều nay trên chuyến xe tất bật người, tất bật hàng hoá, tất bật nắng và gió thổi thốc lên rát mặt, miền Trung đã ở trước mặt, trong nỗi nhớ và trong cả những hoài niệm tự thuở nào…*

*Miền Trung ! Chẳng biết có người nào đó vấn vương gì với nắng miền Trung khi vào Nam ra Bắc ngang qua khúc ruột quanh năm nắng lửa, lũ nguồn và bão biển này không, khi nắng vẫn kiêu hãnh và ngọt ngào, gió vẫn rạo rực như bao đời vẫn thế. Trong hương thơm lúa của mẹ, của cha nồng nàn và khó nhọc, trong nghĩa tình như câu ví dặm , giản dị như chiếc kẹo cu đơ, quyến rũ như điệu hò khoan nhặt…đủ gọi lòng người. Còn gì thu hút hơn vẻ đẹp nồng nã của nắng lửa, của nước da đồng hun ngăm, của ánh nhìn thăm thẳm như thiêu, như đốt. Trong nghiệp ngã của nắng miền Trung, của gió Lào bỏng rát, vẻ đẹp nắng lửa vẫn khiến người ta như…quay cuồng.*

**Câu 1**: Chỉ ra các yếu tố miêu tả trong đoạn trích trên.

**Câu 2**: Liệt kê các câu văn bộc lộ cảm xúc của tác giả.

**Câu 3**: Vẻ đẹp của nắng lửa miền Trung trong cảm nhận của tác giả được ẩn chứa trong những hình ảnh, sự vật nào?

**Câu 4**: Đoạn trích trên có tác dụng gợi tả, gợi cảm gì?

**Câu 5**: Chỉ ra biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn văn từ “Còn gì thu hút hơn…” đến hết.

**Câu 6**: Viết đoạn văn ngắn (5-7 câu) trình bày cảm nhận về cảm xúc của người viết về vẻ đẹp nắng lửa miền Trung.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**:

**Câu 1:** Các yếu tố miêu tả trong đoạn trích:

* **…** *khi nắng vẫn kiêu hãnh và ngọt ngào, gió vẫn rạo rực như bao đời vẫn thế.*
* *Còn gì thu hút hơn vẻ đẹp nồng nã của nắng lửa, của nước da đồng hun ngăm, của ánh nhìn thăm thẳm như thiêu, như đốt.*

**Câu 2**: Các câu văn bộc lộ cảm xúc của tác giả:

* *Lâu lắm rồi tôi không về lại miền Trung, chiều nay trên chuyến xe tất bật người, tất bật hàng hoá, tất bật nắng và gió thổi thốc lên rát mặt, miền Trung đã ở trước mặt, trong nỗi nhớ và trong cả những hoài niệm tự thuở nào…*

**Câu 3**: Vẻ đẹp của nắng lửa miền Trung trong cảm nhận của tác giả được ẩn chứa trong những hình ảnh, sự vật:

* *Chẳng biết có người nào đó vấn vương gì với nắng miền Trung khi vào Nam ra Bắc ngang qua khúc ruột quanh năm nắng lửa, lũ nguồn và bão biển này không, khi nắng vẫn kiêu hãnh và ngọt ngào, gió vẫn rạo rực như bao đời vẫn thế.*
* *Còn gì thu hút hơn vẻ đẹp nồng nã của nắng lửa, của nước da đồng hun ngăm, của ánh nhìn thăm thẳm như thiêu, như đốt.*

**Câu 4**: Đoạn trích trên có tác dụng gợi tả, gợi cảm:

* Gợi tả khúc ruột miền Trung với vẻ đẹp nồng nã của nắng lửa; vẻ đjep ngọt ngào lắng sâu trong điệu hò câu ví của quê hương.
* Gợi cảm xúc yêu thương, tự hào dành cho mảnh đất quê hương kiên cường, nghĩa tình đậm sâu.

**Câu 5**:

* Biện pháp tu từ nổi bật: điệp ngữ, liệt kê, so sánh.

**Câu 6**:

- Về hình thức: đoạn văn.

- Về nội dung: bày tỏ niềm xúc động trước tình cảm chân thật của người con xa quê đã lâu nay mới trở về. Cảm nhận được nỗi nhớ quê; cảm xúc xót xa, nghẹn ngào, thương cảm cho những đắng cay, vất vả, nghiệt ngã mà thiên nhiên đổ xuống mảnh đất miền Trung nhọc nhằn, lam lũ; niềm kiêu hãnh, tự hào về một miền quê kiên cường, vững vàng qua bao thử thách.

**PHIẾU SỐ 4**: **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Chẳng thế nào nói hết nỗi lòng của mình với quê hương, dẫn trong tim bao giờ cũng tràn đầy lưu luyến, với cát trắng, gió Lào, bão lũ triền miên…nhưng bất cứ lúc nào miền Trung cũng đẹp và đáng yêu vô cùng. Miền Trung đấy! Có lúc là một vòm trời xanh ngút đến vô tận, hay những trận bão nhanh như tia chớp ập về, trắng xoá những cánh đồng ngập nước, lơ thơ những ngôi làng thoi thóp bên sông, hay mùa nắng với gió thổi như tạt lửa suốt ngày đêm. Dữ dằn đến thế, khôn khó hay đến vậy mà vẫn long lanh đáy mắt tình người. Miền Trung cỗi cằn. Miền Trung nắng lửa. Miền Trung mưa dầm. Miền Trung bão lũ… Hình như các nhà thơ khi làm thơ về dải đất mảnh mai giống như “chiếc đòn gánh gánh hai đầu đất nước” đều phản ánh khá đậm nét về sự khác biệt này. Miền Trung khốn khó mà năm nào cũng phải gánh chịu biết bao thiên tai.*

[...] *Tôi xa miền Trung đã bao năm không nhớ rõ, những mùa nắng nung gió, con sông quê cong mình khát nước, bờ ruộng nhà nứt nẻ những chân trâu, cha vẫn lam lũ với ruộng cày giữa đồng trưa nắng cháy, ngước mặt lên nhìn trời mà thèm một bóng mấy nhỏ thôi…mùa bão lũ đi qua, lại mùa nắng lửa về, miền Trung quê nhà chẳng biết vụ mùa được mất ra sao, còn vất vả đến bao lâu nữa những con người trên mảnh đất cằn cỗi lắm thiên tai…*

**Câu 1**: Chỉ ra các yếu tố miêu tả trong đoạn trích trên.

**Câu 2**: Tìm những câu văn gợi tả hình ảnh của người cha nghèo nơi quê hương trong mùa nắng lửa.

**Câu 3**: Nêu công dụng của biện pháp điệp ngữ trong đoạn văn sau:

*Miền Trung cỗi cằn. Miền Trung nắng lửa. Miền Trung mưa dầm. Miền Trung bão lũ…*

**Câu 4**: Nội dung của đoạn trích trên là gì?

**Câu 5**: Qua hai đoạn trích vừa đọc, em hiểu biết gì về nét đặc trưng của miền Trung.

**Câu 6** : Từ đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) có tựa đề “Quê hương trong tôi”.  
  
**GỢI Ý ĐÁP ÁN**:

**Câu 1**: Các yếu tố miêu tả trong đoạn trích:

*-Có lúc là một vòm trời xanh ngút đến vô tận, hay những trận bão nhanh như tia chớp ập về, trắng xoá những cánh đồng ngập nước, lơ thơ những ngôi làng thoi thóp bên sông, hay mùa nắng với gió thổi như tạt lửa suốt ngày đêm.*

**Câu 2**: Những câu văn gợi tả hình ảnh của người cha nghèo nơi quê hương trong mùa nắng lửa:

-… *cha vẫn lam lũ với ruộng cày giữa đồng trưa nắng cháy, ngước mặt lên nhìn trời mà thèm một bóng mấy nhỏ thôi.*

**Câu 3**: Công dụng của biện pháp điệp ngữ trong đoạn văn:

* Tạo nhịp điệu nhẹ nhàng, sâu lắng, da diết cho đoạn văn.
* Nhấn mạnh những khó nhọc, lam lũ, vất vả mà miền Trung phải trải qua.
* Nhấn mạnh cảm xúc xót xa, nghẹn ngào, thương cảm cho những đắng cay, vất vả, nghiệt ngã mà thiên nhiên đổ xuống mảnh đất miền Trung nhọc nhằn, lam lũ. Đó còn là niềm kiêu hãnh, tự hào về một miền quê kiên cường, vững vàng qua bao thử thách.

**Câu 4**: Nội dung đoạn trích:

* Gợi tả vẻ đẹp miền Trung: kiên cường vượt qua thiên tai thời tiết khắc nghiệt.
* Đều gợi tả tình yêu : niềm xót xa, nghẹn ngào, thương cảm cho những đắng cay, vất vả, nghiệt ngã mà thiên nhiên đổ xuống mảnh đất miền Trung nhọc nhằn, lam lũ; niềm kiêu hãnh, tự hào về một miền quê kiên cường, vững vàng qua bao thử thách.

**Câu 5**: Nét đặc trưng của miền Trung:

* Miền quê oằn lưng chống lại thiên tai, thời tiết khắc nghiệt: mưa bão, nắng lửa. Đặc biệt, trong nắng lửa, mảnh đất miền Trung đẹp kiên cường.
* Cảm nhận người miền Trung lam lũ, chịu thương chịu khó vượt qua, mọi khó khăn bằng tình nghĩa thuỷ chung với quê hương.

**Câu 6**:

\*Yêu cầu về hình thức: đoạn văn (có đầy đủ ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn); biết kết hợp các phương thức biểu đạt hoặc thao tác lập luận trong bài văn; đảm bảo liên kết câu, liên kết đoạn; diễn đạt mạch lạc, sáng rõ.

\*Yêu cầu về nội dung:

* Học sinh có thể lựa chọn chủ đề mà mình yêu thích để viết như:
* Cảnh sắc quê hương.
* Vẻ đẹp con người quê hương.
* Một nét phong tục tập quán của vùng quê.

Học sinh triển khai bài viết theo trình tự ý: Nét đẹp gì của quê hương? Nét đẹp ấy có gì đặc sắc (không gian, thời gian, cấu trúc, đặc tính/đặc điểm…)? Ý nghĩa của nét đẹp quê hương là gì?

**PHIẾU SỐ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

Làng Vân1 bị vây bọc quanh bởi nhiều con sông; và tôi nghĩ rằng đấy là một

thế đất cần thiết cho sự giữ bí quyết, bởi vì cho đến nay, chưa ai bắt chước được rượu làng Vân cả. Một đoàn những cụ già y phục dáng lễ hội đứng chờ chúng tôi, vẽ thành một hàng dài vui mắt ngay trên nền chiếu hoa trải thành hai hàng trên thềm nhà; trên đó bày đủ các thức ăn để nguội chừng đã lâu do chúng tôi đến trễ. Chúng tôi rủ nhau ngồi xuống chiếu trước những chai rượu Vân trong suốt. Một người nhà bưng ra những chiếc mâm đồng vàng ánh như còn mới, trên đó có chạm hoa văn nhỏ bằng đầu kim găm, lấm chấm phủ kín cả mặt đồng. Mỗi mâm có một cụ già bê từng món thức ăn đặt lên mâm đồng và hạ thấp ngọn măng sông2 xuống (bây giờ, tôi mới để ý căn nhà được thắp sáng bằng đèn măng sông). Bóng tối trở nên đậm đặc hơn, và tôi không biết chủ nhà đang bày ra trò vui nào đây. Cụ già quay lại lấy một chai rượu Vân chừng một lít đổ đầy mặt đồng và châm lửa, hoá ra đó là một cách hâm thức ăn. Phực một tiếng, ánh lửa bốc thành ngọn đồng loạt trên những chiếc mâm đồng; ngọn lửa len lỏi qua những bát thức ăn vẽ thành những lượn sóng màu xanh biếc trên mặt thực khách.

Đã lâu rồi nhưng tôi không thể nào quên bữa tiệc hôm ấy ở làng Vân, với những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối, trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai3 nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại. [...] Và trong không gian đó, tôi nghe lan toả một giai điệu quan họ4, và “người ở đừng về”5 đã nói với tôi một điều gì đó, giống như một điều nguồn cội thuộc văn hoá dân tộc.

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, Rượu làng Vân, in trong Miễn gái đẹp, NXB Thuận Hoá, Thừa Thiên - Huế, 2001, tr. 28 - 30)

Làng Vân: ngôi làng thuộc xứ Kinh Bắc xưa (nay thuộc tỉnh Bắc Giang), nổi tiếng với nghề nấu rượu.

Măng sông: loại đèn thắp bằng xăng hoặc dầu hoả,... có thể treo lên cao.

Bán khai: đã qua trạng thái dã man nhưng chưa tới trình độ văn minh.

Quan họ: dân ca trữ tình vùng Bắc Ninh, Bắc Giang.

“Người ở đừng vẽ”: tên một làn điệu quan họ.

**Câu 1**: Nét sinh hoạt nào của cư dân làng Vân được nói tới trong đoạn trích?

**Câu 2**: Nêu những chi tiết miêu tả nét văn hoá độc đáo của làng Vân trong đoạn trích.

**Câu 3**: Khung cảnh bữa tiệc đón khách ở làng Vân được miêu tả như thế nào?

**Câu 4**: Việc các bậc cao niên trong làng tiếp khách thể hiện đặc điểm gì của người dân nơi đây?

**Câu 5**: Đọc đoạn trích, em cảm nhận được gì về thái độ ứng xử với văn hoá vùng miền của tác giả?

**Câu 6:** Rượu làng Vân là loại rượu quê khá nổi tiếng. Có nhiều làng quê trên đất nước Việt Nam là những làng nghề chuyên sản xuất những sản phẩm truyền thống. Kể tên và chia sẻ nét văn hoá độc đáo của những làng nghề mà em biết.

**Câu 7**: Xác định các biện pháp tu từ được dùng trong câu văn dưới đây và nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó:

Đã lâu rồi nhưng tôi không thể nào quên bữa tiệc hôm ấy ở làng Vân, với những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối; trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại.

**Câu 8**: Từ đoạn trích Rượu làng Vân, em hãy viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) trình bày suy nghĩ của em về văn hoá ẩm thực của người Việt Nam.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Đoạn trích chủ yếu miêu tả một buổi tiếp khách của cư dân làng Vân. Ở vùng Kinh Bắc xưa, đón khách, tiếp khách thể hiện phong tục của làng xã. Chính vì vậy, qua việc tiếp khách, ta có thể nhận ra những phong tục độc đáo, sự hiếu khách của người dân địa phương.

**Câu 2**: Em hãy tìm những chi tiết miêu tả nét văn hoá em cho là độc đáo của làng Vân. Ví dụ: trang phục tiếp khách, cách hâm nóng thức ăn, hát quan họ,...

**Câu 3**: Đoạn trích miêu tả một khung cảnh rất đặc biệt. Có một số yếu tố tạo dựng khung cảnh, nhưng yếu tố ánh sáng được chú trọng, kèm theo đó là âm thanh. Ánh sáng đèn được giảm tối đa để bừng lên ánh sáng của các mâm rượu. Ánh sáng nhảy múa trên gương mặt thực khách. Trong không gian đó, vẳng lên tiếng hát quan họ. Ngoài ra còn có những chai rượu Vân, những chiếc mâm đồng và hoạt động của con người.

**Câu 4**: Ở vùng nông thôn Bắc Bộ, nhất là vùng Kinh Bắc xưa, các bậc cao niên được tôn kính, những hoạt động lễ nghi trang trọng đều do các cụ thực hiện. Tiếp khách quý cũng được coi là một nghi lễ. Do vậy, trong văn bản này, ta thấy các cụ trong làng là người đón khách, tiếp khách với trang phục lễ nghi, tiến hành việc điều phối ánh sáng, đốt lửa,... Điều này thể hiện một tục lệ đẹp của người dân địa phương.

**Câu 5**: Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường là người vùng khác, đến làm khách ở làng Vân. Ông biểu lộ sự háo hức, thích thú trước những nét văn hoá của vùng này. Thái độ tôn trọng, đề cao những nét văn hoá đó thể hiện cái nhìn rộng mở của nhà văn: biết trân trọng sự khác biệt, yêu thích những nét văn hoá truyền thống độc đáo của các vùng miền.

**Câu 6**: Trên đất nước Việt Nam có hàng nghìn làng nghề truyền thống. Làng nghề là làng chuyên về một nghề, phần lớn là nghề thủ công (làm tranh dân gian, làm đồ gỗ, làm nón, làm tò he, thêu, làm tương, làm gốm,...). Làng Vân có nghề nấu rượu từ sắn, gạo. Em hãy tìm hiểu thêm trên in-tơ-nét, sách báo, tài liệu hoặc quan sát ở địa phương để kể về những làng nghề như thế.

**Câu 7**: Biện pháp tu từ được dùng ở câu văn này là nhân hoá và so sánh.

+ Nhân hóa: những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối.

+ So sánh: trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại.

→ tác dụng: tạo ra tính gợi hình, gợi cảm cho câu văn.

**Câu 8**: **Đoạn văn tham khảo:**

Theo xu thế hội nhập phát triển của một dân tộc giữa cộng đồng quốc tế hiện nay, vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một vấn đề mang tính thời sự nóng bỏng. Phải biết vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại vừa biết kế thừa, không đánh mất đi các giá trị văn hóa ẩm thực đậm đà bản sắc Việt của dân tộc ta. Ẩm thực truyền thống Việt Nam nằm trong nguyên lý “lấy tự nhiên làm gốc, vừa ngon vừa lành” với những đặc trưng như: có nền văn minh lúa nước nên các món ăn thường được chế biến từ gạo, nước chấm là nước mắm hoặc tương bần, món chính kết hợp cùng nhiều món phụ như chả giò ăn cùng rau…Tuy nhiên, hiện nay, văn hóa ẩm thực Việt trở nên lai tạp, hỗn độn, nhiều tinh hoa ẩm thực bị biến dạng. Sự xuất hiện của các loại thức ăn nhanh, đồ ăn vặt hàng quán… tác động tiêu cực đến bản sắc ẩm thực truyền thống. Thói quen ăn cơm hộp, đồ ăn chế biến sẵn khá phổ biến trong cuộc sống hiện đại ngày nay. Các bữa cơm gia đình ngày càng thưa thớt…Chúng ta cần phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ẩm thực Việt ngay từ hôm nay. Sưu tầm, lập nên hệ thống kiến thức về ẩm thực Việt (món ăn đặc trưng, mẹo nấu ăn dân gian ngon…), nghiên cứu tinh túy văn hóa ẩm thực truyền thống… Bên cạnh đó, các chuyên gia văn hóa ẩm thực cùng hợp tác với các Trường dạy nấu ăn, các doanh nghiệp thực phẩm… để kế thừa phát huy hội nhập bản sắc văn hóa ẩm thực Việt một cách toàn diện nhất.

**PHIẾU SỐ 6**: **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**ĐỒNG DAO MỘT THUỞ**

**(Tạ Duy Anh)**

(1)Có lẽ từ khi còn bé lắm tôi đã u ơ hát những câu đồng dao:

Dung dăng dung dẻ - Dắt trẻ đi chơi … Ngồi xệp xuống đây.

Chẳng ai dạy tôi cả. Hình như với những đứa trẻ khác cũng thế. Đứa nào cũng thuộc, chỉ do xem và (khi lớn hơn một chút) cùng chơi trò với nhau. Ngày ấy không có chuyện một đứa trẻ nào đó đóng cửa chơi một mình trong phòng. Đông thì hàng chục đứa. Ít nhất là một cặp. Lớp tuổi nào tự động tìm đến lớp tuổi ấy. Đang tập nói thì đố nhau đếm sao. Một ông sao sáng/ hai ông sáng sao/ ba ông sao sáng… Lũ chíp hôi tụ lại chơi nu na nu nống hoặc chu chi. Một đứa cầm cái, mắt liến láu nhìn, miệng lem lém đọc.

Chi chi chành chành… Ba Vương tập đế

Nội dung này không cố định, mà tùy biến theo ý thích của người hát, hoặc đôi khi chỉ là vì kiêng tên húy, tên bố mẹ. Chẳng hạn nếu tên Thành hoàng là Cương, thì câu Con ngựa đứt cương biến thành Con ngựa chết trương. Nhưng chả ai bắt bẻ ai. Đứa này hát xong đến lượt đứa khác, đứa khác nữa, quay vòng cho đến khi sang trò mới. Bọn lớn hơn cũng bày nhiều trò hơn. Hết đánh chắt (thường là lũ con gái) sang thi đối đáp. [...] Cứ thế bài hát nối dài. Đến chỗ nào bí vần thì thôi. Chẳng ai thắng, chẳng ai thua. Quan trọng là tụ tập và sau mỗi trò lại cười như nắc nẻ, hò hét có khi ầm ĩ cả làng.Thú nhất là những trò chơi dưới trăng. Cả lớn lẫn bé, (có đứa mới lẫm chẫm bước đi) cùng tham gia. Chẳng hạn trò rồng rắn lên mây. Đứa nọ túm áo đứa kia dài hàng nửa vòng sân. Rồi bỗng chẳng ai cầm trịch mà tất cả cùng ngửa cổ nhìn trăng đồng thanh gào:“Rồng rắn lên mây…Thầy thuốc có nhà hay không?...”

[...]Quanh đi quẩn lại trò chơi ngày bé của tụi tôi chỉ có thế. Sáng, trưa, chiều, tối, mưa dầm gió bấc, chăn trâu cắt cỏ hoặc những đêm trăng… đều có thể chơi. Đã chơi là không biết giờ giấc gì nữa. Ngày sau, đêm sau chơi lại vẫn ngần ấy trò, ngần ấy nội dung nhưng không thấy chán. Giờ đây nhớ lại có những trò thật ngớ ngẩn mà đứa nào cũng háo hức tham gia. Chẳng hạn mỗi khi có mưa rào, không đứa nào bảo đứa nào, tất cả đều ra trước mái hiên nhà mình, nơi hơi mưa mát lịm, cùng gân cổ gào:

Mưa to lên

Ướt ngàn cô tiên

Mưa làm nền, sấm chớp làm nhịp trống phách còn gió thì phụ họa để có thể gào cho tới khi mưa tạnh thì thôi. Vào những hôm ấy khắp làng trên xóm dưới vang lên tiếng trẻ con khiến cho một hiện tượng thiên nhiên thường nhật cũng trở nên vô cùng thiêng liêng.

(2)Và thật kỳ lạ, có một thứ nhịp điệu nào đó cứ gắn chặt vào ký ức tôi, chi phối ý nghĩ và hành động của tôi mà nếu thiếu nó, tôi tin rằng mình sống rất bập bõm. Nó có cả sự hiền hòa mát dịu của trăng, cái phóng dật phiêu du lãng mạn của gió, sự thâm trầm, chắc chắn của đất với niềm thôi thúc bay lên của sao. Trên tất cả là cảm giác chở che của bầu trời, lòng hào phóng nhân hậu của cây cối, trí khôn của ông bà. Tôi chẳng thể và chẳng muốn tách bạch rạch ròi từng thứ thấm vào tôi suốt từ thời thơ bé thông qua những trò chơi bí ẩn đến mức đơn giản ấy. Chỉ biết rằng cảm giác tâm hồn mình luôn được thổi căng lên niềm khát vọng là có thật. Chỉ biết rằng một cái gì đó hài hòa, bình an, mê đắm cứ bao bọc lấy tôi, hướng tôi về phía chân trời, cho tôi sự bền bỉ… là có thật.

(3) Tôi chẳng thể gọi rõ tên nó là cái gì. Nhưng nhờ nó mà tôi biết yêu thương con người, biết xót xa trước nỗi bất hạnh, biết cúi đầu trước vẻ đẹp. Nhờ nó mà giờ đây mỗi đêm trăng ký ức tôi lại sáng lên ánh sáng của giấc mơ, còn khi ngồi nghe mưa tôi thấy da diết âm hưởng một bản nhạc có thể làm dịu đi nỗi nhọc nhằn của công cuộc mưu sinh. Tôi hiểu rằng, không phải ai cũng có cơ hội biến trời đất thành tài sản của mình mặc dù ngày đó chúng tôi là những đứa trẻ nghèo, động một tí là nghêu ngao hát.

*(Nguồn : https://vanvn.vn/dong-dao-mot-thuo-tan-van-ta-duy-anh/)*

**Đọc văn bản trên và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**: Đọc kỹ văn bản và điền thông tin vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đoạn văn** | **Nội dung chính** |
| 1 | Mở đầu đến “vô cùng thiêng liêng” |  |
| 2 | “Và thật kì lạ…” đến “…là có thật” |  |
| 3 | “Tôi chẳng thể gọi…” đến hết. |  |

**Câu 2:** Thực hiện theo bảng sau đây:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tượng (cảnh thực)** | **Trong cảm nhận của tác giả (tôi)** |
| Các trò chơi đồng dao |  |
| Hình thức chơi |  |
| Khi có mưa |  |
| Khi có sấm chớp |  |

**Câu 3**: Thực hiện theo bảng sau đây để xác định đặc điểm hình thức của tản văn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đặc điểm** | **Biểu hiện trong văn bản** |
| 1 | Đề tài |  |
| 2 | Phương thức biểu đạt |  |
| 3 | Chất trữ tình |  |
| 4 | Cái “tôi” trữ tình |  |
| 5 | Tiểu loại |  |

**Câu 4**: Thông qua việc bày tỏ tư tưởng, tình cảm của mình về một trò chơi dân gian, tác giả đã đề cập đến vấn đề gì trong cuộc sống hôm nay?

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đoạn văn** | **Nội dung chính** |
| 1 | Mở đầu đến “vô cùng thiêng liêng” | Kỷ niệm chơi trò chơi đồng dao |
| 2 | “Và thật kì lạ…” đến “…là có thật” | Cảm nhận về nhịp điệu của đồng dao |
| 3 | “Tôi chẳng thể gọi…” đến hết. | Suy ngẫm, cảm xúc của tác giả về ảnh hưởng của đồng dao |

**Câu 2**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tượng (cảnh thực)** | **Trong cảm nhận của tác giả (tôi)** |
| Các trò chơi đồng dao | Đa dạng, phong phú theo lứa tuổi |
| Hình thức chơi | Linh hoạt, sáng tạo. |
| Khi có mưa | Thích thú nhất, cả lớn lẫn bé cũng tham gia |
| Khi có sấm chớp | Không ai bảo ai, tự ra mái hiên, cùng gân cổ gào. |

**Câu 3**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đặc điểm** | **Biểu hiện trong văn bản** |
| 1 | Đề tài | Tuổi thơ/trò chơi dân gian |
| 2 | Phương thức biểu đạt | Tự sự, trữ tình |
| 3 | Chất trữ tình | Tình cảm đối với trò chơi tuổi thơ |
| 4 | Cái “tôi” trữ tình | Con người gắn bó với quê hương, luôn nhớ về kí ức tuổi thơ vui tươi, hồn nhiên |
| 5 | Tiểu loại | Tản văn |

**Câu 4**: Trẻ em được chơi trò chơi truyền thống, được gặp gỡ trực tiếp, gắn bó với thein nhiên sẽ phát triển ngôn ngữ, khả năng vận động và nhạy cảm với âm nhạc; Cần trân trọng, gìn giữ và phát huy vốn bản sắc văn hoá truyền thống.

**PHIẾU SỐ 7**: **Đọc văn bản *Đồng dao một thuở* và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**: Đọc đoạn văn (1) và điền bảng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Những sự việc đáng nhớ khi tổ chức trò chơi đồng dao** | **Tâm trạng/cảm xúc, suy nghĩ của “tôi”** |
| Đọc lời hát |  |
| Thi đối đáp |  |
| Trò chơi dưới trăng |  |
| Trò chơi khi mưa rào |  |
| Vì sao tác giả nhớ mãi chơi trò đồng dao |  |

**Câu 2**: Thực hiện theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương thức biểu đạt** | **Dẫn chững (câu văn/tóm tắt) trong văn bản** | **Cách viết/ cách thể hiện của tác giả** |
| Tự sự |  |  |
| Biểu cảm |  |  |
|  |  |
|  |  |

**Câu 3**: Vì sao tác giả lại cho rằng, nhờ nhịp điệu trong ký ức về đồng dao mà “tôi biết yêu thương con người, biết xót xa trước nỗi bất hạnh, biết cúi đầu trước vẻ đẹp”?

**Câu 4**: Em có thích trò chơi dân gian không? Em có đồng ý với nhận định “chơi trò chơi dân gian là góp phần lưu giữ giá trị dân tộc không”?

**Câu 5**: Từ văn bản *Đồng dao một thuở,* em hãy viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) nêu cảm nghĩ của em về một trò chơi dân gian mà em biết.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Những sự việc đáng nhớ khi tổ chức trò chơi đồng dao** | **Tâm trạng/cảm xúc, suy nghĩ của “tôi”** |
| Đọc lời hát | Từ kh còn bé đã u ơ hát, chẳng ai dạy. |
| Thi đối đáp | Cười nắc nẻ, hò hét ầm ĩ…khôngt hấy chán |
| Trò chơi dưới trăng | Thích thú nhất |
| Trò chơi khi mưa rào | Ai cũng háo hức tham gia |
| Vì sao tác giả nhớ mãi chơi trò đồng dao | Đó là miền kí ức hồn nhiên. Trong trẻo, thân tình gắn bó với bạn bè, với thiên nhiên, quê hương in đậm trong kí ức không thể xoá nhoà. |

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương thức biểu đạt** | **Dẫn chững (câu văn/tóm tắt) trong văn bản** | **Cách viết/ cách thể hiện của tác giả** |
| Tự sự | Đứa này hát xong đến đứa khác… đứa nọ | Trần thuật, liệt kê |
| Biểu cảm | Nó có sự hiền hoà…phiêu du…thầm trầm | Câu mở rộng thành phần, điệp cú pháp |
| Chỉ biết rằng cảm giác tâm hồn… chỉ biết rằng một cái gì đó hài hoà… | Điệp cấu trúc |
| Thú nhất…Đã chơi là không bao giờ biết gì nữa… | Bộc lộ cảm xúc trực tiếp |

**Câu 3**: Vì những nhịp điệu trò chơi ký ức đều gắn liền với khung cảnh bình dị của thiên nhiên, làng quê, nhận được sự sẻ chia, tiếp sức từ bạn bè… khiến tác giả yêu người, quê hương… biết quý trọng những giá trị cuộc sống.

**Câu 4**: HS chủ động thể hiện sở thích và chính kiến cá nhân, cần phù hợp văn hoá của dân tộc.

**Câu 5:**

**Đoạn văn tham khảo:**

Thả diều là một trò chơi rất quen thuộc đối với tuổi thơ của mỗi người con sinh ra từ quê hương tôi. Cả tôi cũng không ngoại lệ, vì nó luôn đem lại cho tôi những kỉ niệm đẹp và khó quên. Tôi biết đến diều sáo từ khi còn bé, lúc đó tôi chỉ thích nằm chơi linh tinh và cảm thấy chán ngắt khi ở nhà một mình. Nhưng từ khi tôi thấy lũ trẻ trong xóm cứ kéo nhau ra đồng chơi mỗi khi gió nổi, tôi bắt đầu thấy tò mò và kéo theo. Thật ra chơi thả diều cũng rất đơn giản, mang lại nhiều niềm vui, bất ngờ và hứng khởi cho mọi người. Chỉ cần chờ khi gió lớn thổi qua, tung diều lên là nó có thể bay cao. Nhưng những người thiếu kiên nhẫn không nên chơi trò này, vì phải tung lên rất nhiều lần thì diều mới có thể bay. Trò chơi thả diều như một nét văn hóa của nông thôn, những đứa trẻ lớn lên đều ít nhiều biết đến trò chơi thú vị, đơn giản này. Sẽ thật buồn nếu những đứa trẻ nông thôn nào không được trải qua những giây phút thoải mái, êm đềm, thư giãn và đầy hồi hộp như trò chơi này.Trò chơi thả diều cứ thế ăn sâu vào tiềm thức của rất nhiều đứa trẻ nông thôn, theo chúng lớn lên, theo chúng đến những mảnh đất xa xôi. Khi tìm về tuổi thơ, bất chợt thấy mình trưởng thành, trò chơi ấy đang dần dần mất đi. Bất giác giật mình và buồn rười rượi…

**PHIẾU SỐ 8**: **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**CÕI LÁ**

**Đỗ Phấn**

Bẽ bàng mùa xuân đến muộn. Khi cái nắng đã chao chát trên những lộc non báo hiệu mùa hè, chẳng hiểu vì sao lòng người bỗng rộn ràng đến thế. Oà thức cùng với xôn xao lá cành.

Chín cây bồ đề trên đường Trần Nhân Tông làm thành một khoảng trời trong veo màu thạch lựu. Những chiếc lá non đu đưa trong gió tưởng như có tiếng chuông chùa huyền hoặc vọng về từ cõi thanh cao u tịch. Những đứa trẻ tan trường ríu rít dưới gốc cây như những thiên thần bước ra từ lá. Nhiều người Hà Nội chẳng có việc gì cũng vòng xe qua đoạn phố đông mà chật chội, mà hỗn hào đi đứng này chỉ để ngắm nhìn một chút sắc lá ngọt ngào như mật chảy tháng Giêng.

Nhìn chung thì vòng đời của một chiếc lá bồ đề dù được mọc ra từ Hà Nội hay ở nơi Phật tổ Thích Ca Mầu Ni thuyết pháp cũng chỉ kéo dài không đến một năm. Có rất nhiều loài cây trong phố có một vòng đời như vậy. Và hình như đó cũng là một đặc trưng của cây Hà Nội. Làm nên mùa lá rụng kéo dài suốt từ thu sang đông. Nó làm cho người đi xa nhớ về và người Hà Nội thì thao thiết đợi chờ những khoảnh khắc nghỉ ngơi thần trí trong cái biển người chộn rộn áo cơm này.

Cô em gái của tôi sống xa Tổ quốc đã hai chục năm có lẻ. Mỗi lần gọi điện về nó lại hỏi con đường ven Hồ Gươm mùa này lá đã rụng? Lạ thế! Mùa nào cũng hỏi như vậy. Làm cho người ở nhà thấy thương. Cứ trả lời bừa rằng đang ngổn ngang vàng rượi sắc lá ven hồ. Lá của những cây sấu cổ thụ ở phía đường Đinh Tiên Hoàng. Lá bằng lăng, lá bàng đỏ chói trên đường Lê Thái Tổ. Thực ra thì chưa bao giờ những loại lá ấy rụng cùng một lúc với nhau. Cây cơm nguội vàng và cây bàng lá đỏ…nhiều khi rụng lá cách nhau cả đến…một mùa thu.

Những tưởng vô duyên đến như cây xà cừ là cùng. Cứ như người đàn bà phổng phao nhạt hoét. Chỉ được mỗi ưu điểm về kích thước. Và cũng lại là nhược điểm. Mùa mưa bão rất mất công cắt tỉa bớt cành phòng khi bị đổ. Nhưng không hẳn thế. Thân hình cường tráng và lá cành rậm rạp đến thế của cây lại vô cùng yếu mềm trước một heo may đến sớm. Ngập cả lối đi những lá xanh chen lẫn lá vàng làm nên một mùa thu quyến rũ từng bước chân người.

Đã có người áy náy thốt lên rằng cây Hà Nội không được con người ưu ái lắm. Bằng chứng là những thân cây u sần mấu cục đầy thương tích do con người gây nên? Những sẽ thật là kì khôi nếu như những gỗ sấu già Hà Nội lại nhẵn nhụi như những cây chò chỉ trên đường Hùng Vương? Hơn ba mươi năm vẫn khẳng khiu thẳng tắp như sợi chỉ. Và lá rụng không theo mùa. Từng chiếc to tướng như cái quạt nan hồi hộp nằm chiếm chỗ trên mặt đất làm người ta nhầm lẫn về kích thước một con đường lớn. Đó là loài cây của đại ngàn. Không phục tùng ý chí con người.

Miên man trong cõi lá mùa xuân thành phố, gương mặt ai ai cũng như có phần trẻ lại. Hay tự nhận rằng mình như thế?

(In trong *Hà Nội trong mắt một người*, NXB Trẻ, 2018)

**Câu 1**: Nội dung chính của văn bản là gì? Nhan đề “Cõi lá” gợi cho em suy nghĩ gì về cảm nhận của tác giả?

**Câu 2**: Trong văn bản, nét đặc trưng của cây lá ở Hà Nội được tác giả miêu tả là gì?

**Câu 3**: Em hiểu như thế nào về tình cảm, cảm xúc của tác giả văn bản khi miêu tả cõi lá?

**Câu 4**: Theo em, vì sao tác giả lại cảm nhận “Miên man trong cõi lá mùa xuân thành phố, gương mặt ai ai cũng như có phần trẻ lại”?

**Câu 5**: Nhận xét về ngôn ngữ của tác giả qua văn bản.

**Câu 6:** Đọc văn bản, em có thể rút ra thông điệp hoặc trải nghiệm gì cho bản thân?

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Như tên của văn bản, nội dung chính của bài tản văn là những cảm nhận của tác giả về vẻ đẹp của cảnh sắc cây lá trên những con đường Hà Nội.

Với nhan đề “Cõi lá”, tác giả đem đến cho người đọc nhiều cảm nhận và suy ngẫm về một không gian riêng, vòng đời riêng của cây lá với sự sống, vẻ đẹp, những dấu ấn của cảnh sắc mà lá cây mang lại cho con người.

**Câu 2**: Trong văn bản, tác giả đã cảm nhận và miêu tả vòng đời của cây lá ở Hà Nội, tạo nên những nét đặc trưng của cây lá ở thành phố này. Vòng đời của lá cây bồ đề trên đường Trần Nhân Tông, lá của những cây sấu cổ thụ ở phía đường Đinh Tiên Hoàng, lá bằng lăng, lá bàng đỏ chói trên đường Lê Thái Tổ, lá cây xà cừ,…lá cây khi còn ở trên cành và lá cây khi rụng xuống. Mỗi sắc lá, khi trên cành hoặc khi rụng xuống lại đem đến một vẻ đẹp riêng, một nỗi niềm riêng đối với người dân Hà Nội.

**Câu 3**: Đọc bài tản văn, có thể nhận thấy tác giả đã gửi vào nhiều tình cảm, cảm xúc khi miêu tả cõi lá. Ngay từ câu mở đầu đã thể hiện tâm trạng tác giả. Tái hiện hình ảnh cây lá Hà Nội, tác giả đã gửi vào một tình yêu tha thiết khi đắm mình trong cõi lá xôn xao, qua đó tái hiện một Hà Nội với vẻ đẹp riêng của đất và người ngàn.

**Câu 4**: Câu văn “Miên man trong cõi lá mùa xuân thành phố, gương mặt ai ai cũng như có phần trẻ lại” là sự cảm nhận tinh tết của tác giả về sự gắn kết giữa hình ảnh thiên nhiên và con người Hà Nội khi vào xuân. Cây lá mùa xuân với sức sống thanh xuân như lan toả sang cả con người, những người Hà Nội thanh lịch cũng đang đắm mình cùng không khí và cảnh sắc mùa xuân. Khoảnh khắc được đắm mình trong cõi lá cũng là “những khoảnh khắc nghỉ ngơi thần trí trong cái biển người chộn rộn áo cơm này”, đem đến sự thư thái của tâm hồn và hiện hữu trên gương mặt mỗi người.

**Câu 5**: Tản văn của Đỗ Phấn nói chung và bài Cõi lá nói riêng có những nét riêng về con người và giọng điệu. Tác giả viết về Hà Nội với những hình ảnh bình dị, đời thường mà hằng ngày ta đều bắt gặp và quan sát, nhưng đó là nét phác hoạ nhanh về đời sống thực một cách chi tiết, gần gũi, không tô vẽ, nhưng vẫn đầy chất thơ. Chẳng hạn đoạn văn “Chín cây bồ đề…chảy mật tháng giêng” đọc lên như một bài thơ, chất thơ thấm đượm trong từng câu chữ, hình ảnh, nhịp điệu, thể hiện những cảm xúc trong trẻo của một tâm hồn yêu Hà Nội, đang đắm chìm trong những phút giây thanh thản để cảm nhận hết vẻ đẹp của thiên nhiên Hà Nội.

**Câu 6**: Mỗi người khi đọc văn bản có thể rút ra thông điệp hoặc trải nghiệm cho bản thân, chẳng hạn:

* Sắc lá rụng Hà Nội trong trái tim những người xa xứ.
* Cõi lá và những giây phút tĩnh lặng cần thiết trong cuộc sống.
* Yêu Hà Nội từ một sắc lá rơi.
* Cây lá Hà Nội mỗi mùa với một vẻ đẹp và sức quyến rũ riêng.
* **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**
* Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Vb3: *Hội lồng tồng*.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN**

**HỘI LỒNG TỒNG**

(Trần Quốc Vượng-Lê Văn Hảo-Dương Tất Từ)

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về VB. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Tác giả:** Trần Quốc Vượng-Lê Văn Hảo-Dương Tất Từ.  **2. Khái quát lại kiến thức văn bản**  **\*Xuất xứ:** rút trong tập “*Mùa xuân và phong tục Việt Nam*”.  **\*Kiểu văn bản:** Thông tin  **\*Phương thức biểu đạt:** Thuyết minh.  **\*Nội dung chính:** Những nét đặc sắc trong hội lồng tồng vùng Việt Bắc.  **\*Giới thiệu tóm tắt về hội lồng tồng**  - Thời gian tổ chức; địa điểm tổ chức; vùng miền có lễ hội; phần cúng tế – lễ; phần vui chơi – hội.  **\*Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng**  **- Những hoạt động:** Trò chơi ném còn; múa sư tử; lượn lồng tồng:  + Biểu thị những phẩm chất và khả năng của con người: Nhanh nhẹn, khéo léo, giỏi đánh võ, đi quyền, thuộc nhiều tác phẩm dân gian, ứng đối giỏi, hát hay, duyên dáng, giàu tình cảm, có tâm hồn phong phú…  **+** Người dân gửi gắm mong ước:Mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, bội thu, chăn nuôi thuận lợi, đời sống no đủ; **c**uộc sống vui tươi, lành mạnh, may mắn; con người có sức khoẻ, có tâm hồn bay bổng, phong phú; **c**ó được sức mạnh thể chất và tinh thần để đánh đuổi kẻ thù.  **\*Thái độ đánh giá của người viết**  - Đồng cảm, ngợi ca, đề cao vẻ đẹp của hát lượn, một sinh hoạt văn hoá dân gian phổ biến của đồng bào Tày, Nùng trong mùa xuân.  **\*Một số nét đặc sắc nghệ thuật:**  **-** Sử dụng phương thức thuyết minh, bày tỏ thái độ đánh giá của người viết về vấn đề được nói tới thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, nhất là tính từ.  - Miêu tả chi tiết, cụ thể từng hoạt động trong hội lồng tồng.  - Thể hiện kiến thức xã hội sâu sắc  thể hiện qua ngôn ngữ thuyết minh của tác giả. |
| \*GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu VB..  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

1. **LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**PHIẾU SỐ 1:**

**Câu 1:** Hội lồng tồng được tổ chức vào thời gian nào?

1. Trước Tết Nguyên đán
2. Sau Tết Nguyên đán đến tết Thanh minh.
3. Sau tết Thanh minh
4. Vào ngày rằm tháng Giêng

**Câu 2:** Các sản vật cúng tết trong hội lồng tồng có đặc điểm gì?

1. Là các món ăn sơn hào, hải vị từ khắp miền đất nước.
2. Là các món ăn nhập ngoại, từ nhiều nước trên thế giới.
3. Là các món ăn từ sản phẩm của nhà nông, từ người dân.
4. Là các món ăn chay, từ các nhà chùa nấu đưa đến.

**Câu 3**: Vì sao múa sư tử lại được thanh niên yêu thích trong lễ hội lồng tồng.

1. Vì múa sư tử phù hợp với tinh thần thượng võ của thanh niên
2. Vì múa sư tử giúp thanh niên rèn luyện thân thể để khoẻ mạnh hơn.
3. Vì múa sư tử là trò chơi dân gian phổ biến ở tất cả các lễ hội.
4. Vì múa sử tử là trò chơi phù hợp với sở thích của thanh niên.

**Câu 4**: Những trò chơi nào hấp dẫn nhất trong hội lồng tồng?

1. Đánh vật, kéo co, thi bắn.
2. Tung con, múa sư tử, lượn lồng tồng.
3. Đua thuyền, biểu diễn võ dân tộc, đánh vật.
4. Kéo co, thi bắn, đua thuyền.

**Câu 5**: Lượn lồng tồng là gì?

1. Hát đối đáp giữa trai, gái của dân tộc Nùng.
2. Hát đôi đáp giữa trai, gái của dân tộc Tày.
3. Điệu múa lượn của trai, gái dân tộc Nùng.
4. Điệu múa lượn của trai, gái dân tộc Tày.

**PHIẾU SỐ 2:**

**Đọc kĩ lại văn bản *Hội lồng tồng*** **và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Văn bản “Hội lồng tồng” giới thiệu những trò chơi chính nào? Em ấn tượng nhất với trò chơi nào?

**Câu 2.** Nêu những phần chính trong hát lượn ở hội lồng tồng.

**Câu 3.** Hoạt động múa sư tử có ý nghĩa gì?

**Câu 4**: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau và nêu tác dụng:

*Mở bài khai khẩu ước chào xuân*

*Nghe tiếng nhà người đầy ái ân*

*Nghe tiếng nhà n gười đầy xuân sắc*

*Sĩ tử xin chào kết cố nhân*

**Câu 5**: Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì?

*a, Múa sư tử được đồng bào Tày – Nùng, nhất là thanh niên ưa thích vì nó phù hợp với tinh thần thượng võ của họ.*

*b,* Lễ hội lồng tồng – lễ hội đặc trưng của vùng Việt Bắc được các tác giả miêu tả rất chân thật.

*c,* Lan hỏi Hoa:

* *Hoa ơi, cậu thích hoạt động nào trong lễ hội lồng tồng?*

Hoa trả lời:

* *Tớ thích nhất là chơi trò ném còn trong lễ hội này*

**Câu 6.** Qua lễ hội lồng tồng, em hãy nêu cảm nhận của mình về giá trị của văn hoá truyền thống trong đời sống hiện nay.

**Câu 7**: Viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) về hoạt động em thích nhất trong văn bản *Hội lồng tồng.*

**Câu 8**: Viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) giới thiệu một lễ hội dân gian em đã từng được tham gia.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI TẬP**

**Câu 1.**

**-** Văn bản “Hội lồng tồng” đã giới thiệu những trò chơi chính: ném còn, múa sư tử, hát lượn.

- Tuỳ cảm nhận của bản thân, HS nêu trò chơi mà mình ấn tượng nhất.

**Câu 2.** Những phần chính trong hát lượn ở hội lồng tồng: lượn tuồng và lượn sương.

**Câu 3.** Ý nghĩa của hoạt động múa sư tử: thể hiện tinh thần thượng võ, rèn luyện thân thể, có sức khoẻ để lao động và chiến đấu bảo vệ quê hương.

**Câu 4**: Biện pháp tu từ điệp từ: *nghe tiếng*. Nhấn mạnh âm điệu rộn ràng của những câu hát lượn chào xuân trong hội lồng tồng.

**Câu 5**:

a, Tác dụng: nối các từ trong một liên danh: Tày – Nùng.

b, Đánh dấu ranh giới giữa bộ phận chú giải và các bộ phận khác.

c, Đánh dấu lời nói trực tiếp.

**Câu 6.** Cảm nhận của mình về giá trị của văn hoá truyền thống trong đời sống hiện nay. HS cần mở rộng liên hệ và suy nghĩ về giá trị thực tế như: Tôn vinh những phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân từ bao đời nay; giáo dục truyền thống yêu nước; bồi đắp tâm hồn tình cảm; trân trọng giữ gìn những nét đẹp văn hoá cổ truyền; quảng bá văn hoá và du lịch Việt Nam, phát triển kinh tế…

**Câu 7:** Yêu cầu:

- Nội dung đoạn văn: trình bày ý kiến của em về hoạt động em thích nhất trong văn bản *Hội lồng tồng*.

- Dàn ý:

\* Mở đoạn: Giới thiệu về hoạt động em thích nhất trong văn bản Hội lồng tồng ( có thể lựa chọn các hoạt động trong phần lễ,…các hoạt động trong phần hội: các trò chơi,…)

\* Thân đoạn:

- Nội dung của hoạt động:

- Ý nghĩa của hoạt động.

- Lí do em thích hoạt động này.

\* Kết đoạn: Suy nghĩ của em về hoạt động này.

**Câu 8**: Dàn ý:

* Mở đoạn: Giới thiệu về lễ hội dân gian em từng tham gia.
* Thân đoạn:
* Phần lễ
* Phần hội
* Các hoạt động chủ yếu trong lễ hội
* Ấn tượng đặc biệt về lễ hội.
* Kết đoạn: cảm xúc của em về lễ hội.

**B. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**PHIẾU SỐ 3:**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**THI THỔI XÔI NẤU CƠM**

*“Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đỉnh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa. Cuộc thi bắt đầu từ sáng tinh mơ ngày giáp tết. Hằng năm, dân làng phải tuyển 48 (trong số hàng trăm) trinh nữ cho đội đến Mã Cương. Sau tiếng trống lệnh, mỗi nữ sinh xuống một thuyền thúng (thúng trên đầm Giang Đỉnh, mang theo kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rơm ướt và bã mía tươi). Các cô chèo ra giữa đầm, chuẩn bị bếp, vo gạo để chờ lệnh bắt đầu cuộc thi. Sau tiếng trống lệnh mới được nhóm lửa, các cô thổi cơm hay đồ xôi trước tùy ý, miễn là xong sớm để chèo thuyền vào nộp cơm và xôi cho Ban giám khảo. Nếu xong trước, xôi vẫn phải ngon, dẻo thì mới được điểm cao.*

*Khó khăn với các cô là ở chỗ nhóm bếp, thổi lửa. Phải giữ sao cho thuyền khỏi chòng chành, bếp lửa hướng ra phía gió dễ tắt. Các bà mẹ đã dạy các cô cách thức nhóm lửa bằng mồi ướt, thổi lửa mỗi khi bếp tắt, cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió, giữ lửa cháy điều hòa, cách ước lượng thời gian. Các cô đốt những nén hương và trông theo những đoạn hương cháy để biết nồi cơm, chõ xôi đã vừa chín chưa.*

*Nếu gặp mưa phùn gió bấc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả, còn nếu như mưa nặng hạt thì các cô sẽ được đưa lên bãi Giang Đỉnh trổ tài dưới những mái tranh. Cuộc thi diễn ra suốt buổi sáng.”*

**Câu 1.** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào? Dựa vào đâu để nhận ra phương thức ấy?

**Câu 2.** Đây là trò chơi dân gian truyền thống hay trò chơi hiện đại? Câu văn nào cho biết điều ấy? Kể tên các đồ dùng, vật liệu mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm mang theo. Trong những thứ ấy, có thứ gì khác thường?

**Câu 3.** Những khó khăn mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm gặp phải là gì? Điều đó đòi hỏi ở các cô gái những đức tính nào?

**Câu 4.** Theo em làm cách nào để phục hồi một số trò chơi dân gian trong xã hội hiện đại?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1.**

- Phương thức: thuyết minh.

- Dấu hiệu nhận biết: văn bản giới thiệu đầy đủ về địa danh, thời gian, thành phần, nguyên vật liệu và các bước tiến hành một hội thi.

**Câu 2.**

- Đây là một trò chơi dân gian truyền thống.

- Câu văn cho biết điều đó: “*Ðây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Ðỉnh, Hoằng Hoá, Thanh Hoá”*.

- Những đồ dùng thi thổi xôi nấu cơm gồm: *kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rơm ướt và bã mía tươi.*

*-*Trong những thứ khác thường: rơm ướt, bã mía – nhiên liệu dùng để đun bếp.

**Câu 3.**

- Khó khăn trong trò chơi: một mình nổi lửa đun bếp trong một chiếc thuyền thúng chòng chành giữa đầm lộng gió, phải đun bếp bằng rơm ướt và bã mía là những thứ rất khó cháy.

- Đòi hỏi phải có đức tính: khéo léo, kiên trì, chịu khó.

**Câu 4.** HS nêu cách phục hồi một số trò chơi dân gian trong xã hội hiện đại như:

- Nghiên cứu kĩ các trò chơi dân gian;

- Tuyền truyền cho mọi người thấy được ý nghĩa của chúng;

- Đưa vào trong trường học, các dịp lễ, tết ở địa phương.

-….

**PHIẾU SỐ 4:**

**Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**“**Để chuẩn bị cho hội vật, khâu quan trọng đầu tiên là lựa chọn hai đô thực hiện keo vật thờ. Để được chọn là đô vật cho keo vật thờ. Đô vật phải là đô có tiếng trong vùng, được đông đảo công chúng ghi nhận về tài năng đấu vật. Ngoài ra, đô vật đó phải có đức độ, có bề dày thời gian cống hiến công lao cho phong trào vật trong vùng.

Mở đầu hội vật, hai đô vật thực hiện keo vật thờ được giới thiệu rất trang trọng về tên tuổi, địa chỉ, thành tích đã đạt được, những sở trường trong thi đấu... Khi tiếng trống chầu vang lên, hai đô vật “mình trần đóng khố, chân quỳ vai sánh, hai tay chắp sườn. Hiệu lệnh của trống tiếp tục điểm, hai đô đứng vươn thẳng, hai tay vẫn chắp sườn nghênh diện. Tiếng trống chầu điểm lần thứ ba, họ chắp tay, đồng thời khom lưng “bái tổ” theo thế ba bước tiến lên, ba bước lùi xuống. Tư thế “bái tổ tam cấp” này có ý nghĩa tâm linh sâu sắc, ấy là nghi lễ nhằm thông báo các bậc thần linh thiêng rằng làng mở hội vật, qua đó, truyền đạt ý nguyện của muôn dân trong vùng cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, trái cây bội thu, dân sinh cường tráng....

(*Theo* Phí Trường Giang*, dulichbacgiang.gov.vn*)

**Câu 1.** Đoạn văn bản giới thiệu thông tin nào?

**Câu 2.** Để được chọn là đô vật thực hiện keo vật thờ cần đảm bảo những tiêu chí nào?

**Câu 3.** Em có nhận xét gì về cách lựa chọn đô vật thực hiện keo vật thờ?

**Câu 4***.* Quan sát đoạn 2 đô vật thực hiện nghi lễ bái tổ, em hãy phát hiện tư thế bái tổ của 2 đô và ý nghĩa của tư thế này.

**Câu 5.** Theo em, việc tổ chức lễ hội “Đấu vật” trên đất Bắc Giang có ý nghĩa gì?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 2**

**Câu 1.** Đoạn văn bản giới thiệu thông tin về keo vật thờ**.**

**Câu 2.**

**-**  Tiêu chí lựa chọn đô vật thực hiện keo vật thờ:

+ phải là đô có tiếng trong vùng, được đông đảo công chúng ghi nhận về tài năng.

+ phải có đức độ, có bề dày thời gian cống hiến công lao cho phong trào vật trong vùng.

**Câu 3.** - Cách lựa chọn đô vật: cẩn thận, đảm bảo tiêu chí cả tài và đức. Trong đó, tập trung vào đức độ của cả 2 đô, qua đó thấy được quan điểm của người xưa: lấy đức làm trọng của người xưa.

**Câu 4***.*

*-* Tư thế bái tổ của 2 đô: chắp tay, đồng thời khom lưng “bái tổ” theo thế ba bước tiến lên, ba bước lùi xuống.

- Ý nghĩa:

+ Thông báo với các bậc thần về việc làng mở hội vật.

+ Cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, trái cây bội thu, dân sinh cường tráng; gắn liền với nghề nông.

**Câu 5.**

\*Ý nghĩa của lễ hội đấu vật:

- Thể hiện tinh thần thượng võ.

- Khát vọng cuộc sống ấm no, mùa màng bội thu.

- Góp phần gìn giữ phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Thực hành tiếng việt: *Từ ngữ địa phương.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI**

**ÔN LUYỆN, THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Từ ngữ địa phương)**

**Ngày soạn**

**Ngày dạy:**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Năng lực.**

**\* Năng lực cốt lõi**

Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc vùng miền trong các văn bản đã học

**\* Năng lực chung:**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị**

Máy vi tính, máy chiếu đa năng, Bảng phụ, giấy A0, bút màu...

**2. Học liệu:**

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng từ địa phương. .

- Phiếu học tập: sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

- Vi deo bài hát “Ngày xuân vui cưới”

- Bài trình chiếu học sinh tự thiết kế thực hiện bài tập vận dụng “Thử tài của bạn”.

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về từ địa phương tạo tâm thế hào hứng cho học sinh bước vào bài học

**b. Nội dung**: Cho 2 học sinh cùng tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” liệt kê từ địa phương và tên địa phương tương tứng trên bảng phụ. Trong 2 phút ai liệt kê nhiều và đúng nhất sẽ đạt điểm 10.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên nêu yêu cầu và phổ biến luật chơi "Ai nhanh hơn"

Cách chơi: Hai học sinh tham gia chơi trong vòng 3 phút liệt kê từ địa phương và vùng miền tương ứng và nghĩa toàn dân.

**Nhiệm vụ:** Kể tên các từ địa phương mà em biết. Xác định vùng miền sử dụng từ địa phương đó và ý nghĩa tương ứng trong toàn dân.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ địa phương** | **Vùng, miền tương ứng** | **Nghĩa toàn dân** |
|  |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ

+ GV: quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**+** Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau

+ GV đánh giá kết luận, hướng dẫn học sinh ôn lại kiến thức ngữ văn về ngôn ngữ vùng miền

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN LUYỆN KIẾN THỨC NGỮ VĂN VỀ NGÔN NGỮ VÙNG MIỀN**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố tri thức về ngôn ngữ vùng miền về ngữ âm và từ vựng

**b. Nội dung:**  Dùng kĩ thuật hỏi đáp, động não hướng dẫn học sinh ôn tập củng cố kiến thức về ngôn ngữ vùng miền.

**c. Sản phẩm**: HS lắng nghe và chia sẻ ý kiến về ngôn ngữ vùng miền trên cơ sở ngữâmvà từvựng

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức về sự đa dạng về ngữ âm của tiếng Việt qua ngôn ngữ vùng miền:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (kĩ thuật động não, yêu cầu HS thực hiện cá nhân nhiệm cụ  Nhắc lại đặc điểm ngôn ngữ vùng miền về mặt ngữ âm và từ vựng? Cho ví dụ minh họa?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ trả lời nội dung các câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày suy nghĩ, ý kiến và bổ sung cho nhau.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá , kết luận:**  **+** GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh  + Chuẩn kiến thức và lưu ý: Trong tác phẩm văn học việc sử dụng một số từ ngữ địa phương phản ánh cách nói của nhân vật của người dân địa phương nhất định. Đồng thời tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả  + Khi sử dụng cần chừng mực để tránh gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức phân tích cho học sinh hiểu: | **I. Kiến thức ngữ văn về ngôn ngữ vùng miền**  **- Về mặt ngữ âm:** Một từ ngữ có thẻ phát âm không giống nhau ở các vùng miền:  Ví dụ : Từ "vui" nghe người miền Nam phát âm ta nghe như là "dui"  Từ "Sui" nghe người miền Bắc phát âm nhẹ hơn như là "Xui"  **- Về mặt từ vựng:**  + Các miền khác nhau có những từ mang tính địa phương.  " Sui"- thông gia  " Bả"- bà  Nghen: Nghe  -> Tạo sắc thái địa phương Nam Bộ  Nếu không phải là người Nam Bộ có khi ta không hiểu nghĩa các từ, hoặc hiểu sai nghĩa. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ vùng miền cho học sinh

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi, phòng tranh hướng dẫn học sinh làm bài tập thực hành để củng cố kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **NHIỆM VỤ 1: LÀM BÀI TẬP NHẬN BIẾT TỪ ĐỊA PHƯƠNG**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chiếu bài tập 1 (phát phiếu học tập) yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân**  **PHIẾU HỌC TẬP;**  Nhiệm vụ: Tìm từ địa phương trong các đoạn ngữ liệu và xác định nghĩa toàn dân tương ứng, cho biết đó là ngôn ngữ miền nào?  **PHIẾU HỌC TẬP;**  **Nhiệm vụ: Tìm từ địa phương trong các đoạn ngữ liệu và xác định nghĩa toàn dân tương ứng, cho biết đó là ngôn ngữ miền nào?**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ngữ liệu** | **Từ địa phương** | **Phương ngữ vùng miền** | **Nghĩa toàn dân** | | a.  “Lặng nghe mẹ kể ngày xưa  Bây chừ biển rộng trời cao  Cá tôm cũng sướng, lòng nào chẳng xuân!  Ông nhà theo bạn “ xuất quân”  Tui may cũng được vô chân “sẵn sàng”  Một tay, lái chiếc đò ngang”  (Tố Hữu) |  |  |  | | b.  “Sáng ra bờ suối tối vào hang  Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng  Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng  Cuộc đời cách mạng, thật là sang”  (Nguyễn Ái Quốc) |  |  |  | | c.  “Tía nuôi tôi lưng đeo nỏ, hông buộc ống tên bước xuống xuồng. Tôi cầm giầm bơi nhưng còn ngoái lên, nói với:..”  (Đoàn Giỏi) |  |  |  | | d.  “Bầm ơi sớm sớm chiều chiều  Thương con bầm chớ lo nhiều bầm nghe” |  |  |  | | e.  “Thưa cha, con muốn được cha chỉ bảo chúng con về sự tích ngôi đền ni, về tên của các hòn núi,kia trông lại mắt quá cha ạ”  (Sơn Tùng) |  |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:  - HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  **Bài 1: Nhận diện từ ngữ địa phương** | |

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM PHIẾU HỌC TẬP**

**Nhiệm vụ: Tìm từ địa phương trong các đoạn ngữ liệu và xác định nghĩa toàn dân tương ứng, cho biết đó là ngôn ngữ miền nào?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngữ liệu** | **Từ địa phương** | **Phương ngữ vùng miền** | **Nghĩa toàn dân** |
| a.  Lặng nghe mẹ kể ngày xưa  Bây chừ biển rộng trời cao  Cá tôm cũng sướng, lòng nào chẳng xuân!  Ông nhà theo bạn “xuất quân”  Tui may cũng được vô chân “sẵn sàng”  Một tay, lái chiếc đò ngang  (“Mẹ Suốt”- Tố Hữu) | Tui  Chừ  Vô | Miền Trung | Tôi  Giờ  Vào |
| b.  “Sáng ra bờ suối tối vào hang  Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng  Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng  Cuộc đời cách mạng, thật là sang”  Nguyễn Ái Quốc | Bẹ | Trung du bắc bộ | Ngô |
| c.”Tía nuôi tôi lưng đeo nỏ, hông buộc ống tên bước xuống xuồng. Tôi cầm giầm bơi nhưng còn ngoái lên, nói với:...”  Đoàn Giỏi | Tía  Giầm | Phương ngữ Nam Bộ | Tía: Bố  Giầm: mái chèo ngắn, cầm tay để chèo |
| d. “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng mênh mông bát ngát” (Ca dao) | ni, tê | phương ngữ Trung Bộ | ni- này  tê- kia |
| e.  “Thưa cha, con muốn được cha chỉ bảo chúng con về sự tích ngôi đền ni, về tên của các hòn núi, kia trông lại mắt quá cha ạ.”  (Sơn Tùng) | Ni | Phương ngữ Trung Bộ | này |

**Bài 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài 2:**  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  Thảo luận nhóm:  + Chép những câu thơ câu hát có từ địa phương.  + Chỉ rõ các từ địa phương  + Cho biết đó là từ địa phương của vùng miền nào?  + Việc sử dụng các từ địa phương đó trong bài thơ có tác dụng gì?  **Cách tổ chức**: Chia lớp thành các nhóm học tập cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ: “Viết các câu thơ, câu hát có từ địa phương” chỉ rõ các từ địaphương và cho biết đó là phương ngữ miền nào.  Hình thành 2 đội chơi trong vòng 5 phút có nhiệm vụ viết những câu thơ, câu hát có sử dụng từ địa phương,  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện theo nhóm, viết kết quả ra bảng phụ hoặc A0  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  Các nhóm báo cáo theo kĩ thuật phòng tranh và trình bày  Các nhóm nhận xét bổ sung, cho nhau  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh.  **Kết luận:**  + Sử dụng từ địa phương tạo dấu ấn địa phương cho tác phẩm thơ ca.  + Sử dụng hợp lí sẽ tạo hiệu quả tu từ: sự giản dị, dấu ấn cá nhân, dấu ấn địa phương…  **Bài 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chiếu bài tập 3: Nêu cách hiểu của em về đoạn thoại trong ví dụ sau:**  “Anh học trò đi vào cổng nhà kia, thấy con chó xồ ra sủa, nhe răng dữ tợn, nên hoảng sợ thụt lùi; chủ nhà thấy vậy bèn chạy ra vừa cười vừa nói:  - Con chó không có răng mô!  - Tôi thấy nó nhe nguyên cả hai hàm răng, mà bà lại bảo nó không có răng!”.  **Yêu cầu:** Tìm từ địa phương, ý nghĩa và từ đó nêu ra cách hiểu và rút ra bài học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:  - HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  **Bài 1: Nhận diện từ ngữ địa phương**  GV yêu cầu học sinh nêu cách hiểu câu văn từ đó giáo dục học sinh chú ý trường hợp sử dụng từ địa phương trong giao tiếp | **Bài 2: Sưu tầm một số thơ ca sử dụng từ ngữ có quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương em hoặc địa phương khác**.  a.  Coi chừng sóng lớn gió to  Màn xanh đây **mụ** đắp cho kín mình  (Tố Hữu)  b.  **Bầm** ra ruộng cấy bầm run  Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non  (Tố Hữu)  c.  **O** du kích nhỏ giương cao súng  Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi dầu  (Tố Hữu)  d.  Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng  Thương cha nhớ mẹ quá chừng ***bậu*** ơi. -> ***bạn***  ***( Ca dao)***  ***e.***  *Đồng chí****mô*** *nhớ nữa*  *Kể chuyện Bình Trị Thiên,*  *Cho* ***bầy tui*** *nghe ví*  *Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí*  *- Thưa trong điện* ***nớ hiện chừ*** *vô cùng gian khổ,*  *Đồng bào ta phải kháng chiến* ***ra ri***  (Theo Hồng Nguyên, ***Nhớ***)  **Đáp án :**  **mô**: đâu  **bầy tui**: bọn tôi  **nớ hiện chừ**: Đó, bây giờ  **ra ri:** ra sao    **Bài 3**     |  |  | | --- | --- | | **Từ địa phương** | **Nghĩa toàn dân** | | ***cươi*** | ***sân*** | | ***mệ*** | ***mẹ*** | | ***cây chủi*** | ***cái chổi*** | | ***bổ*** | ***ngã*** | | ***cảy*** | ***sưng*** | | ***trục cúi*** | ***đầu gối*** | | ***chộ*** | ***Thấy*** | | ***mồ*** | ***nào*** | | ***mô*** | ***đâu*** | | ***răng*** | ***sao*** |   **Bài học :** Không lạm dụng từ địa phương  Cần sử dụng trong các trường hợp thích hợp |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố khắc sâu kiến thức về từ địa phương

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện ở nhà bài tập dự án: Lập sổ tay ghi nhớ về các từ địa phương (từ địa phương, ngôn ngữ vùng miền nào, ý nghĩa toàn dân)

Viết một đoạn văn có sử dụng từ địa phương hợp lí

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** Học sinh thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu bài tập yêu cầu hs đọc và nêu yêu cầu bài tập:

Viết một đoạn văn có sử dụng hợp lí từ ngữ địa phương

- Yêu cầu: Học sinh thực hiện cá nhân

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc bài tập, suy nghĩ trả lời câu hỏi

- Giáo viên gợi ý:

+ Hình thức đoạn văn

+ Nội dung cần có từ địa phương’

+ Sử dụng từ đúng nghĩa.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

+ HS trình bày sản phẩm học tập

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá , kết luận**

+ HS đánh giá, nhận xét theo bảng kiểm giáo viên đưa ra

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Có** | **Không** | **Mức điểm**  ( Mỗi tiêu chí 1,0 điểm) |
| 1. Đảm bảo hình thức đoạn văn |  |  |  |
| 1. Đảm bảo số dòng. |  |  |  |
| 1. Đúng chủ đề. |  |  |  |
| 1. Ý kiến sâu sắc |  |  |  |
| 1. Có sử dụng từ địa phương |  |  |  |
| 1. Chữ viết đúng chính tả |  |  |  |
| 1. Câu văn có sự liên kết |  |  |  |
| 1. Trình bày rõ ràng, sạch đẹp |  |  |  |
| 1. Văn viết có cảm xúc |  |  |  |
| 1. Lập luận chặt chẽ, hợp lí, thuyết phục |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Nắm chắc kiến thức về từ địa phương**.**

- Lập bảng từ địa phương theo mẫu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Từ toàn dân** | **Từ địa phương** | | | |
|  |  | Phương ngữ địa phương em | Phương ngữ Bắc Bộ | Phương ngữ miền Trung | Phương ngữ miền Nam |
| 1 | Cha | Bố (cha, thầy) | Bố (cha, thầy) | Bọ | Tía, ba |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

- Chuẩn bị tiết **Viết văn bản tường trình.**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. Mục tiêu: Giúp HS củng cố:**

- Cách một VB tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**II. Thiết bị và học liệu:**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình tổ chức ôn tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Ôn tập bố cục văn bản tường trình** | |
| **\* GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi:**  *1, Bản tường trình là gì? Bố cục một văn bản tường trình*  *2, Để viết một bản tường trình, em cần chú ý thực hiện những gì?*  **\*** HS căn cứ phần định hướng SGK trả lời câu hỏi  **\*** GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những lưu ý | **1. Khái niệm:**  **-** Tường trình là kiểu văn bản thông tin, trình bày đầy đủ, rõ ràng, tường tận về diễn biến một sự việc đã gây ra hậu quả và liên quan đến người viết.  - Do đó, bản tường trình cần nêu rõ mức độ thiệt hại và xác định rõ trách nhiệm của người viết đối với sự việc.  **2. Yêu cầu thể loại mà mục đích viết:**  **2.1 Bố cục:**  **\* Phần mở đầu:**  - Quốc hiệu và tiêu ngữ (ghi chính giữa)  - Địa điểm và thời gian viết bản tường trình (ghi về phía bên phải).  - Tên văn bản tường trình (chữ in hoa, ghi chính giữa)  - Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  - Tên, địa chỉ người viết tường trình  **\* Phần nội dung:**  - Tường trình cụ thể  + Thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc  + Những người có liên quan đến sự việc.  + Trình tự, diễn biến sự việc.  + Nguyên nhân, hậu quả  + Trách nhiệm của người viết trong trường hợp sự việc đó gây ra hậu quả.  + Những đề nghị cụ thể (nếu có)  **\* Phần kết thúc:**  **-** Cam đoan và cam kết.  - Kí tên hoàn tất bản tường trình.  **2.2. Các bước viết văn bản tường trình:**  **Bước 1**: - Xác định nội dung chính tường trình.   * -Thu thập thông tin liên quan đến sự việc, trách nhiệm của những người liên quan.   **Bước 2**: Tìm ý và lập dàn ý.  **Bước 3**: Viết văn bản tường trình theo mẫu.  **Bước 4**: Đọc, rà soát, chỉnh sửa theo tiêu chí. |
| * **Mẫu chung:**   **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **-------------------------------**  *…, ngày … tháng … năm 20...*  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  Vềviệc ………………………………..  *Kính gửi:*………………………………………………………………………….     Tên tôi là:………………………………………………………………………….  Địa chỉ: ……………………………………………………………………………  Tôi xin trình bày lại sự việc như sau:  ……………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………....     Tôi xin cam kết những điều trên là đúng sự thật nếu sai tôi xin chịu mọi hình thức kỉ luật.  ***Người viết tường trình***                                                       (Kí, ghi rõ họ tên) | |
| **II. Luyện tập** | |
| **\*GV nêu các yêu cầu, nhiệm vụ cho HS thực hiện:**  **\*Giáo viên chiếu đề bài**  **Đề 1:** Viết văn bản tường trình vềviệc làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc được giao.  **Đề 2**: Chứng kiến một vụ bắt nạt trong giờ ra chơi, em hãy tường trình lại vụ việc đó gửi cô giáo.  **Yêu cầu thực hiện theo nhiệm vụ:**  Tổ 1: Học sinh thuộc tổ 1 thực hiện nhiệm vụ với bài 1.  Tổ 2: Học sinh thuộc tổ 2 thực hiện nhiệm vụ với bài 2.  *1) Xác định các bước và yêu cầu của từng bước.*  *2) Chuẩn bị trước khi viết. Tìm ý và lập ý.*  *3) Tổ chức viết bài.*  *4) Chỉnh sửa bài viết.*  *5) Báo cáo kết quả sản phẩm viết.*  - HS lắng nghe yêu cầu, tập trung thực hiện nhiệm vụ học tập, chỉnh sửa bài viết theo bảng phiếu chỉnh sửa.  - GV yêu cầu 2-3 HS trình bày, HS khác nghe, bày tỏ quan điểm và và bổ sung cho bạn (nếu cần).  - GV hướng dẫn HS đánh giá các bài viết hoàn chỉnh mà HS trình bày theo Bảng kiểm.  - GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức cho HS tham khảo một số bài viết mẫu. | **Đề 1:** Viết văn bản tường trình vềviệc làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc được giao.  **Đề 2**: Chứng kiến một vụ bắt nạt trong giờ ra chơi, em hãy tường trình lại vụ việc đó gửi cô giáo.  ***GỢI Ý VIẾT BÀI:***  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết***  - Xác định mục đích viết và người đọc.  - Hình dung và nhớ lại các sự việc đã xảy ra.  - Giả định tư cách viết tường trình của bản thân.  - Xác định các thông tin cụ thể.  ***Bước 2: TÌm ý – lập ý theo gợi ý sau:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nội dung vụ việc tường trình** | **Ý chính sẽ triển khai** | **Thuộc phần văn bản** | | 1 | Thông tin cơ bản của người viết |  |  | | 2 | Trình tự diễn biến sự việc |  |  | | 3 | Nguyên nhân – hậu quả |  |  | | 4 | Trách nhiệm của người viết |  |  | | 5 | Cam đoan, lời hứa |  |  |   ***Bước 3: Viết bản tường trình theo bố cục:***  - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức.  - Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc.  - Đề tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  - Xưng danh với đầy đủ họ tên.  - Trình bày vụ việc ngắn gọn nhưng rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại… Cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc và tường thuật sự việc một cách khách quan, không nên đưa những ý kiến, nhận xét chủ quan của cá nhân vào bản tường trình.  - Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình.  - Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị.  - Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy.  ***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa bài văn dựa vào bảng kiểm sau: |
| **Bảng kiểm**  **ĐÁNH GIÁ BẢN TƯỜNG TRÌNH**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Bố cục** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Phần mở đầu | Tên quốc hiệu, viết in hoa, ở trên cùng, giữa văn bản |  |  | | Tiêu ngữ |  |  | | Địa điểm, thời gian viết |  |  | | Tên văn bản |  |  | | Dòng tóm tắt sự việc: chữ thường, đặt dưới tên văn bản |  |  | | Trình bày tóm tắt thông tin về người nhận đúng quy cách |  |  | | Trinh bày một số thông tin cơ bản của người viết. |  |  | | Nội dung tường trình | Ghi rõ thời gian, địa điểm xảy ra sự việc |  |  | | Xác định rõ tên của những người liên quan (nếu có) |  |  | | Nêu rõ nguyên nhân và hậu quả của sự việc |  |  | | Xác định rõ những người chịu trách nhiệm (nếu có) và trách nhiệm liên quan của người viết |  |  | | Phần kết thúc | Nêu rõ những đề nghị ( nếu cần thiết) |  |  | | Nêu rõ lời cam đoan, lời hứa |  |  | | Có chữ kí và họ tên người viết |  |  |   **PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung lỗi cần sửa** | | **Sửa lỗi** | | Phát hiện và sửa ý về trình tự triển khai ý | Trình tự triển khai ý | … | | Các ý cần bổ sung | … | | Phát hiện sửa lỗi về ý | Thiếu ý | … | | Sắp xếp lại ý lộn xộn | … | | Sửa lại các ý lạc đề | … | | Sửa lại các ý tản mạn | … | | Phát hiện sửa lỗi diễn đạt | Lỗi dùng từ | … | | Lỗi viết câu | … | | Lỗi chính tả | Lỗi chính tả | … | | |
| **BÀI VIẾT THAM KHẢO ĐỀ 1**  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **-------------------------------**  *…, ngày 16 tháng 9 năm 2022*  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  Vềviệc làm hư hại đồ dùng học tập của bạn  khiến bạn không hoàn thành công việc được giao.  *Kính gửi:*- BGH trường THCS…                      - Cô Lê Thị H, giáo viên chủ nhiệm lớp 7A3.     Em là Đỗ Văn B, học sinh trường THCS …, xin phép tường trình với cô một việc như sau:     Trong buổi học sáng ngày 16 tháng 9 năm 2021, em quên không mang máy tính đi học nên em đã mượn của bạn Đỗ Văn An. Trong quá trình mượn dùng em đã vô ý để máy tính rơi vỡ, khiến bạn An không có máy tính để dùng và do đó không hoàn thành bài tập cô giao.      Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được BGH nhà trường và cô giáo chủ nhiệm giúp đỡ.  *Người viết tường trình*                                                       (Kí tên)    Đỗ Văn B | |
| **BÀI VIẾT THAM KHẢO ĐỀ 2**  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **-------------------------------**  *…, ngày 25 tháng 11 năm 2022*  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  Về việc chứng kiến vụ việc đánh nhau  Kính gửi: - BGH trường THCS…                       - Cô Lê Thị H, giáo viên chủ nhiệm lớp 7A3.    Em là Nguyễn Thị B, học sinh lớp 7A3, trường THCS Hoàn Kiếm, xin phép tường trình một việc như sau:         Vào buổi sáng ngày 25/11/2022, trong giờ nghỉ giải lao, khi em mới bước vào lớp thì thấy bạn Trần Bình T đang cãi nhau với bạn Nguyễn Văn A, trong khi cãi nhau bạn A có dọa nếu T đánh A thì sẽ mách với cô giáo chủ nhiệm. Sau câu nói đó thì T đã chạy đi lấy chậu nước rửa tay để ngoài cửa lớp đập liên tục vào đầu A đến chảy máu, sau đó A nhảy lên người T đè T xuống đất đấm liên tiếp vào mặt T. Trong lúc sự việc diễn ra thì trong lớp có khoảng 10 bạn, mọi người đều xúm vào can ngăn nhưng T và A vẫn tiếp tục đánh nhau, cho đến khi chú bảo vệ chạy ngăn thì hai bên mới dừng lại.          Nguyên nhân dẫn đến sự việc xảy ra: Bản thân em nghe được các bạn trong lớp kể lại và đã chứng kiến một nửa A và T cãi nhau thì nguyên nhân dẫn đến sự việc trên là do trong tiết học Toán trước đó, khi cô giáo gọi T đứng lên trả lời, A có đặt chiếc compa lên ghế ngồi của T, sau khi trả lời xong T không biết nên đã ngồi vào compa, sau đó A còn trêu chọc T là do ngu dốt nên mới không trả lời được câu hỏi đơn giản của cô giáo. Em nghĩ do vậy nên T mới cãi nhau với A.  Em xin cam đoan những điều em vừa nêu là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có sai sót em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.  **NGƯỜI VIẾT TƯỜNG TRÌNH**  (Kí và ghi rõ họ tên) | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;
* Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm;

- Chuẩn bị các nội dung đã ôn tập của bài 5 để làm bài kiểm tra tổng hợp.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN LUYỆN**

**ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

- HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

- HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

**II. Thiết bị và học liệu**

- Máy chiếu, ti vi, đề kiểm tra in sẵn.

**III. Tổ chức ôn tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS. HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút. HS làm việc cá nhân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**A. MA TRẬN (Thời gian 90 phút)**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Đọc -hiểu | Văn bản tản văn | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | Viết | Viết văn bản tường trình | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **20** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60** | | | | **40** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | Đọc-hiểu | Văn bản tản văn (ngữ liệu ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt đoạn trích/ ngôi kể/ nhân vật/ sự kiện chính, thể loại,…  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  - Nhận biết loại câu xét về mặt ngữ pháp  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng bộc lộ tình cmả, cảm xúc.  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: chất trữ tình, cái tôi của tác giả  - Hiểu được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài viết  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | **4TN** | **4TN** | **2TL** |  |
|  | Viết | *Viết văn bản tường trình về việc vi phạm nội quy, quy định của trường nơi em học tập* | **Nhận biết:** Nhận biết được đối tượng, kiểu bài.  **Thông hiểu**: Kĩ năng viết bài, nội dung viết về đối tượng.  **Vận dụng:** Vận dụng những hiểu biết về KT, KN để tạo lập kiểu bài.  **Vận dụng cao:** Sáng tạo và hoàn chỉnh bài viết tường trình về việc vi phạm nội quy, quy định của trường nơi em học tập. |  |  |  | **1TL\*** |
| **Tổng** | | |  | **4TN** | **4TN** | **2TL** | **1TL\*** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**C. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

Nhìn những cánh diều đủ hình dáng, màu sắc bay lượn trên không trung chắc không chỉ có đám trẻ mà ngay cả người lớn như tôi cũng thích. Mỗi lần nhìn chúng thả diều, tôi chạnh nhớ cánh diều tuổi thơ của mình.

Sau những ngày tết rộn ràng, trẻ em miền quê lại trở về với những trò chơi ngày thường. Chiều xuống, trời dịu nắng, gió Nam lay động cành lá, xua tan một ngày nắng nóng, đám trẻ trong xóm lại tìm đến cánh đồng thi nhau thả diều.

Nhìn những cánh diều đủ hình dáng, màu sắc bay lượn trên không trung chắc không chỉ có đám trẻ mà ngay cả người lớn như tôi cũng thích. Mỗi lần nhìn chúng thả diều, tôi chạnh nhớ cánh diều tuổi thơ của mình.

Mẹ tôi qua đời khi anh chị em tôi mới ở độ tuổi biết mê thả diều, nhưng chưa biết dán diều… Tuy nhà nghèo, ba phải làm thuê làm mướn đủ việc để nuôi con nhưng ba tôi không quên lo cho anh em tôi vui chơi giải trí. Hồi đó, trẻ em trong xóm có trò chơi nào vui thích và không gây hại cho ai, ba tôi tạo điều kiện cho chúng tôi vui chơi, trong đó có thả diều.

Con diều của ba làm đơn giản và hơi xù xì, thô kệch, nhưng vững chắc. Đầu diều là một tờ báo lớn dán vào một khung làm bằng trúc chẻ nhỏ. Rồi ba dán thêm hai cái đuôi dài và hai cái “lỗ tai” (cánh nhỏ) vào đầu diều. Diều hơi nặng, cất cánh chậm, nhưng khi bay cao diều không chao đảo, mà luôn thăng bằng giữa không trung. Chỉ có đuôi và cánh rung rinh theo làn gió.

Hồi đó, ruộng đồng mỗi năm làm có một vụ lúa mùa. Sau tết nguyên đán, hết việc nhà nông, ba tôi chuyển sang làm mộc thuê. Dù làm cả ngày mệt rã người, chiều về ba dẫn anh em tôi ra đồng chỉ cách thả diều. Khi diều cất cánh lên không trung, ba lại nhanh chân về nhà lo xách nước, nấu cơm… Anh em tôi thích thú nhìn cánh diều đến lúc hết thấy đường mới cuốn dây hạ diều về nhà.

Hết bậc tiểu học, anh em tôi tự tay dán diều và ra đồng thả. Cánh diều của chúng tôi cũng đơn giản như cánh diều của ba. Khi trưởng thành hơn một chút, anh em tôi không chỉ thả diều mà còn thả theo mơ ước của mình. Bọn tôi thường lấy giấy cắt thành hình tròn viết những điều ước mơ của mình vào, rồi luồn vào sợi dây thả diều, cho bay lên cùng với con diều. Hồi đó, ước mơ của anh tôi là làm bác sĩ. Tôi hỏi: “Vì sao?”.

Anh triết lý: “Mày có thấy chỉ vì bệnh, má mình chết sớm không? Tao quyết chí học làm bác sĩ để trị bệnh cứu người,  không để những người mẹ trẻ phải chết sớm, những trẻ thơ phải bơ vơ côi cút!”. Còn tôi, lúc ấy cũng vừa vào bậc trung học, khi được học những bài giảng văn, trích đoạn các tác phẩm của tác giả Tô Hoài, Khái Hưng, Thạch Lam… lại mê trở thành nhà văn. Tôi cũng gửi niềm ước mơ của mình theo cánh diều là sau này trở thành nhà văn nổi tiếng.

Nhưng mơ ước cũng chỉ là mơ ước! Anh em tôi không đủ sức, đủ tài để thực hiện. Mặc dù vậy, cả hai anh em đều thực hiện được ước mơ của ba là làm thầy giáo. Dù chỉ là thầy giáo dạy bậc tiểu học trường làng, nhưng ba tôi rất vui mừng, vì anh em tôi thoát được cảnh làm thuê trên đồng ruộng vào mùa vụ và làm “thợ đụng” trong lúc nông nhàn. Bàn tay của anh em tôi không phải gân guốc, đen đúa, chai sần với cuốc, phảng, liềm, búa, cưa, kềm, đục, khoan... như ba nữa.

Ngày nay, dù có quá nhiều trò chơi, vẫn còn nhiều trẻ em thích thả diều. Nhưng chắc ít có phụ huynh nào dán diều cho con em chơi. Vì diều bán sẵn rất đẹp, nhiều màu sắc, đủ kiểu dáng. Nhìn những cánh diều xinh xắn, vi vút lướt gió trên bầu trời, các em bây giờ có còn gửi gắm ước mơ của mình như chúng tôi ngày xưa...

Riêng tôi, giờ không còn thả diều, cũng không dán diều cho con, cháu, càng không muốn gửi gắm niềm mơ ước riêng tư vào cánh diều như thuở nhỏ. Giờ tôi chỉ gửi niềm mong ước chung vào tất cả những cánh diều của đám trẻ: “Mong sao tất cả các em đều được cắp sách đến trường. Tất cả đều là con ngoan, trò giỏi và trở thành người hữu ích cho gia đình và xã hội…”.

(T.L, nguồn: <https://baotayninh.vn/>

canh-dieu-tuoi-tho-a119403.html)

***Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời mà em lựa chọn cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 vào bài làm. Với câu 9, 10 các em tự viết phần trả lời vào bài.***

**Câu 1.** Ý nào đúng nhất khi nói về thể loại của văn bản?

A. Tản văn C. Truyện ngắn

B. Tuỳ bút D. Truyện thơ

**Câu 2.** Trong văn bản,người viết xưng “tôi” có ý nghĩa gì?

A. Bộc lộ cảm xúc khách quan.

B. Bộc lộ cảm xúc chân thực, trong sáng.

C. Người kể có thể trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ cá nhân.

D. Hai ý B, C.

**Câu 3.** Hình ảnh cánh diều gắn liền với những điều gì trong cuộc sống của nhân vật “tôi”?

1. Những người bạn thời ấu thơ.
2. Những cánh đồng lúa bát ngát.
3. Những trò chơi tuổi thơ, gắn liền kí ức về bố, mẹ, anh của mình.
4. Những thứ đồ chơi dân gian.

**Câu 4.** Hình ảnh cánh diều chuyên chở ước mơ gì của nhân vật “tôi”?

1. Thầy giáo C. Bác sĩ
2. Nhà văn nổi tiếng D. Người bán diều

**Câu 5**. Theo em, vì sao cánh diều tuổi thơ lại trở thành kí ức sâu đậm trong kí ức của nhân vật “tôi”?

1. Vì cánh diều gợi nhớ đến hình ảnh những người thân trong gia đình của nhân vật “tôi”.
2. Vì cánh diều gợi nhớ đến hoàn cảnh nghèo của gia đình thời ấu thơ.
3. Vì cánh diều gợi nhớ đến trò chơi dân gian và kí ức về tuổi thơ.
4. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 6.** Xét về mặt ngữ pháp, câu văn: *“Chiều xuống, trời dịu nắng, gió Nam lay động cành lá, xua tan một ngày nắng nóng, đám trẻ trong xóm lại tìm đến cánh đồng thi nhau thả diều.”* là câu gì?

1. Câu đơn C. Câu ghép
2. Câu đặc biệt D. Câu rút gọn

**Câu 7.** Trẻ con ngày nay vẫn chơi thả diều nhưng ít có phụ huynh dán diều cho con chơi. Theo tác giả, lí do vì sao?

1. Vì giờ phụ huynh bận đi làm, không có nhiều thời gian như xưa.
2. Vì giờ có nhiều diều bày bán sẵn, nhiều màu sắc, đủ kiểu dáng.
3. Vì giờ phụ huynh có điều kiện, chứ không nghèo như nhân vật “tôi” ngày xưa.
4. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 8.** Theo em, điều tác giả muốn gửi gắm qua văn bản là gì?

1. Luôn có niềm mơ ước cho riêng mình.
2. Lưu giữ những trò chơi dân gian.
3. Ghi nhớ những kí ức tuổi thơ.
4. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 9.** Văn bản cho thấy nhân vật “tôi” là người như thế nào?

**Câu 10.** Theo em, việc lưu giữ trò chơi dân gian có vai trò gì đối với sự phát triển của trẻ em? (Trả lời trong khoảng 3 – 5 câu).

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

***Viết văn bản tường trình về việc vi phạm nội quy, quy định của trường nơi em học tập.***

**C. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC** | **6,0** |
|  | **Câu 1- 8: Mỗi câu đúng ( 0,5 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **Đáp án** | **A** | **D** | **C** | **B** | **D** | **A** | **B** | **D** | | | |
| **9** | Qua văn bản, ta nhận thấy nhân vật “tôi” là người biết trân trọng những kí ức tuổi thơ, trân trọng tình cảm gia đình, có tình yêu với quê hương, đất nước; có mong ước về một tương lai tốt đẹp.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời được 3 - 4 ý như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,25 điểm* | 1,0 |
|  | **10** | HS tự đưa ra vai trò từ nhận thức của bản thân. Có thể đưa ra một số ý nghĩa sau:  - Trò chơi dân gian không chỉ đơn thuần là trò chơi cho trẻ mà nó còn chứa đựng văn hoá dân tộc Việt Nam độc đáo.  - Trò chơi dân gian không những nâng cánh cho tâm hồn trẻ, giúp trẻ phát triển khả tư duy, sáng tạo, khéo léo mà còn giúp trẻ hiểu tình bạn, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước…  - Những trò chơi đơn giản, âm điệu vui tươi, sống động nhí nhảnh gần gũi với cuộc sống giúp trẻ thêm hào hứng học tập và sống hồn nhiên hơn.  - Mặt khác các trò chơi dân gian thường diễn ra ngoài trời sẽ đưa trẻ gần với thiên nhiên hơn, trẻ có nhiều cơ hội tìm hiểu, quan sát về môi trường tự nhiên hơn.  - Trò chơi dân gian còn góp phần phát triển toàn diện cho trẻ, hạn chế tiếp xúc ti vi, điện thoại,…  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đưa ra được 4 ý nghĩa hợp lí trở lên: 1.0 điểm.*  *- Đưa ra được 3 ý nghĩa hợp lí: 0.75 điểm.*  *- Đưa ra được 2 ý nghĩa hợp lí: 0.5 điểm*  *- Đưa ra được 1 ý nghĩa hợp lí: 0.25 điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | ***Viết văn bản tường trình về việc vi phạm nội quy, quy định của trường nơi em học tập.*** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc văn bản tường trình:* (có mở đầu, nội dung và kết thúc theo đúng thể thức). | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề:*  Viết văn bản tường trình về việc vi phạm nội quy, quy định của trường nơi em học tập | 0,5 |
| *c. Nội dung:*  **A. Phần mở đầu:**  - Quốc hiệu và tiêu ngữ.  - Địa điểm và thời gian viết bản tường trình.  - Tên văn bản tường trình.  - Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  - Tên người viết tường trình.  **B. Phần nội dung:**  - Tường trình cụ thể (thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, nguyên nhân, hậu quả, người chịu trách nhiệm).  **C. Phần kết thúc:**  **-** Cam đoan và cam kết.  - Kí tên hoàn tất bản tường trình. | 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA BÀI 4**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tùy bút | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về con người, sự vật | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI BÀI 4**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Tùy bút | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. | | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về sự vật (một loài cây). | **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI BÀI 4**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kĩ phần trích và trả lời các câu hỏi:**

*Tháng tư lại về với nắng mới vàng tươi rực rỡ. Khắp phố phường, sắc xanh non mỡ màng của lá bàng, lá sấu, bằng lăng làm bừng sáng cả không gian. Chầm chậm đạp xe trên phố, chợt thoảng thơm trong gió một làn hương ngọt ngào, khiến lòng nôn nao khó tả. Ghé vào gánh hàng hoa của bà lão ngồi dưới tán bàng đầu con phố nhỏ, tôi nhận ra ngay những bông móng rồng đầu mùa vàng rộm nổi bật trên nền xanh mướt của lá chuối tươi. Bà lão mỉm cười hồn hậu nhìn tôi ôm cả gói hoa lên hít hà và nhẹ nhàng đặt vào giỏ xe với biết bao nâng niu, trìu mến.*

*Mỗi mùa hoa là một lần bà nội tôi phải ngồi phân xử đúng sai cho bọn trẻ, bởi đứa thì bảo hoa móng rồng thơm mùi chuối tiêu trứng cuốc, đứa lại bảo thơm mùi mít chín. Tôi thì đứng ngay dưới gốc cây, nhắm tịt cả hai mắt lại hít lấy hít để rồi bảo giống mùi vani của thứ bánh kẹo trên phố tôi đã từng ăn. Cuộc tranh cãi chỉ đến hồi kết thúc khi bà sai chúng tôi vin những cành cây mềm mại rủ xuống, nhẹ nhàng hái hoa cho vào rổ.*

*[…] Bao năm rồi, bà tôi giờ không còn nữa. Hoa móng rồng vẫn nở thơm vườn nhà mỗi độ giao mùa. Chúng tôi ngày càng xa quê nhưng màu hoa ấy, làn hương ấy luôn là một phần thẳm sâu trong nỗi nhớ quê hương. Để mỗi tháng tư về, tôi lại tìm đến gánh hàng của bà lão vừa từ làng hoa bên kia sông qua chuyến đò sớm sang phố, mang chút hồn quê thảo thơm đến với mọi người.*

(Lam Hồng, *Hoa móng rồng*, [http://www.baonamdinh.vn/ngày 15/4/015](http://www.baonamdinh.vn/ngày%2015/4/015))

**Câu 1. (0,5 điểm)** Văn bản trên đã viết theo thể loại gì?

A. Du ký **B. Tuỳ bút** C. Hồi kí D. Truyện ngắn

**Câu 2. (0,5 điểm)** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

1. Miêu tả
2. **Biểu cảm**
3. Tự sự
4. Nghị luận

**Câu 3. (0,5 điểm)** Nhân vật tôi đã cảm nhận như thế nào về mùi hương của hoa móng rồng ?

A. Mùi chuối tiêu trứng cuốc

B. Mùi mít chín

**C. Mùi vani của thứ bánh kẹo trên phố**

D. Mùi hương ngọt ngào

**Câu 4. (0,5 điểm)** Điều gì khiến người viết thấy lòng nôn nao khó tả ?

A. Vì nắng mới vàng tươi rực rỡ

B. Vì sắc xanh non của lá bàng, lá sấu, bằng lăng

**C. Vì làn hương ngọt ngào thoảng thơm trong gió**

D. Vì thương nhớ về bà của mình

**Câu 5. (0,5 điểm)** Giải thích nghĩa của từ *hồn hậu* trong câu : *Bà lão mỉm cười hồn hậu nhìn tôi ôm cả gói hoa lên hít hà và nhẹ nhàng đặt vào giỏ xe với biết bao nâng niu, trìu mến.*

A. Hiền lành, tốt bụng

B. Thuần hậu, ôn hoà

C. Thật thà, tốt bụng

**D. Nhân hậu, hiền từ**

**Câu 6. (0,5 điểm)** Trong câu văn: “*Hoa móng rồng vẫn nở thơm vườn nhà mỗi độ giao mùa.”*có những phó từ nào?

**A. Vẫn, mỗi** B. Vẫn, nở C. Mỗi, mùa D. Vẫn, thơm

**Câu 7. (0,5 điểm)** Nội dung đoạn trích được tổ chức theo trình tự nào sau đây?

A. từ quá khứ đến hiện tại

B. từ hiện tại ngược về quá khứ

**C. Theo mạch cảm xúc**

D. tự lập luận theo mạch suy luận

**Câu 8.** **(0,5 điểm)** Ý nào thể hiện đúng nhất chủ đề của ngữ liệu trên ?

A. tình yêu đất nước

B. tình yêu cuộc sống

**C. tình yêu thiên nhiên**

D. tình yêu gia đình

**Câu 9.** **(1,0 điểm)** Từ cảm xúc của nhân vật “tôi” trong ngữ liệu, em hãy viết 3 - 5 câu nói lên tình cảm của mình về một nét đẹp của quê hương.

**Câu 10. (1,0 điểm)** Từ ngữ liệu trên, em nhận thấy mình cần phải làm gì bảo vệ thiên nhiên ?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

*Hoa là món quà mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Mỗi loài hoa có một tiếng nói riêng, thông điệp riêng…*

Hãy viết bài văn biểu cảm về một loài hoa mà em yêu thích.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | B |  |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh viết 3 - 5 câu nói lên tình cảm của mình về một nét đẹp của quê hương.  - **Yêu cầu hình thức:** Hs viết câu đúng ngữ pháp, không sai lỗ chính tả, đúng số câu.  **- Yêu cầu về kiến thức:** Học sinh nói lên được tình cảm chân thành của mình về một nét đẹp của quê hương (loài hoa, món ăn, cảnh đẹp,…) | 1,0 |
|  | **10** | **Những việc cần phải làm để bảo vệ thiên nhiên:**  - Chăm sóc, giữ gìn và phát triển cây xanh  - Không xả rác, ngắt hoa  - Tuyên truyền để các bạn biết vai trò của thiên nhiên với cuộc sống…  **\*** *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời theo nhiều hướng nếu hợp lí giáo viên có thể ghi điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Hoa là món quà mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Mỗi loài hoa có một tiếng nói riêng, thông điệp riêng…*  **Hãy viết bài văn biểu cảm về một loài hoa mà em yêu thích.** | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn biểu cảm về* một loài hoa*.*  HS viết bài văn biểu cảm về một loài hoa theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm một loài hoa và nêu được ấn tượng ban đầu về loài hoa đó.  • Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến một loài hoa để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với loài hoa được nói đến. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**BÀI 6: BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù:**

**Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học (Chủ đề bài 6):**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.

- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

**2. Năng lực chung:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**II. Phẩm chất**

* Yêu thương bạn bè, người thân
* Biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 6 buổi sáng:**

* **Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:**

**Yêu cầu:** Làm video giới thiệu tác giả và tác phẩm có trong bài học 6, ví dụ:

*+ Truyện ngụ ngôn và những bài học cuộc sống...*

(Có thể tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ giữa nhà văn với phóng viên và tiến hành cuộc phỏng vấn).

* **Nhóm 3, 4: Nhóm Hoạ sĩ**  (PP phòng tranh)

**Yêu cầu:**

+ Cách 1: Chọn 1 văn bản và vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của văn bản đó.

+ Cách 2: Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ nội dung các văn bản đã học của bài 6.

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 6:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  + *Văn bản 1: Đẽo cày giữa đường (Ngụ ngôn Việt Nam)*  *+ Văn bản 2*: *Ếch ngồi đáy giếng (Trang Tử)*  *+ Văn bản 3: Con mối và con kiến (Nam Hương)*  *+ Văn bản 4: Một số câu tục ngữ Việt Nam* |
| **Thực hành đọc :**  *+ Con hổ có nghĩa (Vũ Trinh)*  *+Thiên nga, cá măng và tôm hùm (I-van Crư-lốp)* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** *Thành ngữ, Biện pháp tu từ Nói quá.* |
| **Viết** | **Viết:** *Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)* |
| **Nghe** | **Nói và nghe:** *Kể lại một truyện ngụ ngôn; kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.* |

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 6.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

* **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**
* - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 6.
* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**
* - HS tích cực trả lời.
* - GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

* - Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**Câu hỏi:**

* Hãy liệt kê lại các văn bản đọc hiểu trong bài học 6**.**
* So sánh các đặc điểm của truyện ngụ ngôn với truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.
* Một số đặc điểm riêng của truyện ngụ ngôn.
* Em hãy nêu những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản truyện ngụ ngôn.

**1. Một số kiến thức chung về thể loại truyện ngụ ngôn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Trong truyền thuyết** | **Trong truyện cổ tích** | **Trong truyện ngụ ngôn** |
| Đề tài | Sự kiện, nhân vật lịch sử tái hiện qua văn bản | Hiện tượng cuộc sống được tái hiện qua văn bản | Thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống |
| Nhân vật | -Thường có những đặc điểm khác lạ về lai lịch, tài năng, sức mạnh; thường gắn với các sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng, được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ | Thường kể về một số kiểu nhân vật như nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,… | Có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được kể gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, bác nông dân,… |
| Sự kiện | Chuỗi sự việc sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên quan chặt chẽ với nhau. | Xoay quanh một sự việc hoặc chuỗi sự việc liên quan đến nhân vật chính theo trình tự thời gian. | Một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. |
| Cốt truyện | -Thường xoay quanh công trạng, kì tích của các nhân vật, thường sử dụng yếu tố kì ảo làm nổi bật tài năng, sức mạnh của nhân vật, cuối truyện thường nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại | - Thường sử dụng các yếu tố kì ảo, hoang đường, mở đầu bằng: “Ngày xửa, ngày xưa…” và kết thúc có hậu | Thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm…) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó. |

* **Một số yếu tố khác của truyện ngụ ngôn:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Yếu tố** | * **Đặc điểm trong truyện ngụ ngôn** |
| * **Tình huống truyện** | Là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa câu chuyện được khơi sâu. |
| * **Không gian trong truyện:** | Mà khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy xa sự kiện câu chuyện. |
| * **Thời gian trong truyện** | * Một thời điểm, một khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể. |

* **Chiến lược đọc hiểu truyện ngụ ngôn:**
* Đọc kỹ văn bản để xác định chủ đề của truyện ngụ ngôn.
* Đọc kỹ văn bản để nhận diện được hình tượng nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn.
* Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu, tình huống truyện deder từ đó lĩnh hội tư tưởng, thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản, đánh giá được bài học nhận thức, luân lí ngụ ý trong truyện.
* Liên hệ để thấy được bài học rút ra từ văn bản truyện ngụ ngôn có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01:**

|  |
| --- |
| **Câu 1: Truyện ngụ ngôn là một thể loại của bộ phận văn học nào?**  A.Văn học dân gian.  B. Văn học trung đại.  C. Văn học cách mạng.  D. Văn học hiện đại.  **Câu 2: Thế nào là truyện ngụ ngôn?**  A. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.  B. Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.  C. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.  D. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.  **Câu 3: Nội dung của truyện ngụ ngôn thường là?**  A.Kể về số phận cuộc đời của nhân vật; tinh thần đấu tranh chống áp bức.  B. Phê phán thói hư tật xấu của con người; nêu những bài học – triết lí nhân sinh; tinh thần đấu tranh chống áp bức, bất công trong xã hội.  C. Phê phán thói hư tật xấu của con người, nêu những bài học triết lí – nhân sinh.  D. Kể về chiến công hiển hách của những nhân vật anh hùng.  **Câu 4**: **Mục đích chủ yếu của truyện ngụ ngôn là gì?**  A. Kể chuyện  B. Thể hiện cảm xúc  C. Gửi gắm ý tưởng, bài học  D. Truyền đạt kinh nghiệm  **Câu 5:** **Truyện ngụ ngôn thiên về chức năng nào?**  A. Phản ánh cuộc sống  B. Giáo dục con người  C. Tố cáo xã hội  D. Cải tạo con người xã hội  **Câu 6: Những đối tượng nào có thể trở thành nhân vật trong truyện ngụ ngôn**  A. Con người  B. Con vật  C. Đồ vật  D. Cả ba đối tượng trên  **Câu 7: Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm nội dung của truyện ngụ ngôn?**   1. Phê phán thói hư tật xấu của con người trong xã hội 2. Đưa ra những lời khuyên cho con người về cách đối nhân xử thế. 3. Ngụ ngôn thường dựa trên các sự kiện, nhân vật có thật trong lịch sử để xây dựng cốt truyện. 4. Ngụ ngôn là một kiểu truyện ngắn mang nội dung giáo dục đạo đức   **Câu 8: Nhận xét nào sau đây không đúng với đặc điểm hình thức của truyện ngụ ngôn?**   1. Truyện ngụ ngôn được viết theo hình thức tự sự. 2. Truyện ngụ ngôn thường là văn xuôi hoặc thơ. 3. Nhân vật trong truyện ngụ ngôn thường là con vật, đồ vật hoặc chính con người. 4. Truyện ngụ ngôn thường có nhiều tình tiết phức tạp.   **Câu 9: Theo em, truyện ngụ ngôn thường diễn đạt hàm ý theo kiểu nào?**   1. Ẩn dụ 2. So sánh 3. Hoán dụ 4. Nói quá   **Câu 10: Sau khi đọc hiểu truyện ngụ ngôn, người đọc cần?**  A.Liên hệ với thực tiễn đời sống để tìm bài học cho bản thân.  B. Đối chiếu truyện với hiện thực cuộc sống, với chính bản thân, từ đó điều chỉnh hành vi, quan điểm của bản thân.  C. Trải nghiệm hoàn cảnh, tình huống giống như trong truyện và rút ra bài học.  D. Tìm những sự việc, con người tương đồng, từ đó rút ra bài học cho bản thân**.** |

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 02: Chia lớp thành 03 nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên đoạn trích/ truyện** | *Đẽo cày giữa đường* **(nhóm 1)** | *Ếch ngồi đáy giếng* **(nhóm 2)** | *Con mối và con kiến*  **(nhóm 3)** |
| 1**.** Nhân vật chính |  |  |  |
| 2. Các sự kiện chính |  |  |  |
| 3. Nội dung, ý nghĩa truyện |  |  |  |
| 4. Đặc sắc nghệ thuật |  |  |  |

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN 1: ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG (NGỤ NGÔN VIỆT NAM)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **1. Tìm hiểu chung**  - Tóm tắt: Truyện kể về một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng mua gỗ về đề đẽo cày bán. Khi anh thực hiện công việc có nhiều người góp ý. Mỗi lần nghe người khác góp ý, anh ta lại sửa cái cày của mình. Cuối cùng anh làm những cái cày rất to phải sức voi mới kéo được. Kết cục anh chẳng bán được cái cày nào, vốn liếng cũng hết sạch.  **a. Nhân vật chính:**  Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.  **b. Các sự kiện chính:**  - Có rất nhiều người xem anh ta đẽo cày và mỗi người góp một ý khác nhau:  + Lần 1: Phải đẽo cao, to mới dễ cày. => Cho là phải – đẽo  + Lần 2: Phải đẽo nhỏ, thấp hơn.=> Cho là phải – đẽo  + Lần 3: Phải đẽo to gấp đôi, gấp ba cho voi cày.=> Liền đẽo ngay  => Anh thợ mộc không có chính kiến của bản thân mình, luôn bị động, thay đổi theo ý của người khác.  **\* Kết quả của việc đẽo cày**  - Anh ta bày đầy hàng ra nhưng không ai mua, tất cả gỗ đẽo đều hỏng hết, vốn liếng đi đời nhà ma.  => Anh thợ mộc hết vốn liếng, không đạt được kết quả mong muốn.  **2. Đánh giá**  **+ Nghệ thuật**  - Truyện ngụ ngôn. Kể chuyện ngôi 3.  - Tình tiết có mức độ tăng dần.  - Kết thúc truyện gắn với bài học sâu sắc trong cuộc sống  **+ Nội dung**  - Câu chuyện kể về người thợ mộc đẽo cày theo ý người khác dẫn đến kết quả mất hết vốn liếng.  - Qua đó, tác giả dân gian nhắn nhủ mỗi người cần có chính kiến, kiên định, biết lắng nghe có chọn lọc, không nên vội vàng nghe theo lời người khác. |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN 2: ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG (Trang Tử)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **1. Tìm hiểu chung:**  **a. Tóm tắt**  Một con ếch cảm thấy cuộc sống của mình bên trong cái giếng nhỏ là sung sướng, tự do nhất đời, mời con rùa biển đông vào giếng chơi cho biết. Con rùa không thể chui vừa cái giếng nhỏ, bèn nói cho ếch nghe về sự rộng lớn của biển đông. Con ếch nghe về biển bèn mới thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.  **b. Bố cục**  Ếch ngồi đáy giếng có bố cục gồm 2 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến “coi cho biết” : Cuộc sống của con ếch bên trong giếng sụp.  + Phần 2: Còn lại: Con rùa cho ếch biết về cuộc sống của mình ngoài biển đông.  **II. Phân tích truyện**  **1. Tình huống truyện**  - Con ếch ngồi trong giếng huênh hoang , tự đắc với rùa  +Tôi có thể ra khỏi miệng giếng, nhảy lên miệng giếng, nhảy vô  +Ngó lại phía sau, lăng quăng, con cua , con nòng nọc không con nào sướng bằng tôi  - Ếch cảm thấy sung sướng khi được ở một mình  - Khi nghe về biển cả qua lời nói của rùa ếch mới vỡ lẽ, xấu hổ  + mênh mông, ngàn dặm đã thấm gì,sâu thẳm ngàn nhẫn  + Chín năm lụt nước biển không lên  +  tám năm hạn hán bờ biển không lùi xa  →Khi chỉ ngồi đáy giếng ếch nghĩ nơi mình ở là nơi to lớn nhất, khoe khoang nhưng khi được rùa kể về biển cả mới biết nơi mình ở thật nhỏ bé  **2. Ý nghĩa và bài học rút ra**  - Đây là bài học cho những kẻ kiến thức hạn hẹp, nhưng lại thích ra oai , tự đắc  - Dạy cho con người ta rằng ở đời phải biết khiêm tốn, và không ngừng học hỏi trau dồi  **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Phê phán những kẻ thiếu hiểu biết nhưng mắc bệnh ảo tưởng, huênh hoang, tự đắc  - Bài học rút ra phải luôn trau dồi kiến thức, luôn khiêm tốn  **2. Giá trị nghệ thuật**  – Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống.  – Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.  – Sử dụng ẩn dụ, nhân hóa, so sánh.  – Lời kể ngắn gọn nhưng thâm thúy.  – Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người. |
| **GV yêu cầu HS làm bài tập theo yêu cầu:** | **B. LUYỆN TẬP.**  **PHẦN ĐỌC HIỂU** |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**PHIẾU SỐ 1:**

**Câu 1: Văn bản Đẽo cay giữa đường thuộc loại truyện?**

A. Truyện truyền thuyết B. Truyện ngụ ngôn

C. Truyện cổ tích D. Truyện cười

**Câu 2: Phương thức biểu đạt của văn bản?**

A. Miêu tả B. Tự sự

C. Nghị luận D. Thuyết minh

**Câu 3: Câu chuyện được kể theo ngôi kể thứ mấy?**

A. Ngôi thứ nhất số ít B. Ngôi thứ 2

C. Ngôi thứ 3 D. Ngôi 1 và ngôi 3

**Câu 4: Điều gì xảy ra đối với người thợ mộc khi anh ta làm nghề đẽo cày?**

1. Mọi người đến xem rất đông
2. Không ai thích cày của anh ta.
3. Mỗi người đến lại khuyên một kiểu.
4. Anh ta bán được nhiều cày.

**Câu 5:** **Hành động của người thợ mộc mỗi khi nhận được lời khuyên của người qua đường.**

A. Khi người ta bảo đẽo cày nhỏ, anh đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp.

B. Khi người ta bảo đẽo cày to, anh đẽo cày vừa to, vừa cao.

C. Khi người ta bảo đẽo cày to gắp ba, anh ta liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy thứ bình thường.

D. Thực hiện cả 3 nội dung trên

**Câu 6: Vì sao người thợ mộc không bán được cày?**

A. Người thợ mộc không bán được cày vì anh ta đã nghe theo lời khuyên của rất nhiều người nhưng không có chính kiến riêng của mình nên đã mất cả cơ nghiệp.

B. Vì cày của anh không đẹp

C. Vì cày của anh không đáp ứng được nhu cầu của nhà nông

D. Người thợ mộc không bán được cày vì cày của anh không cày được ruộng

**Câu 7: Ý nghĩa của câu chuyện**

A. Phê phán người không có chính kiến lập trường người thiếu kiên trì.

B. Phê phán những kẻ sống ỷ lại, dựa dẫm

C. Phê phán những kẻ coi thường người khác

D. Phê phán những kẻ hay khoe khoang

**Câu 8: Truyện Đẽo cày giữa đường khuyên em điều gì?**

1. Nghe và làm theo lời người khác.
2. Có quan điểm riêng của mình trước góp ý của người khác.
3. Chỉ làm theo ý mình, không nghe ý kiến người khác.
4. Không nên làm nghề đẽo cày.

**Câu 9: Người thợ mộc thay đổi cách đẽo cày theo lời góp ý của người qua đường để làm gì?**

1. Để đẽo được những chiếc cày đẹp hơn
2. Để bán được nhiều cày
3. Để mọi người tin tưởng
4. Để không làm phật ý những người qua đường.

**Câu 10: Qua câu chuyện, đối tượng mà thành ngữ “Đẽo cày giữa đường” muốn nói tới là:**

1. Những người biết lắng nghe ý kiến người khác.
2. Những người biết nhìn xa trông rộng
3. Những người không quan tâm đến góp ý của người khác, kiên định với quan điểm cá nhân mình.
4. Những người không có chủ kiến, ai bảo gì cũng làm theo đến nỗi mất cơ nghiệp

**PHIẾU SỐ 4: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Cửa hàng anh ta ở ngay bên vệ đường. Người qua, kẻ lại thường ghé vào xem anh ta đẽo bắp cày.*

*Một hôm, một ông cụ nói:*

*- Phải đẽo cho cao, cho to thì cày mới dễ.*

*Anh ta cho là phải, đẽo cái nào cũng vừa to, vừa cao.*

*Mấy hôm sau, một bác nông dân rẽ vào, nhìn đống cày, lắc đầu nói:*

*- Đẽo thế này thì cày sao được! Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn mới dễ cày.*

*Nghe cũng có lí, anh ta liền đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp. Nhưng hàng đầy ra ở cửa, chẳng ai mua. Chợt có người đến bảo:*

*- Ở miền núi, người ta vỡ hoang, toàn cày bằng voi cả. Anh mau đẽo cày to gấp đôi, gấp ba như thế này thì bao nhiêu bán cũng hết, tha hồ mà lãi.*

*Nghe nói được nhiều lãi, anh ta đem hết số gỗ của nhà còn lại đẽo toàn loại cày để cho voi cày. Nhưng ngày qua, tháng lại, chẳng thấy ai đến mua cày voi của anh ta cả. Thế là bao nhiêu gỗ anh ta đẽo hỏng hết, cái thì bé quá, cái thì to quá. Vốn liếng đi đời nhà ma. Khi anh ta biết cả tin là dại thì đã quá muộn!*

*(Đẽo cày giữa đường, theo Trương Chính Sgk Ngữ văn 6 tập I, NXBGD)*

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại truyện gì?

**Câu 2**. Em hiểu thế nào là “cả tin”?

**Câu 3**. Tại sao vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma”?

**Câu 4**. Nếu là anh thợ mộc, em sẽ làm gì khi nghe những lời mách bảo như trong truyện? Bài học em rút ra từ truyện trên là gì?

**Câu 5**: Viết đoạn văn ngắn (5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về câu thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN :**

**Câu 1:** Văn bản thuộc thể loại: Truyện ngụ ngôn

**Câu 2:** Giải nghĩa từ “cả tin”: Là tin ngay một cách dễ dãi mà không cần suy xét

**Câu 3:** Vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma” là vì:

- Anh ta làm việc không có chủ kiến.

- Quá cả tin, không suy xét kĩ lưỡng những lời góp ý của người khác.

**Câu 4**: \* Nếu là anh thợi mộc khi nghe những lời mách bảo như trong truyện thì em có thể:

- Yên lặng lắng nghe, cảm ơn họ.

- Suy nghĩ, tìm hiểu kĩ hơn những mách bảo đó có đúng và phù hợp vời công việc của mình rồi mới làm theo; nếu chưa phù hợp thì cần chỉnh sửa...

\* Bài học rút ra từ truyện là:

- Khi làm việc phải có chủ kiến.

- Cần suy xét kĩ khi nghe ý kiến góp ý của người khác.

**Câu 5**: Đoạn văn đảm bảo dung lượng khoảng 5-7 câu.

Nêu được suy nghĩ về câu thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”: nội dung, ý nghĩa của câu thành ngữ; ý kiến của em tán đồng hay không tán đồng; giải thích vì sao em lại có suy nghĩ như vậy

* “Đẽo cày giữa đường”: chỉ người không có chính kiến, chỉ biết nghe và làm theo lời khuyên của người khác để rồi kết quả không ra gì.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc kỹ văn bản “Ếch ngồi đáy giếng” và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:** Tìm câu văn quan trọng nhất thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện.

**Câu 2:** Hoàn thành những thông tin của truyện “Ếch ngồi đáy giếng” vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật:………………………………** | **Nhận thức và cảm xúc của ếch: …………………………………………..** |
| **Môi trường sống:**  **………………………………………….** | **Nhận thức và cảm xúc của rùa:**  **…………………………………………..** |

**Câu 3:** Vì sao ếch “*thu mình lại, hoảng hốt, bối rối*” khi nghe rùa nói?

**Câu 4:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong các ngữ liệu sau? Chúng có tác dụng gì?

*Một con ếch nhỏ, ngồi trong một cái giếng sụp nói với một con rùa lớn ở ngoài biển Đông.*

**Câu 5:** Hãy nêu bài học nhân sinh và ý nghĩa của bài học toát lên từ *truyện Ếch ngồi đáy giếng*. Bên cạnh thành ngữ Ếch ngồi đáy giếng, em còn biết thành ngữ nào khác có ý nghĩa tương tự?

**Câu 6:** Tìm một vài ví dụ trong học tập, sinh hoạt của em hoặc bạn bè chứng tỏ rằng đã có trường hợp các em từng nhận định , đánh giá sự vật, hiện tượng một cách sai lầm theo kiểu “Ếch ngồi đáy giếng”

**Câu 7.** Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của mình về tác hại của tính tự phụ.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:** Câu văn quan trọng thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện là : “Không vì thời gian ngắn hay dài mà thay đổi, không vì mưa nhiều hay ít mà tăng giảm, đó là cái vui lớn của biển Đông”.

**Câu 2**: Hoàn thành bảng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật:** ếch nhỏ, rùa lớn | **Nhận thức và cảm xúc của ếch:** Ếch rất vui vì cho rằng mình giỏi, mình to lớn, oai phong nhất xứ sở của mình, coi thường người khách |
| **Môi trường sống:** ếch sống ở giếng sụp, rùa sống ở biển Đông | **Nhận thức và cảm xúc của rùa:**  Rùa hiểu biết sâu sắc, bỉnh thản |

**Câu 3**: Vì ếch hiểu ra mình nông cạn và cảm thấy xấu hổ, ngại ngùng.

**Câu 4:** Biện pháp tương phản – đối lập: ếch nhỏ - rùa lớn, giếng sụp – biển Đông: nhận mạnh sự khác biệt giữa hai con vật (hai kiểu người), hai môi trường sống.

**Câu 5:** Bài học nhân sinh: Dù hoàn canh, môi trường sống hạn chế cũng không nên tự bằng lòng, ảo tưởng, ngộ nhận mà cần phải cố gắng học tập, trải nghiệm để hoàn thiện bản thân.

Bài học có ý nghĩa nhắc nhở chúng ra trong mọi hoàn cảnh đều cần phải biết mở rộng tầm nhìn, không nên tự thoả mãn, an phận, chủ quan. Bên cạnh thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng*, thành ngữ *Coi trời bằng vung* cũng có ý nghĩa tương tự.

**Câu 6:** Em tự tìm ví dụ.

**Câu 7:**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

**-Mở đoạn: giới thiệu vấn đề: Tác hại của tính tự phụ**

**-Thân đoạn:**

**+Giải thích:** "Tự phụ": Kiêu căng, ảo tưởng về bản thân, xem mình luôn là nhất, là đúng, mà coi thường mọi người xung quanh.

**+Tác hại:**Thật sự rất tai hại cho một người tự phụ sống trong tập thể. Bản chất chẳng xem ai ra gì rất dễ bị ngưòi khác ghét bỏ, không mến trọng. Do tự xem mình là tài giỏi nên chẳng quan tâm gì đến cách làm của ngưòi khác, sẽ không học hỏi được những bài học quý báu, dẫn đến tầm nhìn hạn hẹp, rất khó để có thể phát triển và vươn ra xa hơn.

+**Dẫn chứng**: Có thể lấy luôn dẫn chứng trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng.*

**+Bài học:**Chúng ta cần phải biết tự tin để khẳng định mình, và phát triển thêm tư duy sáng tạo của mình, nhưng cũng không nên tự phụ, cần phải biết khiêm tốn học hỏi, những điều đó mới thực sự đem lại cho cuộc đời của chúng ta những điều có ý nghĩa và đem lại một cuộc sống hạnh phúc nhất cho mỗi người.

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**PHIẾU SỐ 5: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

*Có một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nọ. Xung quanh chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể1.*  
*Một năm nọ, trời mưa to làm nước dềnh lên, tràn bờ, đưa ếch ra ngoài.*

*Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nới và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo đưa mắt lên nhìn bấu trời, chả thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp.*

(In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

\***Chú giải:**

(1)*Chúa tể (chủ tể):*Kẻ có quyền lực cao nhất, chi phối những kẻ khác.

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc loại truyện gì?

**Câu 2**. Khi sống dưới giếng ếch như thế nào? Khi lên bờ ếch như thế nào?

**Câu 3**. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản trên và nêu tác dụng của nó.

**Câu 4.** Theo em, câu chuyện liên quan đến thành ngữ dân gian nào? Hãy giải thích?

**Câu 5.** Câu chuyện trên để lại cho anh/ chị bài học gì?

**Câu 6**: So sánh những điểm giống và khác nhau giữa bản kể trên đây và bản kể của Trang Tử mà em đã được học. Em thích bản kể nào hơn? Vì sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc loại truyện ngụ ngôn.  
**Câu 2**. Khi sống dưới giếng, ếch thấy trời chỉ là cái vung con và mình oai như một vị chúa tể. Khi lên bờ, ếch nhâng nháo nhìn trời, chả thèm để ý đến xung quanh và bị trâu giẫm bẹp.  
**Câu 3.** Biện pháp ẩn dụ, tượng trưng: Ếch tượng trưng cho con người. Giếng, bầu trời tượng trưng cho môi trường sống và sự hiểu biết của con người.  
**Câu 4**. HS trả lời theo ý mình thành ngữ phù hợp với nội dung câu chuyện và giải thích hợp lí.

Gợi ý: Thành ngữ "Ếch ngồi đáy giếng" trước hết để chỉ "những người hiểu biết ít do điều kiện tiếp xúc hẹp". Sau nữa, lại từ thái độ nhâng nháo "coi trời bằng vung" của ếch mà thành ngữ này còn hàm ý nói về sự chủ quan, coi thường thực tế. Số phận của những người đó, nếu không giống như con ếch huênh hoang, hợm hĩnh nọ, thì chí ít, họ cũng phải trả bằng những thất bại chua xót khi tiếp xúc với thực tiễn phong phú và sinh động, mà khi hiểu ra thì sự đã rồi.

**Câu 5.** Câu chuyện trên để lại cho ta bài học về tính tự cao, tự đại và giá trị của sự hiểu biết. Tự cao, tự đại có thể làm hại bản thân. Sự hiểu biết của con người là hữu hạn, vì vậy điều quan trọng nhất trong cuộc sống là phải thường xuyên học hỏi và khiêm nhường.

**Câu 6**: Bản so sánh giữa hai bản kể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí so sánh** | **Bản kể của Trang Tử** | **Bản kể trên** |
| Nhân vật (chính, phụ) | ếch nhỏ - rùa lớn (2 nhân vật chính|) | ếch (các nhân vật còn lại đều là nhân vật phụ) |
| Sự việc | Qua cuộc trò truyện giữa ếch nhỏ - rùa lớn, ếch ngộ ra mình ảo tưởng, hiểu biết hạn hẹp,… tuy nhiên hậu quả vẫn còn kịp sửa chữa | Không kịp nhận ra sự hiểu biết hạn hẹp của mình thì bị châu giẫm bẹp, hậu quả kinh khủng hơn |

**PHIẾU SỐ 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**THẦY BÓI XEM VOI**

*Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói1 ngồi nói chuyện gẫu2 với nhau.*

*Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó ra thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi ngang qua voi đi qua, năm ông thầy bói chung nhau tiền biếu người quản voi3, xin cho voi dừng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ đuôi.*

*Đoạn năm thầy ngồi bàn tán với nhau*

*Thầy sờ vòi của voi bảo:*

*- Ttưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó sun sun như con đỉa.*

*Thầy sờ ngà voi thì lại phán:*

*- Không phải! Nó chần chẫn như cái đòn càn4.*

*Thầy sờ tai bảo:*

*– Đâu có! Nó bè bè cái quạt thóc5*

*Thầy sờ chân voi cãi:*

*- Ai bảo! Nó sừng sững như cái cột đình.*

*Thầy sờ đuôi lại nói:*

*- Các thầy nói sai cả. Chính nó tua tủa6 như cái chổi sể7 cùn.*

*Năm ông, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành xa xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu.*

(In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

**\*Chú giải:**

(1) *Thầy bói:* người làm nghề đoán những việc lành dữ cho người khác (theo mê tín). Nhân vật thầy bói trong những câu chuyện dân gian thường bị mù.

(2) *Chuyện gẫu:* nói chuyện linh tinh cho qua thời gian.

*(3) Quản voi*: người trông nom và điều khiển voi.

*(4)Đòn càn*: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rợ,..mà gánh.

*(5) Quạt thóc:* loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.

*(6) Tua tủa*: từ gợi tả dáng chĩa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ

*(7) Chổi sể:* chổi quét sân, thường làm bằng nhánh cây thanh hao

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể loại của văn bản.

**Câu 2:** Năm ông thầy bói xem voi trong hoàn cảnh nào? Điểm đặc biệt của năm ông thầy bói trong văn bản.

**Câu 3:** Hãy nêu cách thầy bói xem voi và phán về voi. Thái độ của các thầy bói khi phán về voi như thế nào?

**Câu 4:** Năm thầy bói đều đã được sờ voi thật, mỗi thầy đã nói được một bộ phận của voi, nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

**Câu 5:** Truyện ngụ ngôn "Thầy bói xem voi" cho ta bài học gì?

**Câu 6:** Viết đoạn văn (7 -10 dòng) bày tỏ suy nghĩ của anh chị về việc biết lắng nghe ý kiến của người khác.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

-Thể loại: Truyện ngụ ngôn

**Câu 2:**

- Hoàn cảnh: nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói góp tiền để thuê một con voi xem hình thù của nó ra sao?

- Đặc biệt của năm ông:

+ đều bị mù

+ đều muốn biết hình thù con voi.

**Câu 3:**

- Cách các thầy bói xem voi:  
  
 + Vì mù nên họ không thấy được cả con voi mà mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi nhưng họ đều tưởng đã biết tất cả về voi.  
  
 + Khi họ phán về những bộ phận của voi mà họ sờ được đều rất đúng, họ đã dùng lối so sánh ví von để diễn tả về bộ phận mà họ đã sờ được. Để tả về voi như cái chổi sể cùn, như con đỉa, như cái cột đình, như cái quạt thóc.  
  
 - Thái độ của các thầy khi phán về voi:  
  
 + Ai cũng quả quyết ý kiến của mình là đúng, không chấp nhận ý kiến của người khác.  
  
 + Tranh cãi quyết liệt, cuối cùng dẫn đến xô xát đánh nhau toác đầu, chảy máu.

**Câu 4:**

+ Sai lầm của các thầy bói là chỉ sờ thấy bộ phận mà không nhìn thấy toàn thể.  
  
+ Chủ quan trong việc nhận thức sự vật hiện tượng, tự cho là mình đúng, như vậy họ không chỉ mù mắt mà còn mù về phương pháp đánh giá, mù về sự nhận thức.

**Câu 5:**

+ Truyện giúp cho chúng ta bài học về cách nhìn nhận, đánh giá trong cuộc sống: Phải nhìn nhận sự việc ở phương diện tổng thể, chứ không nên lấy cái bộ phận, đơn lẻ thay cho toàn thể.  
  
+ Phải biết lắng nghe ý kiến của người khác, không nên bảo thủ, cố chấp cho mình là đúng.  
  
+ Muốn đánh giá một sự việc hiện tượng được chính xác cần phải có sự kết hợp nhiều yếu tố tai nghe, mắt thấy...

**Câu 6:** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

**- MĐ:** Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**- TĐ  
 + Giải thích:** **Lắng nghe** là quá trình tập trung tiếp nhận âm thanh một cách chủ động có chọn lọc, đi kèm với phân tích thông tin và đưa ra phản hồi thích hợp với những gì họ tiếp nhận.

**+ Ý nghĩa:**

.) Trong công việc: Lắng nghe giúp ta học hỏi kinh nghiệm, thấu hiểu tâm tư tình cảm, tính cách, sở thích, thói quen của đồng nghiệp, khách hàng, đối tác và những người xung quanh; đối với các nhà lãnh đạo, kỹ năng lắng nghe sẽ giúp họ thấu hiểu nhân viên của mình, tạo được sự gắn kết và tăng hiệu quả làm việc.

.) Trong cuộc sống: Lắng nghe giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp của bạn đối với những người xung quanh, xây dựng và phát triển quan hệ; lắng nghe giúp con người hiểu nhau để thân thiết, gắn bó và tin tưởng hơn.

+ Dẫn chứng về sự lắng nghe: Học sinh trong giờ học tập trung lắng nghe giáo viên giảng bài để hiểu bài và nắm vững kiến thức của bài giảng

(Học sinh tự lấy dẫn chứng từ đời sống thực tế hàng ngày hoặc trên sách báo...)

**+ Bài học nhận thức và hành động**: Trong cuộc sống, sự lắng nghe có vai trò rất quan trọng. Luôn biết lắng nghe và thấu hiểu đó là điều quan trọng trong cách hoàn thiện nhân cách cá nhân, xã hội, tạo nên những giá trị to lớn trong cuộc sống, văn hóa.

**- KĐ:** Khái quát, khẳng định lại vai trò ý nghĩa quan trọng của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**THỎ VÀ RÙA**

*Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dằn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.*

*Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:*

* *Đừng có đùa! Bạn không biết là tôi có thể chyạ cả chục vòng quanh bạn hay sao.*

*Rùa mỉm cười:*

* *Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.*

*Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.*

*Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thù khác ở dọc đường cổ võ1.*

*Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện diễu2 chơi cho bõ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thiêm thiệp vừa lẩm bẩm:*

* *Ta cứ chợp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống, ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!*

*Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.*

*Nó bò qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.*

*Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.*

(158 *Truyện ngụ ngôn Aesop*, Phan Như Huyên, 1995, <http://sites.google.com/sites/158truyenngungonaseop/131---150>)

\***Chú giải:**

(1)*cổ võ:* tác động, khích lệ tinh thần, làm cho hăng hái, phấn chấn và hoạt động tích cực hơn lên.

(2)*diễu:* chế nhạo, làm cho đối phương thấy hổ thẹn.

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản trên.

**Câu 2:** Đề tài của văn bản?

**Câu 3:** Xác định nhân vật, không gian, thời gian, tình huống truyện?

**Câu 4:** Em hãy lí giải vì sao con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy?

**Câu 5:** Câu chuyện trên đem đến cho chúng ta bài học gì?

**Câu 6:** Sau khi đọc truyện thỏ và rùa, một số bạn cho rằng, việc rùa thắng thỏ là khó xảy ra trong thực tế (nếu không phải vậy thì đã chẳng có câu: “chậm như rùa”). Các bạn khác lại cho rằng việc rùa thắng thỏ là xứng đáng và rất thuyết phục? Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?(Trả lời dưới hình thức đoạn văn 5-7 dòng)

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Ngôi kể: ngôi thứ ba.

**Câu 2:** Thất bại và sự kiêu ngạo, chủ quan.

**Câu 3:**

* Nhân vật: thỏ và rùa (loài vật)
* Không gian: Trong khu rừng, nơi có nhiều loài vật sinh sống.
* Thời gian: Ngày xưa (không xác định cụ thể)
* Tình huống truyện: Bị thỏ chê là chậm chạp, rùa thách thỏ chạy thi trước sự chứng kiến của bá thú. Thỏ ỷ mình chạy nhanh, xem thường đôí thủ nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.
* Các yếu tố mang đặc điểm của truyện ngụ ngôn

**Câu 4:** Con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy vì:

+ Con rùa chăm chỉ, cần mẫn, tự tin, nhẫn nại nên dù chậm, mệt con rùa vẫn không dừng lại -> rùa về đích sớm hơn.

+ Con thỏ chạy nhanh nhưng kiêu ngạo, chủ quan, ỷ lại, trên đường đua còn mải ngủ nên đã thua cuộc.

**Câu 5:** Bài học rút ra từ câu chuyện:

* Sự chăm chỉ, cần mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng. Chậm mà chắc, tự biết sức mình còn hơn nhanh mà ỷ lại, kiêu ngạo; cần phải biết người, biết ta.

**Câu 6:**

Gợi ý:

* Bình luận về hai ý kiến:

+ ý kiến thứ nhất: việc đồng nhất nhân vật thỏ, rùa trong truyện ngụ ngôn (thường được hư cấu, phóng đại,…) với hình ảnh thỏ, rùa ngoài đời thực là sai lầm

+việc cho rằng rùa thắng thỏ là “xứng đáng và rất thuyết phục” nhưng lại không nói rõ trong truyện ngụ ngôn *Thỏ và rùa* hay trong đời thực là không chặt chẽ; không đưa ra lí lẽ, bằng chứng nên chưa thuyết phục

* Kết luận của em có thể đưa ra theo hướng: Đồng tình với ý kiến thứ hai nhưng đưa ra thêm lí lẽ, bằng chứng và diễn đạt sao cho chặt chẽ hơn.

**PHIẾU SỐ 4: *Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:***

*"Một câu chuyện ngụ ngôn kể rằng có người đàn ông rất may mắn, ước gì được nấy. Tuy nhiên, đi kèm với sự may mắn đó là điều kiện: Bất cứ điều gì ông ta ước, người hàng xóm sẽ có gấp đôi. Người đàn ông chấp nhận, bởi lẽ mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó.*

*Thế là khi ông ta sở hữu ngôi nhà đẹp, người hàng xóm liền có một dinh thự lỗng lẫy. Ông ta ước mình giàu có, người hàng xóm có hẳn một mỏ vàng...Không chịu được sự "bất công" đó, người đàn ông may mắn liền ước mình bị mù một mắt để người hàng xóm bị mù cả hai...*

Chính lòng đố kị đã tạo nên sự nhỏ nhen, biến thành cảm giác hận thù và suy nghĩ mù quáng cho ông ta: thà kém may mắn hơn một chút để người khác đau khổ hơn mình thay vì chọn điều ngược lại.

Lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục. Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ".

(Trích: *Về những câu chuyện ngụ ngôn*, nguồn Internet)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn in nghiêng.

**Câu 2.** Tại sao tác giả ngụ ngôn lại cho rằng "mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó"?

**Câu 3:** Trong đoạn văn in nghiêng người đàn ông ước những gì? Kết quả ra sao? Em có suy nghĩ gì về ước mơ cuối cùng của người đàn ông trong câu chuyện

**Câu 4:** Theo anh/ chị, vì sao lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục?

**Câu 5:** Việc trích dẫn đoạn văn in nghiêng có tác dụng gì trong lập luận của ngữ liệu trên?

**Câu 6.** Anh/ chị rút ra thông điệp gì tâm đắc nhất từ đoạn ngữ liệu trên? Vì sao?

**Câu 7:** Viết đoạn văn (7-10 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến “*Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ.”*

***Gợi ý***

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn in nghiêng: Tự sự

**Câu 2.** Tác giả ngụ ngôn cho rằng: mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó. Bởi vì nó như một quy luật tất yếu: Thành công hay một ước mơ nào đó được toại nguyện trong cuộc sống không phải tự nhiên mà có. Nó phải gắn liền với những điều kiện như tinh thần, nghị lực, niềm tin, mất mát, lòng vị tha, bao dung....

**Câu 3**: Người đàn ông ước và kết quả:

* *+ Sở hữu ngôi nhà đẹp -> kết quả ông ta có nhà đẹp và người hàng xóm liền có một dinh thự lỗng lẫy.*
* *+ Ước mình giàu có -> kết quả ông ta giàu có và người hàng xóm có hẳn một mỏ vàng...*
* *+Ước mình bị mù một mắt -> kết quả ông ta bị mù mộ mắt và người hàng xóm bị mù cả hai...*

=> Ước mơ cuối cùng của người đàn ông trong câu chuyện thể hiện thói đố kị, thà chọn điều mang lại hậu quả xấu cho bản thân để người khác đau khổ hơn mình còn hơn chọn những điều mang lại sự tốt đẹp cho mình và mọi người, không chấp nhận người khác hơn mình.

**Câu 4**. Lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục bởi vì nó gây nên nhiều tác hại như:

- Khiến bản thân kẻ đố kị phải sống trong dằn vặt, đau đớn, thậm chí sa vào tội ác.

- Kìm hãm sự phát triển của xã hội và sự tiến bộ của nhân loại...

**Câu 5:** Việc trích dẫn đoạn văn in nghiêng có tác dụng:

- Làm dẫn chứng để cho lập luận thuyết phục, chặt chẽ hơn.

- Làm cho đoạn văn nghị luận không khô khan mà giàu hình ảnh, sinh động hơn.

**Câu 6:**

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**\* Nội dung:**

**- Giải thích:** Cao thượng có nghĩa là *"vượt lên trên những điều tầm thường, có tư cách và đạo đức hơn người"* (Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Giáo sư Nguyễn Lân). Cao thượng là lối sống đẹp và rất cần thiết trong ứng xử giữa con người với con người.

**- Bình luận, chứng minh:**

* Người có tâm hồn cao thượng là người có đức hi sinh, có đạo đức, có ý chí, lòng quả cảm, sống trung thực, luôn muốn mọi thứ tốt đẹp, có cái nhìn lạc quan, có tấm lòng vị tha, khoan dung, độ lượng, cao cả, đoàn kết, biết chia sẻ lúc khó khăn, hoạn nạn, biết chịu trách nhiệm, biết phấn đấu, vì cộng đồng, sẵn sàng bảo vệ lẽ phải...
* Người có tâm hồn cao thượng sẽ không bao giờ cô đơn vì chân lí luôn đứng về phía họ. Họ có thể chịu thiệt thòi, bị hiểu lầm..., nhưng họ luôn có niềm tin vào con người, vào cuộc sống và vào những điều tốt đẹp nhất. Họ luôn là tấm gương sáng cho mọi thế hệ noi theo, trân trọng và ca ngợi...
* Sống có tình cảm cao thượng sẽ tạo nên sức mạnh làm thay đổi bộ mặt xã hội, tất cả đều hướng thiện, hướng về chân lí, lẽ phải, cái tốt, cái đẹp; làm cho cái xấu, cái ác không có chỗ nương thân...
* Phê phán những người có lối sống ích kỉ, giả dối, lọc lừa, đố kị, vô ơn, vô đạo đức...

**- Bài học nhận thức và hành động:**

* Tình cảm cao thượng là một lối sống đẹp cần được trân trọng, ngợi ca và phát huy.
* Con người hãy sống cao thượng từ những suy nghĩ, hành động nhỏ nhất trong cuộc sống.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị bài buổi học ôn tập VB: *Con mối và con kiến.*

- Tìm đọc các truyện ngụ ngôn: *Hai người bạn đồng hành và con gấu, Chó sói và chiên con, Chuyện bó đũa, Chú rùa thông minh và Chân, tay, tai, mắt, miệng.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**VĂN BẢN *CON MỐI VÀ CON KIẾN***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **I. Tác giả tác phẩm**  - Nam Hương (1899 - 1960) quê ở Hà Nội  - Ông sáng tác nhiều thơ ngụ ngôn, được in trong các tập Gương thế sự (1920), Ngụ ngôn mới (1935), Thơ ngụ ngôn (1937)…  - Ngoài ra ông còn có những tập thơ thiếu nhi được xuất bản như Bài hát trẻ con (1936) hoặc thỉnh thoảng có cho in đôi bài thơ trên báo Cậu ấm.  **- Thể loại:** Thể loại thơ ngụ ngôn  **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  - Tác phẩm Con mối và con kiến được trích trong Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập III do Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thương biên soạn và tuyển chọn. Xuất bản tại NXB Giáo dục năm 1999, tr. 805.  **Phương thức biểu đạt:** Văn bản Con mối và con kiến có phương thức biểu đạt là tự sự kết hợp với biểu cảm  **+ Tóm tắt:** Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.  **+ Bố cục bài Con mối và con kiến:**  Con mối và con kiến có bố cục gồm hai phần:  +2 khổ thơ đầu: Lời của con mối  +3 khổ thơ sau: Lời của con kiến **II. Tìm hiểu chi tiết tác phẩm** **1. Thái độ của mối về lối sống của kiến**  - Hoàn cảnh sống: bàn tròn, ghế chéo, nhà cao cửa rộng đầy đủ tiện nghi à sung sướng, no đủ.  - Thái độ: chê bai đàn kiếm làm lụng cả ngày mà chẳng khấm khá lên được, thỏa mãn với hoàn cảnh sống của mình; ích kỷ, không sống vì cộng đồng  - Dự báo tương lai: cuộc đời ngắn hạn, dễ thất bại.  **2. Hoàn cảnh sống của con kiến**  - Hoàn cảnh sống: khó khăn, cực nhọc.  - Thái độ: không đồng tình trước lời nói của mối, thẳng thắn đưa ra quan điểm cá nhân; vẫn tiếp tục cần mẫn với công việc; luôn cống hiến vì cộng đồng.  **3. Bài học và ý nghĩa**  - Lối sống thụ động, nhàn hạ, lười biếng sẽ triệt tiêu cuộc sống của chúng ta.  - Hãy luôn cần cù, chăm chỉ để có một cuộc sống tốt hơn.  **4. Đánh giá**  **+ Giá trị nội dung:**  Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.  **+ Giá trị nghệ thuật:**  - Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.  - Sử dụng nhân hóa.  - Lời thơ ngắn gọn nhưng thâm thúy.  - Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người. |
| \***\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu bài thơ.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**DẠNG 1 : TRẮC NGHIỆM**

**PHIẾU SỐ 1: Đọc kĩ bài thơ *Con mối và con kiến* và chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1. Nhà văn Nam Hương quê ở đâu?**

A. Phú Thọ B. Nam Định. C. Thanh Hoá D. Hà Nội

**Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ?**

A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

**Câu 3: Văn bản con mối và con kiến thuộc thể loại gì?**

A. Thơ B. Truyện ngắn. C. Thơ ngụ ngôn D. Thơ tự do

**Câu 4.** **Quan niệm sống của mối biểu hiện như thế nào?**

A. Tích cực chăm chỉ lao động

**B. Không muốn lao động, sợ vất vả**

**C. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng**

**D. Cả ba nội dung trên đều đúng**

**Câu 5. Biểu hiện sống của kiến như thế nào?**

**A. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng**

B. **Vì nhận thức Sinh tồn là cuộc khó khăn nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững.**

**C. Quan tâm đến muôn loài trên địa cầu**

**D. Tất cả ba đáp án trên**

**Câu 6. Văn bản đề cập đến nội dung nào?**

**A. Phê phán những hạng người lười lao động trong xã hội**

**B. Phê phán những hạng người chỉ biết ăn chơi hưởng thụ**

**C.** Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay.

D. Phê phán những con người hay khoe không có chính kiến

**Câu 7: Cuộc đối thoại giữa mối và kiến giúp em hiểu điều gì?**

1. Sống là phải biết lựa chọn sao cho an nhàn mà vẫn sung sướng.
2. Miễn sao cuộc sống no đủ, an nhàn, có phá hoại cũng không sao.
3. Phải làm việc chăm chỉ và có trách nhiệm với cộng đồng.
4. Cuộc sống không bao giờ dễ dàng, phải làm việc chăm chỉ và có trách nhiệm

**Câu 8: Điểm chung giữa ba truyện ngụ ngôn: Đẽo cày giữa đường, Ếch ngồi đáy giếng, Con mối và con kiến là gì?**

1. Đều thông qua con vật được nhân hóa để nói về con người.
2. Đều thông qua câu chuyện của nhân vật để nêu bài học, quan điểm, thái đố sống.
3. Đều được kể bằng hình thức văn xuôi, đều được kể bằng một tác giả.
4. Đều có tính hài hước, giễu cợt thói hư tật xấu của con người.

**PHIẾU SỐ 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*Con mối trong nhà trông ra*

*Thấy một đàn kiến đang tha cái mồi*

*Mối gọi bảo: “ kiến ơi các chú*

*Tội tình gì lao khổ lắm thay!*

*Làm ăn tìm kiếm khắp ngày*

*Mà sao than thể vẫn gầy thế kia*

*Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc*

*Mà ồ ề béo trục béo tròn*

*Ở ăn ghế chéo bàn tròn*

*Nhà cao cửa rộng, cửa nhà thiếu đâu?”*

*Kiến rằng: “Trên địa cầu muôn loại*

*Hễ có làm thì mới có ăn*

*Sinh tồn là cuộc khó khăn*

*Vì đàn vì tổ nên thân gầy gò.*

*Các anh chẳng vun thu xứ sở*

*Cứ đục vào chỗ mà còn xơi*

*Đục cho rỗng hết mọi nơi*

*Nhà kia đổ xuống đi đời các anh”*

*(Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập III, Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thưởng biên soạn và tuyển chọn, NXB Giáo dục, 1999, tr.805)*

**Câu 1**. Xác định thể loại của ngữ liệu trên?

**Câu 2.** Trong truyện Con mối và con kiến, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ như thế nào qua các lời thoại của chúng?

Câu 3: Hình thức kể chuyện trong *Con mối và con kiến* có gì khac so với hai truyện *Đẽo cày giữa đường* và *Ếch ngồi đáy giếng*?

**Câu 3**. Theo em thiện cảm của người kể chuyện dành cho Kiến hay cho Mối? Vì sao?

**Câu 4.** Câu chuyện nói về những người như nào trong xã hội? Qua đó tác giả muốn nói lên điều gì?

**Câu 5**. Viết một đoạn văn (khoảng 7-8 câu) ghi lại những suy ngẫm của em về bài học từ văn bản *Con mối và con kiến.*

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thể loại Thơ ngụ ngôn

**Câu 2:**

Trong truyện Con mối và con kiến, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ qua các lời thoại của chúng:

- Mối: hưởng thụ, không cần làm cũng có ăn, đi đục khoét những thứ sẵn có.

- Kiến: có làm thì mới có ăn, nếu chỉ đục khoét thì rồi cũng hết của cải mà chết.

Câu 3: Hai truyện Đẽo cày giữa đường, Ếch ngồi đáy giếng được kể bằng văn xuôi, trong khi Con mối và con kiến được kể bằng thơ theo thể song thất lục bát (hay câu bảy chữ nối tiếp hai câu lục bát). Ngụ ngôn được viết bằng thơ xuất hiện muộn hơn, dễ nhớ và dễ thuộc hơn, phù hợp với đối tượng độc giả nhỏ tuổi.

**Câu 3.**Thiện cảm của người kể chuyện được dành cho kiến.

- Biểu hiện qua việc miêu tả mối như một kẻ vị kỉ, lười biếng, chỉ biết hưởng thụ cho “béo trục béo tròn”, còn kiến tuy gầy gò vất vả nhưng luôn chăm chỉ, cố gắng biết sống vì người người khác, biết lo cho cái chung, biết hướng tới tương lai vững bền, …

**Câu 4.** Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.

**Câu 5. -** Bài học rút ra**:** Lối sống thụ động, nhàn hạ, lười biếng sẽ triệt tiêu cuộc sống của chúng ta. Hãy luôn cần cù, chăm chỉ để có một cuộc sống tốt hơn.

**Đoạn văn tham khảo:**

Bài thơ ngụ ngôn mượn câu chuyện của mối và kiến để nói lên sự đối lập giữa lối sống của nhiều người trong xã hội. Con mối với lối sống chỉ muốn đục rỗng tủ hòm, ngồi yên một chỗ đại diện cho những người không muốn lap động, sợ vất vả, chỉ muốn hưởng thụ trước mắt. Những chú kiến sẵn sàng làm việc, dù vất vả nhưng luôn chủ động lo xa, vì đàn tổ đại diện cho những người không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, trách nhiệm với cộng đồng, sống vì mọi người. Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**PHIẾU SỐ 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

***Hai người bạn đồng hành và con gấu***

*Có hai người bạn đương1 đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ. Tình cờ, người đi trước túm được một cành cây và ẩn mình trong đám lá. Người kia không biết trông cậy vào đâu, đành nằm bẹp xuống đất, mặt vùi trong cát. Gấu đến gần dí mõm vào tai người này ngửi, ngửi mãi,… Nhưng cuối cùng, gấu hú lên một tiếng, lắc đầu rồi lững thững bỏ đi, vì gấu không ăn những con vật chết. Bấy giờ, người trên cây trèo xuống gặp bạn, cười và nói rằng: “Ông Gấu thì thầm gì với cậu điều gì đó?”*

*“Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”*

(In trong *Truyện ngụ ngôn Ê-dốp,* Phạm Khải Hoàn dịch, NXB Văn học, 2013)

**\*Chú giải:**

*(1)Đương:* đang

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

**Câu 2:** Chỉ ra những nhân vật xuất hiện trong văn bản.

**Câu 3:** Xác định tình huống hiểm nghèo trong văn bản? Tình huống đó có tác dụng gì trong việc bộc lộ tính cách nhân vật?

**Câu 4:** Em hiểu thế nào về lời khuyên: *“Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”*

**Câu 5:** Bài học rút ta từ văn bản trên.

**Câu 6:** Em hãy viết đoạn văn nghị luận (độ dài khoảng 7-10 dòng) trình bày quan niệm về một người bạn tốt.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Những nhân vật xuất hiện trong văn bản: Hai người bạn và con gấu

**Câu 3: Tình huống hiểm nghèo: Con gấu nhảy ra vồ khi hai người bạn đang đi trong rừng**

* Tình huống truyện làm bộc lộ hành động “bỏ bê” bạn bè trong cơn hoạn nạn của một trong hai nhân vật. Từ đó bộc lộ bản chất không tốt của nhân vật đó trong tình bạn này.
* Tình huống làm cho bài học của câu chuyện trở nên rõ ràng, thấm thía hơn.

**Câu 4:** - Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người không quan tâm đến sự an nguy của ta trong lúc khó khăn, hoạn nạn.

* Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người chỉ biết đến sự an toàn, lợi ích của bản thân mình.

**Câu 5:** Bài học rút ra từ văn bản:

* Trước tình huống cụ thể, cần nhận diện được bạn tốt, bạn chưa tốt.
* Cách ứng xử thông minh trước các tình huống nguy hiểm.

**Câu 6:**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

* Giải thích thế nào là người bạn tốt, tình bạn tốt.
* Biểu hiện của người bạn tốt, tình bạn tốt.
* Vai trò của ngươi bạn tốt, tình bạn tốt.
* Phê phán những người không coi trọng tình bạn, bỏ mặc bạn bè trong lúc khó khăn.
* Bài học nhận thức và hành động.

**PHIẾU SỐ 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**Chó sói1 và chiên con2**  
  
*Kẻ mạnh, cái lẽ vốn già,  
Chuyện này tức khắc giải ra rõ ràng  
  
Dòng suối trong, Chiên đang giải khát  
Dạ trống không, Sói chợt đến nơi  
Đói, đi lảng vảng kiếm mồi  
Thấy Chiên, động dại bời bời thét vang:  
Sao mày dám cả gan vục mõm  
Làm đục ngầu nước uống của ta?  
Tội mày phải trị không tha!  
Chiên con sửng sốt thưa qua mấy lời:  
Xin bệ hạ hãy nguôi cơn giận  
Xét lại cho tường tận kẻo mà...  
Nơi tôi uống nước quả là  
Hơn hai chục bước cách xa nơi này  
Chẳng lẽ kẻ hèn này có thể  
Khuấy nước ngài uống phía nguồn trên  
Con quái ác lại gầm lên:*

*Chính mày khuấy nước! Ai quên đâu là  
Mày có nói xấu ta năm ngoái...  
Nói xấu ngài? Tôi nói xấu ai?  
Khi tôi còn chửa ra đời?  
Hiện tôi đang bú mẹ tôi rành rành  
Không phải mày thì anh mày đó  
Quả thật tôi chẳng có anh em  
Thế thì một mống nhà chiên  
Quân bay có đứa nào kiềng sói đâu!  
Chiên, chó, người, cùng nhau một thói  
Họ mách ta, ta phải báo cừu!  
  
Dứt lời, tha tận rừng sâu  
Sói nhai Chiên nhỏ, chẳng cầu đôi co.*

(In trong *Ngụ ngôn chọn lọc La Phông-ten*, truyện *Chó sói và chiên* con, Tú Mỡ dịch, NXB Văn học, 1985)

\***Chú giải:**

*(1) Chó sói:* chó rừng mõm nhọn, đuôi rậm, chuyên bắt thú khác để ăn thịt.

*(2) Chiên con:* cừu non

\***Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể trong văn bản**.**

**Câu 2:** Chỉ ra những nhân vật xuất hiện trong văn bản.

**Câu 3:** Xác định tình huống trong truyện. Tình huống ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật?

**Câu 4:** Qua cuộc đối thoại giữa chó sói và chiên con, em có nhận xét gì về hai nhân vật này?

**Câu 5:** Văn bản gửi gắm đến cho chúng ta bài học gì?

**Câu 6:** Em hãy viết đoạn văn (4-5 câu) nêu cảm nhận của mình về câu chuyện *Chó sói và chiên con.*

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

* Ngôi kể: Ngôi thứ ba

**Câu 2:** Nhân vật: chó sói và chiên con => loài vật.

**Câu 3:** Tình huống truyện:*Một con sói đang đói bụng, lại gặp chiên con đang ra suối uống nước bèn bịa ra đủ các lí do để ăn thịt chiên => bộc lộ lối “lí sự cùn” và sự tàn ác của kẻ mạnh*

Tình huống thể hiện bản chất tàn ác, hành xử bất công của nhân vật chó sói.

**Câu 4:**

* Chó sói: hiện thân cho kẻ mạnh, kẻ bạo tàn, để thoả mãn nhu cầu (cơn đói) của mình, sẵn sàng bịa đặt, vu khống, bắt nạt, giết hại kẻ yếu. Trong trường hợp này nói chân lí thuộc về kẻ mạnh hay “kẻ mạnh cái lẽ vốn già” thực ra để nói sẽ không có lẽ phải, đạo lí nào cả.
* Chiên con: hiện thân cho sự vô tội, sự thật, lẽ phải nhưng là kẻ yếu, bị kẻ mạnh ức hiếp, vùi dập, hãm hại

=>Sự đối lập giữa hai nhân vật khiến người nghe, người đọc bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho các aác hoành hành.

**Câu 5:** Hãy coi chừng, “kẻ mạnh” thường chà đạp chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công.

=> khi gặp những kẻ mạnh đó nên cân nhắc và thận trọng lựa chọn cách ứng xử.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:**  Cảm nhận về nội dung, nghệ thuật, thông điệp của tác phẩm.

Tham khảo: Truyện Chó sói và chiên con được viết dưới dạng thơ, các câu ngắn gọn, dễ hiểu và dễ nhớ. Qua câu chuyện, chúng ta thấy được sự độc ác, hung hăng của con sói. Hình ảnh con sói tượng trưng cho những kẻ xấu trong xã hội, ý mạnh hiếp yếu để thỏa mãn lợi ích cá nhân. Đồng thời bạn đọc thương cảm sâu sắc với chú chiên con nhút nhát, yếu đuối đã bị sói ăn thịt. Câu chuyện đáng nhớ trên đã đem lại cho người đọc bài học đáng quý về thói xấu trong xã hội.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**Chuyện bó đũa**

*Ngày xưa, có ông lão nông dân nọ rất thông minh. Ông rất buồn vì thấy trong gia đình, các con ông hay cãi cọ với nhau. Ông cố khuyên nhủ, nhưng vô ích.*

*Một hôm, nằm trên giường bệnh, ông gọi các con lại. Ông buộc đũa thành một bó, để trước mặt con. Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đũa làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. Cuối cùng, ông cởi bó đũa ra, đưa cho mỗi đứa một chiếc. Ai nấy bẻ gẫy dễ dàng.*

*Mấy đứa con nhìn nhau, không biết người cha có ý nói gì. Ông già nghiêm nghị bảo:*

* *Các con yêu dấu! Bây giờ các con còn đoàn kết như bó đũa này thì không kẻ thù nào làm hại được các con. Nhưng nếu các con cứ chia rẽ và cãi vã, thì các con sẽ sớm bị tiêu diệt1.*

(158 Truyện ngụ ngôn Aesop, Phan Như Huyên, 1995, <http://sites.google.com/sites/158truyenngungonaseop/131---150>)

\***Chú giải:**

*(1) tiêu diệt*: làm cho chết hoặc mất khả năng hoạt động.

\***Câu hỏi:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.

**Câu 2**. Xác định nội dung của văn bản.

**Câu 3**. Xác định tình huống trong truyện. Tình huống ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật?

**Câu 4.** Bài học rút ra từ văn bản?

**Câu 5.** Em có suy nghĩ gì về hình ảnh người cha trong câu chuyện trên ?

**Câu 6**.Viết đoạn văn ngắn (7-10 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về ý nghĩa của tinh thần đoàn kết.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1: -** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

**Câu 2:** Nội dung của văn bản: Qua câu chuyện về bó đũa, người cha muốn khuyên nhủ các con của mình về sự đoàn kết.

**Câu 3:** Tình huống truyện: Người cha đưa cho các con cả bó đũa yêu cầu bẻ làm đôi, không ai có thể bẻ gãy; sau lại đưa cho các con từng chiếc đũa riêng lẻ để họ bẻ gãy dễ dàng. Từ chuyện bó đũa, ông khuyên các con đoàn kết, thương yêu để không bao giờ bị tiêu diệt.

* Tác dụng: + Thể hiện sự từng trải, khôn khéo của người cha trong việc mượn sự yêu ớt của chiếc đũa và sức mạnh của bó đũa đề khuyên dạy con.
* + Thể hiện bài học một cách giản dị, thuyết phục về sức mạnh đoàn kết từ “chuyện bó đũa”.

**Câu 4:** Bài học rút ra từ văn bản:

* Đoàn kết làm nên sức mạnh.
* Sự tương trợ nhau làm nên chỗ dựa vững vàng cho mọi thành viên trong gia đình

**Câu 5:**

Người cha trong câu chuyện là người từng trải, hiểu và yêu thương con, khi thấy các con mình mất đoàn kết, ông lo lắng bèn tìm ra cách lấy bó đũa để ngụ ý khuyên các con mình phải biết yêu thương nhau. Qua đó ta cũng thấy được người cha là biểu tượng của con người truyền thống của Việt Nam, yêu thương con, biết đoàn kết, giữ gìn bản sắc dân tộc và nhưng truyền thống tốt đẹp: cần cù, đoàn kết, thương người như thể thương thân,...

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**\* Nội dung:**

**- Giải thích**

+ Đoàn kết là tập hợp của nhiều lực lượng khác nhau tạo thành một khối vững chãi, từ đó thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ riêng để đi đến thành công. Sự đoàn kết chính là tập thể vững mạnh, khối thống nhất sẽ tạo nên sức mạnh to lớn.

+ **Tinh thần đoàn kết** là sự gắn kết, sự liên kết bền chặt giữa các cá nhân trong một tập thể để trải qua hoặc hoàn thành những giai đoạn khác nhau của cuộc sống.

* **Ý nghĩa, sức mạnh của tinh thần đoàn kết**

+ Đoàn kết không chỉ là tập hợp lực lượng thành một khối thống nhất mà phải thống nhất về tư tưởng, hành động, mục tiêu cụ thể.

+ Đoàn kết là các thành viên phải tương trợ, giúp sức lẫn nhau cùng nhau giải quyết các khó khăn, thử thách để đi đến thành công.

+ Đoàn kết là sức mạnh to lớn, chất keo gắn kết còn người tạo nên sức mạnh vượt trội.

+ Tinh thần đoàn kết giúp cho con người cảm thấy bản thân mình không bị lạc lõng, luôn có động lực để phấn đấu tới những điều tốt đẹp hơn.

+ Tinh thần đoàn kết giống như một tấm lá chắn lớn giúp con người vững bước vượt qua những khó khăn, thách thức trong cuộc sống.

**- Bài học nhận thức và hành động**

+ Làm sao có được sự đoàn kết ?

+ Lên án người không có sự đoàn kết:

**PHIẾU SỐ 4: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**CHÚ RÙA THÔNG MINH**

*Ngày xưa, ở trên núi Ba Vì có một con hổ rất hung dữ. Mỗi khi bắt được một con vật nào đó thường đùa giỡn làm cho con vật đó khiếp sợ rồi mới ăn thịt. Một hôm, Hổ đang lang thang đi tìm mồi thì nhìn thấy một con Rùa bé nhỏ. Hổ cong đuôi nhảy tới bên cạnh, giơ chân vờn mai Rùa và cất tiếng ồm ồm chế giễu:*

* *Hỡi chú Rùa bé nhỏ, thân hình chú chưa bằng nửa bàn chân của ta, mà cái vỏ chú lại nặng nề thế này thì còn làm ăn gì được. Chú để ta lột cái vỏ này đi cho nhé!*

*Rùa gặp Hổ thì rất sợ hãi, nhưng khi thấy Hổ không ăn thịt mình liền bình tĩnh và nghĩ ra một kế để lừa hổ. Rùa trả lời rằng:*

* *Bác Hổ ạ, tôi tuy bé nhỏ nhưng trong rừng này tôi đều có thể bắt cả các loài thú vật to lớn hơn tôi để ăn thịt đấy.*

*Nghe Rùa nói vậy, Hổ lấy làm lạ, liền hỏi lại:*

* *Này, chú đừng nói láo thế. Nếu chú đã ăn thịt được con nào lớn hơn chú thì cũng phải có gì làm bằng chứng chứ.*

*Rùa ta khạc ngay trong miệng ra một miếng mộc nhĩ mà Rùa thường ăn rồi nói với Hổ:*

* *Bác hãy xem, đây là gan con Voi tôi vừa ăn sáng nay đấy. Tôi bắt được con vật nào cũng chỉ có lá gan là đủ no, chứ không như bác phải ăn cả xương lẫn thịt nhé.*

*Con Hổ chưa ăn mộc nhĩ bao giờ nên tưởng là gan Voi thật, nó hoảng quá, sợ Rùa cũng sẽ bắt nó ăn gan, liền cong đuôi chạy mất.*

(*Hổ và các con vật nhỏ bé*, Truyện ngụ ngôn Việt Nam, trong Thegioicotich.vn)

**Câu 1:** Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản.

**Câu 2:** Xác định đề tài, nhân vật, không gian, thời gian trong văn bản.

**Câu 3:** Mỗi khi gặp con vật nào đó, Hổ thường làm gì?

**Câu 4:** Khi gặp con vật hung dữ như Hổ, Rùa đã thoát nạn bằng cách nào? Qua đó, em có nhận xét gì về Rùa.

**Câu 5:** Cùng là cuộc đối đầu giữa kẻ yếu và kẻ mạnh, Rùa và hổ trong truyện ngụ ngôn Việt Nam trên khác gì so với Chiên con và Cáo trong truyện ngụ ngôn La Phông – ten mà em đã học?

**Câu 6:** Viết đoạn văn ngắn (3-5 câu) để trả lời cho câu hỏi: *Cần làm gì khi đối đầu với kẻ mạnh*

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:**

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

- Thể loại: Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2:**

* Đề tài: Kẻ mạnh và kẻ yếu – ai là người chiến thắng
* Nhân vật: Hổ và rùa
* Không gian: núi Ba Vì
* Thời gian: Ngày xưa, một hôm

**Câu 3:** Mỗi khi gặp con vật nào đó, Hổ thường đùa giỡn, làm con vật đó khiếp sợ rồi mới ăn thịt.

**Câu 4:** Khi gặp con vật hung dữ như Hổ, Rùa sợ hãi nhưng vẫn bình tĩnh tìm cách đối phó. Rùa nói với Hổ mình có thể bắt tất cả các con thú to lớn để ăn thịt, sau đó khạc miếng mộc nhĩ trong mồm ra và nói đó là gan con Voi mà Rùa đã ăn thịt để làm bằng chứng.

* Rùa bình tĩnh, thông minh đối phó với kẻ mạnh hơn mình.

**Câu 5:** - Rùa trong truyện Chú Rùa thông minh bình tĩnh làm chủ tình thế, gợi cuộc đối thoại theo ý của mình. Con Hổ hung dữ nhưng khi nghe lời Rùa nói tưởng thật nên sợ hãi bỏ đi.

* Chiên con trong truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con (Truyện ngụ ngôn Ê-dốp)* cũng bình tĩnh đối đáp lại câu hỏi của Sói nhưng Sói lí sự cùn, không nghe lời của chiên con, tìm mọi cách buộc tội và ăn thịt chiên con.

**Câu 6:**

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:** Có thể theo một vài ý:

* Bình tĩnh khi phải đối đầu với những nguy hiểm rình rập.
* Khéo léo xử lí, làm chủ câu chuyện của chính mình.
* Tránh xa những nguy hiểm nếu như có thời cơ…

**PHIẾU SỐ 5: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG**

*1.Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. Bỗng một hôm, cô Mắt đến than thở với cậu Chân, cậu Tay rằng:*

*– Bác Tai, hai anh và tôi làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được hay không.*

*Cậu Chân, cậu Tay cũng nói:*

*– Phải đấy, chúng ta phải đi nói cho lão Miệng biết để lão tự lo lấy. Chúng ta vất vả nhiều rồi. Nay đã đến lúc lão phải tự mình tìm lấy thức ăn, xem lão có làm nổi không.*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cùng kéo nhau đến lão Miệng. Đi qua nhà bác Tai, họ thấy bác ta đang ngồi im lặng như nghe ngóng điều gì. Cả ba cùng chạy vào cùng nói:*

*– Bác tai ơi, bác có đi với chúng cháu đến nhà lão Miệng không? Chúng cháu đến nói cho lão biết từ nay chúng cháu không làm cho lão ăn nữa. Chúng cháu cũng như bác, lâu nay vất vả nhiều rồi, nay phải nghỉ ngơi mới được.*

*Bác Tai gật đầu lia lịa:*

*– Phải, phải… Bác sẽ đi với các cháu!*

*Bốn người hăm hở1 đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ không chào hỏi gì cả. Cậu Chân, cậu Tay nói thẳng luôn với lão:*

*– Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết: từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.*

*Lão Miệng nghe nói, rất lấy làm ngạc nhiên. Lão nói:*

*– Có chuyện gì muốn bàn với nhau thì hãy vào nhà đã. Làm gì mà nóng nảy thế?*

*Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay đều lắc đầu mà rằng:*

*– Không, không phải bàn bạc gì nữa. Từ nay trở đi, ông phải lo lấy mà sống. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ không làm gì cả. Xưa nay, chúng tôi có biết cái gì ngọt bùi ngon lành mà làm cho cực!*

*Nói rồi cả bọn kéo nhau về.*

*2. Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời. Cậu Chân, cậu Tay không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy vui đùa như trước nữa; cô Mắt thì ngày cũng như đêm lúc nào cũng lờ đờ2, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ không được. Bác Tai trước kia hay đi nghe hò nghe hát, nghe tiếng gì cũng rõ, nay bỗng thấy lúc nào cũng ù như xay lúa ở trong. Cả bọn lừ đừ3 mệt mỏi như thế, cho đến ngày thứ bảy thì không chịu được nữa, đành họp nhau lại để bàn.*

*3. Bác Tai nói với cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay:*

*– Chúng ta lầm rồi các cháu ạ. Chúng ta nếu không làm cho lão Miệng có cái ăn thì chúng ta sẽ bị tê liệt tất cả. Lão Miệng không đi làm, nhưng lão có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc chứ không phải ăn không ngồi rồi4. Trước kia sống với nhau thân thiết như thế, nay tự dưng chúng ta gây nên chuyện. Lão Miệng có ăn thì chúng ta mới khỏe khoắn được. Chúng ta nên đến nói lại với lão, các cháu có đi không?*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cố gượng dậy đi theo bác Tai đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ thấy lão Miệng cũng nhợt nhạt cả hai môi, hàm răng thì khô như rang, không buồn nhếch mép. Bác Tai, cô Mắt vực lão Miệng dậy. Còn cậu Chân, cậu Tay thì đi tìm thức ăn. Lão Miệng ăn xong dần dần tỉnh lại. Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay tự nhiên thấy đỡ mệt nhọc, rồi thấy trong mình khoan khoái5 như trước. Từ đó*[*lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay*](https://truyendangian.com/chan-tay-tai-mat-mieng/)*lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị6 ai cả.*

(In trong *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam, Truyện cười-Truyện trạng cười – Truyện ngụ ngôn,* Phan Trọng Thưởng, Nguyễn Cừ (biên soạn, tuyển chọn), NXB Giáo dục, 2007)

**\*Chú giải:**

*(1)Hăm hở:* Dáng bộ hăng hái, muốn thực hiện ngay ý định.

1. *Lờ đờ:* chậm chạp, thiếu tinh nhanh
2. *Lừ đừ:* chậm chạp, mệt mỏi.
3. *Ăn không ngồi rồi:* chỉ ăn, không làm, sống hưởng thụ mà không lao động
4. *Khoan khoái:* cảm giác dễ chịu, thoải mái.
5. *Tị:* so bì, thiệt hơn

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:** Vì sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai lại so bì với lão Miệng?

**Câu 3:** Hậu quả của việc so bì, tị nạnh đó như thế nào? Họ đã giải quyết hậu quả đó bằng cách nào?

**Câu 4:** Theo em, ai là người nhận thức ra vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề đầu tiên? Vì sao?

**Câu 5:** Truyện mượn các bộ phận cơ thể để nói chuyện con người. Có thể ví cơ thể người như một tổ chức, một cộng đồng… Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng là những cá nhân trong tổ chức, cộng đồng nào đó. Từ mối quan hệ này, truyện nhằm khuyên nhủ điều gì?

**Câu 6:** Viết đoạn văn ngắn (7-10 dòng) nêu suy nghĩ của em về hậu quả của thói suy bì, tị nạnh trong cuộc sống.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Thể loại: Truyện ngụ ngôn

Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

**Câu 2:** Vì:

– Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai đều cho rằng họ phải làm việc vất vả để nuôi lão Miệng.

– Còn lão Miệng thì chẳng phải làm gì cả mà chỉ ngồi ăn không

=> Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai cảm thấy ghen tị, bất bình khi bản thân phải làm việc mệt nhọc để cho lão Miệng hưởng lợi

**Câu 3**

* Hậu quả: Cả bọn lừ đừ, mệt mỏi, rã rời gần như tê liệt.
* **Cách giải quyết:** Mọi người đã:

+ Chăm sóc lão Miệng, thái độ tận tình

+ Cuộc sống đoàn kết, hòa thuận, vui vẻ, khỏe mạnh.

**Câu 4:** Bác Tai nhận ra sai lầm vì là nơi lắng nghe và thấu hiểu.

**Câu 5:** Truyện nêu ra bài học rằng trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau gắn bó với nhau để cùng tồn tại, do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.

**Câu 6: HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**\* Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

\*  **Nội dung**  
 **- MĐ:**Giới thiệu vấn đề nghị luận: Lòng đố kị.

**- TĐ:**

**+ Giải thích:** Đố kị là sự ghen ghét, không công nhận, thậm chí có suy nghĩ, hành động bài trừ đối với những thành tựu của người khác.Lòng đố kị thể hiện qua những hành động suy nghĩ tỏ ra khó chịu khi người khác hơn mình.

**+ Bàn luận về tác hại của đố lòng kị**

.)Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác.

.) Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân.

.) Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.

**+ Bài học nhận thức và hành động**: Lòng đố kị là tính xấu của con người cần phải loại trừ con người cần có lòng cao thượng khoan dung rộng rãi; Cạnh tranh lành mạnh, cố gắng hết sức để vượt qua khó khăn.

**- KĐ**: Khẳng định lại tác hại của đố kị và liên hệ bài học cho bản thân.

**PHIẾU SỐ 6:**

**Câu 1.** Chân, tay, tai, mắt, miệng là truyện ngụ ngôn:

**A. Nhân hóa các bộ phận trên thân thể con người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.**

B. Ẩn dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

C. Hoán dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

D. So sánh các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

**Câu 2.** Tại sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai lại so bì với bác Miệng

**A. Họ nhận thấy họ phải làm việc cực nhọc quanh năm, còn lão Miệng không phải làm gì vẫn có cái ăn**

B. Từ lâu họ đã thấy lão Miệng khác họ

C. Họ không thích tính cách của lão Miệng

D. Cả B và C đều đúng

**Câu 3.** Tai, Mắt, Chân, Tay, Miệng tượng trưng cho những con người trong một tổ chức, đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

**Câu 4.** Truyện mang ý nghĩa gì?

A. Mỗi cá nhân không thể tách khỏi mối quan hệ mật thiết với cộng đồng

B. Sống trong cộng đồng cần có tinh thần tập thể, một người vì mọi người

**C. Cả A và B đều đúng**

D. A đúng, B sai

**Câu 5.** Truyện ngụ ngôn không nhất thiết sử dụng yếu tố thần kì, nếu có thì chỉ có thể giúp ta diễn đạt một cách sinh động những khái niệm khô khan, đúng hay sai?

A. Đúng

**B. Sai**

**Câu 6.** Truyện ngụ ngôn là gì?

A. Truyện có tính chất gây cười

B. Truyện kể về nguồn gốc dân tộc và những sự kiện lịch sử trong quá khứ

C. Truyện kể về sự tích các loại vật, đồ vật

**D. Truyện kể về loài vật, đồ vật, cây cối, con người, nhằm đưa ra những bài học khuyên răn con người.**

**Câu 7.** Ai là người đưa ra quan điểm: “Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được hay không” đầu tiên?

A. Cậu Tay

**B. Cô Mắt**

C. Bác Tai

D. Cậu Chân

**Câu 8.** Khi nghe mọi người nói: “Từ nay chúng tôi không làm gì để nuôi ông nữa” thì thái độ của bác Miệng như thế nào?

A. Rất buồn phiền

**B. Rất ngạc nhiên**

C. Rất đau khổ

D. Rất bình tĩnh

**Câu 9.** Kết thúc của truyện ngụ ngôn này là kết thúc có hậu, do ý thức được bản chất vấn đề, đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

* **DẠNG 3: DẠNG VIẾT NGẮN**

# Đề bài **: Có ý kiến cho rằng: “Từ câu chuyện cãi vã của các bộ phận, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã truyền tải bài học ý nghĩa về tinh thần đoàn kết”. Em hãy phân tích truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng để làm sáng tỏ ý kiến trên.**

# **\*DÀN Ý THAM KHẢO:**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn (khái niệm, đặc trung nghệ thuật, ý nghĩa…)

- Giới thiệu về truyện “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng” (tóm tắt, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…)

- Nêu ý kiến

**b. Thân bài**

**\*Khái quát nhận định.**

**\*Phân tích:**

**\* Chân, Tay, Tai, Mắt so bì, tị nạnh với lão Miệng**

- Họ kéo nhau đến nhà lão Miệng, đến nơi không chào hỏi, nói thẳng với lão “Từ nay chúng tôi không làm gì để nuôi ông nữa”

**\*Hậu quả về hành động của Chân, Tay, Tai, Mắt**

- Cậu Chân, cậu Tay: không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy, vui đùa như trước

- Cô Mắt: ngày cũng như đêm lúc nào cũng lờ đờ, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ thì không được

- Bác Tai: nghe tiếng gì cũng không rõ, thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong

→ Cả hội lừ đừ, mệt mỏi

**\* Cách sửa chữa hậu quả**

- Cả bọn cố gượng dậy đến nhà lão Miệng, vực lão Miệng dậy và tìm thức ăn cho lão

- Cả bọn lại chung sống hòa thuận, mỗi người một việc như trước, không ai tị nạnh ai cả

- Bài học cho bản thân: Từ câu chuyện của Chân, Tay, Tai, Mắt, Miêng, truyện nêu ra bài học: Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại; do đó, phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau

**\* Đánh giá ý kiến**.

**c. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản:

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- GV giao đề bài sau, giúp HS vận dụng kĩ năng đọc hiểu thể loại truyện ngụ ngôn: Tìm đọc từ 1 văn bản thuộc thể loại truyện ngụ ngôn. Ghi lại việc đọc hiểu của mình vào phiếu học tập sau.

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN VĂN BẢN:..................................... TÁC GIẢ........................................** | |
| **Nội dung đọc hiểu** | **Trả lời** |
| 1. Đề tài | ..... |
| 2. Cốt truyện, sự kiện | ..... |
| 3. Tình huống truyện | ..... |
| 4. Nhân vật | ..... |
| 5. Ngôn ngữ | ..... |
| 6. Giá trị của tác phẩm | ..... |

- Ôn tập Vb: *Một số câu tục ngữ Việt Nam.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN**

**MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù:** Đọc

- Học sinh ôn luyện, cũng cố và nâng cao mở rộng kiến thức về tục ngữ.

- Rèn và phát triển năng lực đọc hiểu tục ngữ:

+ Thành thạo kĩ năng nhận diện hình thức của các câu tục ngữ qua văn bản “Một số câu tục ngữ Việt Nam” và các câu tục ngữ ngoài chương trình.

+ Hiểu được nội dung, một số hình thức nghệ thuật và ý nghĩa của những câu tục ngữ trong bài học.

**-** Tích cực chủ động tìm hiểu đặc điểm về hình thức, nội dung của tục ngữ.

- Nắm được những bài học kinh nghiệm quý báu mà ông cha ta gửi gắm trong các câu tục ngữ và vận dụng vào thực tiễn phù hợp, đạt hiệu quả cao

**b. Năng lực chung**

*Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Chủ động đề ra kế hoạch học tập và thực hiện hiệu quả

*Tự chủ và tự học:* Học sinh tự giác tích cực học tập, hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập của cá nhân, tổ nhóm.

**2. Phẩm chất:** Có ý thức khám phá, tìm hiểu vẻ đẹp của văn bản nghị luận văn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị:** Ti vi( máy chiếu), máy tính.

**2. Học liệu**:

- Đề bài, phiếu học tập.

- Đoạn văn tham khảo.

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức ngữ văn để cho học sinh bước vào ôn tập hiệu quả.

**b**. **Nội dung:** Học sinh chia sẻ kĩ năng đọc hiểu tục ngữ.

**c. Sản phẩm:** Nội dung chia sẻ thể hiện sự hiểu biết của học sinh.

**d.Tổ chức thực hiện:** Dùng phương pháp đàm thoại khơi gợi hiểu biết của học sinh.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**CHIA SẺ CÁ NHÂN**

**Câu 1: Tục ngữ là một thể loại của bộ phận văn học nào ?**

A. Văn học dân gian.

B. Văn học viết

C. Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp

D. Văn học thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**Câu 2: Em hiểu thế nào là tục ngữ ?**

A. Là những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh.

B. Là những câu nói thể hiện kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt.

C. Là một thể loại văn học dân gian

D. Cả ba ý trên.

**Câu 3: Câu nào sau đây không phải là tục ngữ ?**

A. Khoai đất lạ, mạ đất quen

B. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa

C. Một nắng hai sương

D. Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân

**Câu 4: Nhận xét nào sau đây giúp phân biệt rõ nhất tục ngữ và ca dao ?**

A. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn ca dao, câu đơn giản nhất cũng phải là một cặp lục bát (6/8).

B. Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn ca dao nói đến tư tưởng tình cảm của con người.

C. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định, thiên về lí trí, nhằm nêu lên những nhận xét khách quan còn ca dao là thơ trữ tình, thiên về tình cảm, nhằm phô diễn nội tâm con người.

D. Cả A, B, C đều sai.

**Câu 5: Dòng chứa khái niệm về tục ngữ?**

* + 1. Tục ngữ là những câu có vần điệu, có hình ảnh nhằm đúc kết kinh nghiệm về đời sống và con người.
    2. Tục ngữ là câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người.
    3. Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn về thế giới tự nhiên và xã hội.
    4. Tục ngữ là những câu nói có vần điệu, có hình ảnh nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và những ứng xử của con người.

**Câu 6: Dòng nào nói lên đặc điểm nghệ thuật của tục ngữ?**

A.Tính ngắn gọn, hàm súc; tính đối xứng, vần điệu, hình tượng.

B. Tính đối xứng, vần điều, hình tượng.

C. Dễ thuộc dễ nhớ, dễ vận dụng.

D. Gần gũi, giản dị, dễ hiểu.

**Câu 7: Tính ngắn gọn, hàm súc của tục ngữ biểu hiện ở?**

A.Việc sắp xếp vị trí các tiếng, các từ tối ưu đến mức chỉ có một sự dịch chuyển nhỏ cũng đủ phá vỡ toàn bộ câu tục ngữ.

B. Ngắn gọn, ý nhiều mà lời ít.

C. Ngôn ngữ giàu hình ảnh.

D. Cả ý A và B

**Câu 8: Tình hình tượng của tục ngữ được tạo bởi:**

A.Lối nói quá.

B. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, vần điệu.

C. Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá ẩn dụ,…

D. Các hình thức điệp.

**Câu 9: Dòng nào nói lên giá trị thực tiễn của tục ngữ?**

A.Tục ngữ chứa đựng kinh nghiệm được đúc rút, tổng kết từ truyền miệng.

B. Tục ngữ là kinh nghiệm được đúc rút từ việc so sánh lí thuyết với thực tiễn.

C. Tục ngữ chứa đựng kinh nghiệm được học tập từ văn học dân gian thế giới.

D. Chứa đựng kinh nghiệm được đúc rút, tổng kết dựa vào quan sát thực tiễn của nhân dân.

**Câu 10: Dòng nào nói lên nhận xét khái quát về tục ngữ?**

A.Là một cụm từ cố định, chưa thành câu, có thể dùng để tạo câu.

B. Tục ngữ là một câu nói hàon chỉnh, diễn đạt trọn vẹn một ý.

C. Là một ngữ nêu lên mệnh đề.

D. Là câu đặc biệt thông báo sự tồn tại (việc, người)

**Câu 11 : Việc ngắt nhịp đúng ở tục ngữ có tác dụng như thế nào?**

A.Ngắt nhịp đúng sẽ giúp ta hiểu đúng ý nghĩa của câu tục ngữ và ngược lại.

B. Việc ngắt nhịp ở tục ngữ góp phần chuyền tải nội dung, ý nghĩa câu tục ngữ.

C. Ngắt nhịp đúng sẽ giúp ta dễ thuộc, dễ nhớ câu tục ngữ để vận dụng.

D. Ngắt nhịp đúng sẽ thể hiện tính đối xứng của 2 vế trong câu tục ngữ.

**Câu 12: Nhờ các biện pháp tu từ mà lối nói của Tục ngữ tuy ngắn nhưng vẫn:**

A.Dễ hiểu.

B. Hấp dẫn.

C. Sinh động.

D. Đầy đủ.

**Câu 13: Câu tục ngữ “Ăn một miếng, tiếng để đời” sử dụng cách gieo vần nào?**

A.Vần liền

B. Vần cách.

C. Vần liền xen vần cách.

D. Vần lưng.

**Câu 14: Câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người” chứa đựng kinh nghiệm về:**

1. Về cách ăn tiêu
2. Về ứng xử
3. Về đánh giá con người.
4. Về đạo đức con người.

**Câu 15: Những kinh nghiệm được đúc kết trong các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất có ý nghĩa gì ?**

A. Là bài học dân gian về khí tượng, là hành trang, “túi khôn” của nhân dân lao động, giúp cho họ chủ động dự đoán thời tiết và nâng cao năng xuất lao động

B. Giúp nhân dân lao động chủ động đoán biết được cuộc sống và tượng lai của mình.

C. Giúp nhân dân lao động có một cuộc sống vui vẻ, nhàn hạ và sung sướng hơn.

D. Giúp nhân dân lao động sống lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống và công việc của mình.

**Câu 16: Các câu tục ngữ trong bài học Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất nói riêng và tục ngữ nói chung nên được hiểu theo nghĩa nào ?**

A. Nghĩa đen. B. Nghĩa bóng

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A, B và C đều sai

**Câu 17: Những câu tục ngữ đồng nghĩa là những câu tục ngữ như thế nào ?**

A. Có ý nghĩa gần giống nhau B. Có ý nghĩa trái ngược nhau

C. Có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau D. Có ý nghĩa mâu thuẫn với nhau.

**Câu 18: Những câu tục ngữ trái nghĩa là những câu có ý nghĩa như thế nào với nhau ?**

A. Hoàn toàn trái ngược nhau B. Bổ sung ý nghĩa cho nhau

C. Hoàn toàn giống nhau D. Mâu thuẫn với nhau

**Câu 19: Câu nào trái nghĩa với câu tục ngữ “Rét tháng ba bà già chết cóng” ?**

A. Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

B. Bao giờ cho đến tháng ba,

Hoa gạo rụng xuống bà già cất chăn.

C. Mưa tháng ba hoa đất

Mưa tháng tư hư đất.

D. Bao giờ cho đến tháng ba

Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng.

**Câu 20: Câu tục ngữ “Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền” dùng cách gieo vần nào?**

A.Vần liền.

B. Vần cách

C. Vần liền xen vần cách.

D. Vần lưng

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Ônluyện, củng cố kiến thức về tục ngữ

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện cá nhân, cặp đôi các câu hỏi ôn luyện kiến thức về tục ngữ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời thể hiện hiểu biết của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** GV lần lượt chiếu các câu hỏi, yêu cầu HS lần lượt trả lời cá nhân/cặp đôi các câu hỏi để ôn tập lại kiến thức ngữ văn về kiểu bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi ôn tập** | **Trả lời** |
| **Câu 1**  Nêu khái niệm về tục ngữ. | **1. Khái niệm**  - Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn có vần điệu, có ý nghĩa khái quát lớn thường tổng kết những kinh nghiệm trong đời sống của nhân dân. |
| **Câu 2**  Nêu đặc điểm về nội dung và hình thức của tục ngữ. | **2. Đặc điểm của tục ngữ:**  \* Về nội dung:  - Tục ngữ thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội.  \* Về hình thức:  - Thường ngắn gọn (câu ngắn nhất gồm 4 chữ, câu dài có thể dưới 16 chữ)  - Có nhịp điệu, hình ảnh.  - Hầu hết thường có vần và thường là vần lưng. Vần lưng trong tục ngữ có thể được gieo ở hai tiếng liền nhau.  VD: *Bút* ***sa gà*** *chết*  *Một điều* ***nhịn chín*** *điều lành.*  Hoặc gieo ở hai tiếng cách nhau gọi là vần cách.  VD: *Tôm đi chạng* ***vạng****, cá đi* ***rạng*** *đông.*  -Thường có hai về trở lên, các vế đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung.  VD: *Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.*  -Thường đa nghĩa nhờ sử dụng các biện pháp tu từ, nhất là tục ngữ về con người và xã hội. |
| * **Câu 3** * Nêu chiến lược đọc hiểu tục ngữ | **3. Chiến lược đọc hiểu tục ngữ:**  - Đọc kỹ văn bản để xác định chủ đề tục n gữ.  - Phát hiện các yếu tố nghệ thuật (ngôn ngữ, nhịp, vần, cấu trúc, hình tượng, các biện pháp nghệ thuật,…), phân tích các yếu tố đó.  - Suy nghĩ để tiếp nhận những kinh nghiệm, cảm nhận tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong cuộc sống, lao động, sinh hoạt.  - Phân tích, đánh giá được giá trị nhận thức, văn hoá, giáo dục từ văn bản.  - Liên hệ để thấy ý nghĩa của văn bản đối với bản thân, bài học nhận thức từ kinh nghiệm dân gian. |
| **Tục ngữ**  (Những đặc trưng cơ bản và quan trọng)  Chủ đề tư tưởng  Từ ngữ  Hình ảnh  Vần nhịp  Biện pháp tu từ  Kết cấu  Kinh nghiệm | |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**a. Mục tiêu:** Học sinh ôn luyện, thành thạo kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học.

**b. Nội dung:** Học sinh hoàn thành nội dung các bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài sách giáo khoa theo hình thức cá nhân hoặc tổ nhóm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:** Giáo viên lần lượt chiếu các bài tập (phát phiếu học tập) cho HS thực hiện cá nhân/ nhóm cặp.

**PHIẾU SỐ 1:**

|  |
| --- |
| **Câu 1: Câu “Chuồn chuồn bay thấp thì mưa. Bay cao thì nắng bay vừa thì râm” thuộc thể loại văn học dân gian nào ?**  A. Thành ngữ.     B. Tục ngữ  C. Ca dao     D. Vè  **Câu 2: Nội dung những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất nói về điều gì ?**  A. Các hiện tượng thuộc về quy luật tự nhiên  B. Công việc lao động sản xuất của nhà nông.  C. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người  D. Những kinh nghiệm quý báu của nhân dân lao động trong việc quan sát các hiện tượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.  Đáp án:**D**  **Câu 3: Em hiểu câu tục ngữ “Tấc đất tấc vàng” như thế nào ?**  A. Đề cao, khẳng định sự quý giá của đất đai.  B. Cuộc sống và công việc của người nông dân gắn với đất đai đồng ruộng, đất sản sinh ra của cải, lương thực nuôi sống con người, bởi vậy đối với họ, tấc đất quý như vàng.  C. Nói lên lòng yêu quý, trân trọng từng tấc đất của những người sống nhờ đất.  D. Cả ba ý trên.  **Câu 4: Câu tục ngữ nào trong các câu sau đồng nghĩa với câu**  *“Thâm đông, hồng tây, dựng mây. Ai ơi ở lại ba ngày hãy đi ?*  A. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.  B. Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt  C. Trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa  D. Mống đông, vồng tây, chẳng mưa dây cũng bão giật  **Câu 5: Trường hợp nào cần bị phê phán trong việc sử dụng câu tục ngữ “Tấc đất, tấc vàng” ?**  A. Phê phán hiện tượng lãng phí đất  B. Đề cao giá trị của đất ở một vùng đất được ưu đãi về thời tiết, địa hình nên dễ trồng trọt, làm ăn.  C. Cổ vũ mọi người khai thác các nguồn lợi từ đất một cách bừa bãi  D. Kêu gọi mọi người hãy tiết kiệm và bảo vệ đất.  **Câu 6: Theo em, các câu tục ngữ có cách nói “thứ nhất, thứ nhì …” được dùng để nhấn mạnh thứ tự các yếu tố được coi là quan trọng đúng hay sai ?**  A. Đúng.      B. Sai  **Câu 7: Tục ngữ về con người xã hội được hiểu theo những nghĩa nào?**   1. Nghĩa đen B.Nghĩa đen + nghĩa bóng 2. Nghĩa bong C.Tất cả đều sai   **Câu 8: Câu tục ngữ nào trong bài nói về lao động sản xuất?**   1. Câu 2 B. Câu 2 và 4   C. Câu 1 và 3 D. Câu 4  **Câu 9: Từ ngữ nào trong câu “Cái răng, cái tóc là góc con người” sử dụng hình ảnh hoán dụ?**  A.Cái răng B. Cái tóc  C. Cái răng, cái tócD. Góc  **Câu 10: Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu “Đói cho sạch, rách cho thơm”?**   1. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm 2. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh 3. Giấy rách phải giữ lấy lề 4. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may   **Câu 11: Câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.” phù hợp với nội dung học tập nào sau đây?**  A. Học nóiB. Học ăn  C. Học mở D. Học gói  **Câu 12: Những vần nào được gieo trong hai câu tục ngữ sau:**  *- Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.*  *- Kiến cánh vỡ tổ bay ra*  *Bão táp mưa sa gần tới.*  A.ay – a C. ay – ay  B. uồn – a D.uồn – ưa  **Câu 13: Phương án nào KHÔNG đúng khi nêu tác dụng của cách gieo vần trong câu tục ngữ sau:**  *- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.*  *- Đói cho sạch, rách cho thơm.*  A.Dễ nhớ, dễ thuộc.  B. Tạo nhịp điệu  C. Thể hiện cảm xúc.  D. Tạo sự cân đối nhịp nhàng.  **Câu 14: Các câu tục ngữ sau thể hiện kinh nghiệm về điều gì?**  *- Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*  *- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.*  *- Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.*  A. Thời tiết.  B. Lao động, sản xuất.  C, Đời sống xã hội.  D.Đối nhân xử thế  **Câu 15: Các câu tục ngữ sau muốn nhắn gửi điều gì?**  *- Không thầy đố mày làm nên.*  *- Học thầy không tày học bạn.*  A.Vai trò của việc học thầy và học bạn.  B. Học bạn là quan trọng nhất.  C. Không có thầy thì không làm được gì cả.  D. Chỉ lựa chọn học thầy hoặc là học bạn.  **Câu 16: Các câu tục ngữ sau sử dụng biện pháp tu từ gì?**  *- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  *- Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*  A.Nhân hoá  B. So sánh  C. Ẩn dụ  D. Hoán dụ  **Câu 17: Em hiểu thế nào về câu tục ngữ “*Người sống hơn đống vàng*”?**  A.Giá trị của vàng trong cuộc sống.  B. Sự quý giá của mạng sống con người.  C. So sánh sự sống con người và vàng.  D. Người sống có sức nặng hơn vàng.  **Câu 18: Câu tục ngữ “*Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”* được hiểu theo nghĩa nào?**  A.Nghĩa tả thực.  B. Nghĩa ẩn dụ  C. Nghĩa hoán dụ.  D. Cả nghĩa tả thực và nghĩa ẩn dụ.  **Câu 19: Ý nào sau đây nêu lên ý nghĩa của câu tục ngữ “*Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa*”?**  A.Làm ruộng ba năm mang lại lợi nhuận cao bằng nuôi tằm một lứa.  B. Làm ruộng ba năm mang lại lợi nhuận cao hơn nuôi tằm một lứa.  C. Làm ruộng tuy vất vả nhưng có hiệu quả kinh tế hơn nuôi tằm.  D. Làm ruộng vừa vất vả vừa không có hiệu quả kinh tế cao bằng nuôi tằm.  **Câu 20: Câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*” khuyên nhủ con người điều gì?**   1. Khi chăm chỉ làm việc thì sẽ thu được nhiều thành quả lao động tốt đẹp. 2. Cần phải biết ơn, trân trọng những người đã tạo ra thành quả cho chúng ta hưởng ngày hôm nay. 3. Cần phải sống gắn bó, đoàn kết để tạo nên sức mạnh, phấn đấu đạt được những thành công to lớn trong cuộc sống. 4. Cần phải giữ gìn phẩm chất ngay thẳng, trong sạch, tử tế cho dù cuộc sống có khó khăn, thiếu thốn đến đâu đi nữa. |

**PHIẾU SỐ 2: Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời câu hỏi:**

*1.Mây thành vừa hanh vừa giá.*

*2. Sấm bên đông, động bên tây.*

*3. Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.*

*4. Nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.*

*5. Có vất vả mới thanh nhàn*

*Không dưng ai dễ cầm tàn che cho.*

**\*Chú thích:**

(1) *Mây thành*: mây kéo dài, phần ở chân trời như bức tường thành cổ.

(2) *Tàn*: đồ dùng có cán dài cắm vào một cái khung tròn bọc nhiễu hoặc vóc, xung quanh rũ dài xuống để che cho vua chúa thời trước hoặc che kiệu trong các đám rước.

**Câu 1**: Phân tích cấu trúc trong câu tục ngữ : “Nhai kỹ no lâu/ Cày sâu tốt lúa” theo gợi dẫn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số tiếng trong mỗi vế câu** | **Từ loại** |
| *Nhai kỹ no lâu* |  |  |
| *Cày sâu tốt lúa* |  |  |
| **Nhật xét chung** |  | |

**Câu 2:** Em hãy nhận xét các hình ảnh được sử dụng trong câu tục ngữ trên.

**Câu 3**: Xác định chủ đề của những câu tục ngữ đã cho.

**Câu 4**: Phân tích ý nghĩa câu tục ngữ: “Trời nắng tốt dưa/ Trời mưa tốt lúa”. Từ đó hãy nhận xét giá trị kinh nghiệm mà dân gian đúc kết trong câu tục ngữ này.

**Câu 5:** Từ ý nghĩa của bài 4 em hãy viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về câu tục ngữ : “Trời nắng tốt dưa/ Trời mưa tốt lúa”.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số tiếng trong mỗi vế câu** | **Từ loại** |
| *Nhai kỹ no lâu* | Bốn tiếng | Động từ (nhai) + Tính từ ( kỹ, no, lâu) |
| *Cày sâu tốt lúa* | Bốn tiếng | Động từ (cày) + Tính từ (sâu, tốt) + Danh từ (lúa) |
| **Nhật xét chung** | -Cấu trúc đối xứng, ngắn gọn, cân đối tạo nên nhịp điệu hài hoà của câu tục ngữ phù hợp với tính chất truyền miệng, dễ nhớ. Cách gieo vần âu ở tiếng thứ tư (lâu) của vế trước với tiếng thứ hai (sâu) của vế sau tạo nên điểm nhấn quan trọng của lời nói, tạo nên sự liên kết của hai vế trong câu.  - Đối xứng về từ loại: động từ với động từ; tính từ với tính từ. Các động từ chỉ hành động (nhai, cày) kết hợp với các tính từ (kĩ, no, lâu, sâu, tốt) chỉ tính chất của hành động, nhấn mạnh hiệu quả hành động: nhai kỹ khiến thức ăn được nghiền nát, quá trình hấp thu dinh dưỡng đầy đủ dễ dàng, cơ thể được nuôi dưỡng đầy đủ; cày sâu làm cho đất có độ nhuyễn cao, tơi xốp cây lúa dễ hấp thu dinh dưỡng trong đất.  🡪Câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm quý báu: khi làm việc gì, sự cẩn thận, kĩ càng sẽ là yếu tố dẫn ta đến thành công. | |

**Câu 2**: Hình ảnh được sử dụng tỏng các câu tục ngữ trên chủ yếu là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi với cuộc sống lao động của người dân xưa. Đồng thời, những hình ảnh đó cũng cho thấy sự quan sát tỉ mỉ của họ trước các hiện tượng của tự nhiên cũng như trong sản xuất.

**Câu 3**: Xác định chủ đề của những câu tục ngữ:

Câu tục ngữ số 1,2: kinh nghiệm về thời tiết.

Câu tục ngữ số 3,4,5: kinh nghiệm về lao động.

**Câu 4:**

* Câu tục ngữ đã truyền đạt kinh nghiệm trồng trọt và cách lựa chọn loại cây trồng phù hợp theo mùa để có năng suất cao:
* + Dưa phù hợp với thời tiết nắng, vì thế khi trời nắng nóng sẽ thích hợp để trồng dưa.
* + Lúa (nhất là lúa nước) rất cần nước. Khi trời mưa, đất ẩm, đủ nước sẽ thích hợp để trồng lúa.
* Kinh nghiệm dân gian đúc kết từ bao đời giúp người nông dân chủ động lựa chọn theo thời vụ mà trồng loại cây cho phù hợp để có năng suất cao.
* Đây là bài học kinh nghiệm quý giá cho nhà nông, nhưng cũng là bài học chung cho mọi người: để có hiệu suất tốt của công việc, bên cạnh các yêu tố chủ quan, cần lựa chọn các yêu tố khách quan phù hợp.

**Câu 5:**

**Tham khảo:** Câu tục ngữ "Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa" là câu tục ngữ thuộc về lao động và kinh nghiệm sản xuất. Câu tục ngữ với cấu trúc ngắn gọn, có tính chất truyền miệng cao, cùng với cách gieo vần "ưa" đã tạo cho câu tục ngữ tính chất dễ nhớ, dễ truyền miệng và dễ được lưu truyền cho hậu thế. Câu tục ngữ đã truyền đạt kinh nghiệm về thời tiết liên quan đến cây trồng đặc thù. Khi thời tiết nắng nóng thì sẽ thích hợp để trồng dưa, còn khi thời tiết mưa nhiều đất ẩm thì sẽ thích hợp để trồng lúa nước. Kinh nghiệm giúp cho nhân dân ta chủ động lựa theo thời tiết mà trồng loại cây cho phù hợp và có nắng suất cao. Việt Nam là đất nước có thời tiết theo mùa nên việc chủ động trồng trọt cho phù hợp với thời tiết để có năng suất sao cho phù hợp để có năng suất cao là vô cùng cần thiết. Tóm lại, câu tục ngữ "Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa" là câu tục ngữ có ý nghĩa quan trọng đối với việc trồng trọt của nước ta.

**PHIẾU SỐ 3**: **Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời câu hỏi:**

*1.Cá chuối đắm đuối vì con.*

*2. Em thuận, anh hoà là nhà có phúc.*

*3. Nói trăm thước không bằng bước một gang.*

*4. Có cứng mới đứng đầu gió.*

*5. Ai ơi, chớ vội cười nhau,*

*Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.*

**Câu 1**: Nhận xét về cách gieo vần của câu tục ngữ: “Có cứng mới đứng đầu gió”.

**Câu 2**: Nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu tục ngữ: “Nói trăm thước không bằng bước một gang.”

**Câu 3**: Những kinh nghiệm nào được nhắc đến trong các câu tục ngữ trên. Bài học mà em rút ra từ các câu tục ngữ đó là gì?

**Câu 4**: Phân tích câu tục ngữ: “Ai ơi, chớ vội cười nhau/ Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười”. Theo em, tác giả dân gian muốn gửi gắm thông điệp gì qua câu tục ngữ đó?

**Câu 5**: Câu tục ngữ: “Em thuận, anh hoà là nhà có phúc” đề cập đến quan hệ nào trong gia đình?

**Câu 6**: Ca dao và tục ngữ đều có những bài sử dụng thể thơ lục bát, vừa bộc lộ tâm trạng vừa đúc kết những kinh nghiệm của nhân dân, em hãy gợi ý cách phân biệt hai thể loại trên.

**Câu 7:** Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về câu tục ngữ “ Thương người như thể thương thân”

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**:

* Câu tục ngữ sử dụng vần cách: *“Có* ***cứng*** *mới* ***đứng*** *đầu gió”.*
* Vần được ví như chất keo dính kết các từ, góp phần làm cho câu tục ngữ bền vững, tạo nhịp điệu và hiệu quả hoà âm khiến câu tục ngữ trở nên mềm mại.

**Câu 2**:

Câu tục ngữ sử dụng biện pháp so sánh, So sánh giữa “nói” và “bước”, giữa lời nói và việc làm; nói thì lớn (trăm thước), làm thì ngược lại (một gang).

**Câu 3**:

Văn bản (1): Từ việc cá chuối mẹ chịu mọi gian khổ, hi sinh vì đàn con, câu tục ngữ noi về bài học của tình mẫu tử.

Văn bản (2): Trong gia đình, không chỉ tuân thủ tôn ti, trật tự, điều quan trọng anh em phải biết yêu thương, tôn trọng nhau. Đấy chính là bài học về nền tảng đạo đức gia đình.

Văn bản (3): Có người nói thì hay, làm lại rất dở. Bài học: thay vì nói hay hãy thể hiện bằng việc làm cụ thể.

Văn bản (4): Có mạnh mẽ, cứng rắn, tự tin mới đứng ở những nơi khó khăn, thử thách. Câu tục ngữ là bài học về sự tự tin, mạnh mẽ, nghị lực để đương đầu với thử thách.

Văn bản (5): Thói đời, có kẻ chỉ biết cười chê, dèm pha người khác. Câu tục ngữ khuyên ta, trước khi làm gì hay định chê bai ai đó hãy tự ngẫm, tự xem lại chính mình.

**Câu 4**:

\*Câu tục ngữ là lời nhắn nhủ của tác giả dân gian về cách ứng xử trong cuộc sống:

- Câu tục ngữ mở đầu bằng “ai ơi” là tiếng gọi tha thiết, thân mật.

- Cách nói của tác giả dân gian rất ý nhị: “chớ vội” nhắc ta không nên vội vàng, hãy suy ngẫm về chính mình trước khi “cười” ai, suy rộng ra, trước khi làm gì hoặc chê bai người khác hãy tự nhìn lại bản thân mình.

- Cách sử dụng thể thơ lục bát khiên lời khuyên nhẹ nhàng mà thấm thía.

\*Câu tục ngữ không chỉ nói đến kinh nghiệm ứng xử, thông điệp mà tác giả dân gian gửi gắm thấu đáo, cần tự kiểm điểm soi lại mình trước khi phê bình hay phán xét ai đó.

**Câu 5**: Câu tục ngữ “Em thuận. anh hoà là nhà có phúc” đề cập đến quan hệ anh – em trong gia đình. Hạnh phúc của gia đình là em biết nghe lời anh, anh đối xử với em hài hoà. Anh, em đoàn kết, biết yêu thương nhau.

**Câu 6**: Gợi ý cách phân biệt ca dao và tục ngữ:

Ví dụ hai văn bản sau:

*(1)Đàn bà như cánh hoa tươi.*

*Nở ra chỉ được một thời mà thôi.*

*(2) Thân em như thể cánh hoa*

*Sóng dập gió vùi biết tấp vào đâu.*

Văn bản (1) và (2) cùng sử dụng thể thơ lục bát và hình ảnh “cánh hoa”

* Văn bản (1) só sánh người phụ nữ với cánh hoa tươi, ý nói đàn bà con gái nhan sắc chóng tàn phai, thời xuân sắc chỉ có một lần 🡪 thiên về đúc rút kinh nghiệm 🡺tục ngữ
* Văn bản (2): thân phân của người phụ nữ được so sánh với cánh hoá, khẳng định vẻ đẹp của người phụ nữ, những số phận cánh hoa/ thân phận họ sẽ ra sao thì bản thân họ không thể định đoạt được. Lời nói mang ý vị chua xót, thiên về tâm trạng, mang bản chất trữ tình 🡺 Ca dao

**Câu 7:**

Trong kho tàng văn học Việt Nam tồn tại từ xưa đến nay, mỗi câu chuyện, mỗi câu ca dao, tục ngữ, mỗi bài thơ luôn đề cập đến một truyền thống quý báu của dân tộc. Đó là truyền thống “Thương người như thể thương thân”, ca ngợi lòng thương người và phê phán những kẻ thờ ơ với người khác.Là một câu tục ngữ đầy ý nghĩa, “thương người như thể thương thân” đề cao việc yêu thương mọi người xung quanh như chính bản thân mình. Ta quí trọng, yêu thương bản thân bao nhiêu thì càng phải quí trọng, yêu thương những đồng bào quanh ta bấy nhiêu. Truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc ta đã được truyền lại qua nhiều thế hệ bằng các câu ca dao tục ngữ hay qua các câu chuyện, bài thơ. Đây là một nghĩa cử dẹp, thể hiện nhân cách của con người.***Thật vậy!***Chúng ta ai cũng hiểu rằng: là người sống trong xã hội, không ai sống lẻ loi, đơn độc được mà phải tập hợp thành đoàn thể, cộng đồng. Trong gia đình ta có mối quan hệ anh em, những người cùng huyết thống, cùng có những kỉ niệm vui buồn bên nhau. Họ chẳng khác nào như chân với tay trong cùng một cơ thể. Do đó khi có ai gặp hoạn nạn khó khăn, mọi người đâu nỡ quay mặt làm ngơ cho được, bởi "máu chảy ruột mềm”.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*- Chết trong còn hơn sống đục*

*- Đói cho sạch, rách cho thơm*

*-  Thương người như thể thương thân.*

*- Học ăn, học nói, học gói, học mở.*

*(Ngữ văn 7- tập 1, trang 12 - 14)*

**Câu 1 .** Các câu tục ngữ trên thuộc thể loại văn học nào? Trình bày khái niệm của thể loại văn học đó.

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của những câu tục ngữ đó là gì?

**Câu 3*:*** Liệt kê những phép tu từ được sử dụng trong mỗi câu tục ngữ trên.

**Câu 4.** Giải thích nghĩa câu tục ngữ: *“Đói cho sạch, rách cho thơm”*

**Câu 5.**Tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với câu tục ngữ vừa được giải thích ở trên

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:**

- Thể loại: Tục ngữ

- Khái niệm tục ngữ: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày

**Câu 2:**

- PTBĐ chính: Nghị luận

**Câu 3:**

- Các phép tu từ được sử dụng trong những câu tục ngữ: so sánh, điệp ngữ, liệt kê

**Câu 4:**

- Ý nghĩa câu: “Đói cho sạch, rách cho thơm”:

+ Nghĩa đen: Dù đói vẫn phải ăn sạch, sống sạch, dù rách vẫn phải thơm tho

+ Nghĩa bóng: dù rơi vào bất kì hoàn cảnh khó khăn nào vẫn phải sống trong sạch, lương thiện

- Câu tục ngữ giáo dục con người về lòng tự trọng, khuyên con người phải sống ngay thẳng không bao giờ được làm liều ngay cả khi khó khăn thiếu thốn

**Câu 5:**

HS tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự

+ Giấy rách phải giữ lấy lề

+ Chết đứng còn hơn sống quỳ

**HOẠT ĐỘNG 4. LUYỆN LÀM VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nâng cao kĩ năng viết đoạn văn

**b. Nội dung:** HS báo cáo kết quả bài tập đã giao từ buổi ôn trước và bài học rút ra về kiểu bài.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh bàn về ý kiến “Tục ngữ là túi khôn của dân gian”.

**d. Tổ chức hoạt động :** GV cho HS khát quát lại lí thuyết về viết đoạn văn, lập dàn ý sau đó cho học sinh thực hành viết đoạn văn, văn bản nghị luận về thơ.

**Đề bài 1:** Có ý kiến cho rằng, tục ngữ là “túi khôn của dân gian”. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về ý kiến trên, lấy dẫn chứng từ các câu tục ngữ từ 1 đến 8 (SGK trang 12, tập 2 Văn 7 KNTT) để chứng minh.

**GỢI Ý:**

Trước tiên cần lí giải câu nói “Tục ngữ là túi khôn của dân gian”. Sau đó từ việc giải thích các kinh nghiệm thể hiện trong 8 câu tục ngữ, em sử dụng làm căn cứ chứng minh tính đúng đắn của ý kiến đã cho. Có thể tham khảo dàn ý sau:

* Đặt vấn đề: nêu ý kiến cho rằng tục ngữ chính là “túi khôn dân gian”
* Giải quyết vấn đề:
* + Giải thích hình ảnh “túi khôn”: chiếc túi chứa tất cả trí khôn, những tinh hoa được đúc kết từ thực tiễn trong cuộc sống con người, giúp chúng ta thuận tiện “mang theo”, vận dụng trong đời sống mọi lúc, mọi nơi
* + Giải thích ý nghĩa của ý kiến: nói tục ngữ là “Túi khôn dân gian” nghĩa là nói rằng những câu tục ngữ mà cha ông ta để lại chứa đựng rất nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu.
* + Giải thích vì sao tục ngữ chứa đựng bài học, kinh nghiệm : kho tục ngữ Việt Nam còn lại đến ngày nay là một bằng chứng của sự quan sát, chinh phục thiên nhiên, những kinh nghiệm lao động sản xuất,… của cha ông.
* + Chứng minh thông qua những câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động sản xuất: về cách dự đoán thời tiết từ việc nắm được quy luật của thiên nhiên trong một chừng mực nhất định ( Ví dụ: “Kiến cánh vỡ tổ bay ra/Bão táp mưa sa gần tới”, “Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng, ngày tháng Mười chưa cười đã tối”),… hay những kinh nghiệm quý giá về lao động sản xuất (Ví dụ: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, “Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa”),…
* + Bình luận: Những kinh nghiệm này đã đi sâu vào thực tế sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Những nhận xét, quan sát như thế không thể một ngày mà có, mà phải sau một thời gian nào đó điều này mới ổn định như một thứ phương châm, chân lí. Nó trở thành một bài học được truyền qua các thế hệ.

-Kết luận: tái khẳng định việc nói tục ngữ là “túi khôn dân gian” là đúng đắn. Khi đọc tục ngữ, chúng ta cần thấm thía, cảm nhận trí tuệ của thế hệ trước, biết ơn ông cha ta đã để lại một kho tàng cho chúng ta có thể hễ cần là có, ứng dụng trong đời sống hằng ngày.

**Đề bài 2: Viết đoạn văn ngắn nêu ý kiến của mình về câu tục ngữ dưới đây:**

*Một cây làm chẳng nên non*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

**Dàn ý tham khảo:**

**\* Mở đoạn:** Giới thiệu về câu tục ngữ và khái quát ý nghĩa: Câu tục ngữ ca ngợi truyền thống đoàn kết của dân tộc ta.

**\* Thân đoạn:**

- Câu tục ngữ trên đề cao vai trò của sự đoàn kết trong cuộc sống.

- Chỉ có đoàn kết mới đem lại sức mạnh to lớn để hoàn thành những việc lớn lao, trọng đại:

+Trong quá khứ lịch sử: Nhân dân ta đoàn kết lại đánh bại kẻ thù xâm lược.

+ Hiện tại: xây dựng gia đình đoàn kết, trường học đoàn kết, nhân dân đoàn kết.

- Đoàn kết không chỉ là ở phạm vi một quốc gia mà phải ở mọi đơn vị tập thể từ bé đến lớn.

- Bên cạnh đó, vẫn còn một số người luôn gây rắc rối, phá hoại và chia rẽ đoàn kết.

- Bài học: Con người cần thấy được vai trò của sự đoạn kết. Từ đó, chúng ta cũng cần ý thức trách nhiệm cá nhân đối với cộng đồng.

**\* Kết đoạn:** Đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc ta cần được giữ gìn và phát huy.

**Đoạn văn tham khảo:**

Câu tục ngữ " Một cây làm chẳng nên non / Ba cây chụm lại nên hòn núi cao" là câu tục ngữ hay và đặc sắc. Bằng các hình ảnh ẩn dụ "một cây", "ba cây", "núi cao" mà câu tục ngữ trên đã thể hiện thông điệp của người xưa đến với chúng ta ngày này là bài học về tình đoàn kết. Tình đoàn kết được thể hiện qua rất nhiều phương diện cụ thể, không chỉ trong lời nói, suy nghĩ mà cả trong hành động, việc làm thiết thực. Khi xưa, qua những cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống giặc ngoại xâm: cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng; Lê Lợi thắng lợi trước một thế lực nhà Minh hùng mạnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn sau mười năm gian khổ; Quang Trung tiêu diệt 29 vạn quân Thanh năm 1789,... hay chống thực dân Pháp và Đế quốc Mĩ,.. Tất cả những chiến công hiển hách đó đã thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân ta; nếu không có sự đoàn kết, dân tộc ta khó có thể đứng dậy đòi lại chủ quyền dân tộc. Ngày nay, trong gia đình ta cần xây dựng gia đình hòa thuận, đoàn kết, hạnh phúc, ấm áp. Không chỉ vậy, trong trường học ta cần tạo nên một lớp học đoàn kết, làm nên một tập thể vững mạnh, đạt được nhiều kết quả cao trong học tập... Như vậy, đoàn kết là bỏ qua cái “tôi” để góp sức tạo nên cái “ta” tập thể, góp phần tạo nên sức mạnh to lớn để vượt qua mọi gian nan, thử thách. Có thể khẳng định rằng tình đoàn kết là nền tảng của đạo lí, là thước đo phẩm chất, đạo đức của mỗi con người. Câu tục ngữ “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” đã mang đạo lí ý nghĩa đến thật tinh tế; nhắc nhở chúng ta sống phải có tình đoàn kết. Từ đó mà ta hãy rèn luyện và phát huy tình đoàn kết với nhau.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**- Hướng dẫn học sinh học bài**: Sưu tầm và ghi lại 2 câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất, 2 câu tục ngữ về con người và xã hội.

- Ôn lại kiến thức về phép tu từ: *Nói quá.*

*-* Chuẩn bị bài học sau: Ôn tập thực hành tiếng việt: Thành ngữ,

Biện pháp tu từ: Nói quá

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

* **ÔN TẬP**
* **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**
* **THÀNH NGỮ, BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. NĂNG LỰC**

**1. Năng lực đặc thù:** Giúp HS:

- Nhận biết được thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá trong các câu, đoạn văn.

- Hiểu được nghĩa của thành ngữ và cách sử dụng hiệu quả thành ngữ trong nói và viết.

- Phân tích, nêu tác dụng của thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá trong từng ngữ liệu cụ thể.

- Biết vận dụng thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá trong khi nói và viết thuần thục, đúng ngữ cảnh, có ý nghĩa, đạt hiệu quả cao.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**-** Có tinh thần trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng, giàu và đẹp của tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị :** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu:** Kết nối, tạo tâm thế tiếp nhận bài học.

**b. Nội dung:** Cho 2 học sinh cùng tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” liệt kê những thành ngữ em biết trên bảng phụ. Trong 3 phút ai liệt kê nhiều và đúng nhất sẽ đạt điểm 10.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên nêu yêu cầu và phổ biến luật chơi "Ai nhanh hơn"

Cách chơi: Hai học sinh tham gia chơi trong vòng 3 phút liệt kê thành ngữ mà em biết.

**Nhiệm vụ:** Liệt kê các thành ngữ mà em biết

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ

+ GV: quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**+** Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau

+ GV đánh giá kết luận, hướng dẫn học sinh ôn lại kiến thức ngữ văn.

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN LUYỆN KIẾN THỨC NGỮ VĂN VỀ THÀNH NGỮ, BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ.**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS ôn tập các kiến thức đã học về thành ngữ, biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Kiến thức cần nhớ về Thành ngữ:** | |
| **Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức về thành ngữ:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (kĩ thuật động não, yêu cầu HS thực hiện cá nhân nhiệm cụ  Nhắc lại khái niệm thành ngữ? Cấu tạo, tác dụng của thành ngữ là gì? Cho ví dụ minh họa? Phân biệt thành ngữ và tục ngữ về cấu tạo, vần, nhịp, nghĩa và nội dung.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ trả lời nội dung các câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày suy nghĩ, ý kiến và bổ sung cho nhau.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá , kết luận:**  **+** GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức phân tích cho học sinh hiểu: | **1.Khái niệm:**  - Thành ngữ là một tập hợp từ cố định. Nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.  VD: *Chậm như rùa, đen như cột nhà cháy,…*  **2. Tác dụng của thành ngữ:**  - Làm cho lời nói, câu văn trở nên giàu hình ảnh, cảm xúc hơn.  Ví dụ :  *- Nó nói****dai****.*  *- Nó nói****dai như đỉa****.*  **3. Nghĩa của thành ngữ:**  - Nghĩa của thành ngữ thường được suy ra từ nghĩa của các từ tạo nên thông qua các phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh…  - Đặc biệt, tính biểu trưng hoá, tức lấy tính chất của sự vật, sự việc cụ thể để biểu thị các tính chất, đặc điểm khái quát là đặc trưng ngữ nghĩa nổi bật của thành ngữ.  Ví dụ :  + Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* với nghĩa đen chỉ một sự việc cụ thể (ếch sống dưới giếng, nhìn lên bầu trời qua miệng giếng, lầm tưởng bầu trời chỉ là một khoảng nhỏ như chiếc vung) được dùng để biểu thị đặc điểm khái quát: “hiểu biết ít, tầm nhìn bị hạn chế, do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp”.  + Thành ngữ *Mèo mù vớ cá rán* được dùng để biểu thị sự may mắn bất ngờ, ngoài khả năng.  **4. Cấu tạo của thành ngữ:**  **-** Thông thường, thành ngữ có cấu tạo là một cụm từ (nhưng cũng có thể có cấu tạo là một câu, ví dụ : *Ma cũ bắt nạt ma mới*). Ví dụ : *Chậm như rùa, Yếu như sên, Một nắng hai sương, Ruộng cả ao liền v.v…* |
| **5.Phân biệt thành ngữ và tục ngữ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Tục ngữ** | **Thành ngữ** | | **Cấu tạo** | Câu ngắn | Cụm từ hoặc câu | | **Vần, nhịp** | Thường có vần điệu, nhịp nhàng, cân đối | Không có vần điệu | | **Nghĩa** | Có thể mang nghĩa trực tiếp, có thể mang nghĩa gián tiếp | Nghĩa gián tiếp, bóng bẩy. | | **Nội dung** | Đúc kết về kinh nghiệm, nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử 🡪 Diễn đạt một ý trọn vẹn | Nếu cấu tạo là cụm từ 🡪 Không diễn đạt một ý trọn vẹn | | **Ví dụ** | 1.Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.  2. Ao sâu tốt cá.  3. Xanh vỏ, đỏ lòng.  4. Ở hiền gặp lành.  5. Vẽ đường cho hươu chạy. | 1.Ác giả ác báo  2. Chó cắn áo rách.  3.Ruột để ngoài da.  4. Kết tóc xe tơ.  5. Treo đầu dê bán thịt chó. | | |
| **II. Kiến thức về biện pháp tu từ: Nói quá** | |
| **Nhiệm vụ 2: Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ nói quá.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (kĩ thuật động não, yêu cầu HS thực hiện cá nhân nhiệm cụ  Nhắc lại khái niệm nói quá? Tác dụng? BPTT Nói quá nên được sử dụng và không nên sử dụng trong trường hợp nào? Phân biệt nói quá và nói khoác?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ trả lời nội dung các câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày suy nghĩ, ý kiến và bổ sung cho nhau.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá , kết luận:**  **+** GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức phân tích cho học sinh hiểu: | **1. Khái niệm**  - Tên gọi khác: *ngoa dụ,* *thậm xưng, khoa trương, phóng đại, cường điệu, ngoa ngữ, nói ngoa.*  - Là phép tu từ phóng đại quy mô, tính chất, đặc điểm của đối tượng nhằm làm nổi rõ đặc trưng bản chất của đối tượng miêu tả, gây sự chú ý, tăng cường sức biểu cảm.  Ví dụ: *Thuận vợ thuận chồng* ***tát biển Đông cũng cạn.***  **2. Một số biện pháp nói quá:**  -Nói quá kết hợp với phép so sánh, ví dụ: Đen như cột nhà cháy  -Dùng những từ phóng đại khác: Cười vỡ cả bụng  **3. Tác dụng**  - Gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.  - Làm rõ hơn bản chất của đối tượng (không phải là nói dối)  **4. Cách sử dụng:**  - Thường được sử dụng thường xuyên trong lời nói hằng ngày, trong các văn bản chính luận, văn bản văn chương.  - Thận trọng: khi giao tiếp với người trên, người lớn tuổi.  - Không nên dùng: trong các văn bản hành chính, văn bản khoa học. |
| **4. Phân biệt nói quá và nói khoác:** | |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**  Phát triển năng lực làm bài tập về thành ngữ và sử dụng biện pháp tu từ nói quá trong nói và viết.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi, hướng dẫn học sinh làm bài tập thực hành để củng cố kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Cách thức chung:**  - GV yêu cầu HS làm bài tập theo cá nhân hoặc cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập, xác định các yêu cầu của bài.  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.   * HS trình bày, nhận xét.   - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | |
| **I.Thực hành về Thành ngữ:** | |
| **Bài tập 1: Tìm và giải thích thành ngữ trong các câu sau:**  *a. Hai bên ý hợp tâm đầu*  *Khi than chẳng lọ là cầu mới thân.*  *b. Pha kể đầu đuôi cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe.* | **Bài tập 1: a**. Ý hợp tâm đầu***:*** chỉ sự hòa hợp, đồng lòng trong tính cách, suy nghĩ của hai người, thường nói về tình cảm trai gái  **b.** Tai bay vạ gió: chỉ điều không may xảy đến bất ngờ mà nguyên nhân không do mình trực tiếp gây ra. |
| **Bài tập 2: Tìm những thành ngữ có cấu trúc đối xứng trong các thành ngữ sau đây:**  *Một nắng hai sương, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng, miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sống ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rơm vạ đá, đàn gảy tai trâu* | **Bài tập 2: Thành ngữ có cấu trúc đối xứng được in đậm:**  ***Một nắng hai sương****, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng,* ***miệng hùm gan sứa****, ruột để ngoài da,* ***xanh vỏ đỏ lòng****,* ***vào sống ra chết****, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi,* ***quyền rơm vạ đá****, đàn gảy tai trâu.* |
| **Bài tập 3: Em hãy thêm các yếu tố để các thành ngữ sau được hoàn chỉnh.**  *Đem con…; nồi da….; rán sành…; hồn xiêu….; một mất….; chó cắn….;tiến thoái….; thắt lưng….* | **Bài tập 3:**  *Đem con bỏ chợ; nồi da nấu thịt.; rán sành ra mỡ; hồn xiêu phách lạc; một mất một còn; chó cắn áo rách ;tiến thoái lưỡng nan; thắt lưng buộc bụng* |
| **Bài tập 4: Tìm và nêu ý nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:**  a. Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào gió vào nhà trống.  b. Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu.  a. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn gan vàng dạ sắt không khai nửa lời. | **Bài tập 4:**  a. *Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào* ***gió vào nhà trống.***  *b. Năm Thọ vốn là một thằng* ***đầu bò đầu bướu.***  *c. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn* ***gan vàng dạ sắt*** *không khai nửa lời.*  \* Ý nghĩa  a. Chỉ sự tốn công vô ích  b. Chỉ những đối tượng có tính giang hồ, hay gây gổ.  c. Chỉ sự sắc son, vững chí của con người. |
| **Bài tập 5:**  Hoàn thành những câu thành ngữ, tục ngữ dưới đây, chon 2 câu để đặt câu  1. Đồng ………. hợp lực. 2. Đồng sức đồng …………. 3. Một miếng khi ……….. bằng một gói khi no.  4. Đoàn kết là ……………, chia rẽ là chết.  5. Thật thà là …….quỷ quái.  6. Cây ………….không sợ chết đứng.  7. Trẻ cậy cha, già cậy……….. 8. Tre già ……….mọc 9. Trẻ người………..dạ 10. Trẻ trồng na, già trồng ……….. | **Bài tập 5:**  1. Đồng tâm hợp lực. 2. Đồng sức đồng lòng 3. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.  4. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.  5. Thật thà là cha quỷ quái.  6. Cây ngay không sợ chết đứng.  7. Trẻ cậy cha, già cậy con 8. Tre già măng mọc 9. Trẻ người non dạ 10. Trẻ trồng na, già trồng chuối  **Đặt câu:**  1. Chúng ta phải đồng sức đồng lòng thì mới vượt qua khó khăn trong giai đoạn này.  2. Tôi không lo người ta vu oan, cây ngay không sợ chết đứng mà.  d. Từ “thiết tha” có nghĩa là chỉ sự hết lòng, quan tâm, có tình cảm thắm thiết, gắn bó đến một việc gì đó.  - Cách xác định: Dựa vào ngữ cảnh “tha thiết mong anh giải quyết” |
| **Bài tập 6.** Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :  *a. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*  *b. Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*  (Báo Văn nghệ)  *c. Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.* | **Bài tập 6.**Các thành ngữ trong các câu đã cho như sau :  a. *Ruột nóng như cào*: rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.  b. *Ruột để ngoài da*: (có tính) đểnh đoảng, hay quên, vô tâm vô tính.  c.  *Nhắm mắt làm ngơ*: cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức. |
| **Bài tập 7.** Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu: *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*            Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được. | **Bài tập 7.**Tham khảo các câu sau:  - *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi****mặt nặng mày nhẹ****.* (Trung Đông)  - *Rõ ràng người****mặt hoa da phấn****, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)  - *Trông lên****mặt sắt đen sì****/ Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)  Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim…* |
| **II.Thực hành về biện pháp tu từ: Nói quá.** | |
| **Bài tập 1**. Tìm biện pháp nói quá trong các câu sau:  1. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến chi kì nát vụn mới thôi.  *(Nguyên Hồng)*  2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.  *(Nguyên Hồng)*  3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:  - Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!  *(Ngô Tất Tố)*  4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.  (Nam Cao)  5. Công cha như núi ngất trời  Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.  (Ca dao)  6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,  Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.  (ca dao)  7. Thương em chẳng biết để đâu  Để quán quán đổ, để cầu cầu xiêu.  (Ca dao)  8. Con rận bằng con ba ba  Nửa đêm nó ngáy cả nhà thất kinh.  Hàng xóm vác gậy đi rình  Té ra con rận trong mình bò ra.  (Ca dao)  9. Nói ngọt lọt đến xương.  (Tục ngữ)  10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,  Cắn cơm không bể, cắn tiền bể hai.  (Ca dao)  11. Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,  Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!  (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)  12. Nghe hắn ninh sượng cả mặt.  (Khẩu ngữ)  13. Làm mửa mật vẫn không xong.  (Khẩu ngữ)  14. [...] Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.  (Nam Cao, Chí Phèo)  15. Lỗ mũi mười tám gánh lông,  Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.  Đêm nằm thì ngáy o o, Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.  (Ca dao)  16. Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,  Mở miệng cười tan cuộc oán thù.  Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,  Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu  (Phan Bội Châu)  17. Tiếng hát trong như suối Ngọc Tuyền  Êm như hơi gió thoảng cung tiên.  (Thế Lữ)  18. Tiếng suối trong như tiếng hát xa  Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.  (Hồ Chí Minh)  19. Đau lòng kẻ ở người đi  Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ mành.  (Nguyễn Du)  20. Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng  Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân.  (Tố Hữu)  21. Miệng cười như thể hoa ngâu  Cái khăn đội đầu như thể hoa sen  22. Hỡi cô tát nước bên đàng  Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi  (Ca dao)  23. Rồi Đăm Săn múa khiên. Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả...  24. Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sụt lở. Mỗi bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiên thổi bật tung gốc. Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao như những vệt sao băng chớp sáng...  25. Bài toán này khó quá nghĩ nát óc không ra.  26. Tây Thi có vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành.  27. Mấy cô má đỏ hây hây Đội bông như thể đội mây về làng.  28. Đội trời, đạp đất ở đời  Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.  (Nguyễn Du)  29. Dân công đỏ đuốc từng đoàn  Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay  30. Bác ơi tim Bác mênh mông thế  Ôm cả non sông mọi kiếp người | **Bài tập 1.** Phép nói quá được in đậm:  1. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là **một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến chi kì nát vụn mới thôi.**  (Nguyên Hồng)  2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò **cười tức bụng** cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, **khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.**  (Nguyên Hồng)  3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:  - Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ **dỡ cả nhà mày đi**, chửi mắng thôi à!  (Ngô Tất Tố)  4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi **quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.**  (Nam Cao)  5. Công cha như **núi ngất trời**  Nghĩa mẹ như **nước ở ngoài biển Đông.**  (Ca dao)  6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,  **Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.**  (ca dao)  7. Thương em chẳng biết để đâu  Để quán **quán đổ**, để cầu **cầu** **xiêu**.  (Ca dao)  8. Con rận **bằng con ba ba**  Nửa đêm **nó ngáy cả nhà thất kinh**.  Hàng xóm vác gậy đi rình  Té ra con rận trong mình bò ra.  (Ca dao)  9. Nói ngọt **lọt đến xương**.  (Tục ngữ)  10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,  **Cắn cơm không bể**, **cắn tiền bể hai**.  (Ca dao)  11. Độc ác thay, **trúc Nam Sơn không ghi hết tội**,  Dơ bẩn thay, **nước Đông Hải không rửa sạch mùi**!  (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)  12. Nghe hắn ninh **sượng** cả mặt.  (Khẩu ngữ)  13. Làm **mửa mật** vẫn không xong.  (Khẩu ngữ)  14. [...] Cái cụ bá **thét ra lửa ấy** lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.  (Nam Cao, Chí Phèo)  15. **Lỗ mũi mười tám gánh lông**,  Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.  Đêm nằm thì ngáy o o, Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.  16. **Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế**,  **Mở miệng cười tan cuộc oán thù.**  Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,  Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu  (Phan Bội Châu)  17. Tiếng hát **trong như suối Ngọc Tuyền**  **Êm như hơi gió thoảng cung tiên.**  (Thế Lữ)  18. Tiếng suối **trong như tiếng hát xa**  Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.  (Hồ Chí Minh)  19. Đau lòng kẻ ở người đi  **Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ mành.**  (Nguyễn Du)  20. Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng  **Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân.**  (Tố Hữu)  21. Miệng cười **như thể hoa ngâu**  Cái khăn đội đầu **như thể hoa sen**  22. Hỡi cô tát nước bên đàng  **Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi**  23. Rồi Đăm Săn múa khiên. **Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả...**  24. **Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sụt lở. Mỗi bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiên thổi bật tung gốc.** Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao **như những vệt sao băng chớp sáng...**  25. Bài toán này khó quá **nghĩ nát óc** không ra.  26. Tây Thi có **vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành.**  27. Mấy cô má đỏ hây hây **Đội bông như thể đội mây về làng.**  28. **Đội trời, đạp đất ở đời**  Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.  29. Dân công đỏ đuốc từng đoàn  **Bước chân nát đá** muôn tàn lửa bay  30. Bác ơi **tim Bác mênh mông thế**  **Ôm cả non sông mọi kiếp người** |
| **Bài tập 2.** Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.  a. Chắt lọc, lấy cái quý giá, cái tốt đẹp, tinh túy trong những cái tạp chất khác.  b. Cả gan hay làm điều gì kém cỏi, vụng về trước người hiểu biết, tinh thông tài cán hơn mình.  c. Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét.  d. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau.  e. Gan dạ, dũng cảm, không nao núng trước khó khăn, nguy hiểm.  g. Giống hệt nhau, đến mức tưởng chừng như cùng một thể chất. | **Bài tập 2.** Tham khảo cách đặt câu sau:  a. Thành ngữ: đãi cát tìm vàng  Đặt câu: Tuyển dụng được người giỏi như công việc đãi cát tìm vàng.  b.Thành ngữ: Đánh trống qua cửa nhà sấm  Đặt câu: Tôi chỉ nghĩa sao nói vậy chứ đâu dám đánh trống qua cửa nhà sấm chứ.  c. Thành ngữ: Mặt cắt không còn giọt máu  Đặt câu: Tướng giặc nghe uy danh quân ta thì khiếp đảm mặt cắt không còn giọt máu.  d. Thành ngữ: Như hình với bóng.  - Đặt câu: Chúng tôi luôn bên cạnh nhau như hình với bóng  e. Thành ngữ: Gan vàng dạ sắt.  - Đặt câu: Hắn ta nổi tiếng là một tay gan vàng dạ sắt trong giới.  g. Thành ngữ: giống nhau như hai giọt nước  - Đặt câu: Hai đứa giống nhau như hai giọt nước. |
| **Bài tập 3**. Tìm 5 thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó. | **Bài tập 3**.  a. Đen như than: Hắn ta ở ngoài đời trông đen như than  b. Lớn nhanh như thổi: Mấy năm không gặp mà con bé đã lớn nhanh như thổi.  c. mạnh như chẻ tre: Khí thế quân ta mỗi lúc một mạnh như chẻ tre.  d. chết như ngả rạ: Trên chiến trường, hàng vạn quân giặc chết như ngả rạ.  e. Nghĩ nát óc: Bài hóa này em nghĩa nát óc mà vẫn không có cách giải. |
| **Bài tập 4**. Thay những từ ngữ nói quá trong các câu sau bằng từ ngữ thông thường mà tương ứng về nghĩa cơ bản để thấy rõ tác dụng biểu cảm của câu văn giảm sút do không dùng biện pháp nói quá.  a. Khi gật xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt **chóng lớn như thổi.**  b. Thằng ấy vào loại**rán sành ra mỡ** đấy.  c. Năm ấy mất mùa, **gạo châu củi quế**, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.  d. Trại giặc im lìm, chúng đang **ngủ say như chết.** | **Bài tập 4.** Tham khảo cách thay sau:  a. *Khi gật xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt****chóng lớn như thổi.***  **-** Thay bằng**:** lớn rất nhanh  b. *Thằng ấy vào loại****rán sành ra mỡ****đấy.*  - Thay bằng: keo kiệt  c. *Năm ấy mất mùa,****gạo châu củi quế****, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.*  - Thay bằng: giá cả đắt đỏ, đời sống khó khăn  d.*Trại giặc im lìm, chúng đang****ngủ say như chết.***  **-** Thay bằng**:** ngủ rất say |
| **Bài tập 5: Xác định các biện pháp nói quá sau đây:**  a.Vắt đất ra nước thay trời làm mưa  b.Con giận bằng con ba ba  Đêm nằm nó gáy cả nhà thất kinh  (Ca dao)  c. Trên đầu những rác cùng rơm  Chồng yêu chòng bảo hoa thơm rắc đầu  (Ca dao)  d.Một tiếng chim kêu sáng cả rừng  (Khương Hữu Dụng)   1. Sức ông ấy có thể vá trời lấp biển | **Bài tập 5:**  \*Gợi ý:  Các trường hợp trên đều nằm trong ba biện pháp sau đây:  -Sử dụng thành ngữ phóng đại  -Sử dụng từ ngữ mang tính chất phóng đại  -Dùng so sánh hơn kém về số lượng để phóng đại tầm vóc của sự vật |
| **Bài tập 6:** Xác định các biện pháp tu từ trong các trường hợp sau đây và chỉ rõ trong mỗi trường hợp biện pháp tu từ nào là chính?  a.Chí ta lớn như biển Đông trước mặt  (Tố Hữu)  b.Mặt nhẵn như quầy hàng thịt  c.Người cao như cây sào chọc khế | **Bài tập 6:**  -Cả 3 câu a, b, c đều sử dụng hai biện pháp tu từ sau:  +So sánh tu từ  +Dùng các từ ngữ phóng đại |
| **Bài tập 7:** Phân tích hiệu quả của các trường hợp sau đây do phép nói quá mang lại:  a.Người say rượu mà đi xe máy thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc  b. Người sao một hẹn thì nên  Người sao chín hẹn thì quên cả mười  (Ca dao)  c.Tiếng hát át tiếng bom. | **Bài tập 7:** a. Ngàn cân treo sợi tóc: là cách nói hình ảnh phi thực tế để giúp người đọc nhận thức mức độ nguy hiểm của việc một cách cụ thể nhất  b. Hẹn chín mà quên mười là hoàn toàn không có thật trong thực tế. Chính là cách nói phóng đại quá sự thật này đã nhấn mạnh thái độ trách móc đối với sự “quên” của người hẹn  c. Đây là một cách nói quá bằng hình ảnh để diễn tả niềm tin, sự lạc quan, sự sống, sự chiến thắng vượt lên trên gian khổ hi sinh trong chiến đấu |
| **Bài tập 8:**Tìm một số trường hợp nói quá sử dụng trong cuộc sống hàng ngày | **Bài tập 8:** -Tóc cậu ấy tốt như rừng  -Gặp người nghiện ma túy hết cả hồn  -Nhiều kẻ bán trời không văn tự |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố khắc sâu kiến thức về thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện ở nhà bài tập dự án: Lập sổ tay ghi nhớ về các thành ngữ em sưu tầm được.

Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 15 câu, có sử dụng thành ngữ và phép nói quá, gạch chân chú thích dưới câu có chứa thành ngữ và phép nói quá đó.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** Học sinh thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu bài tập yêu cầu hs đọc và nêu yêu cầu bài tập:

Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 15 câu, có sử dụng phép nói quá, gạch chân chú thích dưới câu có chứa phép nói quá đó.

- Yêu cầu: Học sinh thực hiện cá nhân

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc bài tập, suy nghĩ trả lời câu hỏi

- Giáo viên gợi ý:

+ Hình thức đoạn văn

+ Nội dung cần có là sử dụng phép nói quá.

+ Các câu trong đoạn văn được nối tiếp theo trình tự rõ ràng, hợp lý nhằm làm cho chủ đề liền mạch.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

+ HS trình bày sản phẩm học tập

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá , kết luận**

+ HS đánh giá, nhận xét theo bảng kiểm giáo viên đưa ra

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Có** | **Không** | **Mức điểm**  ( Mỗi tiêu chí 1,0 điểm) |
| 1. Đảm bảo hình thức đoạn văn. |  |  |  |
| 1. Đảm bảo số dòng. |  |  |  |
| 1. Đúng chủ đề, xuyên suốt, liên tục toàn đoạn văn. |  |  |  |
| 1. Ý kiến sâu sắc |  |  |  |
| 1. Có sử dụng biện pháp tu từ nói quá. |  |  |  |
| 1. Chữ viết đúng chính tả |  |  |  |
| 1. Câu văn có sự liên kết. |  |  |  |
| 1. Trình bày rõ ràng, sạch đẹp |  |  |  |
| 1. Có sử dụng thành ngữ |  |  |  |
| 1. Lập luận chặt chẽ, hợp lí, thuyết phục. |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

* **VIẾT**

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ**

**TRONG ĐỜI SỐNG (Trình bày ý kiến tán thành)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Học sinh được ôn tập, củng cố nâng cao năng lực viết nghị luận về vấn đề trong đời sống**.**

- Nắm vững quy trình viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống.

- Biết viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Biết sáng tạo, linh hoạt khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

**- Trách nhiệm**: Có tinh thần trách nhiệm cao đối với những ý kiến tán thành về những vấn đề có ý nghĩa trong đời sống.

- Có ý thức chăm chỉ học tập.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng (Ti vi).

- Bảng phụ, Giấy A0, bút lông, bút dạ.

- Bảng kiểm, rubrics đánh giá bài viết của học sinh.

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung**: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện**:

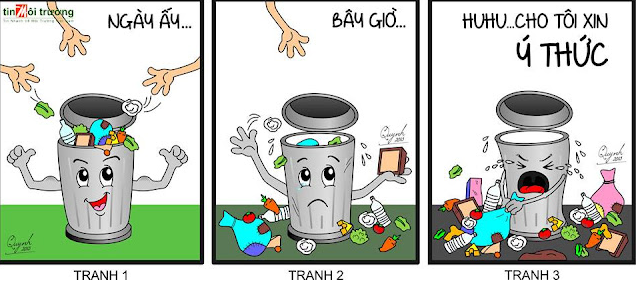
**Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ

* GV chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh và đặt câu hỏi: Những hình ảnh sau làm em liên tưởng đến sự việc, hiện tượng gì diễn ra trong cuộc sống hằng ngày?
* **Hình 1:**
* 

**Hình 2:**



**Hình 3:**



**Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ

* HS quan sát và trả lời câu hỏi

**Bước 3**: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

* GV mời một vài HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

Dự kiến sản phẩm:

+ Hình 1: Ham mê trò chơi điện tử.

+ Hình 2: Hội chứng cuồng “thần tượng”

+ Hình 3: Xả rác bừa bãi

**Bước 4**: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* GV nhận xét, khen ngợi các HS đã trả lời đúng.
* GV dẫn dắt nêu nhiệm vụ buổi ôn tập

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**HOẠT ĐỘNG 2. 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập, khắc sâu cho học sinh định hướng về quy trình, các bước viết bài văn viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Học sinh thực hiện các bước theo quy trình và viết được bài văn hoàn chỉnh.

**b. Nội dung:** Học sinh chia sẻ cặp đôi hoàn thiện phiếu HT1, viết sáng tạo cá nhân theo dàn ý.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện của HS, bài viết hoàn chỉnh.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Bước 1: GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi phiếu HT1**  *1, Thế nào là viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống? (đặc điểm kiểu bài)*  *2, Các yếu tố trong bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống được yêu cầu ra sao? (Vấn đề bàn luận, hệ thống luận điểm, luận cứ)*  *3, Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, em cần chú ý thực hiện những gì?*  **\*Bước 2:** HS căn cứ phần định hướng SGK trả lời câu hỏi:  - Từng cặp đôi trả lời câu hỏi theo hình thức chia sẻ kết quả thảo luận của mình:  + Một học sinh hỏi.  + Một học sinh trả lời.  + Cuối cùng người hỏi cùng thống nhất với người trả lời về nội dung.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi.  **\*Bước 3:** GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những lưu ý | 1. **I. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống:**   **1. Định nghĩa: Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống là một văn bản nghị luận mà trong đó người viết nêu lên và trình bày ý kiến của mình (tán thành hay phản đối) về một vấn đề nào đó của đời sống bằng cách đưa ra được lí lẽ rõ ràng kết hợp bằng chứng đa dạng để thuyết phục người đọc, người nghe.**  **2. Các yếu tố chính trong bài văn nghị luận về một vấn đề đời sông:**  - Vấn đề nghị luận: Thuộc chủ đề, đề tài gì?  - Luận điểm: Là nội dung chính của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  - Luận cứ: Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng và phân tích, bình luận… để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận (ý kiến)  + Yêu cầu của lí lẽ trong văn bản nghị luận: Lí lẽ phải ngắn gọn, thuyết phục thể hiện được suy nghĩ của người viết về vấn đề, lí lẽ phải có tính khách quan phổ biến thuyết phục người đọc bằng lẽ phải, chân lí khoa học.  + Bằng chứng trong văn bản nghị luận: là những sự thật (nhân vật, sự kiện, tư liệu,... đảm bảo tính xác thực có giá trị lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học,…) và bằng chứng phải phù hợp với vấn đề nghị luận.  **3. Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) , cần chú ý:**  - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.  - Trình bày được sự tán thành với ý kiến cần bàn luận.  - Tập trung làm nổi rõ sự tán thành của mình thông qua các lý lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.  - Thể hiện thái độ dứt khoát khi thể hiện quan điểm của mình.  - Bài viết có bố cục đầy đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. |

**HOẠT ĐỘNG 2.2: THỰC HÀNH:**

**a. Mục tiêu:** Học sinh được luyện, nâng cao kĩ năng viết bài văn viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Nội dung:** HS thực hiện theo kĩ thuật mảnh ghép thực hiện yêu cầu đề bài cụ thể.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Giáo viên chiếu đề bài**  **Đề 1**: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?  **Đề 2**: Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng lại là một thảm họa  **Yêu cầu thực hiện theo gợi ý của phiếu học tập đã giao ở buổi học trước**  Tổ 1: Học sinh thuộc tổ 1 thực hiện nhiệm vụ với bài 1.  Tổ 2: Học sinh thuộc tổ 2 thực hiện nhiệm vụ với bài 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  *\**HS chuẩn bị thực hiện với đề bài trên: Định hướng, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa chữa.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo cá nhân và thảo luận bổ sung cho nhau.  **\***GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những việc cần thực hiện cho các khâu chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài và kiểm tra, chỉnh sửa..  **Bước 4.** **Đánh giá, kết luận :**  - Cho HS đánh giá bài viết của bạn và bản thân theo tiêu chí bảng kiểm.  - HS trên cơ sở góp ý đánh giá tự kiểm tra và chỉnh sửa lại bài viết.  - GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **II. Thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống:**  **1.Xác định vấn đề nghị luận:**  - Vấn đề cần trình bày suy nghĩ (nghị luận) mà đề yêu cầu là gì? Phần mở bài em dự kiến giới thiệu như thế nào cho trúng yêu cầu?  - Chỉ nêu khái quát, ngắn gọn một số biểu hiện tiêu biểu, không kể lễ dài dòng.  **2. Xác định mục đích viết:** cần trả lời câu hỏi: Viết cho ai đọc? Viết để làm gì?  - Đối tượng người đọc: Những người quan tâm đến vấn đề được bàn luận.  - Viết để bày tỏ sự tán thành với một ý kiến nào đó, đưa ra những lí lẽ dẫn chứng phù hợp để tạo sức thuyết phục mọi người đồng tình với quan điểm của bản thân, từ đó rút ra ý nghĩa của vấn đề được tán thành.  **3. Tìm ý và lập dàn ý:**  **\*Tìm ý:** Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi:  - Vấn đề gì được nêu ra bàn luận?  - Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào?  - Ý kiến nào đáng quan tâm nhất?  - Vì sao bày tỏ thái độ tán thành?  - Những lí lẽ bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?  **Ví dụ:**  + Vấn đề bàn luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?  + Giải thích thế nào là trò chơi điện tử.  + Trình bày thực trạng ham mê trò chơi điện tử.  + Nguyên nhân hiện tượng ham mê trò chơi điện tử.  + Hậu quả ham mê trò chơi điện tử.  + Lựa chọn nên hay không nên ham mê trò chơi điện tử.  + Những lí lẽ và bằng chứng: trong cuộc sống, …  **\*Lập dàn ý:** Lựa chọn, sắp xếp ý theo bố cục ba phần.  **- Mở bài:** Giới thiệu vấn đề đời sống cần bàn trong bài nghị luận và nêu ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận.  **- Thân bài:**  + Giải thích những từ ngữ, khái niệm quan trọng. Nếu bài viết bàn về một câu tục ngữ, danh ngôn thì cần giải thích ý nghĩa cả câu.  + Khẳng định ý kiến tán thành của người viết về vấn đề.  + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến được nêu bằng các ý:  ++ Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ + bằng chứng)  ++ Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ + bằng chứng)….  - Lật lại vấn đề: nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá những ngoại lệ, bổ sung ý cho vấn đề thêm toàn vẹn.  **- Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến. Đề xuất giải pháp, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động.  **4. Viết bài theo dàn ý hợp lí:**  **-** Dựa vào dàn ý đã lập viết bài văn hoàn chỉnh.  - Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Trình tự lập luận phù hợp; lí lẽ xác đáng, sắc bén, thuyết phục.  - Có thể sử dụng các trích dẫn, danh ngôn để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Cần đan xen yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp. Thể hiện quan điểm, lập trường của người viết trước vấn đề.  **5. Kiểm tra và chỉnh sửa:** Kiểm tra chỉnh sửa bài viết cả về hình thức, nội dung theo tiêu chí. |

**Bảng kiểm**

**ĐÁNH GIÁ BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Mở bài | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận |  |  |
| **2** | Nêu được ý kiến về vấn đề cần bàn luận |  |  |
| **3** | Thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của câu danh ngôn, tục ngữ cần bàn luận (nếu có) |  |  |
| **4** | Nêu được ít nhất hai lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ để làm rõ ý kiến |  |  |
| **5** | Nêu được bằng chứng đa dạng, thuyết phục để củng cố cho lí lẽ. |  |  |
| **6** | Sắp xếp lại các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lý. |  |  |
| **7** | Lật lại vấn đề, bổ sung ý kiến để cách nhìn về vấn đề thêm toàn diện |  |  |
| **8** | Kết bài | Khẳng định lại ý kiến của mình. |  |  |
| **9** | Đề xuất giải phảp, bài học nhận thức và phương hướng hành động. |  |  |
| **10** | Bài viết đã bám sát dàn ý đã lập chưa. | |  |  |
| **11** | Đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, các đoạn trong văn bản chưa. | |  |  |
| **12** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. | |  |  |

**PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung lỗi cần sửa** | | **Sửa lỗi** |
| Phát hiện và sửa ý về trình tự triển khai ý | Trình tự triển khai ý | … |
| Các ý cần bổ sung | … |
| Phát hiện sửa lỗi về ý | Thiếu ý | … |
| Sắp xếp lại ý lộn xộn | … |
| Sửa lại các ý lạc đề | … |
| Sửa lại các ý tản mạn | … |
| Phát hiện sửa lỗi diễn đạt | Lỗi dùng từ | … |
| Lỗi viết câu | … |
| Lỗi chính tả | Lỗi chính tả | … |

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

**Đề bài 1: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

**2. Thân bài:**

a. Giải thích

+ Trò chơi điện tử là gì

+ Hiện tượng học sinh quá đam mê trò chơi điện tử

b. Thực trạng

+ Học sinh ham mê trò chơi điện tử bỏ bê học tập, nói dối phụ huynh

+ Ham mê trò chơi điện tử trên diện rộng, học sinh bắt chước nhau

+ Các quán net mọc lên như nấm từ cổng trường cho đến các khu dân phố, mở cửa 24/7 luôn sẵn sàng phục vụ

c. Nguyên nhân

+ Do mải chơi

+ Do quá căng thẳng việc học tập

+ Do bị dụ dỗ

d. Hậu quả

+ Học hành chểnh mảng

+ Nói dối để được đi chơi điện tử

+ Hành vi ăn cắp, ăn trộm tiền để đi chơi điện tử

+ Đàn đúm, đua đòi, tốn thời gian tiền bạc, dễ bị lừa bởi tội phạm công nghệ cao

e. Mở rộng vấn đề: Chơi giỏi game cũng là nghề kiếm tiền

**3. Kết bài:** Khái quát lại vấn đề nghị luận

**Bài văn tham khảo:**

Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ, các trò chơi điện tử ngày càng đa dạng và phổ biến hơn. Đây là một hình thức giải trí vừa có ưu và nhược điểm rõ rệt.

Trò chơi điện tử chính là giúp người chơi được giải trí, thư giãn đầu óc. Sau các giờ học tập, làm việc mệt nhọc, thì việc được chơi trò chơi yêu thích sẽ giúp giảm bớt căng thẳng, đem đến cảm giác vui vẻ và dễ chịu. Đặc biệt là khi chơi trò chơi cùng lúc với những người bạn bè của mình. Tình cảm bạn bè sẽ theo đó trở nên gắn bó và gần gũi hơn.

Ngoài ra, các trò chơi điện tử còn giúp chúng ta làm quen và kết bạn thêm với những người bạn mới, ở các khoảng cách địa lí xa xôi, hiểm trở. Chỉ cần cùng chơi một trò chơi, tham gia cùng một hoạt động đoàn đội, là những con người ở những nơi khác nhau, chưa từng gặp gỡ cũng có thể trở nên thân thiết hơn. Điều đó giúp cho người chơi không cần phải đi xa mà vẫn có thể có thêm nhiều bạn bè. Đặc biệt, các trò chơi điện tử hiện nay còn giúp phát triển trí tuệ cho người chơi, đặc biệt là các bạn thanh thiếu niên. Bởi vì các trò chơi điện tử cũng cần có sự tư duy, sắp xếp, nghiên cứu làm sao để phát triển nhân vật, và chiến thắng trong các cuộc thi. Vì vậy, chơi trò chơi giúp cho người chơi phát triển tư duy và phản xạ. Đồng thời còn giúp tăng khả năng hợp tác, làm việc nhóm với người khác.

Trò chơi điện tử có rất nhiều lợi ích tốt nhưng bên cạnh đó, nó cũng tồn tại nhiều tác hại cần phải lưu ý. Đầu tiên, việc chơi trò chơi điện tử có thể tiêu tốn rất nhiều thời gian của người chơi. Đặc biệt, nó còn dễ khiến người chơi bị sa vào, không thể kiểm soát được. Từ đó, khiến cho thời gian dành cho trò chơi tăng lên, và thời gian cho các công việc khác trong ngày bị thu hẹp lại, khiến cho hiệu suất học tập, làm việc bị giảm đi.

Đồng thời, các trò chơi với sự hấp dẫn lớn sẽ dễ dàng chiếm trọn tâm trí người chơi. Khiến họ lúc nào cũng nghĩ về trò chơi, về những điều sắp xảy ra, về chiến lược làm sao để nhanh tăng cấp. Từ đó vô tình khiến cho họ luôn nghĩ về trò chơi mà chểnh mảng trong học tập và rèn luyện. Khiến hiệu quả của việc học giảm sút.

Cùng với đó, cũng không ít người còn tiêu tốn tiền bạc vào các trang bị, sự kiện của trò chơi. Và số tiền đó nhiều khi là không hề nhỏ. Đôi khi nó khiến người chơi - nhất là các bạn nhỏ có các hành vi không đúng để có tiền nạp game. Như trộm tiền mẹ, cướp tiền của bạn học, ghi nợ… Đó đều là những điều vô cùng tiêu cực.

Đặc biệt, nhiều người chơi trò chơi điện tử vì quá đắm chìm vào thế giới ảo đó, mà quên đi cuộc sống thực tại bên ngoài. Họ thỏa mãn với nhân vật trong trò chơi, với những người bạn ở trên đó dù chưa gặp một lần. Rồi ít nói và giao tiếp với những người xung quanh hơn, lúc nào cũng cắm mặt vào điện thoại, máy tính. Dần dần trở nên o bế và cô độc.

Như vậy, trò chơi điện tử có những tác hại đáng ngại nhưng cũng có nhiều lợi ích tốt. Vì vậy chúng ta phải biết cân đối giữa việc chơi game và cuộc sống thực, để phát huy tối đa các lợi ích tốt và giảm thiểu hết mức các tác hại mà nó đem lại.

**Bài văn tham khảo 2:**

**Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh đang là vấn đề khá nhức nhối, được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt là các bậc phụ huynh có con nhỏ "nghiện" điện tử.**

Hiện nay, trò chơi điện tử đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của các bạn trẻ trên toàn thế giới. Bất kì nơi nào, bất kì ở đâu, các quán cho thuê máy tính để chơi game với giá vài nghìn đồng, hay còn gọi là quán net, cũng hoạt động hết sức công khai và rầm rộ. Trong quán net thậm chí còn phục vụ cả đồ ăn thức uống, chỗ ngủ qua đêm cho những thượng đế được hoàn toàn tập trung vào công cuộc "cứu thế giới". Từ cổng trường tập trung nhiều học sinh đến những con ngõ nhỏ hẻo lánh, hình thức kinh doanh này đều có đất làm ăn. Với bản tính tò mò, muốn tìm hiểu, thử nghiệm cái hay, cái mới, cùng áp lực học tập từ trường lớp, các bạn học sinh tìm đến trò chơi điện tử với mong muốn xây dựng hình tượng và có cơ hội thể hiện bản thân qua game.

Việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ dẫn tới hành động như gian lận, trốn học lẻn ra quán net, nhịn ăn sáng để có tiền chơi game, thậm chí là lừa đảo, ăn cắp tiền đi chơi. Chơi với một nhóm bạn nghiện game, chắc chắn học sinh cũng sẽ đua đòi giống nhau, dẫn đến một hệ thống bao che, dối trá để được cùng nhau trót lọt. Cách đây gần một thập kỉ, cụm từ "cứu net" đã mang lại nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với các bậc phụ huynh khi những thành phần bất hảo như My Sói, Hùng Gấu cầm đầu nhóm học sinh lớp 8, lớp 9 đi gây sự, đánh nhau, bắt ép những học sinh cả nam và nữ không đủ tiền trả tiền net, ép nữ sinh bán dâm trả nợ. Đã có biết bao nhiêu nạn nhân của băng nhóm xã hội đen mới lớn này, và hơn thế nữa, những học sinh được cứu net lại quay lại làm đồng bọn, tay sai cho dân anh chị để được bảo kê, lên mặt với đời.

Nghiện trò chơi điện tử bắt nguồn từ bản thân ý thức mỗi học sinh. Có những bạn vì học hành áp lực, quá căng thẳng mệt mỏi hoặc cảm thấy bản thân bất tài, vô dụng thường tìm đến game như một con đường giải thoát. Sau một màn hình máy tính, các bạn được thoải mái, mặc sức đâm chém, xây dựng cả một đế chế cho mình. Nắm bắt được tâm lý này, các nhà phát triển game không ngừng trau chuốt hình ảnh, đồ họa, mở thêm nhiều cấp độ mới, đồ dùng, trang thiết bị ảo mà phải dùng tiền mới mua được, khiến các bạn ngày càng hiếu thắng, lún sâu vào con đường nghiện ngập. Sự mải chơi, bị dụ dỗ bởi bạn bè xấu cùng tính hấp dẫn của trò chơi điện tử khiến hiếm học sinh nào có thể từ chối được. Giống như một loại ma túy tinh thần, các bạn chơi game sẽ không thể sống nếu không được chơi, được thỏa mãn đam mê giao đấu, chiến thắng trong thế giới ảo.

Hậu quả của việc nghiện game đã quá rõ ràng. Từ thể chất, các bạn học sinh sẵn sàng bỏ ăn, bỏ ngủ, nhịn ăn sáng lấy tiền chơi game, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Về mặt tinh thần, người chơi game quá nhiều thường có dấu hiệu ảo tưởng, choáng váng do tiếp xúc với máy tính quá lâu, không thể phân biệt thật giả. Chắn hẳn không ai quên được vụ án thương tâm tại An Giang, cháu cắt cổ bà ngoại vì nghĩ bà có thể hồi sinh như trong trò chơi điện tử. Đó là dấu hiệu của bệnh tâm thần phân liệt, con người không thể sống là chính bản thân mình. Ngoài ra, những sự việc như ăn cắp ăn trộm, cướp của giết người để có tiền chơi game, những người nghiện game tập trung sống thành bầy đàn, quan hệ tập thể, ăn uống và phóng uế tại chỗ,... vẫn ngày ngày được đưa lên các mặt báo để cảnh tỉnh về việc nghiện game vô độ. Ai dám khẳng định bản thân sẽ không bao giờ có thể nghiện game và chỉ chơi một lần cho biết? Sức hấp dẫn của trò chơi điện tử có thể đánh gục bất cứ một ai đã sa chân vào nó. Ngoài ra, việc tương tác với những người chơi khác trên mạng rất dễ dẫn đến việc bị dụ dỗ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì nhẹ dạ cả tin, cung cấp thông tin cá nhân mà không hề đề phòng rủi ro có thể gặp phải.

Nghiện game là một căn bệnh, muốn chấm dứt cần có sự can thiệp về tâm lý của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Các bậc phụ huynh cần quản lý giờ giấc và thói quen sinh hoạt của con em chặt chẽ, nhà trường cần quán xuyến, đồng thời tổ chức những trò chơi, giao lưu hoạt động thể chất lành mạnh thu hút sự chú ý của các em. Đặc biệt, mỗi học sinh cần tự có ý thức tiết chế bản thân, tìm đến game với đúng mục đích giải trí, tăng cường tư duy của nó. Game không có tội, người nghiện game mới có tội nên hãy nhìn lại bản thân, uốn nắn và điều chỉnh kịp thời trước khi quá muộn.

Phải thừa nhận, trò chơi điện tử có cả mặt lợi và mặt hại, tuy nhiên, việc quá đam mê điện tử để sao nhãng học tập thì hoàn toàn sai, nhất là lứa tuổi học sinh, độ tuổi còn cần tập trung rèn luyện kĩ năng sống và học tập. Là công dân toàn cầu tương lai, là mầm non của xã hội, đừng núp mình và làm nô lệ cho công nghệ, hãy chinh phục game và áp dụng nó vào đời sống, để trò chơi điện tử trở thành đúng bản chất giải trí lành mạnh ban đầu.

**Đề 2: Hiện tượng bàn luận: Thần tượng một ai đó nên hay không nên?**

Văn hóa thần tượng hiện nay vô cùng phát triển ở nước ta cũng như trên toàn thế giới, đặc biệt là với lứa tuổi thanh thiếu niên. Như vậy, thì việc thần tượng một ai đó là nên hay không nên?

Việc chúng ta thần tượng một người nào đó là việc nên làm, bởi nó đem đến rất nhiều lợi ích cho bản thân mình. Bởi thường những người được chọn để thần tượng sẽ là người đạt được thành tích nào đó nổi bật trong cuộc sống. Như một diễn viên nổi tiếng, một học sinh giỏi xuất sắc, một cô công an tài giỏi… Sự thành công của họ khiến chúng ta ngưỡng mộ và kính mến, nên dần thần tượng họ. Việc này khiến chúng ta trở nên khao khát được lại gần và trở nên tài giỏi như thần tượng của mình. Từ đó, thôi thúc chúng ta học tập và rèn luyện chăm chỉ hơn, đạt được các thành tích tốt hơn để có thể xứng đáng với thần tượng của mình.

Ngoài ra, việc có một thần tượng xuất chúng, còn khiến các bạn trẻ có động lực học tập, làm việc hơn trong cuộc sống. Họ sẵn sàng học hành chăm chỉ hơn, làm việc hiệu suất hơn trước để có thể nhận được những phần quà, phần thưởng là các món đồ lưu niệm liên quan đến thần tượng, hay được đến các buổi giao lưu, gặp gỡ thần tượng. Hiệu ứng ấy vô tình khiến cho hiệu suất và hiệu quả của việc học tập, làm việc tăng lên đáng kể. Điều này rất dễ gặp ở xung quanh chúng ta. Như các em học sinh vì muốn được bố mẹ mua cho album của thần tượng, mà quyết tâm học tập ngày đêm để đạt được điểm cao trong kì thi theo mục tiêu bố mẹ đề ra. Đây thực sự là một kết quả tích cực.

Cùng với đó, việc có một thần tượng cho bản thân mình. Để hâm mộ, yêu thương và theo dõi bước chân của họ mỗi ngày cũng giúp chúng ta có thêm niềm vui trong cuộc sống. Nó giống như một hoạt động giải trí, đem đến những giờ phút vui vẻ rất riêng biệt. Đồng thời, nó còn giúp chúng ta có thêm nhiều bạn bè hơn nữa - đó là những người cùng chung thần tượng với chúng ta. Việc cùng yêu thích một người nổi tiếng, sẽ giúp gắn kết mọi người lại với nhau, trở nên thân thiết hơn.

Bên cạnh các lợi ích như vậy, việc có một thần tượng cũng đem đến một số tác hại đáng kể đến. Đầu tiên, là việc tiêu tốn thời gian và tiền bạc. Việc có một thần tượng để yêu quý và theo dõi, sẽ khiến chúng ta mất khá nhiều thời gian trong ngày để nắm bắt các hoạt động và sự kiện mà họ tham gia. Đặc biệt là các mùa giải mà họ thi đấu, cần cạnh tranh với các đối thủ khác. Khi đó các cuộc cạnh tranh về lượt xem, lượt bình chọn diễn ra quyết liệt khiến các người hâm mộ tốn nhiều công sức, thời gian. Đồng thời, việc mua các món đồ lưu niệm, món đồ do thần tượng tham gia đại ngôn cùng các vé xem sự kiện, buổi biểu diễn của thần tượng cũng tốn không ít tiền bạc. Khiến rất nhiều bạn trẻ lâm vào hoàn cảnh khó khăn, dẫn đến trộm cắp tiền của bố mẹ, hay lấy tiền học, tiền sinh hoạt để sử dụng.

Cùng với đó, có một bộ phận các bạn trẻ đã có sự thần tượng quá mức, đến không thể kiểm soát được bản thân. Trở thành fan cuồng có các hành động tiêu cực khiến người xung quanh khó chịu. Như sưu tầm mọi đồ vật liên quan đến thần tượng mặc kệ giá cả. Bảo vệ thần tượng bất chấp lí do, hậu quả, dù họ đã làm sai chuyện gì. Xem thường, chửi mắng, hạ thấp thần tượng của người khác để nâng cao thần tượng của mình lên. Các hành động ấy đều khiến cho bản thân chúng ta bị mọi người chán ghét.

Như vậy, việc có một thần tượng cho bản thân vừa có ưu vừa có nhược điểm. Vì vậy, chúng ta vẫn nên có một thần tượng nhưng cần phải biết kiểm soát bản thân để các ưu điểm được phát huy hết mức có thể và giảm tải tối đa những nhược điểm của nó.

**Đề 3: Trong khi nhiều bạn chăm chỉ học tập, rèn luyện thì vẫn còn không ít bạn thờ ơ, lười học tập. Em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ gì về hiện tượng trên.**

|  |  |
| --- | --- |
| Vấn đề cần trình bày suy nghĩ (nghị luận) mà đề yêu cầu là gì? Phần mở bài em dự kiến giới thiệu như thế nào cho trúng yêu cầu? | **1. Mở bài**  - Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: hiện tượng lười học của học sinh.  Ví dụ: (đi từ truyền thống đến thực tế)  Dân tộc VN có nhiều truyền thống quý báu mà nhiều dân tộc khác phải ngưỡng mộ, thán phục như: Giàu tình yêu thương, đoàn kết, cần cù, hiếu học…tuy nhiên vẫn còn một bộ phận giới học sinh vẫn thơ ơ, lười học tập, suy nghĩ. Thực trạng này biểu hiện khá phổ biến ở mọi cấp học khác nhau. |
| - Chỉ nêu khái quát, ngắn gọn một số biểu hiện tiêu biểu, không kể lễ dài dòng. | **2. Thân bài**  **a. Nêu ra một số biểu hiện**  - Trên lớp không có tinh thần học tập, không xây dựng bài  - Về nhà không chịu học bài, làm bài.  - Mơ màng đến những thứ khác khi đến trường  - Đến trường thì không tập trung  - Không có tinh thần cầu tiến trong học tập  - Bỏ học, trốn học, bỏ tiết… |
| - Cần chia ra nhiều khía cạnh để dễ dàng tìm ra lí lẽ (nguyên nhân thực chất là lí lẽ). Tìm ra càng nhiều nguyên nhân thì bài văn càng có sức thuyết phục, lí lẽ càng sắc bén.  - Để bài văn thêm sức thuyết phục thì phải lấy ví dụ c ụ thể, tiêu biểu. Ví dụ càng cụ thể thì sức thuyết phục càng cao.  - Tuy nhiên nếu không có ví dụ cụ thể thì lấy ví dụ chung chung.  Ví dụ: Dù đợc cha mẹ, gia đình tạo mọi điều kiện học tập nhưng vì ham mê những thứ khác mà không ít bạn học sinh phải trả giá bằng tương lai mườ mịt, cánh cửa tương lai đóng lịa cánh cửa nhà tù, trại giam mở ra… | **b. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lười học:**  - **Do cá nhân học sinh**: lười nhác học tập, bị lôi kéo, nghiện game, học tập đua đòi theo bạn bè, không có mục dích phấn đấu, không có ước mơ,….  **- Gia đình**: cha mẹ không yêu thương chăm sóc con cái, tạo áp lực cho con trong học tập làm con chán nản, chưa có sự quan tâm đến con cái,….  - **Nhà trường**: thầy cô giáo chưa tạo được sự hứng thú trong học tập đối với học sinh, có nhiều cách dạy bảo thủ, chương trình học nặng nề, áp lực thành tích,…; chưa có hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với những học sinh lười học  **- Xã hội:** Chưa xây dựng xây dựng những hình thức xử phạt để nhà trường thuận lợi hơn trong việc giáo dục con người. thậm chí còn tạo áp lực cho nhà trường để con em được lên lớp |
| - Hậu quả cũng có thể chia ra nhiều khía cạnh. Có thể chia theo khía cạnh: cá nhân/ gia đình/ nhà trường/ xã hội. | c. **Hậu quả- tác hại**  - Chất lượng giáo dục đi xuống, tạo lỗ hổng kiến thức cho các em.  - Các em có những hiểu biết sai lệch về các vấn đề trong cuộc sống.  - Việc lười biếng không chịu trau dồi kiến thức của thế hệ học sinh dẫn đến hệ lụy nước nhà ngày càng thiếu đi nhân tài.  - Lười học sẽ là một trong những nguyên nhân khiến mỗi người khó tìm thấy cơ hội tốt trong cuộc sống. |
| - Nguyên nhân nào thì đưa ra giải pháp đó.  Ví dụ: nguyên nhân do khía cạnh cá nhân thì giải pháp cũng bắt đầu từ cá nhân… | **d. Giải pháp**  - Mỗi bạn học sinh cần có ý thức tự rèn luyện bản thân và tích cực học tập.  - Gia đình cần quan tâm nhiều hơn đến con em mình, đốc thúc con em học tập, hạn chế tối đa việc sử dụng mạng xã hội… nhất có thể.  - Nhà trường cần giao bài tập vừa đủ và hợp lí để các em rèn luyện, ôn tập (không quá ít cũng không quá nhiều).  - Xã hội cần có hình thức lên án mãnh mẽ đối với những HS lười học |
| - Qua hiện tượng đó em nhận thức được gì? Tức là em hiểu được gì qua hiện tượng lười học?  - Nhận thức rồi thì em sẽ hành động thế nào? Với những bạn lười học và với chính bản thân mình. | **d. Bài học nhận thức và hành động**  - Nhận thức đúng giá trị của việc học trong việc xây dựng tương lai bản thân và nền móng đất nước  - Hành động: Từ bỏ những thói qwuen xấu ảnh hưởng đến việc học; phê phán thái độ lười nhác trong học tập, biểu dương, học tập những tấm gương chăm chỉ học tập… |
| - Đưa ra suy nghĩ của mình để khẳng định vấn đề mình vừa trình bày. Việc lười học là tốt hay xấu, đúng hay sai, nên hay không. Từ đó đưa ra lời khuyên | **3. Kết bài.**  - Khẳng định vấn đề lười học là một việc làm gây hại cho bản thaanm, gia đình, nhà trường, xã hội  - Phải thay đổi suy nghĩ, phải từ bỏ thói quen xấu để bắt đầu lại. |

Học tập là việc suốt đời

**Biểu hiện:** Thật không khó để nhận thấy các em học sinh hiện nay lơ là trong học tập mà chỉ tập trung vào những thú vui tiêu khiển ở bên ngoài như chơi điện tử, lên mạng xã hội. Hầu như bạn học sinh nào cũng có một mạng xã hội là Instagram, Facebook, và thời gian sử dụng mạng xã hội rất nhiều. Nhiều bạn đến trường không chú ý việc học mà chỉ để trốn tránh việc nhà, xem việc học như một gánh nặng cho bản thân… Kèm theo đó là tỉ lệ học sinh nghỉ học, bỏ học sớm vẫn còn cao.

**Nguyên nhân** Vậy vì sao lại có những biểu hiện như thế? Trước hết là do bản tính hiếu thắng, tò mò của các em muốn biết nhiều thứ trên mạng xã hội, lại thêm tính ham chơi, đua đòi cho bằng bạn bè, thích thể hiện.. Đôi lúc là do việc có quá nhiều bài tập dẫn đến tình trạng chán nản không muốn làm. Các bạn ấy không tìm thấy thú vui khi đến trường, không nhận thức được đuáng giá trị, ý nghĩa của việc học. Các bạn ấy cho rằng gia đìnhcó điều kiện, bố mẹ sẽ lo cho tương lai của mình đầy đủ…Ngoài ra nguyên nhân còn là do sự ham chơi ở tuổi ăn tuổi lớn. Một trong những nguyên nhân không thể không nhắc đến đó là sự thiếu quan tâm của gia đình khi bố mẹ bận rộn kiếm tiền; nhà trường tạo nhiều áp lực về học tập khiến các em chán nản

**Hậu quả** của việc lười học của học sinh đó là chất lượng giáo dục ngày càng đi xuống, tạo lỗ hổng kiến thức cho các em. Các em sẽ có những hiểu biết sai lầm, lệch lạc về các vấn đề trong cuộc sống từ đó dẫn đến hành động sai trái, khó tìm thấy cơ hội tốt cho tương lai, thành tích nhà trường sẽ lao dốc, gia đình cũng trử thành nơi bị chỉ trích, phê bình vì thiếu quan tâm con cái… Việc lười biếng không chịu trau dồi kiến thức của thế hệ học sinh dẫn đến hệ lụy nghiêm trọng là nước nhà ngày càng thiếu đi nhân tài. Trong cuộc sống ta gặp không ít nhưng trường hợp do lười học, ham chơi, thích đua đòi mà phải trả cái giá rất đắt cho tương lai, sự nghiệp.

**Giải pháp:** Để khắc phục tình trạng này đòi hỏi mỗi bạn học sinh cần có ý thức tự rèn luyện bản thân và tích cực học tập. Phải lấy việc học trở thành động lực mạnh mẽ, thi đua không ngừng. Bên cạnh đó, gia đình cần quan tâm nhiều hơn đến con em mình, đốc thúc con em học tập, hạn chế tối đa việc sử dụng mạng xã hội nhất có thể. Nhà trường cần giao bài tập vừa đủ và hợp lí không quá ít cũng không quá nhiều để các em rèn luyện, ôn tập và tạo cảm hứng để các em yêu thích việc học. Từng có câu: "Ngọc không mài không sáng, người không học không hiểu lí lẽ", việc học có ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của mỗi người. Một con người nếu không được học tập thì khó mà đứng vững trên đường đời. Gia đình, cha mẹ quá nuông chiều con cái, chưa có sự quan tâm cần thiết với quá trình học tập của học sinh, tạo áp lực quá nhiều cho con trong việc học hành mà không quan tâm đến cảm giác và suy nghĩ của con mình Nhà trường: thầy cô giáo chưa tạo được sự thu hút học sinh vào học tập, chưa đánh trúng tâm lí học sinh, còn nhiều cách dạy bảo thủ. Mặt khác, chương trình học quá nặng với học sinh, áp lực từ nhiều phía, theo tâm lý: không học thêm thì học không giỏi khiến học sinh chỉ biết cắm đầu học mà không biết mình học vì cái gì và tiếp thu được gì.

**Bài học nhận thức và hành động:** Nhận thức được giá trị và ý nghĩa của việc học là góp phần xây dựng tương lai, xây dựng quê hương đất nước thêm giàu mạnh. Ngược lại con đương phái trước vốn gập ghềnh trắc trở càng sẽ trở nên khó khăn hơn cho những bạn lười học. Tương lai của mỗi người phải do chính mình quyết định chứ không phải là sự ban phát từ cha mẹ, thầy cô hay xã hội dù bạn sống ở Việt Nam hay sống ở những nước tiên tiến nhất thế giới.

**Kết bài:** Học tập không những là nghĩa vụ mà còn là trách nhiệm của mỗi người. Nó liên quan đến sự hưng thịnh, tồn vong của mỗi dân tộc vì thế ngay bây giờ, ngay lúc này, mỗi người hãy tự nhìn nhận lại bản thân xem mình đã học tập say mê hết mình chưa? Đã có ước mơ hoài bão và khát vọng chưa?

**Tham khảo bài viết từ học sinh**

Thế giới ngày càng phát triển, trong số đó có không ít người đã tạo dựng nên cho mình một xu hướng riêng biệt tạo nên thành công cho chính mình. Những con người ấy là hình mẫu lý tưởng cho những người khác tin tưởng và noi theo. Họ chính là thần tượng trong mắt những người yêu mến họ. Thế nhưng bên cạnh những điểm tốt, thần tượng còn có những mặt hạn chế tiêu cực. Mỗi người chúng ta phải biết lựa chọn làm sao để trở thành một người hâm mộ chính đáng.

    Con người trong cuộc sống của mình luôn hướng tới những chân thiện mỹ, những điều tốt đẹp hơn. Chính vì thế mà chúng ta mới sùng bái, yêu mến, ngưỡng mộ một ai đó và mong muốn được trở nên tốt đẹp như họ. Vậy “thần tượng” là một hình mẫu lý tưởng, một người hay vật nào đó được tôn sùng, ngưỡng mộ, yêu quý. Thần tượng sẽ trở thành kim chỉ nam dẫn đường cho mỗi người trong cuộc sống của họ. Mỗi người có một thần tượng khác nhau của riêng mình, có thể ở nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh doanh, thể thao, giải trí,… Nhưng có lẽ thần tượng được phổ biến rộng rãi nhất là ở trong lĩnh vực âm nhạc và giải trí. Việc thần tượng này đã dẫn tới một trào lưu mới, lan rộng trong giới trẻ, gọi là hiện tượng idol. “Hiện tượng idol” không còn đơn thuần chỉ là hình thức thần tượng một ai đó mà nó là một kiểu phong trào a dua, đua đòi của một số thành phần trong xã hội. Hiện tượng này đã dẫn tới một số hệ quả đáng tiếc trong cuộc sống của chúng ta.

    Ngày nay, khi sức mạnh công nghệ thông tin được lan tỏa, chúng ta có thể cập nhật được nhanh chóng những tin tức mới nhất ở những nơi xa nhất. Điều đó mang lại cho chúng ta sự phát triển liên tiếp và kịp thời đối với thế giới. Và điều đó cũng giúp chúng ta tiếp cận được nhiều thông tin hơn từ thần tượng của mình. Hâm mộ một thần tượng đúng nghĩa là học tập từ người đó những điều tốt đẹp, những nghĩa cử ý nghĩa, lối sống văn minh,… Thế nhưng nhiều người vẫn chưa nhận thức hết được thế nào là một thần tượng đúng nghĩa. Đôi khi họ trở thành những kẻ cuồng si thái quá gây nên những hậu quả đáng tiếc. Một số thần tượng xấu với lối sống buông thả, trụy lạc trở thành một tấm gương xấu cho người hâm mộ. Hơn thế nữa, không ít những bạn trẻ đam mê thần tượng tới mức quên ăn quên ngủ, liên tục cày view, bỏ thời gian, công sức và tiền bạc để tiếp cận gần hơn với thần tượng của mình mà quên đi nhiệm vụ chính là học hành. Nhiều bạn trẻ trở thành tệ nạn của xã hội khi không đủ tiền để tham gia những show diễn của thần tượng đã đi trộm cắp, sa đọa. Vậy mới nói, thần tượng không đúng cách sẽ gây ra những hậu quả khôn lường.

    Thần tượng là một cách để cho con người hướng tới những điều tốt đẹp, hướng tới những điều mới mẻ, tốt lành. Thần tượng đúng sẽ mang cho chúng ta động lực cũng như sức mạnh để tạo nên thành công trong cuộc sống. Thế nhưng bên cạnh đó, nếu như thần tượng không đúng sẽ gây nên những hậu quả khôn lường, trở thành những kẻ xấu, tệ nạn của xã hội.

    Những ngày gần đây, khi U23 bóng đá Việt Nam đang có những thành tích vang dội trên sân cỏ châu Á. Họ đã trở thành những tấm gương sáng điển hình cho sự cống hiến cho bóng đá nước nhà và trở thành thần tượng của bao người trẻ yêu bóng đá. Khi nhìn vào họ, những bạn trẻ đam mê bóng đá lại có thêm động lực để tiến gần hơn tới ước mơ của mình. Thế nhưng bên cạnh đó, xuất hiện những thần tượng xấu, gây nên những ảnh hưởng tiêu cực tới hành vi cũng như cách cư xử của một số người trẻ. Những hiện tượng như Tùng Sơn, Bella,... sẽ trở thành những tấm gương hành vi xấu, tiêu cực. Hơn thế nữa, không ít bạn trẻ đã trở thành những tên trộm cắp khi không có tiền đua đòi cùng bạn bè. Thậm chí đau lòng hơn, khi phải chứng kiến những hành động đánh chửi bố mẹ khi không cho tiền tham gia show diễn của thần tượng. Mới đây một tờ báo đã đưa tin một thiếu niên trẻ đã giết chết bố mẹ của mình khi không cho cậu tiền để đến tham dự ban nhạc của cậu thần tượng. Điều này là một hệ quả đau lòng cho một thế hệ thanh niên với lối sống và cách thần tượng.

**Đề 4: Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**

Bảo vệ môi trường thiên nhiên chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Đây là một ý kiến hết sức đúng đắn.

    Môi trường thiên nhiên là toàn bộ điều kiện tự nhiên xung quanh như đất, nước, không khí, hệ sinh thái... Bảo vệ môi trường thiên nhiên nghĩa là bảo vệ các yếu tố này và đồng thời đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người.

    Môi trường thiên nhiên đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Không khí đem lại nguồn thí thở vô tận cho con người, cung cấp khí oxi duy trì sự sống cho vạn vật. Nguồn nước sạch phục vụ con người sinh hoạt hằng ngày, đóng vai trò chính trong nông nghiệp, ngư nghiệp. Rừng giúp cân bằng hệ sinh thái, ngăn lũ, xói mòn, điều hòa khí hậu. Đất cung cấp nơi ở, nơi trồng trọt chăn nuôi. Cuộc sống của con người sẽ bị đe dọa khi môi trường dần bị hủy hoại. Trái đất nóng lên khiến băng tan, mực nước biển dâng cao có thể nhấn chìm một số nơi. Tầng ozone bị chọc thủng ngăn cản việc bảo vệ con người khỏi các tia bức xạ. Đất đai, nguồn nước bị ô nhiễm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Tài nguyên rừng có nguy cơ bị cạn kiệt do nạn chặt phá rừng bừa bãi, gây ra hiện tượng lũ quét, sạt lở đất đe dọa đến tính mạng của con người.

   Để bảo vệ cuộc sống của con người, chúng ta cần phải ý thức bảo vệ môi trường cao hơn. Trồng cây, gây rừng, phủ xanh đồi trọc. Thu gom rác thải, đổ rác đúng nơi quy định, tái chế rác thải đúng cách. Sử dụng điện nước tiết kiệm, vệ sinh nơi ở thật sạch sẽ. Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường.

    Như vậy, bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của con người. Là một học sinh, em ý thức rõ được trách nhiệm của bản thân cần phải giữ gìn và bảo vệ môi trường ngày càng xanh sạch đẹp hơn.

**Đề 5: Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích**

Việc học hành có tầm quan trọng đặc biệt với mỗi người. Nhưng một số bạn học sinh lại lơ là không biết được rằng: nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích! Những bạn học sinh ấy cần sửa đổi chịu khó học hành để giúp ích cho cuộc sống.

Như chúng ta đã biết, ai sinh ra và lớn lên cũng đều mong sau này sẽ trở thành người có ích. Để làm được điều đó, con người cần phải có tri thức - lĩnh vực đòi hỏi con người phải học tập chăm chỉ, không ngừng tích lũy mới có được. Vậy chúng ta cần hiểu: học tập là gì? “Học tập” là quá trình tiếp tu tri thức, kĩ năng,… vốn có của nhân loại thông qua nhà trường và cuộc sống. Mục đích của việc học là không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết nhằm phục vụ cho bản thân, gia đình và xã hội. “Học” còn là quá trình bồi đắp tâm hồn, rèn giũa nhân cách của mỗi cá nhân. Việc học phải tiến hành ngay từ khi ta còn trẻ. Bởi có tri thức và nhân cách tốt, sau này mới có thể làm được việc có ích, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong lớp có nhiều bạn đã xác định đúng đắn mục đích học tập, đạt thành tích cao khiến cha mẹ, thầy cô vui lòng. Nhưng bên cạnh đó còn một số bạn chưa hiểu hết ý nghĩa của việc học dẫn đến chểnh mảng, lơ là trong học tập. Các bạn còn mải chơi, bỏ học, trốn tiết, ham đánh điện tử, lười làm bài tập,… nên kết quả ngày càng thấp kém, làm mọi người buồn lòng. Các bạn ấy phải nhanh chóng thay đổi, nếu không sau này sẽ hối tiếc.

Bởi lẽ, tuổi trẻ là lứa tuổi mà cha mẹ, xã hội tạo mọi điều kiện để cho ta học tập. Tuổi trẻ cũng là lứa tuổi nhanh nhạy, dễ dàng tiếp thu kiến thức, cái mới nhất. Càng lớn tuổi, việc học sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Ví dụ cứ thử so sánh việc học ngoại ngữ của một em bé Tiểu học với một người lớn tuổi sẽ thấy sự khác biệt lớn như thế nào. Cha ông ta thường nói: “Ấu bất học, lão hà vi” (Trẻ không học, già chẳng làm được gì). Học tập lúc còn trẻ chính là rèn luyện, tao khả năng học tập sau này. Hay nói cách khác, tuổi trẻ mà không học sẽ khó trở thành người có ích. Nếu lơ là học tập khi còn nhỏ, lớn lên, ta sẽ không có đủ kiến thức vào đời. Thử hỏi cuộc sống của một người trưởng thành sẽ ra sao nếu không tự mình viết nổi một lá đơn xin việc hay thực hiện những phép tính đơn giản? Học tập là một quá trình lâu dài theo một hệ thống từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ cơ bản đến phát triển nâng cao. Trong đó, các lớp dưới là gốc rễ, là nền tảng. Nếu ta không nắm bắt được kiến thức cơ bản thì càng học cao, ta lại càng không hiểu gì. Chính vì vậy, ngay từ đầu, ta phải chịu khó học tập vì nếu ta lơ là thì kiến thức sẽ bị mai một dần, không có nền tảng. Thực tế, có rất nhiều bạn đến lớp không chú ý nghe giảng, không chịu khó đầu tư suy nghĩ, phụ thuộc nhiều vào những bài làm mẫu dẫn đến đầu óc trì trệ, thiếu tính sáng tạo. Trình độ học vấn thấp dẫn đến trình độ suy nghĩ, tiếp thu kém, do đó không có khả năng làm tốt bất cứ công việc nào. Ví như người nông dân dù cần mẫn trên đồng ruộng đến đâu, nếu không có tri thức về cách gieo trồng, chăm sóc cây, cải tạo đất đai, không biết áp dụng khoa học kĩ thuật thì không thể đạt được năng suất cao, thậm chí mất mùa, đói kém. Trong thời đại khoa học kĩ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay, nếu không học, chúng ta sẽ không thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, không thể khẳng định được bản thân. Tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm, thường dễ sa ngã. Học hành không tới nơi tới chốn, bị bạn xấu rủ rê, sa vào tệ nạn xã hội dần dần sẽ hạn chế trong cách sống, cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh, thậm chí dần mất đi nhân cách, mất khả năng làm việc, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Thế hệ trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước. Mỗi cá nhân nếu tích cực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ góp phần rất lớn vào sự phát triển của nước nhà. Có biết bao tấm gương ham học, chủ động sáng tạo đã thành công , mang lại vinh quang cho cá nhân và là niềm tự hào của gia đình, quê hương, đất nước. Ở nước ta, thời Trần có Nguyễn Hiền vốn chỉ là một cậu bé nhà nghèo nhưng vì ham học, biết tận dụng mọi thời gian, kiên trì vươn lên để học tập mà mười ba tuổi đã đỗ Trạng nguyên, trở thành Trạng nguyên trẻ tuổi nhất nước ta. Gần đây, năm 2005, Ngô Bảo Châu đã được phong hàm vị giáo sư. Vị giáo sư trẻ tuổi nhất Việt nam này còn được tặng giải thưởng Fields – giải thưởng Toán học cao quý nhất thế giới. Thành công ấy cũng nhờ sự siêng năng tìm tòi sáng tạo, lòng nhiệt huyết trong học tập, nghiên cứu mà có được. Nhìn ra thế giới cũng có nhiều tấm gương rất đáng khâm phục về tinh thần tự học, tự vươn lên trong học tập như: nhà khoa học người Pháp Lu-i Pa-xtơ lúc học phổ thông chỉ là một học sinh trung bình, về môn Hóa ông đứng hạng 15 trong số 22 học sinh của lớp. Nhưng với lòng kiên trì, ham học, ông đã trở thành một nhà khoa học nổi tiếng – người đặt nền móng cho ngành vi sinh vật học cận đại. Một tấm gương nữa là Lep Tôn-xtôi, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Chiến tranh và hòa bình” bị đình chỉ học đại học vì “vừa không có ý chí học tập, vừa không có năng lực” nhưng vẫn vươn lên trở thành một nhà văn vĩ đại. Ngày nay, yêu cầu học tập đặt ra với tất cả mọi người, kể cả người tàn tật. Ở nước ta không thiếu những tấm gương sáng về tinh thần hiếu học, ham học hỏi và ý chí vươn lên trở thành người có ích. Anh Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả hai tay từ thủa nhỏ nhưng nhờ kiên trì vượt khó, nỗ lực học tập mà đã trở thành nhà giáo ưu tú, được bao thế hệ học trò quý trọng, mến yêu.Cô gái Việt Anh bị hỏng cả hai mắt nhưng không cam chịu số phận, đã tự mình vươn lên đã trở thành chủ nhân của hai chiếc bằng đại học loại giỏi và là chuyên gia công nghệ thông tin của Hội người mù tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, nỗ lực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ mang lại thành công lớn cho cuộc đời.

Từ những dẫn chứng trên, chúng ta có thể thấy rằng thế hệ trẻ phải chủ động, tích cực học tập. Không học tập sẽ không thể tự trang bị cho mình bất kì kiến thức nào để tự tin bước vào đời. Mỗi tấm gương là một bài học để chúng ta học tập và noi theo. Bản thân mỗi người cần thấy rõ việc học tập là thường xuyên, suốt đời. Có nhiều con đường để học tập thành công : học ở thầy, học ở bạn, học từ thực tế cuộc sống, tự học…Bản thân chúng ta cần thấy rõ việc học tập để trở thành người có ích cho tương lai vừa là quyền lợi, trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của bản thân, đặc biệt trong thời đại nhân loại bước vào nền kinh tế tri thức và đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại, việc học là rất cần thiết để sống có ích, có ý nghĩa. Thế hệ trẻ ngày nay cần phải học tập tự giác, tích cực, xây dựng phong trào học tập không ngừng… để khẳng định được giá trị của bản thân, góp phần vào sự tiến bộ của quê hương, đất nước.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị các nội dung đã ôn tập của bài 6 để làm bài kiểm tra tổng hợp.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

- HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

- HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

**II. Thiết bị và học liệu**

- Máy chiếu, ti vi, đề kiểm tra in sẵn.

**III. Tổ chức dạy học**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\***Cách 1**.GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS. HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút. HS làm việc cá nhân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ KIỂM TRA BÀI 6, MÔN NGỮ VĂN 7**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Đọc -hiểu | Truyện ngụ ngôn | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | Viết | Viết bài văn nghị luận | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **20** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60** | | | | **40** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | Đọc-hiểu | Truyện ngụ ngôn( ngữ liệu ngoài SGK) | **Nhận biết:**  – Xác định ngôi kể, phương thức biểu đạt.   * Xác định biện pháp tu từ   – Nhận biết được đặc điểm nhân vật, cách thể hiện nhân vật  **Thông hiểu:**  **- Xác định đề tài câu chuyện**  - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết sự việc truyện.  - Hiểu được ý nghĩa của biện pháp tu từ sử dụng  - **Vận dụng:**  – Vận dụng hiểu biết để cảm nhận được ý nghĩa của các câu văn/ chi tiết có trong văn bản.  – Vận dụng hiểu biết của bản thân lí giải được vấn đề gợi ra từ chi tiết trong văn bản | **4TN** | **4TN** | **2TL** |  |
|  | Viết | Văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống | **\*Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài văn nghị luận.  - Xác định được vấn đề trong đời sống cần nghị luận.  - Sắp xếp bố cục của bài văn nghị luận.  **\*Thông hiểu:**  - Giải thích được những biểu hiện của hiện tượng đời sống; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đã dạng.  - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề: thực trạng, nguyên nhân, các mặt lợi/hại, đúng/sai… của vấn đề đời sống. Có thể đề xuất các giải pháp.  **\*Vận dụng:**  - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về vấn đề đời sống.  - Trình bày được ý quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết; đưa ra được lời khuyên nhủ hoặc đề xuất quan niệm, cách ứng xử hợp lí với hiện tượng xã hội.  **\*Vận dụng cao:**  - Sử dụng ngôn từ linh hoạt.  - Có sáng tạo riêng trong cách diễn đạt, lập luận làm cho lời văn hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. |  |  |  | **1TL\*** |
| **Tổng** | | |  | **4TN** | **4TN** | **2TL** | **1TL\*** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**B. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

## **SÓI VÀ VOI**

Ngày xửa ngày xưa có một anh Sói lười. Nhà cửa của anh, anh chẳng bao giờ quét dọn, sửa sang. Nó bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

Một hôm, bác Voi đi qua, chẳng may đụng nhẹ vào làm đổ mái nhà anh Sói.

– Xin lỗi anh bạn! – Bác Voi nói với Sói – Tôi sẽ sửa ngay cho anh.

Bác Voi vốn là người giỏi giang, cái gì cũng biết và không sợ công việc. Bác liền lấy búa, đinh, sửa ngay mái nhà cho Sói. Mái nhà trở nên chắc chắn hơn trước…

– Ô hô! – Anh Sói bụng bảo dạ – Rõ ràng là lão ta sợ mình! Thoạt đầu đã phải xin lỗi, sau đó còn sửa lại cả mái nhà. Mình phải bắt lão ta làm cho mình một cái nhà mới mới được! Lão sợ, ắt phải nghe theo!

– Này, đứng lại! – [Sói quát bảo Voi](https://thegioicotich.vn/soi-va-voi/) – Lão làm cái thói gì thế? Lão tưởng có thể bỏ đi một cách dễ dàng thế chắc? Làm đổ nhà người ta, đóng qua loa được mấy cái đinh rồi định chuồn à? Biết điều thì đi làm cho ta một cái nhà mới! Bằng không ta sẽ cho một bài học, đừng hòng mong thấy lại bà con thân thích! Nhanh lên!

Nghe Sói nói những lời ấy, bác Voi không nói gì cả. Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hố nước bẩn. Rồi đè bẹp dí nhà Sói.

– Này, nhà mới này! – Bác Voi nói rồi đi thẳng.

Tỉnh dậy, Sói ngạc nhiên tự hỏi:

– Mình thật không hiểu gì cả! Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này… Thật không sao hiểu nổi!

Nhìn thấy hết mọi chuyện, bác Quạ già trên cây nói vọng xuống:

– Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt.

**Câu chuyện Sói và Voi** – Truyện ngụ ngôn cho bé – TheGioiCoTich.Vn –

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của văn bản trên:

* + 1. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba C. Cả A và B D. Không có ngôi kể

**Câu 2.** Ý nào nói đầy đủ nhất phương thức biểu đạt có trong đoạn trích?

A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm

B. Tự sự, nghị luận, biểu cảm.

C. Tự sự, miêu tả, nghị luận

D. Miêu tả, nghị luận, thuyết minh

**Câu 3.**Tác giả ngụ ngôn đã dùng những tính từ nào để miêu tả ngôi nhà của Sói?

1. Bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống B. Bẩn thỉu, rách nát
2. Sạch sẽ, rách nát. C. Bẩn thỉu, lụp xụp

**Câu 4**: Đề tài trong truyện ngụ ngôn trên:

1. Sói và Voi B. Các loài động vật

C.Bài học nhận lỗi và sửa lỗi D. Chuyện sửa nhà cho Sói

**Câu 5*.*** Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu: *“Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này… Thật không sao hiểu nổi!”.*

1. Biểu đạt ý còn nhièu sự việc chưa liệt kê hết
2. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng
3. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt
4. Thê hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

**Câu 6.** Khi làm đổ nhà của Sói, bác voi có hành động như thế nào?

1. Không nói gì và lẳng lặng bỏ đi
2. Xin lỗi và bỏ đi
3. Xin lỗi và sửa lại nhà cho sói
4. Không nói gì và lẳng lặng sửa lại nhà cho sói.

**Câu 7.** Truyện ngụ ngôn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

1. Ẩn dụ
2. Hoán dụ
3. So sánh
4. Nhân hoá

**Câu 8.** Vì sao đến cuối truyện, Voi lại có hành động **“**Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hố nước bẩn. Rồi đè bẹp dí nhà Sói”?

1. Vì Sói huênh hoang, nghĩ Voi sợ mình nên quát nạt Voi
2. Vì Voi không muốn sửa nhà cho Sói
3. Vì Sói không biết nhận lỗi và sửa lỗi
4. Vì Voi cậy mình khoẻ hơn, bắt nạt Sói

**Câu 9.** Câu nói của bác Quạ: **“**Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học gì?

**Câu 10**. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 3 - 5 câu) sự cần thiết của việc nhận lỗi và sửa lỗi trong đời sống.

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Tục ngữ có câu: *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn,* em hãy viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của mình về câu tục ngữ trên.

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM**

**Phần I. Đọc hiểu( 6 điểm)**

**Câu 1- 8: Mỗi câu đúng ( 0,5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **B** | **C** | **D** | **C** | **D** | **A** |

**Câu 9 (1,0 điểm).**

Câu nói của bác Quạ: **“**Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học:

- Nhận biết được sự khác biệt giứa người có giáo dục tốt và kẻ tiểu nhân: người có giáo dục là người dám nhận lỗi và biết sửa lỗi của mình; còn kẻ tiểu nhân là kẻ thiếu sự can đảm nhận sai, luôn tìm mọi cách đổ lỗi cho người khác.

- Khi có lỗi, ta hãy can đảm nhận lỗi và nhận trách nhiệm để sửa chữa những lỗi lầm ấy!

**Câu 10 (1,0 điểm).**

* Đảm bảo hình thức đoạn văn.
* Nội dung*:*
* + Biết nhận lỗi làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn; dung hoà các mối quan hệ, tránh những mâu thuẫn không đáng có
* + Việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.
* + Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao….

II. Viết (4,0 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Yêu cầu mức độ đạt được** | **Mức điểm** |
| **1.Yêu cầu chung:**  HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận. Bài viết phải có bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | | | |
| **2.Yêu cầu cụ thể** | | | |
| ***2.1.*** *Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một bài văn.* | | | 0, 25 |
| 2.2. *Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận* | | | 0, 25 |
| *2.3. Triển khai hợp lý nội dung bài văn.* Co thể viết bài văn theo hướng sau: | | |  |
| **MB:** | Nêu lí do muốn chia sẻ vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài nghị luận (bày tỏ thái độ tán thành)  Cuộc đời là những chuyến đi, bởi sau mỗi chuyến đi đó con người sẽ trưởng thành hơn. Câu tục ngữ: *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn* thật đúng và sâu sắc. | | 0,25 |
| **TB:** | * Vấn đề gợi ra cách hiểu nào? * “Đi” hoạt động vật lý của bước chân 🡪 hoạt động giao lưu, học hỏi, tiếp xúc với bên ngoài. * “một ngày đàng” đơn vị đo lường thời gian 🡪thời gian để trải nghiêm, khám phá thế giới bên ngoài. * “học” là hoạt động tích luỹ tri thức, mở rộng vốn hiểu biết. * “sàng khôn” là lương kết quả thu được sau những trải nghiệm, tìm tòi. * 🡪Ý nghĩa: Mỗi hoạt động trải nghiệm, tìm tòi đều mang đến những tri thức, hiểu biết về cuộc sống, xã hội.   \*Vì sao bày tỏ thái độ tán thành?  Tri thức của loài người là đại dương mênh mông rộng lớn, muốn tiếp thu được khối lượng tri thức khổng lồ ấy không cách gì tốt hơn đó chính là học. Cũng bởi vậy mà ông cha ta có câu tục ngữ thật đúng đắn: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”.  \*Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?  - Ý 1: Khía cạnh thứ nhất thể hiện sự tán thành (lí lẽ, bằng chứng): Ý nghĩa thiết thực của việc: ĐI một ngày đàng, học một sàng khôn.  + Đi nhiều, bạn sẽ tích luỹ được nhiều kinh nghiệm cho chính mình và thu nhận những kiến thức mới mẻ, tích luỹ vốn sống tích cực.  + Dẫn chứng: Bác Hồ, các doanh nhận,…   * Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng): Hạn chế cho những người không muốn: Đi một ngày đàng học một sàng khôn.   Cách sống an nhàn, yên bình, chọn lối sống “người trong bao” thu mình mà không dám ra ngoài xã hội để học hỏi, tiếp thu, thích ứng với những cái mới, thì một ngày nào đó sẽ mất đi vị trí của mình, mất đi năng lực tự khẳng định mình trong xã hội.   * Bàn luận mở rộng: Cần phê phán thói quen học vẹt, học tủ, lười biếng, ngại vận động, ngại di chuyển, thụ động, hèn nhát, không có tinh thần phấn đấu học tập vươn lên. * Bài học nhận thức và hành động: Đối với một học sinh, chúng ta cần phải tích cực trải nghiệm nhiều hơn. Mỗi một hành trình đều sẽ giúp nâng cao kiến thức, tích luỹ kỹ năng cần thiết để tiến tới thành công. | | 2,0 |
| **KB** | Rút ra ý nghĩa của ý kiến được tán thành | | 0,25 |
| 2.4. Sáng tạo: Diễn đạt độc đáo và sáng tạo , có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | | | 0,25 |
| 2.6. Chữ viết, chính tả, trình bày: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | | | 0,25 |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

**BÀI 7:**

**THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:** Củng cố, nâng cao cho học sinh năng lực ngữ văn và ngôn ngữ.

- Học sinh được củng cố, mở rộng hiểu biết về truyện khoa học viễn tưởng.

- Học sinh biết làm thành thạo bài đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

- Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong VB.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.

-Giải quyết được các bài tập GV giao.

**II. Phẩm chất**

- Học sinh biết xây dựng cho mình lối sống trách nhiệm, nhân ái: Trân trọng đề cao các nhà khoa học, các ý tưởng khoa học, biết xây dựng và vươn đến ước mơ.

-Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng (Tivi).

- Bảng phụ, Giấy A0, bút lông, bút dạ.

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Phiếu học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ ĐỀ**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI ....**

**ÔN TẬP KIẾN THỨC NGỮ VĂN VÀ ĐỌC**

**VĂN BẢN “CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG”**

**(GIUYN-VÉC-NƠ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Học sinh được củng cố, khắc sâu hiểu biết về truyện khoa học viễn tưởng.

- Biết làm bài đọc hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng về chủ đề khám phá đại dương.

- Biết viết những suy nghĩ, hiểu biết về truyện khoa học viễn tưởng.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh có ý thức trau dồi cho mình lối sống trách nhiệm, biết trân trọng những ý tưởng khoa học, thích tưởng tượng và sáng tạo;...

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị:** Máy chiếu (Tivi), máy tính.

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, tài liệu tham khảo về truyện khoa học viễn tưởng.

**III.TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Góc chia sẻ:**

*(1) GV yêu cầu HS chia sẻ những hiểu biết cá nhân về truyện khoa học viễn tưởng.*

*(2) Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?*

**2**. **HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**HOẠT ĐỘNG 2.1. ÔN TẬP KIẾN THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu**: HS ôn tập, khắc sâu kiến thức về văn bản và thực hiện thành thạo các đề đề đọc hiểu truyện viễn tưởng.

**b. Nội dung:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **A. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG** | |
| \*GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết về đặc trưng thể loại truyện khoa học viễn tưởng   * (*1) Nêu khái niệm và đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng về đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật.* * *(2) Chia sẻ cách đọc truyện khoa học viễn tưởng.* * - HS báo cáo, thảo luận và GV đánh giá, kết luận và mở rộng kiến thức cần ghi nhớ về truyện khoa học viễn tưởng. | **1. Khái niệm**:  - Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng tượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học công nghệ.  *\*Lưu ý:*  - Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tự nhiên tại thời điểm tác phẩm ra đời.  **2. Đặc điểm**  **\*Đề tài:** Đa dạng, phong phú thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất.  **\*Sự kiện**: Từ sự kiện có thật nhà văn tưởng tượng ra nội dung câu chuyện (sự kiện thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện diễn ra trong thế giới giả định trong quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ).  Ví dụ:  **\*Tình huống**: Đột ngột bất ngờ, có phần li kì mạo hiểm (tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay mâu thuẫn cần giải quyết trong thế giới giả tưởng).  **\*Cốt truyện**:  - Gắn với các sự kiện khoa học công nghệ.  - Các sự kiện “đi trước thời gian”.  - Những tình huống táo bạo bất ngờ.  **\*Nhân vật:**  - Những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế, người ngoài hành tinh, quái vật…).  **\*Bối cảnh không gian, thời gian**: Gắn với đề tài của truyện (Mang tính giả định, chẳng hạn như thời gian trộn lẫn quá khứ, hiện tại và tương lai, không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển...).  Ví dụ: Câu chuyện trong tiểu thuyết “*Hai vạn dặm dưới đáy biển”* diễn ra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm, ở một không gian biển cả rộng lớn (hai vạn dặm) hoành tráng và bí hiểm.  Hay truyện *“Đường vào trung tâm vũ trụ*” (Trích *“Thiên Mã*”, Hà Thủy Nguyên) Câu chuyện diễn ra trong hai không gian: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị.  **3. Yêu cầu khi đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng:**  **Nhận biết các yếu tố:**  - Đề tài.  - Tình huống.  - Cốt truyện.  - Nhân vật.  - Ngôi kể  - Bối cảnh.  - Cơ sở khoa học.  - Sự kiện. |
| **B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | |
| **VĂN BẢN 1: *CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG* (trích) (Giuyn-Vec-nơ)** | |
| **GV chiếu câu hỏi- HS trả lời cá nhân**  ***(****1) Nêu những thông tin chính cần nhớ về Giuyn Vec- nơ.*  ***(****2) Giới thiệu ngắn gọn hiểu biết về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” và văn bản “Cuộc chạm trán trên đại dương”.*  HS trả lời câu hỏi, thảo luận, giáo viên đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh và kết luận kiến thức về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản về tác phẩm**  **1. Giới thiệu tác giả:**  - Giuyn Vec- nơ (1828-1905) là nhà văn nổi tiếng của Pháp.  - Là người đi tiên phong trong thể loại truyện khoa học viễn tưởng.  - Được coi là một trong những “cha đẻ” của thể loại này.  - Ông là người có tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.  - Tác phẩm nổi tiếng : “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*”  **+** Ra đời năm 1870.  + Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai, bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.  **2. Giới thiệu tác phẩm:**  **\*Xuất xứ:**  Trích tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Giuyn Véc- vơ.  **\*Thể loại:** Truyện khoa học viễn tưởng.  **\* Ngôi kể:** ngôi kể thứ nhất.  **\* Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.  **\*Tóm tắt:** Chuyến thám hiểm khởi hành từ Brooklyn trên tàu hải quân của Hải quân Hoa Kỳ Abraham Lincoln và đi về phía nam quanh Cape Horn đến Thái Bình Dương . Con tàu tìm thấy con quái vật sau một cuộc tìm kiếm dài và sau đó tấn công con quái vật, Ned Land phóng lao nhọn trúng con cá. Con quái vật quay lại, tấn công tàu Lincoln làm hỏng bánh lái. Aronnax bị rơi xuống biển, Conseil tự nguyện nhảy xuống với chủ của mình. Hai người lênh đênh trên biển, qua tới hôm sau thì gặp Ned Land đang ở trên lưng con cá. Cả 3 người phát hiện ra rằng "con cá quái vật" là một tàu ngầm rất xa thời đại của nó. Họ nhanh chóng bị bắt và mang vào bên trong tàu, nơi họ gặp người sáng tạo bí ẩn và chỉ huy, thuyền trưởng Nemo.  **\*Đề tài:** Kể về cuộc chạm trán giữa người trên tàu Lincoln và “con quái vật” .  **\*Nhân vật:**  + Giáo sư: A-rô-nác (người nghiên cứu sinh vật học).  + Công-xây (Conseil) người cộng sự của giáo sư nhận lời mời tham gia đoàn thám hiểm của Lin-côn (Loncoln) để truy tìm quái vật biển.  + Nét-Len (Ned Land) thợ săn cá voi.  \***Tình huống hấp dẫn**: Cuộc chiến đầy cam go, khốc liệt trên biển giữa con tàu và “con quái vật”; cuộc chiến giành giật sự sống của các thuỷ thủ khi bị rơi xuống biển. Tuy nhiên “con quái vật” lại là một tàu ngầm tối tân với công nghệ chế tạo vượt rất xa so với công nghệ chế tạo thời bấy giờ.  **\*Ngôi kể:** Ngôi kể 1- làm chuyện kể chân thực.  **\*Bối cảnh:**  + Trong suốt một giờ tăng tốc độ với “Lò hơi hoạt động mạnh, chân vịt bắt đầu quay bốn mươi ba vòng một phút. Đồng hồ chỉ tốc độ mười tám phẩy năm hải lí một giờ.” Nhưng tốc độ của con tàu không theo kịp “con cá”.  + Lúc đó, ánh điện phụt tắt và hai cột nước khổng lồ đã ập ngay xuống boong tàu, quật ngã mọi người. “Tôi” bị văng xuống biển, người choáng váng và chìm xuống độ sâu khoảng sáu mét.  **3. Đặc sắc nội dung, nghệ thuật:**  **\*Nội dung**: Thể hiện khát vọng chinh phục đại dương, chinh phục khoa học mà còn giúp khơi gợi ở người đọc những ước mơ khám phá, làm chủ thế giới với muôn điều bí ẩn.  **\* Nghệ thuật:**  - Xây dựng cốt truyện: Dựa trên thành tựu khoa học công nghệ tàu ngầm.  - Tình huống:  + Li kì, hấp dẫn bất ngờ thể hiện sự li kì mạo hiểm của hành trình thám hiểm khám phá đại dương của đoàn thủy thủ và các nhà khoa học.  + Không sử dụng yếu tố thần kì, siêu nhiên.  - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất làm cho câu chuyện kể chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể.  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn thú vị: Kết hợp kể, tả, biểu cảm để cuốn hút người đọc.  - Bối cảnh: Tạo ra bối cảnh diễn ra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm, ở không gian của biển cả rộng hớn, hoành tráng, bí ẩn.  - Ngôn ngữ: Ngôn ngữ đối thoại, sử dụng từ ngữ giàu sức gợi hình, gợi cảm và có nhiều từ ngữ bộc lộ cảm xúc, câu cảm thán.  **4. Cách đọc hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng:**  - Tóm tắt được cốt truyện, qua đó thấy được sự li kỳ, cuốn hút.  - Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính; ngôi kể.  **-** Phân tích được nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính.  - Nhận diện được sự vật, sự kiện mà người viết chú tâm mô tả. Sự vât, sự kiện đó tại thời điểm nhà văn viết tác phẩm đã có hay chưa? Sự tưởng tượng của nhà văn có đúng hay có khả năng đúng với hiện thực sau này không?  - Sự hài hoà giữa yếu tố khoa học và yếu tố nghệ thuật trong tác phẩm.  - Rút ra đề tài, chủ đề của truyện.  **-**  Rút ra được bài học cho bản thân. |
| **\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu đoạn trích VB truyện ngắn.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU PHẦN NGỮ LIỆU SÁCH GIÁO KHOA**

**PHIẾU SỐ 1:**

**Câu 1. Văn bản cuộc trạm chán trên Đại Dương thuộc thể loại?**

A. Truyện ngắn B. Truyện ngụ ngôn

C. Tuỳ bút D. Truyện khoa học viễn tưởng

**Câu 2. Tác giả GiuynVéc-nơ là người nước nào?**

A. Pháp B. Mĩ C. Đức D. Anh

**Câu 3. Văn bản được chia bố cục làm mấy phần?**

A. 2 phần B. 3 Phần C. 4 Phần D. 5 phần

**Câu 4. Nội dung văn bản đề cập đến vấn đề gì?**

A. Chinh phục thiên nhiên vũ trụ B. Chinh phục Đại dương

C. Chinh phục loài người D. Cả ba nội dung trên

**Câu 5. Xác định ngôi kể trong chuyện**

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ nhất và thứ 3

**Câu 6: Văn bản Cuộc chạm trán trên đại dương kể lại sự kiện gì?**

A.Cuộc chạm trán giữa nhà khoa học và chiếc tàu ngầm.

B. Cuộc rượt đuổi với thuỷ quái trên đại dương.

C. Các nhân vật phiêu lưu dưới đại dương.

D. Chiếc tàu bị thuỷ quái tấn công.

**Câu 7: Không gian trong đoạn trích là không gian nào?**

A.Tâm vũ trụ.

B. Dưới đáy đại dương.

C. Tâm Trái Đất.

D. Trên các hành tinh khác.

**Câu 8: Nhân vật chính của văn bản là người như thế nào?**

A.Thích tìm tòi, nghiên cứu.

B. Thích săn bắt cá thiết kình.

C. Dũng cảm, gan dạ.

D. Phiêu lưu, mạo hiểm.

**Câu 9: Trí tưởng tượng phong phú của tác giả thể hiện ở việc miêu tả điều gì?**

A.Chiếc tàu ngầm trên biển.

B. Màn đêm trên biển.

C. Dưới đáy đại dương.

D. Quang cảnh đại dương.

**Câu 10: Phương án nào nêu đúng về đặc điểm nghệ thuật được tác giả sử dụng trong đoạn trích?**

A.Sử dụng nhiều chi tiết kì ảo, hoang đường.

B. Xây dựng được nhân vật người anh hùng.

C. Nghệ thuật miêu tả tâm lí đặc sắc.

D. Nhiều chi tiết tưởng tượng nhưng có cơ sở khoa học.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc lại văn bản Cuộc chạm trán trên đại dương và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:** Điền thông tin vào bảng để hiểu diễn biến cuộc chạm trán trên đại dương:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bố cục chính** | **Các sự việc cụ thể** |
| a,Các sự việc chính đoạn 1 |  |
| b, Các sự việc chính đoạn 2 |  |
| c, Các sự việc chính đoạn 3 |  |
| d,Đối tượng được khắc hoạ đậm nét nhất văn bản |  |

**Câu 2:** Khám phá cuộc săn cá voi – tàu ngầm Nau-ti-luýt

|  |  |
| --- | --- |
| **Cá voi và cuộc săn** | **Biểu hiện cụ thể (tóm tắt/dẫn chứng)** |
| Hình dáng |  |
| Hoạt động |  |
| Kế hoạch bắt cá voi |  |
| Tấn công và kết quả |  |

**Câu 3:** Vì sao khi còn cách “con cá” khoảng bốn trăm mét, tàu Lin-côn lại tắt máy, chỉ chuyển động theo quán tính?

**Câu 4**: Điền bảng sau để tìm hiểu nhân vật Giáo sư Pi-e A-rôn-nác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giáo sư Pi-e A-rôn-nác** | | |
| Gặp tình huống bất thường | |  |
| Suy đoán về tàu ngầm Nau-ti-luýt | Hình dáng |  |
| Cấu tạo |  |
| Vận hành |  |
| Khát vọng của giáo sư | |  |
| Những suy luận khoa học của giáo sư | |  |
| Giáo sư thuộc loại nhân vật nào của truyện khoa học viễn tường | |  |
| Nhận xét tư duy khoa học và khả năng linh cảm của giáo sư | |  |

**Câu 5**: Hãy chỉ ra công dụng của dấu ngoặc kép và dấu chấm lửng trong các trường hợp sau:

a. Chừng nào cái “phao” này còn nổi thì tôi chẳng có gì phản đối. Nhưng nếu nó

giở trò lặn xuống thì cái mạng tôi chẳng đáng hai đô-la!

b. Chắc là nhờ được xoa bóp mạnh toàn thân, nên tôi tỉnh lại ngay. Tôi mở mắt...

**Câu 6**: Khi bị rơi xuống biển, các nhân vật ở trong trạng thái nào, họ đã ứng xử với nhau ra sao? Từ đó, em rút ra bài học gì khi gặp tình huống bất ngờ trong cuộc sống?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM:**

**Câu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bố cục chính** | **Các sự việc cụ thể** |
| a,Các sự việc chính đoạn 1 | Chuẩn bị vũ khí, tinh thần nghênh chiến, đuổi theo quái vật quẫy sóng m ạnh trong sự nhục nhã, tức giận điên người |
| b, Các sự việc chính đoạn 2 | Tiếp cận quái vật, tấn công và thất bại. Tàu Lin-côn bị phá huỷ, các nhân vật trên tàu rơi xuống biển. |
| c, Các sự việc chính đoạn 3 | Công-xây, Nét Len, Pi-e A-rôn-nác cứu nhau, đưa nhau lên thân con quái vật (tàu ngầm)  Phát hiện về tàu ngầm Nau-ti-luýt và suy đoán về cấu tạo cơ chế vận hành của nó; Lo lắng, tìm cách sôgns và nhanh chóng bị bắt mang vào bên trong tàu |
| d,Đối tượng được khắc hoạ đậm nét nhất văn bản | Tàu ngầm Nau-ti-luýt |

**Câu 2:** Khám phá cuộc săn cá voi – tàu ngầm Nau-ti-luýt

|  |  |
| --- | --- |
| **Cá voi và cuộc săn** | **Biểu hiện cụ thể (tóm tắt/dẫn chứng)** |
| Hình dáng | Con vật dài màu đen, không quá 80 mét, ba chiều cân đối. |
| Hoạt động | -Đuôi quẫy mạnh, lượn hình vòng cung để lại phía sau vệt sáng lấp lánh, tàu không đuổi kịp cá.  -Thở: Hai lỗ mũi vọt lên hai cột nước cao 40 mét.  -Con cá thấm mệt nên ngủ |
| Kế hoạch bắt cá voi | -Lướt bắt cá voi; súng bắn xa một hải li; súng bắn đạn phá.  -Thợ săn cá voi của Ca-na-đa,Nét Len mài mũi lao |
| Tấn công và kết quả | -Phóng mũi lao sắt… Một tiếng kêu lanh lảnh phát ra như tiếng kim loại chạm nhau.  -Ánh điện phụt tắt… quật ngã mọi người… tàu kêu răng rắc |

**Câu 3**: Khi còn cách “con cá” khoảng bốn trăm mét, tàu Lin-côn tắt máy, chỉ chuyển động theo quán tính vì thuyền trưởng sợ tiếng động của động cơ sẽ đánh thức “con cá”. Chiếc tàu muốn nhân cơ hội “con cá” ngủ sẽ tiếp cận và tiêu diệt nó.

**Câu 4**: Điền bảng sau để tìm hiểu nhân vật Giáo sư Pi-e A-rôn-nác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giáo sư Pi-e A-rôn-nác** | | |
| Gặp tình huống bất thường | | Tàu kêu răng rắc… bị hất văng xuống biển… sức kiệt… chạm vật rắn được đưa lên mặt nước, cưỡi trên lưng cá thiết kình khổng lồ, lưng đen bóng nhẵn thín, phẳng lì được ghép bằng thép lá. |
| Suy đoán về tàu ngầm Nau-ti-luýt | Hình dáng | Tàu ngầm kì lạ trông tựa con cá bằng thép khổng lồ. Lưng đen bóng nhẵn thín, phẳng lì. |
| Cấu tạo | Do con người tạo ra; ghép lại bằng thép lá; từng hàng đinh bắt chặt các nếp ngoài không để một kẽ hở nào |
| Vận hành | Chạy vơi một tốc độ ghê người. |
| Khát vọng của giáo sư | | Cần cấp tốc đàm phán với người trong chiếc tàu này. Khám phá con tàu: nó chạy đi đâu, động cơ nào? |
| Những suy luận khoa học của giáo sư | | -Có máy móc và có người điều khiển: chân vịt quay, đẩy tàu chạy,…  -Ghép bằng thép lá, không để một kẽ hở nào  -Tạo dưỡng khí bằng phương pháp khoa học…nổi lên mặt nước để dự trữ không khí… lỗ thủng lấy không khí vào tàu. |
| Giáo sư thuộc loại nhân vật nào của truyện khoa học viễn tường | | Nhân vật thông thái |
| Nhận xét tư duy khoa học và khả năng linh cảm của giáo sư | | -Tư duy khoa học sâu sắc, logic khi tưởng tượng ra cấu tạo vỏ, sử dụng dưỡng khí, tốc độ của tàu ngầm.  -Có khả năng tiên tri – dự đoán về nhieu cấu tạo, khả năng của tàu ngầm xuất hiện sau này. |

**Câu 5**: Công dụng của dấu ngoặc kép và dấu chấm lửng:

a. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ phao được hiểu theo nghĩa đặc biệt: từ phao không chỉ chiếc phao thật mà chỉ chiếc tàu ngầm như một vật thả nổi trên mặt nước để đỡ cho những người đang đứng trên đó cùng nổi.

b. Trong trường hợp này, dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, nhằm diễn tả trạng thái của người vừa tỉnh lại sau cơn choáng ngất, đang định thần lại để xác định sự việc vừa xảy ra.

**Câu 6:**

* Choáng váng, kiệt sức, nhưng không mất bình tĩnh, Công – xây, Nét Len giúp đỡ giáo sư (đưa lên khỏi nước, xoa bóp,…). Họ giúp đỡ, chăm sóc nhau tận tình.
* Cùng nhau phán đoán tình hình để tìm cách thoát khỏi hiểm nguy.

**IV. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA**

**ĐỀ BÀI 1**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

*Tàu No- ti- lớt lặn xuống sâu hai, ba ngàn mét và ngày 20 tháng 4 lại nổi lên cách mặt biển một ngàn năm trăm mét. Gần chúng tôi nhất là quần đảo Lu-cai (Lucayes). Từ đáy biển nổi lên những mỏm đá lớn dựng đứng, phủ đầy những loại tảo khổng lồ. Khoảng 11h trưa, Nét len lưu ý tôi giữa đám tảo đỏ có một con vật gì đó rất đáng sợ. Tôi nói:*

*- Đúng, ở đây có nhiều hang thích hợp với bạch tuộc. Nếu có gặp những quái vật đó ở đây tôi cũng chẳng ngạc nhiên chút nào […] Năm 1861, về phía tây bắc Tê-nê-ríp (Tenerife), cũng ở khoảng vĩ độ này, thủy thủ tàu A-lếch-tơn (Alec ton) phát hiện ra một con bạch tuộc khổng lồ đang bơi cùng tuyến đường. Thuyền trưởng Bu-ghê (Bauguer) cho tàu chạy sát con vật và dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn đều xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông. Sau mấy lần thất bại, cánh thủy thủ bèn dùng thòng lọng để bắt. Thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được. Lúc đó, mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra. Thế là nó lặng xuống, biến mất.*

*- Thế nào dài bao nhiêu? - Nét hỏi.*

*- Có phải chừng sáu mét không? - Công xây hỏi. Anh ta đứng bên cửa sổ và nhìn vào các hốc đá.*

*Công-xây hỏi tiếp:*

*- Có phải trên đầu nó có tám vòi, ngọ ngoạy trong nước biển như một bầy rắn không?*

*- Đúng vậy, Công-xây ạ.*

*- Có phải hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều không?*

*- Rất đúng.*

*- Thế thì, thưa giáo sư, có phải nó kia không ạ?*

* *Tôi nhìn Công – xây, còn Nét thì lao đến cửa sổ.*
* *Con vật khủng khiếp quá! - Nét la lên.*
* (Trích *“Hai vạn dặm dưới đáy biển”-* Giuyn Véc- nơ)

**Và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt và người kể chuyện, ngôi kể của đoạn trích.

**Câu 2**. Đoạn trích cho em biết tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*” viết về đề tài gì? Nó được viết dựa trên cơ sở nào?

**Câu 3**. Trong đoạn trích, người kể chuyện gọi “bạch tuộc” là gì?

**Câu 4.** Tìm trong đoạn trích những chi tiết nói về hình ảnh của bạch tuộc? Qua đó em hình dung đó là con vật như thế nào?

**Câu 5.** Văn bản “Bạch tuộc” có chứa đoạn trích trên trên kể về kiện gì?Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống nào?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

- Người kể: Xưng “tôi”- kể ngôi thứ nhất.

**Câu 2.**

- Đề tài: Khám phá đại dương đầy bí ẩn.

- Căn cứ:Những hiểu biết và thành tựu khoa học:

+ Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm.

+ Bạch tuộc đã được phát hiện.

\*Lưu ý: Tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đấy biển”* của Véc-nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai; bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.

**Câu 3:** Người kể chuyện gọi bạch tuộc là “quái vật”.

**Câu 4:** Hình ảnh con bạch tuộc xuất hiện qua lời kể, trò chuyện của các nhân vật:

- Qua lời kể của nhân vật tôi:

*+Con bạch tuộc khổng lồ”;*

*+ Dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông”;*

*+ thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được… mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra.*

- Qua cuộc trò cuộc trò chuyện của Nét, Công-xây với giáo sư A-rôn-nác:

+ *Con bạch tuộc dài chừng sáu mét;*

*+ Trên đầu có tám cái vòi, ngọ ngoạy trong nước biển như một bầy rắn;*

*+ Hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều”.*

- >: những con bạch tuộc là con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương.

**Câu 5:**

- Đoạn trích “Bạch tuộc” kể lại sự kiện chiến đấu của những người trên tàu ngầm No-ti-lớt với những con bạch tuộc.

- Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.

**ĐỀ BÀI 2**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

**Tôi cũng đưa mắt nhìn qua ô cửa bất giác lùi lại. Trước mắt tôi, một quái vật đương bơi tới. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. Nó bơi lùi rất nhanh về phía tàu. Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy. Tám cánh tay hay đúng hơn, tám chân từ đầu mọc ra phải gấp đôi thân và luôn luôn uốn con. Nhìn thấy rõ hai trăm rưỡi cái giá ở phía trong vòi. Hai hàm răng bạch tuộc giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại. Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhịn, rung lên bần bật mỗi khi thò ta khỏi mồm. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn. Màu sắc nó thay đổi rất nhanh từ màu xám chỉ sang màu nâu đỏ.**

**Vì sao con bạch tuộc tức giận. Hẳn là vì sự xuất hiện của tàu No-ti-lớt to lớn hơn nó và vì vòi cũng như hai hàm răng của nó chẳng làm nên chuyện gì…**

**Được gặp một con bạch tuộc như thế này đối với tôi thật là một dịp may hiếm có, nên tôi không bỏ lỡ cơ hội nghiên cứu nó cặn kẽ. Tôi cố nén sự sợ hãi mà cầm bút chì vẽ nó.**

**- Có lẽ đây là con bạch tuộc mà tàu A-lếch-tơn đã gặp ?- Công-xây hỏi .**

**- Không, - Nét trả lời- con này còn nguyên vẹn, con kia đã mất đuôi.**

**- Không phải thế đâu- Tôi phản đối - Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại. […]**

**Tàu No-ti-lớt bỗng dừng lại, toàn thân tàu rung lên.**

**Chẳng lẽ chúng ta lại vấp phải cái gì? - Tôi hỏi.**

**- Nét trả lời:**

**- Dù có vấp phải cái gì ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong.**

**Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong, nhưng đứng yên không nhúc nhích. Chân vịt không quay nữa rồi. Một phút trôi qua. Thuyền trưởng Nê- mô và viên thuyền phó bước vào phòng khách. Đã mấy hôm nay tôi không gặp Nê-mô. Ông ta không nói chuyện với chúng tôi, có lẽ chẳng nhìn thấy chúng tôi nữa. Ông ta bước tới cửa sổ, nhìn lũ bạch tuộc rồi nói mấy câu với thuyền phó. Ông này đi ra. Cửa sổ lập tức đóng lại. Đèn trên trần bật sáng.**

* **(**Trích *“Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- Giuyn Véc- nơ)
* **Và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1. Xác định nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích.**

**Câu 2. Tìm trong đoạn trích chi tiết về “Quái vật đang bơi tới” theo lời của nhân vật tôi. Nêu nhận xét về con vật đó.**

**Câu 3. Tìm trong đoạn trích một** số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.

**Câu 4**. Văn bản có đoạn trích trên kể về tình huống tàu No-ti-lớt gặp phải theo em đó là tình huống nào? Trong tình huống đó các thủy thủ trên con tàu đã làm gì?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1:** Nội dung: Đoạn trích kể về sự xuất hiện của bạch tuộc và tình huống tài No-ti-lớt gặp phải.

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

**Câu 2:** Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế:

*+ Dài chừng tám mét.*

*+ Nó bơi lùi rất nhanh.*

*+ Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.*

*+ Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.*

*+ Có hai trăm rưỡi cái giác ở trong vòi.*

*+ Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.*

*+ Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*

*+ Thân hình thoi.*

*+Nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.*

*+Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*

*+ Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.*

- Các chi tiết miêu tả rất cụ thể, rõ ràng, cho thấy bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu với các bộ phận đáng sợ, đe dọa trực tiếp tới tính mạng của người trên tàu cũng như các sinh vật khác dưới đáy đại dương.

**Câu 3. C**hi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:

- *Bạch tuộc dài tám mét, mắt màu xanh xám nhìn thẳng không động đậy với tám chân mọc dài gấp đôi thân và luôn uốn cong.*

*- Hai hàm răng bạch tuộc cứng cáp, giống cái mỏ vẹt bằng sừng, nhọn và rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*

*- Thân hình đồ sộ nặng hai mươi, hai lăm tấn, màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*

**Câu 4.** Văn bản có đoạn trích kể về tình huống con tàu gặp phải:

- Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa.

- Những người trên tàu ngầm No-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc.

# đề số 3

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

*Nhưng Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc đang bò trên thành tàu. Thật là khủng khiếp! Có lúc, tôi tưởng người bị nạn sắp được cứu thoát khỏi sức hút của vòi bạch tuộc. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt vào người thủy thủ và ngoe nguẩy trên không. Khi Nê-mô và thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mày chẳng nhìn thấy gì. Khi đám “mây” đó tan đi thì quái vật đã biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi.*

*Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc. Ai nấy đều sôi sục căm thù! Trên boong tàu và ở thành tàu có độ mười, mười hai con. Chúng bị chém đứt và quằn quại trong mái xanh và “mực đen”. Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật, lần nào cũng trúng đích. Tuy vậy, khi anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta... Nhưng Nê- mô đã đến trước tôi. Lưỡi rìu của Nê- mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù.*

*- Tôi có bổn phận trả ơn ông! - Nê- mô bảo Nét. Nét chỉ nghiêng mình đáp laị.*

*Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lẩn xuống biển sâu. Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhuốm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê-mô ứa lệ.*

* **(**Trích “*Hai vạn dặm dưới đáy biển”-* Giuyn Véc- nơ)

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1**. Đoạn văn kể về sự việc gì? Sự việc đó liên quan đến những nhân vật nào?

**Câu 2**. Tìm trong đoạn trích các chi tiết nói về tinh thần dũng cảm, tinh thần đồng đội của các thủy thủ.

**Câu 3**. Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn nào? Em học tập được điều gì trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả?

**Câu 4**. Tại sao mắt Nê-mô ứa lệ?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1.** Sự việc: Kể về phần cuối cuối cuộc giao chiến của các thủy thủ trên tàu Na-ti-lớt với bạch tuộc và kết quả cuộc giao chiến.

**Câu 2.** Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:

+ Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.

+ Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.

**Câu 3:**

- Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn *“Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu”.*

- Học tập nghệ thuật kể chuyện của tác giả:

+ Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, kịch tính, hấp dẫn.

+ Sử dụng những từ ngữ giàu sức biểu cảm cùng những câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của người tham gia cuộc chiến.

-> Giúp người đọc hình dung rõ được sự cam go, nguy hiểm của cuộc chiến.

**Câu 4**. Mắt Nê- mô ứa lệ vì: một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi. Đó là biểu hiện tình yêu thương với người đồng đội xấu số.

**ĐỀ SỐ 4:**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

*Thuyền trưởng Nê-mô cáo từ rồi đi ra. Tôi ở lại với những ý nghĩ của mình. Tôi nghĩ về Nê- mô. Liệu sau này tôi có biết được quốc tịch của con người bí ẩn đã từ bỏ Tổ quốc mình không? Cái gì đã khiến ông ta căm ghét loài người, một lòng căm ghét, khao khát trả thù? Phải chăng ông ta là một trong số những nhà bác học không được thừa nhận, là một thiên tài “bị người đời hắt hủi”, như Công-xây nói? Chẳng ai biết! Số phận đã ném tôi lên tàu ông ta, tính mệnh tôi nằm trong tay ông ta. Ông ta tiếp đón chúng tôi một cách lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. Chưa lần nào ông ta bắt tay tôi. Cũng chưa lần nào đưa tay cho tôi bắt.*

*Tôi suy nghĩ liên miên suốt một tiếng đồng hồ và cố gắng đi sâu vào bí mật của con người ấy. Mắt tôi vô tình dừng lại nơi tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi lần ngón tay trên bản đồ và tìm thấy giao điểm k độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ. Các đại dương cũng như cũng các lục địa đều có những dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu rất dễ nhận ra theo màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng kể nhất là Gơn-xtow-rim (Gulf Stream). Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.*

*Tàu No-ti-lớt chạy theo một hải lưu kể trên, có cái tên Nhật Bản là Xư-rô-xi-ô (Kuroshio), nghĩa là “Sông Đen”. Ra khỏi vịnh Băng-gan (Bengal) được những tia thẳng đứng của mặt trời sưởi nóng, hải lưu này chảy qua eo Ma-lắc-ca (Malacca), dọc theo bờ biển châu Á rồi vòng theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út (Aleutian). Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới, màu xanh thẳm của hải lưu ấm áp khác hẳn với nước đại dương lạnh ngắt.*

(Trích *“Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- Giuyn Vec-nơ)

**Và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 2**: Đoạn trích có những nhân vật nào? Nêu tình huống mà các nhân vật gặp phải.

**Câu 3**. Tìm trong văn bản một số chi tiết về nhân vật Nê-mô và điền vào cột thứ 2 của bảng sau (làm vào vở):

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Nê- mô** | **Chi tiết biểu hiện** |
| Cử chỉ, hành động của Nê-mô | … |
| Thái độ của A- rô- nắc về Nê-mô | … |
| Thái độ của Công xây về Nê-mô | … |
| Thái độ của Nét len về Nê-mô | … |

Từ những chi tiết đó, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật Nê-mô?

**Câu 4**. Theo lời của người kể khoa học đã ghi vào bản đồ thế giới mấy dòng hải lưu lớn nhất? Đó là những dòng hải lưu nào?

**Câu 5**. Dựa vào hành trình mà giáo sư A-rô-nác đã kể, em hãy giải thích lí do giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen”?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM :**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

- Nội dung: Kể lại suy nghĩ của tôi về thuyền trưởng Nê-mô và giới thiệu về dòng Sông Đen.

**Câu 2:** Đoạn trích có các nhân vật:

+ Giáo sư: A-rô-nác (nhà nghiên cứu sinh vật học).

+ Công- xây (Conseil) người cộng sự của giáo sư nhận lời mời tham gia đoàn thám hiểm của Lin-côn (Loncoln) để truy tìm quái vật biển.

+ Nét Len (Ned Land) thợ săn cá voi.

+ Thuyền trưởng Nê-mô.

- Tình huống: Ba nhân vật giáo sư A-rôn-nác, Công-xây, Nét Len rơi vào con tàu Nau-ti-lotx (No-ti-lớt) hiện đại với một người thuyền trưởng bí ẩn họ không thể biết được điều gì đón đợi họ ở phía trước.

**Câu 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Nê-mô** | **Chi tiết biểu hiện** |
| Cử chỉ, hành động của Nê-mô | Đón tiếp 3 người họ lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. |
| Thái độ của A- rô- nác về Nê-mô | Suy nghĩ rất nhiều và cảm thấy khó hiểu về ông Nê-mô. |
| Thái độ của Công-xây về Nê-mô | Gọi ông Nê-mô là một thiên tai “bị người đời hắt hủi”. |
| Thái độ của Nét Len về Nê-mô. | Hỏi A-rô-nắc về lai lịch, ý đồ của ông Nê-mô. |

**Câu 4:** *Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.*

**Câu 5.** Tác giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen” vì:

+ Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đói màu xanh thẳm của hải lưu ấm áp, khác hẳn với nước đại dương lặng ngắt.

+ Nó mất hút giữ Thái Bình Dương mênh mông.

**ĐỀ SỐ 5**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Tôi nghiên cứu đường đi của hải lưu trên bản đồ và thấy nó bị mất hút giữa Thái Bình Dương mênh mông. Óc tưởng tượng đã làm tôi say sưa đến nỗi Nét Len và Công- xây vào phòng khách lúc nào không hay.*

*Nét và Công-xây sững sờ trước cảnh huyền diệu đang hiện ra trước mắt.*

*- Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không?*

*- Các bạn của tôi ơi, - Tôi mời họ xích lại gần- Không phải các bạn đang ở Ca-na-đa (Canada) hay ở Pháp đâu, mà đang ở trên tàu No-ti-lớt dưới mặt biển năm mươi mét.*

*- Giáo sư đã nói vậy thì phải tin thôi! Công-xây đáp - Nhưng xin thú thật rằng phòng khách có thể làm cho một người Phơ-le-mít (Plemish) như tôi cũng phải ngạc nhiên.*

*- Anh bạn ơi, bạn cứ ngạc nhiên đi và hãy xem kĩ những tủ kính này. Ở đây bạn sẽ thấy nhiều điều kì lạ đối với một người chuyên phân loại như bạn.*

*Công-xây thì chẳng cần phải cổ vũ nhiều. Anh ta cúi xuống xem xét và lẩm bẩm những thuật ngữ sinh vật học.*

*Trong khi đó Nét Len, vì không thạo lắm về nhuyễn thể học nên hỏi han tôi về cuộc gặp gỡ vừa qua với thuyền trưởng Nê-mô, về lai lịch ông ta, về ý đồ của ông ta. Tóm lại, anh ta hỏi tôi liên miên làm tôi không kịp trả lời.*

*Tôi nói lại với Nét tất cả những gì tôi biết, đúng hơn là những gì tôi không biết. Rồi tôi lại hỏi Nét về những điều anh ta nghe và thấy được.*

*Tôi chẳng nghe, chẳng nhìn thấy gì cả- Nét trả lời- Thậm chí chẳng thấy một bóng thủy thủ nào. Chẳng nhẽ thủy thủ cũng bằng điện?*

*- Bằng điện sao được !*

*- Ấy ấy, có thể bằng điện lắm chứ! Nhưng thưa ngài A-rô-nác,- Nét bị ý nghĩ của mình ám ảnh,- Ngài có thể cho tôi biết số người trên tàu này không? Mười người, hai mươi người, năm mươi người, một trăm người?*

*- Ông Nét ơi, tôi không thể trả lời ông được đâu! Ông hãy nghe tôi, hãy từ bỏ ngay cái ý định đoạt tàu No-ti-lớt, hay bỏ trốn đi. Chiếc tàu này là một kì công của kĩ thuật hiện đại và tôi sẽ rất ân hận nếu không được tìm hiểu nó kĩ càng. Có lẽ nhiều người mong được ở vào địa vị chúng ta để được ngó qua những kì quan này! Vì vậy, ông hãy bình tĩnh lại, chúng ta cũng quan sát những gì đang xảy ra xung quanh.*

*- Quan sát những cái gì!- Nét hét lên- Trong cái ngục tù bằng sắt này thì còn thấy gì nữa mà quan sát! Chúng ta đang đi như những thằng mù.*

(Trích *“Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- Giuyn Vec- nơ)

**Và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Qua lời kể của người kể chuyện trong đoạn trích em thấy tàu Nau-ti-lux đang ở vị trí nào dưới lòng đại dương?

**Câu 2.** Xác định tình huống, nhân vật, không gian, thời gian trong văn bản.

**Câu 3**. Các câu văn *“- Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không*?” thể hiện tâm trạng, thái độ nào của Nét? Vì sao Nét có thái độ, tâm trạng đó?

**Câu 4.** Tàu Nau-ti-lux được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng, trong khi vào thời điểm tác phẩm ra đời, điện năng chưa phải là năng lượng chủ yếu trong công nghiệp. Tàu Nau-ti-lux có thể lặn xuống bất cứ độ sâu nào mà không bị vỡ cửa kính. Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu thêm điều gì về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?

**Câu 5.** Tác giả để cho giáo sư A-rô-nác và Nét Len tranh luận về vấn đề gì? Nêu quan điểm của mỗi người về vấn đề đó. Em đồng tình với cách giải quyết vấn đề của nhân vật nào? Vì sao?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1:** Theo lời của người kể chuyện trong đoạn trích, tàu Nau- ti-lux đang ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

**Câu 2**:

- Tình huống: cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nác và Nét Len trong con Nau-ti-lúx của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương.

- Nhân vật: giáo sư A-rôn-nác, Nét Len, Công-xây.

- Không gian: dưới lòng đại dương.

**Câu 3:** Các câu văn thể hiện thái độ ngỡ ngàng, ngạc nhiên của Nét về những điều kì diệu anh nhìn thấy khi ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

**Câu 4:** Những khả năng vượt trội của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng: được viết theo thể hư cấu về một điều giả định được dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện.

\*Lưu ý: Với tài năng và trí tưởng tượng của mình Giuyn Vec-nơ đã thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục đại dương của con người lúc bấy giờ. Và sau gần hai thế kỉ chiếc tàu ngầm và nguồn năng lượng điện năng đã không còn xa lạ đối với nhân loại và điều đó đã chứng minh lý tưởng của ông, ước mơ của ông, khát vọng của ông không phải là những ý tưởng viển vông.

**Câu 5:** Cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả: Để giáo sư A- rô- nác không đồng tình với Nét Len khuyên anh từ bỏ ý định đó.

- Ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình:

+ Em đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này: Nét Len có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp dưới đáy biển. Nếu bỏ trốn khỏi con tàu, anh sẽ không thấy và không thể trải nghiệm hành trình khám phá hai vạn dặm dưới biển.

+ Không đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này, mâu thuẫn trong Nét Len không được giải quyết, chỉ tạm lắng xuống khi Nét Len bị hấp dẫn bởi vẻ đẹp của đại dương bí ẩn. Trên thực tế, vào cuối cuộc hành trình, Nét Len, giáo sư A-rô-nác, Công-xây đã bỏ trốn khỏi tàu *No-ti-lớt.*

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**- Học bài:** Nắm vững đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng.

**- Làm bài tập:**

+ Hoàn thành các bài tập đọc hiểu về truyện khoa học viễn tưởng với chủ đề khám phá đại dương đã hướng dẫn.

+ Tìm đọc một truyện khoa học viễn tưởng với chủ đề khám phá đại dương.

**- Chuẩn bị cho buổi ôn tập tiếp theo:**

+ Đọc lại văn bản “Đường vào trung tâm vũ trụ” (Hà Thuỷ Nguyên)

+ Tìm đọc văn bản truyện khoa học viễn tưởng với chủ đề sáng tạo khoa học kĩ thuật và hoàn thiện nội dung phiếu học tập.

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên tác phẩm (văn bản) .......................................................  - Tác giả: .................................................................................. | |
| - Đề tài, chủ đề | **…** |
| - Sự kiện | **…** |
| - Tình huống | **…** |
| - Cốt truyện | **…** |
| - Nhân vật | **…** |
| - Bối cảnh | **…** |
| - Chủ đề, ý nghĩa tác phẩm | **…** |

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI...**

**ÔN TẬP VĂN BẢN**

***ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ***

**Hà Thuỷ Nguyên**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Học sinh tiếp tục củng cố, khắc sâu hiểu biết về truyện khoa học viễn tưởng thông qua luyện đề đọc hiểu về truyện khoa học viễn tưởng.

- Nhận biết được giá trị của tiểu thuyết khoa học viễn tưởng thú vị pha trộn yếu tố huyền bí đưa người đọc vào thế giới ảo trong trí tưởng tượng.

- Tích cực phát huy tinh thần tự chủ, tự học để khám phá, sáng tạo tri thức về truyện khoa học viễn tưởng, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh có ý thức tự giác học tập, biết xây dựng cho mình ước mơ sáng tạo khoa học kĩ thuật và phấn đấu vươn đến những ước mơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị:** Máy chiếu (Tivi), máy tính.

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, tài liệu tham khảo về truyện khoa học viễn tưởng.

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**b. Nội dung:** Đặt học sinh vào tình huống giả định để lựa chọn cách giải quyết vấn đền.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV nêu tình huống:**

*1) Hãy kể tên những nhà khoa học và những phát minh vĩ đại của họ với nhân loại mà em biết.*

*2) Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh lần lượt chia sử hiểu biết, suy nghĩ của bản thân.

- GV khích lệ, động viên trình bày.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh lắng nghe, theo dõi sản phẩm học tập bạn trình bày.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét, khen và biểu dương học sinh có câu trả lời thể hiện hiểu biết sâu sắc.

- GV giới thiệu nội dung buổi ôn tập và chuyển sang hướng dẫn học sinh ôn tập.

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS tiếp tục củng cố kiến về truyện khoa học viễn tưởng, làm được bài đọc hiểu.

**b. Nội dung:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. ÔN TẬP KIẾN THỨC CHUNG VỀ VĂN BẢN *“ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ”.*** | |
| **GV chiếu câu hỏi- HS trả lời cá nhân**  ***(****1) Nêu những thông tin chính cần nhớ về Hà Thuỷ Nguyên.*  ***(****2) Giới thiệu ngắn gọn hiểu biết về tác phẩm “Đường vào trung tâm vũ trụ”*  HS trả lời câu hỏi, thảo luận, giáo viên đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh và kết luận kiến thức về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản về tác phẩm**  **1. Giới thiệu tác giả:**  - Hà Thuỷ Nguyên sinh năm 1986 tại Hà Nội.  - Cô là một trong những nữ tác giả tiểu thuyết nổi tiếng và trẻ tuổi tại Việt Nam.  - Một số tác phẩm đã xuất bản: Điệu nhạc trần gian (2004), Bên kia cánh cửa (2005), Thiên Mã (2010),...  **2. Giới thiệu tác phẩm:**  **\*Xuất xứ:**  - Tác phẩm Đường vào trung tâm vũ trụ  được trích trong tiểu thuyết Thiên mã, xuất bản năm 2010  - “Thiên mã” là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng pha trộn với các yếu tố huyền bí, được viết với giọng kể của một cô gái tuổi mới lớn. Các nhân vật chính trong truyện đều không có tên mà được gọi bằng các đặc điểm. Linh vật của truyện là con thiên mã, được lai tạo từ công nghệ gen của Thần Đồng, là nhân vật duy nhất có tên riêng với cái tên Thần Thoại.  **\*Thể loại:** Truyện khoa học viễn tưởng.  **\* Ngôi kể:** ngôi kể thứ nhất.  **\* Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.  **\*Đề tài:** thám hiểm Vũ trụ  **\*Nhân vật:**  Có 3 nhân vật xuất hiện trong truyện  + Nhân vật tôi là một cô gái ham đọc truyện khoa học viễn tưởng.  +Thần Đồng là một nhà khoa học có óc phán đoán nhanh nhạy.  + Thần Thoại là con ngựa có cánh biết bay.  \***Tình huống hấp dẫn**: Thần Đồng bị ngã dúi dụi vào một cái hố khi đang đi tìm “trung tâm vũ trụ”. Từ cái hố và hòn đá Ôm-phe-lốt đã tạo ra “bước nhảy không gian” đưa cả nhóm được đưa tới một không gian kì lạ Tâm Vũ trụ với những điều kì bí của khu rừng cổ sinh.  \***Không gian diễn ra câu chuyện:** không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thẩn trong thần thoại Hy Lạp; không gian tầm vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lổ, kì dị.  **\*Sự việc chính:**  - Sự việc một: nhóm bạn cùng Thần Thoại ghé thăm bảo tàng dưới chân núi, bắt đầu tìm kiếm hòn đá trung tâm của vũ trụ.  - Sự việc hai: tối mịt nhóm bạn quay trở lại đột nhập đền, lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ.  - Sự việc ba: Thần Đồng bị ngã dúi dụi vào một cái hố, hố này dẫn cả nhóm tới tâm vũ trụ.  - Sự việc bốn: Cả nhóm cùng nhau bước vào thám hiểm thế giới kì bí tại rừng cổ sinh  **3. Đặc sắc nội dung, nghệ thuật:**  **\*Nội dung**: “Thiên mã” là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng thú vị pha trộn nhiều yếu tối huyền bí đưa người đọc vào thế giới ảo trong trí tưởng tượng. Bên cạnh đó, tác phẩm còn thu hút người đọc ở sự mới lạ và các kiến thức được sử dụng trong sách ở thời điểm nó ra đời.  **\* Nghệ thuật:**  - Lời văn phong phú, có nhiều hình ảnh sáng tạo mới lạ.  - Lối miêu tả chi tiết, sinh động, mới lạ, cuốn hút người đọc.  - Sử dụng triệt để biện pháp nhân hóa để xây dựng nhân vật hấp dẫn. |
| **\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu đoạn trích VB truyện ngắn.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU SÁCH GIÁO KHOA**

**PHIẾU SỐ 1:**

**Câu 1: Văn bản Đường vào trung tâm vũ trụ kể lại sự kiện gì?**

A.Các nhân vật đến thăm nền văn minh Hy Lạp.

B. Tìm kiếm hòn đá Ôm-phe-lốt

C. Hành trình vào tâm của vũ trụ.

D. Khám phá tâm Trái Đất.

**Câu 2: Sự việc trong Đường vào trung tâm vũ trụ diễn ra trong những không gian nào?**

A.Hy Lạp và Tâm Trái Đất.

B. Hy Lạp và Tâm Vũ Trụ.

C. Thánh đường A-then-na Pờ-rô-nai-a và bờ suối Cát-xta-lic

D. Hy Lạp và điện thờ thần A-pô-lô

**Câu 3: Nhân vật chính của văn bản có đặc điểm gì nổi bật?**

A.Là người thích phiêu lưu du lịch

B. Là nhà văn, thích khám phá, viết lách.

C. Là nhiếp ảnh gia, thích chụp ảnh

D. Là nhà khoa học, thích nghiên cứu.

**Câu 4: Các nhân vật trong truyện đi vào Tâm Vũ Trụ bằng cách nào?**

A.Cưỡi Thần Thoại bay lên không trung

B. Chạm tay vào hòn đá Ôm-phe-lốt

C. Tạo ra “bước nhảy không gian”

D. Đứng vào cái hố trong đề thờ thần A-pô-lô

**Câu 5: Không gian của tâm vũ trụ được miêu tả như thế nào?**

A.Kì lạ và đẹp như chốn thần tiên

B. Đáng sợ với những loài vật từ thời tiền sử.

C. Buồn tẻ vì không có sự sống con người

D. Sôi động và hiện đại vượt xa cuộc sống hiện tại.

**Câu 6: Bước nhảy không gian đã đưa các nhân vật trở lại với khoảng thời gian nào?**

A.Thời gian tương lai

B. Quá khứ vừa xảy ra

C. Thời kì cổ đại hàng triệu năm trước.

D. Thời gian không xác định

**Câu 7: Các nhân vật trong truyện Đường vào trung tâm vũ trụ đã KHÔNG nhìn thấy những hình ảnh giả tưởng nào dưới đây?**

A.Hai con đại bàng bay theo chiều vuông góc với nhau.

B. Đoàn người cá ngồi trên mỏm đá.

C. Một con chuồn chuồn khổng lồ, thân hình óng ánh lân tinh.

D. Những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp.

**Câu 8: Hòn đá Ôm-phe-lốt có ý nghĩa thế nào trong truyện Đường vào trung tâm vũ trụ?**

A.Là con đường dẫn vào Tâm Vũ Trụ.

B. Là chìa khoá mở lối vào Tâm Vũ Trụ.

C. Là “cái rốn” của vũ trụ.

D. Là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng của Tâm Vũ Trụ.

**Câu 9: So với Cuộc chạm trán trên đại dương, cách kể chuyện trong Đường vào trung tâm vũ trụ có điểm gì khác biệt?**

A.Người kể chuyện là một nhân vật trong truyện.

B. Người kể chuyện tập trung miêu tả diễn biến sự việc nhiều hơn.

C. Người kể chuyện thể hiện cảm xúc cá nhân nhiều hơn.

D. Người kể chuyện trình bày các phán đoán khoa học nhiều hơn.

**Câu 10: Phương án nào nêu KHÔNG đúng đặc điểm nghệ thuật của văn bản?**

A.Sử dụng các chi tiết kì ảo, hoang đường.

B. Nhân vật là các nhà khoa học thích nghiên cứu, khám phá.

C. Nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học

D. Thời gian, không gian không xác định

**PHIẾU SỐ 2**

**Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

[...]*Chúng tôi dừng chân ở một bãi cỏ vắng người phía bên kia đền và trốn trong rừng. Sẽ rất bất tiện nếu để khách du lịch phát hiện ra một con ngựa có cánh đang lai vãng dần khu thánh địa của Hy Lạp! Chúng tôi thả Thần Thoại trong rừng và nó cũng đủ thông minh để biết cách tự bảo vệ mình. Thần Đồng rủ tôi đi xuống bảo tàng dưới chân núi, nơi trưng bày bức tượng Nhân Sư quý giá.*

*Pho tượng đã bị bào mòn, không còn sắc nét nhưng vẫn nguyên vẹn vẻ cao ngạo và thần thánh. Trong khi tôi xem xét pho tượng để tìm kiếm manh mối thì hắn lại lang thang ở quầy tạp phẩm.Tính mua quà lưu niệm chắc! Hừ! Hắn thật rảnh rỗi, chẳng biết lo công việc gì cả! Tôi đành cặm cụi làm một mình vậy. Mất một lúc lâu tôi vẫn không tìm thấy dấu vết gì.*

*Bộp! Tôi bị giáng một cú vào đầu đau điếng trong khi đang cúi xem từng vết tích. Hắn! Và một cuốn sách!*

* *- Làm cái quái gì vậy? Sao lại đánh người ta!*
* *Hắn nhún vai như không có gì, chia cho tôi xem quyển sách.*

*- Xem đi... Đây là nơi đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ!*

*“Trung tâm của vũ trụ”? Tôi lặp lại lời hắn. Câu đố cũng nhắc tới “trung tâm của vũ trụ”. Tôi không thể hình dung trung tâm của vũ trụ sẽ như thế nào! Nhưng cũng chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả. Có thể đây chỉ là bản cóp-pi mà người xưa tạo nên để đánh lạc hướng thiên hạ chăng!*

* *-Tớ nghĩ rằng, phiến đá đó vẫn nằm đâu đó trong đền thờ! Để tối vào đó xem... Thần Đồng bặm môi suy tính.*

*- Chúng tôi phải đợi đến lúc tối mù mịt mới dắt Thần Thoại đột nhập đền. Dưới Trăng, những cột đá hoa cương ánh lên sắc sáng bạch như những ngọn nến trắng khổng lồ. Theo sơ đồ, chúng tôi lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ. Chẳng hiểu thật giả thế nào nhưng đâu đó đã đề cập thì hắn phải có một manh mối nào đó.*

*Theo truyền thuyết, thần Dớt(Zeus) cho hai con đại bàng bay theo chiều vuông gốc với nhau, một con bay dọc và một con bay ngang, điểm giao nhau giữa chúng chính là “cái rốn” của vũ trụ. Cả Thần Đồng và tôi đều tin “cái rốn: ấy hẳn vẫn còn trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia. Chúng tôi lần mò từng ngóc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô( Apollo) đến thánh đường A-then na Pờ-rô-nai a(Athena peo naia), thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát... bên bờ xối Cát-xta-lic(Castatlic)*

* *(Hà Thủy Nguyên, Thiên Mã, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt và ngôi kể của đoạn trích**.**

**Câu 2.** Qua lời của người kể chuyện, em hãy hình dung về con ngựa có cánh.

**Câu 3**. Văn bản trên viết về đề tài nào?

**Câu 4.** Xác định bối cảnh không gian, thời gian của câu chuyện

**Câu 5**. Tôi có suy nghĩ như nào về hòn đá Ôm-phe-lốp?

**Câu 6**. Trong văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ* có nhân vật con ngựa có cánh Thần Thoại, được tạo ra bằng công nghệ cấy ghép gen của thiên nga vào phôi ngựa. Nếu như ý tưởng công nghệ này thành hiện được điều đó có ý nghĩa gì?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. Ngôi kể: Ngôi 1.

**Câu 2.** Hình ảnh con ngựa có cánh:

- Tự biết bảo vệ bản thân mình.

- Rủ nhân vật tôi đến bảo tàng dưới chân núi.

- Con ngựa có cánh.

**Câu 3**. Đề tài thám hiểm vũ trụ.

**Câu 4.** Câu chuyện diễn ra trong hai không gian: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị.

**Câu 5**. Hòn đá trung tâm của vũ trụ *“chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả”.*

**Câu 6**. Nếu công nghệ gen trở thành hiện thực, những thí nghiệm nếu thành công sẽ mở ra triển vọng cứu sống hàng triệu người trên thế giới đang chờ thay tạng, ghép tạng mỗi năm.

**Câu 7.** Đắc sắc nghệ thuật của văn bản.

- Cốt truyện: Tưởng tượng, dựa trên giả thuyết về công nghệ gen.

- Sự việc: li kì.

- Không gian: Ngoài trái đất (tâm vũ trụ).

- Thời gian: Dịch chuyển giữa hiện tại và cổ đại.

- Nhân vật: Có trí thông minh, ưa phiêu lưu, mạo hiểm; nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh, …)

**PHIẾU SỐ 3:**

**Đọc đoạn văn bản sau:**

*Tôi chạy lại những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp. Đặt nhẹ tay lên đó, rồi cỗ thật mạnh một cái để kiểm chứng, tôi nói một lèo như thuyết trình.*

* *- Giuyn Véc- nơ là tác giả tiểu thuyết khoa học viễn tưởng vĩ đại nhất thế giới. Từ thế kỉ XIX ông đã có thẻ tiên tri về viễn cảnh những tàu điện ngầm, những tòa cao ốc, thậm chí cả việc con người đặt chân lên Mặt Trăng. Ông ta từng viết một quyển sách nhan đề “Hành trình vào Tâm Trái Đất”. Trong đó kể về những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm... Nói chung, cái gọi là Tâm Trái Đất ấy cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất.*
* *- Thần đồng mê mải những lời giảng giải của tôi. Hắn là nhà khoa học. Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hắn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những “hiện vật” này? Hắn cũng sờ lên thân cây để chắc chắn đó không phải là hư ảnh được thời gian lưu giữ tại một chiều không gian thứ tư.*
* *Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve của côn trùng đang đến gần. Ngẩng lên, chúng tôi thấy một con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắc, đập nhanh như cánh quạt. Đứng giữa khu rừng cổ sinh này, chúng tôi chẳng khác gì loài vật kí sinh nhỏ bé, thậm chí, còn chẳng to hơn một con côn trùng.*
* (Hà Thủy Nguyên, *Thiên Mã*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)
* **Và trả lời các câu hỏi**:
* **Câu 1.** Người kể chuyện kể ở ngôi mấy? Vì sao em biết?
* **Câu 2**. Tâm trái đất theo như miêu tả của Giuyn Véc-nơ như thế nào?

**Câu 3**. Tìm trong đoạn trích chi tiết thể hiện trí tưởng tượng phong phú của tác giả về hình ảnh sự vật ở “Tâm Vũ Trụ”.

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM ĐỀ 2**

**Câu 1.** Người kể chuyện ở ngôi 1. Dấu hiệu: Xưng “tôi”.

**Câu 2.** Theo như Giuyn Véc-nơ, tâm Trái Đất cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất như là những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long, những con chim điện quý hiếm,....

**Câu 3**.

*+ Những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp;*

*+ Con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắn, đập nhanh như cánh quạt*

**PHIẾU SỐ 4 (dành cho hs khá giỏi): Đọc kỹ văn bản “Đường vào trung tâm vũ trụ” và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**: Việc nhà văn lựa chọn phương tiện chuyên chở hai người bạn đi khám phá trung tâm vũ trụ là một con ngựa biết bay có hợp lí hay không? Tại sao?

**Câu 2**: Tìm các chi tiết về lời nói, suy nghĩ, hành động của nhân vật “tôi”, từ đó nhận xét về tính cách của nhân vật này. Nêu tác dụng của việc lựa chọn nhân vật này vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất.

**Câu 3**: Nêu cảm nhận của em về ý nghĩ của nhân vật “tôi” khi ở Tâm Vũ Trụ: “*Đứng giữ khu rừng cổ sinh này, chúng tôi chẳng khác gì loài vật kí sinh nhỏ bé, thậm chí, còn chẳng to hơn một con côn trùng”.*

**Câu 4**: Xác định những hình ảnh đặc sắc chứa đựng khát vọng của con người gắn với khoa học. Hãy diễn tả cụ thể những khát vòng đó. Em thích khát vọng nào nhất? Vì sao?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình ảnh đặc sắc** | **Chứa đựng khát vọng về** |
| Con ngựa có cánh |  |
| Hòn đá Ôm-phe-lốt |  |
| Phòng trưng bày các sinh vật đã tuyệt chùng |  |
| Rừng cổ sinh, thảo nguyên. |  |

**Câu 5:** Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong đoạn đối thoại sau:

- Có phải... có phải chúng ta... - Tôi lắp bắp, không nói nên lời.

- Chúng ta đang ở trung tâm của vũ trụ! - Hắn khẳng định.

**Câu 6**: Từ văn bản trên, em hãy viết đoạn văn ngắn (5-7 câu) về một hành tinh/miền không gian tưởng tượng ngoài Trái Đất.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Ngay từ nhan đề của truyện – Thiên Mã – một con ngựa biết bay, hình ảnh này gợi nhắc tới con ngựa có cánh xuất hiện rất nhiều trong các thần thoại, truyền thuyết của Bắc Âu, Hy Lạp,… Trong thần thoại Hy Lạp thì đó là ngựa Pê-ga-xút của anh hùng Péc-xe. Trong chiến tranh, ngựa gắn liền với ý chí quyết tâm, dũng cảm, sự mạnh mẽ, chiến thắng.

Khi ngựa trở về tức là mang thông báo chiến thắng về cho đất nước. Trong cuộc sống thường ngày, ngựa trở thành phương tiện di chuyển của con người, mạnh khoẻ, nhanh nhẹn, cần cù.

Với hình ảnh con ngựa có cánh, đôi cánh thường là biểu tượng cho sự bay cao, bay xa. Nó tự do, thoả mãn cho trí tưởng tượng không giới hạn. Bản thân con ngựa đã là biểu tượng của tự do, nay mọc thêm cánh nữa, nó vượt ra ngoài trí tưởng tượng của con người. Hình tượng của nó trở thành địa diện cho mơ ước, trí tưởng tượng vô hạn và giấc mơ phiêu lưu.

Tác giả chọn hình ảnh con ngựa có cánh làm biểu tượng cho câu chuyện viết về cuộc phiêu lưu kì thú của hai đứa trẻ. Điều thú vị là con ngựa này lai thiên nga, được cấy ghép gen theo công nghệ sinh học – một biểu hiện của khoa học hiện đại trong tác phẩm viễn tưởng này.

**Câu 2:** Bảng liệt kê chi tiết về lời nói, suy nghĩ, hành động của nhân vật “tôi” cùng nhật xét về tính cách của nhân vật này:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết về lời nói, suy nghĩ, hành động** | **Tính cách của nhân vật** |
| Tính mua quà lưu niệm chắc ! Hừ ! Hắn thật rảnh rỗi, chẳng biết lo công việc gì cả | Đỏng đảnh, hờn dỗi |
| Nhưng tôi nóng lòng khám phá nơi ấy quá… | Tò mò, hiếu kì, ưa khám phá |
| Tôi nguýt một cái xa lơ xa lắc. Đàn ông con trai, đa phần là những kẻ vô thần, vậy mà tại sao trong thế giới thần linh, lại chủ yếu là các nam thần nhỉ? | Kiêu kì, đáng yêu |
| …nữ thần trị vì bầu trời và biết đâu chẳng mang cho chúng tôi ít nhiều may mắn! | Hiểu biết, mộng mơ |
| Ai bảo có người “mắt toét” – Tôi khích | Trẻ con, thích chọc ghẹo bạn |
| Hắn biết thừa con gái,… vậy mà hắn nỡ lòng vứt tôi chơ vơ ở đây!... | Mềm yếu, cần được chở che |

“Tôi” là một cô bé 14 tuổi. Việc lựa chọn nhân vật này (với những tính cách như đã nhận xét) vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất giúp mang câu chuyện khoa học viễn tưởng đến gần hơn với độc giả nhỏ tuổi, các em nhỏ dễ đồng cảm với những cảm xúc, tâm trạng của nhân vật hơn. Ngoài ra việc khám phá, thám hiểm, chinh phục,… từ xưa thường gắn với hình tượng nhân vật là nam giới. Cách xây dựng nhân vật chính – người kể chuyện là một cô bé cũng phần nào thay đổi cách nhìn nhận của độc giả về khả năng của nữ giới: có thể dấn thân vào những lĩnh vực đòi hỏi sức khoẻ, trí tuệ, tinh thần mạo hiểm,… mà vẫn giữ đuọc những nét đáng yêu.

**Câu 3:** Ý nghĩ của nhân vật “tôi” khi ở Tâm Vũ trụ đặt con người trong một tình thế đảo ngược so với những gì loài người vẫn mặc định – con người làm chủ thế giới. Con người vẫn luôn coi mình là động vật bậc cao, là loài thông minh nhất, có thể chế ngự thiên nhiên, khai thác và cải tạo môi trường sống theo mong muốn của mình. Những đó là ở thế giới bình thường, còn ở Tâm Vũ Trụ, giữa khu rừng cổ sinh, con người trở nên nhỏ bé, yếu đuối, “chẳng to hơn một con côn trùng”, được so sánh với “loài vật kí sinh”, hoàn toàn đối lập với vị thế vốn có. Tâm Vũ Trụ như là nơi bảo lưu hệ sinh thái của thời cổ đại. Con người lạc vào nơi này có cơ hội ngắm nhìn thế giới quá khứ và đống thời đánh giá lại vị trí của chính mình trong tự nhiên, để bớt kiêu hãnh, bớt tự phụ. Ý nghĩ của “tôi” cho thấy cô bé khá nhạy cảm và sâu sắc trong nhận thức.

**Câu 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình ảnh đặc sắc** | **Chứa đựng khát vọng về** |
| Con ngựa có cánh | Phương tiện di chuyển hiện đại từ công nghệ gen: con vật có thể bay trên bầu trời với tốc độ cao, có thể phi nước đại di chuyển trên mặt đất. |
| Hòn đá Ôm-phe-lốt | Con người có phương tiện tạo ra bước nhảy không gian: có thể có mặt ở nơi mình muốn như Vũ trụ, tâm Trái Đất, lòng đại dương,…; quay về quá khứ, biết đến tương lai. |
| Phòng trưng bày các sinh vật đã tuyệt chùng | Thư viện lưu giữ sinh vật thời cổ đại để phục vụ nghiên cứu. |
| Rừng cổ sinh, thảo nguyên. | Không gian sống yên bình như chốn thần tiên, có thể quan sát con vật từ hàng triệu năm trước,… |

**Câu 5**: Dấu chấm lửng thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng, nhằm diễn tả cảm xúc kinh ngạc của nhân vật.

**Câu 6:**

- Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu

- Tưởng tượng về một hành tinh/miền không gian ngoài Trái Đất: Đó là hành tinh/miền không gian nào? Ở đó có đặc điểm gì khác với Trái Đất?...

**III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VỚI NGỮ LIỆU NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

(*1) Đây là một xưởng quan trọng!- Ông Quơn-cơ nói lớn, lấy trong túi ra một chùm chìa khóa và tra một chiếc vào ổ khóa cửa. Đây là trung tâm thần kinh của toàn nhà máy, trái tim của toàn cộ công việc. Và nó mới đẹp làm sai! Ta rất chú trọng làm cho các xưởng của ta phải đẹp! Ta không thể chịu được sự xấu xí trong nhà máy! Vậy chúng ta vào nào! Nhưng phải cẩn thạn đáy, các chái thân mến của ta! Đừng có mất tỉnh táo, đừng có phấn khích! Hãy bình tĩnh!*

*Ông Quơn-cơ mở cửa. Năm đứa trẻ và chín người lớn bước vào, - Và ôi chao, một cảnh tượng kì lạ biết bao đập vào mắt họ!*

*Họ đang nhìn xuống một thung lũng rất đẹp với những đồng cỏ xanh rờn hai bên. Và ở đáy thung lũng, cuộn chảy một dòng sông nâu.*

*Điều kì dị nữa là giữa chừng luồng chảy của con sông, có một con thác lớn trên đỉnh một vách đá dựng đứng, nước cuồn cuộn trải thành một tấm màn rồi ào ào trút xuống thành một xoáy nước sôi sục đầy tia và bọt trắng xóa.*

*Bên dưới con thác (và đây là cảnh tượng đáng kinh ngạc hơn cả), là một mớ những đường ống thủy tinh kếch xù từ đâu đó tít trên trần rủ xuống vực lòng sông. Chúng quả là kếch xù, những cái đường ống ấy. Có ít nhất là một tá đường ống như vậy hút cái thứ nức bùn nâu nâu từ dòng sông lên và chở nó đi, có trời biết nó tới đâu. Vì đó là những ống thủy tinh, nên ta có thể thấy cái chất lỏng ấy chảy và sủi bọt trong đó, và trên cái nền của tiếng thác đổ, ta có thể nghe thấy tiếng ục- ục-ục không dứt của những ống hút đang hoạt động.*

*(2) Dọc hai bờ sông, cây cối mọc nom thật đẹp mắt: Liều, trác và những bụi đỗ quyên cao, với từng chìm các màu đỏ, hồng và tím nhạt. Trong những cánh đồng cỏ, hàng ngàn cây mao lương hoa vàng đua sắc.*

* *-. Kia! Ông Quơn-cơ nói, vừa nhún nhảy vừa chĩa chiếc can đầu bịt vàng về phía dòng sông nâu. - Toàn sô-cô-la đấy! Từng giọt của dòng sông này đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng. Đích thị là thượng hảo hạng. Chỗ này có đủ sô-cô-la để đổ đầy tất cả các bồn tắm trong cả nước. Và tất cả các bể bơi nữa. Ghê không? Và hãy nhìn những đường ống của ta. Chúng hút sô-cô-la lên và tải đến tất cả các xưởng khác trong nhà máy, bất cứ nơi nào cần, Hàng ngàn lít mỗi giờ, các cháu thân mên ạ, Hàng ngàn và hàng ngàn lít.*
* *Bọn trẻ và các phụ huynh sững sờ không nói nên lời. Họ bối rối. Họ bàng hoàng. Họ ngỡ ngàng và choáng váng, Họ hoàn toàn sửng sốt trước sự vĩ đại của toàn bộ cảnh tượng này. Họ chỉ biết đứng ngây ra nhìn.*
* *Con thác là quan trọng bộc nhất- Ông Quơn-cơ tiếp tục- Nó nhào trộn sô-cô-la. Nó khuấy đảo sô-cô-la. Nó đập và giã sô-cô-la. Nó làm cho sô-cô-la nhẹ tơi và ngầu bọt. Không có nhà máy nào khác trên thế giới này nhào trộn sô-cô-la bằng thác nước. Nhưng đó là cách duy nhất thích hợp. Cách duy nhất. Các cháu có thấy những hàng cây của ta không? - Ông giơ chiếc can ra chỉ - Cả các bụi cây nhỏ kia nữa? Các cháu thấy chúng có có đẹp không? Ta đã nói với các cháu là ta ghét sự xấu xí mà. Cố nhiên là tất cả đều ăn được. Tất cả đều làm bằng một chất liệu khác ngon lành. Các cháu có thích đồng cỏ của ta không- cỏ và cây mao lương hoa vàng? Cỏ mà các cháu đang giẫm lên đó, các cháu thân mến của ta, đều được làm từ một loại đường mềm có bạc hà mà ta vừa sáng chế ra. Thử nếm một cọng cỏ coi. Xin mời. Rất ngon*.
* (Trích: *Chaelie và nhà máy sô-cô-la*, Dương Tường dịch,
* Phan Thành Đạt minh họa, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021)

**Câu 1**. Đoạn trích cho em biết bối cảnh câu chuyện diễn ra ở đâu?

* **Câu 2**. Truyện xoay quanh tình huống nào?
* **Câu 3**. Lời thoại của ông Quơn-cơ mở đầu văn bản cho thấy rõ nhất thái độ nào của ông?
* **Câu 4.** Cảnh tượng kì lạ được nói đến trong phần 1 của đoạn trích trên là gì?
* **Câu 5**. Tính “khoa học” của đoạn truyện thể hiện yếu tố nào?
* **Câu 6**. Chỉ ra yếu tố mang tính “viễn tưởng’ của đoạn truyện.
* **Câu 7**. Tâm trạng nổi bật của những người được mời đến tham quan là gì? Tâm trạng đó được chi phối bởi yếu tố nào?
* **Câu 8**. Đoạn trích khơi gợi trong em tình cảm, thái độ chủ yếu nào?
* **DỰ KIẾN SẢN PHẨM ĐỀ 1**

**Câu 1**: Bối cảnh câu chuyện diễn ra tại xưởng sản xuất sô-cô-la.

* **Câu 2**. Truyện xoay quanh tình huống: Cuộc triển lãm công nghệ sản xuất sô-cô-la.
* **Câu 3**. Lời thoại của ông Quơn-cơ mở đầu văn bản cho thấy rõ nhất thái độ kiêu hãnh, tự hào.
* **Câu 4.** Cảnh tượng kì lạ được nói đến trong phần1 của đoạn trích trên là:
* ***+*** *Thung lũng với đồng cỏ xanh rờn.*
* *+ Dòng sông nâu- dòng sông sô-cô-la đầy ấn tượng.*
* *+ Con thác lớn, bên dưới có những đường ống thủy tinh kếch xù.*
* **Câu 5**. Tính “khoa học” của đoạn truyện thể hiện yếu tố: khung cảnh nhà máy và các xưởng sản xuất sô-cô-la.
* **Câu 6**. Chỉ ra yếu tố mang tính “viễn tưởng’ của đoạn truyện.
* *+ Từng giọt nước của dòng sông đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng.*
* *+ Con thác nhào trộn, khuấy đảo, đập và giã sô-cô-la, làm cho sô-cô-la nhẹ tơi và ngầu bọt.*
* **Câu 7**. Tâm trạng nổi bật của những người được mời đến tham quan ngạc nhiên.
* **Câu 8**. Đoạn trích khơi gợi trong em tình cảm, thái độ chủ yếu là: tự hào về tiềm năng đặc biệt của con người.
* **ĐỀ SỐ 2**
* **Đọc đoạn ngữ liệu của đề 1 và tiếp tục trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**. Em thích yếu tố viễn tưởng nào trong đoạn trích nhất? Vì sao?

**Câu 2.** Tìm và lí giải về một chi tiết trong văn bản thể hiện tác giả có những hiểu biết về thanh tựu khoa học.

**Câu 3.** Em học tập được điều gì trong cách kể chuyện của tác giả?

**Câu 4.** Phần cuối văn bản có đoạn ngữ liệu trên tác giả có kể về sự xuất hiện của những người tí hon trong xưởng sản xuất sô-cô-la “Những con người nhỏ xíu đó- Không lớn hơn những con búp bê cỡ trung bình- đã ngừng những gì họ đang làm vào lúc này, họ cũng đang nhìn lại đám người bên kia sông. Một trong số họ chỉ về phía lũ trẻ con thì thầm điều gì với bốn người kia và cả năm người phá lên cười khanh khách.

* *- Cơ mà họ không thể là người thật được… Sacsli nói.*
* *- Đương nhiên họ là người thaath mà - Ông Quơn-cơ đáp - Họ là người Umpơ - Lum pơ (Umpa- Lumpa).*
* Theo em hình ảnh những người tí hon xuất hiện cuối văn bản gợi nhắc thông điệp gì?

**CÂU 5.** Tìm một số chi tiết miêu tả:

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới đó.

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được.

Từ những chi tiết đó, hãy cho biết nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng.

* **DỰ KIẾN SẢN PHẨM ĐỀ 2**

**Câu 1.** Thích yếu tố viễn tưởng: *một dòng sông nâu toàn sô-cô-la, từng giọt nước của dòng sông đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng. Dòng sông chứa sô-cô-la đủ để đổ đầy tất cả các bồn tắm, các bể bơi trong cả nước*.

- Lí giải: Yếu tố này vừa thể hiện sự liên tưởng logic của tác giả- dòng sông sô-cô-la, vừa cho thấy sự tưởng tượng táo bạo, thú vị có khả năng kích thích niềm vui sướng của trẻ em (vốn rất mê sô-cô-la).

**Câu 2.** Chi tiết miêu tả những ống thủy tinh hút nước khi vận chuyển sô-cô-la trong các đường ống, *chất lỏng chảy và sủi bọt bên trong, tiếng ục-ục-ục của những ống hút nước đang hoạt động.*Chi tiết gợi ra về cách thức sản xuất sô-cô-la trong một nhà máy công nghiệp hiện đại.

**Câu 3.** Em học tập được cách kể chuyện của tác giả:

+ Yếu tố tưởng tượng sáng tạo, thú vị.

+ Lời thoại tự nhiên, sinh động.

+ Hình ảnh miêu tả sắc nét, chi tiết, giàu sức gợi.

**Câu 4.** Thông điệp gợi ra từ hình ảnh những người tí hon:

* - Cuộc sống luôn tiềm ẩn những điều kì lạ.
* - Những người tí hoa đang sống với chúng ta một cách “hòa bình”, hãy chấp nhận họ- chấp nhận những điều kì lạ- như một phần tất yếu của cuộc sống.

**Câu 5**:

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới đó: *Kìa! Toàn sô-cô-la đấy. Chỗ này có đủ sô-cô-la để đổ đầy tất cả bồn tắm thượng hạng và cả bể bơi nữa. Ghê không? Và hãy nhìn những đường ống của ta ....*

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được: *Và các bụi cây nhỏ kia nữa? Các cháu thấy chúng có đẹp không? ...Cố nhiên là tất cả đều ăn được ...*

- Từ những chi tiết đó, nhân vật ông Quơn -cơ thể hiện những đặc điểm người có những phát minh sáng tạo kì lạ của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng.

**ĐỀ SỐ 3:**

**Đọc đoạn văn bản sau:**

**- Ngồi xuống đi, anh bạn trẻ- Viên đại tá nói:**

* *- Cảm ơn đại tá- Người vừa bước vào nói.*
* *- Tôi có nghe một số chuyện về anh- Đại tá nói với giọng thân tình- Thực ra không có gì đặc biệt lắm. Nghe nói anh bị căng thẳng thần kinh và làm việc gì cũng không thành. Tôi đã nghe được chuyện này từ cách đây vài tháng và bây giờ quyết định mời anh đến để nói chuyện. Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện thuyên chuyển anh đi nơi khác không biết anh có muốn hay không. Có thể, anh muốn sang bên kia đại dương và phục vụ trong một quan đoàn nào đó thật xa chăng? Làm việc ở văn phòng có lẽ anh đã thấy chán? Có thể anh muốn ra mặt trận?*
* *- Có lẽ không- Viên trung sĩ trẻ đáp.*
* *- Vậy thì, thực sự anh muốn gì?*
* *- Anh trung sĩ nhún vai, đưa mắt nhìn hai bàn tay mình.*
* *- Tôi muốn sống không có chiến tranh. Tôi muốn biết làm cách nào đó để trong một đêm, những cỗ đại bác trên toàn thế giới biến thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột các quả bom trở thành vô hại, những chiếc xe tăng bỗng đổ rụi, chui qua mặt đường nhựa và giống như những con quát vật thời tiền sử, chúng nằm im trong các hố có lấp đầy nhựa đường. Đó, mơ ước của tôi là như vậy đó.*
* *- Đó là ước mơ tự nhiên của mỗi người trong chúng ta.- Đại tá nói- Nhưng lúc này, hãy dẹp những câu chuyện lí tưởng này sang một bên, và hãy nói cho chúng tôi biết, chúng tôi phải gửi anh đi đâu. Anh có thể lựa chọn hoặc là quân đoàn phía tây, hoặc là quân đoàn phía bắc.- Ông goc ngón tay lên tấm bản đồ đang trải trên bàn.*
* *Viên trung sĩ vẫn tiếp tục nói, giơ hai bàn tay lên và ngắm nhìn những ngón tay:*

*- Các vị chỉ huy như ông sẽ làm gì, những người lính chúng tôi sẽ làm gì, cả thế giới sẽ làm gì nếu như sáng mai kia khi thức dậy, bao nhiêu khẩu đại bác đều trở nên vô dụng?*

* *Đến lúc này thì đại tá mới hiểu rằng cẩn thận trong khi nói chuyện với anh chàng này. Ông bình tĩnh mỉm cười.[...]*

(Trích “*Chất làm gỉ”* củaRây Bret-bơ-ry, *Truyện khoa học viễn tưởng chọn lọc*, Thái Hà dịch, NXB trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016)

* **Và trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính và nội dung của đoạn văn bản.

**Câu 2**.Đoạn trích xuất hiện mấy nhân vật? Nêu quan hệ của các nhân vật và cách nhà văn thể hiện về các nhân vật đó.

**Câu 3. Đại tá muốn làm gì với trung sĩ? Ý muốn của đại tá thể hiện ở câu văn nào? Vì sao ông ta có ý tưởng đó?**

**Câu 4: Qua câu trả lời của trung sĩ em** hiểu "chất làm gỉ" là gì? Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở nào?

**Câu 5.**Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ được tác giả thể hiện rõ ở đoạn văn nào?

**Câu 6.** Ý tưởng dùng chất làm gỉ để vô hiệu hóa tất cả các vũ khí làm bằng kim loại của viên trung sĩ có ý nghĩa gì?

**Câu 7. Ước muốn của trung sĩ t**hể hiện ước mơ gì của người viết? Điều đó còn có ý nghĩa với xã hội hiện nay không? Vì sao?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1.**

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

- Nội dung: Kể về cuộc trò truyện của đại tá với viên trung sĩ quanh sự kiện đại tá muốn điều chuyển viên trung sĩ đến nơi khác và ước muốn của trung sĩ.

**Câu 2:**

- Đoạn trích xuất hiện hai nhân vật**:** đại tá, viên trung sĩ. Đại tá là cấp trên của trung sĩ.

- Nhân vật chính trong truyện là viên trung sĩ.

**Câu 3.** Đại tá muốn chuyển trung sĩ đến nơi khác.

* - Ý muốn của đại tá thể hiện ở các câu văn: “*Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện thuyên chuyển anh đi nơi khác không biết anh có muốn hay không. Có thể, anh muốn sang bên kia đại dương và phục vụ trong một quan đoàn nào đó thật xa chăng? Làm việc ở văn phòng có lẽ anh đã thấy chán? Có thể anh muốn ra mặt trận?”*

- Lí do đại tá muốn chuyển trung sĩ: Vì cho rằng anh có những ý nghĩ điên rồ, *căng thẳng thần kinh và làm việc gì cũng không thành*

**Câu 4:**

**- Qua câu trả lời của trung sĩ em** hiểu "chất làm gỉ" ở đây là chất tạo ra phản ứng khiến cho các loại vũ khí bằng kim loại đều bị gỉ, tan thành bụi.

- Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở cấu trúc của các nguyên tử xác định.

**Câu 5.**Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ được tác giả thể hiện rõ ở những đoạn văn:

*"- Tôi muốn sống không có chiến tranh... như vậy đó".*

*"- Không, tôi nói hoàn toàn ... thành bụi ngay".*

*" Ông sờ các túi áo... những chiếc lốp cao su lăn đi một cách vô định trên mặt đường*".

**Câu 6.** Ý tưởng dùng chất làm gỉ để vô hiệu hóa tất cả các vũ khí làm bằng kim loại của viên trung sĩ có ý nghĩa nhân văn, muốn cho thế giới không có chiến tranh, tránh được các thảm họa do chiến tranh gây ra.

**Câu 7.** Truyện thể hiện ước mơ của người viết về một thế giới hòa bình và sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Điều đó còn nguyên ý nghĩa với xã hội hiện nay. Vì xã hội hiện nay vẫn cần có sự phát triển của khoa học công nghệ, đồng thời cần gìn giữ được hòa bình.

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

*Ông nghe thấy tiếng “cạch" và bắt đầu quay số khác.*

*- A lô, lính gác đâu? Có một người mà chác anh cũng biết, tên là Hô-lít (Hollis), bất cứ lúc nào cũng có thể đi qua chỗ anh. Hãy giữ anh ta lại. Nếu cần, hãy bắn anh ta. Không phải hỏi han dì cả, hãy giết cái thằng vô lại ấy đi, hiểu chưa? Đại tá đây. Phải, hãy giết hắn ta... anh nghe rõ không?*

*- Nhưng… xin lỗi… - Từ đầu dây bên kia có giọng kinh ngạc phản đối- Tôi không thể…!*

*- Anh muốn nói gì vậy, quỷ tha ma bắt anh đi! Tại sao lại không thể?*

*- Tại vì…*

*Giọng nói đứt quãng, trong ống điện thoại nghe rõ tiếng thở hổn hển của người lính gác. Đại tá lắc mạnh ống điện thoại:’*

* *- Chú ý! Hãy cầm lấy súng!*
* *- Tôi không thể bắn được. - Người lính gác đáp.*
* *Đại tá ngồi phịch xuống ghế, nhăn mặt và thở gấp trừng nửa phút. Ông không nhìn thấy và không nghe thấy gì, nhưng ông biết rằng ở đó, phía sau những bức tường này, những khẩu súng đang biến thành vụn sắt gỉ màu vàng, những chiếc máy bay thì tan vụn ra thành đám bụi xám bị gió cuốn đi bay lả tả, những chiếc xe tăng từ từ chìm vào lớp nhựa đường nóng chảy, như những con quái vật thời tiền sử một thời bị rơi vào những cái hố nhựa đường, đúng như lời viên trung sĩ trẻ nói lúc nãy. Những chiếc xe tải biến thành những đám mây màu da cam, chỉ còn lại những chiếc lốp cao su lăn đi một cách vô định trên mặt đường.*
* *- Thưa ngài…- Viên lính gác nhìn thấy tất cả cảnh tượng đó nói- Tôi thề với ngài…*
* *- Nghe đây! Hãy nghe tôi nói đây! - Đại tá hét to- Hãy đi theo hắn, trói tay hắn lại, phải giữ được hắn! Tôi sẽ đến chỗ anh ngay bây giờ!*
* *Nói rồi ông quảng ống nghe xuống. Theo thói quen, ông kéo chiếc ngăn kéo cuối cùng ra để lấy súng lục. Cái bao da màu nâu đầy sắt vụn rỉ, Ông văng tục một cái và nhảy tránh xa cái bàn. Trong lúc chạy qua văn phòng, ông vớ được một cái ghế tựa “Bằng gỗ”- ông chợt nghĩ- Một loại “gỗ lim rất chắc”. Ông đập cái ghế vào tường hai lần làm nó long ra. Sau đó ông cầm lấy một cái chân ghế, nắm chặt trong tay. Mặt ông tím lại vì tức giận, mồm há rộng để hớp không khí. Để thử, ông cầm chân ghế đập mạnh một cái vào tay mình. “Được đấy!”- Ông hét to. Vừa gào lên như điên, ông vừa chạy ea ngoài và đóng sập cửa lại.*
* (Trích “*Chất làm gỉ”* Rây Bret- bơ- ry, *Truyện khoa học viễn tưởng chọn lọc*, Thái Hà dịch, NXB trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016)

**Câu 1**. Đoạn trích kể chuyện gì?

**Câu 2**. Vì sao người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá?

# Câu 3. Kết thúc truyện có gì đặc sắc? Liệu đại tá có làm gì được viên trung sĩ không?

**Câu 4.** Nêu nhận xét của em về tính cách đại tá. Qua thái độ của đại tá trước ý tưởng “Chất làm gỉ”của trung sĩ em có suy nghĩ gì?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1.** Đoạn trích kể về ý định muốn giết trung sĩ của đại tá và sự thất bại của ông ta.

**Câu 2.** Người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá vì khẩu súng của người lính gác đã biến thành vụn sắt gỉ màu vàng.

**Câu 3.** Kết thúc truyện đặc sắc ở chỗ, đại tá đã không dùng đến vũ khí bằng sắt, thép mà dùng vũ khí bằng gỗ để tóm viên trung sĩ. Đại tá có thể làm gì được viên trung sĩ vì đại tá có sức khỏe và vũ khí gỗ chắc nịch. Đại tá cũng có thể không làm gì được viên trung sĩ vì anh ta đã có sự chuẩn bị từ trước.

**Câu 4.** Và những chi tiết miêu tả ta thấy nhân vật đại tá là một người có tính cách nóng nảy và độc đoán, thiếu tin tưởng người khác, thiếu sự đồng cảm, lắng nghe, có sự kích động.Những sáng tạo khoa học mới không dễ gì được mọi người chấp nhận ngay.

**IV. LUYỆN LÀM VĂN**

**ĐỀ BÀI 1:**

Từ văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ*, em có suy nghĩ như thế nào về ước mơ của con người và cách con người thực hiện ước mơ?

**\*GỢI Ý :**

**a. Yêu cầu chung:**

- Hình thức: Đoạn văn.

- Nội dung: Suy nghĩ về ước mơ, cách thực hiện ước mơ.

**b. Dàn ý tham khảo:**

\*Mở đoạn: Dẫn dắt nêu vấn đề.

\*Thân đoạn:

- Giải thích khái niệm ước mơ.

- Cách thực hiện ước mơ:

+ Xây dựng ước mơ.

+ Nỗ lực phấn đấu biến ước mơ thành hiện thực.

\*Kết đoạn: Khẳng định và liên hệ bản thân.

**Đoạn văn tham khảo:**

Mỗi chúng ta trong cuộc đời ai chẳng có ước mơ của riêng mình và định ra cách để thực hiện ước mơ. Như chúng ta đã biết, ước mơ là những khát khao về những điều tốt đẹp đang đón đợi ta ở phía trước. Nó chính là những dự định mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài. Ước mơ của mỗi người là khác nhau, có ước mơ giản dị có ước mơ lớn lao. Ví dụ trong văn bản “Đường vào trung tâm vũ trụ” chứa đựng khát vọng của con người về công nghệ gen có thể tạo ra con vật có thể bay trên bầu trời với tốc độ cao như Thiên Mã, tạo ra “bước nhảy không gian” để có thể đến được nơi mình muốn như Vũ trụ, tâm Trái đất, long đại dương hoặc có thể quay về quá khứ, hoặc có thể tiến đến tương lai,… Với mỗi người chúng ta, ước mơ chính là ngọn đuốc soi đường, hướng ta tới những điều tốt đẹp. Đó cũng là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội và khi chúng ta đạt được ước mơ cũng là lúc chúng ta được thừa nhận năng lực của mình. Nó là vì sao sáng soi những lối ta đi, khi đi qua những khó khăn nhìn thấy ước mơ của mình lấp lánh ở phía xa xa, bạn sẽ nỗ lực bước tiếp. Những ước mơ sẽ đưa con người đi tới những tương lai, không quản ngại những chông gai, nghiệt ngã, những khó khăn trên con đường đi của mình. Ước mơ là điều mà ai cũng nên có và cần có trong cuộc sống bởi nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ mất phương hướng vô định.. Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được mục tiêu sống của mình là gì và ta sẽ không xác định được phương hướng sẽ dẫn tới sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau. Sống trong cuộc đời, mỗi người chúng ta hãy xây dựng cho mình lối sống biết ước mơ, hãy nỗ lực biến ước mơ thành hiện thực bằng niềm đam mê và niềm yêu thích của bản thân. Ai trên đời này cũng có ước mơ và hoài bão, sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào. Là một học sinh ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần phải có ước mơ, mục đích sống cho riêng mình. Để đạt được ước mơ, chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình

**ĐỀ SỐ 2**

Viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về nhân vật “tôi” trong văn bản “*Đường vào trung tâm vũ trụ*” của Hà Thuỷ Nguyên.

\*GỢI Ý:

**a. Yêu cầu chung:**

- Hình thức: Đoạn văn.

- Nội dung: Cảm nhận về nhân vật “tôi”.

**b. Dàn ý tham khảo:**

- Mở đoạn: Dẫn dắt nêu cảm nhận khái quát về nhân vật

- Thân đoạn: Lần lượt đưa dẫn chứng làm rõ cảm nhận về nhân vật ở các ý:

+ Trẻ con, mộng mơ, đáng yêu, đỏng đảnh, hờn dỗi, mềm yếu

+ Tò mò, hiếu kì, ưa khám phá.

+ Nhạy cảm và sâu sắc

- Kết đoạn: Khẳng định cảm nhận về nhân vật và liên hệ bản thân.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**- Học bài:** Nắm vững các kĩ năng đọc hiểu, viết đoạn văn về nhân vật trong truyện viễn tưởng, các vấn đề xã hội gợi mở từ truyện khoa học viễn tưởng.

**- Chuẩn bị buổi ôn tập tiếp**:

+ Xem lại văn bản “Dấu ấn Hồ Khanh” của Nhật Văn, tìm đọc truyện viễn tưởng về vũ trụ.

+ Kiến thức về Mạch lạc và liên kết trong văn bản, Dấu chấm lửng.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI....**

**ÔN TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**

**DẤU CHẤM LỬNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực*:***Học sinh được rèn luyện, phát triển năng lực ngôn ngữ

- Hiểu được vai trò, công dụng của dấu chấm lửng; sự mạch lạc và liên kết trong văn bản.

- Học sinh khắc sâu kiến thức về mạch lạc và liên kết, dấu chấm lửng trong đọc, viết, nói, nghe.

- Làm được bài tập về dấu chấm lửng, mạch lạc và liên kết trong văn bản.

- Biết tự giác, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức giữ gìn phát huy ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, Phiếu học tập.

**2. Học liệu:**  Tài liệu thơ ca, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được ôn tập, củng cố khắc sâu kiến thức ngữ văn về mạch lạc và liên kết trong văn bản.

- Làm thành thạo các bài tập.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm nội dung các bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh, nhóm học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I.Mạch lạc trong văn bản:** | |
| Ôn lại kiến thức về mạch lạc trong văn bản  Tổ chức hoạt động nhóm tạo sản phẩm sơ đồ tư duy kiến thức về mạch lạc trong văn bản | **1. Đặc điểm**  - Văn bản cần phải mạch lạc. Một văn bản mạch lạc có các đặc điểm sau:  + Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều cùng nói về một chủ đề.  + Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Sự tiếp nối này có thể được thực hiện dựa trên mối liên hệ về thời gian, không gian, tâm lý, ý nghĩa; tuần tự đi khắp các phần, các đoạn trong văn bản và thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.  **2.Chức năng:**  - Sự mạch lạc làm cho chủ đề trong văn bản liền mạch và gợi được hứng thú cho người đọc, người nghe. |
|  | |
| **Bài tập 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  *Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm, chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không bị khuất phục, dù bên ngoài chịu đủ thứ áp lực, thì bên trong vẫn giữ được đồng lòng cảm đáng quý nọ. Những người ấy chính là nghệ sĩ.*  a.Tại sao ngữ liệu trên lại được coi là một đoạn văn?  b. Hãy chỉ ra mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên | **\*Gợi ý:**  a.  - Về hình thức:  +Đảm bảo thể thức của một đoạn văn: khi viết lùi đầu dòng, chữ cái đầu tiên viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm.  + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế.   * Về nội dung: * + Đoạn văn diễn đạt một ý tương đối trọn vẹn về nội dung: Viết về lòng đồng cảm của con người.   b.  Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đều nhắc đến các từ “tấm lòng” hay “lòng đồng cảm”. |
| **Bài tập 2**: **Có một tập hợp các câu như sau:**  *(1)Chiếc xe lao mỗi lúc một nhanh. (2) “Không được! Tôi phải đuổi theo nó, vì tôi là tài xế chiếc xe mà!” (3)Một chiếc xe ô tô buýt chở đầy khách đang lao xuống dốc. (4)Thấy vậy, một bà thò đầu ra cửa, kêu lớn: (5)Một người đàn ông mập mạp, mồ hôi nhễ nhại đang gắng sức chạy theo một chiếc xe, (6) “Ông ơi! Không kịp đâu! Đừng đuổi theo vô ích!” (7)Người đàn ông vội gào lên.*  a. Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là gì?  b. Sắp xếp lại trật tự các câu trên theo một trình tự hợp lí, đảm bảo tính liên kết, mạch lạc của đoạn văn. | **\*Gợi ý:**  a.Tự sự  b. Trật tự sắp xếp như sau: 3,5,1,4,6,7,2  - Câu 3 sẽ là câu đầu tiên bởi vì giới thiệu một hiện tượng quan trọng, khái quát trong câu chuyện: chiếc xe ô tô buýt chở đầy khách đang lao xuống dốc.  - Sau đó phải là câu 5: xuất hiện một người đàn ông có đặc điểm mập, chạy theo xe (vì nếu không có sự kiện này, sẽ không có các sự việc nối tiếp).  - Tiếp theo phải là câu 1: vì xe không dừng lại; để dẫn đến một ý kiến của một bà trên xe (câu 4) liền với lời của bà ta (câu 6) vì bà ta và khách trên xe đều nghĩ ông ta lỡ chuyến xe…  Cuối cùng phải là câu đi liền câu 7 và câu 2: gây ra một sự vỡ lẽ đến tức cười, đồng thời cũng là kết thúc câu chuyện. |
| **Bài tập 3**: **Có một văn bản tự sự như sau:**  *“Ngày xưa có một em bé gái đi tìm thuốc cho mẹ. Em được Phật trao cho một bông cúc. Sau khi dặn em cách làm thuốc cho mẹ, Phật nói thêm: “Hoa cúc có bao nhiêu cánh người mẹ sẽ sống thêm được bấy nhiêu năm”. Vì muốn mẹ sống thật lâu cô bé dừng lại bên đường tước các cánh hoa thành nhiều cánh nhỏ. Từ đó hoa cúc có rất nhiều cánh. Ngày nay, cúc vẫn được dùng để chữa bệnh. Tên y học của cúc là Liêu Chi”.*  a.Phân tích bố cục, tính mạch lạc của văn bản.  b. Có thể đặt tên cho câu chuyện trên thế nào? | **\*Gợi ý:**  a.  \* Văn bản có bố cục chặt chẽ:  - Phần 1: câu 1: giới thiệu hoàn cảnh của câu chuyện và nhân vật chính của truyện.  - Phần 2: Từ câu 2 đến hết câu 6: diễn biến của truyện.  - Phần 3: hai câu còn lại: khẳng định vai trò, giá trị của hoa cúc đến tận ngày nay.  \*Văn bản mạch lạc: Ý xuyên suốt toàn văn bản là thuốc chữa bệnh cho mẹ. Nó càng rõ nét khi xuất hiện với hoa cúc.  b. HS có thể lựa chọn nhan đề:  - Vì sao hoa cúc có nhiều cánh?  - Tình con với mẹ.  - Cúc là thuốc chữa bệnh  - Lòng hiếu thảo.  - Bông cúc diệu kì. |
| **Bài tập 4: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  *Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm, chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không bị khuất phục, dù bên ngoài chịu đủ thứ áp lực, thì bên trong vẫn giữ được đồng lòng cảm đáng quý nọ. Những người ấy chính là nghệ sĩ.*  a.Tại sao ngữ liệu trên lại được coi là một đoạn văn?  b. Hãy chỉ ra mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên | **\*Gợi ý:**  a.  - Về hình thức:  +Đảm bảo thể thức của một đoạn văn: khi viết lùi đầu dòng, chữ cái đầu tiên viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm.  + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế.   * Về nội dung: * + Đoạn văn diễn đạt một ý tương đối trọn vẹn về nội dung: Viết về lòng đồng cảm của con người.   b.  Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đều nhắc đến các từ “tấm lòng” hay “lòng đồng cảm”. |
| **II. Liên kết trong văn bản** | |
| Liên kết trong văn bản là gì?Có những kiểu liên kết nào? Liệt kê những từ ngữ thường dùng trong các kiểu liên kết đó? | **1.Liên kết câu trong đoạn văn.**  - Liên kết là tính chất quan trọng của văn bản, làm cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu. Sự liên kết ấy cần được thể hiện trên cả 2 mặt: nội dung và hình thức.  **\*Liên kết về nội dung:**  -Liên kết chủ đề (các câu phải phục vụ chủ đề chung của đoạn văn).  -Liên kết lô-gíc (các câu trong đoạn văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí).  \***Liên kết hình thức** gồm các phép liên kết:  -Phép lặp từ ngữ: sử dụng lặp đi lặp lại một (một số) từ ngữ nào đó ở các câu khác nhau để tạo sự liên kết.  -Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng: sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng ở các câu khác nhau để tạo sự liên kết.  -Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu đứng trước.  -Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước. |
|  | |
|  | **2. Luyện tập thực hành** |
| **Bài tập 1: Chỉ ra các phép liên kết câu, liên kết đoạn văn và phương tiện liên kết được dùng trong các trường hợp sau:**  a. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.  Từ đó, oán nặng , thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt, dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương đành rút quân về.  (Sơn Tinh, Thủy Tinh)  b. Bấc có cái tài biểu lộ tình thương yêu gần giống như làm đau người ta. Nó thường hay há miệng ra cắn lấy bàn tay Thoóc-tơn rồi ép răng xuống mạnh đến nỗi vết răng hằn vào da thịt một lúc lâu. Và cũng như Bấc hiểu các tiếng rủa là những lời nói nựng, con người cũng hiểu cái cắn vừa ấy là cử chỉ vuốt ve.  *(Tiếng gọi nơi hoang dã, G.Lân – đơn trang 13 )* | **Bài 1**  **Gợi ý trả lời:**  a. Các phép liên kết được dùng trong hai đoạn văn và phương tiện liên kết là:  - Liên kết câu:  + Phép nối: từ *nhưng* nối câu 2 với câu 1 (đoạn 2).  + Phép đồng nghĩa - Thủy Tinh đồng nghĩa với Thần Nước.  - Sơn Tinh đồng nghĩa với Thần Núi.  - Liên kết đoạn:  + Phép lặp: Từ Thủy Tinh, Sơn Tinh, Thần Nước lặp lại hai lần ở hai đoạn văn.  + Phép thế: cụm từ *Từ đó* (đoạn 2) thay thế cho thời gian kể từ khi thần nước rút quân (đoạn 1).  b. Các phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn và phương tiện liên kết là:  - Phép lặp: Từ Bấc lặp lại hai lần (câu 1, 3)  - Phép thế: - Từ Nó (câu 2) thay thế cho Bấc (câu 1).  - Phép nối; Từ Và nối câu 3 với các câu trước.  - Phép đồng nghĩa: Thoóc-tơn - con người. |
| **Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau:**  Những ngày đầu năm, khắp làng bản Việt Nam rộn ràng tiếng trống hội xuân thúc giục lòng người. (...) bên cạnh hoạt động lễ nghi mang ý nghĩa tín ngưỡng, con có nhiều hội vui, diễn xướng sân khấu và các trò chơi truyền thống, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. ( Theo Trò chơi ngày xuân-Báo Nhân Dân, 2002)  **a.**Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: Đầu xuân, Khắp làng bản, Lúc này, Vào dịp này, vào dấu ba chấm, nằm trong ngoặc đơn (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau không?  **b.**Chỉ rõ phép liên kết câu khi lần lượt thay thế các cụm từ trên. | **Bài 2:**  a.Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: Đầu xuân, Khắp làng bản, Lúc này, Vào dịp này, vào chỗ (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau.  b. Phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn:  - Khi thay cụm từ Đầu xuân vào chỗ (...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép đồng nghĩa: Những ngày đầu năm - Đầu xuân;  - Khi thay cụm từ: Khắp làng bản vào chỗ(...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép lặp;  - Khi thay cụm từ: Lúc này; Vào dịp này vào chỗ (...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép thế: thay thế cho Những ngày đầu năm ở câu 1. |
| **Bài tập 3: Chỉ ra các phương tiện liên kết hình thức trong các đoạn văn sau:**  a.Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên tha thiết. Ông yêu một bến đò xuân đầu trại với đôi bờ “Cỏ non như khói bến xuân tươi”. Ông yêu một con đò trong làn mưa xuân gối đầu lên bãi cát nằm nghỉ suốt ngày. Yêu một ánh trăng trong lòng suối soi vào chén rượu đêm thanh, yêu một đoá hoa mai, một khóm trúc, một cây thông, một tiếng suối rì rầm như tiếng đàn cầm.  **b.** Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những cậu học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.  *( Tôi đi học - Thanh Tịnh*) | **Bài 3:**  **-** Câu (1) và (2) phép thế - ông. Câu 2-3: ông- lặp; cấu 3-4: lặp – yêu; câu  Câu 1-2: Họ phép thế; câu 2-3: phép lặp. |
| **Bài tập 4:** Điền từ ngữ (phương tiện) để các câu văn sau liên kết với nhau về hình thức.  a. Vũ Đình Liên là một nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam Hiện đại. Sự nghiệp văn chương không thực sự đồ sộ nhưng có những tác phẩm rất có giá trị.  b. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. là truyền thống quý báu của ta. | **Bài 4:**  a. Vũ Đình Liên là một nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam Hiện đại. Sự nghiệp văn chương **của ông** không thực sự đồ sộ nhưng có những tác phẩm rất có giá trị.  b. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. **Đó** là truyền thống quý báu của ta.  **=> Liên kết về mặt hình thức** |
| **Bài tập 5:** Chỉ ra cách liên kết trong các đoạn ngữ liệu sau:   1. U lại nói tiếp:   -Chăn cho giỏi, rồi hôm nào phiên chợ u mua giấy về bố đóng sách cho mà đi học bên anh Thận.  **Ái dà, lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy!** Học thích hơn hay đi chăn nghé thích hơn nhỉ?  (Bùi Hiển)  b.**Không! cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buốn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác.** (Nam Cao) | **Bài 5:**   1. Nhắc lại nội dung đoạn trước để chuyển ý sang đoạn sau   b.Khép lại ý đoạn trên, chuyển sang ý đoạn dưới |
| **Bài tập 6:** Hãy sắp xếp các câu sau thành một đoạn văn:  (1) Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên đường tiến hóa học thuật của nhân loại.  (2) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.  (3) Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có.  (4) Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân mà là việc của toàn nhân loại,  (5) Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. | **Bài 6:**  Sắpxếp các câu thành đoạn văn theo thứ tự: (2)- (4) (3)- (5)- (1) |
| **Bài tập 7:** *Hãy tìm những từ ngữ liên kết trong đoạn văn sau. Cho biết đó là phép liên kết gì?*  a. (1) Ở rừng mùa này thường như thế.(2) Mưa.(3) Nhưng mưa đá.(4) Lúc đầu tôi không biết. (5) Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang.(6) Có cái gì vô cùng sắc xé không khí ra từng mảnh vụn.(7) Gió. (8)Và tôi thấy đau, ướt ở má.  *( Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê )*  b.Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.  *( Lão Hạc – Nam Cao )* | **Bài 7:**  a. Phép nối: *nhưng* ( câu 5 ), *và* ( câu 8 )  b. Những từ ngữ thể hiện phép liên tưởng trong đoạn:  - Mặt – đầu – miệng – mắt.  - Mặt co rúm – vết nhăn xô lại.  - Nước mắt chảy ra – mếu – khóc. |
| **Bài tập 8:** Viết một đoạn văn ngắn từ 6-8 câu, ghi lại cảm xúc của em về bài thơ em thích, có sử dụng phép liên kết. Cho biết trong đoạn văn đó, em đã sử dụng phép liên kết nào? | |
| **\*Gợi ý:**  Qua bốn câu thơ cuối, nhà thơ Minh Huệ đã khắc họa hình ảnh Bác Hồ thật cao cả mà gần gũi. Câu thơ Đêm nay Bác không ngủđược nhắc lại như một điệp khúc có ý nghĩa nhấn mạnh. Nhưng điều đáng nói hơn là cách tạo tương quan của tác giả. Không ngủ là chuyện trái với bình thường. Nhưng đặt trong văn cảnh này, anh chiến sĩ nhận ra một lô-gic khác: đó là chuyện thường tình trong cuộc đời của Bác. Cách cắt nghĩa lí do Bác không ngủ rất đơn giản nhưng lại hết sức chính xác : Vì một lẽ thường tình, Bác là Hồ Chí Minh. Đó là cái thường tình vĩ đại, cái thường tình của một bậc “đại trí, đại nhân, đại dũng”. Không chỉ nhân dân ta mà nhân dân thế giới đều coi Hồ Chí Minh là một huyền thoại. Huyền thoại ấy trước hết là huyền thoại về một tình yêu lớn. Huyền thoại ấy vừa cao cả nhưng lại rất gần gũi, thấm vào từng hoạt động, từng lời nói, từng cái nhìn trìu mến của Người. | |

**2. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: DẤU CHẤM LỬNG**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được ôn tập, củng cố khắc sâu kiến thức ngữ văn về dấu chấm lửng.

- Làm thành thạo các bài tập.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm nội dung các bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh, nhóm học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức hoạt động** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Nhắc lại kiến thức đã học về nói quá?(Khái niệm, tác dụng của dấu chấm lửng) | **I. Dấu chấm lửng**  **a. Khái niệm**  Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (…) còn được gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.  **b. Công dụng**  Dấu chấm lửng có các công dụng:  - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước nó.  - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  *-* Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.  - Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt  - Mô phỏng âm thanh kép dài, ngắt quãng. |
| **II.Bài tập về dấu chấm lửng** | |
| **Dạng 1: Trắc nghiệm: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**  **Câu 1: Dòng nào không phải là công dụng của dấu chấm lửng ?**  A. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.  B. Dùng để đánh dấu kết thúc câu tường thuật.  C. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  D. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.  **Câu 2: Dấu chấm lửng được dùng trong đoạn văn sau có tác dụng gì ?**  *Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán … Lời ca thong thả, trang trọng, trong sáng gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch.*  A. Nói lên sự ngập ngừng của người viết  B. Nói lên sự bí từ của người viết  C. Tỏ ý còn nhiều cung bậc tình cảm chưa được kể hết của các thể điệu ca Huế.  D. Tỏ ý người viết diễn đạt rất khó khăn  **Câu 3: Dấu chấm lửng trong câu sau được dùng với dụng ý gì ?**  *Và Điền rất phàn nàn cho những tâm hồn cằn cỗi như tâm hồn của vợ Điền. Đối với thị, trăng chỉ là … đỡ tốn hai xu dầu !*(Nam Cao)  A. Tỏ ý bực tức  B. Tỏ ý thông cảm  C. Tỏ ý hài hước  D. Tỏ ý mỉa mai, chua chát.  **Câu 4: Câu nói sau đây của một cô bé được diễn đạt bằng rất nhiều dấu chấm lửng. Em hãy cho biết, tác giả dùng nhiều dấu chấm lửng như vậy nhằm thể hiện điều gì ?**  *- Không … ngô của con … của con gieo… đấy ạ… Con có bao giờ… dám sang vườn bên nhà đâu ? Con mà sang thì con Vện … cả con Mực nữa… nó cắn xổ ruột con ra còn gì !* (Nguyên Hồng )  A. Thể hiện sự sợ sệt, thanh minh  B. Thể hiện sự vô lễ  C. Thể hiện sự thách thức  D. Thể hiện sự tranh luận  **Câu 5: Dấu chấm lửng trong câu văn sau có tác dụng gì?**  "Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả xông vào thở không ra lời:  - Bẩm...quan lớn...đê vỡ mất rồi!" (Phạm Duy Tốn)  A. Thể hiện sự ngập ngừng vì không muốn nói.  B. Cả (1), (2) đều đúng.  C. Thể hiện lời nói ngập ngừng do hốt hoảng. (2)  D. Thể hiện lời nói ngập ngừng do quá mệt. (1) | |
| **Dạng 2: Tự luận**  **Bài tập 1:**  Trong mỗi câu có dấu chấm lửng dưới đây, dấu chấm lửng được dùng để làm gì?  a)  - Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?  - Dạ, bẩm...  - Đuổi cổ nó ra!  (Phạm Duy Tốn)  b) Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bào nhau chứ sao lại...  (Đào Vũ)  c) Cơm, áo, vợ, con, gia đình... bó buộc y.  (Nam Cao)  d) Trường đua lập tức được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó vươn cổ hú lên ba tiếng:  - Hu…u…uét!Hu…u…uét!Hu…u…uét!  Thế là cuộc thi bắt đầu.  e) Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi liệng lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén… (Nguyễn Tuân)  f) Thầy Ha men đứng trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế… (An-phông-xơ - đô-đê)  g)  Đến nay tháng sáu  Chợt nghe tin nhà  Ra thế  Lượm ơi!...  (Tố Hữu)  h) Chúng tôi chạy ùa ra, con cắt còn ngấp ngoái. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt…(Duy Khánh) | **\*Gợi ý:**  Công dụng của dấu chấm lửng:  a. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  b. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  c. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.  d. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  e. Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật khác, sự việc khác chưa liệt kê hết.  f. Dấu chấm lửng thể hiện sự xúc động của học trò trước hình ảnh của thầy Ha men trong buổi học cuối cùng – lời nói bỏ dở, ngập ngừng.  g. Dấu chấm lửng diễn tả nỗi đau kéo dài khi nghe tin Lượm hi sinh.  h. Sự ngạc nhiên khi lần đầu tiên thấy chim cắt của nhân vật “tôi” |
| **Bài tập 2:** Đọc truyện vui sau đây và cho biết vì sao anh con trai trong truyện lại uống rượu và đánh bạc.  Một ông bố lúc sắp mất cho gọi con trai đến để trăng trối. Ông lão thều thào nói qua hơi thở:  - Đừng uống trà... uống rượu, con nhé !  - Đừng đánh cờ... đánh bạc, con nhé !     Anh con trai vốn là người con vừa có hiếu, vừa cần kiệm, nhưng không hiểu vì sao chỉ sau khi bố mất ít lâu đã trở thành bợm rượu và con bạc lừng lẫy nhất vùng, đến nỗi bán sạch cả sản nghiệp do bố để lại. | **\*Gợi ý:**  - Anh con trai trong truyện uống rượu và đánh bạc vì đã hiểu nhầm lời dặn trước lúc mất của bố.  - Trong lời nói của ông bố trước khi mất đã có sự ngắt quãng (ở chỗ dấu ba chấm “…”) gây nên sự hiểu nhầm. |
| **Bài tập 3**: Đối với các văn bản kể chuyện hàm súc, ngắn gọn như truyện ngụ ngôn, ta có thể chỉnh sửa và sử dụng bổ sung dấu chấm lửng ở một số vị trí thích hợp để tăng thêm sức biểu đạt cho từ ngữ, câu văn hay tạo thêm không khí cho câu chuyện. Với mục đích tương tự, dựa vào nội dung truyện ngụ ngôn đã đọc, em hãy bổ sung, chỉnh sửa các đoạn văn dưới đây thành những đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng, đồng thời chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong mỗi trường hợp:  a. Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới. (Thỏ và rùa)  b. Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đũa ra làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. (Chuyện bó đũa).  c. “Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn.” (Hai người bạn đồng hành và con gấu)  d. Hàng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ (Ếch ngồi đáy giếng) | **Gợi ý:**  a.Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Tiếng ngáy mỗi lúc một to: Khò…ò…khò…ò.Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.  => Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.  b. Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đũa ra làm đôi. Một đứa, hai đứa, rồi ba đứa…cố sức bẻ. Nhưng không đứa nào bẻ nổi.  => Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết  c. “Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, tớ…tớ…không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn.” (Hai người bạn đồng hành và con gấu)  => Thể hiện chỗ lời nói ngập ngừng, ngắt quãng  d.. Hàng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng. Tiếng ồm..ộp…ồm…ộp…ộp trong cai giếng nhỏ hẹp khiến các con vật kia rất hoảng sợ.  => Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng |
| **Bài tập 4: Viết đoạn văn với chủ đề tự chọn (có câu văn sử dụng dấu chấm lửng)**  **Gợi ý:**  Bình minh là thời khắc mặt trời chưa lên cao, chỉ mới vừa kịp nhú lên ở phía xa xa. Là khoảnh khắc màn đêm không còn bao trùm lấy mọi cảnh vật nữa, nhường chỗ cho một ngày mới có nhiều niềm vui và tin yêu hơn. Sáng tinh mơ, những chú chim bắt đầu líu lo tiếng hót chào đón ngày mới.**Trong vườn những khóm cúc, huệ, loa kèn, hồng,... thi nhau khoe sắc**. Trên cành lá, đọng lại những hạt sương long lanh, lấp lánh như những viên pha lê quý hiếm. **Ánh nắng trải khắp muôn nơi. Ngoài đường xe cộ bắt đầu đi lại tấp nập, tiếng học ính gọi nhau ý ới, tiếng các mẹ, các cô từ những khu chợ sáng, tiếng còi, tiếng gọi,...** phá tan đi khoảng khắc tĩnh mịnh, nhộn nhịp và tràn đầy năng lượng.  Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy phân tích và sửa chữa các lỗi dùng chấm lửng (nếu có). | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**-** Nắm vững kiến thức về mạch lạc và liên kết trong văn bản, dấu chấm lửng

**-** Chuẩn bị bài : Xem lại bài viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI….**

**ÔN TẬP VĂN BẢN**

**MỞ RỘNG ĐỌC HIỂU TRUYỆN VIỄN TƯỞNG**



**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:** Học sinh tiếp tục được ôn tập củng cố và nâng cao năng lực đọc, viết về truyện khoa học viễn tưởng.

**2. Phẩm chất:** Học sinh có ý thức trau dồi cho mình khát khao được khám phá, sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu (Ti vi), máy tính.

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, tài liệu tham khảo về truyện khoa học viễn tưởng.

**III.TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức ngữ văn để cho học sinh bước vào ôn tập hiệu quả.

**b**. **Nội dung:** Học sinh chia sẻ kĩ năng đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng.

**c. Sản phẩm:** Nội dung chia sẻ thể hiện sự hiểu biết của học sinh.

**d.Tổ chức thực hiện:** Dùng phương pháp đàm thoại khơi gợi hiểu biết của học sinh.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**CHIA SẺ CÁ NHÂN**

**Câu 1: Truyện khoa học viễn tưởng là:**

A.Là ”văn học về ý tưởng” và thường khám phá hoặc dự đoán những hệ quả, hậu quả tiềm tàng của những đổi mới trong khoa học, xã hội và công nghệ.

B. Là truyện hư cấu mang các yếu tố khoa học, thường khám phá hoặc dự đoán hệ quả, hậu quả tiềm tàng, đổi mới trong khoa học, xã hội và công nghệ.

C. Là truyện hư cấu mang các yếu tố khoa học.

D. Là văn học lấy bối cảnh một vũ trụ tưởng tượng với những phép thuật, những sinh vật siêu nhiên trong nhiều thế giới tưởng tượng.

**Câu 2: Dòng nào sau đây nói đúng đặc điểm cơ bản của truyện khoa học viễn tưởng?**

A.Truyện sử dụng các chi tiết thuần tuý tưởng tượng, không có cơ sở.

B. Mô tả các viễn cảnh tương lai hoặc các bối cảnh thế giới có thể xảy ra với lực lượng siêu nhiên.

C. Chủ yếu vận dụng lối viết logic để mô tả các viễn cảnh tương lai dựa trên căn cứ khoa học đã được chứng minh hoặc chân lý được công nhận.

D. Là thể loại văn học sử dụng hoặc toàn bộ, hoặc nhiều chi tiết không thực, được tạo dựng bởi trí tưởng tượng và giả thuyết của tác giả.

**Câu 3: Đề tài chủ yếu của truyện khoa học viễn tưởng là:**

A.Là các lĩnh vực khoa học công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá vũ trụ, đại dương, lòng đất,...

B. Là hiện thực rộng lớn của đời sống ở thì tương lai.

C. Là thế giới được hình tượng hoá do trí tưởng tượng thiết kế nên, một thế giới của riêng mình như một gợi ý cho tương lai.

D. Là thế giới vũ trụ huyền bí, hấp dẫn

**Câu 4: Cốt truyện, sự kiện của truyện khoa học viễn tưởng thường là:**

A.Bắt đầu từ sự kiện có thật, gắn với các yếu tố tưởng tượng ma mị, huyền bí.

B. Bắt đầu từ những sự kiện có thật, gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ.

C. Bắt đầu từ những ước mơ khao khát cải biến thế giới.

D. Bắt đầu từ những tình huống khó khăn thử thách của cuộc sống.

**Câu 5: Tình huống truyện của truyện khoa học viễn tưởng được hiểu là:**

A.Hoàn cảnh đjăc biệt khiến các nhân vật phải đối mặt và khao khát sự xuất hiện của lực lượng kì bí.

B. Khó khăn xuất hiện bất ngờ khiến các nhà khoa học xuất hiện ý tưởng mới.

C. Một môi trường lý tưởng để nhân vật bộc lộ tố chất khoa học.

D. Hoàn cảnh đặc biệt, xuất hiện bất ngờ (thử thách nhân vật, khiến họ bộc lộ phẩm chất/bản chất, khả năng ứng xử,...)

**Câu 6: Nhân vật chính trong truyện khoa học viễn tưởng là:**

A.Nhà khoa học thông thái.

B. Người có sức mạnh phi thường.

C. Người gây ra những cản trở để thử thách các nhà khoa học.

D. Người hoá thân vào một lĩnh vực khoa học.

**Câu 7: Không gian, thời gian trong truyện khoa học viễn tưởng thường là:**

A.Dòng thời gian đã bị biến đổi của tương lai.

B. Dòng thời gian đã bị biến đổi cùng các bước nhảy xuyên không.

C. Dòng thời gian đã bị biến đổil không gian ngoài vũ trụ, các hành tinh khác.

D. Dòng thời gian và không gian hoà làm một, không thể phân định được hiện tại hay tương lai.

**Câu 8: Yếu tố khoa học trong truyện viễn tưởng được hiểu là:**

A.Đối tượng trong truyện thuộc một lĩnh vực khoa học cụ thể.

B. Tình huống truyện phải gắn một sự kiện khoa học.

C. Nhân vật chính phải là người chuyên nghiên cứu khoa học.

D. Tác giả phải là nhà khao học đã có thành tự nghiên cứu nổi tiếng.

**Câu 9: Điểm tương đồng giữa truyện với truyện khoa học viễn tưởng là gì?**

A.Đều có: cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, bức thông điệp.

B. Tình huống truyện gay cấn.

C. Thể hiện ước mơ của con người về tương lai.

D. Nhiều nhân vật tài năng.

**Câu 10: Dòng nói lên điểm kahsc biệt của truyện khoa học viễn tưởng với truyện:**

A.Truyện khoa học viễn tưởng luôn gợi trí tò mò của người đọc.

B. Truyện khoa học viễn tưởng gắn với các lĩnh vực khoa học công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá vũ trụ,...

C. Truyện khoa học viễn tưởng có tình huống gay cấn.

D. Truyện khoa học viễn tưởng chỉ nói về thì tương lai.

**2**. **HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS tiếp tục làm bài đọc hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng trên cơ sở đó khắc sâu, mở rộng kiến thức.

**b. Nội dung:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

* - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm sau đó cho các em làm đề đọc hiểu với ngữ liệu sách giáo khoa và ngoài sách giáo khoa.
* - HS tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập: Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận thống nhất ý kiến.
* - GV khích lệ, động viên, nhận xét, chốt kiến thức

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc đoạn văn bản sau:**

*Chiếc MAV là một con tàu không gian. Nó có nhiều bộ phận tinh xảo. Nó có thể chịu những cơn bão đến độ nào đó nhưng chỉ là nó không thể bị bão cát đánh vào mãi được. Sau một giờ rưỡi chịu trận, những cơn gió không dứt, Na Sa ra lệnh hủy nhiệm vụ. Không ai muốn ngừng một phi vụ một tháng chỉ mới sau sáu ngày nhưng nếu chiếc MAV chịu thêm sự trừng phạt nào nữa thì tát cả chúng tôi đều bị mắc kẹt ở đây.*

*Chúng tôi phải đi ra ngoài trong cơn bão từ chỗ căn Háp đến chiếc MAV. Chuyện đó khá là mạo hiểm, nhưng chúng tôi có sự chọn lựa nào khác chứ? Mọi người đều đến nơi, trừ tôi.*

*Đĩa liên lạc chính của chúng tôi, dùng để gửi tín hiệu từ căn Háp đén Hơ-mét, hoạt động như một cái dù bay, đã bị dỡ khỏi bệ đỡ của nó và bị thổi bay theo dòng xoáy. Trên đường bay, nó đâm sầm vào mạng ăng-ten thu tầm. Rồi một trong những chiếc ăng-ten dài mỏng bay thẳng, đâm vào người tôi. Nó xuyên thủng qua bộ đồ của tôi ngọt xớt như đạn bắn vào bơ sữa và tôi cảm nhận được cơn đau đớn nhất cuộc đời mình, như thể nó đã xé toạc một bên người tôi. Tôi nhớ mang máng bỗng dưng cơn gió hút mạnh vào người tôi và đôi tai tôi ù lên đau đớn khi áp suất trong bộ đồ của tôi giảm dần, xì hết ra ngoài.*

*Điều cuối cùng tôi nhớ là đã thấy Giô-han xen (Johanssen) tuyệt vọng nhìn theo hướng của tôi.*

*Tôi thức dậy nhờ tiếng báo động ôxi (ôxygen) trong bộ đồ. Tiếng bíp bíp đều đặn đáng ghét cuối cùng cũng kéo tôi trở lại từ khao khát mãnh liệt sâu sắc rằng xin được chết đi cho rồi.*

*Cơn bão đã dịu đi, tôi đang nằm sấp, gần như bị chôn vùi trong cát. Khi tôi chếnh choáng đứng lên, tôi tự hỏi vì sao tôi chưa chết, chết nữa, chết mãi cho rồi.*

*Chiếc ăng-ten có đủ lực để chọc xuyên thủng bội đồ và bên hông tôi, nhưng nó bị chung chậu của tôi chặn lại. Cho nên chỉ có một cái lỗ trên bộ đồ (và đương nhiên một cái lỗ trên người tôi).*

*Tôi đã bị đánh bật ra khá xa về phía sau và lăn xuống một ngọn đồi dốc. Bằng cách nào đó, mặt tôi tiếp đất, nhờ đó, chiếc ăng-ten phải nằm vào một góc chếch sắc đến độ đưa một lực xoáy rất lớn vào cái lỗ trên áo.*

(*Người về từ Sao Hỏa,* Nguyễn Thị Lan Hương dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016)

**Câu 1.** Đoạn truyện kể về sự kiện gì?

**Câu 2**. Ai kể chuyện và kể ở ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể ấy.

**Câu 3**. Dựa vào nội dung đoạn trích em hãy cho biết đề tài và bối cảnh không gian của câu chuyện thể hiện trong tác phẩm có đoạn trích trên là gì?

**Câu 4**. Vì sao nhân vật tôi bị thương?

**Câu 5.** Tại sao chiếc MAV được coi là quan trọng nhất?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM ĐỀ 1**

**Câu 1.** Kể về sự cố bão cát trên Sao Hỏa mà đoàn phi hành gia Hơ-mét của nhân vật tôi gặp phải.

**Câu 2.** Ngôi kể: Ngôi 1. Người kể: Xưng “tôi”, “chúng tôi” đó là một phi hành gia, làm cho chuyện kể chân thực, người kể có thể bộc lộ suy nghĩ của mình.

**Câu 3.** Đề tài “du hành vũ trụ”.Không gian vũ trụ- trên sao hỏa.

**Câu 4**. Do bão cát , “*một trong những chiếc ăng-ten dài mỏng bay thẳng, đâm vào người tôi. Nó xuyên thủng qua bộ đồ của tôi, làm tôi bị thương.***Câu 5**. Chiếc MAV được coi là quan trọng nhất vì nó là một con tàu không gian có nhiều bộ phận tinh xảo. Đó là một con tàu không gian để các nhà du hành rời sao Hỏa về trạm vũ trụ trên quỹ đạo có tên Hơ-mét, sau khi hoàn thành công việc.

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Tôi loạng choạng đi lên đồi trở về căn Háp. Khi nhấp nhô bước lên tới đỉnh, tôi thấy một thứ khiến tôi vui mừng không tả và một thứ khiến tôi buồn da diết. Căn Háp vẫn nguyên vẹn và chiếc MAV đã đi rồi.*

*Ngay lúc đó tôi biết mình đã tàn đời. Nhưng tôi không muốn chết ngay trên bề mặt này. Tôi khập khiễng về căn Háp và lần mò tìm cái khóa khí. Ngay khi nó được trung hòa, tôi ném cái mũ của mình ra.*

*Bước vào căn Háp, tôi cởi bộ dồ phu hành và lần đầu được xem xét rõ ràng vết thương của mình. Nó cần được khâu lại. May thay, tất cả bọn tôi đều được huấn luyện những thủ thuật y tế cơ bản, và vật dụng y tế được trang bị trong căn Háp thật quá xuất sắc. Một mũi tiêm nhanh để gây tê, lau chùi sạch sẽ, chín mũi khâu, thế là xong. Tôi sẽ phải uống thuốc kháng sinh vài tuần, nhưng ngoài chuyện đó ra thì tôi sẽ ổn thôi.*

*Tôi biết đó là cô vọng, nhưng tôi vẫn cố khởi động thiết bị liên lạc. Không có tín hiệu, đương nhiên rồi. Đĩa vệ tinh chính đã tách rời, nhớ không nào? Và nó còn đem theo cả chiếc ăng-ten thu tín hiệu nữa. Căn Háp có hệ thống liên lạc phục thứ hai và thứ ba, nhưng chúng chỉ để liên lạc với chiêc MAV, và nó lại phải dùng một hệ thống mạnh hơn thì mới chuyển tải thôg tin đến Hơ-mét được. Cái nữa là, cách đó chỉ thực hiện được khi chiếc MAV vẫn còn đây. Tôi không có cách nào để liên lạc được với Hơ-mét.*

*Khi kiểm tra bộ đồ của mình, tôi thấy chiếc ăng-ten đã quét thủng máy tính giám sát hoạt động sinh hoạt của tôi. Khi ở trên EVA, tất cả những bộ đồ của cả đoàn đều được nối mạng để chúng tôi có thể biết trạng thái của nhau. Những người còn lại trong phi hành đoàn đã thấy áp suất trong áo tôi tụt xuống gần con số không, kế đó là những tín hiệu sinh hoạt hoàn toàn không còn. Thêm vào cảnh tôi bị ngã lăn xuống đồi với một ngọn giáo xuyên thủng vào người giữa cơn bão cát... Vâng. Họ nghĩ rằng tôi đã chết. Làm sao mà không nghĩ thế cơ chứ.*

(*Người về từ Sao Hỏa,* Nguyễn Thị Lan Hương dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016)

**Và trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1**. Nhân vật "tôi" lâm vào tình cảnh như thế nào? Nếu rơi vào tình trạng như nhân vật tôi thì người ta sẽ có những cách ứng xử nào? Nêu cách lựa chọn của nhân vật tôi?

**Câu 2**. Điều gì đã khiến nhân vật tôi “vui mừng khôn tả” và điều gì đã khiến “tôi buồn da diết”?

**Câu 3**. Trong quá trình tìm đường trở về, nhân vật tôi đã lâm vào tình cảnh như thế nào?

**Câu 4.** Những chi tiết nào trong văn bản “Nhật trình Sol 6” thể hiện tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ?

**Câu 5.** Giả sử ở trong hoàn cảnh của nhân vật "tôi", em sẽ có suy nghĩ và hành động như thế nào?

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM ĐỀ 2**

**Câu 1.** Nhân vật “tôi” lâm vào tình cảnh bị ngã lăn xuống đồi với một ngọn giáo xuyên thủng vào người giữa cơn bão. Bộ đồ du hành đã giúp cho nhân vật "tôi" vượt qua được tai hoạ.

**Câu 2.** Điều khiến “tôi vui mừng khôn tả” và “tôi buồn da diết” là: Căn Háp vẫn nguyên vẹn và chiếc MAV đã đi rồi. Vì căn Háp ở lại giúp nhân vật “tôi” có thêm thời gian sống còn chiếc MAV đã đi, nhân vật “tôi” không thể trở về Trái Đất.

**Câu 3.** Mặc dù đã rất cố gắng nhưng con đường trở về của nhân vật “Tôi” rất nhiều chông gai và thực sự rất ít cơ hội thành công.

**Câu 4.** Chi tiết chứng tỏ tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ

**\*Hiểu biết của tác giả:**

+ Biết về NASA - Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ.

+ Hiểu biết về việc luyện tập những tình huống khẩn cấp khi ra ngoài vũ trụ.

+ Hiểu biết về đồ bảo hộ phi hành gia và cách sửa chữa.

**\*Những chi tiết trong văn bản thể hiện tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ là:**

- Phi vụ bay được thiết kế để chịu được cơn bão cát với sức gió 150km/h.

- Đĩa liên lạc dùng để gửi tín hiệu từ căn Háp đến Hơ-mét.

**- Cách tác giả mô tả lại sự cố:**

+ Đĩa liên lạc đâm sầm vào mạng ăng-ten thu tầm, chiếc ăng-ten xuyên thủng bộ đồ bảo hộ khiến áp suất giảm dần.

+ Máu chảy ra ngoài nhanh chóng bị bốc hơi do dòng khí lưu thông và áp suất thấp để lại một đống cặn.

+ Khi áp suất giảm, bộ đồ du hành liên tục tự làm đầy bằng khí lấy từ bình nitơ.

**Câu 5.** Em sẽ rất sợ hãi và lo lắng. Có thể em sẽ mất một khoảng thời gian khủng hoảng vì cho rằng mình tàn đời rồi. Sau đó sẽ cố gắng tìm mọi cách để có thể duy trì sự sống, sửa chữa máy móc để có thể bắt tín hiệu và liên lạc với trái đất mong sớm được trở về.

**ĐỀ SỐ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Hôm thứ Năm tuần trước, tôi có trình bày với vài người trong số quý vị những nguyên lí của Cỗ máy Thời gian, và đã cho các vị ấy thấy chính nó lúc chưa được hoàn thiện. Hiện giờ nó vẫn ở đó nhưng đã bị hỏng hóc chút đỉnh sau chuyến đi [...] Đúng mười giờ sáng nay, Cỗ máy Thời gian đầu tiên đã bắt đầu đời hoạt động của nó. Tôi gắn cho nó cái ren cuối cùng, siết lại tất cả định ốc, nhỏ thêm một giọt dầu lên thanh thạch anh, rồi ngồi lên yên. Tôi cho rằng một người muốn tự vẫn đang chĩa súng vào đầu cũng có cùng nỗi thắc mắc rằng cái gì sẽ đến sau đó như tôi lúc ấy. Một tay tôi nắm công tắc khởi động, tay kia giữ công tắc thắng; tôi gạt công tắc đầu tiên, và đến công tắc thứ hai gần như ngay tắp lự. Hình như tôi đã quay mòng mòng, tôi cảm nhận được cảm giác rơi hẫng kinh hoàng, rồi nhìn quanh, tôi thấy phòng thí nghiệm vẫn giống hệt như trước. Có gì xảy ra không nhỉ? Trong giây lát, tôi ngờ rằng trí khôn đã đánh lừa mình. Sau đó, tôi đưa mắt nhìn đồng hồ treo tường. Chỉ trước đó một lát thôi, nó còn chỉ mười giờ một phút, vậy mà bây giờ đã là gần ba giờ rưỡi!*

*[...] Bóng đêm ập xuống như khi ta tắt đèn và chỉ trong khoảnh khắc, ngày mai đã đến. Phòng thí nghiệm càng lúc càng nhoà nhạt mơ hồ. Đêm tối của ngày hôm sau bao trùm tất cả, rồi nối tiếp bằng ngày, đêm, rồi lại ngày, cứ nhanh hơn và nhanh mãi. Tai tôi chỉ nghe thấy âm thanh lùng bùng của gió xoáy, và một trạng thái rối rắm, mờ mịt lạ lùng che phủ tâm trí tôi.*

*[...] Khi tôi lao đi, đêm nối tiếp ngày như nhịp vỗ của một đôi cánh đen. Tôi dường như chẳng còn thấy khung cảnh nhoè nhoẹt của phòng thí nghiệm, và tôi nhìn thấy mặt trời nhảy vọt rất nhanh ngang bầu trời, mỗi cú là một phút, và mỗi phút đánh dấu một ngày. Tôi đoán là phòng thí nghiệm đã bị phá huỷ và tôi ở ngoài trời. [...) Tối và sáng nối tiếp nhau chỉ trong tích tắc khiến mắt tôi đau đớn cực độ. Thế rồi, giữa những màn đêm cách quãng nối đuôi nhau, tôi thấy mặt trăng di chuyển rất nhanh qua các tuần trăng, từ trăng non tới trăng rằm, và thấp thoáng thấy bóng dáng những vì sao. Rồi khi gia tốc ngày một lớn, đêm và ngày hoà thành một màu xám liên miên không dứt, nền trời thăm thẳm một màu xanh lơ lung linh kì diệu giống màu của tầm chạng vạng, mặt trời lao nhanh như một vệt lửa vẽ nên vòng cung rực rỡ trong không trung; mặt trăng trở thành một dải mờ hơn biến đổi thất thường; và tôi chẳng thể thấy một vì sao nào, chỉ thi thoảng thấy một vòng tròn sáng hơn lấp lánh giữa nền xanh.*

*[...] Lúc đó tôi nhận thấy thời tiết thay đổi liên tục, từ xuân chí sang đông chí trong vòng trên dưới một phút, kết quả là tôi lướt qua một năm chỉ trong một phút; và phút này sang phút khác, tuyết trắng phủ khắp bề mặt thế giới rồi biến mất, được nối tiếp bởi sắc xanh biếc ngắn ngủi của mùa xuân. [...] Tôi nghĩ có lẽ mình sẽ chẳng thấy các bước phát triển của nhân loại, những tiến bộ vượt bậc của nền văn minh sơ đẳng này có gì đáng kinh ngạc nếu chỉ quan sát thế giới mịt mù khó hiểu đang vùn vụt lướt qua và biến chuyển nhanh chóng trước mắt! [...] Tôi thấy một màu xanh lục mỡ màng vinh cửu phủ khắp sườn đồi, không hề phải chịu tác động của mùa đông. Ngay cả đầu óc mụ mị của tôi lúc ấy cũng thấy Trái Đất rất đẹp. Và thế là tôi chợt nảy ra ý ghĩ dừng lại.*

(Hơ-bớt Gioóc Gheo-xờ (Herbert George Wells), Cỗ máy Thời gian, Nguyễn Thành Nhân địch, NXB Văn học, Hà Nội, 2018, tr. 42 - 47)

**Câu 1** Đoạn trích được kể bằng lời của ai? Người kể chuyện ngôi thứ mấy?

**Câu 2** Câu chuyện diễn ra trong không gian nào? Nhân vật đã di chuyển trong không gian đó bằng phương tiện gì?

**Câu 3** Trong chuyến du hành của nhân vật, thời gian được đo đếm như thế nào?

**Câu 4** Liệt kê những sự vật mà nhân vật đã nhìn thấy trong chuyến du hành kì lạ của mình.

**Câu 5** Hãy tưởng tượng hình dáng Cỗ máy Thời gian và miêu tả bằng lời của em.

**Câu 6**Chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau và nêu chức năng của chúng:

*(1) Hôm thứ Năm tuần trước, tôi có trình bày với vài người trong số quý vị những nguyên lí của Cỗ máy Thời gian, và đã cho các vị ấy thấy chính nó lúc chưa được hoàn thiện. (2) Hiện giờ nó vẫn ở đó nhưng đã bị hỏng hóc chút đỉnh sau chuyến đi... (3) Đúng mười giờ sáng nay, Cỗ máy Thời gian đầu tiên đã bắt đầu đời hoạt động của nó. (4) Tôi gắn cho nó cái ren cuối cùng, siết lại tất cả đinh ốc, nhỏ thêm một giọt dầu lên thanh thạch anh, rồi ngồi lên yên.*

**Câu 7** Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:

*Khi tôi lao đi, đêm nối tiếp ngày như nhịp vỗ của một đôi cánh đen. Tôi dường như chẳng còn thấy khung cảnh nhoè nhoẹt của phòng thí nghiệm, và tôi nhìn thấy mặt trời nhảy vọt rất nhanh ngang bầu trời, mỗi cú là một phút, và mỗi phút đánh dấu một ngày. Tôi đoán là phòng thí nghiệm đã bị phá huỷ và tôi ở ngoài trời. [...] Tối và sáng nối tiếp nhau chỉ trong tích tắc khiến mắt tôi đau đớn cực độ. Thế rồi, giữa những màn đêm cách quãng nối đuôi nhau, tôi thấy mặt trăng di chuyển rất nhanh qua các tuần trăng, từ trăng non tới trăng rằm, và thấp thoáng thấy bóng dáng những vì sao.*

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM:**

**Câu 1**: Đoạn trích được kể bằng lời của nhân vật nhà khoa học chế tạo ra Cỗ máy Thời gian. Người kể chuyện ngôi thứ nhất, xưng “tôi”

**Câu 2:** Câu chuyện mở ra ở không gian phòng thí nghiệm của nhà khoa học, sau đó tiếp diễn trong không gian bao la của bầu trời. Nhân vật di chuyển trong không gian đó bằng Cỗ máy Thời gian do chính ông chế tạo ra.

**Câu 3:** Trong chuyến du hành của nhân vật, thoạt đầu thời gian một phút bình thường được tính bằng một ngày; sau đó tốc độ của Cỗ máy Thời gian tăng lên, thời gian một phút bằng cả một năm.

**Câu 4:** Trong chuyến du hành kì lạ của mình, nhân vật đã nhìn thấy:

- Mặt trời

- Mặt trăng

- Các vì sao

- Bầu trời thăm thẳm xanh lơ

- Bề mặt thế giới phủ đầy tuyết trắng rồi nối tiếp màu xanh của mùa xuân

- Sườn đồi phủ màu xanh lục mỡ màng.

**Câu 5**: Em tự do vận dụng trí tưởng tượng của mình để phác thảo hình dáng của Cỗ máy Thời gian. Lưu ý những chi tiết miêu tả: chiếc yên (xe), các công tắc khởi động, (xe) không có vật che chắn (nhân vật nghe âm thanh lùng bùng của gió xoáy),...

**Câu 6:** Các từ ngữ giữ vai trò là phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn văn: dùng từ ngữ thay thế (từ nó ở câu (2) thay thế cho Cỗ máy Thời gian ở câu (1); từ nó ở câu (4) thay thế cho Cỗ máy Thời gian trong câu (3)); từ ngữ lặp lại (Cỗ máy Thời gian và nó xuất hiện hai lần). Các phương tiện liên kết này bảo đảm sự kết nối về hình thức giữa các câu trong đoạn văn. Sự liên kết đó cùng với sự mạch lạc về nội dung làm cho các câu tạo thành một chỉnh thể thống nhất, thể hiện chủ đề mà người kể chuyện muốn nói tới: giới thiệu về Cỗ máy Thời gian.

**Câu 7**: Đoạn văn nói về chuyến du hành xuyên thời gian của nhân vật “tôi” Sự việc diễn ra theo chiều thời gian tuyến tính và nguyên tắc nhân quả. Không gian du hành bắt đầu từ phòng thí nghiệm, rồi dịch chuyển ra ngoài không trung. Nhân vật đang di chuyển với tốc độ nhanh kì lạ: một phút nhanh bằng một ngày. Tốc độ của nhân vật trong không gian càng lúc càng nhanh hơn, thể hiện qua hình ảnh: từ một phút bằng một ngày đến một phút nhanh bằng một tháng. Sự thống nhất về đề tài và trình tự sắp xếp hợp lí của các câu làm cho đoạn văn mạch lạc và người đọc có thể hiểu rõ nghĩa của đoạn văn.

**ĐỀ SỐ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Tôi đi cạnh Nê-mô (Nemo) hướng theo ngọn lửa dẫn đường ấy. Đáy biển lúc đầu còn bằng phẳng, sau dâng cao dần. Chúng tôi chống gậy bước những bước dài nhưng chậm vì đáy biển đầy tảo và đá dăm...*

*[...] Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hoá đá vì tác động của muối biển...*

*Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết!*

*Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt.*

*Tôi hiểu rõ rằng những điều tôi miêu tả về cuộc tham quan dưới đáy biển này chắc các bạn sẽ cho là chuyện bịa hoàn toàn! Nhưng không, tôi không mơ ngủ đâu! Tất cả những cái đó tôi đều nhìn thấy tận mắt!*

*[...] Trước mắt tôi hiện ra một thành phố chết: những toà nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn. Xa xa là những ống dẫn nước khổng lồ. Xa hơn một chút là vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào. Xa hơn nữa là những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu.*

*Tôi đang ở đâu? Ở đâu? Tôi muốn biết điều đó, muốn biết điều đó dù có phải vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu! Nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã bước tới gần tôi và ra hiệu cho tôi đừng làm như vậy. Sau đó, ông ta lấy một viên đá trắng mềm viết lên tường một chữ: ÁT-LAN-TÍCH (ATLANTIS).*

*Át-lan-tích! Đó là một lục địa mà sự tồn tại được nhiều nhà bác học tranh cãi. Lục địa đó đã nằm trước mắt tôi với tất cả những bằng chứng của tai hoạ đã xảy ra!*

*Cách đây nhiều thế kỉ, những trận lũ lụt và động đất đã hoành hành trên hành tinh của chúng ta. Chỉ cần một đêm và một ngày là lục địa Át-lan-tích đã bị xoá sạch khỏi mặt đất. Chỉ có những ngọn núi cao nhất là còn được trông thấy ngày nay!*

*Tôi nhớ lại tất cả những điều đó khi đọc chữ “Át-lan-tích” của Nê-mô. Số phận kì lạ đã đưa tôi đến ngọn núi của lục địa đã bị mất! Tôi được sờ mó vào những hòn đá của những toà nhà đồng thời với các thời đại địa chất! Tôi được bước chân lên mảnh đất mà những người nguyên thuỷ đã đi! Dưới chân tôi lạo xạo những vật hoá thạch đã sống ở thời kì xa xưa nhất dưới bóng cây giờ đây đã biến thành đá.*

(Giuyn Véc-nơ, Hai vạn dặm dưới biển, Đỗ Ca Sơn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2020, tr. 300 - 304)

**Câu 1** Nội dung chính của đoạn trích là gì? Theo em, sự việc được kể trong đoạn trích có thể xảy ra trong thực tế không? Vì sao?

**Câu 2**Nhân vật “tôi” đã đặt chân đến thành phố nào dưới đáy biển? Em hãy liệt kê những chi tiết miêu tả thành phố đó.

**Câu 3** Em hãy tìm kiếm và trình bày vắn tắt những thông tin thu lượm được về thành phố Át-lan-tích từ sách, báo hoặc in-tơ-nét.

**Câu 4** Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích sau:

(1) Tôi đang ở đâu? (2) Ở đâu? (3) Tôi muốn biết điều đó, muốn biết điều đó dù có phải vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu!

(4) Nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã bước tới gần tôi và ra hiệu cho tôi đừng làm như vậy.

**Câu 5** Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:

*Trước mắt tôi hiện ra một thành phố chết: những toà nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn. Xa xa là những ống dẫn nước khổng lồ. Xa hơn một chút là vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào. Xa hơn nữa là những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu.*

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1:** Đoạn trích viết về cuộc tham quan đáy biển của nhân vật “tôi” và thuyền trưởng Nê-mô. Sự việc không thể xảy ra trong thực tế, ít nhất là theo hiểu biết và kinh nghiệm của con người cho đến nay. Bởi đến tận ngày nay, con người vẫn chưa thể chinh phục đáy biển sâu.

**Câu 2:** Nhân vật “tôi” đã đặt chân đến thành phố Át-lan-tích. Những chi tiết miêu tả thành phố:

- Thành phố chết

- Những toà nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn

- Những ống dẫn nước khổng lồ

- Vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào

- Những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu.

**Câu 3**: Theo huyền thoại, Át-lan-tích là một thành phố đã từng tồn tại cách đây khoảng mười nghìn năm, ở vùng lục địa Á - Âu. Thành phố vĩ đại này đã chìm xuống dưới đáy Địa Trung Hải sau một cơn động đất hoặc sóng thần. Sự tồn tại cũng như biến mất bí ẩn của thành phố huyền thoại này cho đến nay vẫn luôn thu hút sự tìm tòi và khám phá của các nhà khoa học, nhà thám hiểm trên thế giới.

**Câu 4:** Các từ ngữ giữ vai trò là phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn trong đoạn trích: từ ngữ lặp lại (ở đâu xuất hiện hai lần); từ ngữ thay thế (điều đó ở câu (3) thay thế cho ở đâu ở câu (2), làm như vậy ở câu (4) thay thế cho vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu ở câu (3)); quan hệ từ nhưng có vai trò nối hai đoạn với nhau.

Các phương tiện liên kết này bảo đảm sự kết nối về hình thức giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn trong đoạn trích. Sự liên kết đó cùng với sự mạch lạc về nội dung làm cho các câu, đoạn văn tạo thành một chỉnh thể thống nhất, thể hiện sự tò mò, háo hức muốn khám phá nơi mình đặt chân đến của nhân vật.

**Câu 5:** Nội dung chính của đoạn văn nói về một thành phố “chết” Các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: miêu tả dựa trên nguyên tắc phối cảnh từ gần đến xa, sử dụng phương tiện liên kết là các từ ngữ chỉ các cấp độ so sánh (xa xa, xa hơn một chút, xa hơn nữa). Đầu tiên là nơi gần nhất, tại vị trí mình đứng, người kể chuyện thấy những toà nhà đổ nát và những đền đài hoang tàn. Từ vị trí đó, người kể chuyện phóng tầm mắt ra xa hơn một chút và xa hơn nữa để nhìn bao quát toàn thành phố dưới đáy biển.

**PHIẾU SỐ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Đó là phi thuyền của bố bay qua thị trấn của chúng tôi, một thị trấn nhỏ nơi phi thuyền không gian sẽ không bao giờ hạ cánh, và mẹ con tôi sẽ nằm thức suốt hai tiếng đồng hồ tiếp theo, thầm nghĩ, “Giờ bố đã hạ cánh ở Spờ-rinh-phiu (Springfield), giờ bố đang ở trên đường băng, giờ bố đang kí giấy tờ, giờ bố đã lên trực thăng, giờ bố đang bay qua sông, qua đồi, giờ bố đang hạ trực thăng xuống sân bay nhỏ ở Làng Xanh...” Và khi buổi đêm đã trôi qua được gần nửa, trên hai cái giường đã lạnh dần, mẹ và tôi cứ nằm lắng nghe mãi. “Giờ thì bố đang đi xuống Beo (Bell). Lúc nào bố cũng đi bộ... không bao giờ bắt taxi... giờ bố băng qua công viên, giờ rẽ qua góc đường Oắc-ớt (Oakhurst), và giờ thì... .”*

*Tôi nhấc đầu lên khỏi gối. Xa tít dưới phố, tiến đến mỗi lúc một gần hơn, nhanh nhẹn, mau mắn, lẹ làng - là tiếng bước chân. Giờ tiếng bước chân rẽ vào nhà chúng tôi, lên hiên trước. Và chúng tôi cùng mỉm cười trong bóng tối se lạnh, mẹ và tôi, khi nghe thấy tiếng cửa trước mở khi nhận ra người nhà, phát ra một tiếng chào đón khe khẽ, rồi đóng lại dưới nhà...*

*Ba tiếng sau, tôi khe khẽ vặn nắm đấm đồng ở cửa phòng bố mẹ, nín thở, rón rén đi qua bóng tối mênh mông như khoảng cách giữa các hành tinh, tay vươn về phía cái va li nhỏ màu đen ở đuôi giường nơi bố mẹ tôi đang ngủ. Tôi chộp lấy nó và lặng lẽ chạy về phòng mình, thầm nghĩ, bố sẽ không cho mình biết, bố không muốn mình biết.*

*Và từ cái va li mở rộng, bộ đồng phục đen của bố bung ra như một tinh vân đen, trên lớp vải đây đó lấp lánh những vì sao xa xăm. Tôi mân mê lớp vải đen giữa hai bàn tay nóng hổi của mình; tôi ngửi thấy mùi kim loại của sao Hoả, mùi lá trường xuân xanh tươi của sao Kim, mùi lưu huỳnh và lửa của sao Thuỷ; và tôi ngửi thấy cả mùi của Mặt Trăng trắng sữa và những vì sao cứng rắn. Tôi nhét bộ đồng phục vào cái máy li tâm tôi đã làm trong xưởng kĩ thuật lớp Chín của tôi năm đó, rồi bật máy lên. Chẳng mấy chốc một lớp bột mịn đã rơi vào một cái bình cổ cong. Tôi đẩy nó vào dưới kính hiển vi. Và trong khi bố mẹ tôi ngủ say không biết gì, trong khi cả ngôi nhà cũng say ngủ, những lò nướng tự động, rô-bốt phục vụ và cọ rửa đã chìm vào giấc ngủ điện tử, tôi nhìn xuống những hạt bụi sáng rực của sao băng, đuôi sao chổi và đất mùn từ sao Thổ xa xôi lấp lánh như chính những hành tinh, kéo tôi qua ống kính hiển vi để bay hàng tỉ dặm vào vũ trụ, với một gia tốc kinh hồn.*

*Lúc bình minh, mệt nhoài sau chuyến hành trình của mình và sợ bị phát hiện, tôi trả bộ đồng phục đã gói gọn vào va li về phòng bố mẹ.*

*Sau đó tôi ngủ, rồi bị đánh thức bởi tiếng còi của chiếc xe giặt khô vừa đỗ lại trước sân. Họ lấy bộ đồng phục đen đem đi. Thật may là mình đã không đợi, tôi thầm nghĩ. Vì một tiếng sau bộ đồng phục sẽ được trả về, mọi đích đến và hành trình đều đã bị gột sạch khỏi nó.*

*Tôi ngủ lại, với một ống nhỏ đựng thứ bụi thần kì đó trong túi áo, bên trên chỗ tim đập.*

(Rây Bờ-rát-bơ-ri (Ray Bradbury), Phi hành gia, in trong Người mỉnh hoạ, Lê Minh Đức địch, NXB Văn học, Hà Nội, 2019, tr. 126 - 128)

**Câu 1** Nhân vật cậu bé đã chế tạo ra thiết bị gì? Thiết bị đó có công dụng như thế nào?

**Câu 2** Vì sao nhân vật “tôi” lại nói rằng mình “ngửi thấy mùi” của các hành tinh? Hãy vẽ sơ đồ theo mẫu dưới đây vào vở và điền thông tin phù hợp vào các ô trống:



**Câu 3** Hãy tưởng tượng cuộc phiêu lưu kì lạ của nhân vật “tôi” và viết đoạn văn kể lại cuộc phiêu lưu đó.

**Câu 4** Em hiểu như thế nào về cụm từ bên trên chỗ tim đập trong câu văn cuối cùng của đoạn trích trên?

**Câu 5**Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng và dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau:

*Đó là phi thuyền của bố bay qua thị trấn của chúng tôi, một thị trấn nhỏ nơi phi thuyền không gian sẽ không bao giờ hạ cánh, và mẹ con tôi sẽ nằm thức suốt hai tiếng đồng hồ tiếp theo, thầm nghĩ, “Giờ bố đã hạ cánh ở Spờ-rinh-phiu, giờ bố đang ở trên đường băng, giờ bố đang kí giấy tờ, giờ bố đã lên trực thăng, giờ bố đang bay qua sông, qua đồi, giờ bố đang hạ trực thăng xuống sân bay nhỏ ở Làng Xanh... Và khi buổi đêm đã trôi qua được gần nửa, trên hai cái giường đã lạnh dần, mẹ và tôi cứ nằm lắng nghe mãi. “Giờ thì bố đang đi xuống Beo. Lúc nào bố cũng đi bộ... không bao giờ bắt taxi... giờ bố băng qua công viên, giờ rẽ qua góc đường Oắc-ớt, và giờ thì...”*

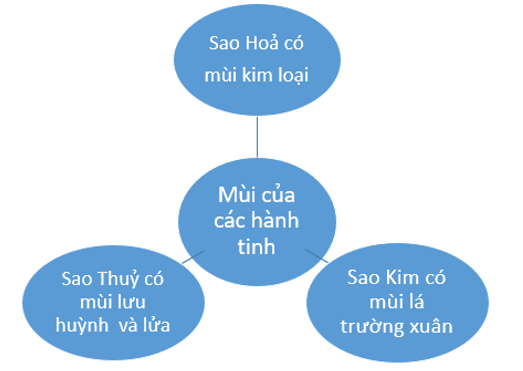
**Câu 6** Theo em, có thể sắp xếp các câu trong đoạn văn dưới đây theo một trật tự khác được không? Vì sao?

*(1) Tôi nhấc đầu lên khỏi gối. (2) Xa tít dưới phố, tiến đến mỗi lúc một gần hơn, nhanh nhẹn, mau mắn, lẹ làng - là tiếng bước chân. (3) Giờ tiếng bước chân rẽ vào nhà chúng tôi, lên hiên trước. (4) Và chúng tôi cùng mỉm cười trong bóng tối se lạnh, mẹ và tôi, khi nghe thấy tiếng cửa trước mở khi nhận ra người nhà, phát ra một tiếng chào đón khe khẽ, rồi đóng lại dưới nhà...*

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM:**

**Câu 1:** Nhân vật cậu bé đã chế tạo ra chiếc máy li tâm, có khả năng tạo ra loại bột mịn thần kì, có thể đưa cậu bé đi đến những miền không gian xa xôi, nơi có những tinh cầu huyền bí.

**Câu 2**: Nhân vật “tôi” nói rằng mình “ngửi thấy mùi” của các hành tinh vì cậu bé đang hình dung mình cũng có mặt ở những nơi mà phi thuyền của bố bay qua.



**Câu 3**: Nhờ loại bột mịn thần kì từ bộ đồng phục của người cha là phi hành gia, cậu bé đã bay qua, đặt chân đến các hành tinh xa xôi trong hệ Mặt Trời như sao Hoả, sao Kim, sao Thuỷ,... Em hãy vận dụng trí tưởng tượng của mình để hình dung những điều kì thú mà cậu bé đã khám phá ra trong chuyến du hành của mình. Ví dụ: Mặt Trăng có màu trắng sữa chứ không phải màu vàng như cậu thường nhìn thấy khi còn ở trên Trái Đất. Cái vệt sáng phát ra từ đuôi sao chổi chính là được kết lại từ hàng triệu hạt bụi. Sao Kim là hành tinh nóng nhất trong hệ Mặt Trời, tưởng như chỉ có hoang mạc khô cằn của đá và bụi; nhưng cậu lại thấy màu xanh mướt mát của cây lá, thậm chí cậu ngửi thấy cả mùi của lá trường xuân xanh;...

**Câu 4:** Trước hết, trái tim là cơ quan tối quan trọng của cơ thể con người, là biểu tượng của sự sống, của tình cảm và năng lực trực giác. “Trái tim đập” còn ẩn dụ cho trí tưởng tượng bắt nguồn từ trái tim. Hình ảnh cậu bé để chiếc ống nhỏ đựng bụi thần kì vừa đưa cậu đi du hành không gian trong túi áo, “bên trên chỗ tim đập như muốn ẩn dụ cho khao khát mãnh liệt của cậu bé muốn nối dài bất tận những phút giây kì diệu vừa trải qua. Khi bạn có một trái tim không ngừng say mê và khao khát khám phá thế giới, chính bạn sẽ làm nên điều kì diệu cho cuộc đời mình.

**Câu 5**: Công dụng của dấu chấm lửng và dấu ngoặc kép trong đoạn văn:

- Dấu ngoặc kép đánh dấu lời dẫn trực tiếp (suy nghĩ của hai mẹ con cậu bé về bố):

+ “Giờ bố đã hạ cánh ở Spờ-rinh-phiu, giờ bố đang ở trên đường băng, giờ bố đang kí giấy tờ, giờ bố đã lên trực thăng, giờ bố đang bay qua sông, qua đồi, giờ bố đang hạ trực thăng xuống sân bay nhỏ ở Làng Xanh...”

+ “Giờ thì bố đang đi xuống Beo. Lúc nào bố cũng đi bộ... không bao giờ bắt taxi... giờ bố băng qua công viên, giờ rẽ qua góc đường Oắc-ớt, và giờ thì...“

- Các dấu chấm lửng ở trong đoạn trích thể hiện lời nói bỏ dở. Phần bị bỏ dở ở dấu chấm lửng sau Làng Xanh cũng có thể coi là ý chưa liệt kê hết.

**Câu 6:** Không thể sắp xếp các câu trong đoạn văn theo một trật tự khác, bởi vì các câu đang được sắp xếp theo trật tự tuyến tính, đảm bảo tính mạch lạc và liên kết của văn bản, nhằm nêu bật chủ đề mà đoạn văn muốn nói tới: hình dung của hai mẹ con cậu bé về lộ trình (quen thuộc) trở về nhà của người cha sau khi rời phi thuyền. Lộ trình này theo hướng từ xa đến gần, từ dưới phố bước lên hiên nhà và vào nhà.

**Câu 7:** Từ câu chuyện của cậu bé trong đoạn trích ở bài tập 6, em hãy tìm hiểu về “du lịch thực tế ảo” và thảo luận với các bạn về loại hình du lịch này.

**Trả lời:**

Em có thể chuẩn bị bài nói theo gợi ý:

- Lựa chọn vấn đề: Du lịch thực tế ảo liệu có thể thay thế du lịch thực tế trong thời đại số hoá 4.0 hiện nay không?

- Đặt ra các câu hỏi và tự trả lời để tìm ý cho bài nói: Du lịch thực tế ảo là gì? Du lịch thực tế ảo hiện nay có được nhiều người quan tâm không? Tại sao họ lại chọn hình thức du lịch này? Việc trải nghiệm mô phỏng có cần giống y như thật hay không? Tương tác giữa con người với thế giới ảo sẽ đem lại cảm nhận như thế nào? Nếu chúng ta chỉ ngồi một chỗ mà có thể chu du khắp nơi trên thế giới thì liệu ngành du lịch có bị “xoá sổ” hay không?

- Sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý và viết thành đoạn.

**\* Bài nói mẫu tham khảo:**

**Du lịch thực tế ảo – Tương lai của ngành công nghiệp không khói**

Công nghệ thực tế ảo (Virtual Reality) đang dần làm thay đổi nhiều khối ngành kinh tế, trong đó có ngành công nghiệp không khói là du lịch, nhờ vào công nghệ VR, một khái niệm hoàn toàn mới đã được định hình đó là “Du lịch thực tế ảo”.

Du lịch thực tế ảo là gì?

Với sự khó tính ngày càng gia tăng của cộng đồng người du lịch, những hình ảnh, video thông thường cho đến các ấn phẩm 360 hiện đại vẫn chưa thoả mãn được nhu cầu muốn tìm hiểu và trải nghiệm chân thật nhất địa điểm tham quan mọi lúc, mọi nơi.

Du lịch thực tế ảo ra đời dựa trên nền tảng công nghệ thực tế ảo số hóa hiện đại, là một kết quả tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách trên khắp thế giới.

Bước đầu của du lịch thực tế ảo đó chính là công việc số hóa không gian thực, thông qua những thiết bị chuyên dụng, chúng ta có thể scan tất cả các không gian từ khu du lịch, bảo tàng, khách sạn, resort, điểm vui chơi giải trí,… Với độ chính xác của tất cả vật thể, môi trường thu thập được lên đến 100% so với không gian thực tế (sai số 1%).

Sau khi thực hiện bước số hóa, dữ liệu thu thập sẽ được xử lý và đưa lên môi trường 3D thực tế ảo. Người du lịch từ khắp nơi trên thế giới từ đây có thể trải nghiệm không gian được số hóa bằng thiết bị 3D sống động như kính VR, hoặc màn hình hiển thị 2D thông thường như điện thoại, máy tính, ipad,…

Du lịch thực tế ảo có gì nổi bật so với du lịch truyền thống?

Trước đây đối với ngành du lịch truyền thống, đông đảo du khách sẽ tiếp cận và tìm hiểu địa điểm du lịch thông qua các hình ảnh và video có trên Internet. Đối với cộng đồng những người thường xuyên đi du lịch, họ sẽ trở nên thông minh và khó tính hơn, họ không chỉ quan sát hình ảnh và video mà còn quan tâm đến những KOLs (người có sức ảnh hưởng), những cá nhân đi trước đã chia sẻ, review về nơi mà họ muốn đến.

Tuy nhiên, những hoạt động review cũng đang ngày một được điều hướng theo chiều tích cực. Chính vì vậy, giữa hàng sa số những địa điểm du lịch, du khách trở nên phân tâm và khó lựa chọn, họ bắt đầu xuất hiện mong muốn được trải nghiệm chân thật nhất về địa điểm tham quan trước khi chọn đến trực tiếp, hay thậm chí xuất hiện xu hướng du lịch tại nhà với chi phí rẻ hơn, tránh được những rủi ro và kỳ vọng không đạt được.

Với du lịch thực tế ảo, công nghệ ra đời đúng lúc giải quyết các nhu cầu của du khách khắp nơi trên thế giới. Nếu bạn muốn du lịch tiết kiệm tại nhà, chỉ cần đeo thiết bị VR, mang headphone cùng vài thao tác đơn giản, bạn sẽ hoàn toàn đứng tại không gian nơi mà bạn muốn đến, di chuyển từng bước, quan sát trọn vẹn xung quanh, và tương tác với các đồ vật.

Còn nếu bạn mong muốn tham khảo trước địa điểm nơi đến, chỉ cần những thiết bị thông thường như điện thoại, máy tính, ipad,… Bạn có thể quan sát được toàn bộ không gian được số hóa. Độ chân thực của công nghệ giúp bạn hoàn toàn tin tưởng vào địa điểm mà bạn sắp đến thăm quan, từ đó giúp bạn dễ dàng ra quyết định, lựa chọn đúng đắn nơi đến phù hợp với sở thích.

Cơ hội thúc đẩy ngành du lịch của các doanh nghiệp.

Du lịch thực tế ảo được cộng đồng người du lịch biết đến với nhiều ý kiến trái chiều, một số cho rằng du lịch thực tế vẫn thú vị hơn, cảm xúc hơn; một số khác lại ủng hộ việc du lịch thực tế ảo bởi sự tiện lợi, chi phí thấp hơn, và tránh được các rủi ro. Tuy nhiên, thực tế mà nói du lịch thực tế ảo xét về mặt nào cũng sẽ đem đến lợi ích cho các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành du lịch.

Đối với cộng đồng du khách đang có mong muốn du lịch tại nhà, việc số hóa không gian, địa điểm tham quan sẽ cung cấp năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong việc sớm tiếp cận những đối tượng này. Ngược lại, đối với những du khách thích được trải nghiệm trực tiếp, họ cũng sẽ thích thú khi được tiếp xúc và trải nghiệm với không gian thực tế ảo của điểm đến trước khi ra quyết định, chắc chắn không gian 3D sẽ thu hút họ hơn so với hình ảnh, video thông thường.

Như vậy, có thể nói du lịch thực tế ảo là một trong các giải pháp quảng hình ảnh du lịch, một cơ hội thúc đẩy ngành du lịch, hay thậm chí trong tương lai có thể là một xu hướng của ngành công nghiệp không khói này. Do đó, mặc dù vẫn có những thử thách nhất định, nhưng việc tiên phong sử dụng công nghệ mới này có thể đem đến những triển vọng bất ngờ cho các đơn vị kinh doanh du lịch.

* **IV. LUYỆN ĐỀ LÀM VĂN**
* 

**ĐỀ SỐ 1**

**Từ hiểu biết của bản thân hãy viết đoạn văn giới thiệu một vài thông tin cơ bản về người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ.**

**\*GỢI Ý:**

- Yuri Gagarin sinh ngày 9/3/1934 trong một gia đình thợ mộc bình dị ở Smolensk.

- Năm 16 tuổi, ông chuyển tới thủ đô Moscow và sau đó nhập học một trường kỹ thuật ở Saratov. Gagarin đã mơ ước về bầu trời từ thời niên thiếu.

- Tuổi 21, Gagarin được cử tới trường đào tạo Phi công Không quân Thứ nhất Chkalov ở Orenburg và tốt nghiệp với thành tích xuất sắc sau 2 năm.

- Tháng 11/1957, ông chính thức trở thành phi công quân sự với hàm Trung úy Không quân Liên Xô. Cùng thời điểm đó, Liên Xô đã phóng vệ tinh nhân tạo đưa chú chó Laica lên không gian.

- Đến đầu những năm 1960, ông đăng kí tham gia chương trình bí mật lựa chọn phi hành gia cho chuyến bay lên vũ trụ và trở thành một trong nhóm 20 ứng cử viên sáng giá nhất.

- Ngày 8/4/1961, thiếu tá phi công Gagarin chính thức được lựa chọn trở thành người đầu tiên bay vào không gian.  
 **ĐỀ SỐ 2**

**Hãy tưởng tượng em sở hữu phát minh “bước nhảy không gian”. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể về không gian em định tới (không gian vũ trụ, Tâm Trái Đất hoặc các hành tinh khác)**

**Đoạn văn tham khảo**

   Những phát minh khoa học luôn giàu ý nghĩa với sự phát triển của nhân loại, với sự đam mê khám phá, tôi đã sở hữu cho mình phát minh “bước nhảy không gian”. Sau một lúc lênh đênh, lúc lên, lúc xuống, choáng váng đầu óc thì hiện lên trước mắt tôi chính là mặt trăng - một hành tinh mà con người luôn khao khát khám phá để tìm ra sự sống. Nơi đây không khí khá là loãng, ban đầu mới đặt chân đến tôi có cảm giác như mình không thở được. Trước mắt tôi như một sa mạc nhiều hố sâu, một màu vàng nhạt hiện lên thu hút tầm nhìn của tôi. Tôi có cảm giác như một sinh vật nào đó đang tồn tại và phát triển nhưng lại không thể nhìn ra. Tôi sẽ tiếp tục cuộc hành trình khám phá của mình để phát minh “bước nhảy không gian” không phải vô ích.

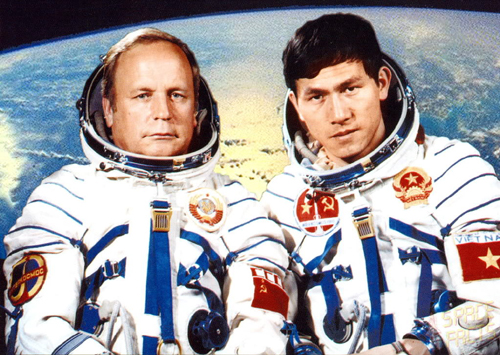
**ĐỀ SỐ 3**

**Chia sẻ hiểu biết của em về chuyến bay đầu tiên vào vũ trụ của Phạm Tuân**

**Tư liệu tham khảo**

Cách đây 42 năm, ngày 23/7/1980, nhà du hành vũ trụ Việt Nam Phạm Tuân và nhà du hành vũ trụ Liên Xô Vichtor Vaxilievich Gorbatco đã thực hiện thành công chuyến bay vào vũ trụ trên tàu Liên hợp 37. Chuyến bay trở thành sự kiện lịch sử trong đời sống nhân dân hai nước, ghi một mốc son mới vào sự phát triển tình hữu nghị truyền thống và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô trước đây, cũng như đối với Liên bang Nga ngày nay.

Chuyến bay lịch sử bắt đầu từ 21h33 ngày 23/7/1980 (theo giờ Moskva) từ sân bay vũ trụ quốc tế Baikonur, Liên Xô, và trở về Trái đất lúc 18h15 ngày 31/7/1980.



Nhà du hành Vichtor Vaxilievich Gorbatco và Phạm Tuân.

Chiếc tàu vũ trụ Liên hợp 37 (Soyuz 37) đã đưa nhà du hành vũ trụ của Việt Nam Phạm Tuân cùng với nhà du hành vũ trụ Xôviết Gorbatco vào quỹ đạo. Tàu Liên hợp 37 khi được phóng lên quỹ đạo, có nhiệm vụ ghép nối với tổ hợp Chào mừng 6 - Liên hợp 36 (Salyut 6-Soyuz 36). Ở đây, họ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cùng với hai nhà du hành vũ trụ khác của Liên Xô là L.Popov và V.Riumin.

Trong 8 ngày bay ngoài vũ trụ, hai nhà du hành vũ trụ Phạm Tuân và Gorbatco đã thực hiện tổng cộng 142 vòng quanh quỹ đạo Trái đất. Hai nhà du hành vũ trụ đã tiến hành 30 cuộc thí nghiệm viễn thám hàng không, đo và xây dựng bản đồ độ ẩm đất vùng sông Hồng, chuẩn bị xây dựng Trạm mặt đất Hoa Sen phục vụ thông tin liên lạc qua hệ Intersputnik. Trong tình trạng không trọng lượng, hai nhà du hành vũ trụ cũng đã tiến hành các thí nghiệm về hòa tan các mẫu khoáng chất, các thí nghiệm cây trồng trên bèo hoa dâu… Ngoài ra, nhà du hành vũ trụ Phạm Tuân còn tiến hành chụp ảnh Việt Nam từ quỹ đạo Trái đất.

Sau những ngày làm việc khẩn trương và hoàn thành các nhiệm vụ được giao trên tổ hợp quỹ đạo Chào mừng 6 - Liên hợp 36 - Liên hợp 37, hai nhà du hành vũ trụ Phạm Tuân và Gorbatco chuyển sang tàu Liên hợp 36 để trở về Trái đất. Khoang đổ bộ của tàu Liên hợp 36 đã hạ cánh chính xác xuống khu vực đã được định trước cách không xa sân bay vũ trụ Baikonur.

Chuyến bay vũ trụ quốc tế có sự tham gia của nhà du hành vũ trụ đầu tiên của Việt Nam, chuyến bay thắm tình hữu nghị Việt Nam-Liên Xô, đã kết thúc thắng lợi.

Có thể nói, đối với người Việt Nam, chuyến bay này là một sự kiện lịch sử mang nhiều ý nghĩa chính trị, khoa học, kinh tế quan trọng. Chuyến bay đã chứng minh trí tuệ Việt Nam có thể vươn dần lên với trình độ chung của khoa học thế giới. Nếu như trước đó, người Việt Nam còn là những người nô lệ mù chữ thì bằng ý chí quật cường, người Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ-đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, xóa bỏ ách áp bức bóc lột trong xã hội, làm chủ đất nước và vận mệnh của mình. Thành công của chuyến bay đã tỏ rõ những khả năng to lớn của con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên nhân dân Việt Nam đã làm chủ đất nước và cuộc sống, và còn vươn tới một thời kỳ phát triển rực rỡ hơn nữa trong lịch sử của mình.

  Với thành tích này, năm 1980 nhà du hành vũ trụ Phạm Tuân đã được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động Việt Nam, Huân chương Hồ Chí Minh. Cùng năm đó, ông cũng vinh dự trở thành một trong những người nước ngoài đầu tiên được trao tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô, Huân chương Lê-nin. Ông là người Việt Nam duy nhất 3 lần được trao tặng danh hiệu Anh hùng (Anh hùng lực Lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động của Việt Nam, Anh hùng Liên Xô).

|  |
| --- |
| https://cdnmedia.baotintuc.vn/2014/07/23/10/43/pham-tuan3.jpg  *Nhà du hành vũ trụ Phạm Tuân ký tên vào khoang hạ cánh của tàu Liên hợp 37 sau khi trở về Trái đất. Ảnh: Quang Thành-TTXVN* |

Chuyến bay hữu nghị của hai phi công vũ trụ Gorbatco và Phạm Tuân còn là một biểu tượng tuyệt đẹp của tình hữu nghị Việt-Xô, là một sự kiện có tầm vóc lịch sử. Chuyến bay là biểu tượng cao đẹp của tình đoàn kết anh em, gắn bó giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam, Liên Xô. Nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô, Việt Nam đã trở thành nước châu Á đầu tiên chinh phục khoảng không vũ trụ. Nếu chuyến bay của Phạm Tuân là một dấu mốc quan trọng trong việc đưa người Việt Nam lên vũ trụ, thì sự kiện phóng thành công lên quĩ đạo Vinasat 1 vào ngày 19/4/2008 và Vinasat 2 vào ngày 16/5/2012 đã mở ra cho Việt Nam một giai đoạn mới trong hợp tác chinh phục không gian.

(Theo *Trung tâm Thông tin Tư liệu/TTXV*)

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thành các bài tập;
* Chuẩn bị Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**Rút kinh nghiệm**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI..**

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực :VIẾT**

- Học sinh biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.

- Biết viết tóm tắt một văn bản theo yêu cầu về độ dài khác nhau, đảm bảo được nội dung chính của văn bản

**-** Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra cách viết bài một cách sáng tạo để đạt hiệu quả tốt nhất.

**2. Phẩm chất**

**- Chăm chỉ:** Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, thu thập các kiến thức, câu chuyện liện quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**- Yêu nước**: Yêu mến, tự hào về các nhân vật lịch sử, tự hào truyền thống ông cha

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, giấy A0, bút màu

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo, hình ảnh minh, bài viết liên quan.

**-** Tài liệu kể chuyện lịch sử

- Tư liệu truyện kể lịch sử

- Phiếu học tập, Rubric.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** Dùng kĩ thuật viết tích cực trả lời câu hỏi cho nhiệm vụ “Thử tài hiểu biết”?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **TRÒ CHƠI: Bông hoa tri thức**  Cách tổ chức: Tạo cây hoa có 10 bông hoa, mỗi cây là một câu hỏi liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  GV chọn 1 HS quản trò có nhiệm vụ gọi HS bất kì tham gia trả lời câu hỏi. Khi người chơi trả lời xong thì được quyền chỉ định người tiếp theo trả lời.  1.  *Ai người ra trận cưỡi voi*  *Đánh tan Tô Định lên ngôi vua bà?”*  *( Câu đố)*  Đáp án: Hai Bà Trưng  2.  *Người là Cha, là Bác, Là Anh*  *Quả tim lớn, lọc trăm dòng màu nhỏ*”  ( Tố Hữu)  Đáp án : Bác Hồ  3.Người được phong là “ Trạng nguyên lưỡng quốc”  Mạc Đĩnh Chi  4.Anh là người dù trúng đạn bom thù vẫn hô vang khẩu hiệu:  “ Nhằm thẳng quân thù mà bắn”  Nguyễn Viết Xuân  5. Người anh hùng trong kháng chiến chống Pháp đã lấy thân mình chèn pháo?  Đáp án: Tô Vĩnh Diện  6. Chị là “ Người con gái Việt Nam” mà Tố Hữu ngợi ca:  Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?  Em có tuổi? Hay em không có tuổi?  Đáp án:Trần Thị Lý  7. Người anh hùng đã giương cao ngọn cờ “ Phá cường địch báo hoàng ân” trong kháng chiến chống quân Mông Nguyên ở thế kỉ 13  Đáp án: Trần Quốc Toản  8. Câu thơ “Chín năm làm một Điện Biên/ Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng”( Tố Hữu) muốn nhắc đến chiến công vĩ đại nào của dân tộc ta?  Đáp án: Chiến thắng Điện Biên Phủ- 1954  9. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 diễn ra sự kiện trọng đại nào của dân tộc Việt Nam mà “Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình”( Tố Hữu)  Đáp án: Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Học sinh tham gia trò chơi  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trả lời cá nhân theo nội dung câu hỏi của bông hoa tri thức mình lựa chọn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  -HS đánh giá phần trả lời của bạn theo đáp án giáo viên cung cấp  - GV đánh giá kết luận nhiệm vụ bài học: Viết bài về sự kiện hoặc các nhân vật lịch sử mà mình yêu thích | |

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN LUYỆN, THỰC HÀNH**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu định hướng**

**a. Mục tiêu cần đạt**

Học sinh biết định hướng cho bài viết

Viết bài văn kể lại sự việc có tht liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịchsử

**b. Nội dung :** HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1: Định hướng kiến thức về kiểu bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS trả lời cá nhân các câu hỏi định hướng về kiểu bài:  + Thế nào là sự việc có thật.  + Theo em, nhân vật hoặc sự kiện lịch sử là gì?  + Ai là người kể sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  + Muốn viết bài văn theo yêu cầu thì em cần làm gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** HS đánh giá phần trả lời của bạn  + Sự việc có thật  + Nhân vật và sự kiện trong lịch sử đấu tranh và trong các lĩnh vực khác.  + Người kể: người chứng kiến hoặc sưu tầm nghiên cứu và kể lại  Giáo viên chuẩn xác và lưu ý thêm tên những anh hùng dân tộc, các tấm gương**...**  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu ví dụ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Để làm bài em cần thực hiện theo bước nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ tìm câu trả lời  + GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trả lời câu hỏi , HS khác bổ sung ý kiến  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  + HS tự đánh giá và đánh giá phần trả lời của bạn trên cơ sở đáp án của GV  **+** GV nhận xét, đánh giá. | **1. Định hướng**  **a. Kiến thức về kiểu bài**  - Sự việc có thật: Là sự việc đã xảy ra trong đời thực, không hư cấu tưởng tượng, được nhiều người biết hoặc chứng kiến, có sử sách ghi lại....  - Nhân vật hoặc sự kiện lịch sử: Nhân vật hoặc sự kiện có trong lịch sử đấu tranh giữ nước mà còn là những con người hoặc sự kiện trong các lĩnh vực lao động, văn hóa, khoa học như các nhà bác học, các nhà phát minh, sáng chế, những nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ,các vận động viên nổi tiếng…  - Người kể: những câu chuyện liên quan đến sự kiện hoặc nhân vật lịch sử thường được kể lại bởi người chứng kiến hoặc được sưu tầm nghiên cứu và thể hiện lại qua sách, báo, phim ảnh.  - Yêu cầu sưu tầm: Đọc sách báo, sưu tầm một số câu chuyện về lịch sử:  + Câu chuyện về những anh hùng dân tộc: Lí Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi...  + Tấm gương về lòng yêu nước dũng cảm trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm: Trần Quốc Toản, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn,Võ Thị Sáu…  + Chuyện về cuộc đời hoạt động cách mạng và sinh hoạt đời thường của Chủ tịch Hồ CHí Minh, các chiến sĩ cách mạng hoặc các nhà hoat động xã hội nổi tiếng.  - Những hoạt động khoa học, sáng tạo trong nhiều lĩnh vực cuộc sống: Lương Định Của, Tôn Thất Tùng…  .  **b. Các bước làm bài:**  + Xác định sự việc  + Xác định nhân vật và sự việc liên quan.  +Nguồn thông tin: Nghe kể hay đọc từ sách báo.  + Xác định ngôi kể, nhân vật, sự việc chính...  + Lập dàn ý cho bài viết  + Sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả trong khi kể. |

**Hoạt động 2.2. THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu**:

- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.

- Biết viết tóm tắt một văn bản theo yêu cầu về độ dài khác nhau, đảm bảo được nội dung chính của văn bản

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản pẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1: Thực hành đề số 2 SGK/35**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên chiếu đề bài số 2 dựa vào văn bản ở mục “Định hướng” em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao, viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “Tiến quân ca” và yêu cầu học sinh thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý cho đề bài theo kĩ thuật công đoạn, làm việc cá nhân và thảo luận theo nhóm.  + Nêu nhiệm vụ cần chuẩn bị.  +Thảo luận theo nhóm học tập các câu hỏi tìm ý, lập dàn ý.  +Viết cá nhân theo dàn ý thống nhất.  + Chỉnh sửa bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân nội dung yêu cầu 1,3,4.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ góp ý  - Thảo luận theo nhóm yêu cầu 2 yêu cầu chuẩn bị theo kĩ thuật công đoạn.  - Thảo luận theo nhóm học tập nội dung trả lời câu hỏi tìm ý, lập dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  Học sinh 1: Học sinh báo cáo cá nhân kết qủa thực hiện nhiệm vụ của bước chuẩn bị.  ? Với đề bài trên em cần chuẩn bị những gì  ? Nêu kết quả sự chuẩn bị của em?   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | 1. Ai là người kể chuyện? |  | | 2. Câu chuyện xảy ra ở đâu khi nào? |  | | 3. Trong câu chuyện có những nhân vật nào? |  | | 4. Những sự kiện nào liên quan đến sự ra đời của bài hát “ Tiến quân ca”? |  | | 5. Người kể có suy nghĩ gì về sự kiện của bài hát “ Tiến quân ca” ra đời? |  |   Đại diện các nhóm trả lời về kết quả trả lời câu hỏi tìm ý.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  -HS báo báo kết quả thực hiện nhiệm vụ  - Giáo viên góp ý  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  -HS đánh giá bạn và bản thân trên cơ sở đáp án của GV  **Hướng dẫn HS viết bước lập dàn ý**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Học sinh làm việc cá nhân việc chuẩn bị dàn ý ? Nêu dàn ý chung của bài kể chuyện? Dựa vào văn bản hãy lập dàn ý chi bài viết theo lời kể của Văn Cao?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh đọc văn bản, chuẩn bị dàn ý bài kể theo lời của Văn Cao.  + GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +HS trả lời câu hỏi , HS khác bổ sung ý kiến.  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **HS đánh giá kết quả bài làm của bạn**  **GV bổ sung thêm:**  **Hướng dẫn viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Căn cứ dàn ý đã lập viết đoạn văn hoàn chỉnh cho:  + Phần mở bài.  + Phần tâm trạng của tôi trước khi viết.  + Đoạn văn kết bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh viết bài.  + GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày đoạn văn đã viết  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  HS đánh giá kết quả bài làm của bạn .  GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh**.** | **II. THỰC HÀNH**  **ĐỀ 1: Dựa vào văn bản ở mục “Định hướng”, em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao. Viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “ Tiến quân ca”.**  **1. Chuẩn bị**  - Cách viết bài văn kể chuyện:  + Các yếu tố thời gian, địa điểm, nhân vật, sự việc, tình tiết, cốt truyện và ngôi kể.  - Đọc lại văn bản “Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác *Tiến quân ca”.*  + Xác định ngôi kể, trình tự kể, ghi chép lại các chi tiết, sự việc, lời nói của các nhân vật cần chú ý từ văn bản đã đọc.  **2. Tìm ý:**  - Người kể:Văn Cao- xưng tôi  **-** Câu chuyện xảy ra:Căn gác nhỏ ở Phố Nguyễn Thượng Hiền- Hà Nội.  - Sự việc : Sự ra đời của bài hát "Tiến quân ca”  - Câu chuyện có các nhân vật:  + Ph D: Người chứng kiến sự ra đời của bài hát.  + Vũ Quý: Người đầu tiên được biết đến bài hát  + Nguyễn Đình Thi: người đầu tiên xướng âm ca khúc.  - Những sự kiện liên quan đến sự ra đời của bài hát:  + Cuộc mít tinh của công chức Hà Nội ngày 17 tháng 8 năm 1945.  + Mít tinh ngày 18 tháng 8 năm 1945.  -Người kể đã suy nghĩ về sự kiện:  + "Bài tiến quân ca đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vang lên theo những đoạn sôi nổi.  + Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.  **3: Lập dàn ý**  **a.Mở bài:** Dẫn dắt nêu lí do kể  + “Tiến quân ca” chính là quốc ca của nước Việt Nam ta- là hồn thiêng sông núi ai cũng biết.  + Bài hát được ra đời như thế nào không phải ai cũng rõ.  + Tôi Văn Cao - tác giả bài hát xin kể cho mọi người nghe quá trình ra đời của bài hát.  **b. Thân bài**”: Dựa vào câu chuyện nhạc sĩ Văn Cao sáng tác “Tiến quân ca”, lần lượt kể lại quá trình sáng tác bài hát theo trình tự nhất định:  **- Tôi trước khi tôi sáng tác:**  + Có lúc tôi tưởng mình không còn những ước mơ, khát vọng của tuổi thanh niên, cuộc sống của tôi.  + Tôi “muốn từ bỏ tất cả hội họa, thơ ca, âm nhạc” nhưng nhờ sự xuất hiện của người bạn thân Ph.D bất ngờ nên cuộc đời của tôi bước sang ngã rẽ khác.  + Nhờ bạn thân tôi gặp được Vũ Quý, một người anh từ lâu theo dõi con đường hoạt động nghệ thuật của tôi, sau buổi nói chuyện tôi đã tìm thấy con đường đi mới cho mình - con đường cách mạng.  + Tôi háo hức muốn được nhận một khẩu súng và được tham gia vào đội vũ trang, nhưng lại được giao nhiệm vụ là sáng tác nghệ thuật - chuẩn bị một bài hát cổ vũ tinh thần cho quân đội cách mạng khi khóa quân chính kháng Nhật sắp mở.  **-Tôi khi viết bài “Tiến quân ca”:**  + Dù chưa từng cầm khẩu súng, chưa tham gia đội vũ trang nào, chưa biết chiến khu... nhưng với tất cả lòng nhiệt huyệt của một chàng trai trẻ yêu nước, trên căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội, tôi đã thấy mình như đang sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc” và tôi đã viết nên giai điệu ca từ của “Tiến quân ca”  **Tôi sau khi bài hát “Tiến quân ca ra đời, được công bố, chào đón:**  + Tôi không ngờ rằng chỉ một thời gian ngắn sau lần đầu tiên, vào ngày 17 tháng 8 nắm 1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội, bài hát “Tiến quân ca” đã được hàng ngàn người hòa nhịp, cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát lớn.  + Tôi thấy bài *Tiến quân ca* đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vâng lên theo những đoạn sôi nổi.  + Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.  **b. Kết bài**: Phát biểu suy nghĩ của người kể lại câu chuyện  + Bài “Tiến quân ca” ra đời như thế đó, tôi không nhớ mình đã sáng tác bài hát này trong bao lâu và bằng nhạc cụ nào nhưng tôi nhớ rõ người đầu tiên được nghe là nhạc sĩ Phạm Duy và ông cũng nhớ rõ nụ cười của ông Vũ Quý: “Da mặt anh đen xạm. Đôi mắt và nụ cười của anh lấp lánh”. Sau đó bài hát được chọn làm quốc ca của Việt Nam cho đến ngày nay.  + Bài hát là niềm tự hào không chỉ của riêng tôi mà của cả dân tộc.    **C. Viết bài**  **1. Viết đoạn mở bài**  Trong cuộc đời mỗi người đều có những kỉ niệm trở thành những câu chuyện đáng nhớ để lại trong ta những ấn tượng khó quên. Với tôi cũng vậy cho đến bây giờ tôi vẫn không quên về câu chuyện sáng tác “Tiến quân ca” của mình.  **2.Viết 1 số đoạn thân bài.**  \* Đoạn kể về tôi trước khi sáng tác bài hát.  \* Đoạn văn kể về tôi sau khi bài hát ra đời và được đón nhận.  **3. Viết đoạn kết bài**  Bài “Tiến quân ca” ra đời như thế đó, tôi không nhớ mình đã sáng tác bài hát này trong bao lâu và bằng nhạc cụ nào nhưng tôi nhớ rõ người đầu tiên được nghe là nhạc sĩ Phạm Duy và ông cũng nhớ rõ nụ cười của ông Vũ Quý: “Da mặt anh đen xạm. Đôi mắt và nụ cười của anh lấp lánh”. Sau đó bài hát được chọn làm quốc ca của Việt Nam cho đến ngày nay. Bài hát là niềm tự hào không chỉ của riêng tôi mà của cả dân tộc. |

**Hoạt động 3. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng để viết bài kể chuyện liên quan tới nhân vật, sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu nhân vật, sự kiện lịch sử theo trò chơi “ Ong tìm chữ” từ đó chọn nội dung kể.  
**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài viết của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động**

**Bài 1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ 1 HS trả lời.

+ HS khác nghe,bổ sung ý kiến.

+ Một học sinh làm thư kí.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS nghe bài thơ, bài hát, quan sát hình ảnh và trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- HS nhận xét đánh giá bạn.

- Giáo viên nhận xét đánh giá .

Từ hình ảnh và lời hát các em đã tìm ra tên của những vị anh hùng - những người con ưu tú của đất nước đã làm nên những trang sử vàng cho dân tộc. Vậy các em hãy kể về một sự kiện, một câu chuyện liên quan đến các nhân vật lịch sử mà em yêu thích.

**Bài 2:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Thực hiện báo cáo vào buổi học sau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**: Đánh giá vào buổi học sau theo tiêu chí.

**Rubrics định tính đánh giá bài viết văn tự sự của HS với các mức độ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5**  **( Xuất sắc)** | **Mức 4**  **( Giỏi)** | **Mức 3**  **( Khá)** | **Mức 2**  **( Trung bình)** | **Mức 1**  **( Yếu)** |
| **Chọn được chuyện để kể** | Lựa chọn được câu chuyện sâu sắc | Lựa chọn được câu chuyện có ý nghĩa. | Lựa chọn được câu chuyện để kể | Lựa chọn được câu chuyện để kể nhưng chưa rõ ràng | Chưa có “chuyện” để kể |
| **Nội dung câu chuyện** | Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn, các sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục | Nội dung câu chuyện phong phú; các sự kiện, chi tiết rõ ràng. | Nội dung câu chuyện tương đối đầy đủ; các sự kiện, chi tiết khá rõ ràng | Nội dung câu chuyện còn sơ sài; các sự kiện chi tiết chưa rõ ràng hay vụn vặt. | Chưa rõ nội dung câu chuyện, kêt tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể. |
| **Tính liên kết của câu chuyện** | Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục. | Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic. | Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. | Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt. | Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng |
| **Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể** | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể các từ ngữ phong phú, phù hợp. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng. | Chưa thể hiện được cảm xúc trước sự việc được kể. |
| **Thống nhất về ngôi kể** | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, hầu như nhất quán trong toàn bộ câu chuyện (có thể nhầm lẫn 1 chỗ về việc dùng từ xưng hô). | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để kể chuyện |
| **Diễn đạt** | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ. | Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng. | Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt. |
| **Trình bày** | Trình bày rõ bố cục của bài văn; sạch đẹp, không gạch xoá. | Trình bày rõ bố cục của bài văn; rõ ràng, không gạch xoá. | Trình bày bố cục của bài văn; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xóa. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; chữ viết khó đọc, có một vài chỗ gạch xóa. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa. |
| **Sáng tạo** | Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo, mới lạ. | Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. |

**IV. PHỤ LỤC**

**BÀI THAM KHẢO 1:** T**ình yêu Bác Hồ dành cho những khúc dân ca**

(Kể theo lời của nghệ sĩ ưu tú” Phạm Quỳnh Hoa “Bác Hồ - Con người và phong cách, NXB trẻ 2005)

**1.Mở bài**

“Chuyện kể rằng trước lúc người đi xa, Bác muốn nghe một câu hò xứ Nghệ. Nhưng không gian bốn bề lặng lẽ, Bác đành nằm im”. Lời hát ấy luôn làm lòng em xúc động khi nghĩ về Bác kính yêu. Và hôm nay em xin kể cho mọi người cùng nghe câu chuyện xúc động ấy.

* **2.Thân bài:**
* Lời hát kể chuyện Bác Hồ trước lúc đi xa gợi lên từ câu chuyện thực, câu chuyện ấy như sau:

Buổi sáng ngày 2 tháng 9 năm 1969 là buổi sáng cuối cùng trong cuộc đời 79 mùa xuân của Bác. Bởi sau 9 giờ sáng hôm ấy, Người ra đi vào cõi vĩnh hằng để lại cho nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới một niềm đau thương mất mát không thể nào diễn tả nổi bằng mọi ngôn từ.

Không gian của câu chuyện cũng chỉ thu nhỏ trong căn nhà A67. Căn phòng này cách ngôi nhà sàn của Bác chỉ vài bước chân.Trước đó theo lời đề nghị của bác sĩ, để tiện cho việc theo dõi, chăm sóc sức khỏe của Người, ngày 18-8-1969, các đồng chí trong Bộ Chính trị và những đồng chí trực tiếp chăm sóc Bác đã chuyển Bác xuống căn phòng này.

Sau gần 20 ngày chống chọi với bệnh tật, Bác đã yếu lắm. Nhưng hễ tỉnh lại là ngay tập tức, Người hỏi thăm tình hình chiến đấu ở miền Nam, tình hình lũ lụt ở miền Bắc, Người còn dặn các đồng chí trong Bộ Chính trị phải làm sao tổ chức ngày lễ Quốc Khánh thật long trọng để nhân dân vui, phải bắn pháo hoa cho nhân dân phấn khởi Trong những giây phút cuối cùng đứng giữa ranh giới mong manh của sự sống và cái chết, dối diện với quy luật nghiệt ngã của sự tồn vong, Bác vẫn luôn nghĩ cho đồng bào, cho đất nước mà “ nâng niu tất cả chỉ quên mình”. Nằm trên giường bệnh, sáng 2-9, lúc này Người đã rất mệt, mong muốn cuối cùng của Người là được gặp và thăm đồng bào miền Nam không thực hiện được, hơi thở của người mỗi lúc một yếu dần. Các đồng chí trong Bộ chính trị và các bác sĩ không ai nỡ rời xa Người dù chỉ là một phút…Lần đầu tiên tỉnh lại sau cơn đau, Người nhìn xung quanh rồi hỏi:

-Trong các chú có ai biết hò Huế không?

Mọi người lúng túng nhìn nhau, quả là một tình huống không ai chuẩn bị trước. Thường ngày, Người vẫn thường nói: “Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi:, thêm vào đó Huế vốn là mảnh đất gắn bó cùng Người suốt một thời gian dài tuổi thơ. Giờ đây, trong những giấy phút cuối cùng, có lẽ Người mong muốn mang hình ảnh miền Nam yêu thương, hình ảnh núi Ngự, Sông Hương với những kỉ niệm buồn đau theo mình vào cõi vĩnh hằng bất tử. Nỗi niềm ấy của Người dường như ai cũng thấu hiểu, nhưng tìm đâu nghệ sĩ hò Huế lúc này thật khó.

Lần thứ hai tỉnh lại, Người lại hỏi. Lúc này giọng người đã yếu hơn nhiều:

-Trong các chú, ai có thể hát cho bác nghe một làn diệu ví dặm Nghệ Tĩnh được không?

Thêm một lần nữa sự im lặng và bối rối bao trùm căn phòng. Câu ví dặm, câu hát dân ca xứ Nghệ đã bao bọc và nuôi dưỡng tâm hồn Người từ thuở lọt lòng. Người lớn lên và đi ra thế giới từ chiếc nôi văn hóa quê hương mặn mòi tình nghĩa ấy. Trước giây phút sắp biệt li. Người khao khát được nghe, được sống trong hơi ấm quê hương.

Lần thứ ba tỉnh lại, Người ngỏ ý muốn nghe một khúc dân ca quan họ Bắc Ninh, lần này thật may mắn khi có cô y tá bé nhỏ Ngô Thị Oanh tiến lại gần Bác: “Thưa Bác, cháu xin hát cho Bác nghe ạ”. Với chất giọng trong trẻo của người con gái Vĩnh Phúc, chị cất lời hát “Người ở đừng về”… Căn phòng nhỏ chìm trong tiếng hát. Tiếng hát hay tiếng lòng !Không ai phân biệt được. Chỉ biết rằng lời quan họ sâu lắng, thiết tha quá “ *Người ơi, người ở đừng về*”Mà “người ơi, người ở đừng về” đã nói hộ lòng người. Cô y tá càng hát, càng nghẹn ngào, những người xung quanh không ai cầm được nước mắt 9h 47 phút ngày 2 tháng 9 năm 1969, trái tim vĩ đại của Bác Hồ đã ngừng đập, để lại muôn vàn tình thương yêu cho đồng bào cả nước. Sinh ra và lớn lên trong câu hát dân ca, từ điệu ví dặm ầu ơ ngọt ngào đằm thắm của mẹ, cuối cùng người thanh thản nhẹ nhàng bước vào cuộc trường sinh bằng âm hưởng tiếng hát dân ca.

Sau này, trong một bài báo tôi còn được biết, chị Ngô Thị Oanh, cô y tá Viện Quân y 108, người hát khúc hát dân ca “Người ở đừng về” vào những giây phút cuối cùng của cuộc đời Bác kể lại: Sau khi chị hát xong, Bác Hồ nhìn chị, Chị cảm giác như Bác đang mỉm cười Người còn bảo lấy bông hoa hồng bạch trên bàn mang tặng chị. Cử chỉ nhỏ mà y nghĩa thật to lớn. Cho đến phút cuối đời, quên cả nỗi đau đang vò xé.Người vẫn dành chọn niềm yêu thương, sự quan tâm đặc biệt cho mỗi người, đặc biệt là phụ nữ. Và bông hoa hồng nhỏ bé ấy chị đã ép khô để luôn giữ và xem đó là vật kỉ niệm thiêng liêng theo chị suốt cả cuộc đời:

Giấu mình đi chị chẳng phiền ai cả

Dép một đôi, áo quần vài bộ

Chỉ có trái tim bao la là tất cả gia tài.

Câu chuyện giản dị mà sâu sắc như biết bao câu chuyện kể về Người. Từ những tình tiết của câu chuyện ta nhận thấy ở Người một tình yêu lớn - bao la và đặc biệt. Người không chỉ yêu cuộc sống, yêu con người, không những chẳng làm đau một chiếc lá trên cành, thích sống hòa đồng với thiên nhiên, cỏ cây hoa lá mà Người còn yêu biết mấy những khúc hát dân ca Người thèm nghe một câu ò Huế, một làn điệu ví dặm hay một khúc quan họ đâu phải chỉ là nghe hát mà chính là để mang cả hình ảnh quê hương xứ sở, hình ảnh miền Nam yêu thương vào cuộc trường sinh.Cả cuộc đời, Người sống cho nhân dân, cho dân tộc, không gợn chút riêng tư, hành trang mà Người mang theo về thế giới người hiền chỉ là ước nguyện bình dị: Mang theo âm hưởng câu hát dân ca vào cõi bất tử. Người đã để lại cho chúng ta bài học sâu sắc, thấm thía rằng, muốn yêu tổ quốc mình càng yêu tha thiết các khúc hát dân ca.Bởi khúc dân ca là linh hồn, là nơi lắng đọng tình yêu, tinh hoa, bản sắc văn hóa dân tộc. Nó là nguồn sữa tinh thần bồi đắp và nuôi dưỡng tâm hồn con người. Trước lúc đi xa, Người muốn thế hệ sau hãy yêu những câu hát dân ca, hãy trân trọng và giữ gìn nền văn hóa dân tộc.

**3. Kết luận:**

Và thế đó Bác đã thanh thản ra đi trong niềm hạnh phúc vì được nghe tiếng hát quê hương. Và câu hát quê hương theo người về đất mẹ. Đã để lại trong lòng chúng ta niềm xúc động nghẹn ngào về người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc.

**Ngữ liệu tham khảo 2: Câu chuyện: Nhà bác học và bà cụ.**

**1. Mở bài**

* Khoa học luôn hướng về con người, các ý tưởng khoa học đều bắt nguồn từ cuộc sống đó là câu chuyện tôi muốn gửi đến cácbạn.

**2. Thân bài**

Ê- đi- xơn là một nhà Bác học nổi tiền người Mĩ. Khi ông chế ra đèn điện người từ khắp nơi ùn ùn kéo đến xem. Có một bà cụ phải đi bộ 12 cây số. Đến nơi, cụ mỏi quá, ngồi xuống vệ đường bóp chân, đấm lưng thùm thụp.

Lúc ấy, Ê- đi- xơn chợt đi qua. Ông dừng lại hỏi chuyện. Bà cụ nói:

- Già đã phải đi bộ gần ba giờ đồng hồ để được nhìn tận mắt cái đèn điện. Giá ông Ê- đi- xơn làm được cái xe chở người già đi nơi này, nơi khác có phải may mắn hơn cho già không?

-Thưa cụ, tôi tưởng vẫn có xe ngựa chở khách chứ?

- Đi xe ấy thì ốm mất. Già chỉ muốn có một thứ xe không cần ngựa kéo mà lại thật êm.

Nghe bà cụ nói vậy, bỗng một ý nghĩa lóe lên trong đầu Ê-đo-xơn. Ông reo lên:

- Cụ ơi! Tôi là Ê đi xơn đây. Nhờ cụ mà tôi nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện đấy.

Bà cụ vô cùng ngạc nhiên khi thấy nhà Bác học cũng bình thường như mọi người khác. Lúc chia tay, Ê- đi- xơn bảo:

-Tôi sẽ mời cụ đi chuyến xe điện đầu tiên.

-Thế nào già cũng đến… Nhưng ông phải làm nhanh lên nhé, kẻo tuổi già chẳng còn được bao lâu đâu.

Từ lần gặp bà cụ, Ê- đi- xơn miệt mài với công việc chế tạo xe điện và đã thành công. Hôm chạy thử xe điện, người ta xếp hàng dài để mua vé. Ê –đi- xơn mời bà cụ dạo nọ đi chuyến đầu tiên. Đến ga, ông bảo:

- Tôi giữ đúng lời hứa với cụ rồi nhé! Bà cụ cười móm mém:

- Cảm ơn ông. Giờ thì già có thể đi chơi cả ngày với chiếc xe này rồi.

**3. Kết luận.**

Cuộc sống của chúng ta hôm nay có được là từ những thành tựu khoa học của bao lớp cha anh đã dày công mà có được. Chúng ta hãy trân trọng biết ơn sống sao cho ý nghĩa. Hãy nỗ lực học tập luyện rèn để phát huy tài năng trí tuệ của bản thân phục vụ con người, cuộc sống.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Nắm chắc kĩ năng đọc hiểu truyện ngắn, tiểu thuyết

* - Hoàn thành các bài tập-
* - Sưu tầm các câu chuyện về nhân vật sự kiện lịch sử mà mình yêu thích

**ĐỀ KIỂM TRA BÀI 7, MÔN NGỮ VĂN 7**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA BÀI 7**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  |
| **1** | **Đọc -hiểu** | Truyện khoa học viễn tưởng | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | | 2 | 0 | | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể chuyện về sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | | 1\* | 0 | | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **20** | **15** | **0** | | **30** | **0** | | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | | **30** | | | **10** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60** | | | | | **40** | | | | |  | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA BÀI 3**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | **Đọc-hiểu** | Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được số từ, phó từ...  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. | **4TN** | **4TN** | **2TL** |  |
|  | **Viết** | Văn tự sự về sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | **Nhận biết:** Nhận biết kiểu bài, đối tượng tự sự  **Thông hiểu**: Hiểu được thế nào là nhân vật lịch sử, ý nghĩa của sự việc liên quan đến nhân vật  **Vận dụng:** Tạo lập văn bản tự sự có bố cục ba phần  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn tự sự hấp dẫn, thể hiện sự sáng tạo trên cơ sở sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Từ đó biết rút ra bài học cho bản thân. |  |  |  | **1TL\*** |
| **Tổng** | | |  | **4TN** | **4TN** | **2TL** | **1TL\*** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA BÀI 3**

**Môn Ngữ văn 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**Phần I. Đọc hiểu ( 6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Như một cái máy, mọi người cúi xuống ngắt một ngọn cỏ- trừ Ờ- gớt- tít G lúp,vì nó bứt cả một nắm tướng.*

*Còn Vai- ô-oét Bô-re- ga thì trước khi nếm cọng cỏ, móc miếng kẹo cao su phá kỉ lục thế giới ra khỏi miệng, giắt vào sau vành tai.*

*Tuyệt nhỉ! Sác- li thì thầm- Ông nội, ông có thấy cái vị của nó tuyệt không?*

*- Ông có thể ăn hết cả cánh đồng này?- Ông nội Châu nói với nụ cười khoái trá. Ông có thể bò bốn chân như con bò và gặm hết từng cọng cỏ của cánh đồng này.*

*- Nếm thử cây mao lương hoa vàng coi.- Ông Quơn- cơ mời- Nó còn ngon hơn đấy.*

*Thình lình, có tiếng la phấn khích vang lên.*

*Đó là Vơ- ru- ca Sot. Cô bé cuống quýt chỉ sang bên kia sông:*

*- Bạn ấy nói đúng,- ông Sác- li kêu to- Đó là một người đàn ông tí hon.Ông có trông thấy không?*

*- Ông có thấy Sác- li. Ông nội Châu náo nức đáp.*

*- Lúc này, tất cả mọi người đều bắt đầu kêu lên:*

*- Có hai người.*

*- Chu choa, đúng thế.*

*- Có hơn hai người đấy! Một, hai, ba, bốn, năm.*

*- Họ đang làm gì đấy nhỉ?*

*- Họ từ đâu tới?*

*- Họ là ai?*

*- Cả trẻ con lẫn người lớn đều chạy ào đến bờ sông để nhìn cho rõ hơn.*

*- Nom họ thật kì lạ!*

*- Không cao hơn đầu gối mình! Nhìn mớ tóc dài của họ kìa.*

*- Những con người nhỏ xíu đó- không lớn hơn những con búp bê cỡ trung bình đã ngừng những gì họ đang làm vào lúc này, họ cũng đang nhìn lại đám người bên kia sông. Một trong số họ chỉ về phía lũ trẻ rồi thì thầm điều gì với người kia và cả năm người phá lên cười khanh khách.*

*- Cơ mà, họ không thể nào là người thật được... Sác- li nói.*

*- Đương nhiên là người thật mà.- Ông Quơn – cơ đáp. Học là người Um pơ- Lum pơ( Umpha-Lumpa)*

(Trích: *Chaelie và nhà máy sô- cô- la*, Dương Tường dịch, Phan Thành Đạt minh họa, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021).

***Và thực hiện các yêu cầu:***

**Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc thể loại văn học nào?

1. Cổ tích B. Truyền thuyết

C. Truyện ngắn D. Truyện khoa học viễn tưởng

**Câu 2.** Đoạn truyện kể về sự việc gì?

1. Mọi người nhìn thấy những người tí hon phía bên kia sông
2. Mọi người nhìn thấy một cánh đồng cỏ xanh mướt
3. Mọi người thưởng thức vị ngon của câu mao lương hoa vàng
4. Mọi người nhìn thấy một dòng sông Sô- cô- la.

**Câu 3.** Người kể đoạn truyện trên kể ở ngôi thứ mấy?

A. Ngôi 1 B. Ngôi 3

**Câu 4:** Đoạn trích trên khắc họa nhân vật bằng cách nào?

1. Qua ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật
2. Qua ngôn ngữ độc thoại của các nhân vật
3. Qua hành động, cử chỉ, điệu bộ và lời nói của các nhân vật
4. Qua suy nghĩ của các nhân vật

**Câu 5:** Chi tiết ***“****- Ông có thể ăn hết cả cánh đồng này?- Ông nội Châu nói với nụ cười khoái trá. – Ông có thể bò bốn chân như con bò và gặm hết từng cọng cỏ của cánh đồng này”* có ý nghĩa gì?

1. Nói lên ý nghĩa lớn lao của thiên nhiên với cuộc sống con người
2. Thể hiện trí tưởng tượng phong phú của người viết
3. Sự thân thiện giữa con người với thiên nhiên’
4. Tất tả các ý trên

**Câu 6 .** Hình ảnh **“***Những con người nhỏ xíu đó- không lớn hơn những con búp bê cỡ trung bình đã ngừng những gì họ đang làm vào lúc này, họ cũng đang nhìn lại đám người bên kia sông. Một trong số họ chỉ về phía lũ trẻ rồi thì thầm điều gì với người kia và cả năm người phá lên cười khanh khách”* phù hợp với thông điệp nào nhất.

1. Sự bình đẳng giữa mọi người với nhau
2. Cuộc sống luôn có những điều lạ kì
3. Ai cũng có thể làm chủ cuộc sống của mình
4. Hãy tạo cơ hội cho những người thiệt thòi, kém may mắn.

**Câu 7.** Trong câu **“***Cả trẻ con lẫn người lớn đều chạy ào đến bờ sông để nhìn cho rõ hơn”* phó từ “ đều” có ý nghĩa gì?

A. Sự đồng nhất trong hành động C. Thể hiện sự ngạc nhiên

B. Thể hiện sự vui mừng D. Thể hiện sự tò mò, hiếu kì

**Câu 8.** Trong câu*“Một trong số họ chỉ về phía lũ trẻ rồi thì thầm điều gì với người kia và cả năm người phá lên cười khanh khách.”,* có mấy số tử?

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 9.** Tìm trong đoạn trích các yếu tố thể hiện tính viễn tưởng của câu chuyện. Qua đó cho em biết được điều gì về tác giả?

**Câu 10.** Nêu những thông điệp cuộc sống em rút ra từ đoạn truyện.

**II. Viết (4,0 điểm)**

Lịch sử dân tộc Việt Nam ta là lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước. Trên hành trình gian lao ấy có bao tấm gương anh hùng đã để lại trong ta những yêu mến tự hào**.** Em hãy viết bài văn kể về sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho những người anh hùng mà em yêu mến.

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA BÀI 3**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | *- Như một cái máy, mọi người cúi xuống ngắt một ngọn cỏ- trừ Ờ- gớt- tít G lúp, vì nó bứt cả một nắm tướng*  *- Ông có thể ăn hết cả cánh đồng này?- Ông nội Châu nói với nụ cười khoái trá. – Ông có thể bò bốn chân như con bò và gặm hết từng cọng cỏ của cánh đồng này.*  *- Những người tí hon “Không cao hơn đầu gối mình!” “Không lớn hơn những con búp bê cỡ trung bình”*  *- Thể hiện trí tưởng tượng phong phú, ước mơ nhân văn của con người.*  *\* Cách cho điểm: Mỗi ý cho 0,25 điểm* | 1,0 |
| **10** | *Có thể hướng tới các thông điệp sau:*  + Cuộc sống luôn tiềm ẩn những điều kì diệu  + Thiên nhiên là nguồn nuôi dưỡng con người  + Thiên nhiên là nguồn nuôi dưỡng con người  + Thiên nhiên là nguồn nuôi dưỡng con người  + Những người nhỏ bé có thể sống hòa bình, làm việc bình thường như chúng ta  + Hãy chấp nhận những người “ tí hon”, chấp nhận những điều kì lạ như một điều tất yếu của cuộc sống.  ***Lưu ý***: HS nêu được 3 thông điệp trở lên cho tối đa | 1,0 |
| **II** | **LÀM VĂN** | | | |
| **1.Yêu cầu chung:** HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn tự sự. Bài viết phải có bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài tự sự; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | | | |
| **2. Yêu cầu cụ thể** | | | |
| *2.1. Bố cục:* | Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng | 0,25 |
| *2.2. Nội dung bài viết theo bố cục* | ***Mở bài:*** Giới thiệu được nhân vật và sự việc có thật liên quan tới nhân vật đó: | 0,25 |
| ***Thân bài:***  + Tái hiện được bối cảnh xảy ra sự việc.  + Kể được diễn biến sự việc (gắn với nhân vật và những mốc thời gian, địa điểm cụ thể), đảm bảo các sự việc và chi tiết tiêu biểu; có đủ các sự việc mở đầu, diễn biến và kết thúc.  + Kết quả, ý nghĩa của sự việc | 2,0 |
| ***Kết bài***:  Nêu suy nghĩ về nhân vật và sự việc đã kể. | 0,25 |
| *2.3. Ngôi kể* | Xác định được ngôi kể phù hợp, nhất quán trong quá trình kể chuyện. | 0,25 |
| *2.4. Phương thức biểu đạt* | Kết hợp hợp lí các phương thức biểu đạt (tự sự, miêu tả, biểu cảm). | 0,25 |
| *2.5. Sáng tạo* | Diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu). | 0,25 |
| *2.6. Chữ viết, chính tả, trình bày* | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,25 |
| *2.7. Liên kết câu, đoạn văn.* | Bài viết có sự liên kết chặt chẽ cả về nội dung và hình thức. | 0,25 |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**BÀI 8: TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học *Trải nghiệm để trưởng thành (Nghị luận xã hội)*

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. (thể hiện ý kiến phản đối)

**2. Năng lực:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK, SBT Ngữ văn 7 KNTT, tập 2.

* - Tài liệu ôn tập bài học.
* **2. Thiết bị và phương tiện:**
* - Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.
* - Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.
* - Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi
* **C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Gv yêu cầu HS báo cáo sản phẩm bài tập cuối phần Ôn tập của bài 7:**

Giáo viên yêu cầu HS đọc mở rộng VB nghị luận ngoài sgk ở nhà và thống kê các tác phẩm đã đọc theo mẫu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| ……………… |  |  |
| ……………… |  |  |
| ……………… |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các HS dán lần lượt kết quả sưu tầm của mình lên bảng

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Gv mời 1 – 2 HS lên thuyết trình sản phẩm của mình

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các HS có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 7:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  + *Văn bản 1: Bản đồ dẫn đường* (Đa-ni-en Gốt-li-ép)  *+ Văn bản 2*: *Hãy cầm lấy mà đọc* (Huỳnh Như Phương) |
| **Thực hành đọc:** *Nói với con* (Y Phương) |
| **Thực hành Tiếng Việt:** *(*Mạch lạc và liên kết *) Biện pháp liên kết và tữ ngữ liên kết,* Thuật ngữ |
| **Viết** | **Viết:** *Một bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống* (thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, một cách hiểu khác về vấn đề) |

* **HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 7.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

* **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**
* - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 6.
* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**
* - HS tích cực trả lời.
* - GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

* - Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**Câu hỏi:**

- Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại văn nghị luận: Khái niệm và đặc điểm.

-Em hãy nêu những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản nghị luận

**1. Một số kiến thức chung về thể loại văn nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản nghị luận** | **Nội dung** |
| *1)Khái niệm* | Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người |
| *2)Đặc điểm* | - Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng cần bàn luận.  - Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |

**2. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận**

- Đọc tên của VB để xác định vấn đề cần bàn luận của VB (VB viết/bàn về vấn đề gì?);

- Đọc các tiêu đề, các câu đứng ở đầu, cuối mỗi đoạn hoặc những câu then chốt để nhận diện ý kiến lớn, ý kiến nhỏ.

- Tóm tắt các nội dung chính (dựa trên các ý kiến).

- Nhận biết, phân tích các lí lẽ, bằng chứng.

- Xác định cách tổ chức triển khai, mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng.

- Nhận ra mục đích viết và tư tưởng, quan điểm của tác giả.

- Đánh giá hình thức và nội dung của VB.

- Rút ra được ý nghĩa hay bài học tác động của vấn đề bàn luận với bản thân, từ đó liên hệ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01:**

|  |
| --- |
| **Câu 1: Văn nghị luận là kiểu văn bản:**  A.Mà ở đó, người viết sử dụng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm xác lập cho người đọc một ý kiến/quan điểm/ tư tưởng nhất định.  B. Mà ở đó, người viết chủ yếu sử dụng lập luận nhằm xác lập cho người đọc một ý kiến, một quan điểm, một tư tưởng nhất định.  C. Mà ở đó, người viết cung cấp cho người đọc một lượng kiến thức nhất định.  D. Mà ở đó, người viết chủ yếu khẳng định với người đọc một thái độ sống.  **Câu 2: Ý kiến trong văn bản nghị luận là:**  A.Một nhận xét mang tính khẳng định một nội dung nào đó.  B. Một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định một nội dung nào đó.  C. Một nhận xét mang tính khẳng định để thuyết phục người đọc  D. Một nhận xét mang tính phủ nhận để định hướng người đọc tin theo mình.  **Câu 3: Vấn đề nghị luận thường được nêu ở:**  A.Một câu kết luận cuối văn bản  B.Một câu hỏi ở nhan đề  C. Nhan đề hoặc mở đầu của bài viết.  D. Một câu ở đoạn trọng tâm của văn bản.  **Câu 4: Mục đích của văn bản nghị luận:**  A.Giúp người đọc nhận thức sâu sắc một vấn đề.  B. Giúp người đọc tránh những quan điểm sai lầm.  C. Giúp người đọc hiểu biết thực tế.  D. Thuyết phục người đọc, người nghe tin, hiểu, đồng tình với ý kiến của mình.  **Câu 5: Văn bản nghị luận dùng yếu tố nào khẳng định/phủ định một ý kiến.**  A.Câu chuyện với các sự viêc.  B. Lí lẽ và dẫn chứng  C. Nhân vật với hành động  D. Miêu tả và tự sự  **Câu 6: Lĩ lẽ thường tập trung làm rõ:**  A.Nguyên nhân để trả lời các câu hỏi vì sao? Do đâu?  B. Dùng dẫn chứng để chứng minh cho ý kiến bạn đã nêu ra  C. Dùng từ ngữ mang tính khẳng định để thể hiện quan điểm.  D. Dùng tính từ để làm rõ mức độ của vấn đề.  **Câu 7: Nghị luận xã hội và nghị luận văn học khác nhau ở:**  A.Đối tượng luận bàn  B. Ở kết cấu văn bản  C. Ở trình tự sử dụng lí lẽ và dẫn chứng  D. Cách sử dụng các thao tác lập luận.  **Câu 8: Nghị luận xã hội là:**  A.Luận bàn vấn đề thuộc chân lí đời sống  B. Luận bàn vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội, chính trị, đạo đức, chân lý đời sống.  C. Luận bàn vấn đề thuộc lĩnh vực chính trị.  D. Luận bàn vấn đề thuộc lĩnh vực đạo đức.  **Câu 9: Mối liên hệ chặt chẽ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng thể hiện ở:**  A.Lí lẽ, bằng chứng phải làm sáng tỏ ý kiến.  B. Lí lẽ, bằng chứng phải sắc bén, phù hợp với nhận thức của người đọc.  C. Dẫn chứng phải phù hợp với lí lẽ.  D. Tất cả các ý kiến trên.  **Câu 10: Bằng chứng đa dạng trong bài văn nghị luận được hiểu là:**  A.Bằng chứng theo chiều thời gian từ cổ chí kim.  B. Bằng chứng trong đời sống, sách vở, truyền hình,... về vấn đề được bàn luận  C. Từ ba bằng chứng trở lên.  D. Bằng chứng được dẫn trực tiếp và gián tiếp |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

(Đa-li-en Gốt-li-ép)

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | 1. **Tác giả:**   - Đa-ni-en Gốt-li-ep sinh năm 1946  - Ông là nhà tâm lý học thực hành, bác sĩ điều trị tâm lí gia đình đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần người Mỹ.  - Ông đã viết nhiều cuốn sách nổi tiếng đúc kết kinh nghiệm hơn 30 năm nghiên cứu và tư vấn tâm là Tiếng nói của xung đột (2001), Những bức thư gửi cháu Sam (2006), Tiếng nói trong gia đình (2007). Học từ trái tim (2008),... Bản đồ dẫn đường được trích từ cuốn sách Những bức thư gửi cháu Sam,…  **2. Tác phẩm:**  **a. Thể loại:**Bản đồ dẫn đường thuộc thể loại bức thư  **b. Xuất xứ:**  - Tác phẩm Bản đồ dẫn đường được trích từ cuốn sách “Những bức thư gửi cháu Sam”  - HCST: Khi cháu ngoại chào đời, Daniel Gottlieb bắt đầu viết hàng loạt lá thư xúc động mà ông hy vọng sau này Sam sẽ đọc. Thư của ông bao gồm tất cả các chủ đề quan trọng như: việc đối xử với cha mẹ, với những kẻ bắt nạt, với tình yêu và với cái chết—và động lực thúc đẩy ông viết những lá thư này chính là nỗi sợ rằng một mai mất đi, ông sẽ không còn cơ hội chứng kiến cháu Sam trưởng thành.  **c. Phương thức biểu đạt : Nghị luận kết hợp tự sự, biểu cảm, miêu tả**  **d. Bố cục bài Bản đồ dẫn đường:**  Bản đồ dẫn đường có bố cục gồm 5 phần:  -Phần một: Từ đầu đến “bước vào bóng tối”: Kể lại về một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn để nêu vấn đề.  - Phần hai: Tiếp theo đến “ngoan cường”: Giải thích hình ảnh “tấm bản đồ dẫn đường”.  - Phần ba: Tiếp theo đến “ trong cuộc sống”: Vai trò của “tấm bản đồ” đối với đường đời của con người  - Phần bốn: Tiếp theo đến “ý nghĩa cuộc sống là gì”: Những khó khăn của “ông” khi tìm kiếm “tấm bản đồ” cho mình.  - Phần năm: Còn lại: Lời khuyên của ông dành cho cháu.  **3. Tổng kết:**  **a. Giá trị nội dung:**  Bức thư giúp ta biết cách nhận ra sự tri ân và ý nghĩa của cuộc đời trong bất kỳ hoàn cảnh nào, khuyến khích chúng ta tìm tòi, yêu thích và làm sống cái tôi tự trong sâu thẳm lòng mình.  **b. Giá trị nghệ thuật:**  - Mở đầu bằng câu chuyện mang tính ngụ ngôn nhằm dẫn dắt người đọc nhẹ nhàng vào vấn đề chính. |
| **GV yêu cầu HS làm bài tập theo yêu cầu:** | **B. LUYỆN TẬP.**  **PHẦN ĐỌC HIỂU** |

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**PHIẾU SỐ 1: Đọc kỹ văn bản “Bản đồ dẫn đường” và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1: Văn bản Bản đồ dẫn đường thuộc thể loại văn bản nào?**

A.Văn bản thông tin

B. Văn bản hồi kí

C. Văn bản nghị luận

D. Văn bản truyện.

**Câu 2: Theo văn bản, hình ảnh “bản đồ dẫn đường” có ý nghĩa gì?**

A .Bản đồ chỉ dẫn đường đi lại ở mỗi nơi mình đến.

B. Cách nhìn về cuộc đời mỗi cá nhân

C. Cách nhìn về những người xung quanh và bản thân mình.

D. B và C đúng

**Câu 3: Ý nào dưới đây nêu đúng về đoạn mở đầu?**

A.Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách kể chuyện

B. Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách biểu cảm

C. Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách giảng giải, phân tích

D. Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách miêu tả.

**Câu 4: Hình ảnh ẩn dụ “ánh sáng” trong văn bản chỉ những điều kiện thuận lợi; “bóng tối” chỉ những điều kiện bất lợi khi con người tìm kiếm “bản đồ dẫn đường cho chính mình”. Ý này đúng hay sai?**

A.Đúng

B. Sai

**Câu 5: Nội dung chính của văn bản “Bản đồ dẫn đường” là gì?**

A.Kể câu chuyện ngụ ngôn và nêu ý nghĩa của câu chuyện

B. Bàn luận về ý nghĩa của tấm bản đồ chỉ dẫn cách nhìn về cuộc sống và bản thân.

C. Nêu lên tầm quan trọng của việc cần có tấm bản đồ trong cuộc đời mỗi người.

D. Khẳng định mỗi người cần lựa chọn được một tấm bản đồ cần thiết với riêng mình.

**Câu 6: Vì sao văn bản Bản đồ dẫn đường thuộc văn bản nghị luận:**

A.Có cốt truyện và sự việc

B. Có thời gian và không gian

C. Có nhân vật và người kể chuyện

D. Có lí lẽ và bằng chứng

**Câu 7: Trong văn bản, nội dung nào thuộc bản đồ cảnh báo?**

A.Cuộc đời này hết sức hiểm nguy, phải chiến đấu hết sức mới mong sống sót

B. Bản chất con người đều tốt cả. Càng thân thiết với nhiều người bao nhiêu càng tốt cho bản thân ta bấy nhiêu.

C. Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời.

D. Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng

**Câu 8: Câu chuyện được kể trong đoạn mở đầu văn bản có điểm gì đặc biệt?**

A.Người đàn ông trở về nhà khi trời đã rất khuya

B. Người đàn ông để quên chìa khoá ở công ty nhưng lại nghĩ là để quên ở nhà mình

C. Người đàn ông tìm chìa khoá dưới ngọn đèn đường khi để chìa khoá dưới cánh cửa

D. Người đàn ông tìm chìa khoá sau cánh cửa trong khi lại để ở nhà người hàng xóm

**Câu 9: Ý nào sau đây thể hiện quan điểm của tác giả rõ nhất?**

A.Những tấm bản đồ cho thấy các cách hiểu khác nhau về cuộc sống

B. Những tấm bản đồ do cha mẹ, người thân trao truyền cho con cháu

C. Những tấm bản đồ như lá chắn giúp con người bình yên và an toàn

D. Những tấm bản đồ phải do chính mình tự vẽ nên bằng kinh nghiệm của mình.

**Câu 10: Dòng nào KHÔNG phải là tấm bản đồ dẫn đường của tác giả?**

A.Luôn đề phòng, cảnh giác với cuộc đời

B. Luôn yêu mến, tin tưởng mọi người

C. Luôn thấy cuộc sống là chốn bình yên

D. Luôn thấy mình khác biệt với gia đình mình

**PHIẾU SỐ 2: Đọc kỹ văn bản “Bản đồ dẫn đường” và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**: Vấn đề được bàn trong văn bản là gi?

**Câu 2**: Tìm và ghi lại các câu văn nêu ý kiến chính trong văn bản

**Câu 3**: Chỉ ra trình tự triển khai nội dung văn bản

**Câu 4**: Em ủng hộ ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

-Ý kiến 1: *Cuộc đời này hết sức hiểm nguy, phải chiến đấu hết sức mới mong sống sót.*

- Ý kiến 2: *Bản chất con người đều tốt cả. Càng thân thiết với nhiều người bao nhiêu càng tốt cho bản thân ta bấy nhiêu*

**Câu 5**: Theo em, chúng ta cần những điều kiện nào để tìm ra bản đồ cho chính mình?

**Câu 6**: Qua văn bản này, em học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, nhất là với dạng bài trình bày ý kiến phản đối?

**Câu 7**: Tưởng tượng mình là Sam, em hãy viết bức thư ngắn (khoảng 10 câu) để hồi đáp những lời nhắn nhủ, dặn dò của ông ngoại, trong thư trả lời câu hỏi của ông: “Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?”

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

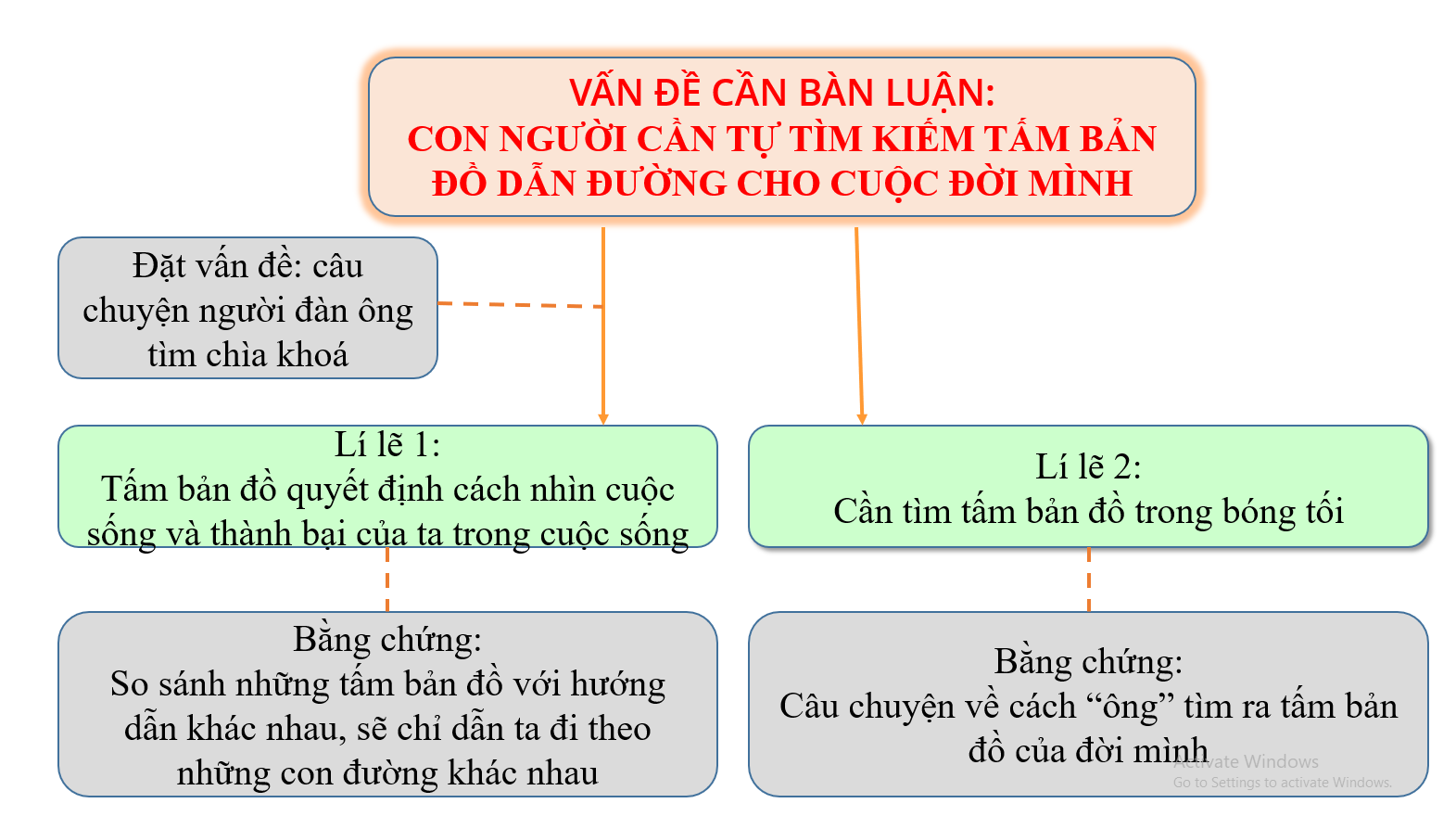
**Câu 1:** Người viết, bằng hình thức một bức thư gửi cháu, đã đặt ra và bàn luận về tầm quan trọng của việc tìm kiến và lựa chọn quan điểm đúng đắn về bản thân, con người và cuộc đời

**Câi 2**: Các câu văn nêu ý kiến chính trong văn bản:

-*Chính tấm bản đồ này quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với những thành bại của chúng ta trong cuộc sống.*

*- Sam, cách duy nhất để tìm một bản đồ khác, đó là sẵn sàng tìm kiếm trong bóng tối. Cháu cũng cần phải tìm kiếm bản đồ cho chính mình … là tấm bản đồ cháu tự vẽ nên bằng chính kinh nghiệm của mình*

**Câu 3**: Trình tự triển khai văn bản:



**Câu 4**: Em cần lựa chọn và lí giải lựa chọn của mình thông qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Em cũng có thể không hoàn toàn đồng tình với cả 2 ý kiến, nhưng đi kèm đó là việc chỉ ra điểm thiếu sót trong những ý kiến ấy, đồng thời bổ sung sao cho chúng trở nên toàn diện và hợp lí hơn.

Ví dụ, với ý kiến 1, đây là cách nhìn phiến diện đối với cuộc đời. Em hãy tìm những câu chuyện thực tế để cho thấy cuộc đời có nhiều điều đáng yêu, đáng tin tưởng, hi vọng. Và hệ quả của việc coi cuộc đời như cuộc chiến mà mỗi người “phải chiến đấu hết sức mới mong sống sót” là con người ta dễ căng thẳng và kiệt sức vì họ không tìm thấy điểm sáng, tích cực, niềm vui trong cuộc chiến ấy.

**Câu 5**: Để tìm ra bản đồ cho chính mình, mỗi người cần có nhận thức về tầm quan trọng của việc tìm ra bản đồ, để nghiêm túc tìm kiếm, định hình lăng kính nhìn cuộc sống, nhìn mọi người và bản thân. Ta có thể tham khảo tấm bản đồ những người đi trước truyền lại cho ta, những cần điều chỉnh theo hoàn cảnh và những kinh nghiệm của chính bản thân mình. Chúng ta cũng cần sẵn sàng tìm kiếm, lần mò trong vùng tối tăm của những điều chưa biết, để hiểu được chính mình và ý nghĩa cuộc sống của mình. Khi đó, chúng ta có thể lựa chọn cho mình nhẵn quan phù hợp nhất để nhìn ngắm cuộc đời.

**Câu 6**: Văn bản này đáp ứng được các yêu cầu của một bài nghị luận, có nêu ý kiến, lí lẽ và bằng chứng theo trình tự và hệ thống rõ ràng.

Ngoài ra, em có thể học được cách đặt vấn đề có khả năng gây tò mò, ấn tượng, đó là kể một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn, hướng tới chủ đề của văn bản.

Một điểm góp phần làm nên sức thuyết phục của văn bản chính là mối liên hệ tình cảm trìu mến, ấm áp giữa ông (người viết thư) và cháu (người nhận thư). Lời ông nói vừa như phân tích khách quan cho cháu, lại vừa lồng ghép các câu chuyện rất nhẹ nhàng, tự nhiên kèm thái độ ân cần chỉ dạy. Đó là cái tạo nên yếu tố “tình” hoà quyện với “lí” trong văn bản này.

**Câu 7**: Bài viết cần đáp ứng các yêu cầu:

* Hình thức bức thư: có địa điểm, ngày tháng, lời chào…
* Nội dung là bản hồi đáp bức thư của ông ngoại, nên em cần đọc kĩ những gì ông đã bàn luận và nhắc nhở cháu, từ đó thể hiện suy nghĩ của mình về câu hỏi của ông: *Em đã tìm được tấm bản đồ của mình chưa? Em mong muốn tấm bản đồ ấy như thế nào?*
* **LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau:**

Nếu cho rằng hạnh phúc chính là cảm xúc được thỏa mãn khi được hưởng thụ, thì ngay trong giây phút hiện tại này ta cũng đang nắm trong tay vô số điều kiện mà nhờ có nó ta mới tồn tại một cách vững vàng, vậy tại sao ta lại cho rằng mình chưa có hạnh phúc? Một đôi mắt sáng để nhìn thấy cảnh vật và những người thân yêu, một công việc ổn định vừa mang lại thu nhập kinh tế vừa giúp ta thể hiện được tài năng, một gia đình chan chứa tình thương giúp ta có điểm tựa vững chắc, một vốn kiến thức đủ để ta mở rộng tầm nhìn ra thế giới bao la, một tấm lòng bao dung để ta có thể gần gũi và chấp nhận được rất nhiều người. Đó không phải là điều kiện của hạnh phúc thì là gì? Chỉ cần nhìn sâu một chút ta sẽ thấy mình đang sở hữu rất nhiều thứ, nhiều hơn mình tưởng. Vì thế, đừng vì một vài điều chưa toại nguyện mà ta vội than trời trách đất rằng mình là kẻ bất hạnh nhất trên đời.

Hãy nhìn một người đang nằm hấp hối trong bệnh viện, một người đang cố ngoi lên từ trận động đất, một người suýt mất đi người thân trong gang tấc, thì ta sẽ biết hạnh phúc là như thế nào (…) Cho nên, không có thứ hạnh phúc nào đặc biệt ở tương lai đâu, ta đừng mất công tìm kiếm. Có chăng nó cũng chỉ là những trạng thái cảm xúc khác nhau mà thôi. Mà cảm xúc thì chỉ có nghiền chứ có bao giờ đủ!.

(*Hạnh phúc*, trích trong *Hiểu về trái tim* – Minh Niệm)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Xác định vấn đề cần bàn luận trong đoạn trích.

**Câu 3**. Theo tác giả, thế nào là một người khôn ngoan trong việc tìm kiếm hạnh phúc?

**Câu 4.** Việc tác giả đưa ra những dẫn chứng về “một người đang nằm hấp hối trong bệnh viện, một người đang cố ngoi lên từ trận động đất, một người suýt mất đi người thân trong gang tấc” có tác dụng gì?

**Câu 5.** Em có đồng tình với quan niệm sau đây của tác giả không: “Không có thứ hạnh phúc nào đặc biệt ở tương lai đâu, ta đừng mất công tìm kiếm”? Vì sao?

**Câu 6.** Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) trình bày quan niệm của riêng mình về vấn đề: cần làm gì để có cuộc sống hạnh phúc?

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

**Câu 2:** Vấn đề cần bàn luận trong đoạn trích: Quan niệm về hạnh phúc

**Câu 3:** Một người khôn ngoan trong việc tìm kiếm hạnh phúc là một người “không cần chạy thục mạng đến tương lai để tìm kiếm những thứ chỉ đem tới cảm xúc nhất thời. Họ sẽ dành ra nhiều thời gian và năng lượng để khơi dậy và giữ gìn những giá trị hạnh phúc mình đang có”.

**Câu 4:** Việc tác giả đưa ra những dẫn chứng về “một người đang nằm hấp hối trong bệnh viện, một người đang cố ngoi lên từ trận động đất, một người suýt mất đi người thân trong gang tấc” có tác dụng

+ Làm rõ thông điệp: Hạnh phúc đôi khi chỉ là những điều thật giản dị, bình thường (một hơi thở đối với người hấp hối; sự sống cho người bị cơn động đất vùi dập; được ở bên cạnh người thân yêu).

+ Tăng tính thuyết phục cho đoạn trích về quan niệm hạnh phúc của mình.

**Câu 5:** HS có thể đồng tình/đồng tình một phần/không đồng tình, miễn sao lí giải hợp lí, thuyết phục.

Chẳng hạn: Tôi đồng ý vì chẳng ai biết trước được tương lai ta sẽ như thế nào. Vì vậy, nếu cứ chăm chăm chờ đợi hạnh phúc sẽ đến trong tương lại là điều mơ hồ, lãng phí thơi gian và đánh mất đi cơ hội có được hạnh phúc. Thay vì mong chờ hạnh phúc ở tương lai, ta nên trân trọng những gì mình có trong hiện tại, tận hưởng những điều mang lại niềm vui cho mình trong cuộc sống.

**Câu 6: HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:** cần làm gì để có hạnh phúc:

-***MĐ:*** *+*Giới thiệu về vấn đề nghị luận

#### **-TĐ:**

#### **+** Giải thích : Hạnh phúc là niềm vui, sự mãn nguyện, hài lòng với bản thân, với cuộc sống hiện tại của chính mình.

##### + Giá trị của hạnh phúc: Hạnh phúc làm cho con người ta muốn sống cuộc sống này hơn, tạo động lực thúc đẩy chúng ta làm việc và phát triển.

##### + Cần làm gì để có được hạnh phúc:

++ Luôn suy nghĩ tích cực, lạc quan

++ Biết cách bằng lòng với những gì mình đang có; không quá mơ mộng viển vông những thứ xa vời.

++ Chăm chỉ làm lụng để đạt được thành quả mình mong muốn

++ Cháy hết mình với đam mê của bản thân.

++ Sống biết sẻ chia, yêu thương người khác…

##### +Bài học – liên hệ: Bản thân luôn phấn đấu và xây dựng cho mình một cuộc sống hạnh phúc.

**-KĐ:** Khẳng định lại vai trò của hạnh phúc

**Đề số 02:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Bất kỳ một quan điểm nào cũng có thể thay đổi, điều quan trọng là bạn có “muốn” thay đổi hay không mà thôi. Mọi thứ không bỗng dưng mà có, thái độ cũng vậy. Để có một thái độ sống đúng đắn, trước tiên ta cần hình thành nó, rồi dần dần phát triển lên, biến nó thành tài sản quý giá cho bản thân.

Một số người từ chối việc thay đổi, họ cho rằng “Tôi đã quen sống như thế này từ nhỏ, thay đổi chỉ làm cho cuộc sống thêm rắc rối mà thôi!” hoặc “Cha mẹ sinh mình ra thế nào thì cứ để thế ấy, thay đổi làm gì cho mệt!”. Bạn cần biết rằng, không bao giờ là quá trễ cho một sự thay đổi. Nhờ thay đổi, con người mới có những bước tiến vượt bậc. Không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn. Bạn gọi một cái cây không đâm chồi nẩy lộc, không ra hoa kết trái là gì? Đó chẳng phải là “cây chết” hay sao? Con người chúng ta cũng vậy. Cuộc sống sẽ luôn được vận hành tốt nếu ta không ngừng hoàn thiện bản thân.

Những ai không chịu thay đổi cho phù hợp với biến cố cuộc đời sẽ chẳng thể nào thích nghi được với hoàn cảnh. Có thể họ vẫn hiện hữu nhưng trong cuộc sống của họ sẽ bị tách biệt, không bắt nhịp được với đồng loại của mình.

(Trích Thái độ quyết định thành công, Wayne Cordeiro, NXB Tổng hợp TP. HCM, 2016, tr.34)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Xác định vấn đề cần bàn luận trong đoạn trích.

**Câu 3**: Vấn đề đó được triển khai qua những ý kiến nào?

**Câu 4:** Để làm sáng tỏ ý kiến, tác giả đã đưa ra lí lẽ, bằng chứng nào?

**Câu 5:** Theo anh/chị, vì sao tác giả lại viết: *Nhờ thay đổi, con người mới có những bước tiến vượt bậc*?

**Câu 6**. Từ đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về những điều bản thân thấy cần thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện đại.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2.** Vấn đề cần bàn luận: Thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh.

**Câu 3.** Vấn đề đó được triển khai qua các ý kiến: *Bất kỳ một quan điểm nào cũng có thể thay đổi, điều quan trọng là bạn có “muốn” thay đổi hay không mà thôi. Mọi thứ không bỗng dưng mà có, thái độ cũng vậy.*

**Câu 4.** Để làm sáng tỏ ý kiến tác giả đưa ra lí lẽ, bằng chứng:

* Lí lẽ:
* + Để có một thái độ sống đúng đắn, trước tiên ta cần hình thành nó, rồi dần dần phát triển lên, biến nó thành tài sản quý giá cho bản thân.
* + Nhờ thay đổi, con người mới có những bước tiến vượt bậc. Không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn.
* + Những ai không chịu thay đổi cho phù hợp với biến cố cuộc đời sẽ chẳng thể nào thích nghi đượcvới hoàn cảnh.
* Bằng chứng: + Một số người từ chối việc thay đổi....,
* + Một cái cây không đơm hoa kết trái,...

**Câu 5.** Tác giả viết: *Nhờ thay đổi, con người mới có những bước tiến vượt bậc* vì:

- Khi thay đổi (nhận thức, thái độ, hành động…), con người sẽ cải thiện được sự lạc hậu, cũ kĩ để theo kịp sự phát triển của xã hội, tiếp nhận được những điều mới mẻ từ xã hội, do đó sẽ tạo cơ hội cho con người tạo ra *những bước tiến vượt bậc* phù hợp với thời đại*.*

*-* Phải là những thay đổi tích cực mới tạo ra được những *bước tiến vượt*

*bậc.*

- Trong thực tế cuộc sống, nhờ thay đổi nhận thức, thái độ, hành động mà một số người đã thành công và tạo nên *những bước tiến vượt bậc* cho đất nước, cho nhân loại.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:** Những điều mà bản thân thấy cần thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện đại.

-***MĐ:*** *+*Giới thiệu về vấn đề nghị luận

**-TĐ:**

**+***Giải thích*: *Thay đổi:* Thay cái này bằng cái khác, làm cho khác với cái trước đây.

*+ Bàn luận:*

++ Nêu được những điều cần thay đổi về nhận thức, thái độ, hành động… của bản thân trước yêu cầu của cuộc sống hiện đại. Những thay đổi đó phải là thay đổi tích cực góp phần hoàn thiện bản thân và thúc đẩy xã hội phát triển.

++ Thay đổi là một quá trình, thay đổi có thể diễn ra mọi lúc mọi nơi, thay đổi từ những điều bé nhỏ, đến những điều lớn lao.

++ Phê phán những con người bảo thủ, lạc hậu không bao giờ chịu thay đổi, hoặc những người thay đổi nhưng trái với chuẩn mực xã hội.

+ *Bài học liên hệ bản thân*:

++ Cần phải nỗ lực để hoàn thiện bản thân.

#### ++ Thay đổi nhưng không đánh mất mình, không đánh mất những nét đẹp truyền thống.

KĐ: Khẳng định sự cần thiết phải thay đổi bản thân phù họp với cuộc sống hiện đại.

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Tự học có nhiều lợi. Như tôi đã nói, ta được tự do lựa chọn môn học, lựa thầy học.

Ta lại khỏi bị chương trình bó buộc. Nếu chưa hiểu rõ một chương, ta có thể bỏ ra hàng tuần, hàng tháng để học thêm[...]. Nhờ vậy, ta có nhiều thời gian để suy nghĩ, so sánh, tập xét đoán, giữ tư tưởng được tự do. Không ai nhồi sọ ta được, bắt ta phải lặp đi lặp lại những điều mà ta không tin. Sách dạy rằng Nã Phá Luân là một vị minh quân anh hùng, nhưng ta chỉ cho ông là một người quyền quyệt đại tài. Sử chép Hồ Quý Ly là tên loạn thần có tội với quốc gia; ta có thể chưa tin mà còn xét lại.

Còn cái lợi này cũng đáng kể là khi tự học ta được tự do bỏ phần lí thuyết viển vông mà chú trọng vào thực hành; nhờ vậy, sự vui hơn, có bổ ích cho ngay.[...]

(Theo Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một nhu cầu thời đại NXB Văn hóa –Thông tin, Hà Nội, 2007)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng ở đoạn trích trên. Xác định vấn đề cần bàn luận.

**Câu 2**. Câu văn nào trong đoạn trích nêu lên ý kiến thể hiện quan điểm, tư tưởng của người viết?

**Câu 3**. Để làm sáng tỏ ý kiến của đoạn trích, tác giả đã sử dụng lí lẽ, bằng chứng nào? **Câu 4**. Em hiểu thế nào về câu: “Còn cái lợi này cũng đáng kể là khi tự học ta được tự do bỏ phần lí thuyết viển vông mà chú trọng vào thực hành.”?

**Câu 5**. Từ những lí lẽ tác giả đưa ra trong đoạn trích trên, theo em có phải tác giả đang phủ nhận lợi ích của việc học trong nhà trường không? Vì sao?

**Câu 6.** Theo em, khi tự học, chúng ta có thể gặp những bất lợi gì?

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Vấn đề cần bàn luận: lợi ích của việc tự học

**Câu 2.** Câu văn nêu lên ý kiến quan điểm của người viết: “Tự học có nhiều lợi”

**Câu 3.** Để làm sáng tỏ ý kiến, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng:

* Lí lẽ: + Ta được tự do lựa chọn môn học, lựa thầy học.
* + Ta lại khỏi bị chương trình bó buộc.
* + khi tự học ta được tự do bỏ phần lí thuyết viển vông mà chú trọng vào thực hành.
* Bằng chứng:Sách dạy rằng Nã Phá Luân là một vị minh quân anh hùng, nhưng ta chỉ cho ông là một người quyền quyệt đại tài. Sử chép Hồ Quý Ly là tên loạn thần có tội với quốc gia; ta có thể chưa tin mà còn xét lại.

**Câu 4.** Câu văn có nghĩa là: Ngoài những kiến thức lí thuyết, tự học giúp ta có thể vận dụng những lí thuyết đã học vào thực hành; từ đó giúp chúng ta củng cố lí thuyết đồng thời vận dụng các kĩ năng để hoàn thiện mình hơn, biến những tri thức ta học được vào chính đời sống của mình.

**Câu 5.** Những lí lẽ tác giả đưa ra không phủ nhận lợi ích của việc học tại trường.

Vì: Nhà trường là nơi cung cấp những kiến thức nền tảng, cung cấp kiến thức lí thuyết để HS vận dụng trong quá trình tự học tốt hơn.

Nhà trường giúp HS có phương pháp tự học hiệu quả, tránh đi sai hướng.

* Tác giả muốn nhấn mạnh việc tự học và việc học ở trường đều có những lợi ích khác nhau nên HS cần hài hòa giữa các phương pháp học của mình.

**Câu 6.** Theo em, khi tự học có thể gặp một số bất lợi sau:

+ Biển kiến thức mênh mông, con người tự loay hoay trong đó dễ gây ra hoang mang, không biết chọn mục tiêu tự học cho mình nên kết quả tự học không cao.

+ Vì quá nhiều kiến thức, cái gì cũng thích mà không có sự định hướng nên tự học cái gì cũng qua loa, phí thời gian mà lại không hiệu quả.

**Đề số 04**: *Có rất nhiều người đinh ninh rằng hiện tại của mình đã được số mệnh định sẵn, nhưng thực ra không phải như vậy. Khả năng kỳ diệu nhất của con người đó là có được quyền tự do chọn lựa, chọn lựa một thái độ, chọn lựa một cách sống, một cách nhìn…Chúng ta vẫn quen đổ lỗi cho những người khác. Có những lúc tôi cũng cho là mình kém may mắn, nhưng rồi tôi hiểu ra rằng không ai có thể kiểm soát được những biến cố xảy đến, nhưng mỗi người luôn có quyền chọn lựa cách đối phó với chúng.*

*Những người suy sụp tinh thần hay thất bại, thường đưa ra những lý do như là: do không có tiền, không có thời gian, do kém may mắn, do quá mệt mỏi hay tâm trạng chán nản… để biện minh cho việc bỏ qua những cơ hội thuận lợi trong cuộc sống. Nhưng sự thực chỉ là do họ không biết sử dụng quyền được lựa chọn của mình. Chính vì thế, họ chỉ là đang tồn tại chứ không phải đang sống thực sự. Điều đó cũng giống như việc bạn muốn mở khóa để thoát khỏi nơi giam cầm, nhưng lại không biết rằng chiếc chìa khóa đang ở ngay trong chính bản thân mình, trong cách suy nghĩ của mình. Cuộc sống là do chúng ta lựa chọn chứ không phải do may rủi. Bản chất của sự việc xảy đến không quan trọng bằng cách chúng ta đối phó với nó. Chính điều chúng ta chọn để nghĩ và chọn để làm mới là quan trọng hơn cả.*

(Theo*https://sachvui.com/doc-sach/nhung-bai-hoc-cuoc-song/chuong-4.html*)

**Câu 1**. Khả năng kì diệu của con người được nói đến là gì?

**Câu 2.** Những người nào được xem là những người đang *tồn tại* chứ không phải sống thực sự?

**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến của tác giả “*Bản chất của sự việc xảy đến không quan trọng bằng cách chúng ta đối phó với nó”*

**Câu 4.** Anh/chị đồng tình với quan điểm “*Cuộc sống là do chúng ta lựa chọn chứ không phải do may rủi”* không?Vì sao?

**Câu 5**: Từ văn bản trên, anh (chị) hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về việc *chọn để nghĩ và chọn để làm* trong cuộc sống.

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1:** Khả năng kỳ diệu nhất của con người đó là có được quyền tự do chọn lựa, chọn lựa một thái độ, chọn lựa một cách sống, một cách nhìn

**Câu 2**: - Những người suy sụp tinh thần hay thất bại, thường đưa ra những lý do để biện minh…

- Không biết sử dụng quyền được lựa chọn của mình.

**Câu 3**: *Bản chất của sự việc xảy đến không quan trọng bằng cách chúng ta đối phó với nó*

- Bản chất của sự việc xảy đến rất đa dạng, bất ngờ, không thể lường trước được.

- Con người cần chọn cách ứng phó phù hợp với hoàn cảnh để vượt qua, mới là điều quan trọng.

**Câu 4**: *Cuộc sống là do chúng ta lựa chọn chứ không phải do may rủi*

- Đồng tình hoặc không đồng tình

- Lí giải

**Câu 5**:

\* Hình thức: Đảm bảo cấu trúc thân mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Sáng tạo: có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ nhưng phải hợp lí.

\* Nội dung.

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận

- Suy nghĩ về vấn đề nghị luận

+ Trong cuộc sống, luôn có rất nhiều điều xảy ra, đôi khi là những trở ngại rất lớn nên phải tính toán, tìm ra những giải pháp hợp lí nhất đề giải quyết.

+ Từ những định hướng đã được xác định, con người bắt đầu quá trình thực hiện công việc.

+ Đối với giải quyết sự việc, nghĩ và làm là một quá trình liên tục, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau,..

- Bài học bản thân

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị bài buổi học ôn tập VB: *Hãy cầm lấy và đọc.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**VĂN BẢN *HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC***

**Huỳnh Như Phương**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **I. Tác giả tác phẩm**  **1. Tác giả**  - Huỳnh Như Phương sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi  - Ông là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu phê bình văn học  **2. Tác phẩm**  **a. Thể loại:**  Hãy cầm lấy và đọc thuộc thể loại văn bản nhật dụng  **b. Xuất xứ.**  - được trích trong tác phẩm cùng tên (2016)  - “Hãy cầm lấy và đọc” mang đến độc giả những suy ngẫm, chiêm nghiệm của ông trong nhiều năm giảng dạy, viết báo, viết sách về văn hóa đọc cũng như nhận định của tác giả về những kiện nổi bật trong đời sống văn hóa, xuất bản.  **c. Phương thức biểu đạt:** nghị luận  **3. Giá trị nội dung:**  - Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về cách nhìn nhận của mình về tầm quan trọng của việc đọc sách và tính cấp thiết của việc khắc phụ sự sa sút băn hóa đọc. Bên cạnh đó, bài viết còn truyền cảm hứng, kêu gọi mọi người yêu sách hơn, đọc sách để giữ vững văn hóa, mở mang tri thức.  **4. Giá trị nghệ thuật:**  - Lập luật chặt chẽ, logic bằng những lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục.  - Lời văn tha thiết, bày tỏ thái độ lo lắng trước thực trạng đọc sách của con người hiện nay.  Đọc hiểu văn bản  1. Giá trị của “hãy cầm lấy và đọc”  – Câu chuyện kết nỗi dẫn dắt vào vấn đề rất hay, độc đáo  – Lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để lập luận để khẳng định vai trò của sách:  + Lời nói của thầy giáo khi trao sách cho trò  + Lời nói gần gũi của cha mẹ khi trao sách cho con cái  + Lời chia sẻ ý nghĩa của một người bạn muốn giới thiệu cuốn sách hay  + Sách giữ vai trò quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống  + Mang hồn của dân tộc, bản sắc văn hóa  + Chứa đựng những bí ẩn của thiên nhiên, vũ trụ, xã hội,  con người …  + Mang đến cho con người nhiều cung bậc cảm xúc  *→ Thông điệp của tác giả qua tác phẩm rất hay, ý nghĩa.*  2. Thực trạng của việc đọc sách hiện nay  – Sự xuất hiện của In-tơ-nét và sách điện tử:  + Con người không chỉ nhìn chữ mà đọc  + Nhìn vào màn hình chiếu  – Cách khắc phục của sự sa sút văn hóa đọc:  + Hai yếu tố sách và người đọc tác động qua lại lẫn nhau  + Người ham đọc và có sách hay để đọc  – Cách kết thúc vấn đề hay, ý nghĩa:  + Sách sinh ra để màn đến tri thức cho con người  + Là sự kết tinh của tinh hoa văn hóa của nhân loại  + Tác giả kêu gọi mọi người nên đọc sách nhiều hơn  *→ Hãy cầm sách lên và đọc chúng đừng để những cuốn sách trở thành “vật cổ”.* |
| \***\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**DẠNG 1 : TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**. Ở đoạn trích, tác giả đã tập trung vào việc:

A. Trình bày cảm xúc của mình về vấn sách

B. Bàn về vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách

C. Hướng dẫn cách đọc sách

D. Kể về việc đọc sách của bản thân

**Câu 2**. "Không phủ nhận vai trò ngày càng tăng của các phương tiện nghe nhìn thế giới hiện đại, chúng ta vẫn thấy rằng đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người. ”Điều được tác giả khẳng định ở câu trên là:

A. Các phương tiện nghe nhìn trong thế giới hiện đại không quan trọng bằng sách.

B. Sách không quan trọng bằng các phương tiện nghe nhìn trong thế c hiện đại.

C. Sách đã bị thay thế bởi các phương tiện nghe nhìn trong thế giới hiện đại

D. Dù các phương tiện nghe nhìn trong thế giới hiện đại ngày càng phát tri sách vẫn có vai trò của nó.

**Câu 3**. Từ “chữ” liên tục được lặp lại ở các câu trong đoạn trích có tác dụng:

A. Thể hiện ấn tượng của người viết về sách

B. Nhắc nhở để mọi người có thói quen đọc sách

C. Nêu những khả năng kì diệu của sách

D. Nhấn mạnh sự phong phú của các loại sách

**Câu 4**. "Đọc sách là đọc tha nhân và đọc chính bản thân ta. Nhờ đọc sách mà ta hiểu đời hiểu người và hiểu chính mình"

Quan hệ giữa hai câu trên là:

A. Câu trước chỉ kết quả, câu sau chỉ nguyên nhân.

B. Câu trước là điều kiện để dẫn đến kết luận ở câu sau.

C. Câu trước chỉ là một phần nội dung của câu sau.

D. Câu sau chỉ là một phần nội dung của câu trước.

**Câu 5**. "(1) Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hoá của một dân tộc, mang hồi thiêng của đất nước. (2) Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không b cố định hoá trong một khuôn khổ, hình thể nào."

Ở hai câu trên, tác giả đã dùng phép liên kết nào?

A. Phép női

B. Phép lặp

C. Phép thế

**DẠNG 2: TỰ LUẬN**

**PHIẾU SỐ 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

Đọc từ câu “Vượt qua tính chất huyền bí của câu chuyện ấy, “Hãy cầm lấy và đọc" trở thành lời mời gọi trân trọng người ta đọc một cuốn sách.” đến câu “Bạn hãy cầm lấy và đọc”, đó là lời sẻ chia của một người bạn muốn giới thiệu cho ta một cuốn sách hay.” trong văn bản

Hãy cầm lấy và đọc của Huỳnh Như Phương, SGK (tr. 61 - 62) và trả lời các câu hỏi:

**Câu 1**. Tác giả đã giải thích như thế nào về ý nghĩa của câu "Hãy cầm lấy và đọc?

**Câu 2**. Em có đồng tình với cách hiểu của tác giả về ý nghĩa của câu ”Hãy cầm lấy và đọc” không? Vì sao?

**Câu 3**. Tác giả đã dùng biện pháp gì để làm nổi bật vai trò của sách đối với con người? Em có tán thành với quan điểm của tác giả thể hiện ở biện pháp ấy không? Vì sao?

**Câu 4**. Biện pháp liên kết nào được tác giả sử dụng ở các câu sau?

(1) “Em hãy cầm lấy và đọc, đó là lời nói tin cậy của thầy giáo khi trao cho học trò một cuốn sách quý. (2) “Con hãy cầm lấy và đọc”, đó là câu nói thân thương của người cha, người mẹ khi đưa cho con món quà có ý nghĩa nhất. (3) “Bạn hãy cầm lấy và đọc, đó là lời sẻ chia của một người bạn muốn giới thiệu cho ta một cuốn sách hay.

**GỢI Ý:**

**Câu 1**.Theo tác giả, “Hãy cầm lấy và đọc” là hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào. Nói rõ hơn, với một cuốn sách, mỗi người phải tự đọc, tìm hiểu, khám phá thay vì nghe người khác đọc rồi nói về nó.

**Câu 2.** Em có thể tỏ thái độ đồng tình hay phản đối cách hiểu của tác giả về ý nghĩa của câu“Hãy cầm lấy và đọc". Điều quan trọng là, đồng tình hay phản đối đều phải dựa trên những lí lẽ có sức thuyết phục. Chẳng hạn, nếu tán thành cách giải thích của tác giả, em có thể lập luận: chỉ khi tự mình đọc một cuốn sách mới có được những cảm xúc, suy nghĩ, thu hoạch của riêng mình. Nghe người khác giới thiệu, thuyết minh về một cuốn sách, ta có thể nắm được một số thông tin, nhưng chắc chắn sẽ không có những thú vị, bất ngờ như khi chính ta được tự do đi vào thế giới hấp dẫn của cuốn sách đó.

**Câu 3**. Để làm nổi bật vai trò của sách đối với con người, tác giả đã dùng biện pháp so sánh, liên tưởng: Nếu lương thực, thực phẩm là thức ăn cần thiết để nuôi sống cơ thể, thì sách chính là “thức ăn” nuôi dưỡng tinh thần. Người không ăn thì chết về thể xác, người không đọc sách sẽ chết về tinh thần. Chỉ khác một điểm: Cái chết tinh thần không diễn ra ngay lập tức như cái chết thể xác, mà là một quá trình từ từ, êm ái, không dễ nhận biết.

-  Em tán thành : Khi không được nuôi dưỡng về tinh thần, con người sẽ cạn kiệt cảm xúc, cằn cỗi tình cảm, trí tuệ, không còn khả năng hiểu biết về cuộc sống con người, thế giới xung quanh. Rơi vào tình trạng đó, tâm hồn con người trở nên trống rỗng, như không tồn tại, chẳng khác gì đã chết.

**Câu 4**. Ba câu liền kề nhau trong đoạn văn có cùng một kiểu cấu trúc, và đều lặp lại gần như nguyên xi vế đầu (hãy cầm lấy và đọc; đó là). Như vậy, lặp chính là biện pháp được sử dụng để liên kết các câu với nhau.

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**PHIẾU SỐ 1:** Hãy đọc trích đoạn bài báo dưới đây rồi trả lời câu hỏi :

*“(...) Đã từng nghe ai đó nói: “đọc sách là khoản đầu tư có lãi nhất cuộc đời”. Vậy thì phải chăng là người Việt đang có sự “đầu tư” chệch hướng. Khi mà trong khoảng thời gian hữu hạn của một ngày, một tháng, một năm... mỗi chúng ta vẫn đang say mê với những “like, share, bình luận” thì khoảng thời gian ta dành cho việc đọc sách sẽ là bao nhiêu? Đã bao giờ mỗi chúng ta tự hỏi chính mình về sự đầu tư cho văn hóa đọc”. Đó không đơn giản chỉ là sự đầu tư 100, 200 nghìn cho việc sở hữu cuốn sách nào đấy. Ở đó còn là thời gian, công sức, sự chiêm nghiệm, suy tư... và sau cùng, thu về được? Đó chắc chắn là những giá trị đích thực mà chỉ khi tác giả, nhà xuất bản, độc giả cùng nghiêm túc. (...)”.*

(Dân theo công nghệ số thay đổi văn hóa đọc"; [http://vanhoadoisong.vn](http://vanhoadoisong.vn/))

**Câu 1 :**Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

**Câu 2 :**Chỉ ra phép liên kết câu trong 2 câu sau:

“Đã bao giờ mỗi chúng ta tự hỏi chính mình về sự đầu tư cho “văn hóa đọc”. Đó không đơn giản chỉ là sự đầu tư 100, 200 nghìn cho việc sở hữu cuốn sách nào đấy.".

**Câu 3:** Tác giả bài báo đưa ra lý do nào để giải thích người Việt ít dành thờigian cho việc đọc sách?

**Câu 4 :** Để đọc-hiểu một cuốn sách mang lại hiệu quả, em phải đọc như thếnào?

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1 :** Văn bản trên bàn về vấn đề: văn hóa đọc

**Câu 2 :** Phép liên kết câu trong 2 câu sau:

Phép thế: Đó = văn hóa đoc

Phép lặp: "đầu tư"

**Câu 3 :** Tác giả bài báo đưa ra lý do nào để giải thích người Việt ít dành thờigian cho việc đọc sách: mỗi chúng ta vẫn đang say mê với những “like, share, bình luận”

**Câu 4 :** Để đọc-hiểu một cuốn sách mang lại hiệu quả, em phải đọc như thếnào:

* Xác định mục đích của việc đọc sách đó
* Phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích.
* Thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày.

**PHIẾU SỐ 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng việc đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích luỹ ngày đêm mà có. Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại. Nếu chúng ta mong tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xoá bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ, thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giật lùi, làm kẻ lạc hậu.[...]

(Chu Quang Tiềm, Bàn về đọc sách, Ngữ văn 9, tập hai, Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên, Trần Đình Sử dịch, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

**Câu 1:**Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên? Xác định vấn đề cần bàn luận.

**Câu 2**. Từ “học vấn” trong đoạn văn trên được dùng với nghĩa nào?

**Câu 3:**  Đoạn trích viết ra nhằm mục đích gì? Mục đích đó được thể hiện qua những đặc điểm nào trong đoạn trích?

**Câu 4:** Em có đồng ý với quan niệm của tác giả: Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại hay không? Vì sao?

**Câu 5:**Theo em tại sao tác giả cho rằng: “Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại”

**Câu 6.** Theo em, vì sao muốn tích luỹ kiến thức, đọc sách có hiệu quả thì trước tiên cần phải biết chọn lựa sách mà đọc?

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:**Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên là: Nghị luận.

Vấn đề bàn luận là: Bàn về việc đọc sách và nhấn mạnh đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn.

**Câu 2:** Từ “học vấn” trong đoạn trích có nghĩa là những thành quả tích lũy, những hiểu biết, tri thức nhờ học tập mà có của mỗi con người.

**Câu 3:** - Mục đích của đoạn trích:Thuyết phục người đọc về tầm quan trọng của việc đọc sách.

* Mục đích đó được thể hiện qua hệ thống ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng, sắp xếp theo trình tự hợp lí:

+ Ý kiến: Học vấn không chỉ là việc của cá nhân mà còn là việc của toàn nhân loại.

+ Lí lẽ: Các thành quả của nhân loại đã được tích lũy từ lâu, nếu không tiếp thu ta sẽ bị tụt hậu.

+ Bằng chứng: Học vấn, tri thức của nhân loại đều được lưu trữ trong sách vở, lưu truyền lại để không bị vùi lấp.

**Câu 4:** Em đồng ý với quan niệm: Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại. Vì: Sách là kết tinh văn minh nhân loại, là nơi hội tụ mọi tinh hoa của loài người về mọi lĩnh vực nhân văn và khoa học, đánh dấu những bước đường đi lên của mọi dân tộc, mọi quốc gia trên hành trình qua nhiều thiên niên kỉ. Sách hội tụ bao kiến thức để mở rộng tầm nhìn, nâng cao trí tuệ, bồi đắp tâm hồn cho mọi thế hệ.

**Câu 5**: Tác giả cho rằng: “Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại” vì:

* Sách: tư liệu tích lũy kiến thức bằng cách ghi chép được truyền từ đời này sang đời khác.
* Đọc sách không phải con đường duy nhất của học vấn: con đường tích lũy kiến thức, học tập có nhiều cách khác nhau, một trong số đó là đọc sách.
* Nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn: khẳng định vị trí tiên phong, có nhiệm vụ lớn lao trong việc học của con người.
* Ý kiến của Chu Quang Tiềm khẳng định sách có vai trò to lớn không thể thay thế trong việc học. Từ đó cho chúng ta có những suy nghĩ đúng đắn về việc đọc sách.

**Câu 6.**Muốn tích luỹ kiến thức, đọc sách có hiệu quả thì trước tiên cần phải biết chọn lựa sách mà đọc vì: sách có nhiều loại sách, nhiều lĩnh vực: khoa học, xã hội, giải trí, giáo khoa… Mỗi chúng ta cần biết mình ở độ tuổi nào, có thế mạnh về lĩnh vực gì. Xác định được điều đó ta mới có thể tích luỹ được kiến thức hiệu quả. Cần hạn chế việc đọc sách tràn lan lãng phí thời gian và công sức…

**PHIẾU SỐ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

# Lịch sử càng tiến lên, di sản tinh thần nhân loại càng phong phú, sách vở tích lũy càng nhiều, thì việc đọc sách cũng ngày càng không dễ. Sách tất nhiên là đáng quý, nhưng cũng chỉ là một thứ tích lũy. Nó có thể làm trở ngại cho nghiên cứu học vấn. ít nhất có hai cái hại thường gặp. Một là, sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu. Các học giả Trung Hoa thời cổ đại do sách khó kiếm, một đời đến bạc đầu mới đọc hết một quyển kinh. Sách tuy đọc được ít, nhưng đọc quyển nào ra quyển ấy, miệng đọc, tâm ghi, nghiền ngẫm đến thuộc lòng, thấm vào xương tủy, biến thành một nguồn động lực tinh thần, cả đời dùng mãi không cạn. Giờ đây sách dễ kiếm, một học giả trẻ đã có thể khoe khoang từng đọc hàng vạn cuốn sách. “Liếc qua” tuy rất nhiều, những “đọng lại” thì rất ít, giống như ăn uống, các thứ không tiêu hóa được tích càng nhiều, thì càng dễ sinh ra bệnh đau dạ dày, nhiều thói xấu hư danh nông cạn đều do lối ăn tươi nuốt sống đó mà sinh ra cả. Hai là, sách nhiều dễ khiến người đọc lạc hướng. Bất cứ lĩnh vực học vấn nào ngày nay đều đã có sách vở chất đầy thư viện, trong đó những tác phẩm cơ bản, đích thực, nhất thiết phải đọc chẳng qua cũng mấy nghìn quyển, thậm chí chỉ mấy quyển. Nhiều người mới học tham nhiều mà không vụ thực chất, đã lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách vô thưởng vô phạt, nên không tránh khỏi bỏ lỡ mất dịp đọc những cuốn sách quan trọng, cơ bản.

(Chu Quang Tiềm, Bàn về đọc sách, Ngữ văn 9, tập hai, Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên, Trần Đình Sử dịch, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

**Câu 1:**Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?

**Câu 2**. Nêu câu văn nêu lên ý kiến thể hiện quan điểm, tư tưởng của người viết?

**Câu 3:** Tác giả đã sử dụng lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ ý kiến của mình?

**Câu 4.** Việc tác giả sắp xếp các lí lẽ theo trình tự “một là...”, “hai là...” có tác dụng gì?

**Câu 5:** Theo tác giả, điểm khác biệt giữa cách đọc sách của người xưa và người nay như thế nào? Sự khác biệt đó là do đâu?

**Câu 6.** Theo quan điểm của em, thế nào là quyển sách hay?

*Gợi ý làm bài*

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2.** Câu văn nêu lên ý kiến thể hiện quan điểm, tư tưởng của người viết: *“Lịch sử càng tiến lên, di sản tinh thần nhân loại càng phong phú, sách vở tích lũy càng nhiều, thì việc đọc sách cũng ngày càng không dễ”.*

**Câu 3.** Tác giả sử dụng những lí lẽ, bằng chứng sau để làm sáng tỏ ý kiến:

* **Lí lẽ: +** Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu.
* + Sách nhiều dễ khiến người đọc lạc hướng
* Bằng chứng: + Cách đọc hiệu quả của người xưa và người nay

+ Cách đọc tham số lượng mà không vì thực chất: nhiều người đọc tham nhiều mà không vụ thực chất, đã lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách vô thưởng vô phạt, nên không tránh khỏi bỏ lỡ mất dịp đọc những cuốn sách quan trọng, cơ bản.

**Câu 4.** Việc tác giả sắp xếp theo trình tự “một là...”, “hai là...” có tác dụng: giúp người đọc nhận ra các lí lẽ, điều này tăng sức thuyết phục cho văn bản.

**Câu 5.**

- Theo tác giả, điểm khác biệt giữa cách đọc sách của người xưa và người nay:

+ Người xưa: Sách tuy đọc được ít, nhưng đọc quyển nào ra quyển ấy, miệng đọc, tâm ghi, nghiền ngẫm đến thuộc lòng, thấm vào xương tủy, biến thành một nguồn động lực tinh thần, cả đời dùng mãi không cạn.

+ Người nay: “Liếc qua” tuy rất nhiều, những “đọng lại” thì rất ít.

-Nguyên nhân của sự khác biệt: Do số lượng sách ngày càng nhiều nên việc đọc không chuyên sâu và do nhận thức khác biệt về việc đọc sách.

**Câu 6:** HS tự suy nghĩ và trả lời theo quan điểm cá nhân:

Một cuốn sách hay là cuốn sách:

* Phù hợp với đam mê, sở thích của người đọc
* Nội dung phong phú mang nhều kiến thức mới mẻ, độc đáo đến cho người đọc
* Phù hợp lứa tuổi của bản thân
* Trình bày đep, nhiều tranh ảnh thu hút,...

**PHIẾU SỐ 4:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

… Nói tới sách là nói tôi trí khôn của loài người, nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích luỹ truyền lại cho mai sau. Sách đưa đến cho người đọc những hiểu biết mới mẻ về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về những đất nước và những dân tộc xa xôi. Những quyển sách khoa học có thể giúp người đọc khám phá ra vũ trụ vô tận với những quy luật của nó, hiểu được trái đất tròn trên mình nó có bao nhiêu đất nước khác nhau với những thiên nhiên khác nhau. Những quyển sách xã hội lại giúp ta hiểu biết về đời sống con người trên các phần đất khác nhau đó với những đặc điểm về kinh tế, lịch sử, văn hoá, những truyền thống, những khát vọng. Sách, đặc biệt là những cuốn sách văn học giúp ta hiểu biết vẽ đời sổng bên trong tâm hồn của con người, qua các thời kì khác nhau, những niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ, những khát vọng và đấu tranh của họ. Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình, hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này, hiểu mỗi người có mối quan hệ như thế nào với người khác, với tất cả mọi người trong cộng đổng dân tộc và cộng đồng nhân loại này. Sách giúp cho người đọc hiểu được đâu là hạnh phúc, đâu là nỗi khổ của con người và phải làm gì để sống cho đúng và đi tới một cuộc đời thật sự. Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng. Ta đồng ý với lời nhận xét mà cũng là một lời khuyên bảo chí lí của M. Gorki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”. Vì thế, mỗi chúng ta hãy đọc sách, cố gắng đọc sách càng nhiều càng tốt.

(*Về việc đọc sách,* Nguồn: Internet)

***Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời mà em lựa chọn cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 vào bài làm. Với câu 9, 10 các em tự viết phần trả lời vào bài.***

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích:

1. Biểu cảm
2. Thuyết minh
3. Miêu tả
4. Nghị luận

**Câu 2**: Vấn đề cần bàn luận của văn bản là:

1. Phương pháp đọc sách
2. Cách chọn sách hay
3. Tầm quan trọng, giá trị của sách
4. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3**: Tác giả thể hiện ý kiến của mình về vấn đề cần bàn luận qua câu văn:

1. … Nói tới sách là nói tôi trí khôn của loài người, nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích luỹ truyền lại cho mai sau.
2. Sách đưa đến cho người đọc những hiểu biết mới mẻ về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về những đất nước và những dân tộc xa xôi.
3. Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình, hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này,..
4. Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng.

**Câu 4**: Tác giả đưa ra những bằng chứng về sách khoa học, sách xã hội, sách văn học giúp làm sáng tỏ cho lí lẽ nào?

1. … Nói tới sách là nói tôi trí khôn của loài người, nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích luỹ truyền lại cho mai sau.
2. Sách đưa đến cho người đọc những hiểu biết mới mẻ về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về những đất nước và những dân tộc xa xôi.
3. Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình, hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này,..
4. Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng.

**Câu 5**. Phép liên kết chủ yếu được sử dụng trong đoạn trích là:

1. Phép nối
2. Phép lặp
3. Phép thế
4. Phép liên tưởng

**Câu 6**. Công dụng của dấu chấm lửng trong câu văn: “… Nói tới sách là nói tôi trí khôn của loài người, nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích luỹ truyền lại cho mai sau.” là:

1. Biểu đạt ý còn nhiều sự việc chưa liệt kê hết
2. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng
3. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt
4. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

**Câu 7**: Theo tác giả, những quyển sách nào giúp ta hiểu biết về đời sống bên trong tâm hồn con người?

1. Sách khoa học
2. Sách xã hội
3. Sách thiếu nhi
4. Sách văn học

**Câu 8.** Tác dụng của dấu ngoặc kép trong câu: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” là:

1. Dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó.
2. Dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.
3. Dùng để đánh dấu tên tác phẩm văn học trích dẫn.
4. Dùng để đánh dấu lời kêu gọi

**Câu 9.** Vì sao tác giả bài viết lại cho rằng: “Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình”?

**Câu 10.** Thông điệp nào từ đoạn văn có ý nghĩa quan trọng nhất với anh/chị? Vì sao?

***Gợi ý làm bài***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** |
| ***Đáp án*** | ***C*** | ***C*** | ***A*** | ***B*** | ***B*** | ***C*** | ***D*** | ***A*** |

**Câu 9:** Tác giả cho rằng: “Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình”, vì:

– Sách giúp con người tự nhận thức về mình: hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này, hiểu mỗi người có mối quan hệ như thế nào với người khác, với tất cả mọi người trong cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại này.

– Sách giúp con người nhận thức về cuộc sống con người: Sách giúp cho người đọc hiểu được đâu là hạnh phúc, đâu là nỗi khổ của con người, phải làm gì để sống cho đúng và đi tới một cuộc đời thật sự.

**Câu 10.** Có thể chọn một trong những câu quan trọng trong đoạn như:

– Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng.

– “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”.

– “Mỗi chúng ta hãy đọc sách, cố gắng đọc sách càng nhiệu càng tốt”.

**PHIẾU SỐ 5: Đọc văn bản dưới đây và thực hiện các yêu cầu:**

* *Bạn nói những gì, bạn làm điều gì, cảm thấy như thế nào – tất cả đều có nguồn gốc từ trong tâm trí bạn và bắt đầu chỉ bằng một ý nghĩ.*
* *Suy nghĩ của chúng ta cũng giống như những hạt giống, mỗi suy nghĩ sẽ đơm hoa kết trái để tạo ra một hương vị riêng biệt. Suy nghĩ có thể là sự sáng tạo hay phá hủy, yêu thương hay thù hận, nâng đỡ hay vùi dập. Khi chúng ta hiểu và học cách kiểm soát những suy nghĩ của bản thân thì chúng ta sẽ trải nghiệm được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn. Suy nghĩ tích cực dạy chúng ta cách hành động thay vì phản ứng; “hướng dẫn” cuộc đời ta thay vì để cho hành vi của người khác, những trải nghiệm quá khứ, hay hoàn cảnh hiện tại điều khiển tinh thần ta.*
* *Theo tính toán, mỗi người trung bình có khoảng 30.000 đến 50.000 ý nghĩ mỗi ngày. Một tâm trí đang trong tình trạng stress sẽ tạo ra nhiều ý nghĩ hơn, có thể lên đến 80.000 ý nghĩ. Hẳn bạn đã từng rơi vào trạng thái căng thẳng thần kinh vì gặp phải một sự kiện đột ngột xảy ra trong đời, lúc đó có đến cả hàng ngàn ý nghĩ chạy dồn dập trong đầu bạn.*
* *Tâm trí chúng ta có một khả năng rất lớn, làm việc không ngừng nghỉ ngay cả khi ngủ. Như đã nói, suy nghĩ chính là hạt giống cho những hành động và cảm xúc. Vì vậy, bằng cách tạo nên những suy nghĩ tích cực và lành mạnh, chúng ta đã kích hoạt tiềm năng tích cực của chính mình.*
* (Frederic Labarthe, *Anthony Strano – Tư duy tích cực*, NXB tổng hợp TPHCM, 2014, trang 20-21)
* **Câu 1.** Đoạn trích bàn luận về vấn đề gì?
* **Câu 2.** Theo tác giả, suy nghĩ tích cực có tác dụng gì?
* **Câu 3.** Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “*Suy nghĩ của chúng ta cũng giống như những hạt giống, mỗi suy nghĩ sẽ đơm hoa kết trái để tạo ra một hương vị riêng biệt”.*
* **Câu 4.** Việc đưa bằng chứng bằng số liệu: **“***Theo tính toán, mỗi người trung bình có khoảng 30.000 đến 50.000 ý nghĩ mỗi ngày. Một tâm trí đang trong tình trạng stress sẽ tạo ra nhiều ý nghĩ hơn, có thể lên đến 80.000 ý nghĩ”* có tác dụng gì trong đoạn trích?
* **Câu 5**. Theo em, vì sao tác giả cho rằng: “*Khi chúng ta hiểu và học cách kiểm soát những suy nghĩ của bản thân thì chúng ta sẽ trải nghiệm được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn.”*
* **Câu 6**. Giải thích vì sao Anh (chị) đồng ý hay không đồng ý với quan điểm “*suy nghĩ chính là hạt giống cho những hành động và cảm xúc”.*

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Đoạn trích bàn luận về vấn đề: suy nghĩ tích cực

**Câu 2:** Theo tác giả, suy nghĩ tích cực có tác dụng:*Dạy chúng ta cách hành động thay vì phản ứng , “hướng dẫn” cuộc đời ta thay vì để cho hành vi của người khác, những trải nghiệm quá khứ, hay hoàn cảnh hiện tại điều khiển tinh thần ta.*

**Câu 3:** Biện pháp tu từ: So sánh: Suy nghĩ – hạt giống

Ẩn dụ: đơm hoa kết trái – suy nghĩ kĩ càng, chín muồi.

**Câu 4.** Việc đưa bằng chứng bằng số liệu tăng tính thuyết phục, tin cậy cho lập luận; cụ thể hóa lí lẽ mà tác giả đưa ra trong đoạn trích.

* **Câu 5.** Tác giả cho rằng: “*Khi chúng ta hiểu và học cách kiểm soát những suy nghĩ của bản thân thì chúng ta sẽ trải nghiệm được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn.”*

**Vì:**

- Khi hiểu và kiểm soát được những ý nghĩ, chúng ta sẽ làm chủ được lời nói, hành động và cảm xúc

- Kiểm soát được hành vi, suy nghĩ

- Không vi phạm các chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

- Từ đó, chúng ta có được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn.

**Câu 6.**

* Với quan điểm “*suy nghĩ chính là hạt giống cho những hành động và cảm xúc*”. Học sinh cần nêu rõ nguyên nhân, miễn hợp lí. Có thể là những nguyên nhân sau:

+ **Đồng ý:** vì suy nghĩ của con người được biểu hiện qua lời nói, hành động hoặc cảm xúc.

+ **Không đồng ý:** vì có lúc trong đời sống, lời nói, hành động con người không giống suy nghĩ bên trong.

**+ Vừa đồng ý, vừa không đồng ý:** thực tế đa dạng, có người “*nghĩ sao nói vậy”,* có người “*nghĩ một đường làm một nẻo”…*

**PHIẾU SỐ 6: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Nhà khoa học người Anh Phơ-răng-xít Bê-cơn (thế kỉ XVI – XVII) đã nói một câu nổi tiếng: “Tri thức là sức mạnh”. Sau này Lê-nin, một người thầy của cách mạng vô sản thế giới, lại nói cụ thể hơn: “Ai có tri thức thì người ấy có được sức mạnh”. Đó là một tư tưởng rất sâu sắc. Tuy vậy, không phải ai cũng hiểu được tư tưởng ấy.

Người ta kể rằng, có một máy phát điện cỡ lớn của công ti Pho bị hỏng. Một hội đồng gồm nhiều kĩ sư họp 3 tháng liền tìm không ra nguyên nhân. Người ta phải mời đến chuyên gia Xten-mét-xơ. Ông xem xét và làm cho máy hoạt động trở lại. Công ti phải trả cho ông 10.000 đô la. Nhiều người cho Xten-mét-xơ là tham, bắt bí để lấy tiền. Nhưng trong giấy biên nhận, Xten-mét-xơ ghi: “Tiền vạch một đường thẳng là 1 đô la. Tiền tìm ra chỗ để vạch đúng đường ấy giá: 9999 đô la.”. Rõ ràng người có tri thức thâm hậu có thể làm được những việc mà nhiều người khác không làm nổi. Thử hỏi, nếu không biết cách chữa thì cỗ máy kia có thể thoát khỏi số phận trở thành đống phế liệu được không?...

Đáng tiếc là hiện nay còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức. Họ coi mục đích của việc học chỉ là để có mảnh bằng mong sau này tìm việc kiếm ăn hoặc thăng quan tiến chức. Họ không biết rằng, muốn biến nước ta thành một quốc gia giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai cùng các nước trong khu vực và thế giới cần phải có biết bao nhiêu nhà trí thức tài năng trên mọi lĩnh vực!

(Theo Hương Tâm, Ngữ văn 9, Tập hai - NXB Giáo dục Việt Nam, 2005, tr.35-36)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích? Tác giả đã kết hợp phương thức biểu đạt chính với phương thức biểu đạt nào khác? Tác dụng của việc kết hợp ấy?

**Câu 2.** Xác định vấn đề nghị luận. Vấn đề đó được thể hiện qua những ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng nào?

**Câu 3**. Chuyên giaXten-mét-xơ đã ghi gì trong tờ giấy biên nhận?

**Câu 4.** Trong văn bản, việc chuyên gia Xten-mét-xơ *“xem xét”* máy phát điện bị hỏng và nhanh chóng *“làm cho máy hoạt động trở lại”* nói lên điều gì?

**Câu 5.** Em có đồng tình với nhận xét của tác giả *“Đáng tiếc là hiện nay còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức”* không? Tại sao?

**Câu 6.** Em hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến.*“Tri thức là sức mạnh”.* (Trả lời trong đoạn văn khoảng 7 – 10 dòng)

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1. -** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

* Kết hợp với các phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm.
* Tác dụng của sự kết hợp ấy:

+ Làm giảm sự khô khan của văn nghị luận

+ Tăng tính thuyết phục cho đoạn trích.

**Câu 2. -** Vấn đề nghị luận: Vai trò của tri thức trong cuộc sống.

* Ý kiến: Mượn lời của nhà khoa học người Anh Phơ-răng-xít Bê-cơn, Lê-nin để nói lên ý kiến của mình “Tri thức là sức mạnh”
* Lí lẽ: + Người có tri thức thâm hậu có thể làm được những việc mà nhiều người khác không làm nổi.

+Đáng tiếc là hiện nay còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức.

* Dẫn chứng: Câu chuyện về máy phát điện cỡ lớn của công ti Pho bị hỏng và chuyên gia Xten-mét-xơ.
* Lí lẽ sắc bén, bằng chứng thuyết phục.

**Câu 3.** Chuyên giaXten-mét-xơ đã ghi gì trong tờ giấy biên nhận: “Tiền vạch một đường thẳng là 1 đô la. Tiền tìm ra chỗ để vạch đúng đường ấy giá: 9999 đô la.”.

**Câu 4.**Trong văn bản, việc chuyên gia Xten-mét-xơ “xem xét” máy phát điện bị hỏng và nhanh chóng “làm cho máy hoạt động trở lại” đã khẳng định: **sức mạnh của tri thức.** Nó chứng minh cho chân lí: người có tri thức thâm hậu có thể làm được những việc mà nhiều người khác không làm nổi**.**

**Câu 5.** Thí sinh có thể đồng tình, hoặc không đồng tình với nhận xét Đáng tiếc là hiện nay còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức của tác giả song phải lí giải được nguyên nhân một cách hợp lí và có sức thuyết phục**.**

**Câu 6.**

- Giải thích: Tri thức là gì? Sức mạnh?

- Bàn luận : Tri thức là sức mạnh

+ Đối với cá nhân: Tri thức góp phần khẳng định vị thế xã hội của bản thân đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mỗi người...

+ Đối với cộng đồng, xã hội: Tri thức có ý nghĩa quyết định sự phát triển của xã hội.

- Bài học nhận thức và hành động: Mỗi người cần nhận thức được sức mạnh của tri thức từ đó, thường xuyên trau dồi, bồi đắp tri thức cho bản thân...

**PHIẾU SỐ 7:**

Mới đây các giáo sư tâm lí học ở Trường Đại học York và Toronto đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: *Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.*

Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc. Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành những đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

Đọc một nội dung sâu sắc khác với cách đọc “mì ăn liền của chúng ta” khi lướt qua các trang mạng. Hiện tại, việc thực sự đọc, chìm lắng vào một nội dung văn học là việc ngày càng hiếm thấy trong đời sống đương đại.

Theo các nhà tâm lí học, việc chú tâm đọc một nội dung sâu sắc có tầm quan trọng đối với mỗi cá nhân giống như việc người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá. Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ “sống trên mạng”.

(Trích *Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn?*

Theo [*http://www.dantri.com.vn*](http://www.dantri.com.vn/)*,* ngày 12/08/2015)

**Câu 1.** Ghi lại câu nêu ý khái quát của đoạn trích trên.

**Câu 2.** Anh/ Chị hiểu ý kiến sau như thế nào?

*Theo các nhà tâm lí học, việc chú tâm đọc một nội dung sâu sắc có tầm quan trọng đối với mỗi cá nhân giống như việc người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá.*

**Câu 3**. Dựa vào đoạn trích giải thích vì sao: *Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ “sống trên mạng”.*

**Câu 4.** Từ đoạn trích anh/ chị hãy rút ra 2 bài học cho bản thân

**Câu 5:** Từ nội dung đoạn trích trên, anh/ chị hãy viết một đoạn văn về việc hình thành thói quen đọc sách văn học để trở thành người có khả năng thấu cảm tốt.

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1**: Câu nêu ý khái quát của đoạn trích: ***Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn****.*

**Câu 2**: Tham khảo cách trả lời sau: Ý kiến đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chú tâm “đọc một nội dung sâu sắc” giống như “người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá” vì: những tác phẩm và công trình ấy cần công phu, cẩn trọng, tỉ mỉ,… Việc “chú tâm đọc một nội dung sâu sắc” cũng phải như vậy: giúp người ta có khả năng thấu hiểu, cảm thông, và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ.

**Câu 3**: Có thể nói *Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ “sống trên mạng” vì:* không đọc nghiêm túc người ta sẽ không có khả năng thấu hiểu, cảm thông, nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Việc đọc “mì ăn liền” của chúng ta khi lướt qua các trang mạng hiện nay đang gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của chúng ta*.*

**Câu 4**: Tham khảo 2 bài học:

* Cần hình thành thói quen thường xuyên đọc sách văn học và cổ vũ mọi người đọc sách văn học để trở nên thông minh và tốt tính hơn. Mặt khác góp phần làm cho những lối sống đẹp, những giá trị nhân văn được nhân rộng lên.

Cần rèn luyện thói quen chú tâm “đọc một nội dung sâu sắc” để trở thành người có khả năng thấu cảm tốt, không nên đọc theo kiểu “mì ăn liền”.

**Câu 5**:

**a. Về hình thức**

**-** Đảm bảo là một đoạn văn hoàn chỉnh, có câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.

- Đảm bảo dung lượng khoảng 200 chữ

- Đảm bảo các quy tắc dùng từ, đặt câu, chính tả

- Đoạn văn có thể trình bày theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, song hành…sử dụng linh hoạt các thao tác lập luận.

**b. Về nội dung**

- Thói quen đọc sách, nhất là sách văn học đang bị mai một bởi một sự phát triển như vũ bão của các phương tiện nghe nhìn có kết nối mạng internét, thay vì cầm sách người ta thường đọc trên máy tính, máy tính bảng. Nhịp sống hiện đại người ta có xu hướng đọc những tác phẩm ngắn, lướt ý…kiểu “mì ăn liền” nên không giúp người ta có khả năng thấu hiểu, cảm thông…

- Thực tế những tác phẩm văn học có giá trị vẫn có sức hấp dẫn lớn đối với nhiều người vì: đem lại những giá trị nhận thức, thẫm mĩ, giáo dục…

- Cần hình thành thói quen thường xuyên đọc sách văn học và cổ vũ mọi người đọc sách văn học để trở nên thông minh và tốt tính, trở thành người có khả năng thấu cảm tốt và làm cho văn học thịnh hành hơn.

**DẠNG 3: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**Đề 01:** **Có quan niệm cho rằng: “Người ta chỉ đọc sách khi cuộc sống đầy đủ nhàn hạ”. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 8-10 câu) nêu ý kiến của mình về quan niệm ấy.**

**Bài viết tham khảo:**

“Quyển sách tốt” là quyển sách mang lại nguồn tri thức, cung cấp cho con người những kiến thức bổ ích, phục vụ cho cuộc sống, lĩnh vực mà người đó làm việc, theo đuổi,… Chính vì thế, chúng ta có thể khẳng định: sách có vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của mỗi con người, đồng thời mỗi con người cần tích cực đọc sách và tiếp thu nguồn kiến thức quý báu mà sách mang lại." Người ta chỉ đọc sách khi cuộc sống đầy đủ nhàn hạ" em không hoàn toàn đồng ý với quan điểm trên, bởi sách cho ta một lượng kiến thức, giúp ta trong công việc, cuộc sống, từ đó ta có một vốn sống và thành công hơn. Đầy đủ nhàn hạ nên đọc sách thì cũng có một ý đứng bởi có người dành thời gian rảnh để đọc, để trao đổi với sách. Cho nên câu nói trên em chỉ đồng ý một phần.

# **Đề 02: Em hãy viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của mình về câu nói: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới.” (M. Gorki)**

**Dàn ý tham khảo:**

**a) Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề: Vai trò, tác dụng của sách.

- Trích dẫn câu nói của M. Gorki.

   Ví dụ: Sách là thầy dạy cuộc sống, là người bạn tri kỉ, là ngọn đèn chỉ đường, sách giúp con người ta hiểu biết, rèn luyện kĩ năng, nhân cách con người. Về vấn đề này, M. Gorki nói rằng: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Tìm hiểu ý nghĩa sâu sắc của lời nhận định trên sẽ cho ta những bài học đường đời thú vị.

**b) Thân bài**

\* Giải thích

- Giải thích ý nghĩa của từng cụm từ quan trọng

+ Sách: là một sản phẩm xã hội, là một công cụ để tích lũy, truyền bá tri thức từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sách chứa đựng các giá trị văn hóa tinh thần (các tác phẩm sáng tác hoặc tài liệu biên soạn) thuộc các hình thái ý thức xã hội và nghệ thuật khác nhau, được ghi lại dưới các dạng ngôn ngữ khác nhau (chữ viết, hình ảnh, âm thanh, ký hiệu,...) của các dân tộc khác nhau nhằm để lưu trữ, tích lũy, truyền bá trong xã hội.

+ “Chân trời mới”:

Nghĩa đen: đường giới hạn giữa bầu trời và mặt đất (hay mặt biển).

Nghĩa bóng: những giá trị mới mẻ, tích cực mà con người có thể chạm tới. Chân trời mới có thể là chân trời trí thức, là chân trời cảm xúc, chân trời nhân cách.

- Giải thích ý nghĩa cả câu: Lời nhận định của M.Gorki đề cập đến tầm quan trọng của sách trong đời sống tinh thần của con người. Sách giúp con người ta trau dồi tri thức, rèn luyện tình cảm, từ đó hình thành nhân cách tốt đẹp.

\* Bàn luận, chứng minh: Vì sao “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”?

- Sách là phương tiện chuyên chở của kho tàng tri thức vô tận mà nhân loại sở hữu: sách

cung cấp cho con người tri thức, hiểu biết, giúp con người nhận thức và chiếm lĩnh thế giới.

+ Dẫn chứng: Maxim Gorki, tác giả câu nói, vốn không học qua trường đại học nào, nhưng lại trở thành nhà văn vĩ đại, “cánh chim báo bão” của cách mạng Nga, chính bởi ông đã tôi luyện bản thân qua cuộc sống, “trường đại học của những thiên tài”. Quá trình tự học của ông đã giúp ông tích lũy vốn sống, tri thức, và quá trình ấy không thể thành công nếu thiếu đi những cuốn sách.

- Sách là tâm huyết, trái tim, tình cảm của người viết -> Mỗi cuốn sách hay như một người bạn tốt, giúp chúng ta giãi bày cảm xúc, tâm tư; khơi gợi trong ta nhiều cảm xúc mới mẻ, giúp ta đồng cảm với người khác.

+ Dẫn chứng: Đỗ Phủ, nhà thơ nổi tiếng đời Đường cũng tâm niệm: “Đọc nát vạn quyển sách/ Hạ bút như có thần”, chính bởi qua sách mỗi nhà thơ mới tích lũy được vốn sống, mới mở rộng trái tim để đón nhận những vang vọng của cuộc đời, làm ra những vần thơ làm lay động lòng người.

- Sách dạy cho ta những bài học cuộc sống tốt đẹp, những bài học đạo đức, đối nhân xử thế, những tư tưởng triết học dẫn đường cho từng thời đại.

=> Đọc sách giúp ta “người hơn”. “Mỗi cuốn sách là một nấc thang nhỏ mà khi bước lên tôi tách khỏi con thú để tới gần con người hơn.” (Maxim Gorki)

+ Dẫn chứng:

Chủ tịch facebook Mark Zukerberg lập trang “A book a year” để kêu gọi mọi người đọc sách.

Cựu chiến binh Phạm Thế Cường (Gò Vấp - thành phố Hồ Chí Minh) với niềm đam mê đọc sách lập ra thư viện tư nhân để các em thiếu nhi đến trau dồi kiến thức.

=> Niềm đam mê đọc sách thôi thúc tinh thần vì cộng đồng của mỗi người.

\* Bàn luận mở rộng:

- Không phải cuốn sách nào cũng có ích, có những cuốn sách được làm ra thiếu trách nhiệm, thiếu chất lượng, sẽ có hại cho người đọc. Ví dụ: Từ điển Vũ Chất.

- Không phải mọi cuốn sách đều có lợi cho tất cả mọi người, mỗi độ tuổi, mỗi trình độ khác nhau sẽ có những cuốn sách phù hợp với mình. Nếu đọc những cuốn sách quá khó, dẫn đến hiểu sai và hành động sai, cũng thật tai hại.

- Hiện nay, bùng nổ thông tin, văn hóa đọc không được coi trọng như xưa, nhưng sách không bao giờ có thể chết đi, vì qua sách người ta có thời gian để chiêm nghiệm chính bản thân mình, rút ra những bài học cho bản thân.

- Đọc sách hiệu quả: Đọc rộng và đọc sâu, đọc nhiều sách kết hợp với nghiền ngẫm kĩ càng, tỉ mỉ, để rút ra những bài học cho bản thân. Kết hợp nhiều kĩ năng đọc: đọc lướt, đọc sâu, đọc quét tìm ý…

- Trong cuộc sống, đọc sách không không đủ, mà ta còn phải sống, phải trải nghiệm cuộc sống

=> Việc đọc sách giúp chúng ta có kĩ năng để sống tốt cho cuộc đời của mình, chứ không phải một cách thoát ly cuộc sống.

- Phê phán:

+ Phê phán những bạn trẻ lười đọc sách.

+ Phê phán những người đọc sách thiếu chọn lọc, đọc các văn hóa phẩm không phù hợp.

\* Bài học nhận thức và hành động

- Hiểu được tầm quan trọng của sách trong cuộc sống.

- Lên kế hoạch đọc sách

- Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền văn hóa đọc: triển lãm sách...

- Góp sách xây dựng thư viện cộng đồng

- Phong trào Book box nơi mọi người có thể trao đổi sách với nhau…

**c) Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa đúng đắn của câu nói.

- Liên hệ bản thân.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- Ôn tập Vb: *Nói với con (Y Phương)*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**VĂN BẢN *NÓI VỚI CON***

***Y Phương***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **I. Tác giả tác phẩm**  **1. Tác giả**  - Y Phương sinh năm 1948, ông sinh ra lớn lên gắn bó với núi rừng Tây Bắc.Thơ ông mang đậm màu sắc dân tộc Tày nói riêng và miền núi nói chung.  - Thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạch mẽ và trong sáng, cách tư duy hình ảnh của con người miền núi.  **2. Tác phẩm**  - Sáng tác năm 1980, 5 năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đó là giai đoạn mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cả nước nói chung và đồng bào miền núi còn nhiều khó khăn.  **\*Ý nghĩa nhan đề “Nói với con”**  Nhan đề “Nói với con” ngắn gọn, nhưng đã khái quát lên nội dung chính của bài thơ đó là lời trò chuyện, tâm sự của người cha với đứa con của mình. Qua đó, tác giả muốn nhắn nhủ tới thế hệ sau cần tiếp nối, phát huy và gìn giữ truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước. Nhắc nhở con nhìn vào cội nguồn mà sống sao cho xứng đáng  **\*Bố cục nội dung:** Bố cục bài thơ được chia thành 2 phần với nội dung cụ thể như sau:  – Phần một – Đoạn 1: Nhắc nhở về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con  – Phần hai – Đoạn 2: Đề cao những phẩm chất cao quý của người đồng mình và mong con tiếp nối truyền thống cao đẹp đó  **3. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do, phóng khoáng, phù hợp với lối nói, diễn đạt và tư duy của người miền núi.  - Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình tha thiết, trìu mến.  - Xây dựng những hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa mang tính khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ.  - Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên.  **4. Nội dung**  Bài thơ thể hiện tình yêu thương thắm thiết của cha dành cho con; tình yêu, niềm tự hào về quê hương, xứ sở và tự hào về người đồng mình. |
| **II. Phân tích tác phẩm:**  **1. Cội nguồn sinh dưỡng của con**  **a. Cội nguồn gia đình**  + Con lớn lên trong những tháng ngày chờ trông, mong đợi của cha mẹ  + “Chân phải - chân trái”, “một bước - hai bước”: phép đối tạo âm điệu vui tươi, tạo không khí đầm ấm, hạnh phúc, mỗi nhịp bước của con đều có cha mẹ dang rộng vòng tay che chở  => Đó là tình cảm thiêng liêng mà con luôn phải khắc cốt ghi tâm  **b. Cội nguồn quê hương**  + đan lờ (dụng cụ đánh bắt cá), đan lờ cài nan hoa (công việc đã tạo nên vẻ đẹp của con người lao động), vách nhà ken câu hát (cuộc sống hòa với niềm vui): Cuộc sống lao động của người đồng mình được gợi lên qua nhiều hình ảnh đẹp đẽ  + Sử dụng các động từ: đan, ken, cài: vừa diễn tả những động tác cụ thể, khéo léo vừa nói lên cuộc sống gắn bó với niềm vui  + “Rừng cho hoa”: nhân hóa rừng không chỉ cho gỗ, cho lâm sản mà còn cho hoa => vẻ đẹp tinh thần  + “Con đường cho những tấm lòng”: đâu chỉ dẫn lối mà còn cho những tấm lòng cao cả tấm lòng cao cả, thủy chung  **2. Truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm hi vọng vào con**  **a. Truyền thống quê hương**  - “Người đồng mình” - những người sống chung trên một miền quê, cùng một dân tộc, “thương lắm” - sự gắn bó yêu thương, đùm bọc.  - Người đồng mình có chí khí mạnh mẽ  + Nỗi buồn được cụ thể hóa bằng chiều cao, chí được đo bằng độ xa => người đọc có thể cảm nhận nỗi buồn chồng chất trong cuộc sống của họ  => Cuộc sống vẫn nhiều buồn lo cực nhọc nhưng tâm càng sáng chí càng bền, tầm nhìn càng xa càng rộng  - Người đồng mình thủy chung tình nghĩa  + “Sống” - khẳng định tâm thế bản lĩnh kiên cường, bất chấp khó khăn gian khổ  => Mặc dù cuộc sống quê hương khó khăn vất vả nhưng họ “không chê”, họ vẫn thủy chung với quê hương, gắn bó với quê hương để tạo dựng cuộc sống.  - Lối sống phóng khoáng đầy nghị lực  + So sánh “như sông như suối”: sức sống mãnh liệt, đầy ắp nghĩa tình  + Dù “lên thác xuống ghềnh” nhưng người đồng mình vẫn không lo cực nhọc, vẫn đầy sự yêu mến tự hào về quê hương  > Bằng những điệp từ, điệp ngữ, cách so sánh cụ thể, kết hợp với biện pháp ẩn dụ, lời tâm tình của người cha đã góp phần khẳng định người miền núi tuy vất vả nhưng họ vẫn sống mạnh mẽ, gắn bó với quê hương.  - Người đồng mình giàu lòng tự trọng  + “Người đồng mình thô sơ da thịt” - họ có thể thô ráp, nói không hay, làm không khéo, làn da mái tóc dãi dầu mưa nắng nhưng phẩm chất bên trong không hề nhỏ bé, tầm thường  - Người đồng mình khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp  + Người đồng mình tự lực tự cường, tự xây dựng quê hương bằng bàn tay khối óc  + Họ xây dựng quê hương, đưa quê hương có thể sánh ngang với các cường quốc năm châu  => Người cha gợi cho con niềm tự hào và khát vọng xây dựng quê hương, kế tục truyền thống đáng tự hào của dân tộc.  **b. Điều cha mong muốn ở con**  - Cha nhắc con “lên đường” là khi con trưởng thành, dù ở bất cứ đâu, đi bất cứ nới nào cũng không bao giờ được sống một cách tầm thường phải luôn giữ lấy cốt cách giản dị, ý chí của dân tộc để vững bước.  -> Qua đó cha thể hiện tình yêu con  => Đó còn là lời của cha anh đi trước nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay phải vững tin vào cuộc đời để xây dựng quê hương giàu đẹp | |
| \***\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**DẠNG 1 : TRẮC NGHIỆM**

**PHIẾU SỐ 1: Đọc kĩ bài thơ *Nói với con* và chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1:** **Bài thơ Nói với con được làm theo thể thơ gì?**

**A.** Năm chữ

**B.** Lục bát

**C.** Tám chữ

**D.** Tự do

**Câu 2: Qua bài Nói với con, nhà thơ muốn gửi gắm điều gì?**

**A.** Tình yêu quê hương sâu nặng

**B.** Triết lí về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người

**C.** Niềm tự hào về sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của quê hương

**D.** Cả 3 ý trên

**Câu 3: Dòng nào dưới đây nêu đúng những đức tính tốt đẹp của người đồng mình?**

**A.** Cần cù, chịu khó, anh dũng, bất khuất

**B.** Bền bỉ, nhẫn nại, chịu đựng, hi sinh

**C.** Hồn nhiên, mộc mạc, nghĩa tình, giàu chí khí

**D.** Thẳng thắn, trung thực, bền bỉ, dẻo dai

**Câu 4: Từ “nhỏ bé” trong câu thơ “Người đồng mình thô sơ da thịt- Chẳng có ai nhỏ bé đâu con” được dùng theo nghĩa nào?**

**A.** Nghĩa thực

**B.** Nghĩa so sánh

**C.** Nghĩa cụ thể

**D.** Nghĩa ẩn dụ

**Câu 5: Người cha nói với đứa con về cội nguồn sinh dưỡng là gia đình và quê hương nhằm mục đích gì?**

**A.** Nhắc nhở đứa con nhớ về cội nguồn sinh dưỡng (gia đình và quê hương)

**B.** Người cha muốn đứa con trân trọng, tự hào quê hương và tình cảm gia đình

**C.** Nhắc đứa con mạnh mẽ, kiên cường như truyền thống vượt khó của quê hương

1. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6: Hai câu thơ sau thể hiện điều gì?**

"*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát"*

A. Tình yêu thương của cha mẹ với con cái.

###### B. Cuộc sống lao động cần cù và vui tươi của con người quê hương.

C. Tinh thần đoàn kết của "người đồng mình" trong cuộc sống.

D. Cuộc sống gắn liền với thiên nhiên của "người đồng mình".

**Câu 7: Bài thơ “Nói với con” của Y Phương đã giúp em hiểu về điều gì ?**

A. Vẻ đẹp của rừng núi

B. Sức sống của người miền núi

C. Tâm hồn của người miền núi

###### D. Sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của người miền núi

**Câu 8: Nhận xét nào đúng về nhà thơ Y Phương?**

A. Thơ của ông mang âm hưởng dân ca Nam Bộ.

B. Đó là một hồn thơ thiết tha yêu mến cuộc sống nhưng cũng đầy đau đớn, giằng xé.

C. Có phong cách triết lí và đậm chất suy tưởng.

###### D. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

**Câu 9: Cụm từ "lên thác xuống ghềnh" là:**

A**.** Tục ngữ

B**.** Quán ngữ

C**.** Ca dao

###### D**.** Thành ngữ

**Câu 10: Bài thơ “Nói với con” có giọng điệu như thế nào?**

A. Sôi nổi,mạnh mẽ

B. Ca ngợi,hùng hồn

###### C. Tâm tình tha thiết

D. Trầm buồn, suy tư

**DẠNG 2: TỰ LUẬN**

**PHIẾU SỐ 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chí lớn.*

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc.*

(Trích [*Nói với con*](https://vndoc.com/cam-nhan-ve-bai-tho-noi-voi-con-cua-y-phuong/download), Y Phương).

**Câu 1.** Xác định thể thơ của đoạn trích trên. « *Người đồng mình »* được nhà thơ nói đến là những ai?

**Câu 2.** Qua đoạn trích, em thấy cuộc sống của người đồng mình hiện lên như thế nào?

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau:

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc*

**Câu 4**. Xác định thành ngữ trong đoạn thơ trên. Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào?

**Câu 5.**

Suy nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn của người đồng mình được thể hiện qua đoạn trích trên. Trình bày trong một đoạn văn khoảng 6-8 câu.

**GỢI Ý**

**Câu 1:** Thể thơ của đoạn trích trên: Thơ tự do

- “Người đồng mình” là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.

**Câu 2**: Qua đoạn trích trên em thấy "người đồng mình" là những con người miền quê, tình cảm chân thành mà sâu sắc, họ không hề sợ hãi hay nhụt chí trước những khó khăn của quê hương còn đói nghèo đang đeo bám nhưng họ vẫn cố gắng vươn lên trong cuộc sống. Họ không ngại khó, ngại khổ, sống với cái nghèo nhưng không chê quê hương nghèo khó => sức sống mạnh mẽ, mãnh liệt của con người nơi đây đồng thời muốn khen ngợi tinh thần, bản lĩnh của những con người quê hương mình.

Họ luôn là những con người bằng xương thịt “thô sơ da thịt” thật giản dị, chân thật nhưng không bao giờ nhỏ bé, với quyết tâm đó người đồng mình mong muốn xây dựng quê hương giàu mạnh hơn. Niềm tự hào cùng với sự cần chù, chăm chỉ sẽ giúp họ thành công.

**Câu 3:**Hai biện pháp tu từ:

- So sánh: *Sống như sông như suối*

Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sông trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Tương phản: *Lên… xuống…*

Phép tương phản nhấn mạnh nỗi khó nhọc trong cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc của người đồng mình.

4- Thành ngữ có trong đoạn thơ trên là “Lên thác xuống ghềnh”, nhấn mạnh nỗi vất vả, khó nhọc trong cuộc sống làm ăn của “người đồng mình”.

**Câu 5:** Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước

- Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: “Người đồng mình thương lắm con ơi!/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn”.

- Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

+ Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn

“Sống trên đá không chê đá gập gềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc”

- “Đá gập gềnh”, “thung nghèo đói” => Gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc => Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ  => Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

**PHIẾU SỐ 3 : Cho đoạn thơ sau:**

“*Chân phải bước tới cha  
Chân trái bước tới mẹ  
Một bước chạm tiếng nói  
Hai bước tới tiếng cười  
Người đồng mình yêu lắm con ơi  
Đan lờ cài nan hoa  
Vách nhà ken câu hát  
Rừng cho hoa  
Con đường cho những tấm lòng*”  
 ( Nói với con – Y Phương)

**Câu 1**. Trong đoạn thơ trên, người cha đã nói với con về điều gì?  
**Câu 2**. Cách miêu tả bước chân con “chạm tiếng nói”, “tới tiếng cười” có gì đặc biệt?  
**Câu 3**. Theo em “Người đồng mình” được nói đến trong đoạn thơ trên là ai? Cách gọi “người đồng mình” của Y Phương có gì sâu sắc?  
**Câu 4.** Hai câu thơ “ *Đan lờ cài nan hoa – Vách nhà ken câu hát*” sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?  
**Câu 5**. Trong câu thơ: *Rừng cho hoa  
 Con đường cho những tấm lòng*các từ “rừng, hoa, con đường” được hiểu theo những nghĩa nào?  
 **\* Gợi ý**:  
Câu 1. Người cha đã nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương.  
Câu 2. Cách miêu tả bước chân con đặc biệt như sau:   
- Tác giả đã dùng hình ảnh cụ thể, chuyển đổi cảm giác giàu chất thơ kết hợp với nét độc đáo trong tư duy, cách diễn đạt của người miền núi để nói khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười.  
- Làm cho câu thơ có nhịp điệu, hình ảnh độc đáo.  
Câu 3. “ Người đồng mình” được nói đến trong đoạn thơ là những người cùng làng, cùng bản, cùng nơi sinh sống. Cách gọi độc đáo đó đã thể hiện tình cảm cộng đồng gần gũi, ấm áp.  
Câu 4. Hai câu thơ sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ. Tác dụng: làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho lời thơ. Cụ thể:  
- Câu thơ “Đan lờ cài nan hoa”: gợi vẻ đẹp của người đồng mình trong công việc. Họ không chỉ cần cù, chăm chỉ lao động mà còn tài hoa, khéo léo, như gửi cả tâm hồn vào những việc làm, những sản phẩm trong cuộc sống hàng ngày của họ.  
- Câu thơ “Vách nhà ken câu hát”: gợi tả cuộc sống lao động của người đồng mình luôn tràn ngập niềm vui, niềm hạnh phúc.  
Câu 5. Các từ: rừng, hoa, con đường có thể được hiểu theo 2 nghĩa:   
- Nghĩa thực: chỉ sự vật cụ thể  
- Nghĩa ẩn dụ: chỉ quê hương

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**PHIẾU SỐ 1:**

**NGƯỜI LÁI THUYỀN**

**Ta-go**

*Thuyền của người Ma-đu thả neo xuống bến Ra-giơ-gun*

*Chở đầy những cây đay vô dụng, nằm im lìm biếng lười đã bao ngày.*

*Nếu ông ấy cho con mượn thuyền, con sẽ làm thêm trăm cái chèo,*

*và dựng lên năm, sáu hoặc bảy cánh buồm.*

*Con sẽ không bao giờ chèo thuyền đến những cái chợ ngớ ngẩn.*

*Con sẽ dong buồm đi khắp bảy biển mười ba sống của xứ sở thần tiên.*

*Nhưng, mẹ ơi, mẹ đừng sụt sùi khóc lóc trong xó tối cô đơn.*

*Con cũng không dại vào rừng sâu biền biệt mười bốn năm trời*

*như chàng Ra-ma*

*Con sẽ về trở thành hoàng tử trong truyện kể, và trên thuyền con*

*sẽ trở đầy những thứ mình yêu thích.*

*Con sẽ đem bạn A-su cùng đi. Chúng con vui sướng dong buồm*

*vượt qua bảy biển mười ba sống của xứ sở thần tiên.*

*Chúng con sẽ kéo buồm lên trong ánh sáng bình minh.*

*Buổi trưa lúc mẹ tắm trong ao, chúng con sẽ vào xứ sở của vị vua lạ.*

*Chúng con sẽ chèo thuyền qua con sống cạn Tơ-pun-ni*

*và bỏ lại đằng sau sa mạc Te-pan-tơ*

*Khi thuyền trở về trời đã sẩm tối, và sẽ kể mẹ nghe những điều trông thấy.*

*Con đã vượt bảy biển mười ba sông của xứ sở thần tiên.*

(Theo R*. Ta-go – Thơ*, Lưu Đức Trung dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2009)

**Câu 1: Bài thơ là lời của ai nói với ai?**

A.Lời của con nói với người Ma-đu

B. Lời của con nói với mẹ.

C. Lời của con nói với bạn A-su

D. Lời của con nói với vị vua lạ

**Câu 2: Phương án nào nêu đúng và đầy đủ những nơi mà người con sẽ chèo thuyền đến?**

(1)Bến Ra-giơ-gun

(2) Những cái chợ ngớ ngẩn

(3) Bảy biển mười ba sống của xứ sở thần tiên

(4) Vào rừng sâu

(5) Xứ sở của vị vua lạ

A. (1) – (2)

B. (2) – (3)

C. (3) – (5)

D. (4) – (5)

**Câu 3: Vì sao người con lại chèo thuyền đến những nơi đó?**

A.Vì đó là nơi đem lại cho con nhiều tiền bạc.

B. Vì đó là nơi con có thể đưa mẹ cùng đi đến.

C. Vì đó là những nơi dễ dàng để đi đến.

D. Vì đó là những nơi tốt lành, hạnh phúc.

**Câu 4: Theo em, mục đích của người con khi nói với mẹ “sẽ về trở thành hoàng tử trong truyện kể” và “sẽ kể mẹ nghe những điều trông thấy” về “bảy biển mười ba sống của xứ sở thần tiên” là gì?**

A.Để mẹ yên tâm và vui sướng về con.

B. Để mẹ giúp mượn thuyền của người Ma-đu

C. Để thuyết phục mẹ cùng đến xứ sở thần tiên

D. Để thuyết phục mẹ cho đi cùng bạn A-su

**Câu 5: Trong lời nói với mẹ, việc người con nhắc lại nhiều lần niềm vui của mình khi “dong buồm đi khắp bảy biển mười ba sông của xứ sở thần tiên” cho thấy điều gì?**

A.Người con đã cẩn trọng hơn, không đến xứ sở của các vị vua lạ.

B. Người con rất vui khi được bay nhảy, đến những nơi xa xôi.

C. Niềm hạnh phúc của con cũng là niềm vui, sự an lòng của mẹ.

D. Niềm hạnh phúc của con khi được mẹ cho phép ra khỏi nhà để đi xa.

**Câu 6: Qua các chi tiết trên, có thể thấy người con là người thế nào?**

A.Một người con biết yêu thương, lo lắng và quan tâm đến cha mẹ.

B. Một người con có hoài bão, lí tưởng và khát vọng vươn xa.

C. Một người con thích ngao du biển cả và khám phá điều mới lạ.

D. Một người con luôn luôn muốn ở bên cạnh và chăm sóc mẹ.

**Câu 7: Câu chuyện mà người con nói là sự thật hay tưởng tượng?**

A.Sự thật.

B. Tưởng tượng

C. Nửa sự thật, nửa tưởng tượng.

D. Vốn là tưởng tượng nhưng giờ đã thành hiện thực.

**Câu 8: Dòng nào nêu không đúng ý nghĩa của bài thơ:**

A.Bài thơ thể hiện tình cảm kính yêu của con dành cho mẹ.

B. Bài thơ thể hiện ước mơ đi đến những chân trời mới tốt đẹp.

C. Bài thơ thể hiện khát vọng chinh phục sa mạc Te-pan-đơ

D. Bài thơ thể hiện sự chín chăn, trưởng thành trong nhận thức của con.

**Câu 9: Hình ảnh nào được lặp lại nhiều lần trong bài?**

A.Bảy cánh buồm.

B. Mẹ sụt sùi khoc lóc

C. Ánh sáng bình minh

D. Bảy biển mười ba sông.

**Câu 10: Có phải hình ảnh đó tượng trung cho những trải nghiệm thú vị và vui sướng mà người con tưởng tượng ra?**

1. Đúng
2. Sai

**PHIẾU SỐ 2: Đọc bài thơ *Người lái thuyền* và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**: Những dòng thơ nào đã gián tiếp cho thấy người mẹ rất thương yêu và lo lắng cho con?

**Câu 2**: Những dòng thơ nào đã gián tiếp cho thấy người mẹ rất thương yêu và lo lắng cho con?

**Câu 3**: Hình ảnh con thuyền mơ ước (trăm cái chèo, sáu hoặc bảy cánh buồm) trong bài thơ tượng trưng cho điều gì?

**Câu 4**: Hãy xác định một số điểm giống nhau và khác nhau giữa bài thơ này và bài Mây và sóng (Ta-go)

**Câu 5:** Hãy tưởng tượng về một nơi mà em mong ước được đến và miêu tả nơi đó.

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1:** Những dòng thơ đã gián tiếp cho thấy người mẹ rất thương yêu và lo lắng cho con:

*Nhưng, mẹ ơi, mẹ đừng sụt sùi khóc lóc trong xó tối cô đơn.*

*Con cũng không dại vào rừng sâu biền biệt mười bốn năm trời*

*như chàng Ra-ma*

Hay:

*Buổi trưa lúc mẹ tắm trong ao, chúng con sẽ vào xứ sở của vị vua lạ.*

**Câu 2**: Nhà thơ đã sáng tạo những hình ảnh thơ tươi sáng để miêu tả ước mơ, mong muốn đẹp đẽ của người con: *bảy biển mười ba sông, xứ sở thần tiên, hoàng tử trong truyện kể, trên thuyền chở đầy những thứ mình yêu thích, kéo buồm lên trong ánh sáng bình minh*

**Câu 3**: Đó là một con thuyền lớn: trăm cái chèo, sáu hoặc bảy cánh buồm. Con thuyền tượng trưng cho khát vọng lớn lao của người con: muốn khám phá, chinh phục những nơi xa xôi, những chốn thiên đường, hạnh phúc.

**Câu 4**: Cả hai bài đều là lời của người con nói với mẹ, đều thể hiện tình cảm mẹ con, nhất là sự quan tâm của người con dành cho mẹ. Trong cả hai bài, tác giả Ta-go đều sử dụng các hình ảnh thiên nhiên tươi sáng để nói về tình cảm trong sáng, niềm vui, hạnh phúc của người con. Hình ảnh thơ có tính tượng trưng, thể hiện trí tưởng tượng bay bổng của nhân vật trữ tình. Hình thức thơ tự do. Tuy nhiên, nếu Mây và sóng độc đáo ở việc tạo ra cuộc trò chuyện giữa em bé cùng “mây” và “sóng” với những màn đối thoại ngộ nghĩnh, đáng yêu thì Người lái thuyền lại là một câu chuyện tưởng tượng về hành trình đi xa đến “bảy miền mười ba sông”, thứ xở thần tiên.

**Câu 5**: HS tự làm.

**PHIẾU SỐ 3:**

**Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:**

**MẸ VÀ QUẢ - Nguyễn Khoa Điềm**

*Những mùa quả mẹ tôi hái được*

*Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng*

*Những mùa quả mọc rồi lại lặn*

*Như mặt trời khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên*

*Còn những bí và bầu thì lớn xuống*

*Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn*

*Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi, một thứ quả trên đời*

*Bảy mươi tuổi mẹ vẫn chờ được hái*

*Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi*

*Mình vẫn còn là một thứ quả non xanh?*

**Câu 1**. Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tả thực? Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tượng trưng?

**Câu 2**. Tìm và chỉ ra ý nghĩa của các biện pháp tu từ được dùng trong hai câu thơ sau:

"Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏiMình vẫn còn một thứ quả non xanh"

**Câu 3**: Có thể đổi tên bài thơ thành Mẹ hái quả hoặc chỉ là Mẹ được không? Vì sao?

**Câu 4**. Ở khổ thơ thứ 2, hình ảnh mẹ hiện lên như thế nào? Qua đó, anh/chị hiểu gì về tình cảm của nhà thơ đối với mẹ?

**Câu 5**: Hãy tìm điểm tương đồng giữa người mẹ của tác giả trong bài thơ và người mẹ của em.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**

- Từ "quả" có ý nghĩa tả thực trong các câu thơ 1, 3.

- Từ "quả" có ý nghĩa tượng trưng trong các câu thơ 9 và 12, chỉ những đứa con lớn lên bằng tình yêu và sự săn sóc ân cần của mẹ.

**Câu 2.**

- Các biện pháp tu từ trong 2 câu thơ là:

+ Hoán dụ "bàn tay mẹ mỏi", lấy bộ phận chỉ toàn thể, nói bàn tay mỏi để nói đến sự già yếu của mẹ.

+ Ẩn dụ so sánh "một thứ quả non xanh" - chỉ người con, ý nói vẫn chưa trưởng thành.

- Tác dụng:

+ Tăng sức gợi hình và biểu cảm cho câu thơ

+ Bộc lộ tâm tư sâu kín: Tác giả tự kiểm điểm chính mình chậm trưởng thành mà lo sợ ngày mẹ mẹ già yếu đi vẫn chưa thể nở một nụ cười mãn nguyện với "vườn người" mẹ đã vun trông suốt cả cuộc đời, lòng mẹ sẽ buồn đau. Tác giả sợ mình chưa thể báo đáp công ơn to lớn của mẹ cho trọn đạo hiếu. Qua đó, ta thấy ở nhà thơ tấm lòng yêu thương và biết ơn mẹ chân thành và vô cùng sâu sắc. Hai câu thơ cũng là nỗi lòng của biết bao kẻ làm con nên giàu sức ám ảnh, khiến người đọc không khỏi trăn trở, tự nhìn lại chính mình!

**Câu 3**: Không, vì tên thứ nhất thiên về tả hành động thực tiễn, về việc thu hoạch mùa quả; tên thứ hai chưa thể hiện được đề tài và nét riêng có của bài thơ. Mẹ và quả vừa thể hiện được tính mới trong đề tài về mẹ vừa hé mở ý nghĩa của tác phẩm: công lao chăm sóc, vun trồng, nuôi dưỡng của mẹ để có những mùa quả bội thu, có những đứa con trưởng thành. Quả là kết quả đơm hoa kết trái của cây; quả là những đứa con đã lớn lên, trưởng thànhl quả là thành quả của cả một đời tần tảo của mẹ

**Câu 4.**

- Khổ thơ thứ hai, với các hình ảnh "giọt mồ hôi mặn" "lòng thầm lặng mẹ tôi", tác giả đã khắc họa hình ảnh một người mẹ tảo tần, lam lũ, nhọc nhằn nhưng giàu đức hi sinh. Mẹ vẫn âm thầm chăm sóc, vun trồng cho những bầu, những bí như chăm sóc chính những đứa con của mẹ, dẫu gian truân không một chút phàn nàn. Nhà thơ đã có một hình ảnh so sánh độc đáo - dáng hình của bầu bí như dáng giọt mồ hôi, hay giọt mồ hôi mẹ cứ dài theo năm tháng, như những bí những bầu. Qua đó, hình ảnh mẹ hiện lên bình dị mà đẹp đẽ biết bao!

- Nhà thơ đã thấu hiểu những vất vả, sự hi sinh thầm lặng của mẹ đều vì con. Câu thơ "Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên" giọng ngậm ngùi chất chứa biết bao thương cảm, thành kính, biết ơn.

**Câu 5**: HS tự làm.

**PHIẾU SỐ 4 Đọc bài thơ “Mẹ và quả” và trả lời các câu hỏi**

**Câu 1:** Chỉ ra [phương thức biểu đạt](http://vanhay.edu.vn/phan-biet-cac-phuong-thuc-bieu-dat-trong-van-ban)chính của bài thơ?

**Câu 2**: Nêu nội dung chính của bài thơ?( trả lời trong khoảng 5-7 dòng)

**Câu 3**: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong dòng thơ “Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?”.

**Câu 4**: Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của [biện pháp tu từ](http://vanhay.edu.vn/cac-bien-phap-tu-tu-da-hoc) ở hai câu thơ:

“Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi

Mình vẫn còn một thứ quả non xanh ?”

**Câu 5**: Phân tích điểm độc đáo của hai dòng thơ “Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên. Còn những bí và bầu thì lớn xuống”.

**Câu 6:** Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về hai câu thơ:

“Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn

Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi”

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu cảm.

**Câu 2:** Nội dung chính của bài thơ: Bằng sự trải nghiệm cuộc sống, với một tâm hồn giàu duy tư trăn trở trước lẽ đời, Nguyễn Khoa Điềm đã thức nhận được mẹ là hiện thân của sự vun trồng bồi đắp để con là một thứ quả ngọt ngào, giọt mồ hôi mẹ nhỏ xuống như một thứ suối nguồn bồi đắp để những mùa quả thêm ngọt thơm. Quả không còn là một thứ quả bình thường mà là “quả” của sự thành công, là kết quả của suối nguồn nuôi dưỡng. Những câu thơ trên không chỉ ngợi ca công lao to lớn của mẹ, của thế hệ đi trước với thế hệ sau này mà còn lay thức tâm hồn con người về ý thức trách nhiệm, sự đền đáp công ơn sinh thành của mỗi con người chúng ta với mẹ.

**Câu 3:** Biện pháp tut ừ ân dụ, dùng “quả” để nói về người dựa trên điểm tương đồng: đều là kết quả của quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc của mẹ. Tác dụng: tạo ra cách diễn đạt giàu hình ảnh, giúp người đọc mở ra sự liên tưởng giữa đời người và đời cây, giữa việc trồng cây với trồng người, tạo ra tính thống nhất về chủ đề của bài thơ.

**Câu 4:–** Nghệ thuật hoán dụ: Bàn tay mẹ mỏi: chỉ sự già nua và sự ra đi của mẹ.

- Nghệ thuật ẩn dụ quả xanh non, chỉ sự dại dột hay chưa trưởng thành của người con, câu hỏi tu từ: Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?

- Tác dụng: Tạo điểm nhấn về lòng biết ơn và sự ân hận như một thứ “tự kiểm” về sự chậm trễ thành đạt của người con chưa làm thỏa được niềm vui của mẹ.

**Câu 5**: Điểm độc đáo nằm ở hai chữ “lớn xuống” và cách tác giả tạo ra hình ảnh so sánh thú vị: các con lớn lên, bầu bí lớn xuống. Thông thường, ta không viết hay nói là “lớn xuống” mà phải nói là “lớn lên”; tuy nhiên, trong ngữ cảnh này cách diễn đạt đó lại được chấp nhận vì nó đặc tả đúng đặc điểm của bầu, bí khi lớn: càng lớn thì chúng càng trĩu xuống. Bên cạnh đó, đặt trong tương quan với “chúng tôi từ tay mẹ lớn lên”, tác giả vừa thể hiện được sự giống nhau giữa “chúng tôi” và “bí, bầu” (lớn) vừa cho thấy được sự khác biệt giữa người (lớn lên) và quả (lớn xuống), Qua đó, còn cho thấy được những vất vả, lo toan nhiều bề, nhiều chiều của người mẹ (lên, xuống)

**Câu 6**: Có thể nói đây là những câu thơ tài hoa nhất trong bài, khắc sâu sự hy sinh thầm lặng của mẹ và lòng biết ơn vô bờ của người con về công dưỡng dục sinh thành của mẹ hiền. Hình ảnh “chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn” là kiểu hình ảnh so sánh, ví von dáng bầu bí như giọt mồ hôi mặn của mẹ. Đó là hình tượng giọt mồ hôi nhọc nhằn, kết tụ những vất vả hi sinh của mẹ. Câu thơ “Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi” gợi lên dáng vẻ âm thầm trong vất vả nhọc nhằn của mẹ để vun xới những mùa quả tốt tươi.

**PHIẾU SỐ 5: Đọc bài thơ “Mẹ và quả” và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?**

A.Người mẹ.

B. Người con

C. Cả mẹ và con

D. Quả

**Câu 2: Phương án nào thể hiện đúng và đầy đủ nhất những cảm nhận của người con về mẹ trong hai dòng thơ đầu?**

(1)Sự vất vả, chịu thương, chịu khó

(2) Niềm tin của mẹ vào sự chăm sóc cây cối của mình.

(3) Sự thay đổi của các mùa quả

(4) Thành quả mà mẹ thu được

(5) Thương yêu con cái

A. (1) – (4) – (5)

B. (2) – (3) – (4)

C. (1) – (2) – (4)

D. (2) – (3) – (5)

**Câu 3: Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ số 3,4?**

A.Nhân hoá.

B. Hoán dụ

C. Ẩn dụ

D. So sánh

**Câu 4: Tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong hai dòng thơ số 3,4 là giúp tác giả khắc hoạ thành công thành quả lớn lao của mẹ, to lớn như Mặt Trời, Mặt Trăng.**

* 1. Đúng
  2. Sai

**Câu 5: Tác giả đã khắc hoạ điều gì về người mẹ của mình trong hai dòng thơ số 5,6?**

A.Công lao nuôi nấng con cái và công chăm sóc cây cối để có các mùa quả.

B. Bàn tay của mẹ to lớn và chai sạn vì nuôi con và vun trồng cho các mùa quả.

C. Nghị lực của mẹ khi chăm lo mùa màng, để có thể thu hoạch nhiều bí và bầu.

D. Những đứa con của mẹ đang ngày càng khôn lớn và chuẩn bị rời xa mẹ.

**Câu 6: Vì sao tác giả lại ví “những bí và bầu” như “dáng giọt mồ hôi mặn” của mẹ?**

A.Vì bí và bầu là hình ảnh của những người con mà mẹ đã phải lo toan, gian khó nuôi nấng.

B. Vì chúng vừa giống giọt mồ hôi vừa là kết quả của bao vất vả mà mẹ đã phải trải qua.

C. Vì những bí và bầu lớn lên, dáng của chúng giống như dáng hình gầy gò, khổ sở của mẹ.

D. Vì người con đã nhìn thấy mùa thu hoạch bí và bầu của mẹ, chúng như những đứa con của mẹ.

**Câu 7: Phương án nào không thể hiện đúng tình cảm của người con dành cho mẹ trong khổ thơ thứ hai?**

A.Biết ơn

B. Thấu cảm.

C. Thương xót

D. Thương hại

**Câu 8: Vì sao trong khổ thơ cuối, tác giả lại ví những đứa con như “một thứ quả trên đời”?**

A.Vì những đứa con vẫn chưa lớn, còn như những thứ quả non xanh dù mẹ đã bảy mươi tuổi đời.

B. Vì ở khổ thơ trước, tác giả đã chỉ ra sự giống nhau giữa con và quả trong dáng hình giọt mồ hôi mặn của mẹ.

C. Vì nuôi con cũng như trồng cây đợi quả, những đứa con là kết qura của biết bao yêu thương, chăm sóc và lo toan của mẹ.

D. Vì người con tự thấy những mùa quả, hết đứa này đến đứa khác lớn lên nhưng không giúp gì được cho mẹ.

**Câu 9: Dòng nào không thể hiện đúng chủ đề của bài thơ?**

A.Bài thơ thể hiện tình cảm thương yêu của người con dành cho mẹ.

B. Bài thơ viết về tình cảm của người mẹ dành cho những mùa quả.

C. Bài thơ là tình cảm biết ơn sâu sắc của người con đối với mẹ.

D. Bài thơ là sự thấu cảm, lo lắng của người con trước những vất vả của mẹ.

**Câu 10: Qua bài thơ, người mẹ hiện lên là một con người như thế nào?**

A. Là một người hiền lành, thật thà.

B. Là một người yêu thương con.

C. Là một người phụ nữ yêu thương con, tần tảo, vất vả, giàu đức hi sinh.

D. Là một người phụ nữ chăm chỉ

**PHIẾU SỐ 6:**

**TẾT NÀY NHỚ MẸ**

**-Nguyễn Trọng Tạo-**

*Đã hai Tết  
        Con về nhà  
                 Vắng Mẹ  
Cây quanh vườn mồ côi Mẹ hai năm  
Màu xanh lá buồn chi ngơ ngác thế?  
Lòng bồi hồi ra ngõ ngóng xa xăm.  
  
Như thuở nhỏ đường làng người đi chợ  
Những đứa con thắc thỏm ngóng mẹ về  
Con tóc bạc đi theo bầy trẻ nhỏ  
Mẹ đâu còn để chờ bánh đa kê.  
  
Mẹ đâu còn để đánh thức giao thừa  
Con ngái ngủ giật mình thấy Mẹ về rất tỏ  
Thắp nén nhang dâng bàn thờ Tiên Tổ  
Bên hình Cha, Mẹ nở nụ cười hiền.  
  
Con thấy Mẹ lom khom vào bếp, ra vườn  
Mẹ múc nước giếng nhà trong vắt  
Mẹ cho lợn ăn. Mẹ xới thêm luống đất  
Mẹ trồng rau. Mẹ hát điệu xa vời…  
  
Rồi Mẹ tiễn con đi về phía cuối trời  
Chiếc gậy chống đã vẹt mòn năm tháng  
Con ngoảnh lại chốn quê nhà xanh thẳm  
Mẹ cười hiền, chống gậy đứng nhìn theo…*

**Câu 1: Bài thơ viết về đề tài gì?**

A.Người mẹ

B. Người con

C. Người cha

D. Ngày tết

**Câu 2: Nhà thơ viết về mẹ trong bối cảnh nào?**

A.Những ngày còn ấu thơ bên mẹ.

B. Những ngày Tết về nhà không còn mẹ.

C. Đêm Giao thừa đợi mẹ đánh thức

D. Nhìn thấy mẹ đang lom khom vào bếp.  
**Câu 3: Cảm xúc bao trùm bài thơ là:**

A.Nỗi buồn ngơ ngác

B. Sự bồi hồi mong ngóng

C. Sự thắc thỏm ngóng trông

D. Nỗi nhớ thương da diết

**Câu 4: Từ ngữ nào cho beiest rõ mẹ của nhà thơ đã không còn trên đời?**

A.Vắng mẹ

B. Ngơ ngác

C. Mồ côi

D. Xa xăm

**Câu 5: Biện pháp tu từ nào đã được nhà thơ sử dụng trong hai dòng thơ sau?**

*Cây quanh vườn mồ côi Mẹ hai năm  
Màu xanh lá buồn chi ngơ ngác thế?*

A.Ẩn dụ

B. Nhân hoá

C. Nói giảm – nói tránh

D. Hoán dụ

**Câu 6: Tác dụng của biện pháp tu từ được xác định ở dòng thơ số 5 là gì?**

A.Diễn tả cảnh sắc thiên nhiên của khu vườn mỗi khi Tết đến xuân về

B. Thể hiện khoảng thời gian hai năm mẹ không có nhà, để lại sự trống vắng

C. Bộc lộ tình cảm gắn bó thiết tha của người mẹ đối với cây, lá trong khu vườn

D. Thể hiện sâu sắc nỗi đau mất mẹ, nỗi đau lan toả ra cả thiên nhiên, cảnh vật

**Câu 7: Phương án nào nêu không đúng hình ảnh người mẹ hiện về trong giấc mơ của con?**

A.Mẹ đi chợ cùng các con

B. Mẹ lom khom vào bếp

C. Mẹ múc nước giếng nhà

D. Mẹ xới thêm luống đất

**Câu 8: Trong khổ thơ cuối, nhà thơ đã nhớ về mẹ với hình ảnh nở nụ cười hiền bên cha**

A.Đúng

B. Sai

**Câu 9: Hình ảnh: “*Mẹ cười hiền, chống gậy đứng nhìn theo...”* không cho thây điều gì?**

A.Sự hiền từ của mẹ

B. Sự cô đơn của mẹ

C. Sự bịn rịn của mẹ

D. Sự vui vẻ của mẹ

**Câu 10: Hình ảnh của mẹ trong khổ thơ cuối gợi cho em nhớ đến những ai?**

A.Những người mẹ Việt Nam hiền lành, yếu đuối

B. Những người mẹ Việt Nam tiễn chồng, con ra trận.

C. Những người phụ nữ nghèo khổ ở chốn thôn quê.

D. Những người phụ nữ vất vả nuôi con khôn lớn.

**PHIẾU SỐ 7: Đọc bài thơ *Tết này nhớ mẹ* và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**: Theo em, vì sao tác giả lại ngắt câu thơ đầu tiên thành ba dòng khác nhau mà không viết liền trên một dòng như các câu thơ khác?

**Câu 2**: Dấu chấm lửng trong các câu thơ: “Mẹ trồng rau. Mẹ hát điệu xa vời...”, “Mẹ cười hiền, chống gậy đứng nhìn theo...” thể hiện điều gì?

**Câu 3**: Từ “vắng” (vắng mẹ) trong khổ 1 của bài thơ nên được hiểu thế nào?

**Câu 4**: Tìm điểm giống nhau giữa hình ảnh người mẹ trong bài thơ Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm) và bài thơ Tết này nhớ mẹ (Nguyễn Trọng Tạo)

**Câu 5**: Từ nội dung bài thơ, em hãy viết một bức thư gửi mẹ, nói lên tình cảm của em dành cho mẹ.

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1**: Vì có thể nỗi buồn mất mẹ, nhất là mỗi dịp Tết đến xuân về, đã khiến câu thơ giống như một tiếng khóc nấc, ngắt ra, đau đớn. Nỗi buồn đau khiến nhà thơ như nghẹn lời, vì thế, câu thơ cũng không còn liền mạch.

**Câu 2**: Ở dòng thơ : “Mẹ trồng rau. Mẹ hát điệu xa vời...”, dấu chấm lửng có thể được dùng để thể hiện sự hồi tưởng của con về những lời hát, điệu hát của mẹ, đồng thời, diễn tả dòng kí ức miên man chưa dứt của nhà thơ về mẹ. Còn trong dòng thơ: “Mẹ cười hiền, chống gậy đứng nhìn theo...”, dấu chấm lửng khắc hoạ cái nhìn dõi theo cho đến khi không còn thấy bóng con của mẹ, thể hiện sự bịn rịn, lo lắng,... của mẹ khi tiễn con đi xa.

**Câu 3:** Trong ngữ cảnh của bài thơ nói chúng và khổ 1 nói riêng, từ “vắng” nên được hiểu là “mất”, tức là mẹ đã mất, đã không còn sống trên cõi đời.

**Câu 4**: Cả hai bài thơ đều khắc hoạ hình ảnh những người mẹ ở nông thôn, vất vả, tảo tần nuôi con khôn lớn. Không chỉ trong những năm tháng tuổi trẻ mà cả khi đã về già, mẹ vẫn chưa được nghỉ ngơi. Đó là những người mẹ giàu nghị lực và có tình yêu thương con vô bờ bến. Cuộc đời vất vả, gian truân, hi sinh vì con cái của họ đã khiên cho những người con xúc động, rưng rưng, càng nghĩ, càng nhớ về mẹ lại càng xót xa, thương cảm và khâm phục.

**DẠNG 3: DẠNG VIẾT NGẮN:**

**ĐỀ 1** : **Từ nội dung của bài thơ « Nói với con », hãy viết một đoạn văn trình bày về tình cảm gia đình trong cuộc đời mỗi con người.**

**Hướng dẫn:**

- Đảm bảo thể thức đoạn văn.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các ý phù hợp, có sự liên kết chặt chẽ, sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai ý, đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

HS tìm ý, làm việc cá nhân.

A. Mở đoạn: Dẫn dắt ý thơ ở phần đọc hiểu, nêu được tình cảm gia đình là tình cảm cao đẹp, thiêng liêng của mỗi người.

B. Phát triển đoạn: Làm rõ giá trị cao đẹp tình cảm gia đình có lí lẽ, dẫn chứng

- Là tình yêu thương, sự đùm bọc, trở che, vỗ về, ruột thịt…

- Là tình cảm thiêng liêng của con người từ khi sinh ra và sẽ gắn bó trong suốt cuộc đời con người( biểu hiện, dẫn chứng)

- Hạnh phúc khi được sống trong mái ấm gia đình hạnh phúc

- Cảm thấu tấm lòng, đức hi sinh của mọi người trong gia đình mỗi người cần làm gì?

C. Kết đoạn: Suy nghĩ riêng của bản thân

**ĐỀ 2:** **Từ lời nhắn nhủ của cha đối với con trong đoạn thơ, em hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:**

**“Trong bất cứ hoàn cảnh nào, mỗi người đều cần phải có trách nhiệm với quê hương, Tổ quốc”**

**Gợi ý**: Các em làm theo các bước sau:

B1: bày tỏ chính kiến: đồng tình/ ko đồng tình/ đồng tình 1 phần.

B2: quan trọng nhất, lí giải vì sao các em đồng tình hay ko đồng tình với ý kiến đó, dựa trên hệ thống luận cứ là lí lẽ và dẫn chứng các em xây dựng đc.

B3: liên hệ bản thân

Các em lưu ý: rất nhiều bạn với dạng đề này, các em luôn làm thành 1 bài văn thu nhỏ, đủ các bước như giải thích, nêu biểu hiện, viết đoạn văn rất dài… như thế, đoạn văn của các em sẽ không sâu, hệ thống luận điểm các em đưa ra không xác đáng.

Về nhà HS hoàn thiện bài tập vào vở.

Sau đó, đối chiếu đanh mục tài liệu tham khảo được nêu ở bên dưới văn bản với quy cách, quy định đó để đưa ra nhận xét.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Thực hành Tiếng Việt: Ôn tập mạch lạc và liên kết trong văn bản. Thuật ngữ

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

* **ÔN TẬP**
* **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**
* **ÔN TẬP LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**
* **THUẬT NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực*:***Học sinh được rèn luyện, phát triển năng lực ngôn ngữ

- Nhận biết được thuật ngữ, các phép liên kết trong văn bản.

- Sử dụng thuật ngữ và các phép liên kết câu chặt chẽ trong nói và viết

- Làm được bài tập về thuật ngữ và liên kết trong văn bản.

- Biết tự giác, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu văn học; có trách nhiệm với ngôn ngữ mà mình sử dụng trong giáo tiếp. Khám phá, phát hiện, sáng tạo những vẻ đẹp ngôn ngữ dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, Phiếu học tập.

**2. Học liệu:**  Tài liệu thơ ca, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được ôn tập, củng cố khắc sâu kiến thức ngữ văn về phương tiện liên kết trong văn bản.

- Làm thành thạo các bài tập.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm nội dung các bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh, nhóm học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Nhắc lại kiến thức về đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản** | |
| ? Nhắc lại kiến thức đã học về liên kết trong văn bản?(Khái niệm, đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản, một số phép liên kết thường dùng) | **1. Khái niệm**  Liên kết là làm cho nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  **2.Đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản**   * Đặc điểm:   + Nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  + Các câu, các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết thích hợp.  - Chức năng: Liên kết là một trong những tính chất quan trọng của văn bản, có tác dụng làm văn bản trở nên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức  - Một số phép liên kết thường dùng:  + Phép lặp từ ngữ: lặp lại ở câu sau các từ ngữ đã có ở câu trước.  + Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.  + Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.  +Phép liên tưởng: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.  \*Lưu ý: Những phép liên kết trên khi được sử dụng ở những đoạn văn khác nhau sẽ có chức năng liên kết đoạn. Ví dụ: Với phép nối, người ta thường dùng các từ biểu thị quan hệ như “thứ nhất...,thứ hai...,thứ ba...”, “trước hết...,hơn nữa,...,quan trọng hơn cả...” ở các đoạn văn khác nhau để tạo sự liên kết. |
| **II. Thực hành Tiếng Việt:**  **Dạng 1: Trắc nghiệm: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**  **Câu 1:** Đại từ “nó” trong câu “Cái im lặng lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung…” thay thế cho cụm từ nào?  **A.** Cái im lặng  **B.** Lúc đó  **C.** Thật dễ sợ  **D.** Cái im lặng lúc đó  **Chọn đáp án:**D  **Câu 2:** Hãy nối từ ngữ cột A với cột B cho phù hợp   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Phép lặp lại | A. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có các câu trước | | 2. Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng | B. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước | | 3. Phép thế | C. Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước | | 4. Phép nối | D. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với các từ ngữ đã có ở câu trước. |   **Chọn đáp án:**1- C; 2- D; 3- A; 4- B  **Câu 3:** Nhận định nào sau đây chưa chính xác?  **A.** Các câu văn trong đoạn văn hoặc trong văn bản phải có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức  **B.** Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu văn phải phục vụ chủ đề của đoạn văn  **C.** Các đoạn văn và câu văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí  **D.** Việc sử dụng ở câu đứng các từ ngữ đồng nghĩa với từ ngữ đã có ở câu trước được gọi là phép liên kết liên tưởng  **Chọn đáp án:**D  **Câu 4:** Trong đoạn văn sau, từ ngữ in đậm thay thế cho những từ ngữ nào?  Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết **ông ta** xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:  - Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?  **A.** Ông quan lớn  **B.** Có ông quan lớn  **C.** Cái áo thật sang  **D.** Ông quan  **Chọn đáp án:**A  **Câu 5:** Yếu tố được thay thế trong câu hỏi 4 là:  **A.** Cụm danh từ  **B.** Cụm tính từ  **C.** Cụm động từ  **D.** Cụm chủ vị  **Chọn đáp án:**A  **Câu 6:** Các từ được sử dụng trong phép thế?  **A.** Đây, đó, kia, thế, vậy…  **B.** Cái này, việc ấy, vì vậy, tóm lại…  **C.** Và, rồi, nhưng, vì, để, nếu…  **D.** Nhìn chung, tuy nhiên, dù thế, nếu vậy…  **Chọn đáp án:**A  **Câu 7:** Các đoạn văn trong một văn bản, cũng như các câu văn trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức, đúng hay sai?  **A.** Đúng  **B.** Sai  **Chọn đáp án:**A  **Câu 8:** Tính liên kết về mặt nội dung trong đoạn văn là gì?  **A.** Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn (liên kết chủ đề)  **B.** Các đoạn văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí (liên kết logic)  **C.** Cả A và B đúng  **D.** Cả A và B sai  **Chọn đáp án:**C  **Câu 9:** Các phép liên kết chủ yếu được học là?  **A.** Phép nối, phép lặp  **B.** Phép liên tưởng, trái nghĩa  **C.** Phép thế  **D.** Cả 3 đáp án trên  **Chọn đáp án:**D  **Câu 10:** Hai câu “Nhà thơ hiểu rằng những tật xấu của chó sói là do nó vụng về vì chẳng có tài trí gì, nên nó luôn đói meo, và vì nó đói nên nó hóa rồ. Ông để cho Buy- phông dựng một vở bi kịch về sự độc ác, còn ông dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc.” liên kết với nhau bằng phép liên kết chính nào?  **A.** Phép lặp từ ngữ  **B.** Phép trái nghĩa  **C.** Phép đồng nghĩa  **D.** Phép thế  **Chọn đáp án:**D | |
| **Dạng 2: Tự luận**  **Bài tập 1:** Tìm các phép liên kết có trong các đoạn trích sau. Chỉ ra tác dụng của các phép liên kết đó:  a, Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh ta làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.  (Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sa Pa)*  b, Tôi ngẩng cao đầu mới thấy tuổi của bà; chứ cứ nhìn bà chặt củi, nhổ sắn, nhìn bà đứng, bà đi thì không ai biết bà đã gần bảy mươi. Bà làm nhanh, đi nhanh, lưng thẳng. Bà không hút thuốc lào như u tôi, không ăn giầu.  (Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng)*  c, Có cây lược anh càng mong gặp con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám- năm đó ta chưa võ trang- trong một trận càn của quân Mĩ - ngụy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực.  (Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà)* | *Gợi ý làm bài:*  a, Phép thế: Từ “anh ta” thay thế cho cụm từ “Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi”.   * Tác dụng: Làm cho đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc trong văn bản, tránh lặp lại các từ ngữ ở câu trước đó.   b, Phép lặp: Từ “bà”.   * Tác dụng: Làm cho đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc trong văn bản, nhấn mạnh hình ảnh người bà trong đoạn trích.   c, Phép nối: Từ “nhưng” nối câu 1 với câu 2.  Tác dụng: Làm cho đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc trong văn bản, nhấn mạnh ý nghĩa tương phản của câu sau với câu trước đó. |
| **Bài tập 2:** Chỉ ra tính liên kết hình thức của các đoạn trích sau  a.  Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vời vợi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuồn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng.  (Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sa Pa*)  b.  Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai củng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.  Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sứ. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế trí thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.  (Vũ Khoan, Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới)  c.Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác phải là kẻ mạnh. | ***Gợi ý làm bài***  a.Đoạn văn của Nguyễn Thành Long có sự liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết sau:  + Phép lặp: “người”, “anh”, “suy nghĩ”.  + Phép nối: “Và”  + Phép thế: “anh” (thế cho “người con trai”).  b*.*Đoạn văn của Vũ Khoan được liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết:  + Phép lặp: “thế kỉ”, “thiên niên kỉ”, “ai”, “hành trang”, “con người”.  + Phép thế: Từ “vậy” trong cụm từ “Trong khoảnh khắc như vậy” thay thế cho “sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ?. Từ “ấy” trong cụm từ “trong những hành trang ấy” thay thế cho “hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới”.  + Phép liên tưởng: sử dụng trường từ vựng về thời gian (năm, thế kỉ, thiên niên kỉ, thời khắc, cổ, kim).   1. – Phép trái nghĩa: yếu đuối - hiền lành >< ác - mạnh |
| **Bài tập 3:** (BT mở rộng về phép liên kết trái nghĩa )  **Chỉ ra phép liên kết trong đoạn văn sau và nêu tác dụng của nó.**  Thời gian vật lí vô hình, giá lạnh, đi trên con đường thẳng tắp, đều đặn như một cái máy (tuyệt hảo vì không bao giờ hư), tạo tác & phát hủy mọi sinh vật, mọi hiện hữu. Trong khi đó thời gian tâm lí lại hữu hình, nóng bỏng, quay theo một hình tròn, lúc nhanh, lúc chậm với bao nhiêu kỷ niệm nhớ thương về dĩ vãng,cũng như bao nhiêu dự trù lo lắng cho tương lai.  ( Trích SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2018) | ***Gợi ý làm bài***  + *Phép trái nghĩa: Tác giả sử dụng các cặp từ trái nghĩa trong hai câu văn: vô hình >< hữu hình; giá lạnh >< nóng bỏng; thẳng tắp >< hình tròn; đều đặn>< lúc nhanh, lúc chậm*  + Tác dụng: Trong 2 câu trên những cặp từ trái nghĩa phân biệt đặc điểm thời gian vật lý với đặc điểm của thời gian tâm lí giúp cho 2 câu ấy liên kết chặt chẽ với nhau. |
| **Bài tập 4**: **Hãy chỉ ra các lỗi về liên kết nội dung trong những đoạn trích sau & nêu cách sửa các lỗi ấy.**  a)Cắm đi một mình trong đêm (1). Trận địa đại đội 2 ở phía bãi bồi bên một dòng sông (2). Hai bố con cùng viết đơn xin ra mặt trận (3). Mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối (4).  b) Năm 19 tuổi chị đẻ đứa con trai, sau đó chồng mắc bệnh, ốm liền trong 2 năm rồi chết (1). Chị làm quần quật phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con (2).Có những ngày ngắn ngủi cơn bệnh tạm lui, chồng chị yêu thương chị vô cùng(3). | ***Gợi ý trả lời***  a.Lỗi LK nội dung: các câu không phục vụ chủ đề chung của đoạn văn  Sửa: Cắm đi một mình trong đêm (1). Trận địa đại đội 2 của anh ở phía bãi bồi bên một dòng sông (2). Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc hai bố con anh cùng viết đơn xin ra mặt trận (3). Bây giờ, mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối (4).  b.Lỗi về liên kết nội dung: Trật tự nêu trong các câu không hợp lý  Sửa: Năm 19 tuổi chị đẻ đứa con trai, sau đó chồng mắc bệnh, ốm liền trong 2 năm rồi chết. Suốt hai năm anh ốm nặng chị làm quần quật phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con. Có những ngày ngắn ngủi cơn bệnh tạm lui, chồng chị yêu thương chị vô cùng. |
| **Bài tập 5: Chỉ & nêu cách sửa các lỗi liên kết hình thức trong những đoạn trích sau đây.**  **a)** Với bộ răng khỏe cứng, loài nhện khổng lồ này có thể cắn thủng cả giày da. Mọi biện pháp chống lại nó vẫn chưa có kết quả vì chúng sống sâu dưới mặt đất. Hiện nay, người ta vẫn đang thử tìm cách bắt chúng để lấy nọc điều trị cho những người bị nó cắn.  b) Tại văn phòng, đồng chí Bộ trưởng đã gặp gỡ một số bà con nông dân để trao đổi ý kiến. Mỗi lúc bà con kéo đến hội trường một đông. | ***Gợi ý làm bài***  a.Lỗi dùng từ ở câu (2) và câu (3) không thống nhất .  Sửa: Thay đại từ “nó” 🡪 đại từ “chúng”.  b. => Dùng 2 từ không cùng nghĩa với nhau “văn phòng”🡪 “hội trường”  Sửa : Thay từ “hội trường” ở câu (2) bằng từ “văn phòng” |
| **Bài tập 6: Viết đoạn văn với chủ đề tự chọn (đoạn văn đảm bảo tính liên kết cả về nội dung và hình thức)**  **Gợi ý:** HS viết đoạn văn. Sau đó, đọc lại và chỉ ra các phép liên kết mình đã sử dụng trong đoạn văn.  **Bài tập 7:** Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy phân tích và sửa chữa các lỗi liên kết (nếu có). | |

**2. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: THUẬT NGỮ**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được ôn tập, củng cố khắc sâu kiến thức ngữ văn về thuật ngữ.

- Làm thành thạo các bài tập.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm nội dung các bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh, nhóm học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức các hoạt động** | **Dự kiến sản phẩm** |
| -Ôn lại kiến thức về thuật ngữ  Tổ chứ hoạt động nhóm tạo sảm phẩm sơ đồ tư duy kiến thức về thuật ngữ. | **I. Thuật ngữ** |
| Em thử hoàn thiện câu bài tập bằng cách thêm từ vào dấu …còn thiếu trong các câu sau   1. So sánh 2. Ẩn dụ 3. Hình thang 4. Hình vuông   **=> Thuật ngữ** | **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  **a. …** là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng đê làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  *b. ….biện pháp tu từ dùng tên gọi của sự vật/hiện tượng này bằng tên của sự vật/hiện tượng khác có nét tương đồng giữa 2 đối tượng về mặt nào đó (như tính chất, trạng thái, màu sắc, …) nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm cho sự diễn đạt*.  c. …là tứ giác có hai cạnh đối song song  d. **… là** hình tứ giác đều, tức có 4 cạnh bằng nhau và 4 góc bằng nhau (4 góc vuông |
|  | |
|  | **II. Luyện tập thực hành thuật ngữ** |
| **Bài tập 1: Chỉ ra thuật ngữ trong các câu sau:**  **a.***So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng đê làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt*.  *b. Ẩn dụ là biện pháp tu từ dùng tên gọi của sự vật/hiện tượng này bằng tên của sự vật/hiện tượng khác có nét tương đồng giữa 2 đối tượng về mặt nào đó (như tính chất, trạng thái, màu sắc, …) nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm cho sự diễn đạt*.  c. Tứ giác là tứ giác có hai cạnh đối song song  d.Hình vuông *là* hình tứ giác đều, tức có 4 cạnh bằng nhau và 4 góc bằng nhau (4 góc vuông  e. Nước là hợp chất của các nguyên tố hi- dro và ô xi có công thức là H2O | **Bài 1:**  a.So sánh  b.Ẩn dụ  c.Tứ giác  d.Hình vuông  e. H2O |
| **Bài tập 2: Tìm các thuật ngữ thường được dùng trong lĩnh vực sau:**  +Công nghệ thông tin  +Âm nhạc  +Hội họa  +Bảo hiểm: | -Công nghệ thông tin:Internet, google, micomputer,…  -Âm nhạc: ca từ, nốt son, giai điệu, nhạc beat, nốt nhạc…  -Hội họa: đồ họa,nghệ thuật số, đổ màu, đổ bóng song song, vẽ đắp, tranh sơn dầu, đường nét  -Bảo hiểm:Bảo hiểm nhân thọ,BH xã hội, Quỹ tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, bên mua bảo hiểm |
| **Bài tập 3: Đặt câu với các thuật ngữ sau:**  Hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ bài tiết, noãn | **\*Gợi ý:**  a.Công nghệ thông tin:  -Internet xuất hiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển  -Rất nhiều kiến thức trong các lĩnh vực đều có thể tìm thấy trên Google.  b.Âm nhạc  -Ca từ trong ca khúc Dòng sông quan họ thật ý nghĩa và sâu sắc.  -…..  c. Văn học:  -Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có quan hệ tương đồng  - |
| **Bài tập 4:**  Tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ *hoa, lá* trong Sinh học. Cho biết từ *hoa lá* trong đoạn thơ sau có được dùng như một thuật ngữ hay không.  Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ  Mặt trời chân lí chói qua tim  Hồn tôi là một vườn hoa lá  Rất đậm hương và rộn tiếng chim.  (Tố Hữu, Từ ấy) | Bài 4:  Tham khảo các nghĩa sau:  - Hoa: cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, có bộ phận chủ yếu là nhị ( bộ phận đực) và nhụy ( bộ phận cái) , còn đài và tràng làm thành bao hoa che chở ở ngoài.  - Lá: cơ quan của cây mọc ở thân hoặc ở cành, thường có hình bản giẹp, màu lục, có chức năng chủ yếu trong việc chế tạo chất hữu cơ nuôi cây.  HS đối chiếu với nghĩa của các từ hoa, lá trên đây để xác định từ hoa lá trong đoạn thơ của Tố Hữu có được dùng như một thuật ngữ hay không. |
| **Bài tập 5:**  Trong các nghĩa sau của từ *cháy*, nghĩa nào là nghĩa thuật ngữ Hóa học?   1. Bén, bốc lửa thành ngọn. 2. Phản ứng tỏa nhiệt và có ánh sáng. 3. Bị thiêu hủy bằng nhiệt. 4. Bị hủy hoại trở nên sạm đen do thời tiết, khí hậu. | **Bài tập 5:**  Chú ý đến Nghĩa thứ (2) . |
| **Bài tập 6:**  Trong hai từ “muối” ở hai trường hợp sau, từ “ muối” nào là thuật ngữ? Giải thích nghĩa của từ ” muối” trong hai trường hợp?   * **Muối** là một hợp chất có thể hòa tan trong nước(1) * Tay nâng đĩa **muối** chén gừng   Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau(2) | **Bài tập 6:**  Muối(1) là một thuật ngữ, không có tính biểu cảm, không gợi thêm nghĩa nào.  Muối(2) là một từ thông thường, đứng trong tổ hợp “ gừng cay muối mặn” để gợi lên những vất vả, gian truân mà con người phải nếm trải trong đời. |
| **Bài tập 7:** Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nói về sự cần thiết phải tìm hiểu và thực hiện luật lệ giao thông hoặc nội quy nơi công cộng, trong đó có sử dụng thuật ngữ. | **Bài tập 7:** |
| **\* Đoạn văn mẫu tham khảo:**  An toàn giao thông là hạnh phúc của mọi nhà. Thực hiện an toàn giao thông là trách nhiệm của toàn xã hội, nhất là đối tượng học sinh. Việc tuân thủ nguyên tắc và quy định trong giao thông của học sinh ngày nay còn nhiều hạn chế. Nhiều học sinh chưa có ý thức đầy đủ về vấn đề tai nạn giao thông và trách nhiệm của bản thân đối với an ninh, trật tự xã hội. Bởi thế, họ tỏ ra xem thường các quy định, thậm chí là thách thức các lực lượng điều khiển giao thông trong khi tham gia giao thông trên đường, dẫn đến những vi phạm và tai nạn đáng tiếc. Trước thực trạng đó, giáo dục và rèn luyện ý thực thực hiện an toàn giao thông cho mỗi học sinh là vô cùng cần thiết. Học sinh cần trang bị cho mình hiểu biết về vấn đề giao thông và tự biết tuân thủ các quy định an toàn khi tham gia giao thông, đảm bảo an toàn giao thông cho mình và cho mọi người, tránh tai nạn đáng tiếc xảy ra, gây hậu quả nghiêm trọng và đau lòng cho mình và cho người khác; đảm bảo giao thông được thông suốt, tránh gây ùn tắc giao thông. Cuộc sống trở nên an toàn, xã hội văn minh là bởi mỗi con người biết tuân thủ và thực hiện nghiêm khắc các quy định chung. An toàn là bạn, tai nạn là thù. Là học sinh, nhất định phải ý thức được trách nhiệm ấy. | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiến phản đối)

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

* **VIẾT**

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ**

**TRONG ĐỜI SỐNG (Thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, một cách hiểu khác về vấn đề)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

-HS thể hiện được ý kiến phản đối về vấn đề một cách thuyết phục với lí lẽ chắc chắn và bằng chứng cụ thể.

- Nắm vững quy trình viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống.

- Biết sáng tạo, linh hoạt khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

**- Trách nhiệm**: Có tinh thần trách nhiệm cao đối với những ý kiến tán thành về những vấn đề có ý nghĩa trong đời sống.

- Có ý thức chăm chỉ học tập.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng (Ti vi).

- Bảng phụ, Giấy A0, bút lông, bút dạ.

- Bảng kiểm, rubrics đánh giá bài viết của học sinh.

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I**. **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT** | |
| **\*Bước 1: GV yêu cầu HS thảo luận các câu hỏi:**  *1, Khái niệm bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.*  *2, Các yêu cầu với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống?*  *3, Dàn ý chung cua kiểu bài này?*  **\*Bước 2:** HS căn cứ phần định hướng SGK trả lời câu hỏi:  - Từng cặp đôi trả lời câu hỏi theo hình thức chia sẻ kết quả thảo luận của mình:  + Một học sinh hỏi.  + Một học sinh trả lời.  + Cuối cùng người hỏi cùng thống nhất với người trả lời về nội dung.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi.  **\*Bước 3:** GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những lưu ý | **1. Đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống**  **1. Khái niệm**  - **Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống thuộc thể nghị luận xã hội. Trong đó, người viết đưa ra ý kiến của mình về một vấn đề gợi ra từ các hiện tượng, sự việc trong đời sống, hoặc một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.**  **2. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống**  - Nêu được vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của người viết đối với vấn đề cần bàn luận.  - Đưa ra lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + MB: Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện ý kiến rõ ràng của người viết về vấn đề ấy.  +TB: Giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo trình tự hợp lí; đưa ra được bằng chứng đa dạng, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ; xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện.  + KB: Khẳng định lại ý kiến và đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động  **3. Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống**  - MB:  + Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.  + Nêu ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận.  -TB:  + Giải thích:  ++ Từ ngữ, khái niệm:  ++ Ý nghĩa cả câu (nếu bàn về danh ngôn, tục ngữ):  + Bàn luận:  ++ Khẳng định ý kiến của người viết:  ++ Lí lẽ 1:  ++ Bằng chứng 1:  ++ Lí lẽ 2:  ++ Bằng chứng 2:  + Lật lại vấn đề:  ++ Ở chiều hướng ngược lại, cần bổ dung gì cho ý kiến của người viết hay không?  ++ Vấn đề có ngoại lệ không?  ++ Những ý kiến trái chiều người viết cần trao đổi trong bài viết.   * KB: * + Khẳng định lại ý kiến * + Giải pháp, bài học nhận thức, phương hướng hành động của người viết. |
| **II. THỰC HÀNH VIẾT:** | |
| **\* Đề bài.**  ***Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương*** | **\*Cách làm kiểu bài nghị luận về hiện tượng đời sống (Thể hiện ý kiến phản đối)**  **\*Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định mục đích viết: Thuyết phục người viết về vấn đề mình phản đối.  - Người đọc: cô và các bạn.  - Xác định đề tài:  + Hiện tượng đời sống  + Vấn đề về lối sống, tư tưởng  + Những danh ngôn, tục ngữ có ý nghĩa với lối sống của con người.  - Thu thập tài liệu:  + Tìm các nguồn tư liệu liên quan đến vấn đề mà em muốn viết như bài báo, bài nghiên cứu, cuốn sách hoặcc ác trang web uy tín,...  + Trong khi thu thập tư liệu, hãy lập bảng thống kê tư liệu và ghi lại những lí lẽ, bằng chứng có thể sử dụng theo mẫu:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên tư liệu (tác giả)** | **Lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu** | **Ý kiến của tôi(tán thành/phản đối về nội dung tư liệu** | | ..... | ........ | ........... | ................ | |
| Vấn đề cần trình bày suy nghĩ (nghị luận) mà đề yêu cầu là gì? Phần mở bài em dự kiến giới thiệu như thế nào cho trúng yêu cầu? | **\*Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý:**  **1.Mở bài**  ***- Dẫn dắt, giới thiệu:***mỗi học sinh muốn có được sự phát triển tốt nhất về năng lực, đạo đức cần có môi trường học tập tốt  **- Nêu vấn đề:** Để môi trường lớp học luôn xanh, sạch đẹp, việc vệ sinh trường học thường xuyên là điều rất quan trọng  *=>* Vậy liệu rằng vệ sinh trường học có phải là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương? |
| Nêu khái quát từ ngữ, khái niệm, ý nghĩa cả câu. | **2.Thân bài**  ***a. Vệ sinh trường học là gì?***  - Trường học - cơ sở giáo dục, môi trường cung cấp không gian học tập cho học sinh dưới sự chỉ đạo của các giáo viên  - Vệ sinh trường học - hoạt động nhằm bảo đảm điều kiện tốt nhất về môi trường, cơ sở vật chất trường, lớp, các trang thiết bị, chế độ vệ sinh dạy học, học tập, tập luyện thể dục, thể thao.  ***- Ý nghĩa của việc dọn dẹp vệ sinh trường học:*** giúp học sinh và các giáo viên có môi trường học tập tốt hơn, xanh sạch đẹp và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất cũng như sức khoẻ tốt nhất. |
| Khẳng định ý kiến của người viết (phản đối hay tán thành) | ***b.Đưa ra ý kiến: Vệ sinh trường học không phải chỉ là trách nhiệm của những người lao công được nhà trường trả lương.***  ***-*** Vệ sinh trường học là công việc chung của tất cả mọi người ( thầy cô, học sinh)  - Mỗi cá nhân, đặc biệt là học sinh phải có ý thức bảo vệ môi trường trường học |
| - Cần chia ra nhiều khía cạnh để dễ dàng tìm ra lí lẽ (nguyên nhân thực chất là lí lẽ). Tìm ra càng nhiều nguyên nhân thì bài văn càng có sức thuyết phục, lí lẽ càng sắc bén.  - Để bài văn thêm sức thuyết phục thì phải lấy ví dụ cụ thể, tiêu biểu. Ví dụ càng cụ thể thì sức thuyết phục càng cao.  - Tuy nhiên nếu không có ví dụ cụ thể thì lấy ví dụ chung chung. | ***c. Vì sao vệ sinh trường học không phải chỉ là trách nhiệm của những người lao công được nhà trường trả lương. (Trả lời một số câu hỏi:*** *Môi trường học tập này là của đối tượng nào, người lao công chỉ chịu trách nhiệm những khu vực nào, nếu mỗi người hs chỉ trông chờ vào người lao công mà không biết tự ý thức được trách nhiệm của mình trong việc dọn dẹp vệ sinh trường học thì môi trường sẽ ra sao, đạo đức, nhân cách của mỗi HS sẽ bị ảnh hưởng như thế nào, ánh mắt mọi người: bạn bè, thầy cô nhìn vào người HS đó sẽ như thế nào,….****)***  - Trường học là môi trường học tập chung của tất cả học sinh và giáo viên, nơi đây học sinh sẽ được tiếp thu, lĩnh hội kiến thức góp phần phát triển bản thân mình  - Học sinh là đối tượng quan trọng nhất chịu ảnh hưởng bởi môi trường trường học  - Những người lao công không thể dọn hết được tất cả giấy rác ở mọi ngóc ngách trong phòng học  - Nếu học sinh có thói quen ỷ lại vào những người lao công:  + họ xả rác ở bất cứ nơi đâu, không nhặt giấy rác tại chỗ ngồi sau mỗi buổi học  + không sắp xếp lại bàn ghế ngay  - Việc giữ gìn về sinh chung không phải trách nhiệm của một cá nhân cụ thể nào mà đó là trách nhiệm chung của tất cả mọi người  - Thái độ khinh thường, thiếu tôn trọng sức lao động của những người lao công, ảnh hưởng đến đạo đức và nhân cách của bản thân người học sinh.  - Không được sự yêu mến từ thầy cô và bạn bè xung quanh |
| ***d.Bằng chứng***  - Học sinh sẵn sàng mang đồ ăn đồ uống vào lớp học và ăn uống xong vứt rác vào hộc bàn, trên ghế hay bất cứ nơi đâu  + Sau giờ học, những người lao công phải vất vả dọn dẹp khu vực xung quanh lớp học và cả trong lớp học nhưng không thể đi từng hộc bàn để dọn dẹp  => ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của học sinh đó. |
| - Qua hiện tượng đó em nhận thức được gì? Tức là em hiểu được gì qua những vấn đề vừa phân tích?  - Nhận thức rồi thì em sẽ hành động thế nào? Với những bạn có suy nghĩ sai lệch và với chính bản thân mình. | ***e.Bài học***  - Ý kiến trên là không đúng đắn  - Cần ý thức được trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn vệ sinh lớp học cũng như môi trường xung quanh lớp học, không nên có thái độ ỷ lại vào người khác  - Nhà trường nên có những hình thức xử phạt những em học sinh xả rác bừa bãi, hay có những quy định về khuôn viên ăn uống của học sinh  - Gia đình cũng nên nhắc nhở con em mình phải vứt rác đúng nơi quy định và đảm bảo vệ sinh chung. |
| **-** Đưa ra suy nghĩ của mình để khẳng định vấn đề mình vừa trình bày. Bảo vệ môi trường là việc của ai? Từ đó đưa ra lời khuyên và liên hệ bản thân. | **3.Kết bài:**  ***- Khẳng định lại ý kiến của mình:*** Môi trường là nơi chúng ta sinh sống, học tập và làm việc, vì thế bảo vệ môi trường là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta, đó không phải là công việc của riêng cá nhân nào  ***- Liên hệ bản thân:*** . Khi còn là học sinh, chúng ta cần nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh hơn nữa, từ trường học đến môi trường chung bên ngoài xã hội. |
| **\*Bước 3: Viết bài theo dàn ý:**  ***Bài làm hoàn chỉnh phát triển từ dàn ý chi tiết***  Để mỗi học sinh có được sự phát triển tốt nhất về năng lực, đạo đức, điều quan trọng là cần tạo được cho các bạn môi trường học tập tốt nhất, môi trường ở đây được hiểu theo cả nghĩa ẩn dụ là quá trình giảng dạy của thầy cô và theo nghĩa thực: sự xanh, sạch, đẹp của môi trường sống, khuôn viên trường học, lớp học. Để môi trường lớp học luôn xanh, sạch đẹp, việc vệ sinh trường học thường xuyên là điều rất quan trọng. Nhiều ý kiến cho rằng vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương Sự thực liệu có phải và có nên như vậy?  Trường học là cơ sở giáo dục, là môi trường cung cấp không gian học tập cho học sinh dưới sự chỉ đạo của các giáo viên. Vệ sinh trường học là các hoạt động nhằm bảo đảm điều kiện tốt nhất về môi trường, cơ sở vật chất trường, lớp, các trang thiết bị, chế độ vệ sinh dạy học, học tập, tập luyện thể dục, thể thao. Việc đảm bảo vệ sinh trường lớp sạch sẽ giúp học sinh và các giáo viên có môi trường học tập tốt hơn, xanh sạch đẹp và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất cũng như sức khoẻ tốt nhất.  Nhiều ý kiến cho rằng vệ sinh trường học chỉ là trách nhiệm của những người lao công được nhà trường trả lương, đây là ý kiến hoàn toàn sai lầm. Bởi trường học là môi trường học tập chung của tất cả học sinh và giáo viên, nơi đây học sinh sẽ được tiếp thu, lĩnh hội kiến thức góp phần phát triển bản thân mình. Chính bởi lẽ đó, học sinh là đối tượng quan trọng nhất chịu ảnh hưởng bởi môi trường trường học, đáng ra họ chính là người phải biết giữ gìn và đảm bảo sạch sẽ môi trường học tập của chính mình. Những người lao công không thể dọn hết được tất cả giấy rác ở mọi ngóc ngách trong phòng học, mà những nơi đó học sinh nên tự mình nâng cao ý thức không vứt rác bừa bãi và không ỷ lại vì có những người lao công. Hơn nữa, nếu học sinh vẫn có thói quen ỷ lại vào những người lao công như vậy, họ vẫn sẽ xả rác ở bất cứ nơi đâu, không nhặt giấy rác tại chỗ ngồi sau mỗi buổi học, không sắp xếp lại bàn ghế ngay ngắn thì chính họ đang là người khiến môi trường học tập của mình thêm tồi tệ hơn. Việc giữ gìn về sinh chung không phải trách nhiệm của một cá nhân cụ thể nào mà đó là trách nhiệm chung của tất cả mọi người, những người trực tiếp học tập và phát triển trong môi trường đó. Không những vậy, những suy nghĩ lệch lạc đó còn có thể dẫn đến một thái độ khinh thường, thiếu tôn trọng sức lao động của những người lao công, ảnh hưởng đến đạo đức và nhân cách của bản thân người học sinh. Những người như vậy sẽ không được sự yêu mến từ thầy cô và bạn bè xung quanh.  Nhiều học sinh cho rằng gia đình đã bỏ tiền cho nhà trường thuê lao công và họ phải có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh. Vì thế nên học sinh sẵn sàng mang đồ ăn đồ uống vào lớp học và sau khi ăn uống xong họ vứt rác vào hộc bàn, trên ghế hay bất cứ nơi đâu. Sau giờ học, những người lao công phải vất vả dọn dẹp khu vực xung quanh lớp học và cả trong lớp học nhưng không thể đi từng hộc bàn để dọn dẹp được. Thế nên, lâu dần chính nơi học tập của những học sinh sẽ bị ô nhiễm và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của học sinh đó.  Ý kiến trên là không đúng đắn. Mỗi chúng ta, là học sinh cần ý thức được trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn vệ sinh lớp học cũng như môi trường xung quanh lớp học, không nên có thái độ ỷ lại vào người khác. Để nâng cao ý thức của học sinh, nhà trường nên có những hình thức xử phạt những em học sinh xả rác bừa bãi, hay có những quy định về khuôn viên ăn uống của học sinh nhằm hạn chế tối đa tình trạng xả rác bừa bãi trong trường học. Gia đình cũng nên nhắc nhở con em mình phải vứt rác đúng nơi quy định và đảm bảo vệ sinh chung.  Tóm lại, giữ gìn vệ sinh tốt sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho con người phát triển cả về tinh thần lẫn thể chất. Môi trường là nơi chúng ta sinh sống, học tập và làm việc, vì thế bảo vệ môi trường là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta, đó không phải là công việc của riêng cá nhân nào. Khi còn là học sinh, chúng ta cần nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh hơn nữa, từ trường học đến môi trường chung bên ngoài xã hội.  **\*Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa** | |

**Một số dàn ý tham khảo:**

**ĐỀ 1: *Tắt thiết bị trong Giờ trái đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng vì chẳng tiết kiệm được bao nhiêu***

***Dàn ý chi tiết***

|  |
| --- |
| **Mở bài:**  - **Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:** Đi từ thực tế việc tổ chức hoạt động giờ trái đất  - **Nêu vấn đề**: Có ý kiến cho rằng: Tắt thiết bị trong Giờ trái đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng vì chẳng tiết kiệm được bao nhiêu, đây là ý kiến cần phân định đúng sai…  Thân bài   1. **Giới thiệu, làm rõ về chương trình giờ trái đất**   - Giờ Trái Đất - tiếng Anh là “Earth Hour”  + sự kiện quốc tế được tổ chức hàng năm  + do Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên khuyên các hộ gia đình và cơ sở kinh doanh tắt đèn điện và các thiết bị điện trong vòng 60 phút ( từ 20h30 đến 21h30 (giờ địa phương) ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 3 hàng năm)   1. **Ý nghĩa của việc tổ chức giờ Trái Đất**   -Ý nghĩa logo: xây dựng từ nền bản đồ địa cầu, cắt bởi số 60 là con số phút kêu gọi tắt điện.  + Hiện nayđược thêm dấu "+" sau số 60 (60+) với ý nghĩa Giờ Trái Đất không chỉ dừng lại ở 60 phút mà còn hơn thế nữa.  - Mục đích: đề cao việc tiết kiệm điện năng + đánh động sự chú ý của mọi người với ý thức bảo vệ môi trường.   1. **Những lợi ích của việc tắt các thiết bị trong GTĐ**   - Ý kiến “Tắt thiết bị trong Giờ trái đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng vì chẳng tiết kiệm được bao nhiêu” là hoàn toàn sai lầm.  - Chương trình Giờ Trái Đất ra đời nhằm kêu gọi, tuyên truyền tới mọi người về việc nên tiết kiệm điện, tắt điện khi không sử dụng.  - Giảm lượng khí thải cacbon dioxide ra ngoài môi trường.  - Khi giảm lượng khí thải độc hại, góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính  - Kêu gọi mọi người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường: một hành động nhỏ của một cá nhân khi được nhân lên diện rộng có thể giúp thay đổi môi trường sống tích cực hơn.  - Đây là một hành động đơn giản, mang tính biểu trưng và là một chiến dịch vô cùng cần thiết, cần được tích cực hưởng ứng, nó không hề vô nghĩa.   1. **Bằng chứng chứng minh cho những lợi ích đó**   - Giờ Trái Đất 2011 đã diễn ra vào ngày 26 tháng 3 năm 2011. Tại Việt Nam, với khẩu hiệu "Tắt đèn 60 phút, hành động 365 ngày vì biến đổi khí hậu" nhằm mục đích kêu gọi tiết kiệm điện quanh năm, 30 tỉnh thành thực hiện giờ Trái Đất đã tiết kiệm được 400.000 kWh tương đương 500 triệu đồng hay 21,338 USD.  - Năm 2020, sau một giờ tắt đèn và giảm thiểu sử dụng các thiết bị điện trong Giờ Trái đất, Việt Nam tiết kiệm được 436.000kWh. Việt Nam chính thức tham gia sự kiện lịch sử này kể từ tháng 3/2009, trong 12 năm tham gia sự kiện, Việt Nam đã tiết kiệm được 5.273.000kWh.   1. **Đưa ra ý kiến**:   - Khẳng định ý kiến đề bài là sai  - Chiến dịch được ra đời muốn hướng tới mục đích lâu dài nhằm kêu gọi, huy động mọi người hãy chú ý hơn tới môi trường sống của mình   1. **Bài học**   - Nâng cao nhận thức của bản thân, hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái Đất, hãy tắt điện khi không sử dụng và có ý thức bảo vệ môi trường.  - Kêu gọi mọi người tham gia chiến dịch  **Kết bài**:  - ***Khẳng định lại ý kiến***: . Chiến dịch Giờ Trái Đất cần được hưởng ứng và thực hiện nhiều hơn nữa trong quy mô lãnh thổ quốc gia và trên toàn thế giới  ***- Liên hệ bản thân:*** chúng ta cần tích cực tham gia các chiến dịch bảo vệ môi trường và có những việc làm có ý nghĩa góp phần xây dựng đất nước ngày một phát triển. |

***Bài làm hoàn chỉnh phát triển từ dàn ý chi tiết***

Mỗi năm, nước ta đều phát động chiến dịch giờ trái đất, đây là một chiến dịch vô cùng ý nghĩa, được tạo ra nhằm mục đích đề cao việc tiết kiệm điện năng. Tuy nhiên có ý kiến lại cho rằng: “Tắt thiết bị trong Giờ trái đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng vì chẳng tiết kiệm được bao nhiêu”, vậy ý kiến này đúng sai ra sao, đó là câu hỏi mà chúng ta cần thiết phải đi tìm câu trả lời.

Giờ Trái Đất trong tiếng Anh là “Earth Hour” là một sự kiện quốc tế được tổ chức hàng năm, do Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên khuyên các hộ gia đình và cơ sở kinh doanh tắt đèn điện và các thiết bị điện không ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt trong vòng 60 phút ( từ 20h30 đến 21h30 (giờ địa phương) ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 3 hàng năm). Logo của chương trình được xây dựng từ nền bản đồ địa cầu, cắt bởi số 60 là con số phút kêu gọi tắt điện. Hiện naylogo của Giờ Trái Đất được thêm dấu "+" sau số 60 (60+) với ý nghĩa Giờ Trái Đất không chỉ dừng lại ở 60 phút mà còn hơn thế nữa. Mục đích của sự kiện này nhằm đề cao việc tiết kiệm điện năng và nhằm đánh động sự chú ý của mọi người với ý thức bảo vệ môi trường

Ý kiến “Tắt thiết bị trong Giờ trái đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng vì chẳng tiết kiệm được bao nhiêu” là hoàn toàn sai lầm. Như chúng ta đã biết, trong thời hiện đại, việc sử dụng điện năng của con người ngày càng lớn. Nguồn điện đem tới ánh sáng, chiếu sáng cho muôn loài, thế nhưng việc tiêu dùng quá mức cũng dẫn đến nhiều tác hại. Chương trình Giờ Trái Đất ra đời nhằm kêu gọi, tuyên truyền tới mọi người về việc nên tiết kiệm điện, tắt điện khi không sử dụng. Hơn thế nữa, khi tiết kiệm được điện năng, hành động đó cũng giúp giảm lượng khí thải cacbon dioxide ra ngoài môi trường. Môi trường sống của chúng ta đang bị ô nhiễm nặng nề, nếu con người không có ý thức bảo vệ môi trường thì chính con người đang huỷ hoại cuộc sống của chính mình. Thật vậy bởi chúng ta cần môi trường để sống chứ không phải môi trường cần chúng ta. Khi giảm lượng khí thải độc hại, góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính, giúp môi trường xanh sạch đẹp hơn. Chiến dịch Giờ Trái Đất cũng kêu gọi mọi người hãy nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, nhắc nhở chúng ta rằng một hành động nhỏ của một cá nhân khi được nhân lên diện rộng có thể giúp thay đổi môi trường sống của chúng ta theo hướng tích cực hơn. Giờ Trái Đất là chiến dịch kêu gọi sự tham gia tự nguyện của đông đảo người dân công sở, toà nhà công cộng có thể tắt bớt đèn và các thiết bị không cần thiết trong 60 phút. Đây là một hành động đơn giản, mang tính biểu trưng và là một chiến dịch vô cùng cần thiết, cần được tích cực hưởng ứng, nó không hề vô nghĩa.

Thật vậy, Giờ Trái Đất 2011 đã diễn ra vào ngày 26 tháng 3 năm 2011. Tại Việt Nam, với khẩu hiệu "Tắt đèn 60 phút, hành động 365 ngày vì biến đổi khí hậu" nhằm mục đích kêu gọi tiết kiệm điện quanh năm, 30 tỉnh thành thực hiện giờ Trái Đất đã tiết kiệm được 400.000 kWh tương đương 500 triệu đồng hay 21,338 USD. Năm 2020, sau một giờ tắt đèn và giảm thiểu sử dụng các thiết bị điện trong Giờ Trái đất, Việt Nam tiết kiệm được 436.000kWh. Việt Nam chính thức tham gia sự kiện lịch sử này kể từ tháng 3/2009, trong 12 năm tham gia sự kiện, Việt Nam đã tiết kiệm được 5.273.000kWh.

Như vậy, ta thấy rằng quan điểm trên là sai. Chiến dịch được ra đời muốn hướng tới mục đích lâu dài nhằm kêu gọi, huy động mọi người hãy chú ý hơn tới môi trường sống của mình, nó không phải là chiến dịch vô ích. Mỗi chúng ta cần nâng cao nhận thức của bản thân, hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái Đất, hãy tắt điện khi không sử dụng và có ý thức bảo vệ môi trường. Hãy có những hành động thiết thực như kêu gọi mọi người tham gia chiến dịch, mỗi cá nhân dù nhỏ nhưng cũng góp phần tại nên sự thành công cho chiến dịch.

Tóm lại, chúng ta nên quan tâm nhiều hơn tới vấn đề môi trường, hãy hành động ngay trước khi quá muộn. Chiến dịch Giờ Trái Đất cần được hưởng ứng và thực hiện nhiều hơn nữa trong quy mô lãnh thổ quốc gia và trên toàn thế giới. Là học sinh, chúng ta cần tích cực tham gia các chiến dịch bảo vệ môi trường và có những việc làm có ý nghĩa góp phần xây dựng đất nước ngày một phát triển.

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 7**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 07 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu đoạn trích nghị luận  (Ngoài SGK) | 3 | 0 | 4 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 07 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu đoạn trích nghị luận  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Nhận diện được phương thức biểu đạt trong đoạn trích.  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: đề tài, chủ đề, thông điệp,…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của nghệ thuật lập luận, các hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc; ngôn ngữ nghị luận,…  - Hiểu được một số đặc trưng của văn nghị luận  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Nêu được suy nghĩ về quan niệm của nhà văn; rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề xã hội cần bàn luận.  - Xác định được cách thức trình bày bài văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề nghị luận.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề xã hội.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề xã hội.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

* **ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THÓI QUEN**

*Trên đời có rất nhiều thói quen, tốt và không tốt, thậm chí là thói quen xấu.*

*Chăm chỉ, ngăn nắp, làm gì thì đến nơi đến chốn, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, hay giúp đỡ người khác, có lòng khoan dung là thói quen luôn đáng khuyến khích.*

*Cẩu thả, tản mạn, luôn tiện tay vứt mọi thứ ra xung quanh hoặc ngoài đường, ghen ghét, lười biếng, buông trôi, ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp, nói tục, văng bậy, tham lam ích kỷ... là thói quen xấu.*

*Có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người thiếu nghị lực, khó sửa chữa như nghiện rượu, nói bậy, tắt mắt, không thứ tự, đánh bạc, chơi dế... mà có lẽ người có thói quen đấy tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên, nói vui là vẫn theo ông : “Nguyễn Y Vân”*

*Thói quen có thể có loại không hại đến ai như thói quen thức khuya, thói quen ngả lưng sau bữa ăn, thói quen đọc mấy tờ báo cho dễ ngủ... Nhưng có thói quen có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác như thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng...*

*Ai cũng có nhiều thói quen trong đời và đôi khi nó thành thâm căn cố đế, khó sửa, khó đổi thay. Chỉ những ai tự biết mình, tự sáng suốt, có nghị lực...mới dễ thành công trong đời vì biết điều khiển thói quen của mình.*

( Trích *“Thói quen”*- đoản văn của Băng Sơn)

***Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời mà em lựa chọn cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 7 vào bài làm. Với câu 8, 9, 10 các em tự viết phần trả lời vào bài.***

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính trong văn bản là:

A. Tự sự

B. Nghị luận

C. Miêu tả

D. Thuyết minh

**Câu 2**. Tác dụng của dâu chấm lửng trong câu văn: “*Cẩu thả, tản mạn, luôn tiện tay vứt mọi thứ ra xung quanh hoặc ngoài đường, ghen ghét, lười biếng, buông trôi, ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp, nói tục, văng bậy, tham lam ích kỷ... là thói quen xấu”*:

A. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt

D. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng

**Câu 3**. Đoạn trích bàn đến *thói quen có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác* là:

A. *cẩu thả, tản mạn*

###### B. *lười biếng, buông trôi*

###### C. *ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp*

D. *thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng...*

**Câu 4.** Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Bàn đến thói quen của con người và khuyên con người tự biết điều khiển thói quen của mình để thành công

B. Bàn đến thói quen tốt

C. Bàn đến thói quen có thể không hại và có hại

D. Bàn đến thói quen tốt

**Câu 5.** Tại sao *thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ lại có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác?*

A. Xâm phạm đến thời gian của người khác, gây mất tập trung, ảnh hưởng tới hiệu suất công việc, làm chậm tiến độ

B. Thiếu tính kỉ luật, không coi trọng thời gian của mình

C. Thiếu tính kỉ luật, không coi trọng thời gian của mình, xâm phạm đến thời gian của người khác, gây mất tập trung, ảnh hưởng tới hiệu suất công việc, làm chậm tiến độ

D. Thiếu tiết chế, bất lịch sự với người xung quanh

**Câu 6.** Tại sao có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người lại không thể sửa chữa?

A. Vì thiếu nghị lực, tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên.

B. Vì thiếu nghị lực, tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình

C. Vì thiếu nghị lực, tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng

D. Vì tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên.

**Câu 7.** Dòng nào dưới đây không đúng với mục đích viết văn bản?

A. Để giúp mọi người nhận ra những thói quen tốt và xấu của mình

B. Để khuyên mọi người biết tự điều chế thói quen

C. Để chỉ trích mọi người biết tự điều chế thói quen

D. Thuyết phục mọi người biết tự điều chế thói quen để thành công

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Theo em, làm thế nào để từ bỏ thói quen xấu?

**Câu 9.** Qua đoạn trích, em hãy nhận xét về cách lập luận của người viết?

**Câu 10.** Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc rèn luyện thói quen tốt.

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích”.* Em hãy viết bài văn nghị luận bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 – 7** | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **B** | **A** | **D** | **A** | **C** | **A** | **C** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 3.5 |
| **8** | Để từ bỏ thói quen xấu:   * Nhận thức được tác hại của thói quen xấu với chính mình và với mọi người xung quanh   - Có bản lĩnh, có quyết tâm thay đổi bản thân   * ***Hướng dẫn chấm****:*   *- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm*  **-** *Trả lời sơ sài hoặc chưa rõ ràng: 0,25 điểm* | 0.5 |
| **9** | Cách lập luận của người viết:  - Văn bản có lập luận rất chặt chẽ, từ những vấn đề chung triển khai thành các ý cụ thể, sau đó rút ra lời khuyên: *Chỉ những ai tự biết mình, tự sáng suốt, có nghị lực...mới dễ thành công trong đời vì biết điều khiển thói quen của mình.*  *-* Như vậy, với cách lập luận như trên, bài văn đã làm nổi bật được luận điểm và thuyết phục được người đọc bởi vì văn bản đã đặt ra một vấn đề bức thiết trong cuộc sống, cách giải quyết của tác giả chặt chẽ, xác đáng.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **10** | **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng.  **- Nội dung:** suy nghĩ về ý nghĩa của việc rèn luyện thói quen tốt:  + Rèn luyện thói quen tốt giúp con người làm chủ được bản thân  + Rèn luyện thói quen tốt là cơ sở hình thành con người văn minh, lịch sự  + Rèn luyện thói quen tốt góp phần tạo nên một xã hội tốt đẹp, bền vững, phát triển,...  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề: 0,25 điểm.*  *- Đưa ra được 2- 3 ý nghĩa: 0,75 điểm* | 1.0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
|  |  | **Viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến *“Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích”*** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Quan điểm phản đối về ý kiến “Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích” | 0.5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **Mở bài:**  **- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:** Đi từ thực tế trong nhà trường cần học nhiều môn học, có những môn HS thích, cũng có những môn HS không thích…..  **- Nêu vấn đề: Vậy mà có ý kiến cho rằng: *Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích,*** vậy ý kiến này đúng sai ra sao, đó là câu hỏi mà chúng ta cần thiết phải đi tìm câu trả lời. | 0.25 |
| **\* *Thực tế các môn học mà học sinh cần học trong nhà trường hiện nay***  - Các môn Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh là những môn học được học sinh quan tâm khá nhiều  - Các môn thuộc tổ hợp khoa học xã hội: Giáo dục công dân, Địa lý, Lịch sử  - Tổ hợp khoa học tự nhiên: Hoá học, Vật lý, Lịch sử; và các môn học khác   1. ***Tại sao trong nhà trường lại đưa vào nhiều môn học? (Ý nghĩa của mỗi môn học là gì?)***   - Toán học: giúp học sinh rèn luyện tư duy nhạy bén, tăng cường trí nhớ và khả năng suy luận logic.  - Ngữ văn: học sinh sẽ hiểu hơn về mọi mặt cuộc sống, về tình người; hơn nữa học Văn còn giúp ta có cách diễn đạt, thể hiện tình cảm sâu sắc, hàm súc hơn thông qua các hình tượng nghệ thuật.  - Môn Tiếng Anh: thứ ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới, nhất là trong thời buổi toàn cầu hoá, nhu cầu giao tiếp giữa mọi người thuộc mọi quốc gia là bắt buộc. Ngoài ra còn rất nhiều môn học khác cũng vô cùng ý nghĩa.   1. ***Nếu chỉ học một số môn mình yêu thích, bỏ qua một số môn, điều gì sẽ xảy ra?***   - Tình trạng học lệch và có suy nghĩ chỉ chú trọng vào những môn mình yêu thích mà bỏ qua những môn học khác  - Khi học đều các môn, tri thức của người học sẽ được phát triển một cách đồng đều và toàn diện.  - Khi học lệch, kiến thức của họ sẽ bị hổng khá lớn, dẫn đến tư duy lệch lạc sau đó sẽ là lệch lạc trong lối sống.  - Họ có thể trở thành những nhà khoa học giỏi nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống, không có khả năng nói trước đám đông, giao tiếp kém nên có thể sẽ không có cơ hội để phát huy những kiến thức mà mình giỏi  - Học lệch ảnh hưởng lớn đến thế hệ được coi như là mầm non tương lai của đất nước.  ***4. Bằng chứng? (Lấy ví dụ về tác hại của việc học lệch môn)***  - Chỉ chú tâm vào học những môn các em cho là môn học chính như Toán, Ngữ văn, Tiếng anh mà khi kì thi khảo sát yêu cầu thi thêm những môn như Hoá học, Vật lí, các em đã bị hổng kiến thức ngay từ ban đầu => kết quả thi vô cùng thấp, ảnh hưởng đến kết quả học tập chung của bản thân  - Khi bước vào Đại học, những bạn học sinh đó mới thấy được rõ tác hại của việc học lệch, họ bị thiếu những kiến thức nền tảng, rất khó để nắm bắt và theo kịp những kiến thức mới mẻ và khó khăn hơn.  ***5. Khẳng định ý kiến, đưa ra quan điểm: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích, đây là quan điểm sai lệch, cần điều chỉnh***  - Quan điểm trên là hoàn toàn sai, học lệch có thể sẽ dẫn đến những hậu quả đáng tiếc  ***6. Bài học***  - Nếu muốn trở thành người thành công, hãy trau dồi cho mình một vốn kiến thức vững vàng về tất cả các lĩnh vực.  - Để giúp học sinh có hứng thú hơn với môn học, thầy cô và nhà trường nên đổi mới phương pháp dạy học  - Gia đình cũng nên khuyên bảo con em mình không nên học lệch và không đặt nặng áp lực cho các em để các em được phát triển một cách tốt nhất.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,25 điểm – 1,5 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 0,75 điểm - 1,0 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.* | 1.5 |
| ***Kết bài:***  ***- Khẳng định lại ý kiến của bản thân:*** học lệch đang là một vấn đề vô cùng phổ biến trong nền giáo dục của nước ta hiện nay  ***- Liên hệ bản thân:*** Là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, là thế hệ tương lai của đất nước, chúng ta nên tập trung nghe giảng bài trên lớp của các môn học để nắm bắt kiến thức một cách tốt nhất. ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

***Bài làm hoàn chỉnh phát triển từ dàn ý chi tiết***

Nền giáo dục ở nước ta hiện nay có thiên hướng tập trung khá nhiều về lí thuyết, có rất nhiều môn học được đưa vào chương trình giảng dạy, có những môn học gợi nhiều hứng thú học tập cho học sinh, nhưng cũng có những môn học sinh không thích. Bởi thế, có ý kiến cho rằng: “Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích”, vậy ý kiến này đúng sai ra sao, đó là câu hỏi mà chúng ta cần thiết phải đi tìm câu trả lời.

Trước tiên, ta cần tìm hiểu chương trình giáo dục ở Việt Nam có những môn học bắt buộc nào. Các môn Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh là những môn học được học sinh quan tâm khá nhiều, bên cạnh đó là các môn thuộc tổ hợp khoa học xã hội: Giáo dục công dân, Địa lý, Lịch sử; tổ hợp khoa học tự nhiên: Hoá học, Vật lý, Lịch sử; và các môn học khác. Mỗi môn học mang lại ý nghĩa giúp người học trau dồi thêm vốn kiến thức về mọi mặt. Về môn toán học, học môn học này sẽ giúp học sinh rèn luyện tư duy nhạy bén, tăng cường trí nhớ và khả năng suy luận logic. Về môn Ngữ văn, học sinh sẽ hiểu hơn về mọi mặt cuộc sống, về tình người; hơn nữa học Văn còn giúp ta có cách diễn đạt, thể hiện tình cảm sâu sắc, hàm súc hơn thông qua các hình tượng nghệ thuật. Môn Tiếng Anh cũng trở thành môn học bắt buộc bởi đây là thứ ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới, nhất là trong thời buổi toàn cầu hoá, nhu cầu giao tiếp giữa mọi người thuộc mọi quốc gia là bắt buộc. Ngoài ra còn rất nhiều môn học khác cũng vô cùng ý nghĩa.

Mỗi môn học lại có những đặc điểm khác nhau, có những bạn thích môn xã hội vì không cần tính toán nhiều, một số lại thích môn tự nhiên vì không thích ghi chép nhiều, từ đó dẫn đến tình trạng học lệch và có suy nghĩ chỉ chú trọng vào những môn mình yêu thích mà bỏ qua những môn học khác. Đây là quan điểm vô cùng sai lệch. Bởi khi học đều các môn, tri thức của người học sẽ được phát triển một cách đồng đều và toàn diện. Còn khi học lệch, kiến thức của họ sẽ bị hổng khá lớn, dẫn đến tư duy lệch lạc sau đó sẽ là lệch lạc trong lối sống. Sau này họ có thể trở thành những nhà khoa học giỏi nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống, không có khả năng nói trước đám đông, giao tiếp kém nên có thể sẽ không có cơ hội để phát huy những kiến thức mà mình giỏi. Học lệch ảnh hưởng lớn đến thế hệ được coi như là mầm non tương lai của đất nước. Đặc biệt, những môn học mà học sinh luôn coi nó là môn phụ như Thể dục, Mĩ thuật, Âm nhạc,…Ngày nay, học sinh hầu như không có hứng thú với môn Lịch sử nhưng họ không thể biết rằng môn học này vô cùng thú vị, giúp ta có vốn am hiểu về lịch sử nước nhà, ta thêm biết ơn những người anh hùng, thế hệ ông cha ta đã ngã xuống để bảo vệ nền độc lập cho chúng ta hôm nay. Và phải chăng vì học lệch, học sinh không coi trọng môn Toán nên kiến thức tính nhẩm chậm chạp, tất cả phụ thuộc vào máy tính, học Văn kém nên thiếu khả năng diễn đạt trôi chảy,…

Dẫn chứng về việc học lệch hiện nay rất nhiều. Vì chỉ chú tâm vào học những môn các em cho là môn học chính như Toán, Ngữ văn, Tiếng anh mà khi kì thi khảo sát yêu cầu thi thêm những môn như Hoá học, Vật lí, các em đã bị hổng kiến thức ngay từ ban đầu. Vì thế kết quả thi vô cùng thấp, ảnh hưởng đến kết quả học tập chung của bản thân. Khi bước vào Đại học, những bạn học sinh đó mới thấy được rõ tác hại của việc học lệch, họ bị thiếu những kiến thức nền tảng, rất khó để nắm bắt và theo kịp những kiến thức mới mẻ và khó khăn hơn.

Qua đó, ý kiến về việc chỉ nên học những môn học yêu thích là không đúng đắn. Mỗi chúng ta cần xác định cho mình học tập là quyền lợi và cảm thấy may mắn khi ta được học tập. Nếu muốn trở thành người thành công, hãy trau dồi cho mình một vốn kiến thức vững vàng về tất cả các lĩnh vực. Để giúp học sinh có hứng thú hơn với môn học, thầy cô và nhà trường nên đổi mới phương pháp dạy học, hãy truyền cho học sinh cảm hứng học tập, để các em thấy được ý nghĩa và cái hay, cái đẹp của môn học đó. Gia đình cũng nên khuyên bảo con em mình không nên học lệch và không đặt nặng áp lực cho các em để các em được phát triển một cách tốt nhất.

Tóm lại, học lệch đang là một vấn đề vô cùng phổ biến trong nền giáo dục của nước ta hiện nay. Vì thế, mỗi chúng ta cần ý thức được tầm quan trọng của việc phải học đều các môn để phát triển bản thân theo một hướng toàn diện nhất. Là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, là thế hệ tương lai của đất nước, chúng ta nên tập trung nghe giảng bài trên lớp của các môn học để nắm bắt kiến thức một cách tốt nhất.

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

**ÔN TẬP**

**BÀI 9. HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù: Ôn tập các đơn vị kiến thức trọng tâm của bài học 9:**

- Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn VB; nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. Từ đó, làm được các bài tập đọc hiểu GV giao.

- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong VB thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt đó, giải quyết được các bài tập tiếng Việt.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**2. Năng lực chung:**

**- Tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ nhóm học tập để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

- Chăm chỉ; tích cực ôn tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC ÔN TẬP**

**Nguyễn Trọng Cường. GV trường thcs Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An. Gmail:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Giúp HS nhắc lại các bài học, chú ý vào việc thực hiện nhiệm ôn tập.

**2. Nội dung:** HS trình bày vào khung, phiếu.

**3. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS: **Điền thông tin để hoàn thành bảng sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **1. Đọc – hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  **\*Đọc - hiểu các văn bản**:  - VB1: …  - VB2: …  - VB3: … |
| **Thực hành tiếng Việt:…** |
| **2. Viết** | **Viết:…** |

**\*ĐÁP ÁN:**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **1. Đọc – hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  **\*Đọc - hiểu các văn bản**:  + VB1: *Thuỷ tiên tháng Một* (Thô-mát L.Phrít-man).  + VB2: *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung).  +VB3: *Bản tin về hoa anh đào* (Nguyễn Vinh Nguyên). |
| **Thực hành tiếng Việt:** Cước chú và tài liệu tham khảo; giải nghĩa từ Hán Việt. |
| **2. Viết** | **Viết:** Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS báo cáo sản phẩm.

- GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập**

- HS khác nhận xét sản phẩm.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, giới thiệu nội dung ôn tập bài 8:

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP**

**ÔN TẬP VĂN BẢN THÔNG TIN**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ THỂ LOẠI**

**\*GV cho HS nhắc lại:**

1. *Các đặc điểm của văn bản thông tin.*
2. *Cách đọc Vb thông tin.*

**1. Đặc điểm văn bản thông tin:**

**\*Khái niệm:** *là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Loại văn bản này rất phổ biến, hữu dụng trong đời sống. Nó bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, các văn bản hành chính, từ điển, bản tin…*

**\*Cách triển khai ý tưởng và thông tin:**

- *Triển khai theo trật tự thời gian;*

*- Theo quan hệ nhân quả;*

*- Theo góc nhìn khác nhau về sự vật hiện tượng;*

*- Theo từng bộ phận của đối tượng.*

**\*Căn cứ để lựa chọn cách triển khai:** *phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng, vào mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc.*

**2. Cách đọc văn bản thông tin**

- Đọc tiêu đề, xác định được đối tượng được đề cập đến trong văn bản.

- Đọc lướt và phát hiện các thông tin chính/nổi bật của văn bản.

- Chú ý, đọc kĩ các thông tin chính/nổi bật, các chú thích, thuật ngữ chuyên sâu được sử dụng trong văn bản.

- Xem xét các tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu (nếu có), kết nối chúng với thông tin của văn bản, xem chúng có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện nội dung thông tin của văn bản.

- Liên hệ với trải nghiệm của bản thân hoặc với thực tiễn đời sống.

**B. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ VĂN BẢN**

**\*Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 02 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một VB**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | + VB1: *Thuỷ tiên tháng Một* (Thô-mát L.Phrít-man). | + VB2: *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung). |
| **Kiểu văn bản** | *…* | *…* |
| **Các phương thức biểu đạt** | *…* | *…* |
| **Giá trị nghệ thuật** | *…* | *…* |
| **Giá trị nội dung, ý nghĩa** | *…* | *…* |

\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | + VB1: *Thuỷ tiên tháng Một* (Thô-mát L.Phrít-man). | + VB2: *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung). |
| **Kiểu văn bản** | Văn bản thông tin | Văn bản thông tin |
| **Các phương thức biểu đạt** | *Nghị luận, thuyết minh* | *Nghị luận, thuyết minh, miêu tả, tự sự* |
| **Giá trị nghệ thuật** | - Trình bày thông tin theo quan hệ nhân quả.  - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa thông tin khoa học với những quan sát trải nghiệm của bản thân.  - Sử dụng những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục.  - Nhan đề ấn tượng, gợi suy đoán; nhiều chi tiết mang tính điển hình. | - Trình tự giới thiệu khúc chiết, mạch lạc;  - Cách trần thuật và miêu tả chi tiết, tỉ mỉ;  - Lời văn nhẹ nhàng, giàu hình ảnh.  - Câu văn ngắn gọn, giàu sức gợi, cuốn hút người đọc.  - Kết hợp kênh chữ và hình ảnh giúp người đọc hình dung rõ về lễ rửa làng. |
| **Giá trị nội dung, ý nghĩa** | - Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên Trái Đất đang diễn ra với những hiện tượng thời tiết vô cùng bất thường và cực đoan. Từ đó, giúp mỗi người có được nhận thức sâu sắc về sự rối loạn khí hậu toàn cầu, có ý thức bảo vệ môi trường để cuộc sống ngày càng tốt hơn. | - Văn bản đã giới thiệu về lễ rửa làng của người Lô Lô, qua đó thể hiện nét đẹp về văn hóa và tinh thần của người dân nơi đây. |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 2:**

**C. LUYỆN ĐỀ NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**Văn bản 1:*****Thuỷ tiên tháng Một* (Thô-mát L.Phrít-man)**

**Đọc kĩ văn bản *Thuỷ tiên tháng Một* của Thô-mát L.Phrít-man và trả lời câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Chỉ ra và nêu nhận xét về cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản.

**Câu 2.** Đặc điểm nổi bật của văn bản thông tin được thể hiện trong văn bản là gì?

**Câu 3.** Nêu nhận xét về những số liệu được nêu ra ở đoạn 6 và 7 của văn bản.

**Câu 4.** Qua văn bản, em có cảm nhận gì về hiện tượng biến đổi khí hậu trên Trái Đất?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**

**\*Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản:** Theo quan hệ nhân quả và theo tầng bậc khác nhau của vấn đề, chủ yếu là quan hệ nhân quả.

**\*Nhận xét:**

- Cách triển khai có tính sáng tạo và hấp dẫn: từ hiện tượng quan sát đi đến khái quát vấn đề và đưa ra số liệu chứng minh; chỉ ra từ nguyên nhân đến hậu quả của biến đổi khí hậu;

- Các thông tin, dẫn chứng xác thực, thời sự đa dạng, toàn diện;

- Trích dẫn tài liệu và cước chú rõ ràng, khoa học;

- Số liệu được dẫn xác đáng và giàu sức thuyết phục.

**Câu 2.** Đặc điểm nổi bật của văn bản thông tin được thể hiện trong văn bản là:

- Sử dụng số liệu, minh chứng để chứng minh, giải thích cho vấn đề mình nói tới, ví dụ:

+ Thông tin giải thích về sự xuất hiện hai thái cực thời tiết bất thường;

+ Các số liệu của năm 2007 và 2008;

*->giúp tăng sức thuyết phục cho luận điểm; cho thấy tác giả đã cập nhật thông tin từ nhiều nguồn.*

**Câu 3.** Nhận xét: Những số liệu ở đoạn 6 và 7 của văn bản đã cung cấp bằng chứng xác thực về "sự bất thường của Trái Đất" qua những con số đầy ám ảnh. Các dẫn chứng đều có nguồn gốc xuất xứ, thời gian và số liệu minh chứng cụ thể, nhắc nhở, cảnh báo con người cần thay đổi thái độ để cải thiện tình trạng nóng lên bất thường của Trái Đất.

**Câu 4.** Cảm nhận về hiện tượng biến đổi khí hậu trên Trái Đất.

* Biến đổi khí hậu đang có những tác động tiêu cực đến tự nhiên và môi trường sống của con người;
* Con người cần phải nhìn nhận đúng hiện trạng để có giải pháp hiệu quả;
* Thay đổi cách sống để góp phần bảo vệ Trái Đất,…

**Văn bản 2:*****Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung)**

**Đọc kĩ văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô* của Phạm Thuỳ Dung và trả lời câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Nêu dấu hiệu cho biết văn bản ***Lễ rửa làng của người Lô Lô*** là văn bản thông tin giới thiệu về luật lệ của một hoạt động.

**Câu 2.** Theo em, hoạt động nào trong văn bản gây được ấn tượng nhất? Vì sao?

**Câu 3.** Nêu nhận xét về thái độ, tâm trạng của người Lô Lê khi tham gia lễ rửa làng.

**Câu 4.** Qua lễ rửa làng, em có cảm nhận như thế nào về lối sống của người Lô Lô?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Những dấu hiệu cho biết văn bản ***Lễ rửa làng của người Lô Lô*** là văn bản thông tin giới thiệu về luật lệ của một hoạt động;

- Giới thiệu cụ thể một số hoạt động tự do và một số hoạt động thực hiện theo luật lệ như:

+ Thời gian cụ thể được chọn để làm lễ;

+ Cách sắm đồ lễ;

+ Mời thầy cúng xin lễ;

+ Diễu hành trong làng và dụng cụ cần thiết;

+ Tiếp đón đoàn diễu hành;

+ Không để người lạ vào làng sau 9 ngày…

**Câu 2.** Em có thể lựa chọn hoạt động được miêu tả trong văn bản gây được ấn tượng nhất theo quan điểm cá nhân và giải thích lí do. Ví dụ: Hoạt động thầy cúng làm lễ, hoặt động sửa soạn lễ vật; hoạt động thực hiện lễ cúng của đoàn người đi khắp các nhà trong bản,…

-> Các hoạt động này được thực hiện cẩn trọng theo đúng nghi thức của ngày lễ, thể hiện niềm tin và sự thành kính của người Lô Lô với tổ tiên và truyền thống văn hoá dân tộc; tạo nên giá trị tốt đẹp trong văn hoá,…

**Câu 3.** Nhận xét về thái độ, tâm trạng của người Lô Lô khi tham gia lễ rửa làng:

* Tích cực tham gia và chuẩn bị chu đáo, thành kính;
* Là một sinh hoạt cộng đồng độc đáo thu hút mọi người quan tâm;
* Sau lễ, mọi người đều nhẹ nhõm, phấn khởi, tin tưởng vào tương lai phía trước…

**Câu 4.** Tuỳ theo suy nghĩ riêng, em có thể cảm nhận về lối sống của người Lô Lô qua lễ rửa làng như sau:

- Lễ rửa làng đã thể hiện một sinh hoạt văn hoá cộng đồng mang nét riêng của dân tộc Lô Lô. Qua đó, thể hiện tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp: tin vào thần lúa, tin vào tự nhiên.

- Lễ tục này đã thể hiện một cách ứng xử đầy nhân văn của người dân đối với lợi ích mà tự nhiên ban tặng cho con người. Thông qua lễ rửa làng, có thể thấy đồng bào Lô Lô có lối sống gần gũi, gắn bó, tôn trọng thiên nhiên, hoà điệu với thiên nhiên và có tính cộng đồng cao.

**D. LUYỆN ĐỀ NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**DẠNG 1: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

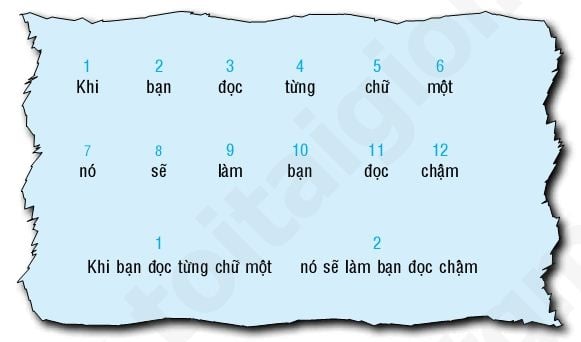
\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu văn bản thông tin ngoài SGK:

**Đề bài 01: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**CHÚNG TA CÓ THỂ ĐỌC NHANH HƠN**

**A-đam Khu**

*Học xong cấp Tiểu học, em đã biết cách đọc văn bản nhưng có thể tốc độ đọc còn chậm, nắm bắt thông tin chưa hiệu quả. Để thực hiện hoạt động này tốt hơn, em hãy làm theo lời khuyên và hướng dẫn dưới đây của tác giả A-đam Khu.*

**1. Sử dụng một cây bút chì làm vật dẫn đường**  
 Khi không có vật gì đi trước dẫn đường, mắt bạn có khuynh hướng nhảy nhót khắp trang giấy làm chậm việc đọc sách của bạn. Do đó, bất cứ khi nào bạn đọc sách, hãy dùng một cây bút chì làm vật dẫn mắt bạn qua từng câu văn. Việc này giúp bạn tập trung hơn vào việc đọc. Một lý do khác của việc dùng bút chì là để điều khiển tốc độ đọc của mắt bạn. Điều này tương tự như việc bạn cần một người khác chỉ đạo tốc độ trong môn đua thuyền truyền thống vậy. Dịch chuyển bút chì nhanh hơn tốc độ đọc bình thường của bạn một chút giúp rèn luyện mắt bạn đuổi theo bút và quen dần với tốc độ đọc nhanh hơn.  
 **2. Tìm kiếm những ý chính và các từ khóa**  
 Khi đọc sách, bạn cần lướt qua những từ không chính yếu và đánh dấu những từ khóa quan trọng. Cùng lúc đó, tìm kiếm các ý chính trong mỗi đoạn văn. Thông thường mỗi đoạn văn đều có một ý chính duy nhất được hỗ trợ bởi nhiều ý phụ. Hiểu được điều này sẽ giúp ích cho tiến trình nắm bắt thông tin của bạn.  
 **3. Mở rộng tầm mắt để đọc được một cụm 5 – 7 chữ một lúc**  
 Khi đọc sách, muốn đọc nhanh hơn bạn không nên để mắt đọc dò từng chữ. Trái lại hãy cố gắng mở rộng tầm mắt đọc như “chụp” đồng thời cả một nhóm 5 – 7 chữ. Thường xuyên luyện tập điều này, tầm mắt của bạn sẽ mở rộng dần. Nhờ thế, tốc độ đọc sẽ nhanh hơn và việc nắm bắt thông tin sẽ hiệu quả hơn.  
  
  
  
**4. Tập nghe nhạc nhanh trong lúc đọc khi bạn có một không gian riêng**  
 Khi đọc sách, bạn có thể nghe nhạc không lời có nhịp độ nhanh để rèn luyện cho não và mắt1 bạn đọc nhanh hơn. Tuy nhiên, bạn nên sử dụng tai nghe nếu bạn muốn vừa nghe nhạc vừa đọc sách ở những nơi cần giữ yên tĩnh cho người xung quanh như trong thư viện chẳng hạn. Chúng ta có khuynh hướng đọc sách nhanh để bắt kịp tốc độ nhạc đang nghe. Sau vài lần tập luyện, bạn sẽ phát hiện rằng bạn đọc nhanh hơn mà không cần bật nhạc. Sự yên lặng không phải lúc nào cũng làm tăng sự tập trung của bạn, trái lại có lúc khiến não bạn đi thơ thẩn ở những nơi khác. Một lý do khác của việc đọc sách trong tiếng nhạc nhanh dồn dập là nhằm mục đích lấp đi các tiếng động làm xao nhãng khác (như tiếng người nói chuyện, tiếng tivi vọng vào từ phòng khách,…), và dập tắt giọng đọc thầm bên trong đang kìm hãm tốc độ đọc bằng mắt của bạn.  
**5. Đọc phần tóm tắt cuối chương trước**  
 Một kỹ năng đọc sách khác mà đa số học sinh đều không nhận ra, đó là bao giờ cũng nên đọc phần tóm tắt cuối chương trước khi quay lại đọc từ đầu chương. Tại sao? Bởi vì ở cuối chương lúc nào cũng có vài đoạn văn tóm lại ý chính, hoặc trong nhiều trường hợp là có cả các câu hỏi kiểm tra về chương đó. Khi bạn đọc phần cuối chương trước, bạn sẽ có một khái niệm chung về nội dung chính của chương. Đồng thời, não của bạn cũng biết được những thông tin cần thiết nào mà bạn cần tìm hiểu trong chương sách. Và bạn sẽ đọc sách một cách hết sức hiệu quả để nắm bắt những thông tin ấy.  
 Hơn nữa, bạn nên luôn luôn đọc lướt qua những đề mục chính và phụ trong chương sách trước khi bắt đầu đọc từng chữ chi tiết. Việc đọc lướt này sẽ giúp bạn chuẩn bị tâm trí và đọc hiệu quả hơn.  
 **6. Liên tục thúc đẩy và thử thách khả năng của bạn**  
 Bạn đã từng thấy các vận động viên chạy đua tập luyện như thế nào chưa? Họ buộc các vật nặng vào chân trong lúc chạy. Đây là cách rèn luyện cơ bắp thêm mạnh mẽ, nhưng nó tạo ra cảm giác cực kỳ nặng nề khó chịu khi luyện tập. Tuy nhiên, khi họ tháo bỏ những vật nặng đó ra, họ bỗng cảm thấy nhẹ nhàng bay bổng và có thể chạy rất nhanh.  
 Bạn có thể dùng một kỹ thuật tương tự để rèn luyện việc đọc hiệu quả. Khi bạn tập đọc hiệu quả, di chuyển bút chì nhanh để thúc đẩy mắt bạn phải đọc ở một tốc độ mà bạn cảm thấy khó chịu. Ví dụ, nếu bạn chỉ đang đọc được 100 từ/phút, bạn phải ép mình đọc được 300-400 từ/phút. Nếu bạn cảm thấy không nắm kịp thông tin hoặc không thoải mái, không sao cả. Mục đích của việc này là làm bạn quá tải và làm căng hệ thống thần kinh của bạn. Sau nhiều lần thử thách như thế, năng lực não bộ của bạn sẽ được nâng cao rõ rệt. Xin nhắc lại rằng bạn phải thực tập việc này thật nhiều lần để đạt kết quả tốt nhất.

(Trích Chương 6, phần II, Cuốn sách *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế! Người dịch: Trần Đăng Khoa – Lương Xuân Vy, NXB Phụ nữ, TGM BOOKS, 2012)*

* **Chú giải:**

1. Cần phân biệt “đọc bằng mắt” và “đọc thầm”. Đọc thầm là nhìn vào văn bản, miệng vẫn lẩm bẩm theo từng chữ; đọc bằng mắt là “đọc bằng giọng bên trong” tức “đọc bằng não”.

**Câu 1:** Nêu những dấu hiệu giúp em nhận biết văn bản trên là một văn bản giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động.

**Câu 2:** Xác định thông tin cơ bản của văn bản trên. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 3:** Văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* nêu lên mấy quy tắc? Đó là những quy tắc nào? Các quy tắc đó thuộc cấp độ thông tin nào trong văn bản?

**Câu 4:** Trong văn bản trên, các thuật ngữ, cước chú có phải là các thông tin chi tiết không? Vì sao?

**Câu 5:** Theo em, các hình minh hoạ 1, 2, 3 trong văn bản có vai trò như thế nào trong việc biểu lộ thông tin của văn bản?

**Câu 6:** Từ văn bản trên, em rút ra kinh nghiệm gì về việc đọc sách của bản thân? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Những dấu hiệu nhận biết văn bản trên là một văn bản giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động:

* Có nhan đề, sa-pô nêu lên thông tin về quy tắc trong hoạt động đọc sách.
* Cách bố cục, nêu nhan đề, đề mục: cách đánh số các quy tắc, các thông tin chi tiết của văn bản.
* Sự kết hợp giữa lời thuyết minh và hình minh họa
* Sử dụng thuật ngữ, cước chú, tài liệu tham khảo.

**Câu 2**:

* Thông tin cơ bản: Biện pháp, quy cách nâng cao tốc độ đọc sách.
* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn*

+ Sa-pô: *Học xong cấp Tiểu học, em đã biết cách đọc văn bản nhưng có thể tốc dộ đọc còn chậm, nắm bắt thông tin chưa hiệu quả. Để thực hiện hoạt động này tốt hơn, em hãy làm theo lời khuyên và hướng dẫn dưới đây của tác giả A-đam Khu.*

+ Từ các thông tin chi tiết trong văn bản.

**Câu 3: Văn bản nêu lên 6 quy tắc:**

* Sử dụng cây bút chì làm vật dẫn đường
* Tìm kiếm những ý chính và các từ khóa
* Mở rộng tầm mắt để đọc được một cụm 5 – 7 chữ một lúc.
* Tập nghe nhạc nhịp độ nhanh trong lúc đọc khi bạn có một không gian riêng.
* Đọc phần tóm tắt cuối chương trước.
* Liên tục thúc đẩy và thử thách khả năng của bạn.
* Các quy tắc đó là thông tin chi tiết bậc 1 của văn bản.

**Câu 4.** Thuật ngữ, cước chú là các đơn vị thông tin chi tiết nhỏ nhất, góp phần truyền tải thông tin, góp phần tạo nên thông tin bậc 1 và góp phần thể hiện thông tin cơ bản.

**Câu 5.** Việc sử dụng hình minh họa 1, 2, 3 giúp người đọc hiểu được lời thuyết minh: Hình 1, hình 2 giúp người đọc hình dung ra việc sử dụng một cây bút chì làm vật dẫn đường sẽ điều khiển tốc độ đọc của mắt bạn; hình 3 giúp người đọc hình dung ra việc mắt “chụp” từng chữ và mắt “chụp” cùng lúc 5-7 chữ

=> Giúp người đọc dễ hiểu và dễ nhớ thông tin hơn.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:**

+ Em đã từng đọc sách như thế nào? (Ưu điểm và hạn chế)

+ Sau khi học văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn,* em thấy mình cần thay đổi điều gì?

+ Khẳng định vai trò của việc đọc sách nhanh hơn trong cuộc sống của mỗi người.

**Đề bài 02: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

**CÁC BƯỚC VẼ SƠ ĐỒ TƯ DUY**

Bây giờ thì bạn đã hiểu được sức mạnh của Sơ Đồ Tư Duy, vậy làm sao bạn có thể vẽ được Sơ Đồ Tư Duy một cách tối ưu nhất? Ở phần này, tôi sẽ hướng dẫn bạn phương pháp vẽ Sơ Đồ Tư Duy theo từng bước và các quy tắc trong cách vẽ.

Nhằm mục đích minh họa, giả sử bạn muốn vẽ một Sơ Đồ Tư Duy về chính bản thân bạn. Giả sử bạn tên Nam, chủ đề của Sơ Đồ Tư Duy sẽ là “Nam”.

**BƯỚC 1: VẼ CHỦ ĐỀ Ở TRUNG TÂM**

Bước đầu tiên trong việc tạo ra một Sơ Đồ Tư Duy là vẽ chủ đề ở trung tâm trên một mảnh giấy (đặt nằm ngang).

|  |
| --- |
| **Quy tắc vẽ chủ đề:**   1. Bạn cần phải vẽ chủ đề ở trung tâm để từ đó phát triển ra các ý khác. 2. Bạn có thể tự do sử dụng tất cả màu sắc mà bạn thích. 3. Bạn không nên đóng khung hoặc che chắn mất hình vẽ chủ đề vì chủ đề cần được làm nổi bật dễ nhớ. 4. Bạn có thể bổ sung từ ngữ vào hình vẽ chủ đề nếu chủ đề không rõ ràng. 5. Một bí quyết vẽ chủ đề là chủ đề nên được vẽ to cỡ hai đồng xu “5000 đồng”. |

Trong ví dụ này, chủ đề là “Nam”, nên bạn có thể vẽ một hình ảnh đại diện “Nam”.

**BƯỚC 2: VẼ THÊM CÁC TIÊU ĐỀ PHỤ**

Bước tiếp theo là vẽ thêm các tiêu đề phụ vào chủ đề trung tâm.

|  |
| --- |
| **Quy tắc vẽ tiêu đề phụ:**   1. Tiêu đề phụ nên được viết bằng CHỮ IN HOA nằm trên các nhánh dày để làm nổi bật. 2. Tiêu đề phụ nên được vẽ gắn liền với trung tâm. 3. Tiêu đề phụ nên được vẽ theo hướng chéo góc (chứ không nằm ngang) để nhiều nhánh phụ khác có thể được vẽ tỏa ra một cách dễ dàng. |

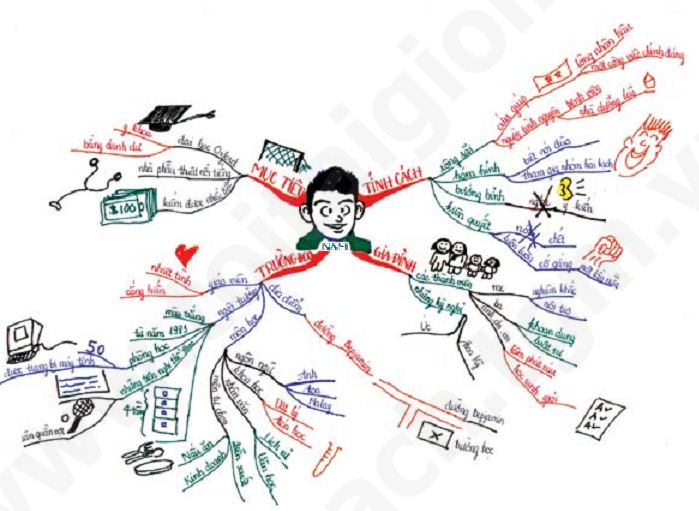
Trong ví dụ này, chúng ta có thể vẽ thêm bốn tiêu đề phụ như “Tính cách”, “Gia đình”, “Trường học” và “Mục tiêu”.

**BƯỚC 3: TRONG TỪNG TIÊU ĐỀ PHỤ, VẼ THÊM CÁC Ý CHÍNH VÀ CÁC CHI TIẾT HỖ TRỢ**

|  |
| --- |
| **Quy tắc vẽ ý chính và chi tiết hỗ trợ:**   1. Chỉ nên tận dụng các từ khóa và hình ảnh. 2. Bất cứ lúc nào có thể, bạn hãy dùng những biểu tượng, cách viết tắt để tiết kiệm không gian vẽ và thời gian. Mọi người ai cũng có cách viết tắt riêng cho những từ thông dụng. Bạn hãy phát huy và sáng tạo thêm nhiều cách viết tắt cho riêng bạn. Đây là một số cách viết tắt tôi thường xuyên sử dụng.   Hình vẽ  Không có: X có  Suy ra: =>  Tăng lên / Giảm xuống: **↑/↓**  Lớn hơn / nhỏ hơn: > / <   1. Mỗi từ khóa / hình ảnh nên được vẽ trên một đoạn gấp khúc riêng trên nhánh. Trên mỗi khúc nên chỉ có tối đa một từ khóa. Việc này giúp cho nhiều từ khóa mới và những ý khác được nối thêm vào các từ khóa sẵn có một cách dễ dàng (bằng cách vẽ nối ra từ một khúc). 2. Tất cả các nhánh của một ý nên tỏa ra từ một điểm.[https://docsach24.co/filemanager/data-images/T%C3%A2m%20L%C3%BD%20-%20K%E1%BB%B9%20N%C4%83ng%20S%E1%BB%91ng/T%C3%B4i%20T%C3%A0i%20Gi%E1%BB%8Fi,%20B%E1%BA%A1n%20C%C5%A9ng%20Th%E1%BA%BF/5e3a19cf9dbef.jpg](https://doluong321.wap.sh/thu-vien/tri-thuc/toi-tai-gioi-ban-cung-the/tu.jpg) 3. Tất cả các nhánh tỏa ra từ một điểm (thuộc cùng một ý) nên có cùng một màu. 4. Chúng ta thay đổi màu sắc khi đi từ một ý chính ra đến các ý phụ cụ thể hơn. |

**BƯỚC 4: Ở BƯỚC CUỐI CÙNG NÀY, HÃY ĐỂ TRÍ TƯỞNG TƯỢNG CỦA BẠN BAY BỔNG**

Bạn có thể thêm nhiều hình ảnh nhằm giúp các ý quan trọng thêm nổi bật, cũng như giúp lưu chúng vào trí nhớ của bạn tốt hơn.



(Trích Chương 7, phần II, Cuốn sách *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế! Người dịch: Trần Đăng Khoa – Lương Xuân Vy, NXB Phụ nữ, TGM BOOKS, 2012)*

**Câu 1:** Mục đích của văn bản là gì? Dấu hiệu nào trong văn bản giúp em nhận ra đây là một văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ, cách thức trong hoạt động?

**Câu 2:** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 3:** Tìm các thông tin chi tiết của văn bản theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc 2 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc....... |  |  |  |  |

**Câu 4:** Nhận xét về tác dụng của các hình vẽ minh họa trong văn bản.

**Câu 5:** Theo em, việc đánh số thứ tự trong mỗi quy tắc của các bước 1, 2, 3 có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản?

**Câu 6:** Em hãy nêu suy nghĩ của mình về lợi ích của việc sử dụng Sơ đồ tư duy trong hoạt động học của học sinh? (Trả lời trong đoạn văn 5 – 7 dòng)

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

* Mục đích viết của văn bản: Cung cấp cho người đọc thông tin về cách thức, quy trình để vẽ được một sơ đồ tư duy.
* Những dấu hiệu nhận biết văn bản trên là một văn bản giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động:

+ Có nhan đề, sa-pô nêu lên thông tin về cách thức, quy trình vẽ sơ đồ tư duy.

+ Cách bố cục, nêu nhan đề, đề mục: cách đánh số các quy tắc, các thông tin chi tiết của văn bản.

+ Sự kết hợp giữa lời thuyết minh và hình minh họa

**Câu 2:**

* Thông tin cơ bản của văn bản: Các bước vẽ sơ đồ tư duy.
* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Các bước vẽ sơ đồ tư duy*

+ Sa-pô: Bây giờ thì bạn đã hiểu được sức mạnh của Sơ Đồ Tư Duy, vậy làm sao bạn có thể vẽ được Sơ Đồ Tư Duy một cách tối ưu nhất? Ở phần này, tôi sẽ hướng dẫn bạn phương pháp vẽ Sơ Đồ Tư Duy theo từng bước và các quy tắc trong cách vẽ.

+ Từ các thông tin chi tiết trong văn bản.

**Câu 3**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 | Bước 1: Vẽ chủ đề ở trung tâm | Bước 2: Vẽ thêm các tiêu đề phụ | Bước 3: Trong từng tiêu đề phụ, vẽ thêm các ý chính và các chi tiết hỗ trợ | Bước 4: Ở bước cuối cùng này, hãy để trí tưởng tượng của bạn bay bổng |
| Thông tin chi tiết bậc 2 | Quy tắc vẽ chủ đề | Quy tắc vẽ tiêu đề phụ | Quy tắc vẽ thêm ý chính và chi tiết hỗ trợ |  |

**Câu 4:** Tác dụng của việc sử dụng hình minh họa trong văn bản: Giúp người đọc hình dung được lời thuyết minh trong bước 4 (Bạn có thể thêm nhiều hình ảnh nhằm giúp các ý quan trọng thêm nổi bật, cũng như giúp lưu chúng vào trí nhớ của bạn tốt hơn), khiến lời thuyết minh trở nên dễ hiểu, dễ nhớ hơn.

**Câu 5:** Việc đánh số trong các quy tắc ở các bước 1, 2, 3 thể hiện các cấp độ của thông tin, giúp việc truyền tải thông tin mạch lạc, có thứ tự, lớp lang hơn.

**Câu 6: HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** HS có thể đưa ra một vài lợi ích của sơ đồ tư duy: giúp nắm bắt kiến thức cơ bản một cách hiệu quả, dễ nhớ, dễ hiểu; tiết kiệm thời gian vì nó chỉ tận dụng các từ khóa; các kí hiệu, hình ảnh sinh động thu hút, tránh gây nhàm chán,...

**Đề số 03:**  **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

**NGHỆ THUẬT ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT VÀO THỰC HÀNH**

Trong bất kỳ môn học nào, cho dù là môn lịch sử, văn học, địa lý, vật lý hoặc toán học, **luôn tồn tại một số phương pháp, khuôn mẫu hoặc phong cách đặt câu hỏi thông dụng trong kỳ thi**.

Hãy ghi nhớ, nghệ thuật ứng dụng lý thuyết vào thực hành của bất kỳ môn học nào cũng có bốn bước bạn phải thành thạo. Trong mỗi chương sách của từng môn học, bạn phải:

**BƯỚC 1: XÁC ĐỊNH CÁC DẠNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP**

Bước đầu tiên là bạn phải xem qua tất cả các loại câu hỏi khác nhau như câu hỏi ra thi các năm trước, câu hỏi trong sách giáo khoa, câu hỏi kiểm tra thử và bài tập trong lớp. Từ đó, bạn hãy ghi chú lại các dạng câu hỏi thông dụng thường được đặt ra. Bạn sẽ phát hiện rằng luôn tồn tại một khuôn mẫu nhất định trong cách đặt câu hỏi. Ví dụ, trong môn lịch sử, các dạng câu hỏi thông dụng gồm có:

**VÍ DỤ VỀ DẠNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP TRONG MÔN LỊCH SỬ**

**1. Dạng Câu Hỏi Viết Luận**

**a. “Bạn đồng ý đến mức nào …?”**

Ví dụ:

* Bạn đồng ý đến mức nào về ý kiến cho rằng Hitler giữ vững được quyền lực của mình sau năm 1933 chỉ vì ông ta đánh bại được các phe đối lập?
* “Một nhà lãnh đạo tài ba”. Bạn đồng ý đến mức nào về lời nhận xét trên về Mao Trạch Đông?
* Bạn đồng ý đến mức nào về ý kiến cho rằng phe Đồng Minh đã thiết lập một chính quyền được mọi người ủng hộ ở Nhật Bản?

**b. “Bạn có nghĩ rằng…?”**

Ví dụ: Bạn có nghĩ rằng Nhật Bản đã đầu hàng nếu không bị Mỹ đánh bom nguyên tử?

**c. “Liệu có công bằng…?”**

Ví dụ: Liệu có công bằng không khi gọi Phát-xít là một chuyên chế? Giải thích.

**d. “Mô tả và cho ví dụ”**

Ví dụ: Hãy mô tả và cho ví dụ về cách thức mà Phát-xít áp dụng để duy trì quyền lực chính trị.

**e. “Tại sao…?”**

Ví dụ:

* Tại sao Liên Xô cần cải cách sau năm 1985?
* Tại sao mối quan hệ giữa Nhật và Mỹ trở nên căng thẳng trong những năm 1930?
* Tại sao Mao tiến hành “Đại nhảy vọt”?

**f. “…gì…?”**

Ví dụ:

* Gorbachev đã dùng những chính sách gì để cải cách Liên Xô?
* Chính quyền Nhật đã có những hiệp ước gì sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
* Mao đã đối đầu với những vấn đề gì trong khi tiến hành các chính sách ở Trung Quốc?

**2. Dạng Câu Hỏi Dựa Vào Nguồn Gốc Dữ Liệu**

**a. “Bạn hãy cho biết lý do tại sao ông ta nói như vậy?” hoặc “Bạn nghĩ ông ta có ý gì khi nói như vậy…?”**

Ví dụ:

* Bạn hãy cho biết lý do tại sao Winston Churchill phát biểu với nhân dân Hoa Kỳ như vậy vào tháng 1 năm 1946.
* Bạn nghĩ Liên Xô có ý gì khi họ nói rằng khủng hoảng ở Berlin đã được “lên kế hoạch ở Washington”?

**b. “Hai nguồn thông tin này giống nhau ở điểm nào…?**

Ví dụ: Hai nguồn thông tin xác nhận Hiệp ước Vẹc-xây (Versailles) này giống nhau ở điểm nào?

**c. “Tác giả cảm thấy như thế nào…?”**

Ví dụ:

* Tác giả của đoạn trích trên cảm thấy như thế nào về Hiệp ước Vẹc-xây? Giải thích.
* Tác giả của đoạn trích trên chỉ trích ai về sự bất công trong Hiệp ước Vẹc-xây?
* Đoạn văn trên cho bạn thấy được gì về thái độ của Nhật Bản đối với Trung Quốc năm 1931?

**d. “Thông tin trên có ích như thế nào trong việc …?”**

Ví dụ:

* Liệu thông tin này có chứng minh được rằng Liên hiệp quốc là một thành công? Cho biết lý do.
* Thông tin này đã chứng minh được gì về việc chủ nghĩa quân phiệt dậy lên ở Nhật Bản vào những năm 1930?

**e. “Ý kiến của tác giả về …?”**

Ví dụ: Ý kiến của tác giả như thế nào về thất bại của Gorbachev?

**f. “Thông tin này cho thấy… Bạn có đồng ý không?”**

Ví dụ: Thông tin này cho thấy các yếu tố kinh tế là nguyên nhân duy nhất gây ra sự sụp đổ của Liên Xô. Bạn có đồng ý không?

**BƯỚC 2: XÁC ĐỊNH CÁC KỸ NĂNG SUY NGHĨ TƯƠNG ỨNG**

Bạn sẽ phát hiện mỗi dạng câu hỏi như “Thông tin trên có ích như thế nào trong việc…?” hoặc “Bạn đồng ý đến mức nào về việc…?” yêu cầu các kỹ năng suy nghĩ khác nhau. Do đó, đối với từng dạng câu hỏi, bạn hãy xác định kỹ năng suy nghĩ cần thiết cho từng câu trả lời.

Ví dụ, trong tất cả câu hỏi dạng “Bạn đồng ý đến mức nào về việc…?”, người ra đề muốn kiểm tra các kỹ năng suy nghĩ sau đây của bạn:

1. Khả năng lựa chọn thông tin liên quan để chứng minh các điểm đúng và điểm sai.
2. Khả năng trình bày hai quan điểm cụ thể.
3. Khả năng tự đánh giá dựa trên các chứng cứ hiện hữu.

**BƯỚC 3: ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐẠT ĐIỂM TỐI ĐA TRONG MỖI DẠNG CÂU HỎI**

Mỗi dạng câu hỏi đòi hỏi một phương pháp cụ thể giúp bạn đạt điểm tối đa. Do đó, bước tiếp theo là bạn phải học các dạng câu trả lời tương ứng với từng dạng câu hỏi. Bạn có thể học cách trả lời thông qua thầy cô hoặc qua các bài giải mẫu.

Nói tóm lại, bạn cần ghi chú tất cả các dạng câu hỏi thông dụng cho từng môn học. Trong từng dạng câu hỏi, tìm hiểu những kỹ năng suy nghĩ cần có và các phương pháp trả lời tương ứng để đạt điểm tối đa. Cuối cùng, hãy thực hành một vài ví dụ của từng dạng câu hỏi.



(Trích Chương 11, phần II, Cuốn sách *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế! Người dịch: Trần Đăng Khoa – Lương Xuân Vy, NXB Phụ nữ, TGM BOOKS, 2012)*

**Câu 1:** Mục đích của văn bản là gì? Dấu hiệu nào trong văn bản giúp em nhận ra đây là một văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ, cách thức trong hoạt động?

**Câu 2:** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 3:** Tìm các thông tin chi tiết của văn bản theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc 2 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc....... |  |  |  |  |

**Câu 4:** Theo em, hình minh họa trong văn bản trên có thật sự cần thiết không? Vì sao?

**Câu 5:** Trong thông tin ở bước 1, tác giả sử dụng thông tin ở nhiều cấp độ. Theo em, việc tác giả sử dụng nhiều các chữ, số, kí hiệu để đánh dấu thông tin như vậy có làm văn bản bị rườm rà không? Vì sao?

**Câu 6:** Trong quá trình học tập, em đã tích lũy những kinh nghiệm cần thiết nào để có thể đạt điểm tối đa trong các bài thi, bài kiểm tra của minh? Hãy chia sẻ điều đó bằng một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng)

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

* Mục đích viết của văn bản: Cung cấp cho người đọc thông tin về cách thức ứng dụng lí thuyết vào trả lời câu hỏi thực hành trong kì thi.
* Những dấu hiệu nhận biết văn bản trên là một văn bản giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động:

+ Có nhan đề, sa-pô nêu lên thông tin về cách thức ứng dụng lí thuyết vào trả lời câu hỏi thực hành.

+ Cách bố cục, nêu nhan đề, đề mục: cách đánh số, chữ cái, đề mục các thông tin chi tiết của văn bản.

+ Sự kết hợp giữa lời thuyết minh và hình minh họa

**Câu 2:**

* Thông tin cơ bản của văn bản: nghệ thuật ứng dụng lí thuyết vào trả lời các câu hỏi thực hành.
* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Nghệ thuật ứng dụng lí thuyết vào trả lời các câu hỏi thực hành*

+ Sa-pô: *Trong bất kỳ môn học nào, cho dù là môn lịch sử, văn học, địa lý, vật lý hoặc toán học,****luôn tồn tại một số phương pháp, khuôn mẫu hoặc phong cách đặt câu hỏi thông dụng trong kỳ thi****. Hãy ghi nhớ, nghệ thuật ứng dụng lý thuyết vào thực hành của bất kỳ môn học nào cũng có bốn bước bạn phải thành thạo*

+ Từ các thông tin chi tiết trong văn bản.

**Câu 3**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 | Bước 1: Xác định dạng câu hỏi thường gặp | Bước 2: Xác định các kĩ năng suy nghĩ tương ứng | Bước 3: Áp dụng phương pháp đạt điểm tối đa trong mỗi dạng câu hỏi |
| Thông tin chi tiết bậc 2 | Ví dụ về dạng câu hỏi trong môn lịch sử |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc 3 | 1.Dạng câu hỏi viết luận.  2. Dạng câu hỏi dựa vào nguồn gốc dữ liệu |  |  |

**Câu 4:** Hình minh họa trong văn bản trên không thực sự cần thiết vì hình minh họa trên chỉ giúp văn bản thêm sinh động. Nếu không có hình minh họa đó thì việc đọc hiểu văn bản vẫn thuận lợi.

**Câu 5:** Việc tác giả sử dụng nhiều chữ, số, kí hiệu để đánh dấu các cấp độ thông tin sẽ không làm cho văn bản bị rườm rà vì việc đánh dấu đó sẽ làm thông tin được trình bày rõ ràng, mạch lạc, có thứ tự, lớp lang hơn.

**Câu 6: HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** HS có thể đưa ra một vài kinh nghiệm của bản thân: đọc kĩ bài; rèn luyện kĩ năng trả lời các câu hỏi, dạng bài thường gặp; thực hành các đề bài tương ứng, tự ra đề với những kiến thức mình đã học,...

**Đề số 4: *Đọc đoạn văn bản sau:***

*Môi trường diễn xướng của ca Huế thường ở trong một không gian hẹp, số lượng người trình diễn và người nghe hạn chế, do tính chất của âm nhạc mang tính tâm tình tự sự. Ca Huế không trình diễn trước đám đông hoặc hát dưới ánh Mặt Trời. Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế có khoảng từ 8 đến 10 người, trong đó, số lượng nhạc công có từ 5- 6 người. Ca sĩ, nhạc công sẽ hòa đàn và hát các bài bản trong nhạc mục của ca Huế. Biên chế của dàn nhạc phải sử dụng đạt chuẩn 4 hoặc 5 nhạc cụ trong dàn ngũ tuyệt cổ điển, bao gồm: đàn nguyệt, đàn tì bà, đàn nhị, đàn tranh, đàn tam: và tùy theo từng trường hợp, có thể không có cây đàn tam mà bổ sung thêm cây đàn bầu với đầy đủ biên chế của dàn ngũ tuyệt gồm các nhạc cụ: nguyệt, nhị, tì và đàn tranh hoặc đầy đủ hơn là dàn lục ngự: tam, tì, nhị, nguyệt, tranh, bầu.*

(Theo *Cục Di sản văn hóa;dsvh.gov.vn”, Ngữ văn 7*- Cánh diều, trang 104, Nhà XB Đại học Sư phạmTPHCM)

***Thực hiện trả lời các câu hỏi:***

**Câu 1.** Đoạn văn bản cung cấp những thông tin gì về ca Huế?

**Câu 2**. Nêu quy định về số người trình diễn và số nhạc công của một buổi ca Huế.

**Câu 3**. Theo văn bản “Biên chế của dàn nhạc” trong buổi trình diễn ca Huế có đặc điểm gì?

**Câu 4**. Chia sẻ suy nghĩ của em về ca Huế qua đoạn thông tin trên.

**Gợi ý bài làm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| **Câu 1.**Đoạn văn bản cung cấp những thông tin gì về ca Huế? | Thông tin thể hiện quy tắc, luật lệ của ca Huế bao gồm:  - Môi trường diễn xướng  - Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế  - Số lượng người nghe ca Huế  - Số lượng nhạc công.  - Số lượng nhạc cụ. |
| **Câu 2**. Nêu quy định về số người trình diễn và số nhạc công của một buổi trình diễn ca Huế. | - Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế.  - Số lượng người nghe ca Huế. |
| **Câu 3***. Quy định* “Biên chế của dàn nhạc”trong buổi trình diễn ca như thế nào? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để giới thiệu về đặc điểm biên chế dàn nhạc của ca Huế. | - Sử dụng đạt chuẩn 4 -5 loại nhạc cụ trong dàn ngũ tuyệt cổ điển (đàn nguyệt, đàn tì bà, nhị, tranh, tam)  - Hoặc sử dụng dàn tứ tuyệt gồm các nhạc cụ (nguyệt, nhị, tì, đàn tranh)  - Hoặc đầy đủ hơn là dàn lục ngự (tam, tì, nhị, nguyệt, tranh, bầu)  - Tác giả đã dùng biện pháp tu từ liệt kê để giới thiệu quy định về biên chế dàn nhạc trong ca Huế. |
| **Câu 4**. Chia sẻ suy nghĩ của em về ca Huế qua đoạn thông tin trên. | *Là một loại hình văn hóa nghệ thuật đặc sắc của người dân xứ Huế.*  *Có những quy tắc, luật lệ đặc trưng thể hiện nét đẹp văn hóa truyền thống.* |

**Đề số 5:**

***Đọc đoạn văn bản sau:***

*Trình diễn ca Huế là một cuộc tao ngộ giữa các tao nhân mặc khách có hiểu biết về văn hóa âm nhạc. Buổi biểu diễn không bị lệ thuộc vào quy trình cứng nhắc giữa thưởng thức và người trình diễn mà có sự hiểu biết lẫn nhau giữa chủ và khách, thể hiện bằng hai phong cách:*

*- Biểu diễn truyền thống: người biểu biễn và người thưởng thức có mối quan hệ thân thiết, có quen biết nhau hoặc nghe về tài nghệ biểu diễn của nhau. Họ cùng ở trong một địa bàn hoặc đến từ các vùng miền khác nhau, am hiểu về ca Huế. Buổi biểu diễn được xen kĩ với các nhận xét, đánh giá, bình phẩm giống như một cuộc tọa đàm nhỏ về nghệ thuật ca Huế.*

*- Biểu diễn cho du khách: có người giới thiệu chương trình, quá trình hình thành, phát triển cũng như giá trị của ca Huế với các tiết mục biểu diễn minh họa của nghệ nhân. Hình thức này chỉ mới xuất hiện trong khoảng nửa cuối thế kỉ XX, là loại hình biểu diễn ca Huế trong các hội làng, cưới hỏi và sau này, phổ biến trong phục vụ du lịch trên sông Hương.*

*Ca Huế được các nghệ nhân tài danh sáng tạo, bổ sung, tạo thành hệ thống bài bản phong phú, với giai điệu hoàn chỉnh mang tính nghệ thuật cao, lời ca giàu chất văn học, kĩ thuật ca hát tinh tế, điêu luyện, nhạc đệm hoàn hảo. […]*

(Theo *Cục Di sản văn hóa;dsvh.gov.vn”,* Ngữ văn 7- Cánh diều, trang 104, Nhà XB Đại học Sư phạmTPHCM)

***Và trả lời các câu hỏi:***

**Câu 1.** Xác định nội dung chính của đoạn văn bản trên.

**Câu 2.** Nêu đặc điểm chung của đối tượng tham gia trình diễn ca Huế.

**Câu 3.** So sánh điểm khác biệt của biểu diễn ca Huế theo phong cách truyền thống và biểu diễn cho dukhách.

**Câu 4.** Theo em yếu tố để tạo nên nét đặc sắc của ca Huế là gì?

**Gợi ý bài làm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| **Câu 1.** Xác định nội dung chính của đoạn văn bản trên. | Đoạn văn cung cấp thông tin về phong cách biểu diễn ca Huế. |
| **Câu 2.** Nêu đặc điểm chung của đối tượng tham gia trình diễn ca Huế . | Điểm chung của đối tượng trình diễn ca Huế:Các tao nhân mặc khách *hiểu biết về văn hóa âm nhạc* |
| **Câu 3.** So sánh điểm khác biệt của biểu diễn ca Huế theo phong cách truyền thống và biểu diễn cho dukhách. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các phương diện so sánh** | **Phong cách truyền thống** | **Phong cách phục vụ du khách** | | Quan hệ giữa người biểu diễn và người thưởng thức. | Người diễn và người nghe có quen biết, hoặc biết tiếng. | Người dẫn chương trình là cầu nối. | | Độ am hiểu của người thưởng thức. | Người nghe am hiểu về ca Huế. | Người nghe không cần có hiểu biết rõ ràng về ca Huế. | | Hoạt động đi kèm. | Hoạt động bình phẩm, đánh giá nghệ thuật. | Đi kèm lời giới thiệu khái quát về ca Huế của người dẫn chương trình dành cho khán giả. | |
| **Câu 4.** Theo em yếu tố để tạo nên nét đặc sắc của ca Huế là gì? | Bài bản phong phú,với giai điệu hoàn chỉnh mang tính nghệ thuật cao, lời ca giàu chất văn học, kĩ thuật ca hát tinh tế, điêu luyện, nhạc đệm hoàn hảo. |

**Đề số 6:**

***Đọc đoạn văn bản sau:***

(1) *Ca Huế khởi nguồn từ hát cửa quyền trong cung vua cửa chúa với hình thức diễn xướng mang tính bác học, dành cho giới thượng lưu say mê nghệ thuật. Theo thời gian, lối hát thính phòng này được dân gian hóa để có điều kiện đến với nhiều tầng lớp công chúng.*

*[…]*

*(2) Là thể loại âm nhạc kết hợp giữa dân gian chuyên nghiệp và bác học của ca nhạc thính phòng, một thể loại âm nhạc đỉnh cao trong toàn bộ di sản âm nhạc truyền thống Việt Nam, ca Huế đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1877/QĐ- BVHTTDL ngày 08 tháng 6 năm 2015.*

(Theo *Cục Di sản văn hóa;dsvh.gov.vn”,* Ngữ văn 7- Cánh diều, trang 103 và 105, Nhà XB Đại học Sư phạmTPHCM)

***Và trả lời câu hỏi:***

**Câu 1**. Hai đoạn văn bản trên cung cấp thông tin gì về ca Huế?

**Câu 2.** Nguồn gốc của ca Huế bắt nguồn từ đâu? Vì sao nó lại được dân gian hóa?

**Câu 3.** Theo em, vì sao “ca Huế đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1877/QĐ- BVHTTDL ngày 08 tháng 6 năm 2015.”

**Câu 4**. Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em khi ca Huế được *Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.*

**Gợi ý bài làm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| **Câu 1**. Hai đoạn văn bản trên cung cấp thông tin gì về ca Huế? | -Nguồn gốc ca Huế: |
| **Câu 2.** Nguồn gốc của ca Huế bắt nguồn từ đâu? Vì sao nó lại được dân gian hóa? | - Ca Huế khởi nguồn từ hát cửa quyền trong cung vua, phủ chúa, với hình thức diễn xướng mang tính bác học, dành cho giới thượng lưu say mê nghệ thuật.  - Sau này được dân gian hóa để có điều kiện đến với nhiều tầng lớp công chúng. |
| **Câu 3**. Theo em, vì sao “ca Huế đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1877/QĐ- BVHTTDL ngày 08 tháng 6 năm 2015.” | Vì:  - Là thể loại âm nhạc kết hợp giữa dân gian chuyên nghiệp và bác học của ca nhạc thính phòng, một thể loại âm nhạc đỉnh cao trong toàn bộ di sản âm nhạc truyền thống Việt Nam.  - Có giá trị văn hóa lớn lao, thể hiện nét đẹp tâm hồn người Việt… |
| **Câu 4**. Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em khi ca Huế được *Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.* | **-** Tự hào hãnh diện.  - Nhận thấy trách nhiệm trong việc góp phần giữ gìn, quảng bá tuyên truyền ca Huế đến với mọi người**.** |

**DẠNG 2: VIẾT KẾT NỐI**

**Đề bài:** Đọc sách rất quan trọng. Nếu bạn đọc sách đúng cách, cả thế giới sẽ mở ra cho bạn. Em hãy viết đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về phương pháp đọc sách hiệu quả.

**Gợi ý làm bài**

**A. Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: phương pháp đọc sách sao cho hiệu quả.

**B. Thân đoạn:**

+ Nêu lên tầm quan trọng của sách: sách cung cấp cho con người nguồn kiến thức vô tận và bổ ích giúp con người hiểu hơn về xã hội, cuộc sống, giúp con người giải trí, nuôi dưỡng tâm hồn,…

+ Phương pháp đọc sách sao cho hiệu quả: trước hết nên đọc các phần tiểu dẫn để khái quát nội dung, nghệ thuật của cuốn sách. Sau đó, đọc lướt qua để nắm được những ý chính, những luận điểm lớn và có cái nhìn khái quát về toàn bộ cuốn sách. Sau khi khái quát được nội dung của cuốn sách ta tiến hành đọc kĩ cuốn sách, phân tích và suy ngẫm về những chi tiết hay, đặc sắc của cuốn sách. Tiếp đến, chúng ta đọc lại những phần còn băn khoăn hoặc những phần muốn tìm hiểu kĩ hơn nữa để đưa ra những đánh giá, quan điểm của bản thân về phần nội dung đó. Cuối cùng, sau khi đọc và nghiên cứu cuốn sách, chúng ta tự minh rút ra những nhận xét, những suy ngẫm, bài học cho bản thân mình.

+ Đưa ra một số quan điểm về việc đọc sách: mỗi người có một cách đọc sách và nghiên cứu sách khác nhau, tuy nhiên để đạt hiệu quả cao thì chúng ta cần đọc sách ở nơi yên tĩnh và cố gắng đọc sách theo “mạch”. Bên cạnh đó, việc lựa chọn cho mình một cuốn sách phù hợp để đọc cũng là điều vô cùng quan trọng.

**C.** **Kết luận:** Khái quát lại tầm quan trọng của việc đọc sách đồng thời rút ra bài học cho bản thân.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI …**

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN VÀ VIẾT KẾT NỐI**

**(Tiếp theo)**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**CÁCH GHI CHÉP ĐỂ NẮM CHẮC NỘI DUNG BÀI HỌC**

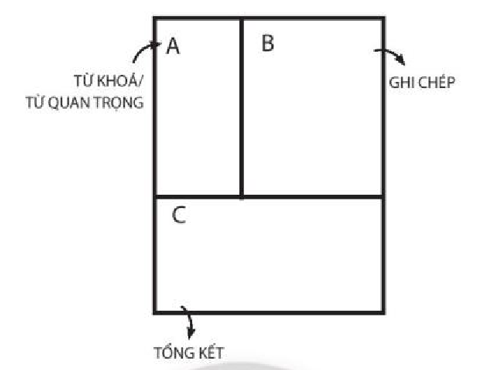
*Ghi chép và chỉnh sửa ghi chép là một quá trình học hỏi kiến thức, biến kiến thức trong sách vở thành kiến thức của bản thân. Quá trình ghi chép không chỉ thể hiện khả năng tìm hiểu vấn đề mà còn rèn luyện tư duy.*

Muốn ghi chép sao cho chỉ nhìn một lần là biết trọng tâm nằm ở đâu, bạn có thể sử dụng một trong các cách sau:

1. **LẬP RA QUY TẮC GHI CHÉP: CHIA RÕ CÁC PHẦN**

**1. Phân vùng**

Dùng lề trái trong chỗ được phân vùng, cũng chính là phần A trong ảnh dưới đây để ghi lại sơ lược trọng tâm nội dung bài học.



**2. Chia theo màu sắc**

Dùng bút màu để ghi chép những nội dung có ý nghĩa khác nhau, như vậy chỉ cần nhìn một lần là biết trọng tâm nằm ở đâu. Ví dụ: Dùng bút đen để ghi kiến thức trên bảng, bút xanh để ghi lại lời giảng của thầy, cô giáo, bút đỏ để ghi trọng tâm mà thầy cô giáo nhấn mạnh

**3. Khoanh vùng “trọng tâm”**

Dù chỉnh sửa trong giờ hay sau khi tan học, nếu bạn thấy nội dung nào quan trọng, có thể dùng bút màu gạch chân hoặc dùng các kí hiệu đặc biệt như mở ngoặc,...để đánh dấu. Sau khi đã hiểu rõ mọi kiến thức trọng tâm trong vở ghi, bạn lại tiếp tục khoanh vùng một lần nữa để làm nổi bật phần trọng tâm nhất của bài học, tự nhắc bản thân phải nhơ kĩ. Như vậy, kể cả khi bạn không đủ thời gian chuẩn bị hoặc khó có thể nhớ hết mọi trọng tâm bài học thì ít nhất cũng biết chắc được rằng phần nào là phần bắt buộc phải nhớ, không được phép quên.

\***Mẹo nhỏ giúp ghi chép để khi đọc là hiểu ngay:** Trong quá trình sửa lại ghi chép, việc đánh dấu những phần trọng tâm sẽ giúp cho việc ôn bài sau này thuận lợi hơn. Bạn có thể tham khảo cách đánh dấu như:

­*- Gạch chân các câu, đoạn quan trọng trong một đoạn ghi chép dài.*

*-Trong đoạn văn đã gạch chân, chọn những từ ngữ cần nhấn mạnh bằng cách gạch chân thêm một đường hoặc tô màu bằng bút dạ quang.*

*-Có thể dùng kí hiệu phù hợp (dấu ngoặc kép chẳng hạn) đánh dấu phần trọng tâm.*

*-Dùng bút đỏ hoặc bút dạ quang khoanh lại điểm trọng tâm nhất (chỉ khoanh một chỗ).*

**B. HỌC CÁCH TÌM NỘI DUNG CHÍNH**

Trước khi nghĩ đến chuyện đánh dấu trọng tâm, bạn cần biết cách làm thế nào để tìm cách làm thế nào để tìm ra các trọng tâm. Đối với nhiều người, vấn đề hóc búa nhất trong quá trình học là không thể tìm ra trọng tâm. Đọc xong một đoạn dài, họ vẫn không biết trọng tâm nằm ở đâu.

Thông thường trong một nội dung bài học hoàn chỉnh, một chủ đề lớn có thể phân thành nhiều chủ đề nhỏ, giống như từ một thân cây mọc ra rất nhiều chủ đề nhỏ, giống như từ một thân cây mọc ra rất nhiều cành lớn nhỏ, giữa các cành cây cũng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Từ rễ cây, nước có thể chuyển tới từng tán lá, ngược lại, dưỡng chất mà lá cây tạo ra cũng có thể quay lại nuôi dưỡng thân cây. Việc tìm kiếm trọng tâm cũng hệt như quá trình đó, từng bước mày mò, tìm kiếm.

Dưới đây là một số cách đơn giản giúp bạn dễ dàng nắm bắt nội dung chính của bài học:

1. **Tìm từ khóa và câu chủ đề.** Thông thường những câu được tô đậm, được viết in hoa; những câu mở đầu, câu kết thúc,...chính là những câu mang từ khóa quan trọng hoặc là câu chủ đề có tổng thể khái quát nội dung toàn văn bản.
2. **Đánh dấu những nội dung mà thầy, cô giáo nhấn mạnh tầm “quan trọng” hay giảng đi giảng lại nhiều lần,** sau đó, đọc lại sách giáo khoa, tìm cách thảo luận với bạn bè, hỏi thầy cô để hiểu vấn đề cặn kẽ hơn.
3. **Tự đặt câu hỏi và trả lời:** Trong quá trình soạn và ôn lại bài, muốn biết mình đã thật sự nắm được trọng tâm bài học hay chưa, bạn có thể sắm vai vừa là thầy, cô giáo vừa là học trò, tự đặt ra câu hỏi và tự mình trả lời.
4. **Dùng sơ đồ tóm tắt lại những kiến thức đã học.** Trước khi thực hiện phương pháp này cần nắm chắc từng nội dung chính, phụ và mối liên hệ giữa chúng sau đó sử dụng sơ đồ để tóm tắt. Thông qua sơ đồ đó, bạn có thể dễ dàng nhìn ra được mối quan hệ giữa các nội dung.

**C. PHÂN TÍCH VÀ ĐỐI CHIẾU: THIẾT LẬP MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC TRỌNG TÂM BÀI HỌC**

Chú ý những đề mục được in đậm hay viết in hoa trong sách giáo khoa, hoặc tự mình khái quát một đoạn nội dung thành vài chữ hoặc một câu, sau đó ghi chú lên phía trên bản ghi chép. Như vậy, chỉ cần đọc lướt qua đề mục là bạn có thể nắm bắt được nội dung mấu chốt của văn bản.

Bởi vì sách giáo khoa được thiết kế có hệ thống, kết cấu rõ ràng, nên mỗi lần chọn xong đề mục, chắc chắn bạn sẽ nhận ra các đề mục có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Một số chủ đề là trọng tâm của một chủ đề lớn quan trọng nào đó, nhưng một số chủ đề chỉ có mối liên hệ nguyên nhân – kết quả hoặc quan hệ đối chiếu. Trong vở ghi, bạn có thể dừng đường kẻ nối để thể hiện mối quan hệ giữa chúng, hoặc sử dụng nhất quán loại bút màu chuyên dùng cho từng loại nội dung, để phân biệt cấp độ quan trọng của vấn đề, giúp chúng ta dễ dàng hiểu bài hơn.

(In trong *Bí kíp ghi chép hiệu quả,* Di Huân minh họa, Thiện Minh dịch, NXB Kim Đồng, 2020)

**Câu 1:** Mục đích của văn bản là gì? Dấu hiệu nào trong văn bản giúp em nhận ra đây là một văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ, cách thức trong hoạt động?

**Câu 2:** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 3:** Tìm các thông tin chi tiết của văn bản theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc 2 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc....... |  |  |  |  |

**Câu 4:** Trong văn bản đã sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nào? Tác dụng của phương tiện đó trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản?

**Câu 5:** Theo em,những quy tắc, cách thức mà văn bản đưa ra có mang tính áp đặt không khi mà ghi chép nội dung bài học là sản phẩm cá nhân của mỗi người?

**Câu 6:** Bản thân em nhận thấy việc ghi chép nội dung bài học của mình đạt hiệu quả chưa? Em hãy chia sẻ kinh nghiệm ghi chép bài học của bản thân trong một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

* Mục đích viết của văn bản: Cung cấp cho người đọc thông tin về cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học
* Những dấu hiệu nhận biết văn bản trên là một văn bản giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động:

+ Có nhan đề, sa-pô nêu lên thông tin về cách ghi chép hiệu quả để nắm chắc nội dung bài học.

+ Cách bố cục, nêu nhan đề, đề mục: cách đánh số, chữ cái, đề mục các thông tin chi tiết của văn bản.

+ Sự kết hợp giữa lời thuyết minh và hình minh họa

**Câu 2:**

* Thông tin cơ bản của văn bản: Cách thức ghi chép bài học khoa học, dễ nhớ, dễ hiểu để nắm chắc nội dung bài học.
* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học*

+ Sa-pô: *Ghi chép và chỉnh sửa ghi chép là một quá trình học hỏi kiến thức, biến kiến thức trong sách vở thành kiến thức của bản thân. Quá trình ghi chép không chỉ thể hiện khả năng tìm hiểu vấn đề mà còn rèn luyện tư duy.*

*Muốn ghi chép sao cho chỉ nhìn một lần là biết trọng tâm nằm ở đâu, bạn có thể sử dụng một trong các cách sau.*

+ Từ các thông tin chi tiết trong văn bản.

**Câu 3**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 | A. Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ các phần | B. Học cách tìm nội dung chính | C. Phân tích và đối chiếu: Thiết lập mối liên hệ giữa các trọng tâm bài học |
| Thông tin chi tiết bậc 2 | 1. Phân vùng  2. Chia theo màu sắc  3. Khoanh vùng “trọng tâm” | 1. Tìm từ khóa và câu chủ đề  2. Đánh dấu những nội dung mà thầy, cô giáo nhấn mạnh tầm “quan trọng” hay giảng đi giảng lại nhiều lần.  3. Tự đặt câu hỏi và trả lời.  4. Dùng sơ đồ tóm tắt lại những kiến thức đã học |  |
| Thông tin chi tiết bậc 3 | Mẹo nhỏ giúp ghi chép để khi đọc là hiểu ngay. |  |  |

**Câu 4:**

* Văn bản trên đã sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ là hình minh họa.
* Tác dụng: Giúp cho lời thuyết minh trở nên dễ hiểu, dễ nhớ hơn. Nếu không có hình minh họa thì việc đọc hiểu thông tin sẽ gặp khó khăn hơn.

**Câu 5:** Theo em, những quy tắc, cách thức đưa ra không mang tính áp đặt vì văn bản chỉ mang tính chất cung cấp thông tin đến cho người đọc một cách cụ thể, rõ ràng còn việc áp dụng các quy tắc, cách thức đó như thế nào là do cá nhân mỗi người thực hiện.

**Câu 6: HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** HS có thể đưa ra một vài kinh nghiệm của bản thân: Lắng nghe, hình thức trình bày đẹp, rõ ràng, khoanh vùng kiến thức trọng tâm, dùng bút đánh dấu những phần quan trọng, trọng tâm; sử dụng sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học,...

**Đề bài 02: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

LÀM THẾ NÀO ĐỂ NHỚ VÀ HIỂU BÀI HƠN?

Dù là học sinh phổ thông hay sinh viên đại học, bạn cũng đều phải “nhớ”

bài. Thực chất, trí nhớ là một quá trình lặp đi lặp lại. Trí nhớ có thể rèn

luyện được. Một vài mẹo nhỏ sau đây sẽ giúp bạn nhớ bài nhanh và lâu hơn.

1. CHỌN THỜI GIAN HỌC TẬP PHÙ HỢP

* Viết những việc cần làm vào thời gian biểu hàng ngày;
* Hãy bắt đầu học khi bạn cảm thấy sẵn sàng nhất: học sau khi đã ngủ đủ giấc hoặc học vào sáng sớm hay buổi tối.

1. HIỂU RÕ NỘI DUNG BÀI HỌC

* Cần tập trung học và hỏi để nắm được các nội dung chính ngay trong và sau buổi học;
* Nếu có nội dung nào chưa hiểu thì bạn nên nhờ GV giải thích lại;
* Khi đọc một cuốn sách hay xem một bộ phim, một đoạn clip mà GV trình chiếu thì bạn hãy cố thử tìm xem nội dung chính của cuốn sách/ bộ phim này là gì;
* Trên thực tế, nhiều bạn thường cố gắng “học nhồi” thật nhiều trong một thời gian ngắn, tuy nhiên cách học này chỉ là để đối phó với thi cử, sau đó bạn sẽ quên ngay. Và như vậy thì việc học sẽ không giúp ích nhiều cho công việc của bạn sau này.

1. GHI NHỚ QUA SỰ HÌNH DUNG VÀ LIÊN TƯỞNG

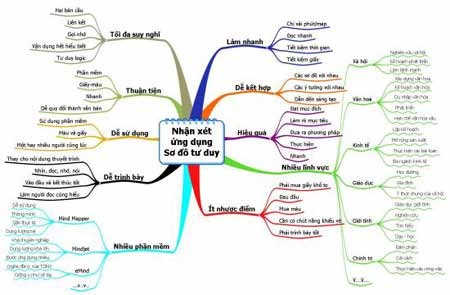
*Sự hình dung:*

* Trí nhớ của chúng ta có khuynh hướng nhớ hình ảnh hơn nhớ từ. Hình ảnh trong tâm trí ta càng rõ ràng, sống động bao nhiêu thì chúng ta càng nhớ về hình ảnh đó bấy nhiêu;
* Trong quá trình học, bạn nên tìm cách chuyển kiến thức thành hình ảnh để lưu vào não bộ một cách dễ dàng. Khi thi, bạn sẽ nhớ lại những hình ảnh đó và chuyển chúng thành các câu trả lời hợp lý.

*Sự liên tưởng:* tạo ra mối liên kết giữa những việc chúng ta cần nhớ và sắp xếp theo thứ tự logic để giúp cho việc ghi nhớ dễ dàng hơn. Ví dụ:

1. GHI NHỚ BẰNG CÁCH LẬP SƠ ĐỒ TƯ DUY

* Sơ đồ tư duy là hình thức ghi chép sử dụng màu sắc, hình ảnh nhằm tóm tắt, mở rộng những ý chính của một nội dung;
* Sơ đồ tư duy giúp bạn có thể lập dàn ý toàn bộ cốt lõi bài học mà không sa vào chi tiết, học vẹt.

1.  GHI NHỚ BẰNG CÁCH HỌC THEO NHÓM

* Tích cực tham gia học theo nhóm, kể cả học lý thuyết và trong khi thực hành;
* Khi tham gia các hoạt động trong nhóm, trước hết bạn nên tập trung quan sát để nắm bắt thông tin, sau đó tự mình tái hiện lại kiến thức và diễn đạt lại bằng ngôn ngữ của mình cho bạn bè nghe. Khi diễn đạt được như vậy, bạn sẽ nhớ rất lâu.

1. THƯỜNG XUYÊN RÈN LUYỆN

* Sau buổi học, hãy ôn tập lặp đi lặp lại nhiều lần, việc luyện tập này sẽ giúp tạo sự liên tưởng bền vững trong não bộ, từ đó để lại dấu vết sâu đậm trong trí nhớ;
* Không nên để dồn một lượng kiến thức lớn đến cuối kỳ ôn thi mới học lại từ đầu.

*Cần nhắc lại là bạn phải tự giác học và học vào thời gian tỉnh táo nhất. Không nhất thiết phải áp dụng tất cả các phương pháp này mà tùy khả năng vận dụng và tùy từng môn học cụ thể để vận dụng phương pháp ghi nhớ phù hợp.*

(In trong *Cẩm nang kĩ năng học tập*,

Ths.Bs Ngô Văn Hựu chủ biên, NXB Lao động xã hội – Hà Nội 2012)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 3:** Qua các thông tin văn bản cung cấp, em hãy trả lời câu hỏi: Làm thế nào để nhớ và hiểu bài hơn?

**Câu 4:** Em có nhận xét gì về cách đánh dấu các cấp độ thông tin trong văn bản? Theo em, nó có phù hợp với mục đích viết văn bản không?

**Câu 5:** Bạn đã áp dụng những cách thức trên trong quá trình học tập của mình chưa? Hãy chia sẻ suy nghĩ của mình về những cách thức đó. (Trả lời trong đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng).

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** PTBĐ chính: Thuyết minh

**Câu 2.**

**–** Thông tin cơ bản của văn bản: Các cách học để nhớ và hiểu bài hơn.

* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Làm thế nào để nhớ và hiểu bài hơn?*

+ Sa-pô: *Dù là học sinh phổ thông hay sinh viên đại học, bạn cũng đều phải “nhớ”*

*bài. Thực chất, trí nhớ là một quá trình lặp đi lặp lại. Trí nhớ có thể rèn*

*luyện được. Một vài mẹo nhỏ sau đây sẽ giúp bạn nhớ bài nhanh và lâu hơn.*

+ Từ các thông tin chi tiết trong văn bản.

**Câu 3:** Văn bản đã đưa đến cho chúng ta các thông tin về một vài mẹo nhỏ để nhớ và hiểu bài hơn:

* Chọn thời gian học tập phù hợp.
* Hiểu rõ nội dung bài học.
* Ghi nhớ qua sự hình dung và liên tưởng.
* Ghi nhớ bằng cách lập sơ đồ tư duy.
* Ghi nhớ bằng cách học theo nhóm.
* Thường xuyên rèn luyện.

**Câu 4.**

* Tác giả sử dụng số, kí hiệu đánh dấu các cấp độ thông tin rõ ràng, khoa học.
* Việc đánh dấu rất phù hợp với mục đích viết văn bản vì đây là văn bản nhằm cung cấp thông tin đến cho người đọc nên việc đánh dấu các cấp độ thông tin khiến người đọc nắm bắt thông tin dễ dàng hơn.

**Câu 5:** Học sinh viết đoạn văn nêu suy nghĩ của mình về vấn đề:

- Về hình thức: đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, suy nghĩ chân thực;

- Về nội dung: HS có thể đưa ra một vài suy nghĩ của mình về các cách thức tác giả đưa ra (có thể ưu điểm và hạn chế). Từ đó, đưa ra cách thức phù hợp với hoạt động học của bản thân.

**Đề bài 03: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

**TĂNG VỐN TỪ VỰNG**

*Từ vựng hết sức quan trọng vì nó truyền tải quan điểm, tư tưởng của bạn. Ngữ pháp kết hợp từ lại với nhau nhưng hầu như ý nghĩa lại ở trong từ ngữ. Trong môi trường học tập của ngành y, các bạn HSSV (Học sinh, sinh viên) mới, nhất là một số bạn người dân tộc thiểu số có hạn chế về ngôn ngữ phổ thông và từ ngữ chuyên môn. Việc tăng cường vốn từ vựng là vô cùng quan trọng giúp bạn học tập hiệu quả hơn. Bạn nên bắt đầu xây dựng vốn từ vựng của bạn càng sớm càng tốt.*

***Dưới đây là một vài chiến lược bạn có thể áp dụng để làm phong phú thêm vốn từ:***

* **Đọc sách thường xuyên:**

 Bạn chỉ có thể cải thiện vốn từ của mình qua việc đọc thật nhiều sách. Hầu hết chúng ta học từ qua việc đọc các loại sách như: sách giáo khoa, sách chuyên ngành, tạp chí và báo. Hãy cố gắng đọc các chủ đề khác nhau, các loại tài liệu khác nhau. Tuy nhiên, bạn cần có chiến lược đúng. Nếu không, dù có đọc nhiều sách nhưng

vốn từ của bạn chưa chắc đã tăng lên. Chìa khóa cho việc tăng thêm vốn từ vựng qua việc đọc sách là bạn cần hiểu được nghĩa của những từ khó mà bạn gặp. Để có thể hiểu nghĩa của những từ này, đôi khi bạn cần sử dụng từ điển chuyên ngành.

* Tìm được càng nhiều mối liên hệ của từ càng tốt:

Để không quên từ mới thì khi học bạn nên đọc to từ đó nhằm kích thích vùng nhớ âm thanh. Bên cạnh đó bạn nên tìm thêm nhiều từ đồng nghĩa với từ đó mà bạn đã biết.

Ngoài ra, bạn có thể liệt kê tất cả những thứ có thể khiến bạn nghĩ đến nghĩa của từ đó. Bạn cũng có thể gieo vần cho các từ này hoặc sử dụng các trò chơi chữ để tăng khả năng nhớ từ của bản thân.

* Chơi các trò chơi đố từ:

 Chơi trò này là một cách để bạn xây dựng được vốn từ rất hiệu quả. Các trò chơi này không chỉ giúp bạn thêm từ mới mà chúng sẽ làm bạn cảm thấy vui vẻ, và chắc chắn bạn sẽ rất hứng thú để dành thêm thời gian và công sức cho việc xây dựng vốn từ của bạn theo cách này.

* Sử dụng từ nhiều lần:

Việc sử dụng các từ lặp đi lặp lại là một cách tốt để phát triển vốn từ của bạn. Nếu bạn thực sự muốn nhớ để sử dụng những từ này, bạn nên sử dụng chúng vài lần trong một ngày, hàng ngày để lưu chúng trong bộ nhớ của bạn. Hãy viết chúng ra một mảnh giấy nếu bạn cần và đọc chúng thường xuyên. Trong khi học lâm sàng, bạn cần lưu ý cách dùng và sử dụng các từ chuyên môn của các GV, các cán bộ y tế khi giao tiếp với bệnh nhân hoặc khi ghi chép vào hồ sơ bệnh án.

(In trong *Cẩm nang kĩ năng học tập*, Ths.Bs Ngô Văn Hựu chủ biên, NXB Lao động xã hội – Hà Nội 2012)

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 3:** Qua các thông tin văn bản cung cấp, em hãy trả lời câu hỏi: Làm thế nào để tăng vốn từ vựng?

**Câu 4:** Nhận xét về tác dụng của đoạn văn in nghiêng ngay sau nhan đề của văn bản.

**Câu 5:** Theo em, nếu văn bản không sử dụng các hình ảnh minh họa trên thì việc đọc hiểu văn bản có thuận lợi không? Vì sao?

**Câu 6:** Em cho rằng vốn từ vựng hiện nay của mình đã đủ phong phú chưa? Bản thân em đã làm gì để tăng vốn từ vựng cho bản thân? (Trả lời trong đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng).

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** PTBĐ chính: Thuyết minh

**Câu 2.**

**–** Thông tin cơ bản của văn bản: Các cách để tăng vốn từ vựng của bản thân.

* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Tăng vốn từ vựng*

+ Sa-pô: *Từ vựng hết sức quan trọng vì nó truyền tải quan điểm, tư tưởng của bạn. Ngữ pháp kết hợp từ lại với nhau nhưng hầu như ý nghĩa lại ở trong từ ngữ. Trong môi trường học tập của ngành y, các bạn HSSV (Học sinh, sinh viên) mới, nhất là một số bạn người dân tộc thiểu số có hạn chế về ngôn ngữ phổ thông và từ ngữ chuyên môn. Việc tăng cường vốn từ vựng là vô cùng quan trọng giúp bạn học tập hiệu quả hơn. Bạn nên bắt đầu xây dựng vốn từ vựng của bạn càng sớm càng tốt.*

+ Từ các thông tin chi tiết trong văn bản.

**Câu 3:** Văn bản cung cấp cho chúng ta một số thông tin về cách để tăng vốn từ vựng:

* Đọc sách thường xuyên.
* Tìm được càng nhiều các mối liên hệ của từ càng tốt.
* Chơi các trò chơi đố từ.
* Sử dụng từ nhiều lần

**Câu 4:** Đoạn văn in nghiêng ngay sau nhan đề của văn bản là sa-pô, tóm lược cô đọng về mục đích, tầm quan trọng của việc tăng vốn từ vựng.

**Câu 5.** Theo em, nếu trong văn bản không sử dụng các hình minh họa thì việc đọc hiểu văn bản vẫn thuận lợi vì các hình minh họa đó chỉ có mục đích làm cho văn bản sinh động hơn, lời thuyết minh khá rõ ràng, dễ hiểu, cụ thể nên người đọc có thể dễ dàng nắm bắt thông tin mà không cần hình minh họa.

**Câu 6.**

- Về hình thức: đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, suy nghĩ chân thực;

- Về nội dung:

+ Hs tự nhận xét về vốn từ vựng của bản thân.

+ Nguyên nhân

+ Cách khắc phục/phát huy.

**Đề bài 04: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC**

*Nếu em không chạm vào nước thì sẽ không thể biết bơi. Nhưng ngay cả khi đã biết bơi thành thạo thì em vẫn phải tuân thủ những quy tắc ăn toàn về bơi lội để phòng tránh đuối nước. Dưới đây là một số quy tắc phòng tránh cần tuân thủ.*

1. **Bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu, nguy hiểm**

Em hãy nhắc nhở người lớn và nếu có thể, hãy tham gia cùng bố mẹ các việc làm sau nhằm phòng tránh đuối nước:

* Rào quanh ao, hố nước, rãnh nước ở gần nhà hoặc ở nơi công cộng.
* Làm các nắp đậy an toàn, khoá cẩn thận các dụng cụ chứa nước trong gia đình: giếng, bể, lu chứa,...
* Cắm biển báo những nơi nước sâu, nguy hiểm.

1. **Học bơi**

Nếu không chạm vào nước, em sẽ không bao giờ biết bới. Điều đó đồng nghĩa với việc em sẽ bỏ qua rất nhiều trò chơi thú vị dưới nước, như thi bơi, bóng chuyền dưới nước hay đơn giản là nghịch nước. Hãy thuyết phục bố mẹ để được đi bơi và bắt đầu làm quen với nước trong các điều kiện sau:

* Chọn chỗ nước nông.
* Xuống nước cùng người lớn biết bơi.
* Mặc áo phao hoặc mang theo phao bơi.
* Có người cứu hộ giám sát trên bờ.

1. **Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể**
2. **Tại hồ bơi công cộng:**

Cần quan sát để biếtchắc chắn rằng bể bơi có đầy đủ người cứu hộ và những người này ở đủ gần để có thể hỗ trợ bạn ngay lập tức.

1. **Tại bãi biển:**

Luôn tuân thủ các cảnh báo và ký hiệu của đội cứu hộ; luôn bơi gần người giám hộ và đứng ở vị trí nông hơn người giám hộ.

1. **Tại nhà:**

Nếu nhà bạn có hồ bơi, cần trang bị đầy đủ các phương tiện cứu hộ, đề nghị bố mẹ làm một hàng rào bảo vệ cao ít nhất là 1,2m quanh hồ bơi. Em không được tự bơi trừ khi có sự theo dõi của người lớn.

1. **Tuân thủ những quy tắc ăn toàn khi bơi lội**

Khi bơi lội, em cần tuân thủ các quy tắc sau:

* Chỉ bơi khi có sự đồng ý và giám sát của người lớn, ngay cả ở những hồ bơi rất nông dành cho trẻ em. Trước khi xuống nước, em nên kiểm tra lại độ sâu. Hầu hết những tổn thương ở vùng cổ và lưng thường do những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ có mực nước cạn.
* Chỉ bơi ở những nơi an toàn, cho phép bơi lội. Chúng ta khó mà biết được dưới mặt nước hiền hòa kia ẩn chứa những hiểm họa gì, cho nên, trước khi xuống nước, em hãy quan sát xem có biển cấm bơi không, hoặc hỏi những người xung quanh xem vùng nước đó có được phép bơi lội hay không.
* Không bơi lội một mình nơi vắng vẻ, ngay cả khi em là người bơi lội giỏi; vì sẽ không có ai cứu em khi gặp tình huống nguy hiểm.
* Không bơi ngay sau khi ăn, bởi như thế là rất hại cho dạ dày.
* Không bơi khi quá nóng hoặc mệt. Em cần phải bảo đảm rằng cơ thể mình khỏe mạnh khi xuống nước, vì môi trường nước có thể làm thân nhiệt hạ xuống đột ngột hoặc khiến em mất nhiều sức hơn.
* Không nên bơi lội trong vùng nước dơ bẩn hay bùn lầy. Vì em sẽ không nhìn thấy được đáy nước và có thể mắc các bệnh ngoài da, ngứa ngáy khắp người. Em không nên bơi lội ở những nơi có nước chảy qua nhanh, cho dù việc bơi lội xuôi dòng có thể dễ dàng với em hơn.
* Không vừa ăn, vừa bơi để tránh sặc nước. Em cần phải khởi động thật kĩ trước khi xuống nước.
* Không bơi khi người em có nhiều mồ hôi hoặc vừa đi ngoài nắng về, bởi làm như vậy rất dễ bị cảm.
* Lên bờ ngay khi trời tối, có sấm chớp và mưa.

(In trong *Cẩm nang phòng tránh đuối nước,*

Thạc sĩ – bác sĩ Nguyễn Trọng An (Chủ biên), NXB Kim Đồng, 2019)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:** Mục đích của văn bản là gì? Dấu hiệu nào trong văn bản giúp em nhận ra đây là một văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ, cách thức trong hoạt động?

**Câu 3:** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 4:** Tìm các thông tin chi tiết của văn bản theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc 2 |  |  |  |  |
| Thông tin chi tiết bậc....... |  |  |  |  |

**Câu 5:** Theo em, những quy tắc phòng tránh đuối nước tác giả đưa ra có hữu dụng không? Vì sao?

**Câu 6:** Em hãy nêu suy nghĩ của mình về lợi ích của việc học bơi.(Trả lời trong đoạn văn 5-7 câu)

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** PTBĐ chính: Thuyết minh

**Câu 2.** Mục đích viết của văn bản: Cung cấp cho người đọc thông tin về các quy tắc cần tuân thủ để phòng tránh đuối nước. Những dấu hiệu nhận biết văn bản trên là một văn bản giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động:

+ Có nhan đề, sa-pô nêu lên thông tin về vai trò của việc cần tuân thủ quy tắc để phòng tránh đuối nước.

+ Cách bố cục, nêu nhan đề, đề mục: cách đánh số các quy tắc, các thông tin chi tiết của văn bản.

+ Sự kết hợp giữa lời thuyết minh và hình minh họa

**Câu 3.**

**–** Thông tin cơ bản của văn bản: Các quy tắc để phòng tránh đuối nước.

* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Phòng tránh đuối nước*

+ Sa-pô: *Nếu em không chạm vào nước thì sẽ không thể biết bơi. Nhưng ngay cả khi đã biết bơi thành thạo thì em vẫn phải tuân thủ những quy tắc ăn toàn về bơi lội để phòng tránh đuối nước. Dưới đây là một số quy tắc phòng tránh cần tuân thủ.*

*+* Từ các thông tin chi tiết trong văn bản.

**Câu 4:** Các thông tin chi tiết trong văn bản:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thông tin chi tiết bậc 1 | 1.Bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu nguy hiểm | 2.Học bơi | 3.Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể | 4.Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội |
| Thông tin chi tiết bậc 2 |  |  | a.Tại hồ bơi công cộng  b.Tại bãi biển  c.Tại hồ bơi gia đình |  |

**Câu 5.** Theo em, những thông tin tác giả đưa ra rất hữu dụng vì

* Tình trạng đuối nước xảy ra ngày càng nhiều và đáng báo động, nguyên nhân chủ yếu do thiếu kĩ năng và không biết cách phòng tránh đuối nước.
* Những thông tin đó cần thiết với mọi đối tượng nên mang tính cập nhật cao.

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:

\*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp.  
\*Về nội dung: Có thể sử dụng một số gợi ý;

- Giúp cơ thể khỏe mạnh;

- Tăng cường trí não;

- Phòng tránh đuối nước;

- Phát triển chiều cao,...

**Đề bài 05: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi**:

KỸ THUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

[...]

*Kỹ thuật cá nhân cứu nạn, cứu hộ*

* Dìu nạn nhân (Áp dụng cho nạn nhân còn có thể đi lại được):

+ Giúp nạn nhân đứng dậy, đứng sang phía bị thương của nạn nhân.

+ Cầm tay nạn nhân quàng qua cổ hoặc vai mình.

+ Tay còn lại đưa ra sau lưng nạn nhân nắm eo hoặc thắt lưng.

+ Bước theo sải chân nạn nhân.

* Bế nạn nhân (Áp dụng cho nạn nhân nhẹ cân, không đi lại được):

+ Giúp nạn nhân ngồi dậy.

+ Bắt chéo tay nạn nhân trước ngực.

+ Luồn một tay ra sau lưng nạn nhân túm eo, tay còn lại luồn dưới 2 gối nạn nhân.

+ Giữ lưng mình thẳng và đứng dậy.

* Vác nạn nhân (Áp dụng cho nạn nhân không thể đi lại được):

+ Đặt nạn nhân nằm sấp.

+ Quỳ xuống phía đầu nạn nhân.

+ Luồn 2 tay dưới nách ôm lấy lưng nạn nhân.

+ Đứng dậy, xốc nạn nhân lên vai, khóa tay và chân nạn nhân.

* Cõng nạn nhân (nếu nạn nhân còn tỉnh):

+ Để nạn nhân ở tư thế ngồi.

+ Người cứu ngồi quay lưng trước mặt nạn nhân để nạn nhân tự ôm cổ.

+ Luồn hai tay dưới đùi nạn nhân từ phía ngoài vào, giữ chặt, đứng lên.

- Kiệu nạn nhân (Áp dụng cho nạn nhân nặng cân không đi lại được):

+ Đặt nạn nhân ở tư thế nằm ngửa.

+ Hai người cứu quỳ hai bên nạn nhân quay mặt vào nhau.

+ Đỡ nạn nhân ngồi dậy.

+ Đặt tay nạn nhân khoanh trước ngực.

+ Luồn hai tay dưới gối nạn nhân và hai tay còn lại luồn sau lưng nạn nhân bắt chéo và nắm lấy thắt lưng nạn nhân.

* Khiêng nạn nhân:

+ Đặt nạn nhân ở tư thế nằm ngửa.

+ Một người thực hiện động tác tương tự như khi kéo nạn nhân.

+ Người thứ hai ngồi ngang gối nạn nhân, luồn hai tay dưới đùi, cùng người thứ nhất đỡ nạn nhân đứng dậy.

(In trong *Cẩm nang phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trung tá-Tiến sĩ (Lương Khát Vọng (biên soạn), NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2018)*

**Câu 1**: Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để em xác định được thông tin cơ bản đó.

**Câu 3:** Qua các thông tin văn bản cung cấp, em hãy trả lời câu hỏi: Có những kĩ thuật nào dành cho cá nhân để cứu nạn, cứu hộ khi gặp nạn nhân bị hỏa hoạn?

**Câu 4:** Nhận xét về tác dụng của hình minh họa trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản

**Câu 5:** Theo em, việc cung cấp các thông tin trên văn bản có cần thiết với người đọc không? Vì sao?

**Câu 6:** Em hãy nêu suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc tổ chức các buổi ngoại khóa tuyên truyền, hướng dẫn kĩ năng phòng cháy, chữa cháy cho HS các trường THCS. (Trả lời trong đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng).

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** PTBĐ chính: Thuyết minh

**Câu 2.**

**–** Thông tin cơ bản của văn bản: Các kĩ thuật cá nhân cứu hộ, cứu nạn khi gặp nạn nhân bị hỏa hoạn.

* Thông tin cơ bản đó toát ra từ:

+ Nhan đề: *Kĩ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.*

+ Từ các thông tin chi tiết trong văn bản: *Kỹ thuật cá nhân cứu nạn, cứu hộ.*

**Câu 3:** Văn bản cung cấp cho chúng ta một số thông tin về kĩ thuật cá nhân cứu hộ, cứu nạn khi gặp nạn nhân bị hỏa hoạn:

* Dìu nạn nhân
* Bế nạn nhân
* Vác nạn nhân
* Cõng nạn nhân
* Kiệu nạn nhân

**Câu 4:** Đối với văn bản trên, hình minh họa có vai trò quan trọng, nếu không có hình minh họa thì người đọc sẽ gặp khó khăn khi tiếp cận thông tin văn bản. Hình minh họa giúp người đọc hình dung ra được các tư thế, kĩ thuật cứu nạn, cứu hộ mà văn bản đã nêu.

**Câu 5:** Theo em, việc cung cấp thông tin trong văn bản là rất cần thiết vì đây là kĩ năng sống phù hợp với mọi đối tượng. Bên cạnh đó, tình trạng cháy nổ là hiện tượng đáng báo động, đặc biệt xảy ra phổ biến mấy năm gần đây và có nhiều vụ cháy gây hậu quả nghiêm trọng.

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:

\*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 dòng; đúng chính tả và ngữ pháp.  
\*Về nội dung: Ý nghĩa của các buổi ngoại khóa về kĩ năng phòng cháy, chữa cháy cho HS THCS:

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn,

+ Giúp CB, GV, NV và học sinh nhà trường được trang bị kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng thoát nạn khi gặp các sự cố về cháy nổ xảy ra tại trường học, gia đình, khu dân cư và các địa điểm công cộng.

+ Có ý thức, nâng cao cảnh giác về công tác phòng cháy, chữa cháy,...

**Đề bài 06: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi**:

**LUẬT CHƠI ĐƯỜNG LÊN ĐỈNH OLYMPIA NĂM 2023**

**Khởi động**

Cả 4 thí sinh cùng khởi động qua 3 lượt thi với số lượng câu hỏi giới hạn lần lượt là 8, 12 và 16 câu. Thời gian ở mỗi lượt khởi động là không giới hạn. Thí sinh giành quyền trả lời bằng cách bấm chuông nhanh.

Mỗi câu hỏi chỉ có duy nhất 1 trong 4 thí sinh được trả lời. Thí sinh có tối đa 3 giây tính từ lúc giành được quyền trả lời để đưa ra đáp án. Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm, trả lời sai hoặc bấm chuông sau 3 giây mà không có câu trả lời bị trừ 5 điểm (luật trừ điểm của phần thi này tương tự trong [Olympia 22](https://duong-len-dinh-olympia.fandom.com/vi/wiki/Olympia_22) giai đoạn quý 3).

Thí sinh có thể bấm chuông trong khi MC đang đọc câu hỏi. Sau 3 giây tính từ lúc MC đọc xong câu hỏi, nếu không có thí sinh nào giành quyền trả lời, câu hỏi đó sẽ bị bỏ qua.

Có 3 loại câu hỏi được sử dụng trong phần thi này:

* Câu hỏi yêu cầu tìm đáp án đúng, điền vào chỗ trống.
* Câu hỏi lựa chọn: đúng sai, chọn các đáp án cho sẵn.
* Câu hỏi có hình ảnh hoặc đoạn nhạc gợi ý.

Thí sinh có thể thay đổi đáp án liên tục trong khoảng thời gian ngắn và đáp án cuối cùng sẽ được ghi nhận. Nếu không thay đổi, chương trình sẽ ghi nhận đáp án đầu tiên.

**Vượt chướng ngại vật**

Có 4 từ hàng ngang - cũng chính là 4 gợi ý liên quan đến Chướng ngại vật mà các thí sinh phải đi tìm. Có 1 gợi ý thứ 5 - là 1 hình ảnh liên quan đến Chướng ngại vật hoặc chính là Chướng ngại vật. Hình ảnh được chia thành 5 ô đánh số thứ tự từ 1 đến 4 và một ô trung tâm.

Mỗi thí sinh có tối đa 1 lượt lựa chọn để chọn trả lời một trong các từ hàng ngang này. Cả 4 thí sinh trả lời câu hỏi bằng máy tính trong thời gian suy nghĩ 15 giây/câu. Trả lời đúng mỗi từ hàng ngang sẽ được 10 điểm. Ngoài việc mở được từ hàng ngang nếu trả lời đúng, 1 góc (được đánh số tương ứng với số từ hàng ngang) của hình ảnh cũng được mở ra.

Thí sinh có thể bấm chuông trả lời Chướng ngại vật bất cứ lúc nào. Trả lời đúng Chướng ngại vật ở hàng ngang đầu tiên được 50 điểm. Trả lời đúng Chướng ngại vật ở hàng ngang thứ hai được 40 điểm. Trả lời đúng Chướng ngại vật ở hàng ngang thứ ba được 30 điểm. Trả lời đúng Chướng ngại vật ở hàng ngang thứ tư được 20 điểm. Trả lời đúng Chướng ngại vật ở câu hỏi gắn với ô trung tâm được 10 điểm.

Cả 4 thí sinh sẽ có 15 giây để bấm chuông đưa ra câu trả lời cho Chướng ngại vật sau khi kết thúc các từ hàng ngang và một câu ở ô trung tâm. Sau 15 giây, nếu không có thí sinh nào trả lời thì chương trình sẽ nhờ một khán giả trả lời. Khán giả trả lời đúng sẽ nhận kỷ niệm chương của chương trình. Nếu không có khán giả nào trả lời, dẫn chương trình sẽ công bố đáp án của Chướng ngại vật.

Câu trả lời mà thí sinh đưa ra yêu cầu phải **đúng chính tả**. Nếu có bất kỳ sai sót về kí tự, dấu câu, ngữ pháp, câu trả lời của thí sinh đó sẽ không được công nhận. Đôi khi câu trả lời có ý nghĩa tương đồng và có cùng tổng số chữ cái với đáp án của chương trình cũng được chấp nhận.

Nếu trả lời sai hoặc không thể trả lời Chướng ngại vật do bấm nhầm vào nút bấm xin trả lời Chướng ngại vật, thí sinh sẽ bị loại khỏi phần chơi này. Do đó, thí sinh cần hết sức thận trọng để tránh trường hợp bấm nhầm.

Khi thí sinh bấm chuông trả lời Chướng ngại vật, phần thi sẽ tạm dừng như sau:

* Thí sinh bấm chuông khi thời gian suy nghĩ đang đếm ngược, thời gian vẫn sẽ tiếp tục chạy để các thí sinh còn lại trả lời. Sau khi hết giờ, MC chưa công bố đáp án của các thí sinh mà mời thí sinh đã bấm chuông trước đó trả lời Chướng ngại vật. Nếu thí sinh đó bị loại, MC sẽ công bố đáp án của các thí sinh còn lại trong câu hỏi trước đó. Đáp án của thí sinh bị loại sẽ không được tính.
* Thí sinh bấm chuông sau khi đã công bố đáp án của các thí sinh nhưng chưa công bố điểm, MC sẽ mời thí sinh đó trả lời Chướng ngại vật. Nếu thí sinh đó bị loại, MC sẽ công bố điểm cho các thí sinh còn lại. Đáp án của thí sinh bị loại sẽ không được tính.

Nếu có nhiều thí sinh cùng bấm chuông và cùng trả lời đúng Chướng ngại vật, số điểm sẽ thuộc về thí sinh bấm chuông đầu tiên.

Nếu 1 thí sinh trước khi lựa chọn từ hàng ngang mà bấm chuông và bị loại, thí sinh ở vị trí tiếp theo sẽ được lựa chọn hàng ngang. Trong trường hợp này, đối với các thí sinh chưa bị loại, nếu thí sinh ở vị trí cuối hoàn thành lượt lựa chọn từ hàng ngang mà vẫn còn từ hàng ngang chưa chọn, lượt lựa chọn sẽ quay trở lại với thí sinh ở vị trí đầu.

**Tăng tốc**

Có 4 câu hỏi với thời gian suy nghĩ tương ứng là 10, 20, 30 và 40 giây. Bốn thí sinh cùng trả lời bằng máy tính.

Trả lời đúng và nhanh nhất được 40 điểm. Trả lời đúng và nhanh thứ hai được 30 điểm. Trả lời đúng và nhanh thứ ba được 20 điểm. Trả lời đúng và nhanh thứ tư được 10 điểm.

Câu trả lời mà thí sinh đưa ra yêu cầu phải **đúng chính tả**. Nếu có bất kỳ sai sót về kí tự, dấu câu, ngữ pháp, câu trả lời của thí sinh đó sẽ không được công nhận. Đôi khi câu trả lời có ý nghĩa tương đồng với đáp án của chương trình cũng được chấp nhận.

Có 3 loại câu hỏi được sử dụng trong phần thi này:

* 2 câu hỏi IQ (câu số 1 và 3): Các dạng câu hỏi ở dạng này rất rộng, bao gồm tìm số khác trong dãy số, tìm hình khác nhất so với các hình đã cho, tìm quy luật để điền hình đúng, giải mật mã,...
* 1 câu hỏi sắp xếp/lọc hình ảnh (câu số 2): Thí sinh phải sắp xếp các bức ảnh theo một trật tự nhất định, lọc các bức ảnh tương ứng với các đáp án A, B, C, D, E... phù hợp với nội dung câu hỏi hoặc xem hình ảnh gợi ý về một sự vật và đoán sự vật đó.
* 1 câu hỏi dữ kiện (câu số 4): Các bức ảnh, dữ kiện được đưa ra theo thứ tự từ mơ hồ tới chi tiết. Bằng các gợi ý này, thí sinh phải trả lời các câu hỏi như: "Đây là ai? Đây là gì?", "Đây là địa danh nào?", "Đây là loài vật nào?"...

Đôi khi, trong trường hợp có hai thí sinh trở lên cùng trả lời đúng trong cùng một khoảng thời gian, cả hai thí sinh đó cùng giành được một mức điểm tùy theo mức độ trả lời nhanh câu hỏi đó (Ví dụ: các thí sinh trả lời ở mức thời gian lần lượt là 3.12, 3.12, 5.00, 8.35 với cùng câu trả lời đúng thì điểm thưởng lần lượt là 40, 40, 30, 20).

**Về đích**

Mỗi thí sinh sẽ được lựa chọn 3 câu hỏi với 2 mức điểm 20 và 30. Thời gian trả lời cho câu hỏi 20 điểm là 15 giây, câu hỏi 30 điểm là 20 giây. Thí sinh đang trả lời gói câu hỏi của mình phải đưa ra câu trả lời trong thời gian quy định của chương trình.

Ở câu hỏi thực hành, ban cố vấn, khách mời hoặc người dẫn chương trình sẽ giới thiệu các dụng cụ liên quan đến câu hỏi thực hành đưa ra cho thí sinh. Sau khi thí sinh hoàn thành phần thực hành, khách mời hoặc ban cố vấn sẽ đánh giá và cho điểm. Đối với câu hỏi 20 điểm, thí sinh có 15 giây suy nghĩ và 30 giây thực hành. Đối với câu hỏi 30 điểm, thí sinh sẽ có 20 giây suy nghĩ và 60 giây thực hành. Nếu thí sinh trả lời sai hoặc không trả lời được câu hỏi đó thì thí sinh giành quyền bấm chuông sẽ có 20 giây thực hành với câu 20 điểm và 40 giây thực hành với câu 30 điểm.

Nếu thí sinh trả lời đúng hoặc thực hành đạt yêu cầu sẽ ghi được điểm của câu hỏi. Trả lời sai, không trả lời được hoặc không thực hành đạt yêu cầu thì chỉ một người nhấn chuông nhanh nhất được giành điểm. Thí sinh giành điểm nếu trả lời đúng hoặc thực hành đạt yêu cầu sẽ giành điểm câu hỏi đó từ người trả lời sai, trả lời sai hoặc thực hành không đạt yêu cầu sẽ bị trừ đi một nửa số điểm của câu hỏi.

Mỗi thí sinh được đặt ngôi sao hy vọng một lần cho một câu trong số các câu đã chọn. Trả lời đúng hoặc thực hành đúng câu hỏi có ngôi sao hy vọng được nhân đôi số điểm của câu hỏi. Trả lời sai hoặc thực hành không đạt yêu cầu sẽ bị trừ đi số điểm của câu hỏi, kể cả các thí sinh còn lại có giành quyền trả lời hay không. Thí sinh phải đặt Ngôi sao hy vọng trước khi câu hỏi được đọc lên bởi MC hoặc hiện lên trên màn hình.

Thứ tự tham gia phần thi về đích của các thí sinh như sau:

* Lượt 1: Dành cho thí sinh có điểm cao nhất sau phần thi Tăng tốc (và có số thứ tự đứng nhỏ nhất trong các thí sinh có cùng điểm).
* Lượt 2: Dành cho thí sinh có điểm cao nhất trong các thí sinh còn lại (và có số thứ tự đứng nhỏ nhất trong các thí sinh có cùng điểm). **Điểm số được tính tại thời điểm sau khi thí sinh ở lượt 1 tham gia xong phần thi của mình**.
* Lượt 3: Dành cho thí sinh có điểm cao hơn trong 2 thí sinh còn lại (và có số thứ tự đứng nhỏ hơn nếu 2 thí sinh bằng điểm). **Điểm số được tính tại thời điểm sau khi thí sinh ở lượt 2 tham gia xong phần thi của mình**.
* Lượt 4: Dành cho thí sinh cuối cùng chưa tham gia phần thi Về đích.

Với thí sinh tham gia phần thi Về đích, trong khoảng thời gian quy định, thí sinh có thể thay đổi đáp án liên tục. Chương trình sẽ ghi nhận đáp án **cuối cùng** của thí sinh sau khi hết giờ. Còn thí sinh với tư cách người giành quyền trả lời, chương trình sẽ chỉ ghi nhận đáp án **đầu tiên** của thí sinh đó.

**Phần thi Câu hỏi phụ**

Sau phần thi Về đích, các thí sinh có cùng số điểm sẽ bước vào phần thi **Câu hỏi phụ**. Mỗi thí sinh có 15 giây để trả lời các câu hỏi. Thí sinh trả lời đúng sẽ là người có số điểm cao nhất bằng số điểm của thí sinh còn lại. Nếu trả lời sai, các thí sinh sẽ bước sang câu hỏi tiếp theo để phân thắng bại. Sau 3 câu hỏi, nếu không tìm được người thắng cuộc, các thí sinh sẽ phải bốc thăm để chọn ra người thắng cuộc.

Trong một câu hỏi, nếu có thí sinh bấm chuông trả lời trước khi có hiệu lệnh của người dẫn chương trình, thí sinh đó sẽ bị mất quyền trả lời câu hỏi.

(https://duong-len-dinh-olympia.fandom.com)

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại gì?

**Câu 2.** Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu để e xác định được các thông tin cơ bản đó?

**Câu 3.** Tìm các thông tin chi tiết trong văn bản trên.

**Câu 4.** Theo em, việc sử dụng hình minh họa cần thiết với mục thông tin nào trong văn bản? Vì sao?

**Câu 5.** Theo em, việc tổ chức sân chơi tri thức cho HS có ý nghĩa như thế nào trong học tập và trong cuộc sống?

***Gợi ý trả lời***

**Câu 1.** Thể loại: Văn bản thông tin giới thiệu về luật lệ trong một trò chơi.

**Câu 2.**

**-** Thông tin cơ bản của văn bản: Luật chơi trong chương trình Đường lên đỉnh Olympia.

- Thông tin cơ bản toát ra:

+ Từ nhan đề: Luật chơi Đường lên đỉnh Olympia năm 2023

+ Từ các thông tin chi tiết của văn bản: Luật chơi qua các vòng thi.

**Câu 3.** Các thông tin chi tiết trong văn bản (bậc 1):

* Phần thi Khởi động
* Phần thi Vượt chướng ngại vật
* Phần thi Tăng Tốc
* Phần thi Về đích

**Câu 4.** Theo em việc sử dụng hình minh họa cần thiết với thông tin luật chơi phần thi Vượt chướng ngại vật. Vì lời thuyết minh trong phần thi này cần có hình minh họa để dễ hình dung, dễ hiểu hơn. Còn lời thuyết minh trong các phần còn lại cụ thể, dễ hiểu nên không cần thiết phải có hình minh họa.

**Câu 5.**

Hình thức: Đảm bảo hình thức đoạn văn; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, đảm bảo tính mạch lạc.

Nội dung: HS thể hiện suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc tổ chức các sân chơi tri thức cho HS:

* Giúp mở mang kiến thức.
* Rèn luyện sự tự tin
* Mang lại những cơ hội mới cho HS: nhận học bổng, đi du học
* Mang lại niềm tự hào cho gia đình, đất nước

**DẠNG 2: VIẾT KẾT NỐI**

**Đề bài 1:**  Viết bài văn thuyết minh về phương pháp học tập hiệu quả của bản thân em.

***Gợi ý làm bài***

***Một số ý tham khảo:***

**HÃY LÊN KẾ HOẠCH HỌC TẬP CỤ THỂ**

Học tập là cả một chặng đường dài đầy vất vả. Không chỉ riêng học tập mà đối với tất cả mọi công việc bạn đều cần phải có một kế hoạch học tập cụ thể, phù hợp nhất để chắc chắn mọi thứ đều diễn ra trong tầm kiểm soát và được tiến hành theo trình tự nhất định. Điều quan trọng là nên biết cách lên kế hoạch sao cho phù hợp.

Với phương pháp tự học này, bạn cần chú ý đến những ưu tiên cho từng môn học cụ thể. Ví dụ như, bạn cảm thấy đối với môn Toán, bạn thân có khá nhiều những thiếu sót và cần phải được rèn luyện thêm, hãy ưu tiên thời gian cho môn toán, học vào những khung giờ bạn cảm thấy sẽ tiếp thu được bài học tốt hơn cả.

**HÃY CHỌN ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN HỌC PHÙ HỢP**

Không gian và thời gian học cũng có những ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với kết quả học tập của bạn. Một không gian học yên tĩnh, không tiếng ồn, không có những tác động xung quanh khiến bạn phân tâm sẽ tốt hơn nhiều đối với không gian đầy tiếng ồn ào.

Bên cạnh đó, lựa chọn thời gian học phù hợp cũng cực kỳ quan trọng. Đối với một số người, có lẽ thời gian học lý tưởng phải là vào sáng sớm nhưng đối với bạn, thời gian đó lại không thực sự phù hợp thì bạn cũng không nhất thiết phải đi theo đúng thời gian học như những người khác, hãy áp dụng phương pháp học tốt, lựa chọn thời gian phù hợp đối với bản thân mình.

  Học một cách tích cực

**TÌM CÁCH TỐI ƯU THỜI GIAN HỌC**

Một trong những phương pháp học hiệu quả là bạn phải biết cách tối ưu thời gian học tập của mình. Hãy học một cách tích cực, học tập trung với một tâm lý thoải mái nhưng biết cách đặt mục tiêu riêng cho bản thân mình.

Nếu thực hiện được cách học giỏi hiệu quả này, bạn sẽ nhanh chóng tiến bộ mà không mất quá nhiều thời gian, không phí nhiều công sức thay vì phải dành nhiều thời gian học nhưng học lan man, không chú tâm.

**LUÔN ĐẶT CÂU HỎI VÀ TÌM CÂU TRẢ LỜI**

Tự hỏi, tự tò mò và tự tìm câu trả lời là một trong những phương pháp học tập hiệu quả được nhiều chuyên gia, thiên tài và các nhà bác học đánh giá cao. Không ai có thể tiến bộ nếu không tự mình đặt câu hỏi và tìm câu trả lời về tất cả mọi vấn đề, sự kiện, sự việc trong cuộc sống thường nhật này.

Khi bạn đã tìm được câu trả lời cho những câu hỏi của mình, chắc chắn bạn sẽ cảm thấy hứng thú, muốn được học hỏi thêm, khám phá thêm. Cứ như thế, vốn hiểu biết của bạn sẽ nâng lên rõ rệt.

Áp dụng phương pháp tự học này vào bài học của mình, bạn sẽ thấy rằng bản thân phải luôn nỗ lực không ngừng để tìm ra những lời giải đáp, những câu trả lời cho các bài toán, đó chính là lý do để bạn nhanh chóng tiến bộ trong thời gian sớm nhất.

**Đề bài 2:** Em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc giáo dục kĩ năng sống trong môi trường học đường.

**1. Mở đoạn:**

- Giới thiệu, dẫn dắt đến vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân đoạn:**

\*Giải thích khái niệm : “ Kĩ năng sống ” chính là năng lượng của mỗi người giúp xử lý những nhu yếu và thử thách của đời sống có hiệu suất cao ; đó cũng là năng lực của mỗi cá thể để duy trì một trạng thái khỏe mạnh về mặt ý thức, biểu lộ qua hành vi tương thích và tích cực khi tương tác với người khác, với nền văn hóa truyền thống và thiên nhiên và môi trường xung quanh.

\*Bàn luận:

- Vai trò của việc rèn luyện kĩ năng sống :

+ Kĩ năng sống giúp con người ứng xử linh động và hiệu suất cao nhất trước những trường hợp phát sinh trong đời sống.

+ Kĩ năng sống giúp mỗi người bình tĩnh, tự tin vào bản thân, dám khẳng định chắc chắn năng lượng, sở trường của mình.

+ Những người có kĩ năng sống tốt thường dễ thành đạt hơn trong đời sống.

– Tác hại: Nếu không có kĩ năng sống tốt thì :

+ Con người thiếu tự tin, thiếu dữ thế chủ động khi đời sống phát sinh những yếu tố phức tạp.

+ Con người sẽ khó thành công xuất sắc hơn trong đời sống, không dám biểu lộ, chứng minh và khẳng định mình trong những môi trường tự nhiên hoạt động giải trí.

\*Bài học:

– Nhận thức : Kỹ năng sống có vai trò rất quan trọng so với toàn bộ mọi người, nhất là giới trẻ.

– Hành động : Bên cạnh tích góp kiến thức và kỹ năng hàn lâm từ nhà trường, sách vở, … mỗi người cần tiếp tục trau dồi, rèn luyện, tu dưỡng kĩ năng sống – kĩ năng mềm để thuận tiện thích nghi với đời sống văn minh.

**3. Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 3**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 3**

***BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO***

**Nguyễn Vĩnh Nguyên**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

GV hướng dẫn HS nhắc lại những kiến thức về văn bản bằng việc hoàn thành phiếu HT.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**(Kiến thức văn bản)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu VB:** | **Trả lời** |
| *1. Thể loại:* | ... |
| *2. Phương thức biểu đạt:* | ... |
| *3. Giá trị nghệ thuật:* | ... |
| *4. Giá trị nội dung:* | ... |

**Gợi ý:**

**1. Thể loại:** Tản văn.

**2. Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm, tự sự, nghị luận, thuyết minh.

**3. Giá trị nghệ thuật:**

- Lời văn nhẹ nhàng, tinh tế, tình cảm, giàu hình ảnh và cảm xúc.

- Thông tin phong phú cuốn hút, thể hiện rõ quan điểm cá nhân người viết.

**4. Giá trị nội dung, thông điệp:**

**\*Nội dung:** Bài tản văn là sự tự hào và tình cảm trân trọng của tác giả dành cho bạn mình – một kí giả ở Đà Lạt và những bản tin về hoa anh đào mà anh ấy viết.

**\*Thông điệp:** Qua những suy ngẫm trước các bản tin về hoa anh đào, tác giả muốn:

+ Hướng người đọc tới thái độ biết nâng niu từng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết điều chỉnh thái độ sống, cách sống để tìm được niềm hạnh phúc trong sự giao hoà với tạo vật.

+ Hoạt động báo chí cần phải có những thay đổi tích cực trong cách chọn và đưa thông tin tới độc giả.

**B. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU TRONG SGK**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

Bản tin về tình trạng hoa đào mỗi năm một lần, xuất hiện trên tờ báo T, với riêng tôi, là điều vô cùng ý nghĩa. Ý nghĩa trên bình diện tư duy trong nghề báo thì đã rồi, nhưng lớn lao hơn, đó là nó đã truyền đi một lối nghĩ khác, để hiểu rằng hoa cỏ - những nhân vật chính lặng lẽ làm nên nhan sắc Đà Lạt, cái hiện thực về xã hội thiên nhiên đó – cũng cần được truyền thông, nâng niu theo cách thế tự nhiên nhất, nghệ thuật nhất, chứ không nhất thiết thông qua những cuộc vận động rộn ràng nhất thời […].

Tôi đã nghĩ đến một ngày nào đó, những bản tin về sự rối rắm hỗn loạn của xã hội loài người được giảm thiểu trên các tờ nhật báo chuyên về chính trị xã hội, thay vào đó là thông tin về tình trạng của những loài hoa, những mùa hoa nơi thành phố tôi yêu. Khi đó, tâm hồn con người sẽ được thanh lọc, tốt lành biết mấy.

(Nguyễn Vĩnh Nguyên, *Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách*)

**Câu 1.** Đoạn trích được viết theo thể loại nào?

**Câu 2.** Theo tác giả, những nhân vật chính làm nên nhan sắc của Đà Lạt là gì?

**Câu 3.** Nêu những ý kiến đề xuất của tác giả về những bản tin. Qua ý kiến đó, em hiểu tác giả là người như thế nào?

**Câu 4.** Tại sao có thể cho rằng thông tin về tình trạng của những loài hoa lại giúp tâm hồn con người được thanh lọc và tốt lành?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Đoạn trích được viết theo thể loại: Tản văn.

**Câu 2.** Theo tác giả, những nhân vật chính làm nên nhan sắc của Đà Lạt là hoa cỏ.

**Câu 3.**

\*Những ý kiến đề xuất của tác giả về những bản tin:

- Cần được truyền thông, nâng niu theo cách thế tự nhiên nhất, nghệ thuật nhất, chứ không nhất thiết thông qua những cuộc vận động rộn ràng nhất thời;

- Những bản tin về sự rối rắm hỗn loạn của xã hội loài người được giảm thiểu trên các tờ nhật báo, thay vào đó là thông tin về tình trạng của những loài hoa.

\*Tác giả là người yêu thiên nhiên, biết trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp của hoa cỏ thiên nhiên, nhạy cảm với cái đẹp,…

**Câu 4.** Có thể cho rằng thông tin về tình trạng của những loài hoa giúp tâm hồn con người được thanh lọc và tốt lành vì hoa là biểu tượng của cái đẹp, sự trong trẻo, mát lành do thiên nhiên ban tặng; sống gần gũi với thiên nhiên con người sẽ biết tận hưởng cái đẹp, đẩy lùi những uế tạp của đời sống thường ngày để cuộc sống tốt lên, biết rung cảm, biết trắc ẩn….

**C. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGOÀI SGK**

**Đề số 01: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

**BÀI HỌC TỪ CÂY CAU**

Trước và sau ngôi nhà tổ của tôi đều có cau. Phía trước nhà, cau được trồng khi ông bà mới sinh bố tôi. Hàng cau sau nhà được trồng cùng năm bố tôi lập gia đình. Ông tôi chỉ là người nông dân thuần túy nhưng lại vô cùng yêu những nét đẹp bình dị. Bởi thế, ông luôn chăm chút cho không gian quanh nhà. Nhà phải năm gian, hai chái, lợp ngói mũi hài cổ. Ông bảo, ngôi nhà nông thôn chỉ đẹp khi có sự hài hòa bởi khoảng xanh. Hàng cau trước và sau nhà, hoa trong khuôn viên chính là những khoảng trữ tình mướt mát để làm nên sự hài hòa ấy.

Sau này, ông tôi dựng nhà riêng cho bố tôi ở mé phải ngôi nhà chính. Ông cũng bố trí những khoảng có thể trồng được cây xanh, vừa lấy bóng mát, vừa tạo kiến trúc cho ngôi nhà thi vị. Bây giờ thì cả hai ngôi nhà với những hàng cau cùng thân cau các gia đình hàng xóm trở thành nơi neo giữ hồn quê. Đó là khối tài sản tôi thấy tự hào.

Mỗi người trong gia đình tôi đều gắn bó với cây cau một cách tự nhiên. Tự nhiên và thân thuộc như người tình thân. Thân thuộc bởi vì ngày nào cau cũng hiện diện trước nhà, là thực thể trong đời sống và trong nhiều sinh hoạt văn hóa. Vì yêu cau nên yêu cả dáng thẳng của cau, yêu những tàu lá, chiếc mo, yêu hương hoa thơm ngát, yêu những tổ chim trú ngụ bình yên ở đó. Ông tôi chính là người đã gieo vào lòng bố tôi và các chú, rồi lại gieo vào thế hệ tôi tình yêu quê nhà, yêu những ngõ cau mộc mạc, những sân phơi có bóng cau nghiêm trang. Có lần ông nội hỏi bố: “Nhìn lên cây cau con thấy điều gì?”. Bố tôi trả lời: “Con thấy bầu trời xanh”. Ông lại hỏi tôi: “Nhìn lên cây cau cháu thấy gì?”. Tôi thưa: “Cháu thấy bài học làm người ngay thẳng. Đó là triết lý của ông phải không ạ?”. Ông tôi gật đầu, cười. Tôi liền hỏi lại ông: “Vậy nhìn lên cây cau, ông đã thấy gì ạ?”. Ông điềm nhiên trả lời: “Ông thấy tương lai tươi đẹp của dòng họ ta”.

Thế đó, mỗi người một cách nghĩ, một “sự thấy” khác nhau. Điều đó làm nên sự đa tính cách, khác biệt trong mỗi thành viên, để người này không lặp lại người trước. Mỗi người đều có một cách sáng tạo, cách sống và làm việc, dù là nhổ cỏ, bắt sâu hay chỉ là dắt trâu ra đồng cày ruộng.

Một ngày bình an, tôi ngước lên hàng cau và hỏi: “Ở trên đó cau có gì vui?”. Tức thì từ trên những tàu cau một đàn chim xòe cánh bay ra. Tôi lại hỏi: “Cau có thấy bầu trời cao rộng?”. Những tàu cau đung đưa, tạo ra âm thanh xạc xào. Vậy cau có gì cho tuổi thơ tôi? Phấn hoa cau rụng xuống. Chiếc mo cau rơi như thả một nốt nhạc. Tôi chợt nhớ tới trò kéo xe bằng mo cau. Ngày xưa mỗi khi có chiếc mo cau là cái tàu lá khô rụng, hai chị em tôi thường dùng chơi cùng nhau. Tôi và chị thay nhau ngồi ở phần bẹ, rồi lại thay nhau cầm phần đầu của lá để kéo, rồi reo hò cười nói giòn tan.

(Trích *Trò chuyện với hàng cau,*

Báo *Quân đội nhân dân*, 09/04/2022)

**Câu 1.** Xác định nội dung của đoạn trích.

**Câu 2.** Chỉ ra chất trữ tình trong đoạn trích.

**Câu 3.** Cái tôi của tác giả thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

**Câu 4.** Nhận xét ngôn ngữ của tản văn trong đoạn trích trên.

**Câu 5**. Câu chuyện về hàng cau đã đưa đến cho nhân vật trữ tình những bài học gì?

**Câu 6.** Em hãy viết đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng nêu cảm nhận về một hình ảnh thiên nhiên có ý nghĩa đặc biệt với em.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1.** Nội dung của đoạn trích: Hàng cau gắn liền với những kí ức tuổi thơ, những thành viên trong gia đình của nhân vật trữ tình và những bài học cuộc sống.

**Câu 2.** Chất trữ tình được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh đầy cảm xúc về hàng cau “hàng cau trước và sau nhà, hoa trong khuôn vươn chính là những khoảng trữ tình mướt mát để làm nên sự hài hòa ấy”, “hàng cau...trở thành nơi neo giữ hồn quê”,...; sự hoà quyện tình cảm, cảm xúc của tác giả vào trong những câu văn miêu tả hàng cau: “Vì yêu cau nên yêu cả dáng thẳng của cau, yêu những tàu lá, chiếc mo, yêu thương hoa thơm ngát, yêu những tổ chim trú ngụ trong đó

=> Câu văn đầy chất thơ, chan chứa tình cảm, cảm xúc của người viết.

**Câu 3.** Cái tôi được thể hiện rõ qua cách xưng hô, cách bộc lộ tình cảm trực tiếp của tác giả trong bài viết: Thể hiện rõ sự chân thực trong cách xưng hô “tôi” trong văn bản; trong việc bộc lộ câu chuyện về những kĩ ức tuổi thơ, những người thân của mình gắn liền với hàng cau, những cuộc hỏi đáp với ông, với hàng cau.

* Cái tôi trong bài viết là cái tôi chân thực, nhẹ nhàng mà sâu lắng.

**Câu 4.** Ngôn ngữ: Gần gũi, bình dị, tự nhiên.

**Câu 5.** Câu chuyện hàng cau đã đem đến cho nhân vật trữ tình những bài học:

* Yêu những nét đẹp bình dị
* Yêu làng xóm, quê hương, những kí ức tuổi thơ
* Từ cuộc hỏi đáp giữa “ông” với “bố”, giữa “ông” với “tôi” => Nhân vật “tôi” rút ra bài học: Mỗi người một cách nghĩ, một “sự thấy” khác nhau; mỗi người đều có sức sáng tạo, cách sống và làm việc riêng.
* Hình dáng, cốt cách, sức sống của cây cau gợi nhắc sự ngay thẳng, vươn cao, cứng cỏi, hoà hợp đón nắng, đón gió, đón chim muông.

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:

\*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp.  
\*Về nội dung: Có thể sử dụng một số gợi ý;

- Hình ảnh thiên nhiên nào có ý nghĩa với em?

- Hình ảnh đó gắn liền với kí ức đặc biệt nào đó không?

- Ý nghĩa của hình ảnh đó với em, người thân, quê hương?  
**Đề bài 02:**

**THIÊN NHIÊN DẠY NHỮNG ĐIỀU KÌ DIỆU**

Đã từ lâu, bố tôi rất thích tiếng chim trong vườn. Ngôi vườn còn sót lại trong quá trình đô thị hóa, đã trở thành nơi lưu trú của nhiều loài chim nhỏ. Dường như nhận biết được sự bình yên ở đó và tấm lòng nhân hậu của bố tôi, nên lũ chim có vẻ thích thú, không muốn di chuyển. Chúng cứ ở đó, để vui chơi và hót. Bố tôi thương chúng, đã mở rộng vườn, trồng thêm vài loại cây cho thế giới của chúng trở nên rộng hơn. Ông và những người bạn già vẫn tổ chức những buổi đánh cờ vui vẻ. Gió và tiếng chim là những điều thật sự kỳ diệu mà những người bạn già của ông vẫn lấy làm thèm khát, bởi họ không có khu vườn nào. Cùng lắm thì họ chỉ có một vài cây cối nhỏ. Nên họ nể bố tôi. Họ coi vườn nhà tôi như một món tài sản khổng lồ mà trong khu vực chẳng ai có. Điều đó làm bố tôi tự hào. Những thành viên trong nhà tôi rất đỗi sung sướng.  
 Vâng, ở ngoài kia, đất lành… chim chết. Những chú chim bị săn đuổi bằng nhiều cách. Đôi bàn tay của một số người thực dụng, vì lợi nhuận đang tàn sát thiên nhiên. Điều đó đã khiến cuộc sống này buồn đi biết bao nhiêu, bớt đẹp biết bao bởi tiếng chim cứ bị vắng dần. Biết bao loài trở nên tuyệt chủng. Tại sao con người có thể vô tình đến thế? Họ đầu độc chính môi trường sống của mình. Lũ chim cứ bị săn đuổi, không có đường thoát. Chúng và đàn của chúng rời rạc, tan tác. Chúng bay đi đâu, tìm nơi đâu chỗ trú ngụ? Chúng biết đến vùng đất nào để sinh tồn, khi chỗ nào cũng thấy bẫy giăng ra, hiểm họa có thể ập đến?

Tự nhiên tôi thấy việc làm của bố có ý nghĩa. Những cử chỉ dịu dàng của ông với thiên nhiên, ít nhất là trong ngôi vườn nhà mình đã để lại trong tôi bài học sâu sắc. Rằng, con cá bơi dưới nước thì yêu nước, con chim ca yêu bầu trời. Con người ngoài yêu đồng loại, thì phải yêu cả tự nhiên nữa. Yêu lấy các loài chim nhỏ bé là ta đã yêu những điều giản dị. Biết quý những điều giản dị, là trái tim ta đã thật sự biết rung động trước ngay cả một tiếng lá rơi, một tiếng chim hót trong chiều bình yên.

Có lẽ, trong tâm hồn những người già, sự thâm trầm của họ trở nên “vô lý” trong cuộc đời này, khi mà những người trẻ chọn cách sống thực dụng, ăn xổi. Họ không đủ nhẫn nại để học được cách lắng nghe người khác, nghe thiên nhiên thầm thì. Bố tôi đã vơi bệnh vì yêu tiếng chim. Đó không chỉ là bệnh viêm khớp, mà cả bệnh mất ngủ triền miên cũng được xua tan bởi ông đã chạm tay được vào sự kỳ diệu của tự nhiên. Ông quan sát chim và nghe tiếng chúng, trò chuyện với chúng. Rồi lại có những ngày bố đi dọc bờ đê để nghe tiếng những lũy tre rì rào, tiếp thêm năng lượng từ tiếng của tự nhiên. Bố đã dạy các con về bài học giá trị. Khi nhiều người dần trở nên ích kỷ, chỉ biết mỗi bản thân mình, thì mỗi lần chạm tay được vào thiên nhiên, với mối giao cảm nồng nàn, chúng ta có thể cứu được tiếng chim.

Khoan nói đến những cống hiến to tát, khoan bàn đến những chuyện vĩ đại, sao chúng ta không thử ngồi lắng nghe tiếng thở của tự nhiên, tiếng động cựa của sự sinh sôi trong từng kẽ lá? Chúng ta sẽ thấy thiên nhiên sinh động và có hồn, vượt qua sự tưởng tượng của con người. Và biết đâu ở trong đó, chúng ta học được những bài học quý giá.

Bố tôi đã dạy tôi cách yêu tự nhiên. Trong suốt tuổi thơ của mình, tôi đã du dương với cánh chuồn chuồn, cánh bướm… Tôi đã thả ước mơ theo con diều vào bầu trời. Ở đó, thiên nhiên cho tôi bài học nhẫn nại và biết yêu, ngay cả tiếng động của của một mầm xanh nhỏ. Bạn thử một lần lắng nghe thiên nhiên thầm thì mà xem, bạn sẽ nhận ra biết bao điều cần khám phá.

(Theo Nguyễn Văn Học, *https://baohaiduong.vn/chuyen-trang/van-nghe/tan-van/thien-nhien-day-nhung-dieu-ky-dieu*)

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại gì?  
**Câu 2.** Xác định nội dung của văn bản trên.

**Câu 3.** Nhận xét về tác dụng của những câu hỏi tu từ trong đoạn văn:

*Vâng, ở ngoài kia, đất lành… chim chết. Những chú chim bị săn đuổi bằng nhiều cách. Đôi bàn tay của một số người thực dụng, vì lợi nhuận đang tàn sát thiên nhiên. Điều đó đã khiến cuộc sống này buồn đi biết bao nhiêu, bớt đẹp biết bao bởi tiếng chim cứ bị vắng dần. Biết bao loài trở nên tuyệt chủng. Tại sao con người có thể vô tình đến thế? Họ đầu độc chính môi trường sống của mình. Lũ chim cứ bị săn đuổi, không có đường thoát. Chúng và đàn của chúng rời rạc, tan tác. Chúng bay đi đâu, tìm nơi đâu chỗ trú ngụ? Chúng biết đến vùng đất nào để sinh tồn, khi chỗ nào cũng thấy bẫy giăng ra, hiểm họa có thể ập đến?*

**Câu 4**. Theo tác giả, trong văn bản trên, thiên nhiên đem đến những bài học kì diệu nào?

**Câu 5.** Từ đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về ý nghĩa của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Thể loại: Tản văn.

**Câu 2**: Nội dung của văn bản: Từ tình yêu thiên nhiên của người bố, nhân vật trữ tình hiểu rằng thiên nhiên mang đến cho cuộc sống con người những điều kì diệu và con người cần phải yêu quý, trên trọng thiên nhiên.

**Câu 3:** Những câu hỏi tu từ trong đoạn văn: Tại sao con người có thể vô tình đến thế? Chúng bay đi đâu, tìm nơi đâu chỗ trú ngụ? Chúng biết đến vùng đất nào để sinh tồn, khi chỗ nào cũng thấy bẫy giăng ra, hiểm họa có thể ập đến?

* Tác dụng của những câu hỏi tu từ:

+ Thu hút sự chú ý của người đọc về vấn đề, tăng giá trị biểu cảm.

+ Nhấn mạnh sự tàn ác, sự vô tình của con người trong cách ứng xử với thế giới tự nhiên, trong việc đuổi cùng giết tận các loài chim. Đồng thời, đây cũng là những câu hỏi thức tỉnh con người hãy yêu quý tự nhiên.

**Câu 4:** Theo tác giả, trong văn bản, thiên nhiên mang đến những bài học kì diệu: Bài học nhẫn nại và biết yêu: yêu thiên nhiên, yêu những vẻ đẹp bình dị, tình yêu thương với các loài sinh vật; sự trân trọng, nâng niu và giữ gìn thế giới tự nhiên.

**Câu 5**: Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:

\*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp.  
\*Về nội dung:

- Ý nghĩa của hình ảnh thiên nhiên đối với con người.

- Những việc cần làm để bảo vệ thiên nhiên.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 4**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**CƯỚC CHÚ, TÀI LIỆU THAM KHẢO, TỪ HÁN VIỆT**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Đặc điểm, chức năng của cước chú và cách ghi cước chú**

**\*Đặc điểm:**

*- Xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận và văn bản văn học cổ được đời sau in lại.*

**\*Chức năng:** *Giúp người đọc nắm bắt chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản.*

**\*Cách ghi cước chú:**

***Bước 1.*** *Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích: bằng chữ số hoặc dấu hoa thị.*

***Bước 2.***

***1. Vị trí đặt cước chú:*** *Cuối văn bản hoặc ở chân trang.*

**2. Các thành phần của cước chú:**

*- Kí hiệu đánh dấu đối tượng;*

*- Tên đối tượng;*

*- Dấu hai chấm;*

*- Nội dung giải thích.*

**2. Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**

- **Bước 1:** Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét.

- **Bước 2:** Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.

- **Bước 3:** Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

**B. LUYỆN TẬP**

**1. CƯỚC CHÚ, TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Bài tập 1:** Đọc lại văn bản *Câu chuyện về con đường* trong SHS tr.74-75 và thống kê các cước chú trong văn bản vào các cột phù hợp trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Từ ngữ được giải thích | Thông tin miêu tả, giải thích |
| .. | ... | ... |

**Gợi ý bài tập 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Từ ngữ được giải thích | Thông tin miêu tả, giải thích |
| 1. | *Đường cái quan* | Từ dùng thời trước, chỉ đường tương đối rộng, làm trục giao thông chính giữa các địa phương trong nước. |
| 2. | ... | ... |

**Bài tập 2. Đọc văn bản sau và tìm nội dung em thấy cần cước chú**

**Cảnh ngày xuân**

*Ngày xuân con én đưa thoi,*  
*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.*  
*Cỏ non xanh tận chân trời,*  
*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*  
*Thanh minh trong tiết tháng ba,*  
*Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.*  
*Gần xa nô nức yến anh,*  
*Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*  
*Dập dìu tài tử, giai nhân,*  
*Ngựa xe như nước áo quần như nêm.*  
*Ngổn ngang gò đống kéo lên,*  
*Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.*  
*Tà tà bóng ngả về tây,*  
*Chị em thơ thẩn dan tay ra về.*  
*Bước dần theo ngọn tiểu khê,*  
*Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.*  
*Nao nao dòng nước uốn quanh,*  
*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)

**Gợi ý bài tập 2:**

**Nội dung cần cước chú:**

**-** *thiều quang, thanh minh, đạp thanh, yến anh, tài tử giai nhân, áo quần như nêm, vàng vó, tiểu khê, dịp.*

**Bài tập 3. Quan sát văn bản và trả lời câu hỏi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**a.**Các cước chú (“tam bản”, “chài”) và tài liệu tham khảo trong văn bản có mục đích gì?

b. Em thấy có cần chú thích thêm những từ ngữ, kí hiệu nào khác trong văn bản không?

**Gợi ý bài tập 3:**

a. Các cước chú (“tam bản”, “chài”) trong văn bản có mục đích giải thích cho từ ngữ trong văn bản có thể chưa rõ cho người đọc. Tài liệu tham khảo có mục đích khẳng định các nội dung trong văn bản được tác giả nghiên cứu, tìm hiểu cặn kẽ, đồng thời giúp độc giả có thể tìm đọc các tài liệu đó để mở rộng thêm kiến thức.

b. Không cần có thêm chú thích cho những từ ngữ, kí hiệu khác trong văn bản. Vì các từ ngữ trong văn bản đều là từ phổ thông, rõ nghĩa.

**2. TỪ HÁN VIỆT**

**Bài tập 1: Xác định nghĩa của các tiếng được in nghiêng trong các từ Hán Việt dưới đây.**

Mẫu: *trường* kì, *trường* sinh, *trường* kiếm, *trường* thành

*trường* là dài.

1. *tiên* đoán, *tiên* lượng, *tiên* phong

2. *hiếu* thắng, *hiếu* chiến, *hiếu* kì, *hiếu* học

3. *hậu* kì, *hậu* chiến, *hậu* phương, *hậu* quả

4. *đa* số, *đa* chiều, *đa* nghĩa, *đa* diện, *đa* cạnh

5. *thiểu* số, *thiểu* năng, *giảm* thiểu

6. *lộ* giới, đại *lộ*, quốc *lộ*

7. *tối* thiểu, *tối* đa, *tối* đơn giản, *tối* hậu thư

8. *cung* văn hoá, *cung* thiếu nhi, *cung* điện, *cung* trăng

9. *khán* giả, *khán* phòng, *khán* đài, *khán* xuân lầu

10. *nhân* sĩ, *nhân* dân, *nhân* loại, *nhân* ái

**Gợi ý bài tập 1:**

1. *tiên* là trước.

2. *hiếu* là thích.

3. *hậu* là sau.

4. *đa* là nhiều.

5. *thiểu* là ít.

7. *tối* là mức cao nhất.

8. *cung* là nhà.

9. *khán* là xem, nhìn.

10. *nhân* là người.

*Bài tập 2: Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống.*

*1. Ngày bắt đầu năm học mới, gọi là ngày…(khai trường, khai trương).*

*2. Người chơi đấm bốc gọi là….(võ sĩ, võ đấu).*

*3. Nhà máy dệt kim Vinh mang tên Hoàng Thị Loan - ….chủ tịch Hồ Chí Minh (thân mẫu, mẹ).*

*4. Tham dự buổi chiêu đãi có ngài đại sứ và …(phu nhân, vợ).*

*5. Lễ kết thúc năm học gọi là lễ…(bế giảng, bế mạc).*

*6. Người coi thi trong các cuộc thi ở trường gọi là….(giám thị, giám trường).*

*7. Người đoạt giải nhất trong các cuộc thi sắc đẹp gọi là…(hoa hậu, hoàng hậu).*

*8. Lúc…ông cụ còn dặn con cháu phải yêu thương nhau. (lâm chung, sắp chết).*

*9. Con cái cần phải nghe lời…của cha mẹ. (giáo huấn, dạy bảo)*

*10. Nơi mọi người xem bóng đá ở sân vận động gọi là…(khán đài, khán phòng).*

**Gợi ý bài tập 2:**

1. khai trường

2. võ sĩ

3. thân mẫu

4. phu nhân

5. bế giảng

6. giám thị

7. hoa hậu

8. lâm chung

9. dạy bảo

10. khán đài

**Bài tập 3: Giải nghĩa các yếu tố các yếu tố Hán Việt sau:**

1. **bạch** (bạch cầu)

2. **cư** (cư trú)

3. **dạ** (dạ hương, dạ hội)

4. **hậu** (hậu vệ)

5. **hồi** (hồi hương, thu hồi)

6. **mộc** (thảo mộc, mộc nhĩ)

7. **tâm** (yên tâm)

8. **thảo** (thảo nguyên)

9. **thư** (thư viện)

10. **vấn** (vấn đáp)

**Gợi ý bài tập 3:**

1. **bạch** (bạch cầu): trắng

2. **cư** (cư trú): ở

3. **dạ** (dạ hương, dạ hội): đêm

4. **hậu** (hậu vệ): sau

5. **hồi** (hồi hương, thu hồi); về

6. **mộc** (thảo mộc, mộc nhĩ): cây

7. **tâm** (yên tâm): lòng

8. **thảo** (thảo nguyên): cỏ

9. **thư** (thư viện): sách

10. **vấn** (vấn đáp): hỏi

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 5**

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I**. **ÔN TẬP LÍ THUYẾT**

**1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động**

- Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).

- Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động.

- Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người.

- Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó.

**2. Dàn ý chung của một bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động**

**a) Mở bài**

- Giới thiệu về trò chơi hay hoạt động (tên gọi, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).

**b) Thân bài:**

- Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động (cách chơi, luật chơi).

- Nêu tác dụng của trò chơi hạy hoạt động.

**c) Kết bài**

- Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đối với cuộc sống của con người.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

**Lập dàn ý rồi viết thành bài văn hoàn chỉnh cho đề bài sau:**

**ĐỀ 1. Tuổi thơ em có nhiều lần được cùng các bạn chơi trò chơi dân gian. Hãy viết bài văn giới thiệu về quy tắc, luật lệ trong một trò chơi mà em yêu thích.**

**ĐỊNH HƯỚNG: Giới thiệu trò chơi “Bịt mắt bắt dê”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các bước** | **Trả lời** |
| **Bước 1. Chuẩn bị** | **- Kiểu bài**: Bài văn thuyết minh giới thiệu quy tắc luật lệ của một trò chơi.  **- Đối tượng**: Trò chơi dân gian (nhảy lò cò, ô ăn quan, mèo đuổi chuột...)  **- Hình thức:** Viết bài văn bố cục ba phần.  **- Định hướng chọn đề tài**: **Trò chơi “Bịt mắt, bắt dê”** |
| **Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý** | **2. 1.Tìm ý và lập dàn ý: Giới thiệu trò chơi “Bịt mắt bắt dê”**  **a. Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi**  **\* Đặt câu hỏi:**  **Câu 1.** Đó là hoạt động, trò chơi gì? Có nguồn gốc từ đâu?  **Câu 2**. Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Điều kiện để thực hiện trò chơi?( người chơi, dụng cụ đồ dùng cần chuẩn bị, địa điểm chơi)  **Câu 3**.Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào?  **Câu 4.** Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy?  **Câu 5**. Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?  **\*Trả lời câu hỏi**  **Câu 1:**  Trò chơi bịt mắt bắt dê, thường là khoảng sân rộng không có vật sắc nhọn thường là sân nhà hoặc sân trường.  Trò chơi có nguồn gốc từ dân gian.  **Câu 2:**  **Mục đích của trò chơi:** vui chơi giải trí cùng các bạn sau thời gian học tập, làm việc căng thẳng mệt mỏi.  **Đối tượng tham gia**: Có thể mọi lứa tuổi nhưng thường chơi là trẻ em  **Điều kiện**: Người chơi từ 3 người trở lên, khăn bịt mắt, địa điểm chơi  **Câu 3: Trình tự tiến hành trò chơi**  **Mỗi nơi có cách riêng nhưng về cơ bản đảm bảo:**  + Chọn người chơi: 1 người đi bắt dê, người còn lại làm dê  + Tham gia đuổi bắt: Người bị bắt và được đoán trúng tên sẽ làm người bắt dê.  **Câu 4.** Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy?  *- Mắt phải được bịt kín*  *- Người chơi chỉ được cổ vũ, không được nhắc hoặc mách cho bạn đi bắt dê*  *- Không được đi ra khỏi vòng tròn*  *- Nếu trong một thời gian quy định mà không bắt được dê thì coi như bên dê thắng và thay người khác vào chơi.*  **Câu 5**. Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?  Đem lại sân chơi bổ ích cho trẻ thơ  + Được vui chơi giải trí, đem lại tiếng cười vui...  + Rèn luyện khả năng nghe, xác định phương hướng  + Sự kết nối bạn bè...  **+** Tránh được một số thói xấu của đời sống hiện đại ( nghiện games..)  **b. Dàn ý: Giới thiệu trò chơi : “Bịt mắt bắt dê**  **\* Mở bài:** Dẫn dắt, giới thiệu khái quát trò chơi  **\* Thân bài:** Giới thiệu các quy tắc, luật lệ của trò chơi bịt mắt bắt dê:  + Giới thiệu nguồn gốc của trò chơi: Bắt nguồn từ Hi Lạp  **+ Đối tượng, địa điểm diễn ra trò chơi:** Chơi trò bịt mắt bắt dê thường là các bạn trẻ cùng độ tuổi  Diễn ra ở bất cứ không gian trống nào như sân nhà, sân trường....  **+ Quy định về cách chơi.**  *Tùy theo mỗi vùng miền mà có cách chơi khác nhau. Sau đây là 2 cách chơi bịt mắt bắt dê phổ biến như sau:*  **Cách 1:***Cả nhóm cùng oẳn tù tì hoặc chọn một người xung phong bịt mắt đi bắt dê, khăn bịt mắt, những người xung quanh đứng thành vòng tròn rộng. Người chơi chạy xung quanh người bịt mắt cho 1đến khi người đó hô “đứng lại” thì phải đứng lại không được di chuyển, lúc này người bịt mắt đi quanh vòng tròn và bắt một người bất kỳ, người chơi cố tạo ra tiếng động để người bịt mắt mất phương hướng khó phán đoán. Cho đến khi người bịt mắt bắt được và đoán đúng tên một ai đó thì người đó phải thế chỗ cho người bịt mắt. Nếu không bắt được ai lại hô bắt đầu để mọi người di chuyển.*  **Cách 2:** *Chọn hai người vào chơi, một người làm dê, một người đi bắt dê. Cả hai cùng đứng trong vòng tròn và bịt bịt mắt, đứng quay lưng vào nhau. Sau đó nghe theo hiệu lệnh người làm dê vừa di chuyển vừa kêu “be be” để người bắt dê định hình phương hướng và đuổi bắt. Những người đứng xung quanh hò reo tạo không khí sôi động. Người săn bắt được dê thì dê được thay chỗ làm người săn và một người khác ở hàng rào vào làm dê, người săn thắng cuộc trở lại làm hàng rào.*  ***\*******Luật chơi trò bịt mắt bắt dê.***  *- Mắt phải được bịt kín*  *- Người chơi chỉ được cổ vũ, không được nhắc hoặc mách cho bạn đi bắt dê*  *- Không được đi ra khỏi vòng tròn*  *- Nếu trong một thời gian quy định mà không bắt được dê thì coi như bên dê thắng và thay người khác vào chơi.*  *(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng,2014*  **\*Kết bài: Giá trị ý nghĩa của trò chơi.**  *Trò chơi*[*bịt mắt bắt dê*](https://specialkid.vn/blogs/cac-tro-choi-cho-be/tro-choi-dan-gian-bit-mat-bat-de)*giúp người chơi rèn luyện kĩ năng di chuyển, nhanh nhẹn, khéo léo và khả năng phán đoán. Trò chơi giúp tạo không khí vui vẻ, sôi động và tăng thêm tính đoàn kết.* |
| **Bước 3:**  **Viết bài** | **Bài viết tham khảo về trò “Bịt mắt bắt dê”**  **a. Mở bài**  Tuổi thơ mỗi chúng ta ai cũng có những lần cùng các bạn vui chơi với những trò chơi dân gian mà mình yêu thích. Trong những trò chơi dân gian ấy thì trò chơi “ bịt mắt bắt dê” là một trò chơi, quen thuộc và gần gũi nhất là với các cô cậu học sinh chúng em.  **b. Thân bài**  **\* Nguồn gốc của trò chơi:** *Bịt mắt bắt dê* là tên gọi thân thuộc của tuổi thơ nhiều bạn, cái tên này bắt nguồn từ Hy Lạp cổ đại với cách gọi “**coppermosquito**” nghĩa là “muỗi đồng”. Trong tiếng Anh, người ta thường dùng**Blind-man's-buff** để chỉ về trò chơi dân gian vui nhộn này.  Bịt mắt bắt dê thích hợp cho mọi lứa tuổi đặc biệt là với trẻ con, do đó xuất hiện nhiều tại các vùng thôn quê Việt Nam, tại các hội làng cùng với kéo co, rồng rắn lên mây… Sự phổ biến của bịt mắt bắt dê còn được thể hiện qua tranh Đông Hồ với màu sắc tươi sáng, đường nét nhí nhảnh. Để thích hợp cho nhiều người hơn, bịt mắt bắt dê đã có nhiều phiên bản, luật chơi khác nhau để tăng thêm phần thú vị.  *\****Quy định về người chơi và các điều kiện cần chuẩn bị**  Trò chơi dân gian nói chung và bịt mắt bắt dê nói riêng thường không giới hạn số lượng người tham gia, tuy nhiên để cuộc vui trọn vẹn và tổ chức có trật tự nhất số lượng nên từ 3 - 15 người. Người tham gia nên đồng trang lứa để thêm công bằng hơn cho trò chơi.  Để chơi trò chơi dân gian này thì chỉ cần trang bị một vài sợi dây đủ dài để “bịt mắt" người đi tìm dê, có thể là vải màu tối chất liệu mềm mỏng hoặc đồ bịt mắt để ngủ, giúp cho mắt thoải mái mà vẫn hạn chế tầm nhìn của người chơi. Khi đã có người chơi, dây vải để bịt mắt thì chọn một địa điểm thích hợp là có thể cùng nhau vui chơi.  Bởi đây là một trò chơi dân gian mà số lượng người chơi, người cổ vũ đông nên cần tìm địa điểm tổ chức có không gian rộng, không có vật cản, nên là mặt cỏ hoặc nền đất để hạn chế chấn thương nếu vô tình té ngã. Tuy nhiên cũng cần giới hạn khoảng không gian chơi để không di chuyển quá xa, khiến người bị bịt mắt không thể “bắt dê".  Trước trận đấu thường sẽ phân chia để xem ai là người bịt mắt và ai là người trốn để không bị bắt. *Tùy theo mỗi vùng miền mà có cách chơi khác nhau. Sau đây là 2 cách chơi bịt mắt bắt dê phổ biến như sau:*  **Cách 1:**  *Cả nhóm cùng oẳn tù tì hoặc chọn một người xung phong bịt mắt đi bắt dê, khăn bịt mắt, những người xung quanh đứng thành vòng tròn rộng. Người chơi chạy xung quanh người bịt mắt cho 1đến khi người đó hô “đứng lại” thì phải đứng lại không được di chuyển, lúc này người bịt mắt đi quanh vòng tròn và bắt một người bất kỳ, người chơi cố tạo ra tiếng động để người bịt mắt mất phương hướng khó phán đoán. Cho đến khi người bịt mắt bắt được và đoán đúng tên một ai đó thì người đó phải thế chỗ cho người bịt mắt. Nếu không bắt được ai lại hô bắt đầu để mọi người di chuyển.*  **Cách 2**  *Chọn hai người vào chơi, một người làm dê, một người đi bắt dê. Cả hai cùng đứng trong vòng tròn và bịt bịt mắt, đứng quay lưng vào nhau. Sau đó nghe theo hiệu lệnh người làm dê vừa di chuyển vừa kêu “be be” để người bắt dê định hình phương hướng và đuổi bắt. Những người đứng xung quanh hò reo tạo không khí sôi động. Người săn bắt được dê thì dê được thay chỗ làm người săn và một người khác ở hàng rào vào làm dê, người săn thắng cuộc trở lại làm hàng rào.*  **\*Lưu ý luật chơi:** Dù chơi theo cách chơi nào thì trò “ bịt mắt bắt dê” cũng cần tuân thủ quy luật chung.  Người “bắt dê”mắt *mắt phải được bịt kín*, không được ti hí trong quá trình chơi và tìm kiếm xung quanh, bắt lấy một ai đó và đoán trúng tên của người đó. Người “làm dê”, cần luồn lách để không bị người bịt mắt bắt. Không được chạy ra khỏi khu vực được phân chia từ trước. *Người chơi chỉ được cổ vũ, không được nhắc hoặc mách cho bạn đi bắt dê Không được đi ra khỏi vòng tròn. Nếu trong một thời gian quy định mà không bắt được dê thì coi như bên dê thắng và thay người khác vào chơi.*  **c. Kết luận**  **Cuộc sống hiện đại hôm nay, bên cạnh những** trò chơi dân gian còn có nhiều trò chơi hiện đại hấp dẫn. Thế nhưng trò chơi dân gian bịt mắt bắt dê vẫn được mọi người yêu mến bởi ý nghĩa riêng của nó. Nếu ai đã từng chơi trò chơi thú vị này thì đều nhận thấy ý nghĩa lớn lao của nó:Trò chơi [bịt mắt bắt dê](https://specialkid.vn/blogs/cac-tro-choi-cho-be/tro-choi-dan-gian-bit-mat-bat-de) giúp người chơi rèn luyện kĩ năng di chuyển, nhanh nhẹn, khéo léo và khả năng phán đoán. Trò chơi giúp tạo không khí vui vẻ, sôi động và tăng thêm tính đoàn kết. Hơn nữa trong đời sống hiện đại hôm nay trò chơi này cũng góp phần gìn giữ phát huy giá trị truyền thống văn hóa dân gian.Vì vậy mỗi chúng ta nhất là trẻ em cần trân trọng gìn giữ*.* |
| **Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa** | Kiểm tra chỉnh sửa theo tiêu chí. |

**ĐỀ 2: Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động mà em và các bạn trong lớp quan tâm**

(GV có thể giao lập dàn ý theo nhóm, mỗi nhóm làm 01 đề và cử đại diện trình bày)

- HS thực hiện thao tác đã học trong SGK.

- HS có thể tham khảo bài làm sau:

1. **Bước 1: Chuẩn bị**

- Xác định đề tài:

+ Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: *bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc*

*+* Xác định hoạt động mà em và các bạn trong lớp quan tâm: ‘Hoạt động thi văn nghệ chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11)

- Thu thập tài liệu: Từ kế hoạch của nhà trường, từ thực tế quan sát và những trải nghiệm của bản thân.

**2**.**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

**- Tìm ý: HS điền vào phiếu ý tưởng:**

|  |
| --- |
| **Ý tưởng của tôi về bài: Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** |
| - Một số quy tắc trong cuộc thi:  + Về đối tượng tham gia  +Về chủ đề  + Về trang phục  + Về kinh phí  + Về kế hoạch tập luyện,..  - Một vài lưu ý đặc biệt: Không tập quá muộn, không chia bè phái, không lãng phí,... |

***- Lập dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của một bài văn, gồm:***

*\*Mở đầu: Nêu tên hoạt động, lí do giới thiệu quy tắc, hoạt động.*

*- Giới thiệu quy tắc trong hoạt động thi văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.*

*- Lí do: Chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, hưởng ứng phong trào thi văn nghệ của nhà trường. Đóng vai trò lớp trưởng, tôi xin đưa ra một số quy tắc trong hoạt động thi văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.*

*\*Phần chính:*

- Giới thiệu vắn tắt mục đích, bối cảnh, thời gian không gian diễn ra hoạt động và sự cần thiết thực hiện hoạt động theo quy tắc

+ Mục đích: *Các tiết mục văn nghệ đặc sắc tri ân các thầy, cô; chọn HS có năng khiếu vào đội văn nghệ nhà trường; thúc đẩy phong trào thi đua giữa các lớp.*

*+ Bối cảnh: sân khấu ngoài trời hoặc nhà đa năng*

*+ Thời gian: Các buổi chiều 15, 16/11; chung kết 20/11*

- Trình bày các điều khoản/nội dung của quy tắc hay luật lệ:

+ Về đối tượng tham gia: HS trong trường đều có quyền tham gia, khuyến khích HS có năng khiếu. Trong lớp chúng ta, tôi đề nghị những bạn này:.... các bạn có thể đăng kí bổ sung vào danh sách để lớp có đội văn nghệ chất lượng.

+ Về chuẩn bị nội dung tiết mục: Về chủ đề: Có thể là các chủ đề về thầy, cô, mái trường, quê hương, đất nước; khuyến khích các chủ đề thầy, cô và mái trường. Về hình thức biểu diễn: hát, múa, nhảy, nhạc cụ,...

+ Về tập luyện: Các bạn tham gia tập luyện sau giờ học, thời gian tập khoảng 30 phút, buổi chiều nghỉ hoặc cuối tuần. Lưu ý, cần nghiêm túc trong quá trình tham gia tập luyện.

+ Về trang phục: Phù hợp với tiết mục, phù hợp với môi trường học đường, lứa tuổi học sinh; trang phục cần lịch sự, kín đáo; tránh những trang phục phản cảm, quá hở hang hoặc không phù hợp.

+ Về kinh phí: quỹ lớp chi tiền trang phục.

+ Về chuẩn bị đạo cụ. Ngoài trang phục, đạo cụ cũng là thứ mà bạn cần chuẩn bị. Đạo cụ sẽ giúp bạn dễ dàng thể hiện động tác, truyền tải nội dung cũng như thông điệp đến khán giả một cách rõ ràng hơn.

+ Chuẩn bị tập duyệt sân khấu. Cuối cùng, trước buổi biểu diễn chính thức, bạn cần đến kiểm tra sân khấu. Nếu sân khấu quá nhỏ hoặc quá lớn, bạn sẽ chủ động phân chia lại bố cục, đội hình để tạo nên sự cân đối khi biểu diễn chính thức.

++ Một vài lưu ý đặc biệt: Không tổ chức tập quá muộn; không tập buổi tối; không chia bè kết phái; Không lạm dụng kinh phí của lớp.

\**Kết thúc*:

- Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc/luật lệ

- Đưa ra khuyến nghị đối với người đọc nếu có

**Bước 3. Viết bài**

**Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa**

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**Những thứ cần chuẩn bị cho một tiết mục văn nghệ**

Các bạn thân mến! Theo yêu cầu của cô phụ trách đội, lớp chúng ta cũng như các lớp khác cần có một tiết mục văn nghệ để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11. Để có được một tiết mục văn nghệ hay và đặc sắc, chúng ta cần phải cần chuẩn bị rất nhiều thứ. Vậy, các bạn hãy cùng tôi tìm hiểu xem những thứ cần phải chuẩn bị cho một tiết mục văn nghệ là gì?  
  Các bạn lưu ý buổi mít tinh chào mừng 20/11 được tổ chức trang trọng tại sân khấu ngoài trời (sân trường), có nhiều khách mời, các thầy, cô và đông đảo các bạn HS tham gia. Vì vậy, chúng ta cần chuẩn bị thật chu đáo để thể hiện sự biết ơn đối với công lao dạy dỗ của thầy cô cũng như thể hiện hoạt động phong trào tích cực của lớp, góp phần vào sự thành công của buổi lễ. Vì thế, tôi xin tóm lược mấy lưu ý sau để mọi người chuẩn bị tốt tiết mục văn nghệ quan trọng này:

Thứ nhất: đối tượng tham gia: HS trong trường đều có quyền tham gia, khuyến khích HS có năng khiếu. Trong lớp chúng ta, tôi đề nghị những bạn này:.... các bạn có thể đăng kí bổ sung vào danh sách để lớp có đội văn nghệ chất lượng.

Thứ hai: Chuẩn bị nội dung tiết mục. Đầu tiên, bạn cần phải xác định mình sẽ lựa chọn hình thức nghệ thuật nào để biểu diễn, ca, múa, hát hay kịch. Tiếp đó, bạn sẽ chọn bài hát chính hoặc câu chuyện chính để xây dựng nội dung theo cách cảm nhận của mình. Lưu ý, tiết mục cần đúng với chủ đề thầy, cô và mái trường.

Thứ ba: Luyện tập nội dung tiết mục. Sau khi đã xác định được mình sẽ biểu diễn gì, bằng hình thức nào, bạn sẽ bắt đầu luyện tập nội dung. Thông thường khi lên sân khấu, do ảnh hưởng tâm lý nên nhiều người thường bị quên bài. Vậy nên việc luyện tập nội dung một cách kỹ lưỡng là điều thật sự cần thiết. Các bạn tham gia tập luyện sau giờ học, thời gian tập khoảng 30 phút, buổi chiều nghỉ hoặc cuối tuần.

Thứ tư: Chuẩn bị trang phục. Trang phục là một trong những yếu tố không thể thiếu, đóng vai trò quan trọng tạo nên sự thành công của tiết mục. Tùy nội dung, bạn sẽ chọn trang phục cho phù hợp. Bên cạnh nội dung, trang phục còn phải phù hợp với không gian và tính chất của chương trình; tránh những trang phục phản cảm, quá hở hang hoặc không phù hợp.

Thứ năm: Chuẩn bị đạo cụ. Ngoài trang phục, đạo cụ cũng là thứ mà bạn cần chuẩn bị. Đạo cụ sẽ giúp bạn dễ dàng thể hiện động tác, truyền tải nội dung cũng như thông điệp đến khán giả một cách rõ ràng hơn.

Thứ sáu: Chuẩn bị tập duyệt sân khấu. Cuối cùng, trước buổi biểu diễn chính thức, bạn cần đến kiểm tra sân khấu. Nếu sân khấu quá nhỏ hoặc quá lớn, bạn sẽ chủ động phân chia lại bố cục, đội hình để tạo nên sự cân đối khi biểu diễn chính thức.

Cuối cùng, về kinh phí: quỹ lớp chi tiền trang phục.

Một vài lưu ý đặc biệt: Không tổ chức tập quá muộn; không tập buổi tối; không chia bè kết phái; Không lạm dụng kinh phí của lớp.

Trên đây là những thứ cần chuẩn bị khi tham gia tiết mục văn nghệ mà bạn cần nhớ để có được tiết mục thành công. Điều này tôi đã rút ra được sau nhiều lần được tham gia các tiết mục văn nghệ dự thi cấp huyện, tỉnh. Hi vọng nó sẽ có ích và giúp tiết mục văn nghệ của chúng ta để lại ấn tượng sâu sắc trong buổi lễ.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 6**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 9**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

1. **MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **3** | **0** | **4** | **1** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn thuyết minh | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***20*** | ***20*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |

**B. BẢN ĐẶC TẢ**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.  - Nhận biết được văn bản thuật lại sự kiện gì.  - Nhận biết được một số yếu tố trong văn bản thông tin như nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ in đậm, số thứ tự và dấu gạch đầu dòng trong văn bản.  - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin.  - Chỉ ra thông tin trong văn bản/ đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Chỉ ra được tác dụng của một số yếu tố trong văn bản thông tin.  - Nêu được vai trò của các yếu tố phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,…) trong văn bản thông tin.  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng.  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản/đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **VIẾT** | Viết bài văn thuyết minh | **Nhận biết**:  - Xác định được rõ mục đích, yêu cầu cần viết của bài văn thuyết minh.  - Biết rõ đối tượng thuyết minh.  **Thông hiểu**:   * Xác định được các đặc điểm, khía cạnh của đối tượng cần triển khai * Biết sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí để làm sáng tỏ đối tượng thuyết minh.   **Vận dụng**:  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt,... **Vận dụng cao**:  - Lựa chọn cách trình bày sao cho hiệu quả, hấp dẫn.  - Có sáng tạo trong diễn đạt làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**\*Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**Ai ơi mồng 9 tháng 4**

*"Ai ơi mồng chín tháng tư  
Không đi hội Gióng cũng hư mất đời"*

**Từ xưa người Kẻ Chợ đã có câu ngạn ngữ: “Nắng ông Từa, mưa ông Gióng”. Có nghĩa là cứ vào ngày hôị thánh Từa (tức Từ Đạo Hạnh) mồng 7 tháng 3 âm lịch thì thể nào cũng nắng to, còn vào hội thánh Gióng, mồng 9 tháng 4 âm lịch thì có mưa, vì bắt đầu mùa mưa dông. Lễ hội Thánh Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.**

Thánh Gióng - Phù Đổng Thiên Vương một trong bốn vị thánh bất tử trong tâm tưởng người Việt. Bác Hồ kính yêu đã dành nhiều mĩ từ khi nhắc tới người anh hùng dân tộc này: *"Đảng ta vĩ đại thật. Một ví dụ trong lịch sử ta có ghi chuyện vị anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn, hàng vạn anh hùng noi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm* *vông đánh thực dân Pháp”* (Trích *Lời khai mạc lễ kỉ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng* - 05/01/1960).

Lễ hội Gióng diễn ra trên một khu vực rộng lớn xung quanh những vết tích còn lại của Thánh tại quê hương. Cố Viên, tức vườn cũ nay ở giữa đồng thôn Đổng Viên, tương truyền là vườn cà của mẹ Gióng, tại đây bà đã dẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân thần cũng ở vườn này. Miếu Ban, thuộc thôn Phù Dực, tên cũ là rừng Trại Nòn, là nơi Ngài được sinh ra, hiện tại sau toà miếu còn có một ao nhỏ, giữa ao có gò nổi, trên gò có một bể con bằng đá tượng trưng cho bồn tắm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn người anh hùng. Đền Mẫu nơi thờ mẹ Gióng, xây ở ngoài đê. Đặc biệt, đền Thượng là nơi thờ phụng Thánh, vốn được xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh. Trong đền có tượng Thánh, sáu tượng quan văn, quan võ chầu hai bên cùng hai phỗng quỳ và bốn viên hầu cận.

Từ mồng 1 tháng 3 đến mồng 5 tháng 4 âm lịch là thời gian chuẩn bị lễ hội. Hội bắt đầu từ ngày mồng 6, trong những ngày này dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà) lên đền Thượng. Mồng 8 có lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc. Mồng 9 vào chính hội có múa hát thờ, có hội trận và lễ khao quân. Hát thờ diễn ra trước thuỷ đình phía trước đền Thượng do phường hát ải Lao và hội Tùng Choặc biểu diễn chủ yếu là hát dân ca. Hội trận mô phỏng lại cảnh Thánh Gióng đánh giặc tại cả một khu vực cánh đồng rộng lớn (khoảng 3km) gọi là Soi Bia. 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục thật đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù. 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta. Đi đầu đám rước là dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường tượng trưng cho đạo quân mục đồng. Theo sau là ông Hổ từng giúp Thánh phá giặc. Trong đám rước còn có cả ông Trống, ông Chiêng và 3 viên Tiểu Cổ mặc áo xanh lĩnh xướng. Tại Soi Bia còn có cả đánh cờ người. Trong khi ông hiệu cờ đang say sưa múa cờ thì dân chúng xem hội chia những những đồ tế lễ. Họ tin rằng như vậy đã được Thánh ban lộc, những vật dụng kia sẽ đem lại may mắn cho cả năm trời. Đám rước đi đến tận Đổng Viên, đi đến đâu cờ quạt tưng bừng đến đấy. Vào ngày mồng 10, vãn hội có lễ duyệt quân tạ ơn Thánh. Ngày 11 làm lễ rửa khí giới và ngày 12 lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất.

Lễ hội Gióng không chỉ làm người xem được chứng kiến các nghi thức của một hệ thống lễ với các thao tác thuần thục mang tính nghệ thuật và biểu trưng cao mà còn là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều “tình làng nghĩa xóm”, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế,... Tất cả đều được gìn giữ là một tài sản vô giá lưu truyền mãi về sau. […]

(TheoAnh Thư, Báo điện tử *Hà Nội mới*, ngày 07/4/2004)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

A. Nghị luận

B. Thuyết minh

C. Tự sự

D. Miêu tả

**Câu 2**. Đoạn trích trên cung cấp thông tin về sự kiện chính nào?

A. Ngày hôị thánh Từa (tức Từ Đạo Hạnh)

B. Các lễ hội ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ

C. Lễ hội Gióng

D. Khai mạc lễ kỉ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng - 05/01/1960

**Câu 3**. Địa điểm diễn ra sự kiện chính được nói đến trong đoạn trích là:

A. Kẻ Chợ

B. Làng Gióng

C. Khu vực đồng bằng Bắc Bộ

D. Đền Mẫu

**Câu 4.** Sa pô của văn bản (phần in đậm sau nhan đề) có tác dụng gì?

A. So sánh ngày hội Thánh Từa và ngày hội Gióng.

B. Thu hút sự chú ý của người đọc, nhấn mạnh sự kiện ngày hội thánh Từa.

C. Thu hút người đọc, định hướng nội dung chính của văn bản.

D. Kể lại diễn biến lễ hội Gióng.

**Câu 5.** Đâu **không** phải lời trích dẫn trực tiếp trong văn bản?

A. *"Ai ơi mồng chín tháng tư  
 Không đi hội Gióng cũng hư mất đời"*

B. *“Nắng ông Từa, mưa ông Gióng”.*

C. “*tình làng nghĩa xóm”*

D. *"Đảng ta vĩ đại thật. Một ví dụ trong lịch sử ta có ghi chuyện vị anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn, hàng vạn anh hùng noi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm* *vông đánh thực dân Pháp”*(Trích *Lời khai mạc lễ kỉ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng* - 05/01/1960).

**Câu 6**. Đâu **không** phải nghi lễ trong lễ hội Gióng?

1. Rước nước từ đền Hạ về đền Thượng
2. Hát thờ
3. Rước cơm chay
4. Chia đồ tế

**Câu 7.** Sự kết hợp giữa thuyết minh với miêu tả trong văn bản trên đã đem đến hiệu quả gì?

A. Thông tin được đề cập cụ thể, sinh động và dễ hình dung hơn.

B. Nội dung được đề cập giàu tính thẩm mĩ và tính hư cấu hơn.

C. Văn bản có đầy đủ đặc điểm của phong cách ngôn ngữ báo chí.

D. Văn bản thể hiện rõ hơn nét văn hoá của người dân làng Phù Đổng.

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8**. Theo em, lễ hội Gióng được nhân dân tổ chức hàng năm có ý nghĩa gì?

**Câu 9.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của những trích dẫn, chú thích được sử dụng trong văn bản.

**Câu 10.** Tham gia lễ hội văn hóa là nét đẹp của người Việt. Theo em, mỗi chúng ta khi tham gia các lễ hội cần có ứng xử (về thái độ, hành vi, lời nói...) như thế nào cho phù hợp?

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 đang đến gần, trường em tổ chức rất nhiều hoạt động chào mừng ngày lễ lớn này. Với vai trò là người đảm nhiệm một trong số những hoạt động đó, em hãy viết một văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động mà em đảm nhiệm.

**D. ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 7** | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **B** | **C** | **B** | **C** | **C** | **D** | **A** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 3.5 |
| **8** | Lễ hội Gióng được nhân dân tổ chức hàng năm có ý nghĩa:  - Lễ hội nhằm tôn vịn công lao của người anh hùng làng Gióng - biểu tượng cho ý chí chống giặc ngoại xâm, cho bản chất kiên cường bất khuất, khát vọng hòa bình của dân tộc, gợi nhắc truyền thống lịch sử oai hùng của cha ông.  - Lễ hội giúp mỗi người cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, linh thiêng và trần thế...  ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 0.5 |
| **9** | Những trích dẫn, chú thích được sử dụng trong văn bản:  - Trích dẫn ca dao dân gian: *"Ai ơi mồng chín tháng tư/ Không đi hội Gióng cũng hư mất đời";* trích dẫn câu ngạn ngữ của người Kẻ Chợ*:* ***“****Nắng ông Từa, mưa ông Gióng****”.***  - Trích dẫn trực tiếp câu nói của Bác Hồ về người anh hùng thánh Gióng: *"Đảng ta vĩ đại thật. Một ví dụ trong lịch sử ta có ghi chuyện vị anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn, hàng vạn anh hùng noi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm* *vông đánh thực dân Pháp”.*  *-* Chú thích chính văn: (tức Từ Đạo Hạnh);(Trích *Lời khai mạc lễ kỉ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng* - 05/01/1960); (Phật Thích Ca – Lão tử – Khổng tử);(cơm cà); (khoảng 3km).  \*Tác dụng của những trích dẫn trực tiếp và chú thích chính văn này: Những kiểu trích dẫn, chú thích này mang tính xác thực, làm cụ thể hóa, sinh động, phong phú nội dung thông tin ở các đoạn văn.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **10** | Mỗi người khi tham gia các lễ hội cần có lối ứng xử có văn hoá, biểu hiện cụ thể như:  - Thái độ: Tôn trọng giá trị văn hoá truyền thống, tôn trọng sự khác biệt văn hoá vùng miền, tôn trọng nội quy ban tổ chức,…  - Hành vi, lời nói: Có hành vi và lời nói đúng chuẩn mực , đúng pháp luật, đúng chuẩn mực đạo đức xã hội…; không có những những hành vi phản cảm (như không ăn mặc quần áo quá ngắn khi đến chùa chiền; không nói tục chửi bậy nơi lễ hội; không chen chúc, dẫm đạp lên nhau để đi hội; không dẫm đạp, phá hỏng các công trình, cỏ cây, hoa lá trong khuôn viên diễn ra lễ hội...) ; tích cực quảng bá hình ảnh đẹp về con người Việt Nam và giá trị văn hoá VN cho bạn bè thế giới biết đến,…  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
|  |  | **Viết bài văn thuyết mình về một quy tắc hoặc luật lệ trong một hoạt động Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh*  - Mở đầu: Nêu tên hoạt động, lí do giới thiệu quy tắc hoạt động;  - Phần chính: Tập trung thuyết minh các điều khoản trong quy tắc, luật lệ của hoạt động giúp người tham gia hiểu được và tuân thủ;  - Kết thúc: Khẳng định lại quy tắc, nhận định về độ tin cậy, ý nghĩa thực tế của quy tắc hoạt động. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần thuyết minh*  Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. | 0.25 |
| *c. Triển khai, làm rõ đối tượng thuyết mình*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần làm sáng tỏ quy tắc/luật lệ trong một hoạt động cần thuyết mình; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \*Dẫn dắt và nêu vấn đề thuyết minh  ***Hướng dẫn chấm****: giới thiệu vấn đề cần thuyết mình: 0,5 điểm.* | 0.5 |
| \*Lần lượt giới thiệu mục đích, bối cảnh, thời gian không gian diễn ra hoạt động và sự cần thiết thực hiện hoạt động theo quy tắc; trình bày các điều khoản/nội dung của quy tắc hay luật lệ; một vài lưu ý đặc biệt (nếu có) | 1.5 |
| \*Người viết thể hiện những kinh nghiệm của bản thân, nhắc người đọc lưu ý, tránh sai lầm thường vấp phải.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
| *e. Sáng tạo*  Cung cấp kiến thức phong phú về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Chương trình Ngữ văn 2018.

- SGK, SGV *Ngữ văn 7, KNTTVCS*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung các Modun tập huấn của Bộ GD&ĐT.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- *Bồi dưỡng ngữ văn 7*, Thanh Mai (chủ biên), NXB Giáo dục, 2022.

**BUỔI ….**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 10**  *Ngày soạn ..............*  *Ngày dạy:..............* | **ÔN TẬP**  **TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG** |

**Học đi đôi với hành.**

Hồ Chí Minh

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù: Ôn tập các đơn vị kiến thức trọng tâm của bài học 10:**

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức về đặc điểm văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

- Viết được bài văn về một nhân vật yêu thích. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.

- Phát triển năng lực tự đọc: đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học.

**2. Năng lực chung:**

**- Tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ nhóm học tập để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

- Chăm chỉ; tích cực ôn tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC ÔN TẬP**

Nguyễn Trọng Cường. GV trường thcs Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An. Gmail:

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Giúp HS nhắc lại các bài học, chú ý vào việc thực hiện nhiệm ôn tập.

**2. Nội dung:** HS trình bày vào khung, phiếu.

**3. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Hãy trình bày sản phẩm của em truyện tranh, bài thơ bốn năm chữ để tóm tắt câu chuyện đã đọc, tranh ảnh, vi deo, hoặc bài viết giới thiệu về các tác phẩm văn học (cuốn sách) em đọc, một đoạn trong tác phẩm yêu thích

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS báo cáo sản phẩm.

- GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập**

- HS khác nhận xét sản phẩm.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, giới thiệu nội dung ôn tập bài 10

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học: Bài 10: Trang sách và cuộc sống

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

* **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**
* - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* - HS tích cực trả lời.
* - GV khích lệ, động viên

**B3: Báo cáo sản phẩm**

* - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
* - Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

Ôn tập đọc hiểu theo thể loại:

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**1. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**

**-** Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:

+ là một loại văn bản nghị luận;

+ bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... và khái quát giá trị chung của tác phẩm.

- Lí lẽ trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học chính là những ý kiến của người viết về đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm.

- Bằng chứng trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là những phần (câu, đoạn), những chi tiết được dẫn từ văn bản theo hình thức trích dẫn nguyên văn hoặc lược thuật, tóm tắt lại.

**2. Từ con người có thực ngoài đời đến nhân vật văn học:**

- Những con người có thực ngoài đời:

+ gợi niềm cảm hứng bất tận cho hoạt động sáng tác của nhà văn. Những ấn tượng, cảm xúc, suy ngẫm của nhà văn về cuộc đời được đánh thức từ chính thế giới nhân sinh phong phú đó.

+ là những chất liệu sống động để nhà văn sáng tạo hình tượng nghệ thuật.

- Nhân vật văn học

+ là sản phẩm của sự sáng tạo, hư cấu, chứa đựng trong đó nhiều gợi ý của nhà văn về một cách nhìn nhận, đánh giá đầy tính thẩm mĩ đối với cuộc sống. 

 + không đồng nhất với con người thực ngoài đời. Cùng với việc nắm được đặc điểm của nhân vật (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, nội tâm,...), người đọc cần phải hiểu định hướng giá trị mà nhà văn muốn thể hiện - tức là điều thực sự có ý nghĩa, chi phối cách nhà văn hư cấu, xây dựng hình tượng trong tác phẩm.

**3. Cách đọc hiểu văn bản văn học**

**a. Nhận biết thành phần của văn bản nghị luận**

- Cần nhận biết phương thức biểu đạt: Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Nhưng bên cạnh đó phương thức biểu đạt nghị luận còn được kết hợp các phương thức khác nhằm thuyết phục người đọc như biểu cảm, tự sự, miêu tả...

- Nhận biết vấn đề nghị luận: Vấn đề nhà văn đưa ra bàn luận là vấn đề gì?

+ Vấn đề thể hiện qua nhan đề.

+ Các từ khóa lặp đi lặp lại.

- Nhận biết ý kiến đánh giá của người viết về tác phẩm trên các phương diện nội dung, nghệ thuật. Các ý kiến thường đứng ở đầu đoạn văn, hoặc cuối đoạn.

- Nhận biết lí lẽ và bằng chứng được dùng để làm rõ ý kiến.

- Nhận biết các thao tác lập luận: chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, bình luận, bác bỏ.

**b. Hiểu nội dung và hình thức văn bản**:

- Nội dung thể hiện qua ý nghĩa nhan đề, chủ đề, tư tưởng, thái độ, tình cảm của tác giả với vấn đề nghị luận.

- Hình thức thể hiện qua cách dùng từ, đặt câu, chi tiết, hình ảnh,

**c. Liên hệ và vận dụng văn bản vào đời sống:**

- Cần rút ra cho mình bài học gì để vận dụng vào thực tiễn đời sống.

**II. LUYỆN ĐỀ**

1. **LUYỆN ĐỀ NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**Đề số 1:**

Đọc văn bản “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)” của tác giả Trần Thanh Địch, và trả lời câu hỏi

***Chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8) và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.***

**Câu 1**. “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)” thuộc kiểu văn bản nào?

A. Tự sự

B. Nghị luận

C. Biểu cảm

D. Nhật dụng

**Câu 2.** Văn bản viết về vấn đề gì?

A. Những kí ức tuổi thơ của tác giả Võ Quảng về *một nông thôn miền Trung tại thôn Hòa Phước, bên con sông Thu Bồn*

B. Những hình ảnh *những người nông dân bình thường*

C. Vẻ đẹp về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm *Quê nội* của nhà văn Võ Quảng.

D. Tình yêu và niềm tự hào của nhà văn về quê hương.

**Câu 3.** Câu văn nào nêu bằng chứng?

*A. Đây là một sự chuyển mình toàn bộ, thay đổi toàn diện của chế độ xã hội mới, ngấm vào từng gia đình từng con người, từ già đến trẻ.*

*B.* *Thế mà truyện âm thầm như một mùi hương gây mê, có sức hấp dẫn và quyến rũ lạ lùng*

*C. Vai “tôi” trong tiểu thuyết thường có những thế mạnh, tương như bộc tuệch gửi gắm cả “tấm lòng” của tác giả.*

*D. Một tuyến nhân vật thứ hai nữa có mặt ít hơn, nhưng vẫn xuất sắc và lí thú không kém các nhân vật trên: chị ba, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành, ông Tư Đàm, cô tuyết Hạnh,* …

**Câu 4**. Câu văn nào nêu lên ý kiến của người viết về về thế giới nhân vật trong tác phẩm “*Quê nội”*?

*A. Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.*

*B. Các nhân vật là những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú bé hiếu động trong thôn, trong làng, trong xóm vừa tự xây chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị công tác chống giặc giữ làng.*

*C. Còn những chú chó thì vô cùng đa dạng, mỗi con một tính, mỗi đứa một nết, mỗi Vằn, Vện một thái độ.*

*D. Vai “tôi” cũng có khá nhiều nhược điểm…không nhìn xa được, không nói được nội dung, suy nghĩ của các nhân vật trực diện khác.*

**Câu 5**. Câu nào là ý kiến nào của người viết về đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm “*Quê nội*”?

*A. Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.*

*B. Các nhân vật là những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú bé hiếu động trong thôn, trong làng, trong xóm vừa tự xây chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị công tác chống giặc giữ làng.*

*C. Quê nội được viết theo lối tự sự vai “tôi”.*

*D. Trâu Bĩnh là một nhân vật thân thuộc, lung linh, trở đi trở lại qua nhiều tập truyện của tác giả từ Cái Thăng.*

**Câu 6**. Câu văn: "Trong *Tảng sáng,* đó là những Cục, những Cục, Cù Lao, bà Kiến, ông Hai Dĩ, thầy Lê Tảo,... là những con người thật đáng yêu.” có chủ ngữ là:

A. một từ

B. một cụm danh

C. một cụm chủ vị

D. một cụm động từ

**Câu 7**. Mối liên hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong bài viết trên có tác dụng như thế nào?

A. Làm nổi bật tình yêu và niềm tự hào về quê hương của tác giả.

B. Giúp khắc họa hình ảnh làng quê tại thôn Hòa Phước, bên con sông Thu Bồn sau cách mạng tháng Tám thành công

C. Giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp nội dung, nghệ thuật của tác phẩm “*Quê nội”*

D. Đưa ra thông điệp ý nghĩa về tình yêu quê hương, đất nước.

**Câu 8**. Nhận định nào đúng với cảm xúc của người viết trong văn bản "Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)”

A. Trân trọng vẻ đẹp của con người nơi quê nhà

B. Ngưỡng mộ tài năng, phong cách nghệ thuật của nhà văn Võ Quảng

C. Tình yêu và nỗi nhớ quê nhà của mình

D. Xao xuyến, xúc động trước những trang văn tả cảnh vật và con người ở làng quê.

***Thực hiện các yêu cầu sau (câu 9, câu 10):***

**Câu 9**. Em thích nhất ý kiến nào trong văn bản “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)” của tác giả Trần Thanh Địch? Vì sao?

**Câu 10**. Qua tác phẩm “Quê nội” và văn bản “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)”, em có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương trong tâm hồn mỗi con người (trả lời bằng 5-7 dòng)

**Gợi ý đề số 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** |
| **1** | B. Nghị luận |
| **2** | C. Vẻ đẹp về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm *Quê nội* của nhà văn Võ Quảng. |
| **3** | D. Một tuyến nhân vật thứ hai nữa có mặt ít hơn, nhưng vẫn xuất sắc và lí thú không kém các nhân vật trên: chị ba, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành, ông Tư Đàm, cô tuyết Hạnh, … |
| **4** | B. Các nhân vật là những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú bé hiếu động trong thôn, trong làng, trong xóm vừa tự xây chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị công tác chống giặc giữ làng. |
| **5** | B. Bài thơ rất kiệm lời mà hàm chứa bao tình ý sâu xa, lời thơ dung dị, tự nhiên, gây xúc động người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến những gì thiêng liêng nhất của mỗi người, đó là tình mẫu tử. |
| **6** | A. Một từ |
| **7** | C. Giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp nội dung, nghệ thuật của tác phẩm “*Quê nội”* |
| **8** | D. Xúc động bởi ngôn từ và cảm xúc chân thành từ bài thơ. |
| **9** | - HS có thể diễn đạt khác nhau song cần nêu rõ ý kiến mình thích nhất trong bài và lí giải, ví dụ:  + Ý kiến thích nhất: **Ý kiến của người viết về thế giới nhân vật trong tác phẩm**  + HS có thể lí giải: Vì nhân vật là linh hồn của tác phẩm. Nhờ việc xây dựng các nhân vật với đặc điểm tính cách phù hợp tác phẩm mới có sức sống, giúp người đọc nắm bắt được ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm, …Thông qua nhân vật, người đọc nắm bắt đề tài, chủ đề câu chuyện, nắm bắt được cảm xúc của người viết….  Lưu ý: các mức độ trả lời của HS   * Mức tốt: HS Nêu rõ ý kiến mình thích và lí giải một cách thuyết phục về sự đồng tình, tâm đắc của bản thân về ý kiến đó. * Mức khá: HS nêu được ý kiến khiến mình thích thú nhất trong văn bản song lí giải chưa thật đúng hoặc chưa thật thuyết phục. * Mức trung bình: HS chỉ nêu được ý kiến mình thích nhưng chưa lí giải được. * Mức yếu: |
| **10** | HS có thể diễn đạt khác nhau song cần nêu được vai trò quê hương đối với mỗi con người:  - Quê hương nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và thể chất.  - Quê hương dõi theo từng bước ta đi trong trong cuộc đời, là chỗ dựa vững chắc cho ta nhất là khi ta gặp khó khăn, thử thách của cuộc sống; là bến đỗ bình yên cho ta tìm về sau những chặng đường vất vả mưu sinh, …  - Quê hương luôn khiến cho mỗi người tự hào về những vẻ đẹp bình dị, về cội nguồn sinh dưỡng.  - Mỗi chúng ta cần trân trọng, yêu quý quê hương, không nggừng giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của quê hương, có ý thức xây dựng quê hương giàu đẹp. |

1. **LUYỆN ĐỀ NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**Đề số 2:**

**Đọc đoạn văn bản sau :**

“ Đoàn Giỏi đã từng viết một loạt sách về các con vật trên rừng, dưới biển, trong đó mỗi con (hổ, cá sấu, voi,..) ông đều kể đến trên dưới 50 trang sách. Không chỉ có kiến thức về loài, họ, thói quen sinh thái,... mà phần nhiều là những mẩu chuyện có thật, sinh động xen lẫn những huyền thoại có xuất xứ hẳn hoi.Trong *Đất rừng phương Nam*, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác: ba ba to bằng cái nia, kì đã lớn hơn chiếc xuồng tam bản, cá sấu phải mười hai trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi. Người đọc không chỉ ngạc nhiên mà còn thấm đẫm cảm xúc, bởi Đoàn Giỏi là một nhà thơ, một “thi sĩ của đất rừng phương Nam” (ý của Trần Đình Nam*).* Đó là cảm giác ngây ngất trước vẻ đẹp của rừng U Minh dưới ánh Mặt Trời vàng óng*: Những thân cây tràm vỏ trắng vươn thẳng lên trời, chẳng khác gì những cây nến khổng lồ, đầu lá rũ phất phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn. Từ trong biển lá xanh rờn đã bắt đầu ngả sang màu úa, ngát dậy một mùi hương lá tràm bị hun nóng… tiếng chim không ngớt vang ra, vọng mãi lên trời cao xanh thẳm không cùng…* Và nỗi rợn ngợp trước dòng sông Năm Căn: *nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng… con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận…”*

*(*Bùi Hồng, *“*Thiên nhiên và con người trong truyện *Đất rừng phương Nam”,* Ngữ văn 7- Cánh diều, trang 85, Nhà XB Đại học Sư phạm *TPHCM)*

**Và trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1. Xác định nội dung chính của đoạn trích.**

**Câu 2. Nêu mục đích nghị luận của tác giả.**

**Câu 3.** Chỉ ra lí lẽ và các bằng chứng được Bùi Hồng sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 4.** Qua đoạn trích em rút ra bài học nào về cách đưa lí lẽ và dẫn chứng trong văn nghị luận?

**Gợi ý đề số 2:**

**Câu 1.**

*Nội dung đoạn trích:* Đoạn trích phân tích vẻ đẹp của thiên nhiên trong truyện “Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi.

**Câu 2.**

*Mục đích nghị luận:* Mục đích của tác giả muốn đem đến cho bạn đọc hiểu biết về đặc điểm của thiên nhiên trong truyện “*Đất rừng phương Nam”*của Đoàn Giỏi*.*

**Câu 3.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lí lẽ** | **Bằng chứng (dẫn chứng)** |
| Trong *Đất rừng phương Nam,* ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác | *ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi.* |
| Người đọc không chỉ ngạc nhiên mà còn thấm đẫm cảm xúc, bởi Đoàn Giỏi là một nhà thơ, một “thi sĩ của đất rừng phương Nam” (Ý của Trần Đình Nam*).* | Dẫn chứng 1: *Cảm giác ngây ngất trước vẻ đẹp rừng U Minh dưới ánh Mặt Trời vàng óng “Những thân… không cùng”*  Dẫn chứng 2: Dẫn chứng về vẻ rợn ngợp trước dòng sông Năm Căn *“nước ầm ầm… vô tận”* |

**Câu 4:**

**Bài học về cách đưa dẫn lí lẽ và dẫn chứng:**

* **- Lí lẽ: Xác đáng, thuyết phục**
* **- Dẫn chứng: Chính xác, lấy từ tác phẩm và có khi là trích dẫn nguyên câu văn từ tác phẩm mà mình phân tích.**

**Đề số 3:**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ. Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, O- Hen-ri mới để cho Xiu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm) về cái chết của cụ Bơ-men, về “kiệt tác” chiếc lá cuối cùng. Người kể chuyện không “nói hộ” ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-men nhưng lại cố ý “bỏ qua”, không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-men.”*

(*Theo* Minh Khuê, trích *Tác phẩm văn học trong nhà trường – Những vấn đề trao đổi*, tập 3, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

**Và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và nội dung của đoạn trích trên.

**Câu 2.** Chỉ ra cách triển khai vấn đề của tác giả trong đoạn văn và cho biết cách tác giả trình bày nội dung đoạn văn.

**Câu 3.** Theo em đoạn văn trên thuộc phần nào của bài văn nghị luận.

**Câu 4.** Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đoạn văn thuộc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?

**Gợi ý đề số 3:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Nội dung: Nghị luận về sắc nghệ thuật kết thúc truyện của O-Hen- ri trong truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng”

**Câu 2.** Nghệ thuật triển khai vấn đề

Câu 1: Nêu ý kiến nhận xét

Câu 2,3: Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ ý câu 1

Câu cuối: Đánh giá dụng ý nghệ thuật của nhà văn trong cách kết thúc truyện

Đoạn văn trình bày theo lối tổng- phân- hợp

**Câu 3.** Vị trí của đoạn văn: Là một đoạn của thân bài

**Câu 4 .** Các dấu hiệu giúp ta nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:

-Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm: *Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ.*

- Có những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, O- Hen-ri mới để cho Xiu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm*) *về cái chết của cụ Bơ-men, về “kiệt tác” chiếc lá cuối cùng*)

- Lí lẽ lí giải, phân tích những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Người kể chuyện không “nói hộ” ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-men nhưng lại cố ý “bỏ qua” không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-men*)

- Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí: nêu ý kiến -> ra bằng chứng -> trình bày lí lẽ để lí giải bằng chứng. Cách sắp xếp này giúp người đọc dễ theo dõi mạch lập luận, tăng sức thuyết phục cho ý kiến.

**Đề số 4:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

“ Khổ thơ đầu kể chuyện anh bộ đội trên đường hành quân, khi dừng chân bên một xóm nhỏ, nghe tiếng gà nhảy ổ. Dòng thơ *Cục... cục tác cục ta* với việc lặp âm và dấu chấm lửng đã mô phỏng sát với tiếng gà, làm cho truyện kể như được lồng vào một bức tranh nổi có tiếng gà vang vọng trong không gian. Tiếng gà trưa này của Xuân Quỳnh khác với tiếng gà Ò.. ó... o cuả Trần Đăng Khoa, nó có một cái gì lắng đọng làm người ta xao xuyến, bồi hồi:

*Nghe xao động nắng trưa*

*Nghe bàn chân đỡ mỏi*

*Nghe gọi về tuổi thơ*

Lối dùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác(nghe) thay cho thị giác (thấy) và việc lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ động từ nghe có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và cũng làm xao động cả lòng người. Tiếng gà cũng là kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ[...]”.

(*“Vẻ đẹp bài thơ “Tiếng gà trưa”- Đinh Trọng Lạc, SGK ngữ văn cánh diều, NXB Đại học sư phạm TPHCM, trang 88)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản .

**Câu 2**. Nêu nội dung nghị luận của đoạn văn bản.

**Câu 3**. Chỉ ra nét độc đáo nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn văn.

**Câu 4**. Qua đoạn văn em rút ra bài học gì trong cách viết đoạn văn nghị luận phân tích đoạn thơ?

**Gợi ý đề số 4:**

**Câu 1***. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản :*Nghị luận

**Câu 2**. Nội dung nghị luận: Phân tích vẻ đẹp của khổ 1 bài “Tiếng gà trưa”

**Câu 3***.* Nét độc đáo trong nghệ thuật lập luận:

+ Câu văn 1: Nêu khái quát nội dung khổ thơ.

+ Câu văn 2: Đưa dẫn chứng về nghệ thuật của dòng thơ tiêu biểu trong đoạn và nêu tác dụng.

+ Câu văn 3.Cảm nhận và liên hệ so sánh với tiếng gà trong thơ Trần Đăng Khoa.

+ Câu văn 4. Phân tích nghệ thuật chuyển đối cảm giác trong đoạn thơ.

+ Câu cuối: Đánh giá ý nghĩa âm thanh tiếng gà trong khổ đầu bài “Tiếng gà trưa*”.*

**Câu 4.** Rút ra bài học trong cách viết đoạn văn nghị luận phân tích đoạn thơ.

- Nêu ý kiến cá nhân về đặc sắc, nội dung nghệ thuật.

- Phân tích được biểu hiện nội dung, nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ (dùng từ, xây dựng hình ảnh, vận dụng các biện pháp tu từ...)

- Có đánh giá, liên hệ tác phẩm cùng để tài và nhận ra được nét độc đáo của tác giả, giá trị của đoạn thơ.

**Đề số 5:**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Đã từ lâu, biển cả mênh mông, dữ dội, đầy sóng gió và bão tố, chiếm ba phần tư diện tích Trái Đất, luôn hiện diện đối kháng với con người, thách thức tất cả những ai muốn vượt ra khỏi mảnh đất chật hẹp của quê hương mình để đi tới những miền đất khác. Con người luôn luôn muốn tiến ra biển, muốn làm chủ biển cả và muốn chiếm lĩnh chọn vẹn tất cả các đại dương. Khát vọng đã thôi thúc các dân tộc Bắc Âu làm những con thuyền Vi- kinh (Viking) đi phiêu lưu trên biển cả. Khát vọng đó cũng thôi thúc người Hà Lan, người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đóng thuyền đi vòng quanh Trái Đất.

Hình ảnh thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trong *Hai vạn dặm dưới đáy biển* là một con người bí ẩn gần như huyền thoại, chính là hình tượng anh hùng mang tư tưởng của tác giả Véc-nơ. Thuyền trưởng Nê-mô là một con người vừa có trí tuệ, vừa có tinh thần phiêu lưu, mạo hiểm. Ông đã trải qua nhiều đau khổ nên đứng trước mọi khó khăn đều quả quyết, hành động dũng mãnh với một bản lĩnh sáng suốt, tự tin. Đọc *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, người đọc được chia sẻ khát vọng khám phá cuộc sống cả về nội tâm và ngoại cảnh với nhân vật tự sự - giáo sư A-rôn-nác, có lẽ cũng chính là hiện thân của tác giả.”

(Lê Phương Liên, Sức hấp dẫn của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*)

**Câu 1.** Xác định vai trò của đoạn văn trên trong bài nghị luận.

**Câu 2**. Xác định luận điểm (ý kiến) của tác giả.

**Câu 3.** Chỉ ra lí lẽ, bằng chứng tác giả sử dụng để làm rõ luận điểm.

**Câu 4.** Em học tập được những gì trong cách lập luận triển khai luận điểm của tác giả?

**Gợi ý đề số 5:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** | Vai trò của đoạn văn bản | Triển khai luận điểm về nghệ thuật để làm rõ cho vấn đề nghị luận của bài nghị luận. |
| **Câu 2** | Luận điểm (ý kiến của tác giả) | Ý kiến về nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc. |
| **Câu 3** | Lí lẽ  (về khát vọng của con người) | - Lí lẽ: Con người luôn luôn muốn tiến ra biển, muốn làm chủ biển cả và muốn chiếm lĩnh trọn vẹn tất cả các đại dương |
| Dẫn chứng  (Đưa dẫn chứng và khái quát giá trị của dẫn chứng) | + Hình ảnh thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trong *Hai vạn dặm dưới đáy biển* là một con người bí ẩn gần như huyền thoại, chính là hình tượng anh hùng mang tư tưởng của tác giả: vừa có trí tuệ, vừa có tinh thần phiêu lưu, mạo hiểm.  + Đọc “*Hai vạn dặm dưới đáy biển”*, người đọc được chia sẻ khát vọng khám phá cuộc sống cả về nội tâm và ngoại cảnh với nhân vật tự sự, Giáo sư A-rôn-nác, có lẽ cũng chính là hiện thân của tác giả |
| **Câu 4** | Bài học về cách lập luận | - Phân tích nghệ thuật xây dựng nhân vật và giá trị nhân văn của tác phẩm.  - Phát triển ý kiến nêu ở phần 1 bằng cách đưa lí lẽ rồi đưa dẫn chứng về sự huyền bí, li kì của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” và khái quát giá trị nhân văn của tác phẩm.  - Cuối cùng đánh giá vấn đề nghị luận. |

**Đề số 6**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Tô Hoài có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi. Một trong số đó là “Dế Mèn phiêu lưu kí”. Ở chương mở đầu, tác giả đã khắc họa Dế Mèn, nhân vật trung tâm của tác phẩm, hiện lên vô cùng sinh động và chân thực, để lại nhiều bài học sâu sắc.

Trước tiên Dế Mèn hiện lên là một chàng thanh niên khoẻ mạnh, cường tráng. Bởi ăn uống điều độ, làm việc có chừng mực nên Dế Mèn rất chóng lớn. Đôi càng thì “mẫm bóng” cùng “những cái móng vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt”. Thân hình “rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn”. Đầu “to ra và nổi từng tảng, rất bướng”. Hai cái răng thì đen nhánh và “lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc” cùng với sợi râu “dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng”. Có thể thấy rằng, Tô Hoài đã khắc họa ngoại hình của Dế Mèn vô cùng sinh động.

Tiếp theo, nhà văn đã vô cùng khéo léo khi miêu tả Dế Mèn như một chàng trai tràn đầy sức sống và tự tin. Với những cái móng vuốt nhọn hoắt của mình, khi muốn thử sự lợi hại của chúng, chú lại “co cẳng lên đạp phanh phách vào các ngọn cỏ”. Dế Mèn còn tự nói về mình đầy tự hào: “Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”, “thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái”.

Bên cạnh đó, Dế Mèn còn hiện lên với những nét tính cách của một chàng thanh niên hung hăng, ngang ngược và kiêu ngạo. Dế Mèn nghĩ mình là nhất nên dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm: quát mắng chị Cào Cào, đá ghẹo anh Gọng Vó. Đặc biệt là với anh bạn hàng xóm Dế Choắt: “Sao chú mày sinh sống cẩu thả quá như thế. Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng… Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn..”. Cả khi Dế Choắt muốn nhờ giúp đỡ, thì Dế Mèn lại khinh khỉnh: “Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ? Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!”.

Cuối cùng chính bởi cái thói kiêu căng, ngạo mạn mà Dế Mèn đã phải nhận bài học vô cùng quý giá. Dế Mèn bày trò trêu chị Cốc, khiến chị ta tức giận. Nhưng sau đó, cậu ta chỉ dám nằm yên trong tổ, không dám ra nhận lỗi. Cuối cùng, Dế Choắt đáng thương bị chị Cốc mổ cho đến chết. Trước khi chết, Dế Choắt đã đưa ra những lời khuyên chân thành cho Dế Mèn: “Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết suy nghĩ sớm muộn rồi cũng mang họa vào thân”. Chính nhờ câu nói đó, Dế Mèn mới thức tỉnh, nhận ra lỗi lầm. Có thể thấy rằng nhân vật Dế Mèn là nhân vật tiêu biểu của truyện đồng thoại - được tác giả xây dựng vừa mang những đặc điểm của loài vật, vừa mang những đặc điểm của con người.

Bằng nghệ thuật miêu tả tài tình và bút pháp nhân hóa so sánh điêu luyện, nhà văn Tô Hoài đã cho người đọc thấy được chân dung sống động về một chú dế xốc nổi hung hăng nhưng rất biết ăn lăn khi mắc lỗi. Từ đó để lại trong ta những bài học sâu sắc trong cuộc sống, đó là phải biết khiêm tốn, giúp đỡ người khác và khi mắc lỗi phải biết sửa chữa lỗi lầm.

(st) **Câu 1.** Vấn đề bàn luận của văn bản này là gì?

**Câu 2.** Vấn đề nghị luận được người viết triển khai qua những ý kiến lớn và ý kiến nhỏ nào? (Tìm những câu văn nêu lên điều đó)

**Câu 3.** Hãy dẫn ra một số ví dụ về lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu lên trong bài viết theo mẫu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lí lẽ** | **Bằng chứng (dẫn chứng)** |
| - Bởi ăn uống điều độ, làm việc có chừng mực nên Dế Mèn rất chóng lớn;  - Có thể thấy rằng, Tô Hoài đã khắc họa ngoại hình của Dế Mèn vô cùng sinh động. | Đôi càng thì “mẫm bóng” cùng “những cái móng vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt”. Thân hình “rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn”. Đầu “to ra và nổi từng tảng, rất bướng”. Hai cái răng thì đen nhánh và “lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc” cùng với sợi râu “dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng”. |
| …. | …. |

**Câu 4.** Nhận xét về những bằng chứng được người viết đưa ra để làm sáng tỏ cho từng ý kiến. (Những bằng chứng đó được lấy ở đâu?)

**Câu 5.** Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”?

**Gợi ý đề số 6:**

**Câu 1.** Vấn đề bàn luận của văn bản: Bài học sâu sắc qua nhân vật Dế Mèn.

**Câu 2.** Vấn đề nghị luận được người viết triển khai qua:

*\*Ý kiến lớn:* Ở chương mở đầu, tác giả đã khắc họa Dế Mèn, nhân vật trung tâm của tác phẩm, hiện lên vô cùng sinh động và chân thực, để lại nhiều bài học sâu sắc.

*\*Những ý kiến nhỏ:*

- Trước tiên Dế Mèn hiện lên là một chàng thanh niên khoẻ mạnh, cường tráng.

- Tiếp theo, nhà văn đã vô cùng khéo léo khi miêu tả Dế Mèn như một chàng trai tràn đầy sức sống và tự tin.

- Bên cạnh đó, Dế Mèn còn hiện lên với những nét tính cách của một chàng thanh niên hung hăng, ngang ngược và kiêu ngạo.

- Cuối cùng chính bởi cái thói kiêu căng, ngạo mạn mà Dế Mèn đã phải nhận bài học vô cùng quý giá.

**Câu 3.** Một số ví dụ về lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu lên trong bài viết:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lí lẽ** | **Bằng chứng (dẫn chứng)** |
| - Bởi ăn uống điều độ, làm việc có chừng mực nên Dế Mèn rất chóng lớn;  - Có thể thấy rằng, Tô Hoài đã khắc họa ngoại hình của Dế Mèn vô cùng sinh động. | Đôi càng thì “mẫm bóng” cùng “những cái móng vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt”. Thân hình “rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn”. Đầu “to ra và nổi từng tảng, rất bướng”. Hai cái răng thì đen nhánh và “lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc” cùng với sợi râu “dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng”. |
| Với những cái móng vuốt nhọn hoắt của mình, khi muốn thử sự lợi hại của chúng; Dế Mèn còn tự nói về mình đầy tự hào: | “co cẳng lên đạp phanh phách vào các ngọn cỏ”; “Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”, “thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái”. |
| Dế Mèn nghĩ mình là nhất nên dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm: quát mắng chị Cào Cào, đá ghẹo anh Gọng Vó. Đặc biệt là với anh bạn hàng xóm Dế Choắt...; Cả khi Dế Choắt muốn nhờ giúp đỡ, thì Dế Mèn lại khinh khỉnh; | “Sao chú mày sinh sống cẩu thả quá như thế. Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng… Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn..”; “Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ? Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!”. |
| Dế Mèn bày trò trêu chị Cốc, khiến chị ta tức giận. Nhưng sau đó, cậu ta chỉ dám nằm yên trong tổ, không dám ra nhận lỗi. Cuối cùng, Dế Choắt đáng thương bị chị Cốc mổ cho đến chết. Trước khi chết, Dế Choắt đã đưa ra những lời khuyên chân thành cho Dế Mèn;  Chính nhờ câu nói đó, Dế Mèn mới thức tỉnh, nhận ra lỗi lầm. Có thể thấy rằng nhân vật Dế Mèn là nhân vật tiêu biểu của truyện đồng thoại - được tác giả xây dựng vừa mang những đặc điểm của loài vật, vừa mang những đặc điểm của con người. | “Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết suy nghĩ sớm muộn rồi cũng mang họa vào thân”. |
| Bằng nghệ thuật miêu tả tài tình và bút pháp nhân hóa so sánh điêu luyện, nhà văn Tô Hoài đã cho người đọc thấy được chân dung sống động về một chú dế xốc nổi hung hăng nhưng rất biết ăn lăn khi mắc lỗi. Từ đó để lại trong ta những bài học sâu sắc trong cuộc sống, đó là phải biết khiêm tốn, giúp đỡ người khác và khi mắc lỗi phải biết sửa chữa lỗi lầm. |  |

**Câu 4.** Những bằng chứng được người viết đưa ra một cách có chọn lọc, đủ thuyết phục và làm sáng tỏ cho từng ý kiến. Những bằng chứng đó được lấy từ chính trong VB “*Bài học đường đời đầu tiên*”.

**Câu 5.** Văn bản nghị luận này giúp em hiểu về tính cách của nhân vật Dế Mèn và những ý nghĩa/ bài học sâu sắc về cách ứng xử trong cuộc sống.

**Đề số 7:**

***Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:***

**RƯNG RƯNG NGHĨ VỀ MẸ**

Đã từ bao đời nay, hình ảnh người mẹ thường hiện hữu trong thơ ca. Mỗi nhà thơ khi viết về mẹ đều mang đến những nét riêng đầy xúc động.[...] Trong những bài thơ hay viết về mẹ không thể không nhắc đến bài *Mẹ* của nhà thơ Đỗ Trung Lai

Bài thơ *Mẹ* triển khai qua hai hình tượng sóng đôi: cau và mẹ, nhà thơ chọn một thứ cây rất gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê. Đã từ bao đời cây cau, quả cau cùng lá trầu trở thành một nét đẹp trong đời sống tinh thần người Việt. Hình ảnh quả cau, lá trầu xuất hiện trong mọi nghi lễ quan trọng của vòng đời con người từ khi sinh ra đời, cưới hỏi, lễ Tết đến sinh hoạt hằng ngày. Miếng trầu là đầu câu chuyện. Xuyên suốt bài thơ, nhà thơ Đỗ Trung Lai đã khai thác thủ pháp nghệ thuật đối lập qua từng khổ thơ để đem đến cho người đọc những cảm nhận về sự gần gũi giữa cau và mẹ:

*Lưng mẹ còng rồi / Cau thì vẫn thẳng / Cau - ngọn xanh rờn / Mẹ - đầu bạc trắng.*

Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường nhưng đằng sau mỗi con chữ là bao đắng đót, xót xa khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ. Không cần nhiều lời chỉ qua hai hình ảnh lưng còng và mái đầu bạc trắng của mẹ mà gợi ra bao cảm nhận về công lao của mẹ, sự nhọc nhằn, đắng cay trong cuộc đời mẹ cho con khôn lớn, trưởng thành. Nhà thơ Trương Nam Hương khi viết về mẹ cũng có những câu đầy xúc động về tấm lưng còng của mẹ:

*Thời gian chạy qua tóc mẹ / Một màu trắng đến nôn nao / Lưng mẹ cứ còng dần xuống / Cho con ngày một thêm cao* (Trong lời mẹ hát)

Cùng với thời gian, cau ngày càng cao, mẹ ngày một thấp, dân gian có câu: “Gần đất xa trời” nhằm nói lên sự già nua, cái chết đang đến gần. Sự gần đất của mẹ theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng nghe bao nuối tiếc khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều. Mẹ như ngọn đèn trước gió, như chuối chín cây, thời khắc con không còn mẹ đang đến ngày một gần:

*Cau ngày càng cao / Mẹ ngày một thấp / Cau gần với giời / Mẹ thì gần đất!*

Mỗi khổ trong bài thơ đều gắn với cau, hình ảnh người mẹ và miếng trầu bao đời đã trở nên quen thuộc. [...] Hình ảnh người mẹ được ví như *miếng cau khô* gầy, thời gian đã bào mòn tất cả, chỉ nay mai mẹ không còn trên thế gian nữa, nhà thơ không khỏi ứa nước mắt trước hình hài của mẹ.

Khổ kết với câu hỏi tu từ, người con thảng thốt nhận ra quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, không tránh khỏi quy luật cuộc đời và ngày con xa mẹ đang đến gần. Câu hỏi nhưng không có câu trả lời, chỉ có mây bay về xa như những nỗi niềm rưng rưng, dâng trào cảm xúc:

*Ngẩng hỏi giời vậy/- Sao mẹ ta già?/ Không một lời đáp / Mây bay về xa.*

Bài thơ rất kiệm lời mà hàm chứa bao tình ý sâu xa, lời thơ dung dị, tự nhiên, không nhiều dụng công nghệ thuật nhưng vẫn gây xúc động người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến những gì thiêng liêng nhất của mỗi người, đó là tình mẫu tử.

(**Nguyễn Quỳnh Anh -** *https://baohaiduong.vn*)

***Chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8) và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.***

**Câu 1**. “Rưng rưng nghĩ về mẹ” thuộc kiểu văn bản nào?

A. Tự sự

B. Nghị luận

C. Biểu cảm

D. Nhật dụng

**Câu 2.** Văn bản viết về vấn đề gì?

A. Những kí ức tuổi thơ của người con về mẹ

B. Những hình ảnh về mẹ và hình ảnh cây cau

C. Vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài thơ “Mẹ”

D. Nỗi buồn của người con khi nhận ra sự già yếu của mẹ.

**Câu 3.** Câu văn nào nêu bằng chứng mà người viết dẫn ra từ bài "Mẹ"của Đỗ Trung Lai?

A. Đã từ bao đời cây cau, quả cau cùng lá trầu trở thành một nét đẹp trong đời sống tinh thần người Việt.

B. Hình ảnh quả cau, lá trầu xuất hiện trong mọi nghi lễ quan trọng của vòng đời con người từ khi sinh ra đời, cưới hỏi, lễ Tết đến sinh hoạt hằng ngày.

C. Xuyên suốt bài thơ, nhà thơ Đỗ Trung Lai đã khai thác thủ pháp nghệ thuật đối lập qua từng khổ thơ để đem đến cho người đọc những cảm nhận sự gần gũi giữa cau và mẹ: *Lưng mẹ còng rồi/Cau thì vẫn thẳng*....

D. Nhà thơ Trương Nam Hương khi viết về mẹ cũng có những câu thơ đầy xúc động về tấm lưng còng của mẹ: *Thời gian chạy qua tóc mẹ/Một màu trắng đến nôn nao/*...

**Câu 4**. Câu văn nào nêu lên ý kiến của người viết về ý đồ sáng tác của tác giả bài thơ "Mẹ"?

A. Bài thơ *Mẹ* triển khai qua hai hình tượng sóng đôi: cau và mẹ, nhà thơ chọn một thứ cây rất gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê.

B. Cùng với thời gian, cau ngày càng cao, mẹ ngày một thấp, dân gian có câu: “Gần đất xa trời” nhằm nói lên sự già nua, cái chết đang đến gần.

C. Hình ảnh người mẹ được ví như miếng cau khô gầy, thời gian đã bào mòn tất cả, chỉ nay mai mẹ không còn trên thế gian nữa, nhà thơ không khỏi ứa nước mắt trước hình hài

của mẹ.

D. Khổ kết với câu hỏi tu từ, người con thảng thốt nhận ra quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, không tránh khỏi quy luật cuộc đời và ngày con xa mẹ đang đến gần.

**Câu 5**. Câu văn nào sau đây nêu lên nhận xét khái quát về tác dụng của hình thức nghệ thuật?

A. Mỗi khổ trong bài thơ đều gắn với cau, hình ảnh người mẹ và miếng trầu bao đời đã trở nên quen thuộc..

B. Bài thơ rất kiệm lời mà hàm chứa bao tình ý sâu xa, lời thơ dung dị, tự nhiên, gây xúc động người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến những gì thiêng liêng nhất của mỗi người, đó là tình mẫu tử.

C. Mẹ như ngọn đèn trước gió, như chuối chín cây, thời khắc con không còn mẹ đang đến ngày một gần: *Cau ngày càng cao/ Mẹ ngày một thấp/ Cau gần với giời/ Mẹ thì gần đất!*

D. Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường nhưng đằng sau mỗi con chữ là bao đắng đót, xót xa khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ.

**Câu 6**. Trong câu văn:*"Sự gần đất của mẹ theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng nghe bao nuối tiếc khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều.”*thành phần trạng ngữ được mở rộng bằng một cụm chủ vị nào?

A. nghe bao nuối tiếc khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều

B. sự gần đất của mẹ theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng

C. quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều

D. theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng nghe bao nuối tiếc

**Câu 7**. Mối liên hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong bài viết trên có tác dụng như thế nào?

A. Làm nổi bật tình yêu và lòng biết ơn của người viết về mẹ.

B. Giúp khắc họa hình ảnh mẹ và cau luôn luôn song hành, gần gũi với nhau.

C. Giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp và ý nghĩa của bài thơ “Mẹ”.

D. Đưa ra thông điệp ý nghĩa về tình mẫu tử thiêng liêng.

**Câu 8**. Nhận định nào đúng với cảm xúc của người viết trong văn bản "Rưng rưng nghĩ về mẹ"?

A. Trân trọng tình yêu thương của con cái với cha mẹ, quê hương

B. Ngưỡng mộ tài năng, phong cách nghệ thuật của nhà thơ Đỗ Trung Lai

C. Thương yêu và lo lắng cho người mẹ già nơi quê nhà

D. Xúc động bởi ngôn từ và cảm xúc chân thành từ bài thơ.

***Thực hiện các yêu cầu sau (câu 9, câu 10):***

**Câu 9**. Em thích nhất ý kiến nào trong văn bản “*Rưng rưng nghĩ về mẹ*” của tác giả Nguyễn Quỳnh Anh? Vì sao?

**Câu 10**. Qua bài thơ *"Mẹ"* của nhà thơ Đỗ Trung Lai cũng như qua văn bản *"Rưng rưng nghĩ về mẹ"*, em rút ra được bài học gì cho những người con trong cách đối xử với cha mẹ mình? (trả lời bằng 5-7 dòng)

**Gợi ý đề số 7:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** |
| **1** | B. Nghị luận |
| **2** | C. Vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài thơ “Mẹ" |
| **3** | C. Xuyên suốt bài thơ, nhà thơ Đỗ Trung Lai đã khai thác thủ pháp nghệ thuật đối lập qua từng khổ thơ để đem đến cho người đọc những cảm nhận sự gần gũi giữa cau và mẹ: Lưng mẹ còng rồi/Cau thì vẫn thẳng.... |
| **4** | A. Bài thơ Mẹ triển khai qua hai hình tượng sóng đôi: cau và mẹ, nhà thơ chọn một thứ cây rất gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê. |
| **5** | B. Bài thơ rất kiệm lời mà hàm chứa bao tình ý sâu xa, lời thơ dung dị, tự nhiên, gây xúc động người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến những gì thiêng liêng nhất của mỗi người, đó là tình mẫu tử. |
| **6** | C. quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều |
| **7** | C. Giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp và ý nghĩa của bài thơ “Mẹ”. |
| **8** | D. Xúc động bởi ngôn từ và cảm xúc chân thành từ bài thơ. |
| **9** | - HS có thể diễn đạt khác nhau song cần nêu rõ ý kiến mình thích nhất trong bài và lí giải, ví dụ:  + Ý kiến thích nhất: *Mỗi khổ trong bài thơ đều gắn với cau, hình ảnh người mẹ và miếng trầu bao đời đã trở nên quen thuộc.*  + HS có thể lí giải: đó là ý kiến nhận xét rất hay về hình ảnh xuất hiện ở trong mỗi khổ thơ, hình ảnh người mẹ gắn với cau khiến cho người đọc có những hình dung, liên tưởng đến những nét đẹp dân dã, mộc mạc, thân quen và đậm đà hương vị truyền thống quê hương. |
| **10** | - HS có thể diễn đạt khác nhau song cần nêu được những bài học rút ra cho cho mỗi người con trong cách đối xử với cha mẹ mình, *Ví dụ:*  - Trân trọng công lao sinh thành, dưỡng dục, những tảo tần, hi sinh của cha mẹ dành cho con cái.  - Luôn nỗ lực lao động/học tập, luôn rèn luyện phẩm chất để trở thành người tốt, để cha mẹ yên tâm, không phải vất vả,lo lắng.  - Luôn quan tăm, chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ già yếu.  - Dành thời gian ở bên cha mẹ và dành cho cha mẹ tình yêu thương đặc biệt.  ..... |

|  |  |
| --- | --- |
| **BUỔI .............**  *Ngày soạn:*  *Ngày dạy:* | **LUYỆN VIẾT**  **VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT** |

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù:** Ôn luyện nâng cao kĩ năng viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

- Học sinh được ôn luyện, nâng cao năng lực viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật,

+ Thành thạo quy trình viết văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học

**+** Biết viết văn bản bảo đảm yêu cầu các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

+ Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học một cách sâu sắc

**b. Năng lực chung:**

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh biết làm bài phân tích đặc điểm nhân vật một các linh hoạt, sáng tạo.

**2. Về phẩm chất**:

- *Chăm chỉ:* Học sinh chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập hiệu quả

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bài viết tham khảo, ngữ liệu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào buổi ôn tập hiệu quả.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ về những nhân vật trong tác phẩm văn học mà mình yêu thích

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ Ai nhớ hơn ai ?”

***Cách thực hiện:***

GV nêu câu hỏi:

Kể tên các nhân vật trong các truyện em đã đã được học và tìm hiểu và cho biết ấn tượng của em về nhân vật.

Yêu cầu hai học sinh cùng thực hiện trên lớp trong 3 phút- HS dưới lớp tự điền vào phiếu cá nhân phần trả lời câu hỏi

**Bước 2 .Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ trong 3 phút theo hình thức cá nhân

**Bước 3. Báo cáo. thảo luận**

- HS báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.

- GV góp ý.

**Bước 4. Đánh giá, kết luận**

- GV đánh giá phần trả lời của HS.

- Kết luận về một số nhân vật trong các tác phẩm và nêu yêu cầu buổi ôn luyện.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên nhân vật** | **Tác phẩm, tác giả** | **Đặc điểm nhân vật** |
| Thầy Ha- Men | “ Buổi học cuối cùng”- An phông xơ- Đô đê | Tận tâm với nghề, giàu tình yêu nước- yêu tiếng nói mẹ đẻ. |
| Bé Kiều Phương | Bức tranh của em gái tôi - Tạ Duy Anh | Hồn nhiên, ngây thơ, có tài hội họa, có tấm lòng nhân hậu. |
| Bé Hồng | “Trong lòng mẹ” (Trích “ Hồi kí những ngày thơ ấu”- Nguyên Hồng | Chú bé bất hạnh đáng thương nhưng yêu thương mẹ sâu sắc. |
| Thạch Sanh | Truyện cổ tích “Thạch Sanh” | Hiền lành chất phác, tốt bụng, nhân nghĩa. |

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập, khơi gợi tri thức ngữ văn về viết bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kĩ thuật đàm thoại gợi cho HS nhớ kiến thức

**c. Sản phẩm :** Câu trả lời thể hiện sự hiểu biết của học sinh

**d. Tổ chức dạy học.**

- GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép và phòng tranh. Yêu cầu các nhóm học tập báo cáo kết quả đã chuẩn bị cho các câu hỏi định hướng kiến thức ngữ văn về kiểu bài.

- GV yêu cầu đại diện các nhóm treo phiếu HT đã chuẩn bị ra giấy A0 hoặc bảng phụ và trình bày.

**I. Ôn tập về cách làm bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.**

**1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc**

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng đặc biệt ban đầu (nếu có).

- Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

- Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật.

- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả.

**2. Thực hành viết theo các bước:**

**2.1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

- Em cần quan tâm đến những đặc điểm nổi bật, sự độc đáo hoặc những phẩm chất tích cực của nhân vật vì cách chọn nhân vật để phân tích phản ánh quan niệm, suy nghĩ của người viết.

**b. Tìm ý:**

**Phân tích nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật.**

Em có thể đặt ra và trả lời các câu hỏi trong phiếu tìm ý

**c. *Lập dàn ý****:* sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp.

– Mở bài: Giới thiệu khái quát về nhân vật yêu thích, tên sách, tác giả.

– Thân bài:

Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

* Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật.
* Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm (chi tiết về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ, …của nhân vật) .
* Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn (cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật, …)
* Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật..

**2.2. Viết bài**

  -  Khi viết bài phân tích đặc điểm một nhân vật văn học cần chú ý triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý; phân biệt các phần mở bài, thân bài, kết bài; có thể tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn.

* Phần nêu bằng chứng có thể dùng 2 cách trực tiếp hoặc tóm tắt.

**2.3. Chỉnh sửa bài viết*.***

**a. Đọc lại và điều chỉnh:**

Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo:

- Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật.

- Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ.

**b. HS chữa bài cho nhau**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Học sinh được luyện viết bài phân tích đặc điểm nhân vật theo tiến trình. Biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo ngữ liệu giáo viên cung cấp

**b. Nội dung:** Học sinh thực hành viết theo tiến trình: chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý, viết bài hoàn chỉnh và đọc, sửa chữa bài viết.

**c. Sản phẩm**: Bài viết hoàn thiện của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện***:* GV yêu cầu HS thực hành các bước viết bài theo ngữ liệu giáo viên cung cấp

**II. Thực hành**

**Dạng bài: Hãy phân tích một nhân vật văn học trong một cuốn sách mà em yêu thích**

(Dưới dây là một số đề viết tham khảo trong một số câu chuyện khá gần gũi với HS)

**Đề 1: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường.***

**1. Bước 1: Chuẩn bị**

**a. Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài:**

**- Dạng bài:** nghị luận phân tích đặc điểm một nhân vật trong tác phẩm truyện.

**- Về nội dung:** Đặc điểm của nhân vật vật người thợ mộctrong văn bản *Đẽo cày giữa đường*

**- Về thao tác lập luận:** Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận

**- Về phạm vi dẫn chứng:** Sử dụng dẫn chứng về nhân vật trong văn bản truyện.

**b. Mục đích bài viết, đối tượng người đọc**

- Mục đích bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình ý kiến của em về nhân vật vật người thợ mộc trong văn bản *Đẽo cày giữa đường*.

- Đối tượng người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn bản *Đẽo cày giữa đường* và nhân vật vật người thợ mộc

**2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

**Phiếu tìm ý: Tìm hiểu đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong “*Đẽo cày giữa đường*”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các Phương diện tiêu biểu của nhân vật | Các biểu hiện cụ thể trong tác phẩm | Nhận xét, đánh giá của em về nhân vật |
| Lai lịch | Xưa, có anh chàng thợ mộc dốc hết vốn liếng ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. | chí tiến thủ, có chí làm ăn. |
| Hoàn cảnh | + Không gian: Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại.  + Thời gian: cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.* | - Bối cảnh cụ thể, gần gũi, dễ hình dung.   * Thuận tiện cho việc bán cày. |
| Ý nghĩ trước những lần được góp ý | - Người góp ý thứ nhất: Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày=> Cho là phải  - Người góp ý thứ hai: Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày. => Cho là “có lí” (là phải)  - Người góp ý thứ ba: - Đẽo cày cho thật cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được. => Nghe nói được nhiều lãi, | - Biết lắng nghe ý kiến của người khác.  - Thiếu kiến thức.  - Dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn. |
| Hành động sau mỗi lần được góp ý | * đẽo->cày vừa to vừa cao   liền đẽo.  - đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp.  - Đẽo hết số gỗ còn lại loại cày để voi cày. | * đều làm theo một cách mù quáng, mà không có chính kiến để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào. |
| Kết cục | * =>Bao nhiêu gỗ hỏng hết, không ai mua cày, vốn liếng đi đời nhà ma. | Kiểu nhân vật phê phán, giúp mọi người tự rút ra bài học cho mình. |

**b. Lập dàn ý**

***- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***

**\* Mở bài:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường.*

**\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt phân tích những đặc điểm nổi bật của nhân vật thông qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm (hoàn cảnh, cử chỉ,hành động, ý nghĩ, …)

* Nêu được nhận xét của em về nhân vật người thợ mộc \*Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật người thợ mộc dựa trên các bằng chứng trong truyện *Đẽo cày giữa đường*:
* - **Lai lịch**:
* Nhân vật người thợ mộc được giới thiệu ngay đầu truyện: *“Xưa, có anh chàng thợ mộc dốc hết vốn liếng ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày*”. Cách giới thiệu ngắn gọn, đủ thông tin, cho thấy anh ta là người có chí tiến thủ, có chí làm ăn. Mong muốn làm giàu của anh là rất chính đáng.

- **Bối cảnh nhân vật xuất hiện**:

Người thợ mộc được xây dựng trong một không gian cụ thể, gần gũi, dễ hình dung. Cách đặt nhân vật vào không gian: “Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại”; thời gian cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.* Điều này giúp tác giả dân gian xây dựng tình huống truyện, giúp cốt truyện phát triển. Từ đó, nhân vật bộc lộ tình cách*.*

* **Suy nghĩ:**

+ trước những lần được góp ý của người khác người thợ mộc biết lắng nghe ý kiến, nhưng lại là người thiếu kiến thức nên anh ta luôn cho là phải, có lí…Thậm chí anh ta chẳng cần suy nghĩ và tin theo luôn.

+ Tính cách: dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn.

**- Hành động:** đều làm theo một cách mù quáng, mà không có chính kiến để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào.

**- Hậu quả:**

*Bao nhiêu gỗ hỏng hết, không ai mua cày, vốn liếng đi đời nhà ma*.

*=>* người thợ mộc mất hết cơ nghiệp**.**

**\*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

- Cách xây dựng nhân vật: gần gũi, sống động thông qua nhiều phương diện như ý nghĩ, hành động, việc làm.

- Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.

- Các tình tiết truyện sắp xếp hợp lí, mức độ gay cấn tăng dần, tạo sức lôi cuốn.

- Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.

- Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.

**\*Nêu được ý nghĩa, bài học của hình tượng nhân vật:**

- Câu chuyện muốn khuyên nhủ mọi người biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của mình.

- Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác. Cần phải biết lắng nghe, nhưng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, có suy nghĩ đúng đắn.

- Thành ngữ*“Đẽo cày giữa đường”:* hàm ý chê bai người không có lập trường, chính kiến của bản thân,, luôn thay đổi theo ý kiến của người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.

- **Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. Liên hệ bản thân về cách ứng xử trong tình huống như vậy: Biết lắng nghe, phải cân nhắc lựa chọn ý kiến phù hợp,…

**Bài viết tham khảo:**

Trong học tập, công việc cũng như cuộc sống hàng ngày, khi làm việc mà chúng ta không có kiến thức, không có bản lĩnh vững vàng sẽ dễ rơi vào tình trạng hay thay đổi ý kiến và thấy ý kiến nào cũng đúng. Nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường* là một nhân vật tiêu biểu.

* Trước hết người đọc thấy được nhân vật người thợ mộc trong truyện là một người ham làm giàu, có chí lớn. Điều đó được thể hiện ở việc anh đã dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Nhân vật người thợ mộc được giới thiệu ngay đầu truyện: *“Xưa, có anh chàng thợ mộc dốc hết vốn liếng ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày*”. Cách giới thiệu ngắn gọn, đủ thông tin cho thấy người thợ mộc là người có chí tiến thủ, có chí làm ăn. Mong muốn làm giàu của anh là rất chính đáng.

Đọc truyện, chúng ta nhân thấy bốicảnh nhân vật xuất hiện người thợ mộc được xây dựng trong một không gian cụ thể, gần gũi, dễ hình dung. Cách đặt nhân vật vào không gian: *“Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại*”; thời gian cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.* Điều này giúp tác giả dân gian xây dựng tình huống truyện, giúp cốt truyện phát triển. Từ đó, nhân vật bộc lộ tính cách.

Vậy tính cách của người thợ mộc như thế nào? Anh ta có thành công với công việc đẽo cày giữa đường không? Ngồi đẽo cày nơi có nhiều người qua lại, hẳn là cơ hội để việc bán cày dễ dàng, nhưng đó cũng lad thử thách cho anh ta. Trước những lần được góp ý của người qua đường người thợ mộc biết lắng nghe ý kiến, nhưng lại là người thiếu kiến thức nên anh ta luôn cho “*là phải, có lí”* và nhất nhất làm theo*.*…Thậm chí anh ta chẳng cần suy nghĩ và tin theo luôn. Một ông cụ qua đường góp ý “*Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày”*, người thợ mộc liền “*cho là phải*”. Rồi lại đến một bác nông dân cho rằng *“Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày*” người thợ mộc cũng thấy có lí và làm theo. Rồi đến ý kiến khác cho rằng phải đẽo “*cày cho thật cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được”.* Tất cả điều đó khẳng định người thợ mộc thiếu kiến thức, thiếu niềm tin vào chính mình. **Tính cách của anh ta thật dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn.**

Trước những lời góp ý, **người thợ mộc trở thành người có hành động theo một cách mù quáng, mà không có chính kiến để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào**. Hành động và suy nghĩ sai lầm nên anh ta phải trả giá bằng cả gia nghiệp “B*ao nhiêu gỗ hỏng hết, không ai mua cày, vốn liếng đi đời nhà ma*”. Thông qua nhân vật anh thợ mộc, truyện ngụ ngôn đã khái quát được đặc điểm của một kiểu người trong xã hội: thiếu hiểu biết, thiếu bản lĩnh nên dễ thay đổi chính kiến của mình và kết quả không được như ý muốn

Nhân vật người thợ mộc để lại ấn tượng là nhờ vào cách xây dựng nhân vật gần gũi, sống động thông qua nhiều phương diện như ý nghĩ, hành động, việc làm. Truyện có bối cảnh độc đáo. Các tình tiết truyện sắp xếp hợp lí, mức độ gay cấn tăng dần, tạo sức lôi cuốn. Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc. Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.

Từ câu chuyện, mỗi chúng ta cần rút cho mình bài học. Đó là cần biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của mình. Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác. Cần phải biết lắng nghe, nhưng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, có suy nghĩ đúng đắn. Từ đó, thành ngữ*“Đẽo cày giữa đường”*được nhân dân sử dụng khá phổ biến trong lời ăn tiếng nói chỉ hàm ý chê bai người không có lập trường, chính kiến của bản thân,, luôn thay đổi theo ý kiến của người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.

Tóm lại, thông qua nhân vật người thợ mộc, truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường* đã khái quát được đặc điểm của một kiểu người trong xã hội: thiếu hiểu biết, thiếu bản lĩnh nên dễ thay đổi chính kiến của mình và kết quả không được như ý muốn. Qua đây, chúng ta cần biết lắng nghe những ý kiến góp ý của người khác nhưng phải biết cân nhắc, chọn lọc được ý kiến phù hợp, đúng đắn, kết hợp giữa lời góp ý với ý kiến của bản thân để có một kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên trong tập thể, ý kiến cá nhân là cần thiết nhưng không được đề cao cái tôi cá nhân quá, mà cần lắng nghe, cùng nhau xây dựng tập thể vững mạnh.

**Đề 2: Em hãy viết bài văn phân tích nhân vật chú ếch trong truyện ngụ ngôn: “Ếch ngồi đáy giếng”.**

**1. Lập dàn ý:**

**\* Mở bài:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật chú ếch trong truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.

* Chú ếch kiêu ngạo, huênh hoang phải trả giá thích đáng, có ý nghĩa cho nhận thức của mỗi người.
* **\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

* **Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:**
* **Ý 1: Con ếch khi ở dưới đáy giếng:**

– Môi trường sống: Dưới một đáy giếng cạn, hàng xóm là những loài cua, ốc nhỏ bé: *“sống lâu ngày trong một cái giếng”, “xung quanh chỉ vài con nhái, cua ốc nhỏ*”; tiếng kêu của ếch khiến các con vật kinh hãi.

* =>Nhỏ bé, chật hẹp

– Thái độ, hành động của ếch:

+ Huênh hoang, kiêu ngạo, cho mình là nhất.  
+ Cất lên những tiếng kêu ộp ộp khiến các con vật khác phải khiếp sợ

– Nhận thức: “Bầu trời bé bằng cái vung, ếch tưởng mình là một vị chúa tể”  
+ Coi mình là loài vật lớn nhất, là chúa tể muôn loài  
+ Bầu trời chỉ nhỏ như chiếc vung

=> Tính cách của chú ếch: Môi trường hạn hẹp dẫn đến nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo, ngộ nhận về mình

– Bài học:  
+ Hình ảnh con ếch kiêu ngạo, thiếu hiểu biết cũng chính là hình ảnh phản chiếu của những con người sống kiêu căng, ngạo mạn, tầm hiểu biết hạn hẹp nhưng không chịu tiếp thu, học hỏi.  
+ Luôn cho bản thân là nhất không chỉ làm nảy sinh những ảo tưởng không thật về bản thân mà còn gây ra những hậu quả khôn lường.

**Ý 2: Khi ra khỏi đáy giếng:**  
– Hoàn cảnh: Mưa lớn, nước dâng cao à Ếch ra khỏi giếng.  
– Nghênh ngang đi lại mà không chút đề phòng → Bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.  
– Nhận xét: Kết cục bi thảm nhưng thích đáng cho những kẻ thiếu hiểu biết nhưng lại luôn tỏ ra hơn người, coi thường mọi người, mọi thứ xung quanh.

– Bài học:  
+ Thế giới vô cùng rộng lớn nên mỗi người cần không ngừng học hỏi, trau dồi vốn hiểu biết. Nếu chỉ biết kiêu ngạo, không chịu tiếp thu, học hỏi sẽ phải trả cái giá đắt.  
+ Trong cuộc sống hiện đại, chúng ta cần đặt mình trong nhiều mối quan hệ, cần nhìn nhận thế giới bằng con mắt khách quan và tinh thần ham học hỏi để có thể thích nghi và phát triển trong cuộc sống ấy.

* **Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn**

+ Xây dựng nhân vật hết sức gần gũi với đời sống.

+ Các sự kiện hài hước, độc đáo khiến câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn.

+ Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.

+ Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.

* **Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.**

Hình tượng cái chết của con ếch: Là lời cảnh tỉnh đối với những người không có sự thay đổi trong lối sống khép mình, không chịu tiếp thu sẽ phải chịu một cái kết không mấy tốt đẹp

\***Kết bài**

Cảm nghĩ về câu chuyện: “Ếch ngồi đáy giếng” là câu chuyện vô cùng ý nghĩa để lại nhiều bài học quý giá đối với con người về cách nhận thức cuộc sống và lối ứng xử của con người trong quan hệ với những người xung quanh.

1. **Bài tham khảo:**

“*Ếch ngồi đáy giếng*” là câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam. Thông qua hình tượng con ếch kiêu ngạo, huênh hoang cùng những tình tiết hài hước, tác giả dân gian gửi gắm được nhiều bài học và thông điệp sâu sắc về cách nhận thức cuộc sống và lối ứng xử của con người trong quan hệ với những người xung quanh.

Con ếch trong câu chuyện là một kẻ huênh hoang, thiếu hiểu biết. Hoàn cảnh sống của ếch ta được kể bằng vài chi tiết: *“sống lâu ngày trong một cái giếng”, “xung quanh chỉ vài con nhái, cua ốc nhỏ*”; tiếng kêu của ếch khiến các con vật kinh hãi. Hóa ra ếch ta sống trong một cái giếng cạn, không gian sống hạn hẹp cùng với những người hàng xóm nhỏ bé là cua, ốc nên ếch ảo tưởng rằng mình là con vật lớn nhất, là chúa tể nơi đây. Êch cũng chỉ nhận thức được “Bầu trời bé bằng cái vung” nên thái độ vô cùng kiêu ngạo: “ếch tưởng mình là một vị chúa tể”. Hàng ngày ếch cất lên những tiếng kêu ộp ộp khiến các con vật khác phải khiếp sợ, bởi vậy mà ếch càng tỏ ra huênh hoang, coi thường mọi người xung quanh mình. Từ đáy giếng nhìn lên, bầu trời trong nhận thức của ếch cũng chỉ nhỏ như cái vung, điều đó càng làm cho suy nghĩ mình là chúa tể muôn loài của ếch thêm phần chắc chắn. Hình ảnh con ếch kiêu ngạo, thiếu hiểu biết cũng chính là hình ảnh phản chiếu của những con người sống kiêu căng, ngạo mạn, tầm hiểu biết hạn hẹp nhưng không chịu tiếp thu, học hỏi. Luôn cho bản thân là nhất không chỉ làm nảy sinh những ảo tưởng không thật về bản thân mà còn gây ra những hậu quả khôn lường.

Với bản tính kiêu căng ngạo mạn, tầm hiểu biết hạn hẹp, ếch đã rơi vào tình cảnh nào khi những yếu tố bất thường ập đến. Vào một năm trời mưa lớn, nước mưa dâng cao, ếch lần đầu tiên được ra khỏi miệng giếng chật hẹp để ngắm nhìn cuộc sống rộng lớn bên ngoài. Bên ngoài đáy giếng là một thế giới rộng lớn, cảnh vật đều mới lạ, bầu trời cũng to lớn hơn rất nhiều so với nhận thức trước đó của ếch. Thế nhưng, bản tính vốn kiêu ngạo, vốn hiểu biết lại nông cạn nhưng ếch ta vẫn chứng nào tật ấy luôn cho mình là nhất. Khi ra khỏi miệng giếng, ếch “nghênh ngang đi lại khắp nơi, cất tiếng kêu ồm ộp, nhâng nháo nhìn bầu trời” mà không chút đề phòng. Kết quả là bị một con trâu đi ngang qua giẫm bẹp. Có thể nói, kết cục của ếch thật bi thảm, chỉ vừa bước ra khỏi thế giới nhỏ bé nơi đáy giếng thì đã bị giẫm bẹp, thế nhưng đây cũng là kết quả thích đáng cho những kẻ thiếu hiểu biết nhưng lại luôn tỏ ra hơn người, coi thường mọi người, mọi thứ xung quanh.

Qua tình huống truyện, tác giả dân gian đã phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà tự cao tự đại, huênh hoang. Đồng thời truyện khuyên nhủ mọi người phải nỗ lực không ngừng để mở rộng tầm nhìn và hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.

Truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng” là một câu chuyện đặc sắc. Sức hấp dẫn của truyện được tạo nên từ nghệ thuật xây dựng nhân vật hết sức gần gũi với đời sống; các sự kiện hài hước, độc đáo khiến câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn; tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo; kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc. Câu chuyện có những ẩn dụ sáng tạo như “con ếch”, “bầu trời”, “con trâu” giàu ý nghĩa.

Đằng sau kết cục thảm thương của con ếch, tác giả dân gian muốn gửi gắm những thông điệp ý nghĩa. Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh. Hơn nữa, sự thiếu hiểu biết kết hợp với thói kiêu ngạo, huênh hoang không chỉ dạn nứt những mối quan hệ tốt đẹp mà còn dễ dẫn đến thất bại cho bản thân, thậm chí có thể trả giá bằng cả tình mạng. Nếu không biết tường tận, thấu đáo về sự vật, hiện tượng hay một vấn đề nào đó thì không nên đáng giá chủ quan, hồ đồ. Thế giới vốn rất rộng lớn, phong phú và nhiều điều bí ẩn mà dù cả đời vẫn chưa chắc đã tìm hiểu, khám phá được hết. Câu chuyện còn là bài học về sự thích nghi với hoàn cảnh sống xung quanh. Khi sống quá lâu trong môi trường nhỏ hẹp mà không có sự kết nối với bên ngoài có thể làm cho nhận thức của con người trở nên hạn hẹp, trì trệ, mất đi khả năng đánh giá khách quan. Bởi vậy, trong cuộc sống hiện đại, chúng ta cần đặt mình trong nhiều mối quan hệ, cần nhìn nhận thế giới bằng con mắt khách quan và tinh thần ham học hỏi để có thể thích nghi và phát triển trong cuộc sống ấy.

Thông qua nhân vật chú ếch, truyện ngụ ngôn “*Ếch ngồi đáy giếng*” đã mang đến cho chúng ta nhiều điều thú vị, sâu sắc về nhận thức cuộc sống, về vai trò của việc rèn luyện tính cách. Nhất là đối với học sinh, ở tuổi mới lớn, chúng ta cần không ngừng học hỏi, không được chủ quan, kiêu ngạo.

**Đề số 3: Viết đoạn văn phân tích đặc điểm em bé trong câu chuyện sau:**

# **ÁO TẾT**

# Nguyễn Ngọc Tư

Con bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẽ với con Bích, bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá quá trời nên tính trước, nếu mùng một con bé Em đi về Ngoại thì mùng Hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thắt nơ, bâu viền kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi sách cặn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm:

- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mầy có đồ mới chưa?

- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đống, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

- Vậy mầy được mấy bộ?

- Có một bộ hà.

Con bé Em trợn mắt:

- Ít quá vậy?

- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?

Bé Em mất hứng hẳn, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.

Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

- Còn mầy?

- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mùng Một tới mùng Bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sẩy luôn.

- Mầy sướng rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh Hai nó để lại. Áo nó thì chuyền cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mèm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới, má nó nói hoài, “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”. Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:

- Bộ đồ mầy mai chắc đẹp lắm, bữa mùng Hai mầy mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mùng một, mùng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bâu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:

- Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, CÓ MẶC ÁO GÌ BÍCH VẪN QUÝ BÉ EM. THIỆT ĐÓ.”

(Nguồn https: isach-info)

**1. Chuẩn bị**

*Kiểu bài:* Phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện

*Đối tượng*: Cô bé trong “ Áo tết” của Nguyễn Ngọc Tư

*Phương thức biểu đạt*: Kết hợp nghị luận, tự sự, biểu cảm

**2. Tìm ý và lập dàn ý.**

**Câu 1.** Tìm các chi tiết biểu hiện về cô bé trong câu chuyện từ đó rút ra đặc điểm nhân vật?

**Câu 2.** Đánh giá, nêu cảm nghĩ của em về cô bé

**Câu 3**. Cách nhà văn xây dựng nhân vật cô bé trong câu chuyện

**Câu 4.** Cho biết bài học em rút ra cho mình từ nhân vật cô bé

Có tấm lòng nhân hậu đồng cảm với bạn

***Trả lời:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết** | **Thể hiện đặc điểm** |
| + Tết đến được mẹ mua cho nhiều áo váy để mặc . | Có cuộc sống đầy đủ: |
| Luôn chơi, hòa đồng thân thiện với Bích cô bé nhà nghèo. Có váy áo mới muốn chia sẻ cho bạn | Cô bé hồn nhiên, hòa đồng, thân thiện , gần  gũi |
| + Định mặc bộ váy áo đẹp đi chơi tết nhưng khi sang nhà bạn biết bạn có một bộ váy áo thì cô bé quyết định mặc bộ giống bạn để cùng đến nhà cô giáo  + Em nghĩ “Mình mà mặc bộ đầm hồng thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi già được,  vậy sao coi là bạn thân” |  |

**Câu 2**. Đánh giá, nêu cảm nghĩ của em về cô bé: là cô bé đáng yêu, đáng trân trọng với tâm hồn trong sáng, lối sống hòa đồng sẻ chia.

**Câu 3:** Cách nhà văn xây dựng nhân vật cô bé trong câu chuyện

+ Miêu tả nhân vật: Suy nghĩ, việc làm cử chỉ với Bích, cô bạn thân nghèo.

+ Nhà văn đặt nhân vật vài tình huống để nhân vật bộc lộ đặc điểm tính cách.

-> Làm bật sự hồn nhiên đáng yêu của cô bé

+ Tỏa sáng được thông điệp mà nhà văn muốn gưở đến bạn đọc.

Cho biết bài học em rút ra cho mình từ nhân vật cô bé

**3. Dàn ý**

**- Mở bài**

Dẫn dắt, giới thiệu câu chuyện áo tết và nêu ấn tượng ban đầu về nhân vật

-Thân bài:

+ Lần lượt nêu và phân tích đặc điểm nhân vật

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật

+ Đánh giá ý nghĩa nhân vật

* Kết bài

+ Khẳng định về nhân vật

+ Sự ảnh hưởng của nhân vật đối với bản thân em và tình cảm suy nghĩ của em dành

cho nhân vật.

**Bài viết tham khảo:**

Đọc truyện “Áo tết” của Nguyễn Ngọc Tư, chúng ta đều xúc động trước cách cư xử ấm áp tình người của nhân vật cô bé trong câu chuyện đã để lại cho ta bao ấn tượng khó quên.

Trong câu chuyện kể nhẹ nhàng của Nguyễn Ngọc Tư, hình ảnh cô bé hiện lên thật đẹp đó là cô bé có tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, sống thân thiện, gần gũi, biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với mọi người dù điều kiện gia đình khá giả. Trước hết qua lời kể của nhà văn ta, bắt gặp hình ảnh cô bé hạnh phúc trong cuộc sống khá giả với điều kiện vật chất đủ đầy. Tết đến cô được mẹ mua cho thật nhiều váy áo, cô thật vui khi khi nghĩ đến cái áo đầm màu hồng mà má mới mua cho “ Tết này con bé sẽ được mặc nó, con bé hãnh diện hình dung ra những lời trầm trồ khen ngợi của mọi người, tụi bạn chắc phải lé mắt ra...”. Thế nhưng với một sự khéo léo trong cách xây dựng nhân vật, xây dựng cốt truyện, nhà văn đã đặt nhân vật vào một tình huống giản dị đời thường trong cuộc sống, đó là tình huống “Cô bạn thân cùng lớp tên là Bích vì nhà nghèo không có tiền mua sắm nhiều quần áo mới”. Tình huống đó, cô bé đã bộc lộ hơn nét đáng yêu của mình, đó là sự hòa đồng, thân thiện, gần gũi và rất đỗi hồn nhiên. Dù được sống trong gia đình khá giả có điều kiện nhưng cô bé ấy không phân biệt giàu nghèo mà luôn vui vẻ hồn nhiên chơi với Bích rất thân thiện dù nhà Bích nghèo, khó khăn. Tấm lòng thơm thảo của cô bé còn thể hiện trong cả ý nghĩ thánh thiện khi có váy áo mới đều muốn chia sẻ cô bạn của mình.

Không chỉ thế, cô bé còn là người luôn thấu hiểu, thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của bạn. Khi mẹ mua cho đồ váy áo tết, bé định mùng hai tết sẽ mặc chiếc đầm hồng đẹp nhất để sang nhà Bích chơi và cùng đến nhà cô giáo. Thế nhưng khi sang nhà Bích, qua cuộc trò chuyện với Bích biết bạn mình nhà nghèo chỉ có một bộ váy áo và bạn nhường cho em mình mỗi đứa hai bộ. Em bé đã hiểu ra sự việc và cảm thấy thương bạn, cô tự nguyện hi sinh niềm vui của mình quyết định Tết sẽ mặc bộ đồ giống Bích để cùng đến nhà cô giáo. Khi cô giáo khen hai đứa mặc đẹp, em Bé vui lắm nghĩ thầm “Mình mà mặc bộ đầm hồng thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vật chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi già được, vậy sao coi là bạn thân”.

Một ý nghĩ giản đơn nhưng đã thể hiện được tấm lòng cao đẹp của cô bé dù còn nhỏ nhưng biết sổng cảm thông, chia sẻ, yêu thương với bạn bè.

Bằng tấm lòng yêu mến, trân trọng trẻ, Nguyễn Ngọc Tư đã tạo nên trang viết nhẹ nhàng mà lay động thấm thía. Nhà văn đã chú ý miêu tả cô bé từ suy nghĩ, việc làm cử chỉ với Bích cô bạn thân nghèo. Rồi đặt nhân vật vài tình huống của cuộc sống thường ngày để nhân vật bộc lộ đặc điểm tính cách. Nhờ đó làm bật sự hồn nhiên đáng yêu của cô bé tỏa sáng được thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến bạn đọc về một xã hội chan chứa yêu thương con người sống với nhau vui vẻ, thân thiện không phân biệt đẳng cấp giàu nghèo.

Câu chuyện khép lại nhưng bài học làm người được mở ra. Em rất khâm phục trân trọng cô bé trong câu chuyện bởi đó là cô bé đáng yêu, đáng trân trọng với tâm hồn trong sáng, lối sống hòa đồng sẻ chia. Cô bé đã nhắc em về lối sống đẹp lan tỏa yêu thương, sẻ chia với mọi người.

**Đề số 4: *Em hãy viết bài văn phân tích nhân vật “tôi” trong câu chuyện sau:***

**NGƯỜI ĂN XIN**

*Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi ... Ông chìa tay xin tôi.*

*Tôi tìm hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu. Không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông :*

*- Xin ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.*

*Người ăn xin nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:*

*- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. - Ông lão nói bằng giọng khản đặc.*

*Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão*.

                                                                 (*Theo* **Tuốc-ghê-nhép**)

**DÀN Ý**

**1. Mở bài:**

-“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng. Để làm gì, em biết không? Để gió cuốn đi” lời bài hát của Trịnh Công Sơn cứ văng vẳng bên tai mỗi khi em gặp những con người đói khổ phải xin ăn trên phố phường hoa lệ. Có lẽ sợi dây mong manh để kết nối con người với nhau chính là tình yêu thương. Sợi dây yêu thương này đã được nhà văn nga Ivan Turgenev thể hiện sâu sắc qua mẩu truyện ngắn “Người ăn xin”.

- Nhân vật “tôi” trong câu chuyện đã để lại cho người đọc những ấn tượng vô cùng sâu sắc.

**2.Thân bài:**

a*.Khái quát bối cảnh của câu chuyện:*

- Cậu bé gặp người ăn xin trên đường nhưng thật éo le, cậu không có tiền bạc hay vật chất gì đáng giá để cho ông cụ.

- Trước tình huống đó, cậu bé chỉ biết nắm tay người ăn xin và nói những lời ấm áp yêu thương đề chia sẻ với nỗi bắt hạnh của ông cụ.

=> Câu chuyện ngắn, nhà văn tạo dựng bối cảnh đơn giản nhưng lại giúp nhân vật thể hiện tính cách, phẩm chất của mình**.**

**b. Phân tích nhân vật *tôi:***

*\* Nhân vật “tôi” trong câu chuyện là một cậu bé có tấm lòng đẹp, biết yêu thương, sẻ chia với những cuộc đời, con người bất hạnh trong cuộc sống:*

- Trong một lần tình cờ, nhân vật "tôi” đã gặp một người ăn xin đã già với “đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt áo quần tả tơi”. Nhìn ông vô cùng đáng thương. Khi gặp cậu, ông cụ đã chìa tay xin, mong cậu tỏ lòng thương cảm và ban phát cho ông một chút gì đó để làm vơi đi nỗi bắt hạnh.

- Những thật trêu thay, cậu biết cho cụ cái gì đây, khỉ mà cậu không hề có tiền bạc hay bất cứ thứ gì có thể để biếu cụ.

- Ánh mắt của ông cụ vẫn dõi theo và chờ đợi khiến cậu nhói lòng.

- Đứng trước tình thể oái oăm đó, cậu chẳng biết làm thế nào, chỉ biết nắm lấy đôi bàn tay gầy guộc, xanh xao, nóng hổi của ông cụ: “Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông”, cậu nhìn cụ với ánh mắt trìu mến, đầy tình thương yêu, sự cảm thông, sẻ chia. Và cuối cùng, cậu lấy hết can đảm nói với ông cụ: “Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả” Những cử chỉ, lời nói ấm áp yêu thương của cậu còn đáng giá hơn tiền bạc, vật chất đối với ông cụ. Chính cái nhìn đầy cảm thông, hành động và lời nói ấm lòng của nhân vật "tôi” với cụ đã khiến trái tìm người ăn xin trở nên ấm áp vô cùng. Bởi vậy, dù không nhận được ở cậu bé một món quà bằng vật chất (đối với người ăn xin điều đó vô cùng quan trọng) nhưng cụ vẫn nở nụ cười bởi cụ trân trọng tấm lòng nhân hậu của cậu.

*\* Nhân vật “tôi” mặc đù còn nhỏ nhưng đã biết cách đối nhân xử vô cùng văn hóa rất đáng trân trọng:*

- Khi gặp tình thể khó xử, nhân vật "tôi" đã có cách giải quyết vô cùng, văn hóa, vừa trao đi yêu thương vừa giúp cho người đối diện cảm thấy được tôn trọng, ấm lòng, không có cảm giác bị xa lánh, coi thường. Tay cậu run run nắm chặt lấy bàn tay nóng hồi của người ăn xin khiến chúng ta vô cùng xúc động. Cái nắm tay tình cảm mang theo bao ân tình, sự cảm thông, sẻ chia của cậu bé dành cho ông cụ đó là cách mà cậu đang trao yêu thương, rất đáng trân trọng. Đây là cách cư xử rất khéo léo, ấm áp nghĩa tình.

- Những cử chỉ, hành động, lời nói rất thiện chí, chứa đựng tình cảm chân thành, đong đầy yêu thương của cậu bé đã khiến cho người ăn xin hấy được tôn trọng, được sẻ chia. Và ông cụ đã "nhìn tôi chăm chăm. đôi môi nở nụ cười: “*Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi*”. Nụ cười của cụ cũng làm cho cậu cảm thấy ấm áp và chính cậu "cả tôi nữa tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó”. Phải chăng cả cái mà cả ông cụ và cậu bé đó nhận được đó chính là sự tôn trọng, là sự thấu hiểu, sẻ chia ấm áp tình người? Và chính điều đó còn có giá trị hơn những món quà vật chất.

**\* Đánh giá chung:**

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Câu chuyện kể ở thứ nhất, nhân vật "tôi" là người trực tiếp tham gia các sự ng câu chuyện nên kể lại một cách chân thực, tạo độ tin cậy cao cho người đọc.

+ Tác giả làm nổi bật tính cách, phẩm chất nhân vật “tôi” qua ngôn ngữ, hành động.

+ Cách đặt nhan đề thú vị, gợi sự tò mò cho người đọc khám phá câu

chuyện; nhan để thể hiện được chủ đề của văn bản.

* Ý nghĩa của hình tượng nhân vật:

+ Nhân vật "tôi trong câu chuyện không có một đồng tiền nào cho

người ăn xin nhưng có một thứ đáng giá hơn của cải, vật chất mà cậu

đã trao cho ông cụ đó chính là tình thương, là sự thấu hiểu, sẻ chia đầy tình nhân ái. Tình yêu thương của cậu bé đành cho người ăn xin thật đáng trân trọng.

**c. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.

- Rút ra bài học và liên hệ bản thân.

***Đề số 5:* Viết bài phân tích nhân vật Võ Tòng trong chương X, tiểu thuyết*“Đất rừng Phương Nam” của Đoàn Giỏi.***

**DÀN Ý:**

**1. Mở bài:** Giới khái quát về nhân vật Võ Tòng:

Là nhân vật chính trong tác phẩm *“Đất rừng phương Nam”* của Đoàn Giỏi- tiêu biểu cho vẻ đẹp của người Nam Bộ. Tiêu biểu qua chương X của tác phẩm, nhân vật Võ Tòng mang vẻ đẹp là người thẳng thắn, chính trực, dũng cảm, giàu lòng yêu nước, trượng nghĩa.

**2. Thân bài:** Phân tích và làm sáng tỏ nhân vật Võ Tòng

**\*** Bối cảnh, lai lịch

+ *“Không ai biết tên thật của gã là gì. Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ này”(* Đoàn Giỏi)

*+ “Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu”(Bùi Hồng)*

**\* Đặc điểm nhân vật:**

**- Ngoại hình, trang phục: Kì dị, khác thường, dữ dằn**.

***+ Mắt***: *Hai hố mắt sâu hoắm và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao*…

***+ Mặt*** “*một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ”, “Cái bóng lặng lẽ ngồi bên bếp”. “Gã ngày càng trở nên kì hình dị tướng”*

***- Trang phục thì kì dị***: “*Cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng coi bộ lâu không giặt”, “Bên hông đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt”, “Thắt cái xanh-tuya- rông”*

*-*  **Lời truyền tụng, lời kể của người kể chuyện và các nhân vật khác**:

+ Là người sống đơn độc, chịu nhiều những buồn thương trong cuộc đời nhưng hiền lành, bộc trực, có lòng tốt thương người. Qua lời kể của các nhân vật trong truyện của Đoàn Giỏi “*Ngày xưa gã là một chàng trai hiền lành”, “Quý vợ rất mực”, “Bị địa chủ vu cho ăn trộm măng tre một mực cãi lại tên địa chủ quyền thế”, khi “Bị đánh ba toong lên đầu…chém trả vào mặt”, “Không trốn chạy... đường hoàng xách dao đến trước nhà việc bó tay chịu trói...”*

+ Ra tù,Võ Tòng không trả thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ ngửa mặt cười lớn rồi vào rừng làm nghề săn bẫy thú: “*Tù về vợ đã lấy lẽ địa chủ, con đã chết... gã chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi”*, “*Hơn mười năm sống trơ trọi giữa rừng… không để mắt tới một người đàn bà nào nữa... càng trở nên kì dị hình tướng...”*, “*Nhưng ai cũng mến gã ở cái tính chất phác thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người ta có đền đáp mình hay không”*

*-* **Hành động và việc làm.**

**+ Trước kia:** Có vợ, hiền lành, quý vợ rất mực “*Vợ thèm ăn măng đi tìm bụt măng cho vợ”, “Giết tên địa chủ ác bá, chủ động đi nhận tội chấp nhận đi tù” sau khi* giết địa chủ, thẳng thắn thú nhận và sẵn sàng ngồi tù

-> Hiền lành, chính trực, ghét cái ác.

**+ Khi đi tù về biết vợ lấy địa chủ:** Buồn, thất vọng nhưng có tình, có nghĩa với vợ: *Chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi*

**+ Từ khi bỏ đi:** Sống cô độc nơi rừng sâu, dũng cảm gan dạ với cuộc đời gian truân, éo le, có sức khỏe phi thường “*Một mình bơi xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ”, “Sống một mình giữa rừng, đấu tay đôi với hổ: Nằm ngửa cứ thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổ chúa., hai chân gã đạp phốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người”, “Dùng dao găm và nỏ giết giặc Pháp”, “Không để mắt tới người đàn bà nào nữa”*

**+ Trong cuộc trò chuyện với An và ông Hai:** Gần gũi, thân tình, bộc trực, thẳng thắn “*Lấy miếng khô nai to nhất cho An nhai đỡ buồn miệng”*, “*Ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi, bên bếp lửa”, “Rót rượu ra bát, uống một ngụm,trao bát sang cho tía nuôi tôi và nói”, “Chú Võ Tòng chăm chú nhìn tôi một lúc rồi cười lớn",“Trao chiếc nỏ và ống tên thuốc cho tía nuôi tôi”, khi chia tay “ Vẫy vẫy tay, cười lớn một thôi dài”.*

**- Lời nói, thái độ khi trò chuyện:** Với lối nói giản dị, trò chuyện thân mật, gần gũi của người dân Nam Bộ( gọi tía nuôi của An là " Anh Hai", gọi An là "chú em" thái độ khi nói năng nói với ông Hai: nghiêm túc, thẳng thắn, nói với An: trêu đùa, vui vẻ, chắc chắn.

**\* Suy nghĩ:** Chín chắn, sâu sắc của người từng trải, hiểu biết...

- Khi bàn chuyện đánh giặc:

+ Biết tính kế để giết giặc*" Mình thì cần gì tới súng", " Tôi cho rằng súng dở lắm, động tới thì kêu ầm ĩ".*

+ Lo nghĩ, thấu đáo: giấu không nói với má nuôi của An vì sợ má An ngăn trở công việc "Sở dĩ tôi không dám nói với bà chị là con e bà chị ngại đến nguy hiểm, biết đâu sẽ ngăn trở công việc của chúng ta"

- Khi biết má của An cũng rất gan dạ: thì thấy có lỗi, muốn làm một bữa rượu để tạ lỗi “Vậy thì tôi có lỗi với chị Hai quá trời, để bữa nào ta làm một bữa rượu để tôi tạ lỗi với bà chị của tôi mới được"

\* **Nhận xét về nhân vật Võ Tòng**: Mang nét đẹp của người Nam Bộ, là người thẳng thắn, chính trực, dũng cảm, giàu lòng yêu nước, trượng nghĩa.

\* **Nghê thuật xây dựng nhân vật Võ Tòng:**

- Nhân vật được nhà văn xây dựng trên những phương diện: ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, suy nghĩ. Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình.

* lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng.

Tác dụng của việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng: giúp cho nhân vật Võ Tòng hiện lên một cách đa chiều, được nhìn nhận trong con mắt của nhiều nhân vật.

- Sử dụng từ ngữ địa phương, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả.

**3. Kết bài**

+ Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng: Người Nam Bộ giàu lòng yêu nước, chính trực dù cuộc đời có nhiều khổ đau bất hạnh.

+ Hình ảnh Võ Tòng gợi nhắc bạn đọc nhớ đến người dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước đó trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc như anh Núp, chị Võ Thị Sáu, chị Út Tịch, Anh Ba Hưng… Đó cũng là vẻ đẹp của những người đã bất tử trong những trang văn như ông Tư trong “Ông lào vườn chim” của Anh Đức,Tnú trong “Rừng xà Nu”- Nguyễn Trung Thành, chị Sứ trong “Hòn Đất ”- Anh Đức, những người bình thường, giản dị, anh dũng bất khuất… Nhắc nhở tuổi trẻ ý thức trách nhiệm về lòng yêu nước…

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Xưa nay, nói đến người dân Nam Bộ là ta nhớ đến những con người nghĩa hiệp, giàu lòng yêu nước, nhân ái. Vẻ đẹp của họ được phản ánh rất đẹp trong tác phẩm thơ ca một trong số đó là tiểu thuyết *“Đất rừng phương Nam”* của nhà văn Đoàn Giỏi. Tác phẩm đã xây dựng thành công nhân vật chính Võ Tòng tiêu biểu cho người dân Nam Bộ. Hình ảnh nhân vật trong đoạn trích “*Người đàn ông cô độc giữa rừng”* đã để lại trong lòng bạn đọc bao tình yêu mến.

Bằng sự am hiểu về mảnh đất và con người Nam Bộ qua lối kể chuyện mộc mạc, giản dị của nhà văn hình ảnh chú Võ Tòng hiện lên là hình ảnh tiêu biểu của người Nam Bộ có cuộc đời gặp nhiều bất hạnh với vẻ bề ngoài có vẻ dữ dằn “kì hình dị tướng” nhưng chú mang trong mình vẻ đẹp đáng trân trọng của người chính trực, trượng nghĩa, có tinh thần trượng nghĩa, yêu nước.

Đọc tác phẩm ta thấy chú Võ Tòng có một cái tên, lai lịch cũng để người ta phải suy nghĩ *“Không ai biết tên thật của gã là gì. Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ này”(* Đoàn Giỏi). Qua lời kể ấy có thể thấy rằng “*Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu (Bùi Hồng).*Tên và lai lịch và tên của chú Võ Tòng trong trang truyện của Đoàn Giỏi đã cho ta nghĩ đến nhân vật Võ Tòng trong tác phẩm “Thủy hử” của Thi Nại Am, tác phẩm nổi tiếng của văn học Trung Quốc- một trong số 108 anh hùng Lương Sơn Bạc trượng nghĩa, hào hiệp, dũng mãnh.

Nhớ đến nhân vật Võ Tòng bạn đọc không thể quên trang phục “kì hình dị tướng” khác biệt không lẫn với ai với ai .Thường ngày chú “Cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng coi bộ lâu không giặt”, “bên hông đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt”, chú “thắt cái xanh-tuya- rông” có vẻ bụi bặm của một người từng trải phong trần.

Cùng với trang phục kì dị, khác thường không lẫn với ai chú còn có vẻ bề ngoài dữ dằn với“hai hố mắt sâu hoắm” và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, “một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao”, cùng đó là “hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ”. Đây chính là cái tích để người ta gọi chú là Võ Tòng giống như nhân vật trong “Thủy hử” của Thi Nại Am bởi Võ Tòng trong “Thủy hử” là một người vô cùng khỏe mạnh, đã tay đôi đấu với hổ và giành chiến thắng. Việc đánh hổ cho thấy Võ Tòng dù là nhân vật trong tác phẩm nào cũng có một sức mạnh thật phi thường và một bản lĩnh hiếm có. Riêng với Võ Tòng trong *“Đất rừng phương Nam”*, sức mạnh thể lực và bản lĩnh ấy đã được thể hiện qua dấu ấn của hàng sẹo dài.

Cuộc đời chú Võ Tòng thật bất hạnh, đáng thương. Chú từng có gia đình đàng hoàng, vợ là người đàn bà xinh xắn, chỉ vì yêu thương, quan tâm tới vợ nên khi vợ chú muốn ăn măng Võ Tòng đã “xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụi măng” mà bị tên địa chủ vu vạ cho là ăn trộm. Không thể chịu được sự ức hiếp qúa mức chú đã giết tên địa chủ hống hách, ngang ngược rồi chủ động đi đến nhà việc nhận tội, chấp nhận án tù mà không trốn chạy. Sau mười năm tù đầy, mãn hạn trở về, vợ chú đã làm lẽ tên địa chủ, đứa con trai độc nhất chú chưa biết mặt đã chết từ khi chú ngồi trong tù nhưng chú không trả thù, không đi tìm tên địa chủ để quyết đấu mà bỏ làng ra đi vào rừng ở đơn độc giữa rừng. Sự chính trực, thẳng thắn ấy của chú để cho ta yêu mến, ngưỡng mộ, cảm phục.

Ẩn sau vẻ bề ngoài có phần hung dữ là tấm lòng thành thực, tốt bụng gần gũi, dễ mến của người Nam Bộ. Qua lời người kể chuyện, chú hiện lên trong mắt cậu bé An là một người gần gũi, tốt tính, hào phóng, lời nói, cách cư xử thân tình. Khi An theo tía đến thăm chú ở rừng U Minh, chú lấy miếng khô nai to nhất đưa cho An để cậu nhai cho đỡ buồn miệng, rồi lúc chia tay chú hứa lần gặp tới sẽ chuẩn bị sẵn một con heo hoặc nai cho cậu. Tất cả điều đó đã cho thấy chú thật quan tâm, quý mến An và cũng là biểu hiện sự hào phóng, tốt bụng của chú.

    Không chỉ thế chú còn là một người có suy nghĩ thấu đáo, chu toàn. Chú đã chia cho bác Hai những mũi tên mà chú đã chuẩn bị, tẩm thuốc độc để giết lũ giặc Pháp. Nhưng chú lại không nói điều đó với má nuôi của An - vợ của bác Hai vì sợ má An ngăn trở công việc, sợ rằng má An sẽ cảm thấy sợ hãi. Chính cái im ỉm, không nói với má của An đã cho thấy chú Võ Tòng là một người có suy nghĩ thấu đáo. Cũng ở chi tiết này, người đọc còn thấy được một phầm chất đáng quý của chú Võ Tòng cũng là của bao nhiêu người Việt Nam khác - đó là tình yêu quê hương, đất nước, căm thù lũ giặc xâm lăng. Việc chú Võ Tòng đã tẩm thuốc độc vào những mũi tên để chuẩn bị đi hạ những tên lính giặc là minh chứng cho tình cảm cao đẹp đó.

Nhà văn Đoàn Giỏi đã thành công trong nghệ thuật xây dựng nhân vật Võ Tòng. Nhân vật được nhà văn xây dựng trên những phương diện: ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, suy nghĩ. Đặc biệt, nghệ thuật xây dựng nhân vật Võ Tòng với tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng. Việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng giúp cho nhân vật Võ Tòng hiện lên một cách đa chiều, được nhìn nhận trong con mắt của nhiều nhân vật. Truyện sử dụng từ ngữ địa phương, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả.

    Như vậy Võ Tòng trong tác phẩm*“*Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi là hình ảnh tiêu biểu của con người Nam Bộ, nhất là của những người con Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc như anh Núp, anh Ba Hưng… Đó cũng là vẻ đẹp của những người đã bất tử trong những trang văn như ông Tư trong “Ông lào vườn chim” của Anh Đức, Tnú trong “Rừng xà Nu”- Nguyễn Trung Thành những người bình thường, giản dị, anh dũng, bất khuất… Gợi nhắc tuổi trẻ ý thức trách nhiệm với đất nước.

***Đề số 6: Tìm đọc truyện “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam và phân tích nhân vật Sơn trong truyện.***

**Bài văn tham khảo**

Đọc truyện "Gió lạnh đầu mùa" của Thạch Lam, người đọc sẽ rất ấn tượng với nhân vật Sơn. Chính cậu bé thân thiện, tốt bụng, giàu tình cảm và ấm áp này đã khiến tác phẩm trở nên cuốn hút hơn.

Sáng sớm ngủ dậy khi gió lạnh đầu mùa đã thổi về, trời trắng đục, gió vi vu, khóm lan trong chậu “rung động và hình như sắt lại vì rét”. Sơn cũng thấy lạnh, em kéo chăn lên đầu rồi cất tiếng gọi mẹ. Một chén nước nóng mẹ đưa cho em “ấp vào mặt, vào má cho ấm”, một chiếc áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại phủ cái áo vải thâm, em mặc vào, đứng trên giường quay đi quay lại bốn lần để mẹ ngắm… Những chi tiết ấy cho biết Sơn còn bé nhỏ, ngây thơ, em rất được mẹ yêu. Không một tiếng khóc, một lời vòi vĩnh, Sơn đã cùng chị Lan đi chơi vì em biết lũ bạn con nhà nghèo xóm láng “đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo”. Gặp các bạn, khi chúng nó đến ngắm cái áo đẹp của Sơn, em cũng hồn nhiên ngây thơ như bất cứ đứa trẻ con nào, Sơn cũng “ưỡn ngực” khoe áo mới: “Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một chiếc áo nhiều tiền hơn nữa kia”. Đúng là tâm lí đáng yêu: “Già được bát canh, trẻ được manh áo mới”.

Sơn là một em bé rất giàu tình cảm. Anh em như thể chân tay… Sơn đối với em đầy tình thương. Ngủ dậy thấy lạnh, Sơn “kéo chăn lên đắp cho em” đang ngủ. Khi mẹ giơ cái áo bông cánh cũ của em Duyên – đã chết năm lên bốn tuổi – “Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá”. Những cử chỉ ấy, những cảm xúc ấy cho thấy Sơn có một tâm hồn rất đẹp, rất trong sáng, còn bé nhỏ đã biết quan tâm săn sóc đến mọi người xung quanh. Em rất yêu mẹ, vâng lời mẹ, lễ phép với vú già, biết tôn trọng chị. Sơn là một đứa bé được mẹ chăm sóc và dạy bảo nên em rất ngoan. Sơn là một em bé sống với bạn bè rất có tình người.

Trong lúc mấy đứa em họ của Sơn thì “kiêu kì và khinh khỉnh” với các bạn, trái lại Sơn và chị Lan rất chan hòa với chúng. Vì thế mới thấy chị em Sơn đến, chúng nó “lộ vẻ vui mừng”. Gặp bạn, buổi sớm trong gió lạnh đầu mùa, cái nhìn của Sơn đối với bạn nhỏ, những thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc,… là cái nhìn yêu thương, cảm thông với cảnh nghèo của bạn. Trời lạnh mà chúng nó vẫn “ăn mặc không khác ngày thường, vần những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ”, và “môi chúng nó tím lại…”, chỗ áo quần rách “da thịt thâm đi”. Mỗi lần làn gió lạnh thổi qua, các bạn nhỏ của Sơn “lại run lên” và “hai hàm răng đập vào nhau”. Biết quan tâm tới đồng loại, biết san sẻ, cảm thông với bạn bè chỉ có ở những trái tim nhân ái, những tấm lòng nhân hậu. Sơn đã chơi, đã sống với bạn bằng trái tim nhân ái, bằng tấm lòng nhân hậu như thế!

Tình thương và sự quan tâm của Sơn đối với bạn còn được thể hiện bằng những cử chỉ, hành động cụ thể. Thấy cái Hiên, đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên “co ro dứng bên cột quán”, chỉ mặc có “manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay”, chị Lan gọi, “nó cũng không đến… Nghe cái Hiên ? “bịu xịu” nói với chị Lan là “hết áo rồi, chỉ còn cái áo này”, bấy giờ Sơn mới chợt nhớ ra “mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”. Sơn đã “động lòng thương” bạn và một “ý nghĩ tốt thoảng qua”… Sơn đã nói thầm với chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên đem cho cái Hiên mặc khi gió lạnh đầu mùa đã thổi về. Sơn thấy lòng mình “ấm áp vui vui” khi đứng lặng yên chờ chị Lan chạy về lấy áo. Sao không “ấm áp vui vui” được vì “một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Đâu phải là một sự bố thí ban ơn! Đó là một nghĩa cử san sẻ tình thương đồng loại “lá lành đùm lá rách”.Tấm lòng của Sơn đối với bạn nhỏ rất chân thành. Tinh cảm nhường cơm sẻ áo cho bạn rất mãnh liệt! Mặc dù đó là chiếc áo bông của em Duyên, kỉ vật thiêng liêng của mẹ, mặc dù sau đó mẹ cái Hiên đã đem áo đến trả cho mẹ Sơn, nhưng nhờ thế mà mẹ em đã biết cảnh ngộ mẹ cái Hiên, cho mẹ cái Hiên vay năm hào đem về mua áo cho con. Sơn và chị Lan đã “cúi đầu lặng im” nhận lỗi. Mẹ đã ôm hai em vào lòng, âu yếm nhẹ trách: “dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?”. Hai chị em Lan và Sơn đã được dạy bảo, được sống trong lòng mẹ, được mẹ yêu thương nên Sơn và chị mới biết thương bạn, mới biết “thương người như thể thương thân” vậy.

Sức hấp dẫn của truyện “Gió lạnh đầu mùa” là ở nghệ thuật kể chuyện tài tình của nhà văn Thạch Lam, với cốt truyện nhẹ nhàng dường như không có cốt truyện, chỉ xoay quanh câu chuyện cho áo, trả áo của ba đứa trẻ. Xây dựng nhân vật Sơn qua nhiều phương diện nhưng chủ yếu qua diễn biến tâm lí tinh tế. Truyện đã kết hợp kể với miêu tả cảnh vật thiên nhiên và tâm lí con người. Điều đó đã mang lại âm hưởng nhẹ nhàng cho câu chuyện.

Sơn là một trong những gương mặt tuổi thơ trong truyện Thạch Lam rất đáng yêu, đáng mến. Thạch Lam đôn hậu, tinh tế nên văn ông mới đậm đà và cho ta nhiều nhã thú. Trong gió lạnh đầu mùa mà tấm lòng Sơn ấm áp biết bao!

**IV. Phụ lục**

**Rubrics đánh giá bài viết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Xuất hiện** | **Không xuất hiện** |
| 1 | Xác định đúng đối tượng nghị luận |  |  |
| 2 | Bài viết đã nêu được nhân vật và khái quát đặc điểm nhân vật |  |  |
| 3 | Nội dung đoạn văn đã bám sát dàn ý đã xây dựng. |  |  |
| 4 | Bài văn đã nêu được đặc điểm nhân vật |  |  |
| 5 | Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn |  |  |
| 6 | Đã đưa được luận cứ từ tác phẩm làm rõ cho đặc điểm đã nêu về nhân vật |  |  |
| 7 | Phần kết bài khẳng định về nhân vật và liên hệ mở rộng |  |  |
| 8 | Lập luận chặt chẽ, thuyết phục |  |  |
| 8 | Các câu trong từng đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức |  |  |
| 9 | Chữ viết đúng chính tả, không sai ngữ pháp. trình bày sạch đẹp |  |  |
| 10 | Văn viết có giọng điệu, cảm xúc chân thành, thể hiện sự sáng tạo. |  |  |

**PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung lỗi cần sửa | | **Sửa lỗi** |
| Phát hiện và sửa ý về trình tự triển khai ý | Trình tự triển khai ý |  |
| Các ý cần bổ sung |  |
| Phát hiện sửa lỗi về ý | Thiếu ý |  |
| Sắp xếp lại ý lộn xộn |  |
| Sửa lại các ý lạc đề |  |
| Sửa lại các ý tản mạn |  |
| Phát hiện sửa lỗi diễn đạt | Lỗi dùng từ |  |
| Lỗi viết câu |  |
| Lỗi chính tả | Lỗi chính tả |  |

**ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ BÀI 10**

1. **MA TRẬN**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm**  **60** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận văn học | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**B.BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA NGỮ VĂN BÀI 410**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**: Nhận biết các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản nghị luận.  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học/ nghị luận xã hội.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Nhận biết được thành phần câu được mở rộng.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, so sánh, liệt kê, nói quá, nói giảm nói tránh...;  **Vận dụng:**  **-** Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phân tích một nhân vật trong tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  Xác định đúng kiểu bài nghị luận và đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  *-* Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích nhân vật  - Xác định đúng yêu cầu đề bài: Phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.  **Vận dụng:**  - Sử dụng thao tác nghị luận phù hợp.  -Thể hiện hệ thống luận điểm, luận cứ, lí lẽ thuyết phục.  -Vận dụng hợp lí các phương thức biểu đạt.  **Vận dụng cao**:  Văn viết giàu cảm xúc, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | 5 TN | 3TN | 2TL | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**C. ĐỀ BÀI KIỂM TRA NGỮ VĂN BÀI 4**

**ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I.Đọc hiểu (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn bản sau:**

[..] Đây là đoạn văn hay nhất, cảm động nhất. Mặt trời được nhân hóa, mặt trời là biểu tượng. Chất thơ, chất trữ tình không chỉ ở ngôn ngữ mà nó thấm sâu vào hồn người! Thiên nhiên như đang chia sẻ niềm vui với con người.

“ *Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy hình như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi: Mặt đất rắn mùa thu trải ra dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng tím. Từng cụm bông lau khô vun vút bay hai bên như những tia lửa lập lòe. Mặt trời dọi lửa lên những chiếc cúc mạ bạc trên tấm áo đầy mụn vá tôi mặc*...”

Tình thương của người thầy, mái trường vẫy gọi và ánh sáng cách mạng đã lay tỉnh mọi cuộc đời, từ bóng tối vươn ra ánh sáng. Như con chim sổ lồng cất cánh bay cao, An-tư-nai vừa chạy vừa reo lên với đất trời, với gió mây: “Hãy nhìn tôi đây! Hãy nhìn tôi đang kiêu hãnh chừng nào! Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường, và sẽ dẫn cả các bạn khác đến!”. An-tư-nai như được truyền thêm sức mạnh để vượt qua thử thách, để đến với mái trường tuổi thơ cùng các bạn. Con đường đến với mái trường, con đường đi học của An-tư-nai cũng là con đường đi tới ánh sáng cách mạng và hạnh phúc.

Ai-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy- sen - người thầy đầu tiên và hình ảnh An-tư-nai, cô bé mồ côi khát khao được đi học, được tác giả nói đến với tất cả sự ca ngợi, với niềm thương mến bao la. Người thầy trong truyện ngắn đã đem tình thương đến với tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời. Ngọn lửa tình thương như tỏa sáng trang văn Ai –ma- tốp mãi mãi làm ấm áp lòng người. Thầy Đuy-sen càng trở nên gần gũi trong niềm thương mến của tuổi thơ chúng ta.

(Trích *Những cảm nhận sâu sắc khi đọc truyện “Người thầy đầu tiên”* của Ai- ma-tốp, NXB Hà Nội)

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên:

1. Tự sự
2. Nghị luận
3. Biểu cảm
4. Thuyết minh

**Câu 2**.Tác phẩm nào sau đây là đối tượng của văn bản?

1. *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen. C. *Người thầy đầu tiên* của Ai-ma-tốp
2. *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài. D. *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi

**Câu 3**. Đoạn văn sau là yếu tố nào trong một văn bản trên?

*“Mặt trời đã chiếu bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy hình như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mật trời tô điểm con đường tôi đi: mật đất rắn mùa thu trải ra dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng, màu tím . Từng cụm bông lau khô vun vút bay hai bên như những tia lửa lập lòe. Mặt trời dọi lửa lên những chiếc cúc mạ bạc trên tấm áo đầy mụn vá mà tôi mặc.”*

1. Lí lẽ B. Ý kiến C. Bằng chứng D. Luận điểm

**Câu 4**. Trong câu “*Thiên nhiên như đang chia sẻ niềm vui với con người*.” sử dụng biện pháp tu từ nào?

1. Nhân hóa B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. So sánh

**Câu 5**. Từ văn bản người đọc nhận ra được nhân vật chính trong tác phẩm “*Người thầy đầu tiên*” là ai?

1. Ai-ma-tốp, Đuy-sen C. Đuy-sen và An-tư-nai
2. Ai-ma-tốp, An-tư-nai D. Đuy-sen

**Câu 6**. Theo tác giả bài viết, nguyên nhân nào sau đây góp phần làm cho đoạn văn trích dẫn trở thành đoạn văn hay nhất, cảm động nhất?  
 A. Vì nghệ thuật nhân hóa đặc sắc (mặt trời được nhân hóa trở thành biểu tượng).

B. Vì đây là một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực.

C. Vì ngọn lửa nhiệt tình như tỏa sáng trang văn Ai-ma-tốp mãi mãi làm ấm lòng người.

D. Vì được tác giả nói đến với tất cả những ngợi ca, niềm nhân ái bao la.

**Câu 7**. Ý nào sau đây nêu lên điểm nổi bật trong truyện ngắn của Ai- ma- tốp?

1. Sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc.
2. Sử dụng nhiều chi tiết kịch tính, lôi cuốn người đọc.
3. Cách viết chân thực, cảm động, giàu tình thương.
4. Nghệ thuật xây dựng mang tính điển hình.

**Câu 8.** Trong câu văn “*Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy hình như còn chần chừ không muốn lặn,còn muốn nhìn tôi”,* thành phần nào được mở rộng?

A. Thành phần chủ ngữ C. Phụ ngữ của cụm từ

B. Thành phần vị ngữ D. Cả chủ ngữ và vị ngữ

**Câu 9**. Phân tích ngữ pháp của câu văn sau và chỉ ra thành phần câu được mở rộng:

*Người thầy trong truyện ngắn đã đem tình thương đến với tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời.*

**Câu 10***.* Với nhân vật An- tư- nai, con đường đến trường đi học là con đường đến với ánh sáng cách mạng và hạnh phúc. Với chúng ta, nhà trường luôn là một thế giới diệu kì. Theo em, tại sao đó lại là “thế giới kì diệu”?

**II. Viết (4 điểm):** Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 8** | |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **B** | **C** | **C** | **D** | **B** | **A** | **C** | **B** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 4.0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 9 | *Người thầy trong truyện ngắn/ đã đem tình thương đến với CN VN 1*  *tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời.*  *VN2*  -Thành phần câu được mở rộng:  + Chủ ngữ: Là một cụm danh từ  + VN1: Cụm động từ  + VN2: Cụm động từ | 1,0 |
| Câu 10 | HS chia sẻ được ý kiến về vai trò của nhà trường. Ví dụ có thể hướng đến các ý.  + Học sinh được học tập, mở mang kiến thức (về cuộc sống cách làm toán, làm văn, về đạo lí làm người, hiểu biết về mọi lĩnh vực đời sống...)  + Được sống trong tình yêu thương của thầy cô, bè bạn với bao kỉ niệm đẹp về tình bạn, tình thầy trò...  + Thầy cô thắp lên cho học sinh những ước mơ khát vọng...  + Học sinh được rèn rũa trưởng thành cả về thể chất, tâm hồn, trí tuệ... | 1,0  HS nêu được 3 ý trở lên cho tối đa. |
| **Phần II** | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích nhân vật :* Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài phân tích đặc điểm nhân vật, kết bài khẳng định về nhân vật và liên hệ | **0,25** |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Nghị luận về nhân vật trong tác phẩm văn học | **0,25** |
| *c. Triển khai vấn đề*  HS có cách lập luận riêng nhưng phải đưa lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục để làm rõ đặc điểm nhân vật | **3,0** |
| – Mở bài: Giới thiệu khái quát về nhân vật yêu thích, tên sách, tác giả.  – Thân bài:  Phân tích đặc điểm của nhân vật:  Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:   * Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật. * Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm (chi tiết về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ, …của nhân vật) . * Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn (cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật, …) * Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.   \* Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.. |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,25** |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, văn viết có giọng điệu riêng. | **0,25** |

**……………**